

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. PHẠM THỊ THỊNH

Biên tập nội dung:	ThS. PHẠM THỊ NGỌC BÍCH ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH ThS. NGUYỄN THỊ THÚY ThS. ĐÀO QUỲNH HOA ThS. NGUYỄN VIỆT HÀ
Trình bày bìa:	PHẠM THÚY LIỄU
Chế bản vi tính:	LÂM THỊ HƯƠNG
Đọc sách mẫu:	NGUYỄN THỊ THÚY BÙI BỘI THU

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 4854-2020/CXBIPH/26-347/CTQG.
Số quyết định xuất bản: 5634-QĐ/NXBCTQG, ngày 01/12/2020.
Nộp lưu chiểu: tháng 12 năm 2020.
Mã ISBN: 978-604-57-6286-8

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY
(KỶ YẾU HỘI THẢO QUỐC TẾ)

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

**TUYÊN NGÔN
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN
GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY**
(KỶ YẾU HỘI THẢO QUỐC TẾ)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2019

BAN CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

Đồng chí VÕ VĂN THƯỜNG

GS.TS. NGUYỄN XUÂN THẮNG

GS.TS. PHÙNG HỮU PHÚ

GS.TS. NGUYỄN QUANG THUẬN

Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương - Trưởng ban

Bí thư Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Phó Trưởng ban Thường trực Phó Chủ tịch Thường trực, Hội đồng Lý luận Trung ương - Ủy viên Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam - Ủy viên

TỔ CHỨC NỘI DUNG

PGS.TS. LÊ QUỐC LÝ

GS.TS. PHẠM VĂN ĐỨC

PGS.TS. LÊ VĂN LỢI

PGS.TS. BÙI THỊ NGỌC LAN

TS. PHẠM THỊ HOÀNG HÀ

TS. ĐINH THỊ MAI

TS. VŨ TUẤN HƯNG

TS. NGUYỄN ANH TUẤN

Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Trưởng ban Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương - Phó Trưởng ban

Vụ trưởng Vụ Quản lý khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Ủy viên

Quyền Viện trưởng Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Ủy viên

Phó Viện trưởng Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Ủy viên

Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền, Ban Tuyên giáo Trung ương - Ủy viên

Ban Khoa học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam - Ủy viên

Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Ủy viên

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản do C. Mác và Ph. Ăngghen soạn thảo lần đầu tiên được công bố trước toàn thế giới vào ngày 24/2/1848. Đây là cương lĩnh đầu tiên của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới tiến hành cuộc đấu tranh chống lại ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản, đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến tới chủ nghĩa cộng sản. Sự ra đời của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là bước ngoặt quyết định đối với sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đánh dấu sự hình thành về cơ bản lý luận chủ nghĩa Mác. Đó là kết quả sự kết hợp giữa thành quả nghiên cứu khoa học với việc tổng kết thực tiễn phong trào cách mạng trong giai cấp công nhân châu Âu giữa thế kỷ XIX của hai nhà tư tưởng vĩ đại C. Mác và Ph. Ăngghen.

Đánh giá về *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, V.I. Lênin đã khẳng định: “Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng hàng bộ sách: tinh thần của nó, đến bây giờ, vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh”¹. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* tập trung trình bày những nội dung cơ bản về sự phát triển của xã hội loài người; vị trí lịch sử của giai cấp tư sản; sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản và sự ra đời của Đảng Cộng sản; tính tiên phong của Đảng Cộng sản, mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản và giai cấp, những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, một số nguyên lý chiến lược, sách lược cách mạng;

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.2, tr.10.

phê phán các trào lưu xã hội chủ nghĩa phản động của giai cấp phong kiến, tiểu tư sản; khẳng định lập trường kiên định về những vấn đề chiến lược và sách lược của Đảng Cộng sản,...

Đã 170 năm trôi qua, kể từ khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời cho đến nay, thế giới đã có nhiều biến đổi, song lịch sử vẫn chứng minh rằng, những tư tưởng vĩ đại trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* sẽ tiếp tục soi đường cho nhân loại tiến về tương lai ngày càng tốt đẹp hơn. Nhằm một lần nữa nhìn nhận sâu sắc giá trị đích thực và sức sống bền vững của những tư tưởng cơ bản trong *Tuyên ngôn*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội đồng Lý luận Trung ương và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam xuất bản cuốn sách ***Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - Giá trị lý luận và thực tiễn trong thời đại ngày nay (Kỷ yếu Hội thảo quốc tế)***.

Nội dung cuốn sách tập hợp bài viết của các nhà lý luận, học giả, nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế, được bố cục gồm ba phần chính: Phần I- Một số vấn đề trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*; Phần II- Những giá trị lý luận và thực tiễn trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*; Phần III- *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đổi mới với sự phát triển của Việt Nam và một số nước. Cuốn sách khẳng định giá trị lý luận và ý nghĩa thực tiễn của tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đổi mới với cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam; đồng thời chỉ ra những vấn đề cần bổ sung, hoàn thiện và phát triển những tư tưởng cơ bản đó cho phù hợp với thời đại ngày nay, phù hợp với thành tựu của cách mạng thế giới, với công cuộc đổi mới, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam; góp phần đấu tranh, phản bác các trào lưu tư tưởng phản động, xóa bỏ mọi áp bức, bất công, xây dựng xã hội ngày càng văn minh, tốt đẹp.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 5 năm 2019
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

(Phát biểu khai mạc Hội thảo)

VÕ VĂN THƯỞNG*

*Thưa các vị đại biểu, các vị khách quý,
Các nhà khoa học và các đồng chí!*

Hôm nay, chúng ta tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế “*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - Giá trị lý luận và thực tiễn trong thời đại ngày nay*” để thiết thực kỷ niệm 170 năm ra đời Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (1848 - 2018). Thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại diện lãnh đạo các ban, bộ, ngành Trung ương và địa phương, các vị đại biểu, khách quý, các nhà khoa học trong nước và quốc tế về dự Hội thảo khoa học đầy ý nghĩa này.

*Thưa các vị đại biểu, các vị khách quý!
Các nhà khoa học và các đồng chí!*

Cách đây 170 năm, Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản do C. Mác và Ph. Ăngghen soạn thảo, được xuất bản lần đầu

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương.

tại Anh. Đây là tác phẩm có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nói riêng, đối với sự phát triển của thế giới, sự tiến bộ của nhân loại nói chung; là “tác phẩm phổ biến hơn cả, có tính chất quốc tế hơn cả, trong tất cả các văn phẩm xã hội chủ nghĩa, đó là cương lĩnh chung của hàng triệu công nhân tất cả các nước...”¹.

Sự ra đời Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là bước ngoặt quyết định đối với sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; đánh dấu sự hình thành về cơ bản lý luận của chủ nghĩa Mác. Đó là kết quả của sự kết hợp giữa thành quả nghiên cứu khoa học với việc tổng kết thực tiễn phong trào cách mạng của giai cấp công nhân châu Âu giữa thế kỷ XIX của hai nhà tư tưởng vĩ đại C. Mác và Ph. Ăngghen.

Sau khi được công bố, Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản với tư cách là Cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản quốc tế, đã nhanh chóng đi vào quần chúng và trở thành một văn kiện mang tính lý luận, định hướng cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, một trong những tác phẩm kinh điển quan trọng nhất của chủ nghĩa Mác nói riêng, chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung.

Thời gian đã lùi rất xa, song giá trị to lớn và sức sống lâu bền của Tuyên ngôn vẫn ngời sáng, bởi nội dung mang tính khoa học, cách mạng và nhân văn sâu sắc.

Trong Tuyên ngôn, với thế giới quan duy vật và sử dụng phương pháp biện chứng để nghiên cứu lịch sử nhân loại, C. Mác và Ph. Ăngghen đã luận giải hết sức cô đọng, khoa học

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 22, tr. 98.

và thuyết phục về quy luật khách quan của sự phát triển xã hội loài người; về quá trình phát sinh, phát triển và sự tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản; về vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; về mục đích của Đảng Cộng sản, mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản với giai cấp công nhân cũng như chiến lược, sách lược của Đảng Cộng sản trong quá trình lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa để tiến tới một xã hội không còn giai cấp, không còn nhà nước - một liên hiệp của người lao động mà ở đó “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹. Đúng như V.I. Lê nin đã đánh giá, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là tác phẩm “trình bày một cách hết sức sáng sủa và rõ ràng thế giới quan mới, chủ nghĩa duy vật triệt để - chủ nghĩa duy vật này bao quát cả lĩnh vực sinh hoạt xã hội, - phép biện chứng với tư cách là học thuyết toàn diện nhất và sâu sắc nhất về sự phát triển, lý luận đấu tranh giai cấp và vai trò cách mạng - trong lịch sử toàn thế giới - của giai cấp vô sản, tức là giai cấp sáng tạo ra một xã hội mới, xã hội cộng sản”².

Khi đọc *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, chúng ta tìm thấy ở đó những nguyên lý cơ bản nhất của cả ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác là triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học. Điều đặc biệt là, những nguyên lý ấy, như C. Mác và Ph. Ăngghen đã đánh giá, “tuyệt nhiên không dựa trên những ý niệm, những nguyên lý do một nhà cải cách thế giới nào phát minh hay phát hiện ra. Những nguyên lý ấy

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.628.

2. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1980, t.26, tr.57.

chỉ là biểu hiện khái quát của những quan hệ thực tại của một cuộc đấu tranh giai cấp hiện có”¹.

Phản ánh đúng quy luật phát triển của hiện thực, định hướng cho Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo đấu tranh theo quy luật đó để giải phóng con người, Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã trở thành ngọn cờ tư tưởng, lý luận soi đường, dẫn lối cho phong trào cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức, bóc lột trên phạm vi toàn thế giới đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Dưới ánh sáng của *Tuyên ngôn*, từ cuối thế kỷ XIX đến những năm 80 thế kỷ XX, các cuộc cách mạng vô sản dù phải trải qua nhiều cam go, nhưng đã giành được những thắng lợi to lớn. Đó là Công xã Paris (Pari) năm 1871 - cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới, đã dẫn tới sự ra đời chính quyền của giai cấp công nhân và đã để lại những bài học kinh nghiệm vô giá cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đó là thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại năm 1917 - cuộc cách mạng đã mở ra thời đại mới trong lịch sử nhân loại - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Đó là thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô; là thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi, khu vực Mỹ Latinh và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ra đời; là sự phát triển không ngừng của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh cho dân chủ, tiến bộ và hòa bình trên thế giới.

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.615.

Những thắng lợi to lớn của các cuộc cách mạng vô sản, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã chứng tỏ rằng, thế giới đã có những biến chuyển hết sức mạnh mẽ theo hướng mà Tuyên ngôn đã dự báo. Tư tưởng Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã trở thành hiện thực sinh động trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng loài người. Tư tưởng của Tuyên ngôn, tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin đã vạch ra con đường cách mạng vô sản, đưa hàng tỷ quần chúng lao động, hàng trăm quốc gia, dân tộc thoát khỏi thân phận bị áp bức, bóc lột, bị nô dịch vươn tới địa vị làm chủ, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã khẳng định được giá trị to lớn đối với sự phát triển của thế giới, sự tiến bộ của nhân loại.

Song, cũng như C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định, sự phát triển không diễn ra theo đường thẳng mà là một quá trình quanh co, phức tạp. Sự phát triển của cách mạng vô sản cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Sau nhiều thắng lợi to lớn và thành tựu vĩ đại, từ đầu thập niên 90 thế kỷ XX, mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ. Đây là một tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới. Sự sụp đổ này do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do các đảng cộng sản ở Liên Xô và Đông Âu khi xác lập mô hình chủ nghĩa xã hội cũng như khi cải tổ, cải cách đã xa rời những nguyên lý cơ bản và chủ đạo của *Tuyên ngôn* và của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đã giáo điều, xơ cứng, chậm thay đổi trước những biến chuyển to lớn của thời cuộc. Sự sụp đổ này không dẫn đến “cái chết của chủ nghĩa cộng sản” như ảo tưởng của các lý thuyết gia tư sản, mà qua đó

các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay, trong đó có Việt Nam, đã rút ra được những bài học sâu sắc trong việc nhận thức những tư tưởng, những nguyên lý cơ bản, chủ đạo của *Tuyên ngôn*, của chủ nghĩa Mác - Lênin để vận dụng đúng đắn, phát triển sáng tạo, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của đất nước, của dân tộc mình và xu thế thời đại như C. Mác và Ph. Ăngghen đã căn dặn: “bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời”¹.

Những thành tựu to lớn trong công cuộc cải cách, đổi mới ở Trung Quốc, Việt Nam, Lào trong vài thập niên gần đây và vị thế vững vàng của Cuba trước sự bao vây, cấm vận của Mỹ cùng với sự xuất hiện các trào lưu xã hội chủ nghĩa mới ở các châu lục và ở ngay trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa đã minh chứng giá trị lý luận, thực tiễn và sức sống bền vững của *Tuyên ngôn*, của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Thời đại ngày nay - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, đang đổi thay với nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường. Trên thế giới, mặc dù chủ nghĩa xã hội vẫn còn trong giai đoạn thoái trào; chủ nghĩa tư bản còn nhiều tiềm năng, nhưng lý tưởng cao đẹp, xã hội tương lai mà *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* xác định vẫn luôn là khát vọng của nhân loại; quy luật phát triển của xã hội mà *Tuyên ngôn* đã chỉ ra vẫn là hướng đi của lịch sử. Theo đó, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức, bóc lột trên phạm vi toàn thế giới còn nhiều khó khăn, gian khổ, nhưng khi “Vô sản tất

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.128.

cả các nước, đoàn kết lại” thì “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”¹.

Đối với cách mạng Việt Nam, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* có ý nghĩa hết sức đặc biệt. Từ *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lenin năm 1920 - bản luận cương phát triển sáng tạo tư tưởng của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trong điều kiện lịch sử mới, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam và đã sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam vào năm 1930.

88 năm qua, được soi sáng bởi tư tưởng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, chủ nghĩa Mác - Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, huy động được mọi nguồn lực của đất nước, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại để giành những thắng lợi vẻ vang và đang vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của mình. Mục đích cao cả của Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn toàn phù hợp với tư tưởng cơ bản và chủ đạo của *Tuyên ngôn*: đó là giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách áp bức, bóc lột, thực hiện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.613.

Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam, nhất là những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước hơn 30 năm qua đã khẳng định con đường cách mạng mà Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam lựa chọn: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là hoàn toàn đúng đắn; đồng thời cũng khẳng định và thể hiện Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định, trung thành, không ngừng vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của đất nước và xu thế thời đại.

Ngày nay, Việt Nam đang trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội với nhiều thời cơ, thuận lợi và cũng không ít khó khăn, thách thức. Song dưới ánh sáng của *Tuyên ngôn*, của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, với tinh thần kiên định, sáng tạo, với truyền thống, phẩm chất và năng lực của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam tin tưởng rằng, cách mạng Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, giành thắng lợi to lớn hơn; công cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước Việt Nam nhất định sẽ thắng lợi.

Kỷ niệm 170 năm ra đời *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là dịp chúng ta thêm một lần nữa nhận sâu sắc giá trị đích thực và sức sống bền vững của những tư tưởng cơ bản trong *Tuyên ngôn*; đồng thời chỉ ra những vấn đề cần bổ sung, hoàn thiện và phát triển những tư tưởng cơ bản đó cho phù hợp với thời đại ngày nay, phù hợp với thành tựu của cách mạng thế giới, thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại, đặc biệt là những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đổi mới, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa. Đây cũng là dịp

chúng ta nhận diện, đấu tranh, phản bác các trào lưu tư tưởng muốn phủ định giá trị, sức sống bền vững và ý nghĩa thời đại của *Tuyên ngôn*, góp phần đấu tranh, xóa bỏ mọi áp bức, bất công, xây dựng một xã hội ngày càng tốt đẹp.

Với tinh thần khoa học và sự trân trọng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, tôi tin tưởng rằng Hội thảo hôm nay sẽ có những đóng góp thiết thực trên cả hai phương diện: lý luận và thực tiễn.

Nhân dịp đầu xuân Mậu Tuất, theo phong tục Việt Nam, xin chúc các vị đại biểu, khách quý, các nhà khoa học trong nước và quốc tế, các đồng chí luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng cảm ơn!

**ĐỀ DÃN HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ
TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN
GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY**

GS. TS. NGUYỄN XUÂN THẮNG*

*Kính thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước,
Thưa các vị khách quý quốc tế,
Thưa các nhà khoa học và quý vị đại biểu!*

Tháng 2/1848, cách đây vừa đúng 170 năm, tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* do C. Mác và Ph. Ăngghen soạn thảo đã được công bố.

Được sự ủy thác của “Liên đoàn những người cộng sản” - tổ chức quốc tế đầu tiên của giai cấp công nhân và các đảng cộng sản, C. Mác và Ph. Ăngghen đã thay mặt giai cấp công nhân, những người cộng sản và cả nhân loại tiến bộ trình bày toàn bộ những quy luật phát triển cơ bản của xã hội hiện đại; sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân; tính tất

* Bí thư Trung ương Đảng, Phụ trách Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

yếu bị phủ định của chủ nghĩa tư bản và tính tất thắng của chủ nghĩa cộng sản.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là tác phẩm đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa Mác. Từ khi ra đời đến nay, thực tiễn đã có nhiều đổi thay, nhưng giá trị khoa học và sức sống vững bền của *Tuyên ngôn* với tư cách là cương lĩnh chính trị của giai cấp công nhân trên toàn thế giới vẫn còn nguyên giá trị.

Hôm nay, chúng ta tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 170 năm ngày ra đời của tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* - cương lĩnh chính trị của giai cấp công nhân hiện đại, ngọn cờ tư tưởng lý luận của các đảng cộng sản và công nhân quốc tế trong sự nghiệp đấu tranh vì lý tưởng nhân văn cao cả: giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng loài người khỏi mọi sự áp bức, bất công, hướng tới mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ và phát triển con người toàn diện.

Ban Tổ chức Hội thảo xin nhiệt liệt chào mừng các nhà khoa học, quý vị đại biểu đến từ Liên bang Nga, Trung Quốc, Cuba, Lào, Ấn Độ, Nhật Bản, Liên bang Đức và Việt Nam.

Thưa các quý vị đại biểu và các nhà khoa học!

Theo chủ đề của Hội thảo, chúng tôi xin trao đổi mấy ý kiến đề dẫn để các nhà khoa học tập trung làm sâu sắc thêm như sau:

*Thứ nhất, khẳng định giá trị lý luận và ý nghĩa thực tiễn của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đối với cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam.*

*Từ khía cạnh lý luận, giá trị vĩ đại của *Tuyên ngôn* thể hiện ở nhận thức khoa học về quy luật phát triển của xã hội loài người và định hướng tích cực với tương lai của chủ nghĩa*

cộng sản. Điều này đã được thực tiễn lịch sử xã hội loài người khẳng định suốt 170 năm qua.

Về tổng thể, *Tuyên ngôn* là văn phẩm chứa đựng nhiều giá trị lý luận nền tảng. Triết học mácxít tìm thấy ở đây những giá trị nền tảng của chủ nghĩa duy vật lịch sử và một hình mẫu cho việc vận dụng phương pháp luận duy vật lịch sử vào phân tích giai cấp, nhà nước, đảng phái, dân tộc và nhiều vấn đề xã hội khác. Kinh tế chính trị mácxít tìm thấy ở đây phương pháp luận khoa học cho việc khám phá bí mật ẩn giấu đằng sau các quan hệ hàng hóa cũng như bí mật của giá trị thặng dư, nguồn gốc của bóc lột sức lao động sống trong nền sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa, v.v.. Chủ nghĩa xã hội khoa học tìm thấy những nguyên lý cơ bản nhất của mình trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, như phát hiện về “sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân hiện đại”; những nguyên lý, quy luật, biện pháp của cách mạng xã hội chủ nghĩa và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, v.v..

Tuyên ngôn là lời tuyên bố về sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản, đồng thời khẳng định sự tất thắng của chủ nghĩa cộng sản trên cơ sở tất yếu kinh tế quy định. Cho dù “Giai cấp tư sản đã đóng một vai trò hết sức cách mạng trong lịch sử”¹, nhưng thắng lợi của nó trước chế độ phong kiến, vũ khí đại công nghiệp mà nó dùng để đánh bại giai cấp phong kiến, cũng chính là “vũ khí để tự giết mình”. C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra, việc thủ tiêu chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và cùng với nó là xóa bỏ toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa đã được chuẩn bị một cách

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.599.

khách quan, bởi sự tác động của chính ngay các quy luật của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa mà điển hình là quy luật giá trị thặng dư. Xu thế chung là không ngừng xã hội hóa lực lượng sản xuất trong kinh tế và dân chủ hóa trong chính trị - xã hội. Những xu thế ấy sẽ tích lũy những nhân tố, tiền đề, điều kiện cho một xã hội mới ra đời ngay trong lòng chủ nghĩa tư bản. Phủ định chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là sứ mệnh mà lịch sử đã lựa chọn và trao cho giai cấp công nhân hiện đại. “Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng”¹ vì họ gắn liền với sự phát triển không ngừng của sản xuất công nghiệp ngày càng hiện đại.

Biện chứng và lôgíc phát triển của lịch sử loài người đã được khẳng định rõ trong *Tuyên ngôn*: “... cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, chính cái nền tảng trên đó giai cấp tư sản đã sản xuất và chiếm hữu sản phẩm của nó, đã bị phá sập dưới chân giai cấp tư sản. Trước hết, giai cấp tư sản sản sinh ra những người đào huyệt chôn chính nó. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”².

Giá trị thực tiễn của *Tuyên ngôn* đã được minh chứng sống động bằng Công xã Paris, thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại năm 1917; bằng sự ra đời và phát triển của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa với những thành tựu to lớn không thể phủ nhận; bằng sự sụp đổ mạnh của phong trào cộng sản và công nhân ở chính trong lòng các

1, 2. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, tr. 610, 613.

nước tư bản chủ nghĩa; bằng phong trào đòi độc lập dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn cầu và bằng sự thành công của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Trung Quốc, Việt Nam và Lào hiện nay. Thực tiễn đó đã chứng tỏ, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin thực sự luôn là ngọn đuốc lý luận soi đường, dẫn lối cho các phong trào cách mạng ấy. Dù ở các châu lục khác nhau, với những trình độ phát triển khác nhau, các đảng cộng sản và giai cấp công nhân ở mỗi nước đều có thể tìm thấy những căn cứ lý luận về khả năng “làm tăng thật nhanh lực lượng sản xuất lên”; về kiểu tổ chức xã hội công bằng, bình đẳng để cho “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹; về quan hệ quốc tế giữa các dân tộc - quốc gia “trên cơ sở của hòa bình và lao động”... Những phác thảo khoa học ở tầm cao chiến lược trong *Tuyên ngôn* đã được thực tiễn cách mạng thế giới chứng minh là đúng đắn.

Tuyên ngôn cũng đề cập những biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội cùng với lời dặn rất rõ ràng rằng, “Trong những nước khác nhau, những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều”² và trong thực tế thì “những biện pháp ấy sẽ vượt quá bản thân chúng”... Những chỉ dẫn này vừa chính xác vừa giàu tính phương pháp luận. Thực tiễn của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới, đặc biệt là thực tiễn cải cách, mở cửa và đổi mới của các nước xã hội chủ nghĩa gần đây đã xác nhận những luận cứ khoa học mà C. Mác - Ph. Ăngghen đã nêu trong *Tuyên ngôn*.

1, 2. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.628, 627.

Đối với cách mạng Việt Nam, Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản có vị trí đặc biệt quan trọng. Lãnh tụ Hồ Chí Minh tiếp nhận tinh thần của Tuyên ngôn qua đọc và tiếp thu nội dung Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lenin vào năm 1920 tại Paris. Đây là một trong những tác phẩm thể hiện đúng đắn, sinh động tinh thần của Tuyên ngôn trong bối cảnh lịch sử mới của các cuộc cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Theo đó, Hồ Chí Minh khẳng định: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản. Độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, đó là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam theo tinh thần của Tuyên ngôn và chủ nghĩa Mác - Lenin trong thời đại mới. Những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hơn 30 năm qua là minh chứng sống động thể hiện sự vận dụng, phát triển đúng đắn, sáng tạo tinh thần của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản trong điều kiện mới. Sự thật lịch sử đó xác nhận tính khoa học, cách mạng và sáng tạo của các nguyên lý cơ bản trong Tuyên ngôn.

Thứ hai, phê phán những quan điểm sai trái, thù địch để bảo vệ tư tưởng khoa học, cách mạng của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.

Tuyên ngôn ra đời là kết quả nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn cách mạng trong phong trào cộng sản quốc tế của C. Mác và Ph. Ăngghen. Trong Tuyên ngôn, các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác được trình bày khái quát, cô đọng ở tầm triết học nhưng cũng rất đầy đủ, chi tiết

cả về mặt lý luận và về mặt thực tiễn¹. Nội dung và hình thức của *Tuyên ngôn* hoàn chỉnh, chặt chẽ. Do vậy, việc nghiên cứu, đánh giá, vận dụng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* phải khách quan, toàn diện, phải hiểu được thực chất tinh thần của mỗi nguyên lý, mỗi luận điểm trong tính chỉnh thể của nó.

170 năm qua, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và chủ nghĩa Mác luôn phải đối mặt với sự xuyên tạc, thậm chí hiểu sai, hiểu chưa đúng. Luận điểm nổi bật chung nhất của các kẻ thù của chủ nghĩa Mác là cố tình xuyên tạc cho rằng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đòi xóa bỏ tư hữu ngay lập tức và tất thảy mọi hình thức của sở hữu này. Thực tế, *Tuyên ngôn* đã chỉ rõ: “Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản” - “biểu hiện cuối cùng và đầy đủ nhất của phương thức sản xuất và chiếm hữu sản phẩm dựa trên những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia”². Tuy nhiên, đó là một quá trình do lịch sử phát triển sức sản xuất quy định. Ph. Ăngghen đã từng khẳng định không thể thủ tiêu chế độ tư hữu ấy ngay lập tức, vì chúng ta “không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên ngay lập tức đến mức cần thiết để xây dựng một nền kinh tế công hữu”³.

Hoặc có luận điểm cho rằng, tư tưởng cơ bản, chủ đạo của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* chỉ là tư tưởng về

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.7.

2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.615, 469.

đấu tranh giai cấp; *Tuyên ngôn* đề cao giai cấp, xem nhẹ dân tộc (!). Hiểu như vậy là phiến diện, cắt xén hoặc tách thường hóa *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Vì *Tuyên ngôn* đã viết rất rõ về quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, giữa trách nhiệm dân tộc và nghĩa vụ quốc tế của giai cấp công nhân: “giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc”¹; “Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc. Đương nhiên là trước hết, giai cấp vô sản mỗi nước phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã”².

Trong *Lời tựa cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” xuất bản năm 1883*, Ph. Ăngghen từng khẳng định lý tưởng cao cả về giải phóng xã hội, giải phóng cả nhân loại của giai cấp công nhân: “hiện nay đã đến một giai đoạn mà giai cấp bị bóc lột và bị áp bức (tức là giai cấp vô sản) không còn có thể tự giải phóng khỏi tay giai cấp bóc lột và áp bức mình (tức là giai cấp tư sản) được nữa, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức và khỏi cuộc đấu tranh giai cấp...”³.

Những năm gần đây, một số người còn cho rằng, những tư tưởng trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* chỉ phù hợp với thế kỷ XIX, cùng lắm là thế kỷ XX, không còn phù hợp trong thế kỷ XXI. Rằng trong kinh tế tri thức, cách mạng

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.623-624, 611.

3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr11-12.

công nghiệp 4.0, sứ mệnh lịch sử hiện nay không còn thuộc về giai cấp công nhân mà là thuộc về một số tầng lớp, giai cấp khác... Những người này phủ nhận vị thế quyết định của sản xuất vật chất, tảng lờ thực tế là không chỉ giai cấp công nhân hiện đại mà còn rất nhiều tầng lớp lao động khác, cũng như thế kỷ XIX, “bị giai cấp tư sản biến thành những người làm thuê được trả lương của nó”¹.

Trách nhiệm khoa học và cũng là tình cảm của chúng ta hiện nay, những người đi theo lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, là đấu tranh với những tư tưởng sai trái, lệch lạc, chỉ ra những cách hiểu sai, hiểu chưa đúng để bảo vệ giá trị khoa học và cách mạng của *Tuyên ngôn*.

Thứ ba, tiếp tục vận dụng và phát triển tinh thần Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản trong bối cảnh mới.

Trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”* xuất bản năm 1872, C. Mác và Ph. Ăngghen đã nói, bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào việc áp dụng các nguyên lý trong *Tuyên ngôn* cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời. Sau đó, việc bổ sung, phát triển nhiều tư tưởng của *Tuyên ngôn* được C. Mác, Ph. Ăngghen thực hiện không chỉ bằng các lời tựa viết cho các lần xuất bản *Tuyên ngôn* mà còn bằng rất nhiều công trình nghiên cứu đồ sộ. Đó chính là thái độ mẫu mực, cách ứng xử khoa học đối với một học thuyết khoa học của C. Mác, Ph. Ăngghen. Theo tinh thần đó, V.I. Lênin cũng từng nhận định: “Chúng ta không kỳ vọng rằng Mác hay những người theo chủ nghĩa Mác đều

1. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.600.

hiểu biết mọi mặt cụ thể của con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Như thế sẽ là phi lý. Chúng ta chỉ biết phương hướng của con đường đó và những lực lượng giai cấp nào dẫn đến con đường đó; còn như về cụ thể và trên thực tế con đường đó ra sao, thì *kinh nghiệm của hàng triệu con người sẽ chỉ rõ, khi họ bắt tay vào hành động*¹.

Tuyên ngôn nói riêng, chủ nghĩa Mác - Lenin nói chung là lý luận mang tính mở của sự phát triển. Nó có nhu cầu và khả năng thường xuyên nạp thêm năng lượng mới từ thực tiễn phong phú của cuộc sống. Từ đòi hỏi mới của thực tiễn cách mạng, từ sự soi rọi về tinh thần và phương pháp của *Tuyên ngôn*, có những điểm chúng ta cần phải nhận thức lại và có những điểm chúng ta cần phải nghiên cứu bổ sung, phát triển, làm sâu sắc thêm.

Thế giới ngày nay đã phát triển hơn cách đây 170 năm rất nhiều. Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân hiện đại, giai cấp tư sản hiện nay đã có nhiều biến đổi, phát triển. Nhiều vấn đề chính trị - xã hội mà *Tuyên ngôn* từng đề cập nay cũng đã thay đổi phạm vi, tốc độ và mức độ ảnh hưởng. Hiện tượng quốc tế hóa thời Mác và toàn cầu hóa hiện nay, tuy giống nhau ở bản chất là “giai cấp tư sản tạo ra một thế giới theo hình ảnh của nó”, nhưng theo đó, xã hội hóa, dân chủ hóa cũng đạt tới một tầm vóc mới và làm chín muồi hơn nhiều tiền đề, điều kiện cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa với giai đoạn đầu là xã hội xã hội chủ nghĩa. Những vấn đề đặt ra trong mối quan hệ

1. V.I. Lenin: *Toàn tập*, Sđd, t.34, tr.152-153.

giữa giai cấp và dân tộc, giữa trách nhiệm dân tộc và nghĩa vụ quốc tế, giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân mà *Tuyên ngôn* đề cập, đến hôm nay vẫn còn nóng hổi và ngày càng phức tạp hơn.

Thưa các quý vị đại biểu và các nhà khoa học!

Thực tiễn cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa; sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, mối quan hệ giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản; mối quan hệ giữa lợi ích của giai cấp công nhân và lợi ích quốc gia dân tộc; mối quan hệ giữa tính phổ biến và tính đặc thù của chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước; mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa, v.v. trong bối cảnh mới đang đặt ra cho các nhà khoa học, các chính khách, các nhà quản lý nhiều vấn đề mới mẻ.

Bằng việc sử dụng phương pháp duy vật biện chứng về lịch sử của *Tuyên ngôn* và các phương pháp nghiên cứu hiện đại, từ những xu thế của thời đại, những dữ kiện lịch sử, từ thực tiễn của các quốc gia, các nhà khoa học tham gia Hội thảo hôm nay sẽ cung cấp cho chúng ta những kiến giải mới, cách nhìn mới góp phần khẳng định giá trị bền vững và tăng cường sức sống cho *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trong thế kỷ XXI.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản vẫn là cương lĩnh, là ngọn cờ chiến đấu của những người cộng sản. Những giá trị và thông điệp thời đại từ *Tuyên ngôn* vẫn là mục tiêu cao cả của toàn thể nhân loại hôm nay: Thực hiện sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân, thực hiện lý tưởng cộng

sản chủ nghĩa là để cho “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người”; để các quốc gia - dân tộc được độc lập, tự do, hòa bình, thịnh vượng và hạnh phúc.

Với tinh thần và cảm hứng đó, chúng tôi mong các nhà khoa học đến từ các nước cùng trao đổi, chia sẻ và làm sáng rõ hơn những nội dung nêu trên.

Xin cảm ơn sự lắng nghe của quý vị,

Xin chúc Hội thảo của chúng ta thành công tốt đẹp!

Phần thứ nhất

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ
TRONG TUYÊN NGÔN
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN**

NHỮNG BIỆN PHÁP XÓA BỎ CHỦ NGHĨA TỰ BẢN VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN TRONG *TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN*

PGS. TS. LÊ QUỐC LÝ*

Kỷ niệm 170 ra đời của tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* - tác phẩm kinh điển chủ yếu của chủ nghĩa xã hội khoa học, tác phẩm lý luận bất hủ, một đỉnh cao trong sự nghiệp sáng tạo của C. Mác và Ph. Ăngghen, một văn kiện mang tính cương lĩnh, có giá trị lịch sử và tràn đầy sức sống trong thực tiễn của chủ nghĩa Mác. 170 năm qua đi, cùng với thời gian, trải qua nhiều thách thức và biến cố, xã hội loài người đã có nhiều thay đổi và phát triển vượt bậc, nhưng tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và những nguyên lý được C. Mác và Ph. Ăngghen trình bày trong tác phẩm vẫn luôn là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho toàn bộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trước đây, hôm nay và mai sau. 170 năm qua đã chứng minh những tư tưởng, những quan điểm, những nguyên lý, những giải pháp, những nhận định, những dự báo và những luận cứ khoa học trong

* Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản càng ngày càng được sáng tỏ và được thực tiễn cuộc sống khẳng định chân giá trị bất diệt, vĩnh cửu cùng với sự phát triển ngày càng đi lên của nhân loại.

Nhờ vào những điều nêu trên và nhờ vào bản chất cách mạng triệt để và nội dung khoa học sâu sắc của mình, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* có ý nghĩa, giá trị và có sức sống mãnh liệt và bền vững. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử là hai trụ cột trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã tạo thành nền tảng vững chắc của chủ nghĩa Mác và nhờ đó chủ nghĩa Mác đã luận giải một cách khoa học các quy luật phát triển khách quan của lịch sử nhân loại, lịch sử phát triển của xã hội loài người, đặc biệt luận giải về vị trí hàng đầu, vai trò quyết định của sản xuất vật chất đối với sự phát triển của xã hội nói chung, đối với sự thay đổi của kiến trúc thương tầng nói riêng. Hơn nữa, dựa trên hai trụ cột trên, chủ nghĩa Mác đã thành công trong luận giải về quá trình phát sinh, phát triển và sự tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản, sự ra đời và phát triển một cách tất yếu khách quan của chủ nghĩa xã hội, cũng như luận giải về vị trí, vai trò, sứ mệnh lịch sử và phương pháp đấu tranh của giai cấp vô sản trong công cuộc xây dựng chế độ xã hội mới, v.v.. Đây là lần đầu tiên chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử cùng các tư tưởng, quan điểm, nguyên tắc và giải pháp cách mạng được trình bày dưới dạng hoàn chỉnh, cô đọng, súc tích và có hệ thống trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, nhờ đó chủ nghĩa Mác đã vạch ra và luận chứng một cách có cơ sở lý luận, có luận cứ khoa học sâu sắc về những nguyên lý nền tảng của chủ nghĩa cộng sản khoa học.

Có thể nói *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã trang bị cho giai cấp vô sản mọi mặt của hành trang cách mạng từ tinh thần, tư tưởng, nguyên lý đến giải pháp cách mạng và đã làm cho phong trào của giai cấp vô sản thu được nhiều thành quả trong suốt 170 năm qua. Đặc biệt, C. Mác và Ph. Ăngghen đã đề ra 10 biện pháp nhằm xóa bỏ chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa cộng sản trong *Tuyên ngôn* luôn còn mãi mãi ý nghĩa và giá trị trong thực tiễn cách mạng của mỗi quốc gia, dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội. Với 10 biện pháp cách mạng được *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vạch ra đã giúp cho giai cấp công nhân, phong trào cách mạng vô sản lớn mạnh không ngừng, đã đạt được thành công vang dội và nhiều kết quả có tính lịch sử. Những biện pháp nêu trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* có thể nói là vũ khí đấu tranh sắc bén, là công cụ vô địch của giai cấp công nhân, của phong trào cách mạng vô sản trên toàn thế giới vận dụng vào thực tiễn của mỗi nước để giành chính quyền và xây dựng nhà nước công - nông ở nhiều nước trên toàn thế giới trong suốt 170 năm qua, như:

- “1. Tước đoạt sở hữu ruộng đất và trao nộp địa tô vào quỹ chi tiêu của nhà nước.
2. Áp dụng thuế lũy tiến cao.
3. Xóa bỏ quyền thừa kế.
4. Tịch thu tài sản của tất cả những kẻ lưu vong và của tất cả những kẻ phiến loạn.
5. Tập trung tín dụng vào tay nhà nước thông qua một ngân hàng quốc gia với tư bản của nhà nước và ngân hàng này sẽ nắm độc quyền hoàn toàn.
6. Tập trung tất cả các phương tiện vận tải vào tay nhà nước.

7. Tăng thêm số công xưởng nhà nước và công cụ sản xuất; khai khẩn đất đai để cày cấy và cải tạo ruộng đất theo một kế hoạch chung.

8. Thực hành nghĩa vụ lao động đối với tất cả mọi người, tổ chức các đạo quân công nghiệp, đặc biệt là cho nông nghiệp.

9. Kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, thi hành những biện pháp nhằm làm mất dần sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn.

10. Giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả các trẻ em. Xoá bỏ việc sử dụng trẻ em làm trong các công xưởng như hiện nay. Kết hợp giáo dục với sản xuất vật chất, v.v.”¹.

Thực tế, cho thấy các cuộc cách mạng vô sản sau khi giành chính quyền đã áp dụng khá tốt các biện pháp do *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đề ra. Hầu hết các nhà nước vô sản sau khi giành được chính quyền đều đã “tước đoạt sở hữu ruộng đất” và chia ruộng đất cho dân cày, sau đó, bước tiếp theo là tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp đưa ruộng đất vào của chung, ruộng đất thuộc sở hữu toàn dân. Những nguồn thu từ địa tô, thuế đất đều tập trung “vào quỹ chi tiêu của nhà nước”. Tuy nhiên, do hoàn cảnh mỗi quốc gia có khác nhau, lịch sử phát triển của mỗi quốc gia cũng không giống nhau nên biện pháp này mới cho thành công bước đầu, sau đó nhiều quốc gia phải thay đổi vì nếu không sẽ khó đưa cánh mạng đến thắng lợi như mong đợi.

Biện pháp “xoá bỏ quyền thừa kế” là một biện pháp triệt để cách mạng để xoá bỏ tận gốc mọi tàn tích của giai cấp tư

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.627-628.

sản, mọi tàn tích của tình trạng người bóc lột người. Tuy nhiên, do hoàn cảnh lịch sử khác nhau của các quốc gia nên những cuộc cách mạng vô sản thực hiện triệt để biện pháp này đã chưa cho phép đi đến thắng lợi cuối cùng. Bên cạnh hai biện pháp nêu trên, các biện pháp còn lại cũng nằm trong tình trạng đó, ví dụ như biện pháp “*Tập trung tín dụng vào tay nhà nước thông qua một ngân hàng quốc gia với tư bản của nhà nước và ngân hàng này sẽ nắm độc quyền hoàn toàn*” nếu thực hiện một cách nóng vội thì sẽ triệt tiêu hệ thống ngân hàng thương mại và dẫn đến nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu. Biện pháp “*Tập trung tất cả các phương tiện vận tải vào trong tay nhà nước*” nếu vận dụng một cách máy móc và cực tả cũng rất dễ đưa đến nhà nước tập quyền, triệt tiêu sự tham gia một cách chủ động, sáng tạo của các thành phần kinh tế khác và nếu nguồn lực nhà nước chưa đủ mạnh, còn nhiều yếu kém thì sẽ dẫn đến tình trạng vận tải nghèo nàn và lạc hậu, năng suất lao động thấp. Từ đó, cũng kéo theo sự kém phát triển của cả nền kinh tế. Ngay như biện pháp “*Giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả các trẻ em. Xoá bỏ việc sử dụng trẻ em làm trong các công xưởng như hiện nay. Kết hợp giáo dục với sản xuất vật chất*” thể hiện tính rất ưu việt của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản và là đích của chúng ta hướng tới, nhưng cũng sẽ rất khó thực hiện ngay từ ngày đầu khi cuộc cách mạng vô sản nổ ra và thành công ở các nước kém phát triển, các nước nửa phong kiến, các nước còn quá nghèo nàn, lạc hậu.

Do đó có thể nói, nếu thực hiện một cách máy móc, giáo điều các biện pháp nêu trên thì các nhà nước vô sản khó có

thể giành được thắng lợi đầy đủ theo đúng nghĩa đen của nó, bởi lẽ sự phát triển của các nước trước khi cuộc cách mạng vô sản nổ ra là khác nhau, điều kiện kinh tế, xã hội của các quốc gia này cũng hoàn toàn không giống nhau, điều kiện lịch sử của các nước, các dân tộc lại càng khác nhau. C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ rõ các biện pháp này được áp dụng trong những hoàn cảnh lịch sử nhất định, đó là trong điều kiện cách mạng vô sản thành công ở các nước có giai cấp tư sản phát triển mạnh, những nước tư bản phát triển cao và giàu mạnh. Còn đối với các nước nghèo, các nước nửa phong kiến, các quốc gia mà giai cấp tư sản chưa phát triển thì C. Mác và Ph. Ăngghen chưa nêu biện pháp cụ thể cho các phong trào cách mạng vô sản cần phải làm gì và làm như thế nào, nên khi phong trào cách mạng vô sản thành công ở các quốc gia này, cần có các giải pháp linh hoạt và phù hợp hơn theo hướng cải tạo dần xã hội cũ để đi đến xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Khi đề ra 10 biện pháp mà nhà nước vô sản cần phải thực hiện, có thể khẳng định C. Mác và Ph. Ăngghen không bao giờ coi các biện pháp này là duy nhất, tuyệt đối, đầy đủ, không thể thay thế, mà cho rằng, trong thực tiễn xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa và xã hội cộng sản, lực lượng vô sản, nhà nước vô sản phải căn cứ vào những điều kiện lịch sử nhất định, cụ thể để sửa đổi tương ứng, thích hợp theo từng biện pháp.

Những điều trên, có thể khẳng định qua *Lời tựa viết cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”* xuất bản năm 1872, sau 25 năm xuất bản lần đầu *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ rõ: “Mặc dầu

hoàn cảnh đã thay đổi nhiều trong hai mươi lăm năm qua, nhưng cho đến nay, xét về đại thể, những nguyên lý tổng quát trình bày trong “Tuyên ngôn” này vẫn còn hoàn toàn đúng. Ở đôi chỗ, có một vài chi tiết cần phải xem lại. Chính ngay “Tuyên ngôn” cũng đã giải thích rõ rằng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đấy, không nên quá cùn nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II. Đoạn này, ngày nay mà viết lại thì về nhiều mặt, cũng phải viết khác đi. Vì đại công nghiệp đã có những bước tiến hết sức lớn trong hai mươi lăm năm qua và giai cấp công nhân cũng đạt được những tiến bộ song song trong việc tự tổ chức thành chính đảng, do có những kinh nghiệm thực tiễn... Tuy nhiên, “Tuyên ngôn” là một tài liệu lịch sử mà chúng tôi không có quyền sửa lại. Có lẽ là trong một lần xuất bản, sẽ có một lời tựa để bổ sung vào khoảng trống từ năm 1847 đến nay”¹.

Hơn nữa, chủ nghĩa Mác đã luôn luôn khẳng định những người cộng sản muốn thành công khi vận dụng các tư tưởng, quan điểm, nguyên lý, biện pháp cách mạng trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vào thực tiễn, cần phải không ngừng bổ sung và phát triển một cách sáng tạo phù hợp với những điều kiện lịch sử, những đặc thù đất nước và đặc điểm dân tộc cụ thể. Ph. Ăngghen năm 1880, đã một lần nữa khẳng định: “Muốn làm cho chủ nghĩa xã hội thành một khoa học thì trước hết phải đặt chủ nghĩa xã hội trên một cơ

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.128.

sở hiện thực”¹ và “ngày nay, vấn đề trước hết là phải nghiên cứu thêm, trong mọi chi tiết và mọi mối liên hệ của nó”².

Thực tế 170 năm qua đã khẳng định, dựa trên tinh thần, tư tưởng và nguyên lý, biện pháp cách mạng của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, nhiều cuộc cách mạng vô sản đã được tiến hành, đã nổ ra ở nhiều quốc gia và nhờ đó nhiều nước xã hội chủ nghĩa được hình thành và đã có nhiều thành công rực rỡ. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy giai cấp vô sản ở một số nước sau khi giành được chính quyền do áp dụng một cách máy móc, giáo điều các nguyên lý, các biện pháp trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và chủ nghĩa Mác - Lê nin nên đã gặp phải nhiều sai lầm, yếu kém và cuối cùng sụp đổ. Một số chính đảng cộng sản khác đã kịp thời đổi mới tư duy, sáng tạo, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp tư tưởng, nguyên lý trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vào hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước nên đã tồn tại và phát triển, đạt được nhiều thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử.

Bên cạnh đó, từ khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, các phong trào công nhân quốc tế, phong trào cách mạng vô sản đã nổ ra ở nhiều nước trên thế giới, phong trào giải phóng dân tộc đã lan rộng khắp năm châu, tất cả những điều đó là nhờ tư tưởng và tinh thần cách mạng bất diệt của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Tuy nhiên, cũng chính do sự giáo điều, bảo thủ, lạc hậu đã đưa nhiều phong trào cách mạng vô sản, phong trào công nhân và phong trào giải phóng

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.19, tr.293, 305.

dân tộc không đi đến được thắng lợi cuối cùng, một số phong trào này bị tha hóa và giảm sút tính chiến đấu nên không đưa đến kết quả như mong đợi, mà đứng trước nguy cơ thoái trào.

Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày thành lập đến nay đã không ngừng vận dụng một cách sáng tạo tinh thần, tư tưởng, quan điểm, nguyên lý và các biện pháp cách mạng trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vào hoàn cảnh, điều kiện phát triển của Việt Nam nên đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Với thực tiễn sinh động của Việt Nam, cuộc cách mạng của giai cấp vô sản giành được chính quyền khi đất nước đang trong tình trạng nửa phong kiến, nghèo nàn, lạc hậu, kém phát triển, giai cấp vô sản chưa đủ đông..., nền kinh tế chưa phát triển, do vậy Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng sáng tạo các biện pháp trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* một cách linh hoạt và uyển chuyển nhất. Đặc biệt, sau đổi mới năm 1986, Việt Nam đã vận dụng các biện pháp trên vô cùng sáng tạo, đã khẳng định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan, các quy luật thị trường được tôn trọng, cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp dần dần được xóa bỏ, các hoạt động ngân hàng được phát triển như hiện nay là một sự đúng đắn. Hơn nữa, thực hiện sự nghiệp đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đúng đắn hơn khi công nhận sự phát triển bình đẳng của các thành phần kinh tế, coi kinh tế tư nhân là động lực phát triển của nền kinh tế, đặc biệt, quyền sở hữu chính đáng của người dân, của các cá nhân được trân trọng và bảo vệ.

Thực tế, trong những năm qua, tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được đổi mới mạnh mẽ, nhiều biện pháp đã được đổi mới liên tục, sáng tạo phù hợp với điều kiện Việt Nam bảo đảm cho đất nước không ngừng phát triển và giàu mạnh. Với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, những tư tưởng, quan điểm, nguyên tắc và biện pháp nêu trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* lại một lần nữa soi rọi con đường đi lên của cách mạng Việt Nam và với sự sáng tạo và đổi mới không ngừng từ tư duy đến hành động, nước ta sẽ chắc chắn đi đến thắng lợi cuối cùng, tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản một cách vững chắc.

CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN: TỪ TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐẾN HIỆN THỰC CÁCH MẠNG

PGS. TS. NGUYỄN VIẾT THẢO*

1. Cách đây 170 năm, C. Mác và Ph. Ăngghen đã kết thúc bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* bằng khẩu hiệu mang tính cương lĩnh phản ánh chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân: “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!”¹. Thực tiễn cách mạng vô sản từ đó đến nay đã khẳng định chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân đã được thực tiễn kiểm nghiệm là nguyên tắc hoạt động đặc trưng nhất của những lực lượng cộng sản chân chính; là nguyên lý xuyên suốt lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, hay còn gọi là chủ nghĩa quốc tế vô sản, là tình đoàn kết quốc tế; sự thống nhất về nhận thức, lập trường và hành động của giai cấp công nhân toàn thế giới trong cuộc đấu tranh cách mạng vì những mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; sự tôn trọng cương lĩnh,

* Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.646.

đường lối, chiến lược của mỗi đảng cộng sản và công nhân; trách nhiệm của mỗi đảng đó đối với công nhân, nhân dân lao động nước mình và công nhân, lao động các nước khác trên thế giới.

Chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân là ý thức về sự thống nhất lợi ích giai cấp của những người vô sản trên toàn thế giới. Nó xuất phát trước hết từ địa vị kinh tế - xã hội của họ. C. Mác chỉ ra rằng: “công nghiệp lớn tạo ra ở khắp nơi những quan hệ như nhau giữa các giai cấp xã hội và do đó xoá bỏ tính chất riêng biệt của những dân tộc khác nhau. Và sau hết, trong khi giai cấp tư sản của mỗi dân tộc còn duy trì những lợi ích dân tộc riêng biệt thì công nghiệp lớn lại tạo ra một giai cấp cùng có những lợi ích như nhau trong tất cả các dân tộc, một giai cấp không còn tính chất riêng biệt dân tộc nữa”¹.

Chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân là sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong giai cấp công nhân. Điều này là một hệ quả từ chính sự phát triển của chủ nghĩa tư bản: “Sự thống trị của tư bản là có tính chất quốc tế. Chính vì thế, cuộc đấu tranh của công nhân ở tất cả các nước để tự giải phóng, chỉ có thể thành công được, nếu công nhân cùng nhau đấu tranh chống lại tư bản quốc tế”²; đồng thời, “giai cấp vô sản chỉ có thể tồn tại *trên quy mô của lịch sử thế giới*, cũng như chủ nghĩa cộng sản, tức là hoạt động của giai cấp vô sản, hoàn toàn chỉ có thể tồn tại được với tư cách là một tồn tại “có tính lịch sử thế giới”³.

1, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.87-88, 51.

2. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.115.

Chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân là sự thống nhất về mục tiêu đấu tranh để giai cấp công nhân trở thành đại biểu cho lợi ích toàn dân tộc và nhân loại. Ph. Ăngghen đã nhiều lần vạch rõ, “Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc. Dương nhiên là trước hết, giai cấp vô sản mỗi nước phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã”¹. Người còn cảnh báo trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Italia “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” năm 1893*: “Không khôi phục lại độc lập và thống nhất cho từng dân tộc thì về phương diện quốc tế, không thể thực hiện được sự đoàn kết của giai cấp vô sản và sự hợp tác hòa bình và tự giác giữa các dân tộc đó để đạt tới những mục đích chung”². Hơn nữa, C. Mác và Ph. Ăngghen còn nêu bật sự thống nhất giữa các mục tiêu giải phóng giai cấp và mục tiêu giải phóng xã hội: “lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp ... hiện nay đã đến một giai đoạn mà giai cấp bị bóc lột và bị áp bức (tức là giai cấp vô sản) không còn có thể tự giải phóng khỏi tay giai cấp bóc lột và áp bức mình (tức là giai cấp tư sản) được nữa, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức và khỏi cuộc đấu tranh giai cấp”³.

Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, V.I. Lenin đã phát hiện ra sự gắn bó về lợi ích sống còn giữa giai cấp công nhân và các dân tộc, từ đó Người đã phát triển khẩu hiệu hành động

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.611; t.22, tr.544; t.21, tr.11-12.

thành: “Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!”. “Đối lập với thế giới cũ, cái thế giới của áp bức dân tộc, của sự phân tranh dân tộc hoặc của sự tách biệt giữa các dân tộc, công nhân đưa ra một thế giới mới, một thế giới trong đó những người lao động thuộc mọi dân tộc đoàn kết với nhau, trong đó không có chỗ cho bất cứ một đặc quyền đặc lợi nào, cũng như không có chỗ cho bất cứ một sự áp bức nhỏ nào giữa người với người”¹.

2. Từ giữa thế kỷ XIX, dưới sự lãnh đạo của các lãnh tụ vô sản, giai cấp công nhân và các lực lượng cách mạng đã áp dụng nhiều hình thức phong phú để thực hiện chủ nghĩa quốc tế phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể. Nổi bật nhất, đó là sự ra đời và hoạt động của các tổ chức quốc tế của giai cấp công nhân: Hội Liên hiệp công nhân quốc tế (Quốc tế I, 1864 - 1872); Quốc tế II (1889 - 1914) và Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III, 1919 - 1943).

Hội Liên hiệp công nhân quốc tế (Quốc tế I) được thành lập ngày 28/9/1864 tại London (Luân Đôn, Anh). Là một tổ chức bao gồm những đại biểu công nhân thuộc nhiều trào lưu tư tưởng khác nhau, có mục đích rõ rệt là “đoàn kết tất cả các lực lượng chiến đấu của giai cấp vô sản châu Âu và châu Mỹ... Cương lĩnh của Quốc tế phải khá rộng rãi để cho cả những hội công liên ở Anh, những môn đồ của Prud'ong ở Pháp, Bỉ, Italia và Tây Ban Nha, cũng như phái Látxan ở Đức đều có thể chấp nhận được”². Chính C. Mác là người đã soạn ra một cương lĩnh như vậy và ông đã thành công trong

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập, Sđd*, t.23, tr.194.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.518.

sách lược kiểu mẫu, đoàn kết thống nhất các đội ngũ vô sản cách mạng, đấu tranh thắng lợi chống lại các khuynh hướng bè phái. Điều lệ của Hội nêu rõ: “Hội này được thành lập là để làm một trung tâm liên lạc và hợp tác giữa các đoàn thể công nhân hiện đang tồn tại ở các nước khác nhau và theo đuổi cùng một mục đích, - tức là bảo vệ, phát triển và giải phóng hoàn toàn giai cấp công nhân”¹. Với hơn 10 năm hoạt động, Hội Liên hiệp công nhân quốc tế đã tiến hành thắng lợi việc truyền bá chủ nghĩa cộng sản khoa học vào phong trào công nhân, đấu tranh cho sự thống nhất trong giai cấp công nhân về tư tưởng và tổ chức trên phạm vi quốc tế. Sau này, lãnh tụ V.I. Lê nin đánh giá: Quốc tế I “sống mãi trong lịch sử đấu tranh của giai cấp công nhân nhằm tự giải phóng. Nó đã xây nền đắp móng cho lâu dài cộng hòa xã hội chủ nghĩa thế giới mà ngày nay chúng ta đang được vinh hạnh xây dựng”².

Quốc tế II được thành lập trong Đại hội quốc tế của công nhân, tổ chức tại Paris (Pháp) ngày 14/7/1889 với sự tham dự của gần 400 đại biểu đến từ hơn 20 quốc gia châu Âu, châu Mỹ. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ph. Ăngghen, Đại hội khẳng định: chủ nghĩa cộng sản khoa học là nền tảng tư tưởng của phong trào công nhân xã hội chủ nghĩa; sự nghiệp giải phóng lao động chỉ có thể do giai cấp vô sản toàn thế giới lãnh đạo; giai cấp vô sản phải giành lấy chính quyền để thực hiện tước đoạt tư bản và biến tư liệu sản xuất thành tài sản xã hội... Trong những năm tiếp theo, Quốc tế II tổ chức thêm 3 kỳ đại hội: năm 1891 tại Bruxelles (Brúcxen, Bỉ); năm 1893

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.16, tr.25.

2. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Sđd, t.38, tr.278.

tại Zurich (Duyrích) và năm 1896 tại London. Do sự chống phá của các lực lượng cơ hội, đặc biệt là từ khi Ph. Ăngghen mất (1895), Quốc tế II bị phân hóa, phân rã, phân liệt nặng nề và cuối cùng bị phá sản trước ngưỡng cửa Chiến tranh thế giới thứ nhất. Tuy nhiên, Quốc tế II có đóng góp rất quan trọng vào cuộc đấu tranh tư tưởng, bảo vệ, bồi sung, phát triển và truyền bá chủ nghĩa Mác, đánh dấu thời kỳ chuẩn bị cơ sở để phong trào công nhân xã hội chủ nghĩa lan rộng trong quần chúng ở nhiều nước, như V.I. Lênin nhận định¹.

Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) ra đời tại Đại hội thành lập Quốc tế Cộng sản, tổ chức từ ngày 2 đến ngày 6/3/1919 tại Thủ đô Mátxcova (Nga) dưới sự chủ trì của lãnh tụ V.I. Lênin với sự tham dự của 51 đại biểu đến từ 30 nước châu Âu, châu Mỹ, châu Á. Đại hội đã thông qua Cương lĩnh trình bày những nguyên lý quan trọng nhất của chủ nghĩa Lênin về chủ nghĩa đế quốc và lý luận cách mạng xã hội chủ nghĩa; đã bầu ra Ban Chấp hành gồm đại biểu của nhiều Đảng Cộng sản; thật sự trở thành trung tâm lãnh đạo phong trào cộng sản và phong trào cách mạng trên thế giới.

Bám sát thực tiễn sôi động của phong trào cách mạng thế giới, các kỳ đại hội của Quốc tế Cộng sản đã xác định chiến lược, sách lược đấu tranh quan trọng, trong đó có đề cương về Mặt trận thống nhất công nhân, Mặt trận thống nhất chống đế quốc và phong kiến; Báo cáo 5 năm cách mạng Nga và triển vọng của cách mạng thế giới; chú trọng vấn đề dân tộc thuộc địa; nêu ra ba loại hình cách mạng xã hội chủ nghĩa tương ứng với ba loại nước; Cương lĩnh mặt trận chống nguy

1. Xem V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.38, tr.363.

cơ của chủ nghĩa phát xít; nghị quyết thống nhất phong trào công đoàn thế giới... Trước bối cảnh ngặt nghèo của chiến tranh, ngày 15/5/1943, Ban Chấp hành đã ra nghị quyết giải tán Quốc tế Cộng sản, chấm dứt 24 năm hoạt động. Công lao to lớn của Quốc tế Cộng sản là nhằm thực hiện chuyên chính vô sản. Nếu như Quốc tế I đã đặt nền tảng cho cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản có tính chất quốc tế để thực hiện chủ nghĩa xã hội; Quốc tế II đã đánh dấu thời kỳ chuẩn bị cơ sở làm cho phong trào vô sản phát triển rộng rãi ở nhiều nước, thì Quốc tế Cộng sản đã kế thừa tất cả những thành quả đó, gạt bỏ mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội, bắt đầu thực hiện chuyên chính vô sản với tính cách nhà nước của công - nông và nhân dân lao động.

Từ giữa thế kỷ XX, xuất hiện hàng loạt vấn đề mới, phức tạp đặt ra cho cuộc đấu tranh vì những mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới. Cũng vào thời kỳ đó, nảy sinh nhiều rạn nứt, khủng hoảng về tư tưởng, lý luận và chính trị trong nội bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa. Lợi dụng bối cảnh ấy, chủ nghĩa đế quốc tăng cường công kích, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê nin và chủ nghĩa xã hội. Các lực lượng cơ hội, xét lại cổ xúy cho cõi tồn tại hòa bình, tuyệt đối hóa con đường cách mạng phi bạo lực, thủ tiêu đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai hệ thống.

Tháng 11/1957, đại diện của 12 đảng cộng sản, công nhân tổ chức *Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân quốc tế* tại Mátxcơva. Hội nghị ra Tuyên bố chung phân tích nội dung cơ bản của thời đại hiện nay là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; nêu lên những nguyên tắc quan hệ giữa các nước trong hệ thống xã hội chủ

nghĩa - đó là chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa; vạch ra một số quy luật chung bắt buộc đối với các nước tiến lên chủ nghĩa xã hội; nhấn mạnh nhiệm vụ giáo dục chủ nghĩa quốc tế vô sản, ngăn chặn chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa sô vanh nước lớn... Bản tuyên bố này được đồng đảo các đảng cộng sản, công nhân xem là văn bản chỉ đạo có tính chất cương lĩnh chung.

Theo nghị quyết của Hội nghị, tháng 9/1958, Tạp chí *Những vấn đề của hòa bình và chủ nghĩa xã hội* đã ra số đầu tiên, xuất bản bằng 34 ngôn ngữ, phát hành ở 145 nước trên thế giới. Tạp chí là diễn đàn thông tin, trao đổi kinh nghiệm; công cụ giáo dục lý luận cách mạng; vũ khí đấu tranh tư tưởng; không gian tập hợp lực lượng, phối hợp hành động, củng cố sự đoàn kết, thống nhất của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Những bước phát triển mạnh mẽ của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới từ cuối thập niên 1950 chứng minh tính đúng đắn của những luận điểm được nêu trong Tuyên bố của Hội nghị năm 1957; đồng thời, đặt ra nhu cầu phát triển kịp thời nội dung của những luận điểm đó nhằm thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo cuộc đấu tranh cách mạng trên phạm vi thế giới.

Sau khi dự Lễ kỷ niệm 43 năm Cách mạng Tháng Mười Nga (1917 - 1960), tại thủ đô Mátxcơva, các đại biểu đã tổ chức *Hội nghị 81 đảng cộng sản, công nhân*. Đây là hội nghị quốc tế lớn nhất của các lực lượng cộng sản, công nhân quốc tế; đã thông qua Tuyên bố chung và Lời kêu gọi nhân dân toàn thế giới. Các văn kiện này nêu lên một cách toàn diện nội dung và tính chất của thời đại ngày nay; trình bày quan điểm về các vấn đề nóng hổi nhất như: chiến tranh, hòa bình,

cùng tồn tại hòa bình; tổng kết những kinh nghiệm cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó nhấn mạnh phải kết hợp đúng đắn những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lê nin về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội với những đặc điểm dân tộc; phải kết hợp chặt chẽ lợi ích của dân tộc mình với lợi ích của toàn hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới...

Để tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong phong trào cộng sản quốc tế, bản tuyên bố nhấn mạnh phải tiếp tục đấu tranh trên cả hai mặt trận: chống chủ nghĩa xét lại hiện đại là nguy cơ chủ yếu; đồng thời chống chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa bè phái. Ngoài ra, cần giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa các đảng anh em. Tất cả các đảng đều độc lập, bình đẳng, đồng thời có nghĩa vụ ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau, tự nguyện tuân theo những kết luận nhất trí thông qua sau khi thảo luận dân chủ trong các hội nghị quốc tế, các đảng anh em phải bảo vệ hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

Sau Hội nghị năm 1960, hoạt động lý luận và thực tiễn của các đảng cộng sản, công nhân được tăng cường triển khai: vừa tổng kết phong trào cách mạng, vạch ra những vấn đề lý luận cơ bản, cấp bách và xây dựng đường lối, con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, các trào lưu tư tưởng cơ hội, hữu khuynh, xét lại hiện đại cũng lan rộng trong nội bộ đội ngũ cộng sản thế giới, đe dọa khôi phục kết thống nhất của toàn bộ phong trào. Nghiêm trọng hơn, đó là mối bất đồng giữa một số nước xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc trên các phương diện tư tưởng, lý luận, đường

lối, chiến lược cách mạng. Lãnh đạo Trung Quốc công bố thư ngỏ, công khai thể hiện quan điểm cho rằng: cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á, Phi, khu vực Mỹ Latinh mới là nhân tố quyết định xu thế phát triển của thế giới; chiến tranh thế giới tất yếu phải nổ ra và đó là con đường để tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc; trung tâm cách mạng thế giới đã chuyển từ châu Âu sang châu Á và Trung Quốc mới xứng đáng là đội tiên phong lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới...

Từ ngày 5 đến ngày 17/6/1969, *Hội nghị quốc tế 75 đảng cộng sản và công nhân* đã được tổ chức tại Mátxcơva. Hội nghị đã thông qua văn kiện “Nhiệm vụ đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc trong giai đoạn hiện nay và sự thống nhất hành động của các đảng cộng sản và công nhân, của tất cả các lực lượng chống đế quốc”. Văn kiện xác định cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập tùy thuộc vào những thành tựu và sự đoàn kết của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Phương hướng chính trong đoàn kết hệ thống xã hội chủ nghĩa là thực hiện trong cuộc sống những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Do vậy, việc bảo vệ chủ nghĩa xã hội là nghĩa vụ của tất cả các đội ngũ cộng sản trên thế giới.

Hội nghị cho rằng khôi đoàn kết của các đảng cộng sản, công nhân là nhân tố quan trọng nhất để thống nhất tất cả các lực lượng chống đế quốc. Xuất phát từ điều kiện lịch sử và nhiệm vụ cụ thể khác nhau, mỗi đảng phải tự định ra chính sách, phương hướng, hình thức và phương pháp đấu tranh cụ thể. Cơ sở của mối quan hệ giữa các đảng anh em là những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản, đoàn kết và

ủng hộ lẫn nhau, tôn trọng độc lập, chủ quyền và bình đẳng, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Việc kết hợp đúng đắn lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế có ý nghĩa hàng đầu để mỗi đảng có thể làm tròn trách nhiệm của mình trước giai cấp công nhân nước mình và giai cấp công nhân quốc tế. Văn kiện Hội nghị nhấn mạnh: “Trách nhiệm dân tộc và trách nhiệm quốc tế của mỗi đảng cộng sản, công nhân là không thể chia rẽ. Những người mácxít - léninnít vừa là những người yêu nước, vừa là những người quốc tế chủ nghĩa, họ bác bỏ tính hẹp hòi dân tộc và cũng phản đối việc phủ nhận hay đánh giá thấp lợi ích dân tộc và bác bỏ cả khuynh hướng bá quyền”.

Sau Hội nghị năm 1969, các lực lượng cộng sản trên thế giới đã tăng cường gấp gẽ, trao đổi kinh nghiệm, phối hợp hành động. Các hội nghị đại biểu các đảng cộng sản, công nhân các nước Arập, các nước châu Phi, các nước Mỹ Latinh, các nước Bắc Âu, các nước châu Âu... liên tiếp được tổ chức, góp phần củng cố phong trào cộng sản quốc tế như một thực thể hoạt động thống nhất.

3. Cuộc khủng hoảng của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, sự sụp đổ của các chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu từ cuối thập niên 80 thế kỷ XX và sự tan rã của Liên Xô tháng 12/1991 là tổn thất nặng nề nhất của phong trào cộng sản quốc tế kể từ khi ra đời vào giữa thế kỷ XIX. Nguyên nhân gây ra thảm họa này rất đa dạng, trong đó có tình trạng vi phạm nghiêm trọng đối với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân - cả trong tư tưởng, nhận thức, lý luận và cương lĩnh, đường lối cũng như hoạt động thực tiễn của các đảng cộng sản cầm quyền.

Như hậu quả không tránh khỏi, toàn bộ phong trào cộng sản quốc tế sau năm 1991 bị lún sâu vào khủng hoảng, tan vỡ và phải đổi mặt với nhiều thách thức nghiêm ngặt nhất của lịch sử. Từ giữa thập niên 1990, diễn ra quá trình phục hồi của các đảng cộng sản, công nhân ở không gian của Liên Xô (trước đây), khu vực Đông Âu và trên thế giới. Điểm sáng nhất trong toàn cảnh phong trào cộng sản quốc tế sau năm 1991 đó là quá trình cải cách, mở cửa, đổi mới, cập nhật mô hình xã hội chủ nghĩa về phát triển kinh tế xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam, Cuba, Lào. Chế độ xã hội chủ nghĩa đã trụ vững trước các đảo lộn địa - chính trị toàn cầu, phá tan huyền thoại về sự cáo chung của chủ nghĩa cộng sản; đồng thời, đã năng động vượt qua các hạn chế, sai lầm của bản thân, thích ứng với các xu thế phát triển của thế giới hiện đại, đem lại sinh lực mới cho tư duy lý luận và hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, với tính cách là thực thể trong thế giới đương đại, phong trào cộng sản quốc tế còn phải khắc phục những hạn chế và vượt qua các thách thức lớn. *Một là*, mặc dù số lượng khá đông đảo, nhưng các lực lượng cộng sản, các quốc gia xã hội chủ nghĩa chưa tạo thành một đội ngũ thống nhất, đoàn kết, chưa thể hiện được ý chí và năng lực phối hợp hành động chung; bởi vậy, chưa trở thành một lực lượng vật chất toàn thế giới đủ sức đối trọng với chủ nghĩa tư bản đế quốc. *Hai là*, những thắng lợi của một số đảng cộng sản trong bầu cử, tuy là to lớn, nhưng chưa thể làm thay đổi chế độ kinh tế - xã hội và chính trị ở những nước đó, càng chưa thể nghĩ tới việc giành chính quyền về tay quân chúng cách mạng, về tay nhân dân lao động. *Ba là*, sự nghiệp cải cách, đổi mới chủ

nghĩa xã hội vẫn còn rất nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến mô hình, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội cần được làm sáng tỏ; nguy cơ chệch hướng, tự diễn biến, tự chuyển hóa vẫn nghiêm trọng. *Bốn là*, cuộc khủng hoảng về lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới, sự thoái trào của phong trào cộng sản quốc tế vẫn chưa được khắc phục, thậm chí có mặt đáng lo ngại hơn. *Năm là*, các thế lực đế quốc, phản động chống phá ngày càng tinh vi, ngày càng lợi hại, gây ra cho phong trào cộng sản quốc tế nguy cơ, thách thức chưa hề có tiền lệ.

Trong bối cảnh của thế giới ngày nay và đứng trước nhiệm vụ mới của sự nghiệp cách mạng, những mối quan hệ vì lợi ích giai cấp giữa các lực lượng cộng sản cần phải được cấu trúc lại một cách phù hợp, khả thi cả về nội dung và hình thức thực hiện:

Trước hết, phải tăng cường giáo dục chủ nghĩa quốc tế vô sản, chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân cho đảng viên và quần chúng cách mạng ở mỗi nước, nhất là cán bộ đảng viên đang giữ trọng trách lãnh đạo, quản lý. Mỗi cán bộ, đảng viên cần nhận thức rằng, tuy sức mạnh tự thân là yếu tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp cách mạng ở từng quốc gia, nhưng không đội ngũ cộng sản nào, không quốc gia xã hội chủ nghĩa nào có thể một mình đi lên chủ nghĩa xã hội được. Sự nghiệp ấy nhất định phải là một sự nghiệp mang bản chất quốc tế sâu rộng. Kể cả Đảng và nhân dân Việt Nam, Trung Quốc..., tuy có thể trụ vững, đổi mới, cải cách chủ nghĩa xã hội với nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, nhưng nếu cách mạng thế giới còn khó khăn, thoái trào, thì cũng không thể giành được thắng lợi cuối cùng; ngược lại,

sẽ thường xuyên bị các lực lượng phản động, chống cộng toàn thế giới chống phá một cách bài bản, không thể xem thường.

Hai là, phải tăng cường thông tin, tuyên truyền tình hình đội ngũ cộng sản ở các nước và trên toàn thế giới để các lực lượng cộng sản hiểu biết lẫn nhau kịp thời, đầy đủ, đúng đắn trước các chiến dịch thông tin xuyên tạc của các thế lực thù địch. Lịch sử phong trào cộng sản quốc tế chứng minh rất rõ, mỗi khi thiếu thông tin về nhau, các lực lượng cộng sản trên thế giới thường bị rơi vào nhiều căn bệnh, từ ấu trĩ “tả” khuynh đến cơ hội hữu khuynh, xét lại, bá quyền đảng lớn, bè phái cục bộ... Mặt khác, chưa bao giờ các phương tiện truyền thông có sức mạnh và tác động vô cùng lợi hại như trong thế giới ngày nay. Bởi vậy, mỗi tổ chức cộng sản cần chủ động, sáng tạo chia sẻ thông tin về mình cho lực lượng cộng sản toàn thế giới thông qua các phương tiện truyền thống (báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, xuất bản...) và các phương tiện hiện đại (hộp thư điện tử, trang thông tin điện tử, mạng xã hội, báo chí điện tử, sách điện tử, truyền thông đa phương tiện - đa nền tảng công nghệ...).

Ba là, trong quá trình xây dựng cương lĩnh, đường lối, chính sách và trong hoạt động thực tiễn của mình, mỗi lực lượng cộng sản phải đảm bảo tôn trọng lợi ích của toàn bộ giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới, phòng tránh các xu hướng cục bộ hẹp hòi, tuyệt đối hóa lợi ích riêng của giai cấp công nhân nước mình. Đã có thời, lực lượng công nhân, cộng sản ở các nước khác nhau đều nhân danh lòng ái quốc bỏ phiếu tán thành ngân sách chiến tranh cho chính phủ tư sản ở nước mình, vô tình đã trở thành đồng lõa với các thế lực đế quốc châm lên ngọn lửa Chiến tranh thế giới thứ

nhất. Bài học đắt giá này còn nguyên giá trị cảnh báo trong thế giới toàn cầu hóa hiện nay, khi mỗi chính sách mời gọi đầu tư nước ngoài, chính sách lao động - tiền lương, chính sách thuế, chiến lược xuất nhập khẩu, chính sách đối ngoại... do chính phủ ở mỗi nước ban hành đều tác động trực tiếp đến người lao động ở các nước khác, trước hết là những nước đối tác.

Bốn là, ủng hộ và bảo vệ chủ nghĩa xã hội cần trở thành nhiệm vụ chung quy tụ, tập hợp, gắn kết và đoàn kết, thống nhất của các lực lượng cộng sản toàn thế giới. Các quốc gia xã hội chủ nghĩa đã vượt qua chồng chất khó khăn, thách thức từ sau năm 1991, không chỉ thành công trong bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc, Việt Nam, Cuba, Lào... mà còn đem lại sức mạnh, vị thế mới cho chủ nghĩa xã hội. Đây là thắng lợi và niềm hy vọng chung của công nhân, cộng sản và cách mạng toàn thế giới. Chính vì vậy, các lực lượng cộng sản, giai cấp công nhân và quần chúng cách mạng thế giới, trước hết là các đảng cộng sản cầm quyền, cần gác lại mọi mâu thuẫn, bất đồng, khác biệt để ưu tiên nhiệm vụ và lợi ích chung là ủng hộ, bảo vệ chủ nghĩa xã hội như một thực thể quyền lực ngày càng hùng mạnh trong thế giới đầy nghịch lý hiện nay. Cũng cần trân trọng, tôn trọng và thực sự cầu thị nghiên cứu từng sáng tạo cộng sản trong nỗ lực chung xây dựng những mô hình xã hội chủ nghĩa phù hợp và làm sáng tỏ con đường của từng quốc gia đi lên chủ nghĩa xã hội.

Năm là, cần xây dựng cơ chế, thiết chế và diễn đàn, tổ chức quốc tế phù hợp của các lực lượng cộng sản trên thế giới hiện nay. Tuy có đội ngũ đảng viên đông đảo nhất so với các

đảng chính trị khác, nhưng cái yếu nhất của các đảng cộng sản và công nhân hiện nay là chưa biết tập hợp nhau lại thành một đội ngũ thông qua hình thức tổ chức quốc tế phù hợp. Trong khi đó, các thế lực tư bản độc quyền, tư bản đế quốc tỏ ra khôn ngoan xiết chặt đội hình thông qua các thiết chế chung như NATO, G7, Diễn đàn Kinh tế thế giới Davos..., cùng nhau chi phối các tổ chức quốc tế toàn cầu như WTO, IMF, WB...

Có thể kết luận rằng, chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân là một quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Từ chỗ là ước mơ không tưởng, một “bóng ma” ám ảnh châu Âu, chủ nghĩa cộng sản đã trở thành lý luận khoa học và cách mạng soi đường cho công nhân, lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới lật đổ ách thống trị của tư bản, thực dân, đế quốc và xây dựng chế độ xã hội của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Thế giới từ năm 1917 đến nay không còn là thế giới độc tôn của chủ nghĩa tư bản. Hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa, với biểu hiện ban đầu là chủ nghĩa xã hội, đã trở thành hiện thực sống động trên một phần đáng kể của trái đất và đã, đang là cuộc sống thực tại của hàng tỷ con người. Những thành tựu vĩ đại này có được, trên ý nghĩa rất lớn, là nhờ đội ngũ công nhân toàn thế giới dưới sự lãnh đạo của các chính đảng tiên phong đã nhận thức đúng đắn và hành động tự giác theo các quy luật của cách mạng vô sản, trong đó có chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Ngược lại, những đổ vỡ, mất mát và những trang sử xót xa nhất của phong trào cộng sản quốc tế đều là hậu quả của việc xem nhẹ, xa rời, phản bội lại các quy luật ấy.

Trong thế giới toàn cầu hóa hiện nay, chủ nghĩa tư bản ngày càng trở thành một lực lượng toàn cầu trên mọi phương diện: cả phương thức sản xuất, chế độ xã hội và chủ thể quốc tế. Điều này đặt ra đòi hỏi tự nhiên rằng, cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân cũng nhất thiết phải được nhận thức và tổ chức triển khai với tư duy toàn thế giới, cho dù trong chiến lược và sách lược của mình, đội ngũ công nhân ở mỗi nước đều phải “tự mình biến thành dân tộc”, “giành lấy dân tộc”. Mỗi bước tiến vào xã hội tương lai lại đòi hỏi những người cộng sản phải thực hiện một cách hiệu quả chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân trên cơ sở ý thức sâu sắc rằng, chỉ có *toàn bộ giai cấp công nhân trên thế giới* mới có khả năng hoàn thành sứ mệnh lịch sử vang vang, đó là lật đổ chủ nghĩa tư bản, tiến hành giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng lao động và giải phóng con người.

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TÁC PHẨM ĐÁNH DẤU SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA CHỦ NGHĨA MÁC

PGS. TSKH. TRẦN NGUYỄN TUYÊN*

1. Mặc dù ra đời cách đây 170 năm, tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* được C. Mác và Ph. Ăngghen viết và xuất bản tháng 2/1848 vẫn giữ nguyên giá trị và có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của thế giới ngày nay, đặc biệt trong việc nhận thức đặc điểm, bản chất của thời đại ngày nay dưới tác động của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Cùng với thời gian, *Tuyên ngôn* càng tỏ rõ sức sống trong đời sống hiện thực, khẳng định bản chất khoa học và cách mạng trước các trào lưu tư tưởng phản động muốn phủ nhận, xuyên tạc, bóp méo học thuyết vĩ đại này.

Có thể khẳng định tác phẩm là một di sản lý luận chủ yếu về chủ nghĩa xã hội khoa học, đồng thời đây là bản cương lĩnh chính trị đầu tiên của phong trào công sản và công nhân quốc tế. Trong di sản lý luận của chủ nghĩa Mác, *Tuyên ngôn*

* Hội đồng Lý luận Trung ương, Nguyên Viện trưởng Viện Kinh điển Mác - Lênin.

của Đảng Cộng sản giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Lần đầu tiên trong tác phẩm này, hai ông đã hệ thống hóa những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác dưới dạng cô đọng nhất, thể hiện rõ ràng và đầy đủ nhất thế giới quan duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đưa ra các luận thuyết cơ bản như phân tích và khẳng định sự tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi thế giới, về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, lý luận về đảng... Những nội dung cơ bản của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* có sức sống và giá trị to lớn bởi đó là sản phẩm của tư duy khoa học trên cơ sở tổng kết thực tiễn mà C. Mác và Ph. Ăngghen đã tiến hành. Trong *Tuyên ngôn* cũng thể hiện rõ mối quan hữu cơ giữa ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác là triết học mácxít, kinh tế chính trị học mácxít và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Tác phẩm này ra đời trong bối cảnh sự phát triển nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản và sự lớn mạnh của giai cấp công nhân trong những thập niên đầu thế kỷ XIX, mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản ngày càng trở nên sâu sắc, giai cấp vô sản với tư cách là một lực lượng chính trị độc lập cần phải có một chính đảng với một cương lĩnh khoa học làm cơ sở lý luận và thực tiễn soi đường. Điều này đòi hỏi phải có lý luận mới trang bị cho phong trào công nhân, đưa phong trào này phát triển lên một giai đoạn mới. Tại Hội nghị lần thứ hai của Liên đoàn những người cộng sản ở London tháng 11/1847, C. Mác và Ph. Ăngghen được giao nhiệm vụ khởi thảo một bản cương lĩnh toàn diện về mặt lý luận và thực tiễn của Đảng Cộng sản. Tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* được C. Mác và Ph. Ăngghen hoàn thành vào

tháng 1/1848 đã đáp ứng được yêu cầu đó và sau đó được tuyên truyền rộng rãi trong phong trào công nhân.

Khác với quan điểm của các nhà kinh tế tư sản cho rằng chủ nghĩa tư bản tồn tại vĩnh viễn, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, xuất phát từ kết cấu kinh tế - xã hội của chủ nghĩa tư bản, trên cơ sở phân tích các mâu thuẫn nội tại trong phương thứ sản xuất tư bản chủ nghĩa, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định rằng chủ nghĩa tư bản mang tính lịch sử; phù hợp với lý luận và hình thái kinh tế - xã hội, coi sự phát triển của xã hội loài người là một quá trình lịch sử tự nhiên, chủ nghĩa tư bản tất yếu sẽ bị thay thế bằng một chế độ xã hội cao hơn đó là chủ nghĩa cộng sản mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội. Trong lịch sử của mình, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất: “Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại”¹. Chủ nghĩa tư bản đã phát triển lực lượng sản xuất một cách không tự giác do quá trình chạy theo giá trị thặng dư, nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển của mình, giai cấp tư sản đã tạo ra thị trường thế giới. C. Mác và Ph. Ăngghen nhận xét rằng: “Vì luôn luôn bị thúc đẩy bởi nhu cầu về những nơi tiêu thụ sản phẩm, giai cấp tư sản xâm lấn khắp hoàn cầu”².

C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra rằng trong mối quan hệ hữu cơ giữa kinh tế và chính trị, mỗi bước phát triển về mặt

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.603, 601.

kinh tế tạo ra một sự thích ứng về chính trị và giai cấp tư sản, thông qua việc tạo dựng nền đại công nghiệp cơ khí, phát triển thị trường thế giới, giai cấp tư sản đã khẳng định, xác lập được quyền thống trị chính trị của mình đối với xã hội. Thông qua bộ máy nhà nước, giai cấp tư sản duy trì củng cố quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, tranh thủ những điều kiện tốt nhất cho giai cấp mình. Với ưu thế về hàng hóa cạnh tranh, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã phá hủy cơ cấu truyền thống phong kiến của các nước lạc hậu, lôi cuốn nhiều dân tộc vào con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, giai cấp tư sản “tạo ra cho nó một thế giới theo hình dạng của nó”¹.

Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản còn thể hiện ở chỗ tạo lập cơ cấu xã hội, giai cấp theo hướng hình thành các giai cấp đối địch nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* khẳng định rằng sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã làm cho mâu thuẫn cơ bản của nó trở nên sâu sắc, trầm trọng hơn, lực lượng sản xuất ngày càng phát triển mâu thuẫn với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa chật hẹp, đòi hỏi phải xóa bỏ quan hệ sản xuất này, thiết lập chế độ xã hội mới.

Các nhà kinh điển đã khẳng định rằng, một trong những nhiệm vụ cấp bách nhất của Đảng Cộng sản với tư cách là lực lượng duy nhất có khả năng tổ chức lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị là “tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy chính quyền”². Quan điểm này của các nhà kinh điển đã có

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.602, 615.

sự kế thừa và phát triển, nếu trong lời nói đầu tác phẩm *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản bắt nguồn từ những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội, tuy nhiên vẫn còn là vấn đề trừu tượng, thì đến tác phẩm *Sự khốn cùng của triết học* (1847), Các Mác đã trình bày về sự cần thiết của việc xóa bỏ sự thống trị về kinh tế của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản phải giành lấy chính quyền, muốn vậy giai cấp vô sản phải chuyển biến từ giai cấp “tự nó” thành giai cấp “cho nó”. Điều này phản ánh sự trưởng thành chín muồi về trình độ chính trị và tư tưởng của giai cấp vô sản thông qua việc thiết lập một chính đảng của giai cấp công nhân với tư cách lực lượng chính trị độc lập để lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã phát triển và đề ra luận điểm chứng minh các điều kiện khách quan về sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản và sự hình thành các tiền đề chủ quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa. C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định giai cấp công nhân là giai cấp thực sự cách mạng, có khả năng thực hiện cách mạng vô sản, thủ tiêu chế độ cũ tư bản chủ nghĩa, xây dựng chế độ mới - cộng sản chủ nghĩa. “... giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những công nhân hiện đại, những *người vô sản*”¹. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đã đi từ đơn lẻ, tự phát đến tự giác, có tổ chức với sự hình thành chính đảng của giai cấp

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.605.

công nhân, chuyển từ đấu tranh kinh tế sang đấu tranh chính trị.

C. Mác và Ph. Ăngghen đã vạch rõ bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội chỉ có thể hoàn thành thông qua những cải tạo căn bản trong quan hệ sở hữu và trong toàn bộ hệ thống các quan hệ sản xuất. Nhưng để làm được điều đó, phải tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và giai cấp vô sản phải nắm được chính quyền. Tư tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa là nội dung cốt yếu của toàn bộ tác phẩm, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định: “Họ công khai tuyên bố rằng mục đích của họ chỉ có thể đạt được bằng cách dùng bạo lực lật đổ toàn bộ trật tự xã hội hiện hành”¹.

Trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen chưa dùng thuật ngữ “chuyên chính vô sản”, song đã khẳng định thực chất của chuyên chính vô sản là việc giai cấp vô sản được tổ chức thành giai cấp thống trị, khẳng định tính tất yếu khách quan của việc giai cấp vô sản lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản và thiết lập quyền thống trị về kinh tế và xã hội của mình. Nhiệm vụ của chuyên chính vô sản được xác định là:

- Thủ tiêu bằng bạo lực chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và thiết lập chế độ sở hữu toàn dân.
- Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, “tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất”².

Các nhà kinh điển cũng khẳng định tùy theo điều kiện lịch sử cụ thể của các nước khác nhau mà những biện pháp áp dụng sẽ phải khác nhau, không có một khuôn mẫu chung

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.646, 626.

cho mọi quốc gia. Trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, chế độ sở hữu được xem xét trong quá trình phát triển của lịch sử theo quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất. Trong sự phát triển của mình, thời kỳ đầu chủ nghĩa tư bản đã thúc đẩy nhanh chóng sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập cơ sở vật chất - kỹ thuật cho sự hình thành và phát triển của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên đến một giai đoạn nhất định, những quan hệ sản xuất này trở nên chật hẹp, trở thành sức cản đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất mới, chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và quan hệ người bóc lột người dựa trên cơ sở đó đã kìm hãm sự phát triển của xã hội. Các ông đã khẳng định “chế độ tư hữu tư sản hiện thời, lại là biểu hiện cuối cùng và đầy đủ nhất của phong cách sản xuất và chiếm hữu sản phẩm dựa trên những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia”¹. Với việc xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất đã làm thay đổi căn bản mục đích của nền sản xuất xã hội, “Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”².

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen chưa đặt vấn đề thời kỳ quá độ và các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội, mặc dù vậy hai ông cũng cho thấy sự cần thiết của việc thiết lập tổ chức quyền lực, bộ máy nhà nước của giai cấp công nhân trong quá trình cải tạo và xây dựng chế độ xã hội mới.

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.615, 628.

Với bản chất cách mạng và khoa học trong học thuyết của mình, C. Mác và Ph. Ăngghen *đã đưa ra những dự báo thiên tài vượt thời đại* và mang ý nghĩa hiện thực sâu sắc như về vấn đề cách mạng công nghiệp, sự phát triển của đại công nghiệp, thị trường thế giới. Các ông viết: “các thị trường cứ lớn lên không ngừng, nhu cầu luôn luôn tăng lên. Ngay cả công trường thủ công cũng không thỏa mãn được nhu cầu đó nữa. Lúc ấy, hơi nước và máy móc dẫn đến một cuộc cách mạng trong công nghiệp... Đại công nghiệp đã tạo ra thị trường thế giới”¹.

Lịch sử phát triển của nhân loại đã chứng minh tính đúng đắn của nhận định trên, thế giới đã trải qua và phát triển từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và hiện nay chuyển sang cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng công nghiệp 4.0). Đặc trưng chủ yếu của cách mạng công nghiệp đầu tiên là sử dụng năng lượng nước và hơi nước để cơ giới hóa sản xuất, cuộc cách mạng lần thứ hai diễn ra với ứng dụng điện năng để sản xuất hàng loạt, cuộc cách mạng lần thứ ba sử dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất. Đến nay, cuộc cách mạng công nghiệp thứ tư đang nảy nở từ cuộc cách mạng lần thứ ba, nó kết hợp các công nghệ lại với nhau, làm mờ ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật và sinh học. Cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ diễn ra trên ba lĩnh vực chính gồm: kỹ thuật số, vật lý và công nghệ sinh học.

Đồng thời với quá trình này, toàn cầu hóa đã phát triển mạnh mẽ, không những là xu thế khách quan mà còn là quá

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr. 624

trình lôi cuốn các nước, các dân tộc tham gia, tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, hiện nay có nhiều vấn đề mang tính toàn cầu mà để giải quyết nó cần có sự hợp tác của tất cả các nước.

Ngoài những nội dung quan trọng trên, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của C. Mác và Ph. Ăngghen là một tác phẩm mâu mực mang tính chiến đấu, phê phán cao đối với các lý luận phản khoa học, phản động chống chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xã hội khoa học. Các ông đã phê phán chủ nghĩa xã hội kiểu tư sản mà đại biểu điển hình là Sismondi (Xixmôndi) và Prudon (Pruđông), vạch rõ tính chất không tưởng và phản động của lý luận này. Điều này cũng phù hợp với việc phê phán chủ nghĩa cải lương xã hội hiện đại mà hệ tư tưởng tiểu tư sản đại diện cho lợi ích của tầng lớp trên trong giai cấp công nhân, “tầng lớp công nhân quý tộc”, đã bị tư sản hóa, mục đích là làm cho phong trào công nhân xa rời đấu tranh cách mạng, chịu ảnh hưởng của giai cấp tư sản, phong trào mang tính cải lương hữu khuynh.

Các ông cũng phê phán gay gắt quan điểm của “chủ nghĩa xã hội tư sản”, tuy hình thức có khác nhau nhưng bản chất nhằm bảo vệ chế độ tư bản chủ nghĩa, phủ nhận đấu tranh giai cấp, mang tính lừa bịp quần chúng lao động, không muốn cải biến căn bản chế độ tư bản chủ nghĩa. Điều này trong điều kiện hiện nay có ý nghĩa quan trọng trong việc đấu tranh chống các trào lưu tư sản, phản động phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và học thuyết giá trị thặng dư - là những phát minh quan trọng của chủ nghĩa Mác đối với lịch sử phát triển của xã hội loài người, làm cho chủ nghĩa xã hội từ không tưởng trở thành khoa học.

C. Mác và Ph. Ăngghen cũng tỏ thái độ đối với chủ nghĩa xã hội không tưởng của Saint Simon (Xanh Ximông), Fourier (Phuriê), Owen (Ôoen) là những bậc tiền bối của chủ nghĩa Mác. Các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng đã không thấy được vai trò lịch sử của giai cấp công nhân cũng như con đường giải phóng của họ.

Bản thân các nhà kinh điển cũng không coi học thuyết của mình như một cái gì đó hoàn thiện, bất biến, mà luôn đòi hỏi phải có sự bổ sung, vận dụng phát triển sáng tạo trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Bởi lẽ chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo, do vậy phải căn cứ vào những điều kiện lịch sử cụ thể mới có những định hướng giải pháp phù hợp. Các nhà kinh điển cũng không bao giờ coi học thuyết của mình như là những câu trả lời vạn năng cho mọi tình huống của cuộc sống mà khẳng định phải luôn được xem xét gắn với sự phát triển của thực tiễn, với tư cách là động lực của nhận thức, là tiêu chuẩn khách quan của mọi chân lý.

Không đầy 25 năm sau khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời năm 1848, trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” xuất bản năm 1872*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định: “Chính ngay “Tuyên ngôn” cũng đã giải thích rõ ràng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đấy, không nên quá cùn nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II. Đoạn này, ngày nay mà viết lại thì về nhiều mặt, cũng phải viết khác đi. Vì đại công nghiệp đã có những bước tiến hết

sức lớn trong hai mươi lăm năm qua”¹. Các ông lý giải lý do không sửa lại là vì: ““Tuyên ngôn” là một tài liệu lịch sử mà chúng tôi không có quyền sửa lại”².

2. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác, V.I. Lê nin đã xuất phát từ điều kiện cụ thể của nước Nga, với tư cách là mắt xích yếu nhất của hệ thống đế quốc chủ nghĩa sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, Người cho rằng nước Nga đã hội tụ đầy đủ các điều kiện khách quan và chủ quan để cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể nổ ra (điều này trái với dự báo của C. Mác và Ph. Ăngghen là cách mạng vô sản có khả năng nổ ra đồng loạt ở các nước tư bản phát triển, nơi mà mâu thuẫn giữa vô sản và tư sản đã đẩy lên đến mức độ cùng cực). Cũng do nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác, V.I. Lê nin đã vạch ra Chính sách kinh tế mới (NEP) mùa xuân 1921 thay cho Chính sách cộng sản thời chiến được áp dụng trong điều kiện nước Nga bị bao vây bởi các nước đế quốc và nội chiến trong nước. Chính nhờ Chính sách kinh tế mới mà nước Nga đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng, tạo tiền đề quan trọng để thực hiện công nghiệp hóa đất nước.

Thực chất của Chính sách kinh tế mới là đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội với việc thừa nhận sự tồn tại của nền kinh tế nhiều thành phần, phát triển quan hệ hàng hoá - tiền tệ, kinh tế thị trường, thực hiện sự trao đổi giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp, thay thế chính sách trung thu lương thực bằng chính sách thuế lương thực, chú trọng khuyến lợi ích vật chất và coi đó là động lực

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.128.

quan trọng để phát triển kinh tế, sử dụng các hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước. Ở đây dường như có mâu thuẫn với quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen khi cho rằng chủ nghĩa cộng sản xóa bỏ buôn bán, cùng với việc xã hội nắm lấy những tư liệu sản xuất thì sản xuất hàng hoá cũng bị loại trừ.

Thực ra phải hiểu điều kiện lịch sử cụ thể của những quan điểm của các nhà kinh điển, điều khẳng định ở trên của Mác và Ăngghen là những dự đoán về giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản chứ không phải nói về giai đoạn thấp của nó, tức là chủ nghĩa xã hội. Điều này C. Mác đã khẳng định: Đó là một xã hội vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó là một xã hội về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần - còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lột lòng ra... Như vậy làm sao xóa ngay được cái dấu vết đặc trưng của chủ nghĩa tư bản là kinh tế hàng hóa. Các nhà kinh điển đã chỉ ra một cách đúng đắn về mặt phương pháp luận khi cho rằng, cơ sở để xóa bỏ chế độ tư hữu là lực lượng sản xuất phải được phát triển đến một trình độ nhất định với trình độ xã hội hóa cao, chứ không phải chỉ bằng quyết định mệnh lệnh hành chính hay mong muốn chủ quan.

Những nội dung của tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* có ý nghĩa quan trọng trong thời đại ngày nay. Mặc dù đã ra đời cách đây 170 năm nhưng những nội dung và tư tưởng của tác phẩm vẫn nguyên vẹn giá trị tinh thần to lớn trong việc cung cấp thế giới quan và phương pháp luận giải quyết các vấn đề nảy sinh của thực tiễn hiện nay. Đặc biệt vào những năm 90 thế kỷ XX, sau khi Liên Xô và Đông Âu tan rã, một số người cho rằng lịch sử phải chăng kết thúc ở

chủ nghĩa tư bản, tột đĩnh của văn minh loài người. Một số lập luận khác cho rằng chủ nghĩa tư bản đã thay đổi về chất với các hình thức mới như: “Chủ nghĩa tư bản nhân dân”, “Chủ nghĩa tư bản tự điều chỉnh”, “Xã hội hậu công nghiệp”, “Chủ nghĩa tư bản của người lao động”. Song trên thực tế, chủ nghĩa tư bản vẫn không thay đổi bản chất và mâu thuẫn cơ bản của nó gắn với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất - điều này đã được khẳng định trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Các trào lưu phê phán chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xã hội mới xuất hiện gần đây như thuyết “Xung đột các nền văn minh”, “Sự tận cùng của lịch sử”, “Thuyết chính đáng”, “Thuyết chủ nghĩa xã hội mới”, chung quy đều tập trung phủ nhận nội dung của những học thuyết mang tính khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lenin về hình thái kinh tế - xã hội, học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, học thuyết giá trị thặng dư và phủ nhận tính chất thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội đang diễn ra hiện nay.

Mặc dù còn có những ý kiến khác nhau, song ý nghĩa, vai trò, tầm vóc lịch sử của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 là không thể phai mờ, vì nó định hướng phát triển của cả xã hội loài người, mở ra một thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Bên cạnh những thành tựu to lớn của chủ nghĩa xã hội hiện thực, thực tế cho thấy nếu chủ nghĩa xã hội không bị khủng hoảng, suy yếu và tan rã từ bên trong bởi những sai lầm, khuyết tật của chính mình, nếu chế độ không bị biến dạng nghiêm trọng, được nhân dân tín nhiệm và ủng hộ thì mọi âm mưu phá hoại thâm độc của chủ nghĩa đế quốc không

thể trở thành yếu tố gây khủng hoảng và sụp đổ của một loạt các quốc gia độc lập có chủ quyền như Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu những năm cuối thế kỷ XX, như V.I. Lê nin đã khẳng định chúng ta không thể bị đánh bại từ kẻ thù bên ngoài nếu chúng ta không bị suy yếu, tan vỡ từ bên trong.

Sau sự sụp đổ của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu vào những năm đầu thập niên 90 thế kỷ XX, các thế lực thù địch, chủ nghĩa đế quốc cho rằng, chủ nghĩa xã hội đã lâm vào thoái trào và chủ nghĩa tư bản mới là “sự tận cùng của lịch sử”. Tuy nhiên, gần 30 năm đã trôi qua, chủ nghĩa xã hội và phong trào cánh tả vẫn tiếp tục phát triển ở nhiều nước trên thế giới, ngày càng khẳng định vị thế quan trọng trên trường quốc tế. Điều đó chứng tỏ, biến cố chính trị năm 1991 chỉ là sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội, không thể phủ nhận bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê nin, những giá trị xuyên thời đại của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại và của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

170 năm đã trôi qua sau khi tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, tình hình thế giới đã có thay đổi lớn lao, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế mặc dù có lúc thăng trầm, vận động trong bối cảnh phức tạp khó khăn, song tiếp tục phát triển mạnh mẽ. *Cuộc gặp quốc tế các đảng cộng sản và công nhân lần thứ 18 được tổ chức cuối tháng 10/2016 tại Hà Nội*, với sự tham gia của hơn 100 đại biểu, đại diện cho các đảng cộng sản và công nhân các nước từ tất cả các châu lục trên thế giới đều thống nhất cho rằng trong bối cảnh hiện nay, việc tăng cường trao đổi thông tin, chia sẻ

kinh nghiệm và củng cố sự đoàn kết, thống nhất, đầy mạnh phổi hợp hành động một cách thiết thực giữa các đảng cộng sản và công nhân trong cuộc đấu tranh vì mục tiêu chung là rất cần thiết.

3. Vận dụng những tư tưởng trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định *cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc phải đi theo con đường cách mạng vô sản mà “không có con đường nào khác”*. Cách mạng Việt Nam đã liên tiếp giành được nhiều thắng lợi có tầm vóc lịch sử, đó là thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 với việc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; đó là thắng lợi cuộc kháng chiến chống xâm lược để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng chủ nghĩa thực dân mới và cũ, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất Tổ quốc năm 1975, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Những thành tựu qua hơn 30 năm đổi mới càng khẳng định những giá trị thời đại của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đảng ta khẳng định mặc dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ khiến chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất thời đại: Loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Toàn cầu hóa là xu thế khách quan lôi cuốn ngày càng nhiều các nước tham gia, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh, tạo ra thời cơ và thách thức cho các

quốc gia, nhát là các nước đang phát triển. Đảng đã đánh giá toàn diện hơn về chủ nghĩa tư bản, chỉ ra mặt mạnh và mặt yếu, những mâu thuẫn nội tại, khó khăn, khuyết tật của nó. Nhờ áp dụng những thành tựu của cách mạng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đổi mới phương pháp quản lý và tổ chức lại nền kinh tế, chủ nghĩa tư bản đã kích thích kinh tế phát triển, thích nghi với điều kiện mới, tuy nhiên nó không khắc phục được những mâu thuẫn vốn có của nó và đang tích tụ để làm trầm trọng hơn mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản. Mặc dù Liên Xô và chế xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu sụp đổ, song không thể làm thay đổi tính chất của thời đại chúng ta là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Kỷ niệm 170 năm ngày ra đời của tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, chúng ta càng nhận thức sâu sắc những nội dung quan trọng của tác phẩm này, vận dụng sáng tạo tư tưởng của các nhà kinh điển Mác - Lê nin trong việc đề ra chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Nhìn lại hơn 30 năm đổi mới với những thành tựu, hạn chế và khuyết điểm, Đảng ta đã rút ra một số bài học có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trong đó bài học đầu tiên là “trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại,

vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam”¹. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với công cuộc đổi mới hiện nay của nước ta, trong việc nhận thức và làm sáng tỏ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân; tất cả vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.69.

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VỚI VIỆC ĐỊNH HÌNH CHỦ NGHĨA MÁC

PGS. TS. NGUYỄN THANH TUẤN*

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản được xuất bản lần đầu vào ngày 21/2/1848 tại London. *Tuyên ngôn*, một mặt, là tác phẩm khoa học xuất sắc, đánh dấu một bước chín muồi về học thuyết, phương pháp luận của C. Mác (1818 - 1883) và Ph. Ăngghen (1820 - 1895); mặt khác, nó là kết quả kết hợp tư tưởng của Mác, Ăngghen với phong trào công nhân. Tổng hợp cả hai ý nghĩa đó, với *Tuyên ngôn*, chủ nghĩa Mác đã được định hình, xác lập trên thực tế, nhằm góp phần giải thích và cải biến thế giới.

1. *Tuyên ngôn* đánh dấu một bước chín muồi về học thuyết, phương pháp luận trong tư tưởng của Mác và Ăngghen

Thứ nhất, góp phần hình thành lý luận về bóc lột tư bản chủ nghĩa và tham gia giải thích, cải biến chủ nghĩa tư bản.

Trong *Tuyên ngôn*, Mác và Ăngghen đã tiếp tục xây dựng quan điểm cơ bản về bóc lột tư bản chủ nghĩa, như một công

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

cụ phương pháp luận để chỉ rõ quá trình phát sinh, phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; làm rõ những mặt tiến bộ, đồng thời cũng vạch ra những khuyết tật, mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản. Cụ thể, trên cơ sở học thuyết giá trị thặng dư, các ông đã vận dụng lý luận mới về kinh tế để phân tích một cách khoa học chế độ làm thuê, vạch rõ sức lao động của công nhân trở thành phương tiện nhằm làm tăng thêm giá trị cho tư bản; và tư bản mà nhà tư bản chiếm hữu được đã trở thành quyền lực chi phối lao động của người khác. Trên cơ sở đó, “Giai cấp tư sản ngày càng xóa bỏ tình trạng phân tán về tư liệu sản xuất, về tài sản và về dân cư. Nó tụ tập dân cư, tập trung các tư liệu sản xuất, và tích tụ tài sản vào trong tay một số ít người. Kết quả tất nhiên của những thay đổi ấy là sự tập trung về chính trị”¹. Giai cấp tư sản dùng chính quyền nhà nước phục vụ cho lợi ích của nó, từ hệ thống pháp luật đến chính sách thuế khóa, tất thảy đều là phương tiện để tước đoạt lợi ích kinh tế. Từ đó, Mác và Ăngghen chỉ ra rằng, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tất yếu sẽ bị thay thế bởi phương thức sản xuất mới, cao hơn, đó là phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa.

Thứ hai, vận dụng và phát triển chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Trong *Lời tựa cho bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”*, Ăngghen viết: “trong mọi thời đại lịch sử, phương thức chủ yếu của sản xuất kinh tế và trao đổi, cùng với cơ cấu xã hội do phương thức đó

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.602-603.

quyết định, đã cấu thành cơ sở cho lịch sử chính trị của thời đại”¹. Tư tưởng duy vật lịch sử đó được thể hiện xuyên suốt trong *Tuyên ngôn*. Có thể nói, với *Tuyên ngôn*, chủ nghĩa duy vật lịch sử đã được phát triển cả về nội dung và phương pháp luận. Trong *Tuyên ngôn*, Mác và Ăngghen đã vận dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng để làm rõ các quy luật phát triển của xã hội loài người, bao gồm: quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; quy luật cơ sở kinh tế của xã hội quyết định kiến trúc thương tầng của xã hội; tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, chứ không phải ngược lại; kinh tế xét đến cùng quyết định chính trị; quy luật về sự thay thế lẫn nhau như một quá trình lịch sử tự nhiên của các hình thái xã hội; đặc biệt, quy luật phát sinh, phát triển của toàn bộ xã hội loài người, trực tiếp là xã hội tư bản chủ nghĩa. Căn cứ vào các mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư bản chủ nghĩa và các quy luật chung (như nêu ở trên), các ông vạch rõ các hình thái xã hội vừa có tính tất yếu vừa có tính nhất thời về mặt lịch sử. Chúng vừa có những cơ sở lịch sử đầy đủ để phát sinh, tồn tại, phát triển, đồng thời cũng không tránh khỏi bị các hình thái xã hội mới, cao hơn thay thế.

Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thay thế chế độ phong kiến là do nhu cầu của xã hội về phát triển lực lượng sản xuất của mình. Mác và Ăngghen khẳng định rằng, giai cấp tư sản đã đóng vai trò có tính cách mạng trong lịch sử bằng việc lật đổ chế độ phong kiến lỗi thời và hơn thế, đã “tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.21, tr.523.

lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại”¹. Nhưng do những hạn chế lịch sử trong khung khổ chật hẹp của sở hữu tư bản tư nhân đối với tư liệu sản xuất, nên “Những lực lượng sản xuất mà xã hội săn có, không thúc đẩy qua hệ sở hữu tư sản phát triển nữa; trái lại, chúng đã trở thành quá mạnh đối với quan hệ sở hữu ấy, cái quan hệ sở hữu lúc đó đang cản trở sự phát triển của chúng”². Sự phát triển của công nghiệp lớn không ngừng làm mất đi cái cơ sở mà chế độ sở hữu tư bản tư nhân dựa vào đó để tồn tại. Nó làm cho chế độ tư bản chủ nghĩa sẽ tất yếu lại bị thay thế bằng một chế độ xã hội mới cao hơn, phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Đó là quy luật phát triển khách quan của lịch sử nhân loại, mà không tùy thuộc vào ý chí của bất kỳ cá nhân nào.

Thứ ba, phát hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Giai cấp công nhân đóng vai trò chủ yếu trong việc tạo ra những điều kiện vật chất để chủ nghĩa tư bản có thể tồn tại, phát triển được. Thế nhưng khủng hoảng kinh tế và các tệ nạn xã hội đã làm cho đời sống công nhân ngày càng bị bần cùng hóa, không được đảm bảo tương xứng với sự phát triển của xã hội. Địa vị xã hội của giai cấp vô sản thúc đẩy họ phải lật đổ chế độ lao động làm thuê của chủ nghĩa tư bản. Hai ông rút ra kết luận: “Giai cấp vô sản, tầng lớp ở bên dưới nhất của xã hội hiện tai, không thể vùng dậy, vươn mình lên nếu không làm nổ tung toàn bộ cái thượng tầng kiến trúc bao gồm những tầng lớp cấu thành xã hội quan phuơng”³.

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.603, 604, 611.

Tuyên ngôn xác định: Lịch sử - mà Mác và Ăngghen chú thích rõ là lịch sử kể từ khi chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy tan rã - tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp, mà thực chất, theo định nghĩa của V.I. Lenin (1870 - 1924) về giai cấp (tháng 7/1919) là tập trung đấu tranh vào các quan hệ cốt lõi và rường mối của đời sống xã hội. Trên cơ sở phân tích về mặt lịch sử quan hệ các giai cấp trong xã hội tư bản chủ nghĩa, C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng, sự khác nhau rõ rệt giữa xã hội tư bản với những xã hội trước kia chỉ làm cho mâu thuẫn giai cấp đơn giản hơn. Xã hội ngày càng chia thành hai trận tuyến lớn đối địch nhau, tức hai giai cấp lớn đối lập nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

Các ông nhấn mạnh: Theo đà phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất được giải phóng, giai cấp tư sản trở thành giai cấp phản động, cản trở sự phát triển hơn nữa của lực lượng sản xuất. Vũ khí mà giai cấp tư sản dùng để lật đổ chế độ phong kiến nay lại chĩa thẳng vào bản thân giai cấp tư sản. "... giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những công nhân hiện đại, những người vô sản"¹.

Giai cấp công nhân khác với mọi giai cấp đối lập khác ở chỗ: nó là sản phẩm của nền công nghiệp lớn, là "giai cấp cách mạng thực sự". *Tuyên ngôn* cho rằng, trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản thì thắng lợi cuối cùng sẽ thuộc về giai cấp vô sản: "Sự sụp đổ

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.605.

của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”¹.

Mác và Ăngghen khẳng định rằng, trong cuộc đấu tranh với giai cấp tư sản, giai cấp vô sản được rèn luyện và nâng cao giác ngộ. Cuộc đấu tranh khiến giai cấp vô sản nhận thức được rằng, chỉ có làm “nổ bung ra thành cách mạng công khai, mà giai cấp vô sản thiết lập sự thống trị của mình bằng cách dùng bạo lực lật đổ giai cấp tư sản”². Đối với giai cấp vô sản, bạo lực không phải là mục đích, nó chỉ là “bà đỡ” cho sự ra đời của một nhà nước mới - nhà nước của giai cấp vô sản và nhân dân lao động. Trong cuộc cách mạng ấy, những người vô sản chẳng mất gì hết, ngoài những xiềng xích trói buộc họ. Họ sẽ giành được cả thế giới.

Sau khi giành được chính quyền, “giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị”³. Mục tiêu chủ yếu của giai cấp vô sản là ra sức phát triển lực lượng sản xuất nhằm “tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất”⁴, là giải phóng những người lao động về kinh tế và đem lại sự tự do cho cá nhân, xã hội và “sản xuất tinh thần cũng biến đổi theo sản xuất vật chất”⁵, để cải biến triệt để xã hội cũ và quá độ lên chủ nghĩa cộng sản, nhằm xóa bỏ tận gốc chế độ người bóc lột người, triệt để giải phóng xã hội và phát triển toàn diện con người, từng bước tiến tới xóa bỏ các giai cấp, kể cả giai cấp vô sản, và hình thành các “cộng đồng lao động tự do”.

1, 2, 3, 4, 5. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.613, 612, 626, 625.

Tuyên ngôn nêu ra 10 biện pháp chủ yếu nhằm xóa bỏ chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa cộng sản; đó là: (i) Tước đoạt sở hữu ruộng đất và trao nộp địa tô vào quỹ chi tiêu của nhà nước. (ii) Áp dụng thuế lũy tiến cao. (iii) Xoá bỏ quyền thừa kế. (iv) Tịch thu tài sản của tất cả những kẻ lưu vong và của tất cả những kẻ phiến loạn. (v) Tập trung tín dụng vào tay nhà nước thông qua một ngân hàng quốc gia với tư bản của nhà nước và ngân hàng này sẽ nắm độc quyền hoàn toàn. (vi) Tập trung tất cả các phương tiện vận tải vào trong tay nhà nước. (vii) Tăng thêm số công xưởng nhà nước và công cụ sản xuất; khai khẩn đất đai để cày cấy và cải tạo ruộng đất theo một kế hoạch chung. (viii) Thực hành nghĩa vụ lao động đối với tất cả mọi người, tổ chức các đạo quân công nghiệp, đặc biệt là do nông nghiệp. (ix) Kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, thi hành những biện pháp nhằm làm mất dần sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn. (x) Giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả các trẻ em. Xoá bỏ việc sử dụng trẻ em làm trong các công xưởng như hiện nay. Kết hợp giáo dục với sản xuất vật chất,...

Mác, Ăngghen cũng lưu ý sự vận dụng thực tế những nguyên lý cơ bản được trình bày trong *Tuyên ngôn*, phải tùy từng điều kiện, từng nơi, từng lúc, và kêu gọi: Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại!

Thứ tư, làm rõ vai trò tiên phong của chính đảng của giai cấp công nhân.

Mác, Ăngghen nhấn mạnh rằng, những người cộng sản không phải là một đảng riêng biệt, đối lập với các đảng công nhân khác. Họ tuyệt nhiên không có một lợi ích nào tách khỏi lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản. Họ không đặt ra

những nguyên tắc riêng biệt nhằm khuôn phong trào vô sản theo những nguyên tắc ấy. Những người cộng sản chỉ khác với các đảng vô sản khác trên hai điểm: (i) Trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản; (ii) Trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư sản, họ luôn luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào. “Những người cộng sản chiến đấu cho những mục đích và những lợi ích trước mắt của giai cấp công nhân, nhưng đồng thời trong phong trào hiện tại, họ cũng bảo vệ và đại biểu cho tương lai của phong trào”¹. Các ông yêu cầu người cộng sản phải kết hợp giữa lợi ích lâu dài và lợi ích trước mắt, giữa tính kiên định về nguyên tắc với tính linh hoạt về sách lược, tổ chức thành mặt trận thống nhất rộng rãi nhất chống lại kẻ thù chủ yếu nhất.

“Mục đích trước mắt của những người cộng sản cũng là mục đích trước mắt của tất cả các đảng vô sản khác: tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy chính quyền”². Mục tiêu cuối cùng của họ là lật đổ toàn bộ trật tự xã hội hiện hành. Bởi lẽ, “giai cấp bị bóc lột và bị áp bức (tức là giai cấp vô sản) không còn có thể tự giải phóng khỏi tay giai cấp bóc lột và áp bức mình (tức là giai cấp tư sản) được nữa, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, áp bức và khôi cuộc đấu tranh giai cấp”³.

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.644, 615.

3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.523.

Để vai trò của chính đảng vô sản được giữ vững trong mặt trận thống nhất phải bảo đảm ba nguyên tắc: (i) Người cộng sản không được vứt bỏ quyền sử dụng thái độ phê phán với những hiện tượng nói suông và ảo tưởng xuất hiện trong quá trình cách mạng. Và cùng với việc phản bác những quan niệm hoang đường của giai cấp tư sản nhằm xuyên tạc và công kích chủ nghĩa cộng sản, cần phải phê phán các trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa phi vô sản, như: chủ nghĩa xã hội phong kiến, chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, chủ nghĩa xã hội không tưởng và chủ nghĩa cộng sản không tưởng. (ii) Không một phút nào được quên giáo dục cho công nhân một ý thức hết sức sáng rõ về cuộc đấu tranh không khoan nhượng với giai cấp tư sản. (iii) Người cộng sản coi là điều đáng khinh bỉ nếu giấu giếm những quan điểm và ý định của mình.

Trên cơ sở kiên định với những nguyên tắc ấy, *Tuyên ngôn* là sự trình bày công khai của những người cộng sản trước toàn thế giới các quan điểm, mục đích, ý đồ của mình, để đập lại câu chuyện hoang đường về “bóng ma” cộng sản.

2. *Tuyên ngôn* là kết quả kết hợp tư tưởng của Mác, Ăngghen với phong trào công nhân nhằm góp phần giải thích và cải biến thế giới

Về khách quan, *Tuyên ngôn* là kết quả phản ánh phuơng thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã đạt đến giai đoạn cạnh tranh tự do toàn diện vốn là đặc điểm cốt lõi của chủ nghĩa tư bản. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất ở trình độ xã hội hóa cao với quan hệ sản xuất chật hẹp trong khuôn khổ chế

độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và mâu thuẫn đối kháng giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản ngày càng bộc lộ gay gắt. Về chủ quan, *Tuyên ngôn* là sự trưởng thành về lập trường, tư tưởng và phương pháp hoạt động sáng tạo về lý luận, thực tiễn của Mác và Ăngghen. Thực tiễn phát triển của phong trào công nhân đòi hỏi phải có một chính đảng lãnh đạo và hệ thống lý luận soi đường.

Tuyên ngôn là sự kết hợp giữa tư tưởng của Mác, Ăngghen và phong trào công nhân để tạo thành chủ nghĩa Mác. Trong *Tuyên ngôn*, Mác và Ăngghen đã gắn kết chức năng thế giới quan với chức năng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử thành một thể thống nhất trong việc xem xét đời sống xã hội và tư duy loài người, để thành khoa học giải thích thế giới, đồng thời còn tham gia vào quá trình cải biến thế giới. Từ đó, *Tuyên ngôn* đã tích cực phát huy vai trò phương pháp luận của mình trong thực tế xã hội trên các phương diện sau đây:

Thứ nhất, giải thích và tham gia cải biến chủ nghĩa tư bản.

170 năm qua, kể từ khi *Tuyên ngôn* ra đời đến nay, chủ nghĩa tư bản tiếp tục phát triển, nhưng người ta vẫn thấy sự phân tích về quá trình phát sinh, phát triển và dự báo về vận mệnh của chủ nghĩa tư bản được nêu trong *Tuyên ngôn* là đúng đắn. Theo C. Mác, bản tính sinh sôi của tư bản đòi hỏi không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, và buộc giai cấp tư sản phải chạy khắp toàn cầu. “Giá rẻ của những sản phẩm của giai cấp ấy là trọng pháo bắn thủng tất cả những bức vạn lý trường thành, và buộc những người dã man bài ngoại một cách ngoan cường nhất

cũng phải hàng phục”¹. Những biến đổi mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại đã được bàn luận nhiều từ khi có những biện pháp kết hợp “bàn tay hữu hình” của nhà nước tư sản với “bàn tay vô hình” của kinh tế thị trường sau cuộc đại khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933, đặc biệt từ khi diễn ra cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại (từ thập niên 1950 đến nay). Về đại thể, chủ nghĩa tư bản hiện đại đã cơ bản khắc phục được tính tự phát và không ngừng tự giác tiến hành điều chỉnh sự phát triển của lực lượng sản xuất, thể chế vận hành nền kinh tế - xã hội, kể cả quan hệ sản xuất; từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế tri thức và toàn cầu hóa.

Từ những năm 1990 đến nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhiều nước chọn con đường hội nhập để giảm mức chấn thương và nguy cơ tụt hậu đến mức thấp nhất. Nhưng như thế có nghĩa là chủ quyền quốc gia ngày càng bị hạn chế một cách tương đối trên hai phương diện: xói mòn quyền lực của nhà nước dân tộc; xói mòn hoặc lu mờ nền độc lập dân tộc không chỉ về mặt công nghệ, kinh tế mà cả về chính trị, văn hóa. Các dân tộc, vì lẽ đó, lại thức tỉnh “quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc” của mình theo hướng: (i) linh hoạt trong việc thức tỉnh các quyền đó; (ii) phản đối toàn cầu hóa theo kiểu tư bản chủ nghĩa. Phong trào chống toàn cầu hóa diễn ra liên tục vào mỗi dịp các nước G7 họp hội nghị cao cấp là một ví dụ.

Chủ nghĩa tư bản toàn cầu hóa - lũng đoạn toàn cầu, mà hạt nhân là chủ nghĩa tư bản độc quyền - lũng đoạn tiền tệ,

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.602.

đã tận dụng “tư bản quản lý”, “tư bản công nghệ” với tư cách là người lao động làm thuê “quý tộc” được trả lương khá cao, đồng thời phát triển nhóm công nhân có cổ phần, cổ phiếu. Nó đồng thời chi phối các quá trình toàn cầu hóa thông qua “siêu cường” Mỹ, nhóm G7, EU, OECD,... Nhưng bản chất nền sản xuất tư bản chủ nghĩa vẫn là bóc lột giá trị thặng dư, gồm cả bóc lột lao động thặng dư và bóc lột siêu kinh tế. Mặc dù mức độ bóc lột lao động giá trị thặng dư tuyệt đối có được điều chỉnh, nhưng tỷ suất bóc lột lao động giá trị thặng dư không ngừng tăng. Ví dụ ở Mỹ, tỷ suất tăng từ khoảng 110 - 130% trong các thập niên đầu thế kỷ XX, lên 230% vào những năm 1950 và 360% vào những năm 1980; gần đây tỷ suất này ở mức khoảng 500%¹.

Trong quá trình tự điều chỉnh và phát triển của chủ nghĩa tư bản toàn cầu hóa - lũng đoạn toàn cầu, đã xuất hiện và phát triển những yếu tố kinh tế - xã hội mới, loại bỏ và phủ định chủ nghĩa tư bản. Từ thời C. Mác đã có hai hình thức loại bỏ, phủ định chủ nghĩa tư bản ngay trong lòng chủ nghĩa tư bản, là: (i) **Sự loại bỏ, phủ định mang tính tiêu cực:** C. Mác đã nhìn thấy sự phát triển của chế độ cổ phần là sự loại bỏ tư bản với tính cách là tư sản tư nhân trong khuôn khổ của chính phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. (ii) **Sự loại bỏ, phủ định mang tính tích cực:** các nhân tố kinh tế - xã hội mới bên trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chủ yếu là các hợp tác xã công nhân. Theo C. Mác, “Công lao

1. Xem Thái Đức Chiêu: “Tương lai của phong trào xã hội Âu - Mỹ và ảnh hưởng của nó đối với phong trào xã hội chủ nghĩa”, Tạp chí *Nghiên cứu chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc*, số 3/2012, tiếng Trung.

to lớn của phong trào này là ở chỗ nó đã chứng tỏ trên thực tế khả năng thay thế chế độ *lao động phục tùng tư bản*,... bằng chế độ *liên hiệp những người sản xuất tự do và bình đẳng*, một chế độ cộng hòa và tốt đẹp”¹.

Thứ hai, giải thích và tham gia cải biến phong trào công nhân.

Các nhân tố kinh tế - xã hội mới, nhất là các hợp tác xã công nhân, tuy chưa phải là “nhân tố xã hội chủ nghĩa”, nhưng cho thấy rằng, “ngày nay thì chủ nghĩa xã hội nhìn sang chúng ta từ tất cả các khung cửa của chủ nghĩa tư bản hiện đại,...”². Và chúng là “sự chuẩn bị vật chất đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội, là *phòng chờ đi vào chủ nghĩa xã hội*”³. Với sự phát triển của các hợp tác xã công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, theo quan điểm của *Tuyên ngôn*, tiếp tục được thể hiện ngay trong lòng chủ nghĩa tư bản.

Đồng thời quá trình vận dụng, phát triển sáng tạo quan điểm của *Tuyên ngôn* về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân còn được thể hiện ở chỗ: Tại nhiều nước kém và đang phát triển đã diễn ra những thử nghiệm lớn về việc thủ tiêu chế độ người bóc lột người, trước tiên là thiết lập nhà nước xã hội chủ nghĩa do giai cấp công nhân thông qua Đảng Cộng sản dựa trên chủ nghĩa Mác - Lê nin lãnh đạo; tiếp đó, thiết lập chế độ công hữu đối với những tư liệu sản xuất chủ yếu; bước đầu xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ đặc quyền trong văn hóa, giáo dục và các lĩnh vực xã hội khác;

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.16, tr.264.

2, 3. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Sđd, t.34, tr.258.

xây dựng chế độ phúc lợi toàn dân và đoàn kết tương trợ chưa từng có trong lịch sử; mở ra con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa, đẩy mạnh hiện đại hóa tại những nước lạc hậu về kinh tế; tạo điều kiện kế thừa di sản văn hóa dân tộc và tiếp thu tri thức của nền văn minh nhân loại ...; bảo vệ và làm thay đổi lực lượng bảo vệ hòa bình thế giới; ngăn chặn một cách hiệu quả chính sách xâm lược và hiếu chiến của chủ nghĩa đế quốc. Từ những năm 1990 trở lại đây, nhiều nước xã hội chủ nghĩa tiến hành cải cách, đổi mới phương thức xây dựng chủ nghĩa xã hội thông qua nền kinh tế thị trường (định hướng) xã hội chủ nghĩa, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Thứ ba, giải thích và tham gia cải biến lịch sử thế giới.

Tuyên ngôn cho rằng, nhờ cách mạng công nghiệp và thị trường thế giới không ngừng thu nạp những khu vực lạc hậu vào hệ thống phân công quốc tế mới, mà tạo nên mối liên hệ gắn bó toàn cầu, làm cho lịch sử từ cô lập, dân tộc, địa phương, chuyển biến thành lịch sử thế giới. Do tính thế giới của sản xuất và tiêu dùng “Những thành quả của hoạt động tinh thần của một dân tộc trở thành tài sản chung của tất cả các dân tộc. Tính chất đơn phương và phiến diện dân tộc ngày càng không thể tồn tại được nữa; và từ những nền văn học dân tộc và địa phương, muôn hình muôn vẻ, đang nảy nở ra một nền văn hóa toàn thế giới”¹. Chính tư bản buộc giai cấp tư sản khai thác thị trường thế giới, và thúc đẩy phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trở thành phương thức sản

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.602.

xuất chủ đạo trên phạm vi toàn cầu; thúc đẩy mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản vận động mang tính thế giới, và quá trình phát tán văn minh tư sản thấm đầy máu và lửa trên toàn cầu.

C. Mác xây dựng lý luận lịch sử thế giới trong giai đoạn quốc tế hóa sản xuất tư bản chủ nghĩa chứ chưa phải giai đoạn toàn cầu hóa kinh tế như ngày nay. Nhưng phải nói rằng, lý luận lịch sử thế giới của chủ nghĩa Mác có tính chỉnh thể và khác về chất so với lý luận toàn cầu hóa đang được lưu hành phổ biến hiện nay. Do xuất phát từ quan điểm giải phóng - phát triển toàn diện con người, nên lý luận lịch sử thế giới của chủ nghĩa Mác xem xét toàn bộ toàn bộ quá trình vận động, biến đổi của xã hội có tính loài người, hay “loài người xã hội hóa”. Chủ thể thúc đẩy lịch sử thế giới và xác lập giá trị của lịch sử thế giới là giai cấp công nhân trưởng thành qua ba giai đoạn của kinh tế công nghiệp: công trường thủ công, công xưởng cơ khí và công nghiệp dựa vào “tri thức phổ biến”. Động lực thúc đẩy sự hình thành, phát triển lịch sử thế giới là sự vận động mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất và cả các hoạt động của giao lưu văn hóa giữa con người và giữa các dân tộc¹. Nghĩa là động lực thúc đẩy đó đòi hỏi sự hợp tác có nhiều chiêu ảnh hưởng lẫn nhau; nhưng theo Mác và Ăngghen, suy cho cùng, ảnh hưởng kinh tế, giữ vai trò cơ bản và có tính quyết định đối với sự phát triển của lịch sử thế giới.

1. Xem Nguyễn Thanh Tuấn: *C. Mác, V.I. Lenin với chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.451-510.

Toàn cầu hóa hiện nay chủ yếu do tư bản thúc đẩy, song không có nghĩa là toàn cầu hóa đồng nhất với chủ nghĩa tư bản. Cũng giống kinh tế thị trường, toàn cầu hóa (hay quốc tế hóa trước đây) đều có thể kết hợp với chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa xã hội. Xét đến cùng, việc kết hợp này do điều kiện lịch sử và tiến trình phát triển khách quan của lịch sử quyết định. Yêu cầu của lịch sử nhân loại là phát triển bền vững. Nhưng kiểu phát triển tư bản chủ nghĩa hay toàn cầu hóa theo kiểu tư bản chủ nghĩa hiện nay, không đáp ứng được yêu cầu đó. Lịch sử thế giới được thể hiện sống động trong thời đại toàn cầu hóa, nhưng không phải theo xu hướng hình thành “mặt phẳng” theo kiểu toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa. Lịch sử thế giới, tất yếu dẫn đến chia rẽ thành xu thế phát triển thống nhất mà đa dạng. Quy luật chung của phát triển lịch sử thế giới không loại trừ tính đặc thù về hình thức và tính phát triển rút ngắn cá biệt. V.I. Lê nin chỉ rõ: “Từ chủ nghĩa đế quốc ngày nay chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày mai, nhân loại sẽ trải qua những con đường có muôn màu muôn vẻ như thế. Tất cả các dân tộc đều sẽ đi đến chủ nghĩa xã hội, đó là điều không tránh khỏi, nhưng tất cả các dân tộc đều tiến tới chủ nghĩa xã hội không phải một cách hoàn toàn giống nhau; mỗi dân tộc sẽ đưa đặc điểm của mình vào hình thức này hay hình thức khác của chế độ dân chủ,... vào nhịp độ này hay nhịp độ khác của việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các mặt khác nhau của đời sống xã hội”¹.

Ngày nay, sự phát triển lên chủ nghĩa xã hội không phải chỉ diễn ra theo một con đường, một mô hình, một trung tâm,

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập, Sđd*, t.30, tr.160.

mà diễn ra theo con đường phát triển có đặc điểm dân tộc rất đa dạng, phong phú. Mỗi mô hình xã hội chủ nghĩa của một nước đều thích ứng với thực tế lịch sử của khu vực và của mỗi quốc gia. Vượt lên từ những khùng hoảng, thất bại của chủ nghĩa xã hội hiện thực vào cuối thập niên 1980 đầu thập niên 1990, chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI biết kế thừa những thành quả chủ yếu của “chủ nghĩa xã hội hiện thực” trong thế kỷ XX, đồng thời chủ động, tích cực đổi mới, cải cách theo hướng kết hợp sáng tạo các nguyên lý cơ bản mà *Tuyên ngôn* đã nêu với điều kiện lịch sử dân tộc và đặc điểm thời đại, để xây dựng được lý luận phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa phù hợp với mỗi nước, đồng thời chống chủ nghĩa giáo điều “tả khuynh”, ngăn chặn chủ nghĩa cơ hội “ hữu khuynh”.

Trong quá trình phát triển của chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI, theo tinh thần mà Mác và Ăngghen đã chỉ rõ trong *Tuyên ngôn*, quá trình tổ chức giai cấp công nhân thành chính đảng của giai cấp công nhân “luôn luôn bị sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau phá vỡ. Nhưng nó luôn luôn được tái lập và luôn luôn mạnh mẽ hơn, vững chắc hơn, hùng mạnh hơn”¹.

Trong *Lời tựa cho bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”*, Ph. Ăngghen viết: “hiện nay, hiển nhiên đó là tác phẩm phổ biến hơn cả, có tính chất quốc tế hơn cả trong tất cả các văn phẩm xã hội chủ nghĩa, đó là cương lĩnh được thừa nhận bởi hàng triệu công nhân từ Xibia đến Caliphocnia”². V.I. Lênin cũng khẳng định: “Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng hàng bộ sách: tinh thần của nó,

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.609; t.21, tr.522.

đến bây giờ, vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh”¹. Thực vậy, *Tuyên ngôn* đã được đưa vào Di sản tư liệu lịch sử thế giới của UNESCO. Ngày nay, ví dụ ở Mỹ, theo một khảo sát tổng hợp những cuốn sách, tài liệu mà sinh viên Mỹ bắt buộc phải đọc trong năm 2016², *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã bỏ xa các cuốn sách phía sau để trở thành tài liệu về lý thuyết xã hội được giáo viên Mỹ giảng dạy rộng rãi nhất trong hơn một triệu bài giảng, cả về số bài giảng lẫn tần suất được giảng dạy.

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.10.

2. Xem https://vi.wikipedia.org/wiki/Tuyên_ngôn_của_Đảng_Cộng_sản (truy cập tháng 12-2017).

**TỪ NHỮNG NGUYÊN LÝ CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN
ĐẾN TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN
NGHĨ VỀ VAI TRÒ CỦA PH. ĂNGGHEN
TRONG HỌC THUYẾT MÁC**

PGS. TS. LÂM QUỐC TUẤN*

NCS. NGUYỄN LƯƠNG NGỌC**

Ph. Ăngghen là người bạn, người đồng chí, người cộng sản gần gũi nhất của C. Mác, đã cùng C. Mác sáng lập nên chủ nghĩa Mác, học thuyết khoa học và cách mạng, hệ tư tưởng của giai cấp công nhân và những người cộng sản, vũ khí tư tưởng của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độ tư bản, xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa.

Vào đầu những năm 40 thế kỷ XIX, mặc dù phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại sự thống trị, bóc lột của giai cấp tư sản đã phát triển mạnh mẽ, nhưng vẫn còn mang tính tự phát, chưa có mục tiêu rõ rệt; giai cấp công nhân còn chưa nhận thức được lợi ích giai cấp và sứ mệnh lịch sử cao cả của mình. Những học thuyết khác nhau như

* , ** Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

chủ nghĩa xã hội không tưởng, chủ nghĩa cải lương, tư tưởng vô chính phủ... đều thất bại và đem lại những tổn thất to lớn cho phong trào công nhân. Nhu cầu cấp thiết của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân lúc này là cần có một học thuyết cách mạng chỉ đường, giúp cho phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân từ tự phát trở thành tự giác, từ năm phương tám hướng tới nay chỉ có một hướng, một mục đích duy nhất, nhận thức và gánh trên vai trách nhiệm phải hoàn thành sứ mệnh lịch sử vĩ đại của mình. Kể từ cuộc gặp vào tháng 11/1842, tình bạn giữa Ph. Ăngghen và C. Mác - hai lãnh tụ thiên tài của giai cấp vô sản được bắt đầu và ngày càng thắm thiết. Và sau cuộc gặp tháng 9/1844 tại Paris, Ph. Ăngghen đã trở thành người bạn thân nhất của C. Mác. Sợi dây thắt chặt tình bạn của họ là cùng chung nhận thức, quan điểm, mục đích, lý tưởng vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Họ đã sát cánh bên nhau viết hàng loạt tác phẩm bất hủ, từng bước tạo lập cơ sở lý luận cho học thuyết mácxit và lãnh đạo phong trào công nhân đấu tranh nhằm xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

Ph. Ăngghen đã cùng với C. Mác dày công nghiên cứu, kế thừa những tinh hoa tư tưởng của nhân loại, mà trước hết và trực tiếp là triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị cổ điển Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp gắn liền với các học thuyết cách mạng Pháp nói chung; đồng thời tóm mình trong thực tiễn phong phú, sinh động của phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, xây dựng nên chủ nghĩa Mác - trở thành kim chỉ nam cho hành động của nhiều đảng cộng sản và đảng công nhân hiện nay.

Rất nhiều tác phẩm cơ bản của chủ nghĩa Mác là do C. Mác và Ph. Ăngghen cùng viết. Nhiều công trình nghiên cứu của Ph. Ăngghen là sự phát triển những tư tưởng hình thành trong quá trình trao đổi thường xuyên với C. Mác. Về phía mình, nhiều tác phẩm của C. Mác được viết với những ý tưởng và kiến thức của Ph. Ăngghen. C. Mác đánh giá rất cao những kiến thức bách khoa của Ph. Ăngghen, trí nhớ kỳ lạ, tầm nhìn xa trông rộng, những ham thích tinh thần nhiều mặt của Ph. Ăngghen. V.I. Lênin khẳng định: “Muốn đánh giá đúng đắn những quan điểm của Mác, tuyệt đối phải đọc những tác phẩm của người cùng tư tưởng và người cộng tác gần gũi nhất của Mác là *Phridrích Ăngghen*. Không thể nào hiểu được chủ nghĩa Mác và trình bày đầy đủ được chủ nghĩa Mác, nếu không chú ý đến *toàn bộ* những tác phẩm của Ăngghen”¹. Hàng loạt tác phẩm viết riêng và viết chung với C. Mác đã thể hiện tư tưởng của Ph. Ăngghen có giá trị bền vững với nhiều luận điểm khẳng định thế giới quan, phương pháp luận mácxit giúp giai cấp công nhân, các đảng cộng sản, đảng công nhân có được nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng. Trong những tác phẩm đó, phạm vi bài viết này muốn đề cập là *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản* và *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

Vào đầu tháng 6/1847 (gắn liền với Hội nghị lần thứ nhất Liên minh những người cộng sản), Ph. Ăngghen đã soạn ra phương án đầu tiên - “Phương án biểu tượng cộng sản của niềm tin”. Đến cuối tháng 10/1847, Người đổi tên lại thành *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản* và hoàn thành nó

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.26, tr.110.

trong tháng 11/1847. Ph. Ăngghen đã viết *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản* dưới dạng cẩm nang hỏi và đáp, được đánh giá là bản đề cương, tạo tiền đề để ngay sau đó, từ tháng 12/1847 đến tháng 1/1848, hai ông phối hợp viết tác phẩm chung *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* - bản cương lĩnh vĩ đại đầu tiên của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Với *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*, Ph. Ăngghen đã nêu ra 25 câu hỏi và trả lời dài ngắn khác nhau, thậm chí còn dang dở (câu hỏi thứ 9 chưa có câu trả lời), hàng loạt vấn đề lý luận liên quan trực tiếp đến chủ nghĩa xã hội khoa học như: thế nào là giai cấp vô sản, chủ nghĩa cộng sản; sự khác nhau giữa những người vô sản với các thân phận người lao động khác như nô lệ, nông nô, thợ thủ công, công nhân công trường thủ công, thậm chí với những người xã hội chủ nghĩa (với nội hàm khác cách hiểu ngày nay); cách mạng vô sản sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập nền thống trị của giai cấp vô sản. Ở Anh, giai cấp vô sản đã chiếm đa số trong nhân dân, có thể trực tiếp thiết lập nền thống trị của mình, còn ở Pháp và Đức, giai cấp vô sản chỉ chiếm thiểu số trong dân cư, hai nước này còn tồn tại đông đảo những người nông dân và tiểu tư sản, hiện đang ở giai đoạn quá độ phân hóa thành giai cấp vô sản. Họ ngày càng dựa vào giai cấp vô sản để thực hiện lợi ích của mình. Do đó, giai cấp vô sản ở những nước này có thể gián tiếp thiết lập nền thống trị của mình bằng cách liên minh với nông dân; cách thức và con đường thủ tiêu chế độ tư hữu, xây dựng xã hội mới - chế độ dân chủ của giai cấp vô sản; về mối quan hệ ứng xử của giai cấp vô sản với các vấn đề gia đình, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, v.v.. Soi chiếu vào *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* chúng ta thấy, từ câu hỏi và

câu trả lời thứ nhất đến câu thứ 20 - là đề cương để hai ông viết phần I (Tư sản và vô sản) và phần II (Những người vô sản và những người cộng sản) của *Tuyên ngôn*; từ câu hỏi và câu trả lời thứ 21 đến câu thứ 24 - là đề cương gợi mở để các ông viết phần III (Văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa) của *Tuyên ngôn*; câu hỏi và trả lời thứ 25 là đề cương phác thảo để hai ông viết phần IV (Thái độ của những người cộng sản đối với các đảng đối lập) trong *Tuyên ngôn*.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản được C. Mác và Ph. Ăngghen viết theo sự ủy nhiệm của Hội nghị lần thứ hai Liên minh những người cộng sản (1847) với *tính cách là chương trình hành động* của tổ chức cộng sản quốc tế đầu tiên của giai cấp vô sản cách mạng.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của học thuyết khoa học, cách mạng - vũ khí lý luận tư tưởng của giai cấp vô sản. C. Mác và Ph. Ăngghen đã phát hiện và khẳng định sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản là đấu tranh đánh đổ chủ nghĩa tư bản, xây dựng xã hội hoàn toàn mới, không còn áp bức, bất công, đó là chế độ xã hội chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa. Cuộc cách mạng vô sản đã được C. Mác và Ph. Ăngghen nêu ra trong *Tuyên ngôn* với 10 biện pháp chủ yếu. C. Mác và Ph. Ăngghen cũng dự báo: “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”¹.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản không chỉ giải phóng giai cấp mình mà còn giải phóng nhân dân lao động, giải phóng các dân tộc và toàn thể nhân loại. Không chỉ giai cấp

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.613.

vô sản bị chủ nghĩa tư bản thống trị, bóc lột mà các tầng lớp nhân dân lao động, các dân tộc cũng bị giai cấp tư sản thống trị và nô dịch. Đó là điều C. Mác và Ph. Ăngghen đã nhận thấy rõ. Vì thế, C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ rõ cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản không tách rời cuộc đấu tranh dân tộc. Đây là một nội dung rất quan trọng và thiết yếu của *Tuyên ngôn* cần được nghiên cứu và nhận thức sâu sắc. Điều đó cũng đã chi phối tiến trình cách mạng của các dân tộc từ sau *Tuyên ngôn*, nhất là trong thế kỷ XX và trong điều kiện hiện nay.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen nêu rõ: “Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc”¹, đồng thời nhấn mạnh: “giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc”². “Hãy xoá bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xoá bỏ”³.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã soi sáng con đường đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản. “Trong cuộc cách mạng ấy, những người vô sản chẳng mất gì hết, ngoài những xiềng xích trói buộc họ. Họ sẽ giành được cả thế giới”⁴. Cuộc cách mạng ấy tập hợp giai cấp vô sản toàn thế giới dưới khẩu hiệu “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!”. *Tuyên ngôn* còn đề cập và dẫn dắt cuộc đấu tranh dân tộc. Cho đến cuối thế kỷ XIX, nhất là đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản phát triển

1, 2, 3, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.611, 624, 646.

mạnh mẽ sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, mở rộng các cuộc chiến tranh xâm chiếm các dân tộc nhỏ yếu để biến thành thuộc địa của họ. Vấn đề dân tộc và thuộc địa đã được V.I. Lê nin nghiên cứu sâu sắc, đó cũng là sự phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện của chủ nghĩa đế quốc. Như vậy, trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc, cùng với mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản, mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa bị áp bức với chủ nghĩa đế quốc, thực dân cũng ngày càng sâu sắc và bùng phát thành cuộc đấu tranh đòi độc lập dân tộc diễn ra ở khắp nơi trên thế giới.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã chỉ ra quy luật vận động khách quan của lịch sử là loài người sẽ đi tới chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen nêu bật vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, của những người cộng sản và sự cần thiết phải xây dựng Đảng Cộng sản thật sự cách mạng. Trong *Tuyên ngôn*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã xác định người vô sản phải tự mình trở thành dân tộc, trở thành giai cấp dân tộc, nghĩa là phải lãnh đạo, trở thành lực lượng lãnh đạo của cả phong trào cách mạng của nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Ph. Ăngghen được ngưỡng mộ, kính trọng không chỉ bởi trí tuệ của một nhà bác học, lòng dũng cảm, nhiệt huyết của một chiến sĩ cách mạng vĩ đại, mà còn bởi phẩm chất đạo đức cao cả thể hiện trong tình bạn, tình đồng chí khắng khít, thủy chung, cảm động, hiếm có với C. Mác. Ông tự nhận mình là cây vĩ cầm số 2 bên cạnh C. Mác, còn C. Mác mới chính là cây vĩ cầm số 1. Vai trò của Ph. Ăngghen đối với học

thuyết Mác là vô cùng quan trọng, di sản của C. Mác, tư tưởng của C. Mác, những tác phẩm dở dang của C. Mác, nếu không có Ph. Ăngghen kế tục, hoàn chỉnh và tuyên truyền sâu rộng trong phong trào công nhân, có lẽ sẽ không thể có vị trí, tầm ảnh hưởng như ngày nay. Điều đó được thể hiện trên một số mặt sau:

Một là, Ph. Ăngghen đã cùng với C. Mác xây dựng, tạo lập nền tảng tư tưởng và hoàn thiện lý luận cho học thuyết cách mạng. Trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác (triết học, kinh tế học chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học) đều in đậm dấu ấn công lao, tư tưởng của Ph. Ăngghen.

Ở lĩnh vực triết học, ngay từ những tác phẩm lý luận đầu tiên, Ph. Ăngghen đã chứng tỏ tầm cao trí tuệ khi phê phán tính phản động trong quan điểm triết học duy tâm của F.W.J. Schelling (Selin); chỉ ra những mâu thuẫn trong hệ thống triết học duy tâm của G.W.F. Hegel (Hêghen), K.E. Dühring (Đuyrinh),... Qua những tác phẩm nổi bật như *Biện chứng của tự nhiên* hay *Chống Duyrinh*, Ph. Ăngghen vận dụng tài tình phương pháp duy vật biện chứng cùng với C. Mác tạo lập chủ nghĩa duy vật lịch sử, làm cho “chủ nghĩa duy vật hoàn bì” thành “công cụ nhận thức vĩ đại”. Ph. Ăngghen đã rất tài tình trong tìm hiểu, nắm bắt các quy luật tự nhiên, giúp C. Mác làm sáng tỏ thêm mối liên hệ giữa triết học và khoa học tự nhiên, đồng thời chống lại, bác bỏ những quan điểm duy tâm trong triết học.

Ở lĩnh vực kinh tế chính trị học, Ph. Ăngghen đã thể hiện là một nhà kinh tế học, cùng với C. Mác hoàn thiện nhiều công trình lớn, tiêu biểu như viết chung với C. Mác tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*, đặc biệt là việc hoàn thiện bộ *Tư bản* sau

khi C. Mác qua đời. Ông đi sâu nghiên cứu kinh tế tư bản chủ nghĩa, bóc trần bản chất bóc lột giá trị thặng dư - quy luật kinh tế cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Ông phân tích sâu sắc những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản, chỉ ra tính tất yếu của sự ra đời chủ nghĩa xã hội với tính cách là kết quả giải quyết những mâu thuẫn đó.

Ở bộ phận thứ ba là chủ nghĩa xã hội khoa học, nhiều câu hỏi được Ph. Ăngghen trả lời khi soạn đề cương *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản* đã giúp hai ông hoàn thiện *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, tạo lập và hoàn thiện chủ nghĩa xã hội khoa học mà linh hồn của lý luận đó là làm sáng tỏ sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân, giai cấp có khả năng tổ chức lãnh đạo xã hội thông qua Đảng Cộng sản, tiến hành cải biến xã hội từ chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa xã hội trên phạm vi từng nước và trên thế giới.

Hai là, Ph. Ăngghen là một người bạn vĩ đại của C. Mác. Vì dành hết tâm lực cho sự nghiệp cách mạng, luôn phải sống trong tình trạng lưu vong giữa các nước, nên gia đình C. Mác gặp rất nhiều khó khăn, túng thiếu trong cuộc sống. Những lúc ấy, Ph. Ăngghen luôn là người tận tình giúp đỡ C. Mác. Mặc dù rất say mê nghiên cứu, sáng tạo và nhiệt tình tham gia hoạt động trong phong trào công nhân, rất ghét nghề thư lại, nhưng Ph. Ăngghen đã chấp nhận làm nhân viên văn phòng của một hãng buôn ở thành phố Manchester (Manchextor, Anh) trong nhiều năm để lấy tiền giúp C. Mác, tạo điều kiện cho C. Mác làm việc, sáng tạo. Mỗi khi C. Mác và gia đình gặp khó khăn, hoạn nạn, Ph. Ăngghen luôn là người đầu tiên hỗ trợ và kêu gọi bạn bè, đồng chí ủng hộ,

giúp đỡ C. Mác vượt qua khó khăn để tiếp tục công việc cao cả. V.I. Lê nin đánh giá rằng, “nếu không được sự giúp đỡ thường xuyên và hết lòng hết dạ của Ăngghen về mặt tài chính thì không những Mác không thể viết xong bộ “Tư bản”, mà chắc chắn còn ngã quy trong cảnh cùng khốn nã”¹.

Ba là, Ph. Ăngghen luôn thể hiện là một người đồng chí, người cộng sản chân chính, kiên trung của C. Mác, là người mà C. Mác đặt niềm tin tưởng sẽ cùng ông gánh vác nhiệm vụ cao cả, dù đầy chông gai, hiểm nguy. Ph. Ăngghen đã gác bỏ nhiều dự định riêng của mình, tập trung thời gian, công sức để thực hiện một công việc vô cùng nặng nề, khó khăn mà chỉ ông mới có thể làm được là chỉnh lý, biên tập và xuất bản quyển II, quyển III bộ *Tư bản* mà C. Mác để lại còn dưới dạng các bản thảo. Đây là tác phẩm lớn nhất, vĩ đại nhất của C. Mác và chủ nghĩa Mác. Bằng việc làm này, “Ăngghen đã dựng cho người bạn thiên tài của ông một đài kỷ niệm trang nghiêm trên đó Ăngghen cũng không ngờ là đã khắc luôn cả tên mình bằng những chữ không bao giờ phai mờ được”² như V.I. Lê nin đã nhận xét.

Bốn là, để học thuyết Mác được hoàn thiện, đứng vững trước mọi chống phá của kẻ thù, trở thành vũ khí lý luận sắc bén của giai cấp công nhân, Ph. Ăngghen dành nhiều thời gian, công sức để tuyên truyền cho các tư tưởng của C. Mác và chủ nghĩa Mác. Ph. Ăngghen luôn luôn bảo vệ, phát triển, bổ sung chủ nghĩa Mác, làm cho chủ nghĩa Mác luôn luôn có giá trị khoa học và cách mạng, đấu tranh bảo vệ tư tưởng của C. Mác trước sự tấn công, xuyên tạc của các lực lượng thù

1, 2. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Sđd, t.26, tr.57; t.2, tr.12.

địch. Bên cạnh đó, ông phê phán, kiên quyết lên án khuynh hướng và những mưu toan biến học thuyết do C. Mác và ông sáng lập trở thành một mớ những công thức giáo điều, cứng đơ, bất biến. Ông đấu tranh không khoan nhượng với những ai coi thường sự tiến bộ của khoa học, những điều kiện mới và những nhu cầu mới của xã hội. Trong trường hợp xuất hiện những sự kiện thực tế mới, khi tình hình thay đổi và cuộc sống đặt ra những vấn đề mới thì Ph. Ăngghen sẵn sàng xem xét lại ngay cả những quan điểm lý luận của chính bản thân mình. Đây thật sự là quan điểm và phong cách của một nhà khoa học, một nhà cách mạng chân chính. Trong *Lời tựa cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” xuất bản năm 1872*, Ph. Ăngghen cho rằng: “Chính ngay “Tuyên ngôn” cũng đã giải thích rõ ràng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đấy, không nên quá cùn nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II”¹.

Ph. Ăngghen vẫn luôn là một vị lãnh tụ cách mạng vĩ đại, một bậc thiên tài trong lịch sử nhân loại. Cùng C. Mác - V.I. Lê nin - Hồ Chí Minh, Ph. Ăngghen sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, là người thầy cộng sản của Đảng ta, của nhân dân ta và của nhân dân nhiều nước trên thế giới.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.128.

VỀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN TRONG *TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN* VÀ Ý NGHĨA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

PGS. TS. ĐINH QUANG HẢI*

Cách đây 170 năm, ngày 24/2/1848, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, đánh dấu bước ngoặt căn bản của phong trào công nhân, đưa giai cấp công nhân bước lên vũ đài chính trị với tư cách là một lực lượng xã hội độc lập, đấu tranh giải phóng mình, đồng thời giải phóng toàn thể loài người. Với ý nghĩa đó, bài viết này đi vào tìm hiểu sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong bản *Tuyên ngôn lịch sử* này, từ đó đúc kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong xây dựng giai cấp công nhân hiện nay.

Như chúng ta đã biết, giai cấp công nhân hình thành, phát triển gắn liền với nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nhưng khác với tất cả các giai cấp khác, giai cấp công nhân không chỉ là một giai cấp gồm những người lao động nghèo khổ, mà còn là một giai cấp cách mạng có sứ mệnh lịch sử vang lừng là thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa

* Viện trưởng Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

xã hội, chủ nghĩa cộng sản ở mỗi quốc gia, dân tộc và trên toàn thế giới. Tuy nhiên, “thế nào là giai cấp công nhân”, “khái niệm giai cấp công nhân được hiểu như thế nào” lại là vấn đề cần phải đề cập. Khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, lần đầu tiên C. Mác và Ph. Ăngghen đã trình bày khái niệm giai cấp vô sản - giai cấp công nhân tương đối đầy đủ trên các phương diện:

Một là, về nguồn gốc kinh tế, giai cấp vô sản ra đời gắn liền với nền công nghiệp, là sản phẩm của chính bản thân nền đại công nghiệp, nền sản xuất xã hội hóa ngày càng cao.

Hai là, về nguồn gốc xã hội, giai cấp vô sản được tuyển mộ từ tất cả các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Ba là, những đặc trưng của giai cấp vô sản hiện đại bao gồm: không có tư liệu sản xuất; về lợi ích cơ bản, đối lập trực tiếp với giai cấp tư sản; giai cấp vô sản là hiện thân của phương thức sản xuất tiên tiến; có tính quốc tế, tinh thần quốc tế vô sản, tính tiên phong, tinh thần cách mạng triệt để, đoàn kết giai cấp, tính tổ chức kỷ luật cao.

Bốn là, bản chất quốc tế của giai cấp vô sản do xuất phát từ quá trình quốc tế hóa sản xuất công nghiệp và phong trào công nhân; đồng thời, giai cấp vô sản có bản sắc dân tộc, do xuất thân từ mỗi dân tộc, trở thành “giai cấp dân tộc” và chịu trách nhiệm trước hết với dân tộc mình.

Năm là, quá trình đấu tranh giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản dẫn đến sự phân hóa trong giai cấp thống trị. Một bộ phận nhỏ trong giai cấp thống trị - những nhà tư tưởng tư sản tiến bộ đã từ bỏ cuộc sống và thành phần giai cấp xuất thân, vươn lên nhận thức được về mặt lý luận toàn bộ quâ

trình vận động lịch sử, tách khỏi giai cấp xuất thân, đi theo giai cấp vô sản, làm cho giai cấp này ngày càng nhận thức rõ sức mạnh và sứ mệnh lịch sử của mình.

Có thể nói, khái niệm về giai cấp vô sản - giai cấp công nhân được C. Mác và Ph. Ăng ghen rút ra từ sự phân tích sâu sắc địa vị kinh tế, xã hội của giai cấp vô sản dưới chế độ tư bản nửa đầu thế kỷ XIX. Đặc trưng cơ bản của giai cấp vô sản mà C. Mác và Ph. Ăngghen nêu ra, sau này đã được V.I. Lênin tiếp tục khẳng định, làm rõ và phát triển một cách sáng tạo. Đồng thời, V.I. Lênin nhấn mạnh thêm mặt bên trong, đến “tâm lý vô sản” của người công nhân, đây là cơ sở để phân biệt giữa giai cấp vô sản hiện đại với tầng lớp vô sản lưu manh vốn là sản phẩm của sự đỗ vỡ và thối nát của xã hội cũ. Dưới chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân khi đã trở thành giai cấp lãnh đạo thông qua chính đảng của mình, còn có thêm một số đặc trưng cụ thể là: cùng toàn dân làm chủ các tư liệu sản xuất chính của xã hội; đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo xã hội bằng đường lối, chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước của giai cấp công nhân.

Trên cơ sở phân tích địa vị kinh tế, xã hội khách quan và đặc trưng của giai cấp vô sản - giai cấp công nhân, C. Mác và Ph. Ăngghen trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã vạch rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Tuy nhiên trước hết, C. Mác và Ph. Ăngghen miêu tả một cách sinh động về sự ra đời của giai cấp công nhân: giai cấp công nhân là giai cấp đồng đảo nhất sinh ra và lớn lên gắn liền với đại công nghiệp, là sản phẩm của chính nền sản xuất ấy: “Tất cả các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển

của đại công nghiệp, còn giai cấp vô sản lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp”¹. Do làm việc và sống trong xã hội công nghiệp, cho nên giai cấp công nhân có xu hướng phát triển không ngừng về số lượng và chất lượng cùng sự phát triển của đại công nghiệp. Đồng thời, cũng do làm việc trong môi trường sản xuất công nghiệp nên giai cấp công nhân được rèn luyện tác phong công nghiệp, lối sống và nhiều phẩm chất hợp tác, đoàn kết, kỷ luật... Những phẩm chất đó là tiền đề cho một giai cấp cách mạng và được C. Mác và Ph. Ăngghen phân tích: “... sự phát triển của công nghiệp không những đã làm tăng thêm số người vô sản, mà còn tập hợp họ lại thành những khối quần chúng lớn hơn; lực lượng của những người vô sản tăng thêm và họ thấy rõ lực lượng của mình hơn... những cuộc xung đột cá nhân giữa công nhân và tư sản ngày càng có tính chất những cuộc xung đột giữa hai giai cấp...”². “Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng”³.

Tiếp đó, C. Mác và Ph. Ăng ghen giải thích về đặc trưng của giai cấp công nhân là giai cấp không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động cho nhà tư bản và bị nhà tư bản bóc lột nặng nề về giá trị thặng dư. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăng ghen chỉ rõ: giai cấp công nhân “... là giai cấp chỉ có thể sống với điều kiện là kiếm được việc làm, và chỉ kiếm được việc làm, nếu lao động của họ làm tăng thêm tư bản... Những công nhân ấy, buộc phải tự bán mình

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.610, 607- 608, 610.

để kiếm ăn từng bữa một, là một hàng hoá... vì thế, họ phải chịu hết mọi sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lén lút của thị trường”¹. C. Mác và Ph. Ăngghen đặc biệt nhấn mạnh điều này vì chính nó khiến cho người công nhân trở thành giai cấp đối kháng, mâu thuẫn với giai cấp tư sản. Mâu thuẫn này không thể điều hòa và chỉ có thể được giải quyết bằng việc xóa bỏ chế độ bóc lột giá trị thặng dư, trên cơ sở xác lập một quan hệ sản xuất mang tính công hữu những tư liệu sản xuất chủ yếu.

Từ những lập luận trên, C. Mác và Ph. Ăngghen đã nhận định rằng nền công nghiệp hiện đại đã sản sinh, nuôi dưỡng một giai cấp vô sản với những đặc trưng cơ bản: không có tư liệu sản xuất, đối lập với giai cấp tư sản, bị giai cấp tư sản bóc lột ngày càng nặng nề; có tinh thần cách mạng, đoàn kết, có tính tổ chức kỷ luật cao. Bởi vậy, giai cấp vô sản chứ không phải bất kỳ một giai cấp nào khác gánh trên vai mình sứ mệnh cao cả “là người đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản”.

Bên cạnh trình bày khái quát các đặc trưng, bản chất của giai cấp công nhân, C. Mác và Ph. Ăngghen cũng phân tích quá trình đấu tranh của giai cấp công nhân để hoàn thành sứ mệnh của mình. Các ông cho rằng cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân là một quá trình trải qua nhiều giai đoạn từ thấp đến cao, từ tự phát nhỏ lẻ đến ngày càng có tính chất tự giác hơn, cuối cùng là cuộc đấu tranh hoàn toàn có tính tự giác.

Giai đoạn thứ nhất - giai đoạn đấu tranh chống kẻ thù của mình, thoát đầu những người công nhân chỉ đấu tranh

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.605.

dừng ở mức đập phá máy móc, công xưởng, đòi lại những gì đã mất: “cuộc đấu tranh được tiến hành bởi những công nhân riêng lẻ; kế đến, bởi những công nhân cùng một công xưởng; và sau đó, bởi những công nhân cùng một ngành công nghiệp, cùng một địa phương, chống lại người tư sản trực tiếp bóc lột họ. Họ không phải chỉ đả kích vào quan hệ sản xuất tư sản mà còn đánh vào ngay cả công cụ sản xuất nữa; họ phá hủy hàng ngoại hoá cạnh tranh với họ, đập phá máy móc, đốt các công xưởng và ra sức giành lại địa vị đã mất của người thợ thủ công thời trung cổ”¹.

Giai đoạn thứ hai - là giai đoạn đấu tranh có tổ chức của giai cấp công nhân. Chính cuộc đấu tranh chính trị cùng môi trường lao động đại công nghiệp đã rèn luyện giai cấp công nhân làm cho nó không chỉ là một lực lượng tiềm tàng, có thể thủ tiêu chủ nghĩa tư bản mà còn làm chín muồi dần các điều kiện, các yếu tố khách quan và chủ quan để có thể biến khả năng tiềm tàng ấy thành hiện thực: “...những cuộc xung đột cá nhân giữa công nhân và tư sản ngày càng có tính chất những cuộc xung đột giữa hai giai cấp. Công nhân bắt đầu từ việc thành lập những liên minh chống lại bọn tư sản để bảo vệ tiền công của mình. Thậm chí họ đi tới chố lập thành những đoàn thể thường trực để săn sàng đối phó, khi những cuộc xung đột bất thắn xảy ra...”².

Ngoài những nội dung trên, điều mấu chốt, cơ bản của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* với tính cách là *Cương lĩnh chính trị* của giai cấp vô sản là ở chỗ, đã vạch rõ giai cấp công

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.607, 608.

nhân cần có một đảng thật sự sáng suốt về mặt tư tưởng lãnh đạo cuộc đấu tranh của mình, bởi giai cấp vô sản luôn bị áp bức cùng cực bởi giai cấp tư sản; giai cấp tư sản đã không đảm bảo cho giai cấp vô sản những điều kiện sinh hoạt tối thiểu cho họ có thể sống được. Như vậy, đấu tranh xóa bỏ chủ nghĩa tư bản là tất yếu. Song, để bảo đảm cho sự thắng lợi đó, giai cấp vô sản phải có những điều kiện đảm bảo cho công cuộc tự giải phóng mình. Trong *Lời tựa cho bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”*, Ph. Ăngghen đã chỉ ra điều đó: “Chính do bản thân các sự biến và do những sự thành bại trong cuộc đấu tranh chống tư bản... mà công nhân không thể không cảm thấy rằng tất cả các môn thuốc vạn ứng của họ đều vô dụng, họ không thể không đi tới chỗ nhận thấy tường tận những điều kiện thực sự của công cuộc giải phóng giai cấp công nhân”¹. Điều kiện đó là sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Sự ra đời của Đảng Cộng sản là tất yếu để đảm bảo cho giai cấp vô sản hoàn thành sứ mệnh lịch sử.

Trong cuộc đấu tranh đó, nhiệm vụ của Đảng là: *giai đoạn thứ nhất*: “tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy chính quyền”²; *giai đoạn thứ hai*: “dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước”³. Với tư cách là giai cấp

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.21, tr.520-521.

2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.615, 626.

thống trị, giai cấp vô sản dùng bạo lực tiêu diệt chế độ sản xuất cũ; đồng thời tiêu diệt những điều kiện của sự đối kháng giai cấp. Đầu tranh giai cấp của giai cấp vô sản để đưa đến xóa bỏ giai cấp và xóa bỏ mình. Đó là giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản và sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hoàn thành. Đảng không còn tồn tại cùng với sự mất đi của các giai cấp là tất yếu khách quan.

Nhìn chung, với sự luận giải một cách khoa học, C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định trong xã hội hiện đại, chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp cách mạng nhất, triệt để nhất, có khả năng lật đổ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chế độ cộng sản chủ nghĩa. Đồng thời, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* cũng chỉ rõ trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng, giai cấp công nhân tất nhiên phải lập ra chính đảng của mình để lãnh đạo phong trào cách mạng.

Có thể nói, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là “phương sách”, là “kim chỉ nam” cho những người cộng sản thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử của mình. Khẳng định giá trị vĩnh hằng của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, V.I. Lê nin viết: “Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng hàng bộ sách: tinh thần của nó, đến bây giờ, vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thế giới giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh”¹.

Từ khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, giai cấp công nhân có cương lĩnh cách mạng đúng đắn, đã tập hợp lực lượng trong cuộc đấu tranh với giai cấp tư sản và chủ nghĩa

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.10.

tư bản để giành các quyền lợi cơ bản của mình. Sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế thông qua kết quả hoạt động của Hội Liên hiệp công nhân quốc tế - Quốc tế I (1864 - 1872); “Hội quốc tế xã hội chủ nghĩa” - Quốc tế II với sự ra đời của các đảng dân chủ - xã hội ở các nước tư bản từ sau những năm 1889 đã đưa phong trào cộng sản và công nhân quốc tế phát triển ngày càng tự giác, gắn đấu tranh chính trị với đấu tranh kinh tế, đồng thời đấu tranh tư tưởng, lý luận ngày càng phát triển theo chiều sâu. Chủ nghĩa cộng sản từ chố bị coi là “bóng ma” ám ảnh châu Âu, đã trở thành hiện thực sinh động, khẳng định sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân đứng lên tự giải phóng mình và giải phóng toàn nhân loại, mở ra trang sử mới trong lịch sử đấu tranh giải phóng vĩ đại của giai cấp công nhân và nhân dân lao động quốc tế.

Là người kế tục xuất sắc tư tưởng cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác về vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, V.I. Lenin và Đảng Bônsêvích đã lãnh đạo giai cấp công nhân, nông dân, trí thức và binh lính Nga tiến hành Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi, hiện thực hóa lý tưởng cách mạng cao cả của chủ nghĩa Mác, đưa nhân loại bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên tự giải phóng của giai cấp công nhân giành lại những giá trị chân chính của con người. Sự ra đời và không ngừng lớn mạnh của chủ nghĩa xã hội hiện thực và cao trào cách mạng ở thế kỷ XX đã chứng minh rõ điều đó.

170 năm đã trôi qua kể từ khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã có nhiều biến đổi, có nhiều vấn đề mới đặt ra cần phải giải

quyết, nhưng sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được C. Mác và Ph. Ăngghen trình bày trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vẫn còn giá trị và nóng hổi tính thời sự. Chủ nghĩa Mác không hề lỗi thời, vẫn là cơ sở khoa học, phương pháp luận cho việc luận giải các vấn đề thời đại; tiếp tục là kim chỉ nam, là ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới trên con đường đi tới tương lai xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, có không ít luận thuyết, quan điểm khác nhau tiến công, phủ nhận giá trị của *Tuyên ngôn*, đòi thay thế chủ nghĩa Mác - Lê nin; những lý thuyết hoài nghi, phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân nở rộ ở nhiều nơi. Người ta cố tình lập luận rằng: C. Mác đã gắn cho giai cấp công nhân cái sứ mệnh mà nó không có bởi vì ông thương đó là giai cấp nghèo khổ; rằng, chủ nghĩa tư bản đã thay đổi về chất, trở thành “chủ nghĩa tư bản nhân dân”, không còn dựa trên sự bóc lột lao động làm thuê nữa; rằng, công nhân ở các nước tư bản không còn bị bóc lột, địa vị của họ đã thay đổi căn bản, cho nên không còn sứ mệnh lịch sử nữa, v.v.. Tuy nhiên thực chất đó là sự biện hộ cho địa vị thống trị và bóc lột của giai cấp tư sản, cho sự tồn tại “vĩnh hằng” của chủ nghĩa tư bản, phủ nhận vai trò lịch sử khách quan của giai cấp công nhân. Mặc dù có những thay đổi và đạt được những thành tựu to lớn trong các thập niên gần đây, nhưng trong lòng thế giới tư bản hiện đại, mâu thuẫn vốn có giữa lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất không những vẫn tồn tại, mà có mặt còn sâu sắc hơn và lan ra phạm vi rộng hơn. Chủ nghĩa tư bản hiện đại đang nắm

ưu thế về vốn, khoa học và công nghệ, thị trường, song không thể khắc phục nổi những mâu thuẫn vốn có. Bởi trong điều kiện mới, cho dù chủ nghĩa tư bản có thay đổi, thích nghi và phát triển như thế nào, nhưng bản chất bóc lột, phản động của nó vẫn không thay đổi. Không những thế, sự bóc lột và bản chất phản động đang được chủ nghĩa tư bản ra sức mở rộng đến các nước đang phát triển bằng các hình thức nô dịch và chủ nghĩa cường quyền mới về chính trị, kinh tế và cả quân sự. Dù có thể tận dụng những thành tựu cách mạng khoa học công nghệ hiện đại để phát triển, nhưng chủ nghĩa tư bản không thể thích nghi mãi được, dẫu nó đang cố gò lực lượng sản xuất trong khuôn khổ chật hẹp của quan hệ sản xuất dựa trên cơ sở chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu 2008 - 2009 và một số năm sau đó đã nói lên những hạn chế của chủ nghĩa tự do kinh tế, những mâu thuẫn không thể khắc phục và giới hạn của chủ nghĩa tư bản hiện đại. “... *giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những công nhân hiện đại, những người vô sản*”¹ - luận điểm nổi tiếng này trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* càng trở nên có ý nghĩa trong điều kiện lịch sử mới. Chủ nghĩa tư bản điều chỉnh là làm cái việc rèn giũa “vũ khí sẽ giết mình” thêm sắc nhọn hơn; những người đào huyệt chôn nó là giai cấp công nhân đã càng nhận thức rõ hơn sứ mệnh lịch sử của mình là loại bỏ chủ nghĩa tư bản ra khỏi đời sống xã hội, xây dựng chủ nghĩa cộng sản văn

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.605.

minh, xác định rõ hơn con đường, biện pháp để thực hiện sứ mệnh lịch sử vĩ đại của mình.

Nhìn lại chặng đường gần 90 năm kể từ ngày Đảng ra đời, giai cấp công nhân Việt Nam đã có nhiều thay đổi, phát triển về số lượng, chất lượng, cơ cấu và địa vị lịch sử cũng như vai trò trong xã hội. Dù còn nhiều hạn chế, nhưng giai cấp công nhân Việt Nam thông qua chính đảng của mình vẫn là giai cấp duy nhất lãnh đạo cách mạng, đưa sự nghiệp đổi mới đất nước đến thắng lợi hoàn toàn. Vai trò lãnh đạo, bản chất cách mạng và tính tiên phong của giai cấp công nhân không hề thay đổi. Những tư tưởng của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân cùng với thực tiễn lãnh đạo cách mạng của Đảng gần 9 thập niên qua là cơ sở cho phép chúng ta khẳng định, tin tưởng vào vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. Theo đó, để giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng lớn mạnh, thực hiện tốt sứ mệnh lịch sử của mình trong thời kỳ mới cần tập trung vào một số giải pháp chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về giai cấp công nhân trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Thứ hai, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo nghề, từng bước trí thức hóa giai cấp công nhân.

Thứ ba, quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, ý thức giai cấp, tinh thần dân tộc cho giai cấp công nhân.

Thứ tư, bổ sung, sửa đổi, xây dựng và thực hiện nghiêm hệ thống chính sách, pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích hợp

pháp, chính đáng của giai cấp công nhân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân.

Thứ năm, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị, xã hội khác trong xây dựng giai cấp công nhân.

Đây là những vấn đề vừa mang ý nghĩa lâu dài, vừa đáp ứng đòi hỏi cấp thiết của sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Bởi phù hợp với quy luật lịch sử của quá trình phát triển và có Đảng Cộng sản lãnh đạo, giai cấp công nhân Việt Nam nhất định sẽ vươn tới trình độ cao của quá trình phát triển tự giác, hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử được giao như C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* 170 năm về trước.

NHỮNG TƯ TƯỞNG DUY VẬT LỊCH SỬ TRONG TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

PGS. TS. ĐẶNG HỮU TOÀN*

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - văn kiện lịch sử ghi nhận sự hình thành về cơ bản học thuyết Mác, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học, “cương lĩnh của Đảng có đầy đủ chi tiết, vừa về mặt lý luận, vừa về mặt thực tiễn”¹, do C. Mác và Ph. Ăngghen soạn thảo theo sự phân công của Liên đoàn những người cộng sản, lần đầu tiên được tuyên bố công khai vào tháng 2/1848 tại London. Chẳng bao lâu sau khi được tuyên bố, văn kiện lịch sử này đã nhanh chóng trở thành “tác phẩm phổ biến hơn cả, có tính chất quốc tế hơn cả trong tất cả các văn phẩm xã hội chủ nghĩa” và hơn nữa, đã trở thành “cương lĩnh được thừa nhận bởi hàng triệu công nhân từ Xibia đến Caliphocnia”². Trên thực tế, suốt 170 năm qua, văn kiện mang tính cương lĩnh này không chỉ là “khúc ca tuyệt tác của chủ nghĩa Mác”, là văn kiện lịch sử “đánh dấu một bước tiến trong khoa học lịch sử”, mà còn là và hơn nữa

* Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.18. tr.127; t.21, tr.522.

đã thực sự trở thành kim chỉ nam chỉ đạo hành động của giai cấp công nhân toàn thế giới và chính đảng của nó, đương nhiên, trong đó có giai cấp công nhân Việt Nam và chính đảng của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam. Tư tưởng cơ bản và tinh thần chủ đạo của văn kiện mang tính cương lĩnh này sẽ mãi còn “cỗ vũ và thúc đẩy toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh”¹.

Vậy, những gì đã làm nên sức mạnh vĩ đại, đem lại vị trí và vai trò hết sức vang dội cho văn kiện lịch sử mang tính cương lĩnh này? Một trong những cái đó chính là *những tư tưởng duy vật lịch sử*.

Thật vậy, trong *Lời tựa cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” xuất bản năm 1883*, Ph. Ăngghen đã khẳng định: “Tư tưởng cơ bản và chủ đạo của “Tuyên ngôn” là: trong mọi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra, - cả hai cái đó cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy; do đó (từ khi chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy tan rã), toàn bộ lịch sử là lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa những giai cấp bị bóc lột và những giai cấp đi bóc lột, giữa những giai cấp bị trị và những giai cấp thống trị, qua các giai đoạn của sự phát triển xã hội của họ; nhưng cuộc đấu tranh ấy hiện nay đã đến một giai đoạn mà giai cấp bị bóc lột và bị áp bức (tức là giai cấp vô sản) không còn có thể tự giải phóng khỏi tay giai cấp bóc lột và áp bức mình (tức là giai cấp tư sản) được nữa, nếu

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập, Sđd*, t.2. tr.10.

không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức và khỏi cuộc đấu tranh giai cấp”¹. Và, sau đó, một lần nữa, Ph. Ăngghen đã khẳng định tư tưởng này trong *Lời tựa cho bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”*². V.I. Lênin cũng đã khẳng định: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là văn kiện lịch sử “trình bày một cách hết sức sáng sủa và rõ ràng thế giới quan mới, chủ nghĩa duy vật triết lý - chủ nghĩa duy vật này bao quát cả lĩnh vực sinh hoạt xã hội...”³.

Theo đó, có thể nói, *những tư tưởng duy vật lịch sử căn bản nhất* mà C. Mác và Ph. Ăngghen đã đưa ra trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, trước hết, là tư tưởng về *tiến trình phát triển của xã hội loài người diễn ra bởi sự thay thế lẫn nhau* của các phương thức sản xuất xã hội, hay sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội từ thấp đến cao theo con đường lịch sử - tự nhiên mà quy luật nền tảng là quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và đấu tranh giai cấp là động lực thúc đẩy. Đó còn là tư tưởng về mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng và tư tưởng về sự phát triển con người, giải phóng con người và xã hội loài người. Dưới đây là sự luận giải sơ lược của chúng tôi về những tư tưởng này.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.11-12.

2. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.523.

3. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.26, tr.57.

1. Tư tưởng về tiến trình phát triển của xã hội loài người diễn ra theo con đường lịch sử - tự nhiên

Về tư tưởng này, trước hết cần phải khẳng định rằng, không phải đến *Tuyên ngôn*, C. Mác và Ph. Ăngghen mới đi đến quan niệm rằng trong mỗi thời đại lịch sử, phương thức sản xuất vật chất cùng với cơ cấu xã hội do nó quyết định đã cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng, tinh thần của thời đại ấy - cái cơ sở mà chỉ có xuất phát từ đó mới lý giải được tiến trình phát triển của xã hội loài người, và do vậy, toàn bộ lịch sử nhân loại là lịch sử đấu tranh giai cấp. Trước đó, từ *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen* (1843), *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, *Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh* (1845), *Gia đình thần thánh* (1845), *Hệ tư tưởng Đức* (1845 - 1846), *Sự khốn cùng của triết học* (1847) đến *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản* (1847), các ông đã dần đi đến tư tưởng này.

Thật vậy, từ các tác phẩm đó, chúng ta thấy, để tìm ra và lý giải các quy luật của sự phát triển xã hội, C. Mác và Ph. Ăngghen đã xuất phát từ quan niệm coi xã hội không phải là một tổ hợp giản đơn các mặt, các yếu tố riêng biệt, không phải là một tổng số máy móc của cá nhân riêng biệt, mà là một hệ thống chỉnh thể. Rằng, xã hội loài người không chỉ là một tập hợp, một cộng đồng người, mà còn là những mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với tự nhiên và xã hội để cấu thành nên một chỉnh thể duy nhất. Những mối quan hệ này đã được tái tạo trong sự hoạt động của con người và mang tính bền vững đến mức nhiều thế hệ con người thay thế mà hình thức của những mối quan hệ đặc trưng cho một xã hội cụ thể vẫn tồn tại. Với quan niệm này,

khi nghiên cứu một xã hội cụ thể - xã hội tư bản, các ông đã coi xã hội tư bản cũng là một chỉnh thể xã hội như các xã hội trước đó và ở xã hội này, mọi bộ phận, mọi yếu tố cấu thành của nó đều nằm trong một mối quan hệ tất yếu, hợp quy luật. Với quan điểm có ý nghĩa phương pháp luận này, các ông đã tìm ra quy luật của sự phát triển xã hội và từ đó, xây dựng nên học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và đi đến quan niệm coi sự phát triển xã hội là quá trình lịch sử - tự nhiên. Đúng như V.I. Lênin đã khẳng định: C. Mác đã xây dựng nền tư tưởng cơ bản này bằng cách là, “trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, ông đã làm nổi bật riêng lĩnh vực kinh tế, bằng cách là trong tất cả mọi quan hệ xã hội ông đã làm nổi bật riêng *những quan hệ sản xuất*, coi đó là những quan hệ cơ bản, ban đầu và quyết định tất cả mọi quan hệ khác”¹. Rằng, bằng cách “đem quy những quan hệ xã hội vào những quan hệ sản xuất, và đem quy những quan hệ sản xuất vào trình độ của những lực lượng sản xuất”², C.Mác đã “có được một cơ sở vững chắc để quan niệm sự phát triển của những hình thái xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên”³.

Với quan điểm mang tính phương pháp luận này, đã chứng minh cho giai cấp vô sản toàn thế giới và các chính đảng của nó thấy rõ sự thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là một tất yếu lịch sử và đó chỉ là sự thay thế một phương thức sản xuất này bằng một phương thức sản xuất khác, hay một hình thái kinh tế - xã hội này bằng một hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn diễn ra theo con đường lịch sử - tự nhiên, tuân theo quy luật

1, 2, 3. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd, t.1, tr.159, 163.*

về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản bị bóc lột chống lại giai cấp tư sản bóc lột là động lực quyết định. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định: “những tư liệu sản xuất và trao đổi, làm cơ sở cho giai cấp tư sản hình thành, đã được tạo ra từ trong lòng xã hội phong kiến. Những tư liệu sản xuất và trao đổi ấy phát triển tới một trình độ nhất định nào đó thì những quan hệ mà trong đó xã hội phong kiến tiến hành sản xuất và trao đổi... không còn phù hợp với những lực lượng sản xuất đã phát triển. Những cái đó đã cản trở sản xuất, chứ không làm cho sản xuất tiến triển lên. Tất cả những cái đó đều biến thành xiềng xích. Phải đập tan những xiềng xích ấy, và quả nhiên những xiềng xích ấy đã bị đập tan”¹. Và, “Thay vào đó là sự cạnh tranh tự do, với một chế độ xã hội và chính trị thích ứng, với sự thống trị kinh tế và chính trị của giai cấp tư sản”². Thế nhưng, một quá trình tương tự như vậy đã diễn ra trong lòng xã hội tư bản. Xã hội này, “với những quan hệ sản xuất và trao đổi tư sản của nó, với những quan hệ sở hữu tư sản, đã tạo ra những tư liệu sản xuất và trao đổi hết sức mạnh mẽ..., thì giờ đây, giống như một tay phù thủy không còn đủ sức trị những âm binh mà y đã triệu lên”³, và đã đến lúc, nó cho chúng ta thấy rõ, “lịch sử công nghiệp và thương nghiệp không phải là cái gì khác hơn là lịch sử cuộc nổi dậy của lực lượng sản xuất hiện đại chống lại những quan hệ sản xuất hiện đại, chống lại những quan hệ sở hữu đang quyết định sự tồn tại và sự thống trị của giai cấp tư sản...

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.601, 163-164, 604.

Những lực lượng sản xuất mà xã hội săn có, không thúc đẩy quan hệ sở hữu tư sản phát triển nữa; trái lại, chúng đã trở thành quá mạnh đối với quan hệ sở hữu ấy, cái quan hệ sở hữu lúc đó đang cản trở sự phát triển của chúng; và mỗi khi những lực lượng sản xuất xã hội khắc phục được sự cản trở ấy thì chúng lại xô toàn thể xã hội tư sản vào tình trạng rối loạn và đe dọa sự sống còn của sở hữu tư sản¹. Những quan hệ sở hữu này “đã trở thành quá hẹp, không đủ để chứa đựng những của cải đã được tạo ra trong lòng nó nữa”².

Như vậy, có thể nói, với sự nhìn nhận và đánh giá một cách khách quan, có luận cứ khoa học xác đáng thực tiễn phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp và sự vận động của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, C. Mác và Ph. Ăngghen đã cho chúng ta thấy giai cấp tư sản đã từng đóng vai trò cách mạng trong lịch sử phát triển của xã hội loài người. Rằng, với tư cách là sản phẩm của một quá trình phát triển lâu dài, của một loạt những cuộc cách mạng trong phương thức sản xuất và trao đổi, sự xuất hiện và sứ mệnh lịch sử của giai cấp tư sản đã thể hiện ra và được thừa nhận trong lịch sử nhân loại khi nó tấn công triệt để vào trật tự phong kiến chuyên chế đã tỏ ra lỗi thời, mở đường cho sự giải phóng và phát triển sức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Cùng với đó, các ông cũng đồng thời chỉ rõ những căn nguyên kinh tế - xã hội sâu xa quy định những hạn chế không thể vượt qua được của giai cấp tư sản và phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Đó chính là sự vận động của phương thức sản xuất

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.604, 604-605.

tư bản chủ nghĩa với mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa lực lượng sản xuất đã được xã hội hóa cao độ với quan hệ sản xuất ngày càng trở nên chật hẹp trong hình thức của chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Sự vận động và mâu thuẫn này đã đẩy giai cấp tư sản vào vị trí của một giai cấp không còn triển vọng của lịch sử. Nó tất yếu phải bị phủ định và được thay thế bởi sự tiến bộ xã hội và giai cấp vô sản - giai cấp với tư cách “sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp” và “đang nắm tương lai trong tay”¹ do chính nó tạo ra như một kết quả ngoài ý muốn nhưng lại là tất yếu. Rằng, “Những vũ khí mà giai cấp tư sản đã dùng để đánh đổ chế độ phong kiến thì ngày nay quay lại đập vào chính ngay giai cấp tư sản”. Chính giai cấp tư sản đã không chỉ “rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những công nhân hiện đại, những người vô sản”². Và, như một kết cục hợp lôgíc, “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”³.

Kết luận đanh thép này của C. Mác và Ph. Ăngghen đã cho chúng ta thấy tính tất yếu lịch sử của cách mạng vô sản, cuộc cách mạng mà giai cấp vô sản và chính đảng của nó đóng vai trò và giữ sứ mệnh lịch sử là xóa bỏ chủ nghĩa tư bản như xóa bỏ hình thức nô lệ cuối cùng trong lịch sử nhân loại để tiến tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, thực hiện sự nghiệp giải phóng giai cấp và nhân loại, đưa con người và xã hội loài người tới sự phát triển tự do và toàn diện nhất, phù hợp nhất với bản chất con người.

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.610, 605, 613.

Điều mà giờ đây chúng ta cần phải khẳng định là: Kết luận này được C. Mác và Ph. Ăngghen đưa ra khi giai cấp tư sản còn đang tồn tại như một lực lượng thống trị xã hội và giai cấp vô sản còn đang là giai cấp mà cuộc sống sinh tồn hằng ngày vẫn hoàn toàn dựa trên việc bán sức lao động cho nhà tư bản và đang phải vượt qua tình trạng cô lập do cạnh tranh, tiến tới sự liên hợp để biểu thị sự đoàn kết cách mạng của một giai cấp cách mạng đang thực sự bước vào cuộc đấu tranh giai cấp ở trình độ một cuộc đấu tranh chính trị tự giác - là kết luận chứa đựng niềm tin khoa học sâu sắc, đồng thời là một dự báo tích cực đối với tương lai của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Toàn bộ tinh thần tư tưởng và phương pháp luận này của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* được thể hiện và phát triển xoay quanh kết luận này. 170 năm đã trôi qua, song kết luận này vẫn giữ nguyên giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại của nó, bởi nó là kết luận mang giá trị khoa học và ý nghĩa cách mạng.

2. Tư tưởng về mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

Tư tưởng duy vật lịch sử này, như ở phần trên chúng tôi đã trích dẫn, do chính Ph. Ăngghen khẳng định khi viết *Lời tựa cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” xuất bản năm 1883*.

Với quan điểm đã được hình thành khi vận dụng quan niệm duy vật biện chứng vào việc phân tích lịch sử nhân loại và đời sống xã hội loài người - quan điểm cho rằng, động lực quyết định thúc đẩy tiến trình phát triển lịch sử của xã hội

loài người không phải ở trong ý thức xã hội, như tư tưởng, chính trị, pháp luật, tôn giáo,... cùng với sự tác động của các thiết chế tương ứng của nó, bởi những hình thái ý thức xã hội và các thiết chế này chỉ là sản phẩm của tồn tại xã hội, do tồn tại xã hội quy định, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen viết: “Liệu có cần phải sáng suốt lăm mới hiểu được rằng những tư tưởng, những quan điểm và những khái niệm của con người, tóm lại là ý thức của con người, đều thay đổi cùng với mọi sự thay đổi xảy ra trong điều kiện sinh hoạt, trong quan hệ xã hội, trong đời sống xã hội của con người không?”¹. Rằng, “Lịch sử tư tưởng chứng minh cái gì, nếu không phải là chứng minh rằng sản xuất tinh thần cũng biến đổi theo sản xuất vật chất? Những tư tưởng thống trị của một thời đại bao giờ cũng chỉ là những tư tưởng của giai cấp thống trị”².

Về luận điểm này của C. Mác và Ph. Ăngghen, cần phải nói thêm rằng, khi khẳng định tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, trong đó phương thức sản xuất là nhân tố quan trọng nhất quyết định sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của xã hội loài người là nói tới “tư tưởng cơ bản và chủ đạo”, hoặc “luận điểm chủ yếu làm hạt nhân” mà như sau này, các ông nói là “xét đến cùng”, chứ không phải là “tuyệt đối hóa” những yếu tố này, mà không thấy vai trò nồng động, tích cực của ý thức xã hội. Trong trang đầu tiên của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, khi nói rõ mục đích soạn thảo văn kiện lịch sử này, các ông đã khẳng định vai trò của ý thức xã hội nói chung, ý thức chính trị, tư tưởng nói riêng: “Hiện nay, đã đến

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.624, 625.

lúc những người cộng sản phải công khai trình bày trước toàn thế giới những quan điểm, mục đích, ý đồ của mình; và phải có một Tuyên ngôn của đảng của mình để đập lại câu chuyện hoang đường về bóng ma cộng sản”¹.

Với vài dòng ngắn ngủi này, C. Mác và Ph. Ăngghen đã cho chúng ta thấy vai trò quan trọng và ý nghĩa cách mạng sâu sắc của ý thức xã hội nói chung, ý thức chính trị, tư tưởng nói riêng trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và chính đảng của nó nhằm xóa bỏ chủ nghĩa tư bản và xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa. Và, để giai cấp vô sản và chính đảng của nó thấy rõ hơn tầm quan trọng của vấn đề này, từ quan điểm về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định: “Tất cả những phong trào lịch sử, từ trước đến nay, đều là do thiểu số thực hiện, hoặc đều mưu lợi ích cho thiểu số. Phong trào vô sản là phong trào độc lập của khối đại đa số, mưu lợi ích cho khối đại đa số. Giai cấp vô sản, tầng lớp ở bên dưới nhất của xã hội hiện tại, không thể vùng dậy, vươn mình lên nếu không làm nổ tung toàn bộ cái thượng tầng kiến trúc bao gồm những tầng lớp cấu thành xã hội quan phương”².

3. Tư tưởng về sự phát triển con người, giải phóng con người và xã hội loài người

Đây chính là một trong những “tư tưởng cơ bản và chủ đạo”, tư tưởng đã làm nên giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.595, 611.

cho *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và đem lại cho chủ nghĩa Mác không chỉ bản chất cách mạng và khoa học, mà cả tinh thần nhân văn cao cả. “Vì con người và giải phóng nhân loại”, rằng “xã hội không thể nào giải phóng cho mình được, nếu không giải phóng cho mỗi một cá nhân riêng biệt”¹ đã trở thành tư tưởng nền tảng trong học thuyết của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác về xã hội tương lai, thành điểm xuất phát trong cách đặt vấn đề xây dựng một chế độ xã hội không có áp bức, bóc lột, không còn giai cấp, một xã hội công bằng, mọi người đều bình đẳng, một xã hội mà trong đó, “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”². Không chỉ thế, các ông còn xác định mục tiêu cao nhất của chế độ xã hội mới mà giai cấp vô sản và chính đảng của nó có sứ mệnh phải xây dựng thành công là phát triển con người toàn diện, những con người “có khả năng sử dụng một cách toàn diện năng lực phát triển toàn diện của mình”³ để sáng tạo với mọi khả năng sáng tạo tiềm tàng của mình.

Khẳng định xã hội tư bản là một bước tiến trong lịch sử phát triển của nhân loại, nội dung của bước tiến đó là ở chỗ, thời kỳ hoang sơ của lịch sử nhân loại đã kết thúc, giới hạn chật hẹp xung quanh hoạt động sống của con người đã bị phá vỡ, cơ sở cho sự phát triển bản chất con người đã được tạo ra, điều kiện cho sự giải phóng con người, giải phóng xã hội loài người đã được hình thành. C. Mác và Ph. Ăngghen đã cho rằng, mọi sự giải phóng con người đều phải trả thế giới

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.20, tr.406; t.4, tr.628; t.4, tr.475.

con người, những quan hệ của con người về với bản thân con người để con người thực sự là con người với tiếng Người viết hoa. Và, khi coi lịch sử nhân loại là quá trình con người nhận thức và hiện thực hóa cả bản chất loài lẫn bản chất nhân loại của mình, đồng thời phân tích xã hội tư bản đương thời với những biểu hiện thực tiễn của sự tha hóa trong xã hội này, các ông đã đi đến kết luận rằng, những mâu thuẫn trong tiến trình phát triển của xã hội tư bản thể hiện ra là những biến dạng thực tiễn trong sự vận động bị tha hóa của bản chất con người. Rằng, “Trong xã hội tư sản, tư bản có tính độc lập và cá tính, còn cá nhân người lao động lại mất tính độc lập và cá tính”¹. Do vậy, theo các ông, chỉ có đưa con người trở về với bản chất đích thực của con người mới thực sự là sự giải phóng con người. Và, sự nghiệp giải phóng này chỉ có thể thực hiện được bằng hoạt động thực tiễn tích cực của con người nhằm xóa bỏ mọi sự tha hóa của con người.

Phân tích xã hội tư bản đương thời, C. Mác và Ph. Ăngghen cũng đã nhận thấy cơ sở của sự tha hóa của con người lại chính là chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất chủ yếu. Bởi thế, các ông cho rằng, việc “xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản”- thứ sở hữu “tạo ra tư bản” bằng cách “bóc lột lao động làm thuê” và “chỉ có thể tăng thêm với điều kiện là phải sản xuất ra lao động làm thuê mới để lại bóc lột lao động làm thuê đó”, mà “hình thái hiện tại của nó” là thứ “sở hữu vận động trong sự đối lập giữa hai cực: tư bản và lao động”², đó chính là tiền đề cơ bản cho việc xóa bỏ mọi

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.617, 616.

sự tha hóa của con người, cho sự nghiệp giải phóng con người và xã hội loài người. Và, khi xuất phát từ quan hệ của lao động bị tha hóa khỏi sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, các ông đã đi đến kết luận rằng, sự giải phóng xã hội khỏi chế độ sở hữu này trở thành hình thức chính trị của sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản và đến lượt mình, sự giải phóng giai cấp vô sản tất phải bao hàm sự giải phóng toàn thể xã hội loài người.

Với quan điểm đó, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định: Để xóa bỏ mọi sự tha hóa nói chung, lao động bị tha hóa nói riêng trong xã hội tư bản, cũng như để thực sự giải phóng con người khỏi nạn “dân tộc này bóc lột dân tộc khác”¹, giai cấp vô sản và chính đảng của nó có sứ mệnh lịch sử là phải “xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản”². Và, để thực hiện sứ mệnh lịch sử này, thì giai đoạn thứ nhất trong cuộc cách mạng vô sản là giai đoạn “giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ” và sử dụng “sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất”³. Trên cơ sở đó, giai cấp vô sản và chính đảng của nó xóa bỏ mọi điều kiện của đối kháng giai cấp, xóa bỏ giai cấp nói chung và như thế cũng là xóa bỏ sự thống trị của chính giai cấp vô sản. Khi đó, “Thay cho xã hội tư sản cũ, với

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.624, 615, 626.

những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹.

170 năm đã qua, những tư tưởng duy vật lịch sử được C. Mác và Ph. Ăngghen đưa ra trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vẫn giữ nguyên giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại của nó. Với tư cách này, tinh thần và ý nghĩa phương pháp luận của văn kiện mang tính lịch sử này đã, đang và sẽ mãi còn là hành trang lý luận và tư tưởng của chúng ta trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, động viên, cổ vũ, khích lệ và thúc đẩy chúng ta hành động trên tinh thần duy vật lịch sử và theo quy luật khách quan của lịch sử nhân loại để đi đến những thắng lợi mới, trình độ phát triển mới, hiện đại của chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XXI.

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập Sđd*, t.4, tr.628.

LÝ LUẬN KINH TẾ CHÍNH TRỊ TRONG TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

PGS. TS. ĐOÀN XUÂN THỦY*

Kinh tế chính trị được C. Mác và Ph. Ăngghen sáng lập từ giữa thế kỷ XIX đã trở thành cuộc cách mạng trong sự phát triển của kinh tế chính trị với tư cách là khoa học. C. Mác và Ph. Ăngghen không những đã chọn lọc, kế thừa những thành tựu khoa học của các trường phái kinh tế chính trị trước đó, mà còn có những đóng góp đột phá cho phát triển kinh tế chính trị học. V.I. Lênin khẳng định: “toute bői thiên tài của Mác chính là ở chỗ ông đã giải đáp được những vấn đề mà tư tưởng tiên tiến của nhân loại đã nêu ra. Học thuyết của ông ra đời là *sự thừa kế thắng* và trực tiếp những học thuyết của các đại biểu xuất sắc nhất trong triết học, trong kinh tế chính trị học và trong chủ nghĩa xã hội”¹.

Kinh tế chính trị là yếu tố cốt lõi trong chủ nghĩa Mác. “Lý luận của Mác được chứng minh và được vận dụng sâu sắc nhất, toàn diện nhất và tinh mẫn nhất trong học thuyết kinh tế

* Viện Kinh tế chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.23, tr.49-50.

của ông”¹, Theo V.I. Lênin, “nội dung chủ yếu của chủ nghĩa Mác, tức là học thuyết kinh tế của Mác”², “Nghiên cứu sự phát sinh, phát triển và suy tàn của những quan hệ sản xuất của một xã hội nhất định trong lịch sử, đó là nội dung của học thuyết kinh tế của Mác”³, “Học thuyết giá trị thặng dư là viên đá tảng của học thuyết kinh tế của Mác”⁴. “Chỉ có học thuyết kinh tế của Mác là đã giải thích được địa vị thực sự của giai cấp vô sản trong toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa”⁵.

Lý luận kinh tế chính trị được C. Mác trình bày chủ yếu trong tác phẩm *Tư bản và Phê phán cương lĩnh Göta*. Tuy nhiên nhiều vấn đề cốt lõi đã được khởi thảo ngay trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*. Những nội dung chủ yếu đã được đề cập trong tác phẩm này bao gồm:

Thứ nhất, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa được hình thành và phát triển ngay trong lòng chế độ phong kiến, dựa trên sự phát triển và chuyển hóa của kinh tế hàng hóa thành kinh tế thị trường dưới tác động của phát triển lực lượng sản xuất. “Xã hội tư sản hiện đại, sinh ra từ trong lòng xã hội phong kiến đã bị diệt vong”⁶. “Từ những nông nô thời trung cổ, đã nảy sinh ra những thị dân tự do của các thành thị đầu tiên; từ dân cư thành thị này, nảy sinh ra những phần tử đầu tiên của giai cấp tư sản”⁷. Quá trình hình thành và phát triển của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa được thúc đẩy bởi chính sự phát triển mở rộng của kinh tế hàng hóa, đặc biệt nhờ vào những thị trường mới sau những phát kiến lớn

1, 2, 3, 4, 5. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.26, tr.71, 60, 72; t.23, tr.55, 58.

6, 7. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.597.

về địa lý. “Việc tìm ra châu Mỹ và con đường biển vòng châu Phi đã đem lại một địa bàn hoạt động mới cho giai cấp tư sản vừa mới ra đời. Những thị trường Đông Á và Trung Quốc, việc thực dân hóa châu Mỹ, việc buôn bán với thuộc địa, việc tăng thêm nhiều tư liệu trao đổi và nói chung tăng thêm nhiều hàng hoá, đã đem lại cho thương nghiệp, cho ngành hàng hải, cho công nghiệp, một sự phát đạt chưa từng có, và do đấy, đã đem lại một sự phát triển mau chóng cho yếu tố cách mạng trong xã hội phong kiến đang tan rã”¹.

Đến lượt mình, chính sự phát triển ngày càng mở rộng của thị trường đã tác động thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất dưới hình thái tư bản chủ nghĩa. “Tổ chức công nghiệp theo lối phong kiến hay phường hội trước kia không còn có thể thỏa mãn những nhu cầu luôn luôn tăng theo sự mở mang những thị trường mới. Công trường thủ công thay cho tổ chức cũ ấy. Tầng lớp kinh doanh công nghiệp trung đẳng thay cho thợ cả phường hội; sự phân công lao động giữa các phường hội khác nhau đã nhường chỗ cho sự phân công lao động bên trong từng xưởng thợ.

Nhưng các thị trường cứ lớn lên không ngừng, nhu cầu luôn luôn tăng lên. Ngay cả công trường thủ công cũng không thỏa mãn được nhu cầu đó nữa. Lúc ấy, hơi nước và máy móc dẫn đến một cuộc cách mạng trong công nghiệp. Đại công nghiệp hiện đại thay cho công trường thủ công; tầng lớp kinh doanh công nghiệp trung đẳng nhường chỗ cho các nhà công

1 C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, t.4, Nxb.: CTQG, H., 1995, tr. 597-598.

nghiệp triệu phú, cho những kẻ cầm đầu cả hàng loạt đạo quân công nghiệp, những tên tư sản hiện đại.

Đại công nghiệp đã tạo ra thị trường thế giới, thị trường mà việc tìm ra châu Mỹ đã chuẩn bị sẵn. Thị trường thế giới thúc đẩy cho thương nghiệp, hàng hải, những phương tiện giao thông tiến bộ phát triển mau chóng lạ thường. Sự phát triển này lại tác động trở lại đến việc mở rộng công nghiệp; mà công nghiệp, thương nghiệp, hàng hải, đường sắt càng phát triển thì giai cấp tư sản càng lớn lên, làm tăng những tư bản của họ lên và đẩy các giai cấp do thời trung cổ để lại xuống phía sau.

Như vậy, chúng ta thấy rằng bản thân giai cấp tư sản hiện đại cũng là sản phẩm của một quá trình phát triển lâu dài, của một loạt những cuộc cách mạng trong phong cách sản xuất và trao đổi”¹.

Thứ hai, thông qua quá trình chuyển kinh tế hàng hóa thành kinh tế thị trường, tư bản đã thực sự trở thành quan hệ sản xuất thống trị và đã sử dụng kinh tế thị trường để bóc lột làm giàu. “Giai cấp tư sản đã đóng một vai trò hết sức cách mạng trong lịch sử”². “Nó đã biến phẩm giá của con người thành giá trị trao đổi; nó đã đem tự do buôn bán duy nhất và vô si thay cho biết bao quyền tự do đã được ban cho và đã giành được một cách chính đáng. Tóm lại, giai cấp tư sản đã đem sự bóc lột công nhiên, vô si, trực tiếp, tàn nhẫn thay cho sự bóc lột được che đậy bằng những ảo tưởng tôn

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.598, 599.

giáo và chính trị”¹. “Bác sĩ, luật gia, tu sĩ, thi sĩ, bác học đều bị giai cấp tư sản biến thành những người làm thuê được trả lương của nó”².

Thứ ba, trên cơ sở không ngừng “cách mạng hóa công cụ sản xuất, do đó cách mạng hóa những quan hệ sản xuất, nghĩa là cách mạng hóa toàn bộ những quan hệ xã hội”³, tư bản đã không ngừng mở rộng sự thống trị của mình, nó “xâm lấn khắp hoàn cầu. Nó phải xâm nhập vào khắp nơi, trụ lại ở khắp nơi và thiết lập những mối liên hệ ở khắp nơi”⁴. “Do bόp nǎn thị trường thế giới, giai cấp tư sản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính chất thế giới”⁵, “lôi cuốn đến cả những dân tộc dã man nhất vào trào lưu văn minh. Giá rẻ của những sản phẩm của giai cấp ấy là trọng pháo bắn thủng tất cả những bức vạn lý trường thành và buộc những người dã man bài ngoại một cách ngoan cường nhất cũng phải hàng phục. Nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản. Nói tóm lại, nó tạo ra cho nó một thế giới theo hình dạng của nó”⁶.

“Giai cấp tư sản bắt nông thôn phải phục tùng thành thị... bắt những nước dã man hay nửa dã man phải phụ thuộc vào các nước văn minh, nó đã bắt những dân tộc nông dân phải phụ thuộc vào những dân tộc tư sản, bắt phương Đông phải phụ thuộc vào phương Tây”⁷.

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7. C. Mάc và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd, t.4, tr.600, 600-601, 601, 602, 602-603.*

“Giai cấp tư sản ngày càng xóa bỏ tình trạng phân tán về tư liệu sản xuất, về tài sản và về dân cư. Nó tụ tập dân cư, tập trung các tư liệu sản xuất, và tích tụ tài sản vào trong tay một số ít người. Kết quả tất nhiên của những thay đổi ấy là sự tập trung về chính trị. Những địa phương độc lập, liên hệ với nhau hầu như chỉ bởi những quan hệ liên minh và có những lợi ích”¹.

C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định: “Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại...

Vậy là chúng ta đã thấy rằng: những tư liệu sản xuất và trao đổi, làm cơ sở cho giai cấp tư sản hình thành, đã được tạo ra từ trong lòng xã hội phong kiến. Những tư liệu sản xuất và trao đổi ấy phát triển tới một trình độ nhất định nào đó thì những quan hệ mà trong đó xã hội phong kiến tiến hành sản xuất và trao đổi, tổ chức nông nghiệp và công nghiệp theo lối phong kiến, - nói tóm lại, những quan hệ sở hữu phong kiến không còn phù hợp với những lực lượng sản xuất đã phát triển. Những cái đó đã cản trở sản xuất, chứ không làm cho sản xuất tiến triển lên. Tất cả những cái đó đều biến thành xiềng xích. Phải đập tan những xiềng xích ấy, và quả nhiên những xiềng xích ấy đã bị đập tan”².

Tuy nhiên, chính sự phát triển của lực lượng sản xuất dưới hình thái quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã làm cho quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trở thành lỗi thời, tất yếu phải được thay thế bằng hình thái kinh tế - xã hội mới của

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 602-603, 603.

sản xuất. “Xã hội tư sản hiện đại, với những quan hệ sản xuất và trao đổi tư sản của nó, với những quan hệ sở hữu tư sản, đã tạo ra những tư liệu sản xuất và trao đổi hết sức mạnh mẽ như thế, thì giờ đây, giống như một tay phù thủy không còn đủ sức trị những âm binh mà y đã triệu lên. Từ hàng chục năm nay, lịch sử công nghiệp và thương nghiệp không phải là cái gì khác hơn là lịch sử cuộc nổi dậy của lực lượng sản xuất hiện đại chống lại những quan hệ sản xuất hiện đại, chống lại những quan hệ sở hữu đang quyết định sự tồn tại và sự thống trị của giai cấp tư sản”¹.

“Vì xã hội có quá thừa văn minh, có quá nhiều tư liệu sinh hoạt, quá nhiều công nghiệp, quá nhiều thương nghiệp. Những lực lượng sản xuất mà xã hội săn có, không thúc đẩy quan hệ sở hữu tư sản phát triển nữa; trái lại, chúng đã trở thành quá mạnh đối với quan hệ sở hữu ấy, cái quan hệ sở hữu lúc đó đang cản trở sự phát triển của chúng; và mỗi khi những lực lượng sản xuất xã hội khắc phục được sự cản trở ấy thì chúng lại xô toàn thể xã hội tư sản vào tình trạng rối loạn và đe dọa sự sống còn của sở hữu tư sản. Những quan hệ tư sản đã trở thành quá hẹp, không đủ để chứa đựng những của cải đã được tạo ra trong lòng nó nữa”².

Thứ tư, sự hình thành và phát triển đội ngũ công nhân làm thuê không những là điều kiện chủ yếu để quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa tồn tại và phát triển trở thành thống trị, mà cũng trở thành lực lượng xóa bỏ chủ nghĩa tư bản. “Giai cấp tư sản, tức là tư bản, mà lớn lên thì giai cấp vô sản, giai cấp công nhân hiện đại - tức là giai cấp chỉ có thể sống

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 604, 604-605.

với điều kiện là kiếm được việc làm, và chỉ kiếm được việc làm, nếu lao động của họ làm tăng thêm tư bản - cũng phát triển theo. Những công nhân ấy, buộc phải tự bán mình để kiếm ăn từng bữa một, là một hàng hoá, tức là một món hàng đem bán như bất cứ món hàng nào khác; vì thế, họ phải chịu hết mọi sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lén xuống của thị trường với mức độ như nhau”¹. “... chi phí cho một công nhân hầu như chỉ còn là số tư liệu sinh hoạt cần thiết để duy trì đời sống và nòi giống của anh ta mà thôi. Nhưng giá cả của lao động, cũng như giá cả mọi hàng hóa, lại bằng chi phí sản xuất ra nó. Cho nên lao động càng trở nên thiếu hấp dẫn thì tiền công càng hạ. Hơn nữa, việc sử dụng máy móc và sự phân công mà tăng lên thì lượng lao động cũng tăng lên theo, hoặc là do tăng thêm giờ làm, hoặc là do tăng thêm lượng lao động phải làm trong một thời gian nhất định, do cho máy chạy nhanh thêm, v.v..”². “Công nghiệp hiện đại đã biến xuống thợ nhỏ của người thợ cả gia trưởng thành công xuống lớn của nhà tư bản công nghiệp. Những khối đông đảo công nhân, chen chúc nhau trong công xuống, được tổ chức theo lối quân sự”³.

“Nhưng sự phát triển của công nghiệp không những đã làm tăng thêm số người vô sản, mà còn tập hợp họ lại thành những khối quần chúng lớn hơn; lực lượng của những người vô sản tăng thêm và họ thấy rõ lực lượng của mình hơn. Máy móc càng xóa bỏ mọi sự khác nhau trong lao động và càng rút tiền công ở hầu khắp mọi nơi xuống một mức thấp ngang

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 605, 605-606, 606.

nhau, thì lợi ích, điều kiện sinh hoạt của vô sản, càng dần dần ngang bằng nhau”¹. “Tất cả các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn giai cấp vô sản lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp”².

“Tất cả những giai cấp trước kia sau khi chiếm được chính quyền, đều ra sức củng cố địa vị mà họ đã nắm được bằng cách bắt toàn xã hội phải tuân theo những điều kiện bảo đảm cho phương thức chiếm hữu của chính chúng. Những người vô sản chỉ có thể giành được những lực lượng sản xuất xã hội bằng cách xóa bỏ phương thức chiếm hữu hiện nay của chính mình, và do đấy, xóa bỏ toàn bộ phương thức chiếm hữu nói chung đã tồn tại từ trước đến nay. Những người vô sản chẳng có gì là của mình để bảo vệ cả, họ phải phá hủy hết thảy những cái gì, từ trước đến nay, vẫn bảo đảm và bảo vệ chế độ tư hữu”³.

“Điều kiện căn bản của sự tồn tại và của sự thống trị của giai cấp tư sản là sự tích lũy của cải vào tay những tư nhân, là sự hình thành và tăng thêm tư bản. Điều kiện tồn tại của tư bản là lao động làm thuê. Lao động làm thuê hoàn toàn dựa vào sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau. Sự tiến bộ của công nghiệp - mà giai cấp tư sản là người đại diện mặc nhiên của nó và không đủ sức chống lại nó - đem sự đoàn kết cách mạng của công nhân do liên hợp lại mà có, thay cho sự chia rẽ của công nhân do cạnh tranh giữa họ gây nên. Như vậy, cùng với sự phát triển của đại

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr. 607-608, 610, 611.

công nghiệp, chính cái nền tảng trên đó giai cấp tư sản đã sản xuất và chiếm hữu sản phẩm của nó, đã bị phá sập dưới chân giai cấp tư sản. Trước hết, giai cấp tư sản sản sinh ra những người đào huyệt chôn chính nó. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”¹.

Thứ năm, hệ thống quan hệ sản xuất mới thay thế quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trước hết được hình thành thông qua sự thay đổi của quan hệ sở hữu với tư cách là điều kiện của sản xuất xã hội. “Tất cả những quan hệ sở hữu đã trải qua những thay đổi liên tiếp, những cải biến liên tiếp trong lịch sử... Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản”² nhằm xóa bỏ điều kiện cơ sở của “phương thức sản xuất và chiếm hữu sản phẩm dựa trên những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia”³. “Chủ nghĩa cộng sản không tước bỏ của ai cái khả năng chiếm hữu những sản phẩm xã hội cả. Chủ nghĩa cộng sản chỉ tước bỏ quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác”⁴.

Trong điều kiện lịch sử cụ thể của thế kỷ XIX, C. Mác và Ph. Ăngghen đã dự báo: “Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp

1, 2, 3, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 612-613, 615, 618.

vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất.

Cố nhiên, điều đó lúc đầu chỉ có thể thực hiện được bằng cách xâm phạm một cách chuyên chế vào quyền sở hữu và vào những quan hệ sản xuất tư sản, nghĩa là bằng những biện pháp, mà về mặt kinh tế thì hình như không được đầy đủ và không có hiệu lực, nhưng trong tiến trình vận động, những biện pháp ấy sẽ vượt quá bản thân chúng và là thủ đoạn không thể thiếu để đảo lộn toàn bộ phương thức sản xuất”¹.

Không phủ nhận tính đặc thù của quá độ sang phương thức sản xuất mới của từng dân tộc, C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng, “đối với những nước tiên tiến nhất thì những biện pháp sau đây sẽ có thể được áp dụng khá phổ biến:

1. Tước đoạt sở hữu ruộng đất và trao nộp địa tô vào quỹ chi tiêu của nhà nước.
2. Áp dụng thuế lũy tiến cao.
3. Xóa bỏ quyền thừa kế.
4. Tịch thu tài sản của tất cả những kẻ lưu vong và của tất cả những kẻ phiến loạn.
5. Tập trung tín dụng vào tay nhà nước thông qua một ngân hàng quốc gia với tư bản của nhà nước và ngân hàng này sẽ nắm độc quyền hoàn toàn.
6. Tập trung tất cả các phương tiện vận tải vào tay nhà nước.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.626-627.

7. Tăng thêm số công xưởng nhà nước và công cụ sản xuất; khai khẩn đất đai để cày cấy và cải tạo ruộng đất theo một kế hoạch chung.

8. Thực hành nghĩa vụ lao động đối với tất cả mọi người, tổ chức các đạo quân công nghiệp, đặc biệt là cho nông nghiệp.

9. Kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, thi hành những biện pháp nhằm làm mất dần sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn.

10. Giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả các trẻ em. Xóa bỏ việc sử dụng trẻ em làm trong các công xưởng như hiện nay. Kết hợp giáo dục với sản xuất vật chất, v.v..”¹.

Chủ nghĩa cộng sản theo quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen là xã hội với tư cách là “một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”².

Tóm lại, trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã bước đầu chỉ ra những quan điểm lý luận kinh tế chính trị chủ yếu của mình với tư cách là sự luận chứng cơ sở kinh tế của sự lỗi thời tất yếu của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dưới tác động của sự phát triển lực lượng sản xuất trong chủ nghĩa tư bản và sự tất yếu thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chế độ kinh tế - xã hội mới cao hơn. Đó là những tiền đề cơ sở quan trọng để C. Mác và Ph. Ăngghen tiếp tục phát triển, hoàn thiện học thuyết giá trị thặng dư trong bộ *Tư bản và dự báo rõ hơn về xã hội mới*

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.627-628, 628.

trong tác phẩm *Phê phán cương lĩnh Gôta*. Tuy nhiên, trong điều kiện mới của thế giới ngày nay với những thay đổi vô cùng to lớn trong sự phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, một số dự báo của C. Mác và Ph. Ăngghen, đặc biệt về sự hình thành, phát triển chế độ kinh tế - xã hội mới, cần được tiếp tục bổ sung, hoàn thiện phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của từng quốc gia, dân tộc.

**TƯ TƯỞNG CỦA *TUYÊN NGÔN*
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VỀ QUY LUẬT VẬN ĐỘNG,
PHÁT TRIỂN VÀ DIỆT VONG
CỦA CHỦ NGHĨA TỰ BẢN VÀ GIÁ TRỊ THỜI ĐẠI**

ThS. NGHIÊM TUẤN HÙNG*

Năm 1848, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, được viết bởi Các Mác với sự hỗ trợ của Phridrích Ăngghen, được xuất bản ở London (Anh quốc). *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* không những là cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản, mà còn là một tác phẩm khoa học lớn, trong đó lần đầu tiên, những quan điểm chủ yếu của chủ nghĩa Mác đã được trình bày một cách chặt chẽ và có hệ thống. Mặc dù tác phẩm này ít có tác động tức thời nhưng những lý tưởng của *Tuyên ngôn* nói riêng và tư tưởng cộng sản nói chung đã lan truyền với tốc độ rất nhanh, đặc biệt là trong thế kỷ XX và XXI. 170 năm sau ngày được xuất bản, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vẫn mang những giá trị khoa học và thực tiễn, đi cùng với sự vận động và phát triển của thế giới. Bài viết này gộp phần nhìn

* Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

lại tư tưởng của Mác và Ăngghen về quy luật vận động, phát triển và diệt vong của chủ nghĩa tư bản trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và những giá trị thời đại của tác phẩm bất hủ này.

1. Hoàn cảnh ra đời của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*

Lịch sử phát triển của xã hội loài người lần lượt trải qua các phương thức sản xuất và hình thái xã hội. Khi xảy ra mâu thuẫn giữa hai giai cấp đối lập, cũng như mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất phát triển với quan hệ sản xuất cũ lỗi thời, lạc hậu, tất yếu sẽ có sự đấu tranh để loại bỏ quan hệ sản xuất cũ, thiết lập một phương thức sản xuất mới tiến bộ hơn, và cũng sẽ xuất hiện đấu tranh giữa giai cấp thống trị với giai cấp làm thuê, bị bóc lột.

Đến giữa thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản đã phát triển rất mạnh ở nhiều nước châu Âu. Chủ nghĩa tư bản phát triển, liên kết thành một lực lượng đông đảo. Trong quá trình phát triển mạnh mẽ của mình, dù có nhiều thành tựu song chủ nghĩa tư bản đã bộc lộ những mâu thuẫn gay gắt. Mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã trở nên không điều hòa được. Cũng vào thời điểm đó, phong trào vô sản đã phát triển mạnh mẽ, mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản ngày càng gay gắt. Giai cấp vô sản đã dần trở thành một lực lượng xã hội to lớn, đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội ở châu Âu. Ở một số nước như Anh, Đức, Pháp, v.v. đã xuất hiện những phong trào vô sản mang tính chất tự phát như phong trào hiến chương ở Anh, khởi nghĩa công nhân ở Pháp, ở Đức,... nhằm đòi hỏi quyền lợi cho giai cấp vô sản.

Những mâu thuẫn vốn có của xã hội tư bản, mà trước hết là mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản ngày càng phát triển. Đó là lúc giai cấp vô sản phải đứng lên đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử của mình, giải phóng giai cấp mình, giành lấy quyền làm chủ về tư liệu sản xuất. Để đối phó với giai cấp tư sản vốn đã là một lực lượng rất mạnh, giai cấp vô sản cần phải có một cương lĩnh mang tính đột phá để định hướng cho hoạt động đấu tranh của mình. Tuy vậy, vào thời điểm đó, các phong trào công nhân chủ yếu chịu ảnh hưởng của các học thuyết chủ nghĩa xã hội không tưởng chứ chưa có một lý luận thực sự khoa học và cách mạng soi đường.

Trước đòi hỏi của lịch sử, Mác và Ăngghen đã cùng nhau xây dựng triết lý về chủ nghĩa cộng sản và trở thành những nhà lãnh đạo trí thức của giai cấp vô sản. Năm 1847, Liên đoàn chính nghĩa ở London đã đề nghị Mác tham gia tổ chức của họ. Mác đồng ý và cùng với Ăngghen đã đổi tên nhóm thành Liên đoàn cộng sản, đồng thời lên kế hoạch thống nhất các ủy ban công nhân Đức khác trên khắp châu Âu. Liên đoàn cộng sản đã ủy nhiệm cho Mác và Ăngghen soạn thảo một cương lĩnh dưới hình thức một bản tuyên ngôn.

Mác và Ăngghen đã tập trung trí tuệ, sức lực để hoàn thành *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và chính thức xuất bản tác phẩm này vào năm 1848 tại London, sau đó tại Pháp và Đức. Sau đó, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* được xuất bản bằng các thứ tiếng ở nhiều nước khác nhau. Tác phẩm này ra đời rõ ràng là một yêu cầu khách quan của thực tiễn xã hội và đấu tranh giai cấp trong thế kỷ XIX. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là bản cương lĩnh đầu tiên cách mạng và khoa học nhất về phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Từ khi được xuất bản, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã trở thành ngọn đuốc dẫn đường cho giai cấp vô sản chiến đấu vì lý tưởng của mình.

Với tư cách là người tiếp thu, kế thừa và phát triển chủ nghĩa Mác, V.I. Lê nin đã đặc biệt nhấn mạnh rằng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là tác phẩm đã “trình bày một cách hết sức sáng sủa và rõ ràng thế giới quan mới, chủ nghĩa duy vật triệt để - chủ nghĩa duy vật này bao quát cả lĩnh vực sinh hoạt xã hội, - phép biện chứng với tư cách là học thuyết toàn diện nhất và sâu sắc nhất về sự phát triển, lý luận đấu tranh giai cấp và vai trò cách mạng - trong lịch sử toàn thế giới - của giai cấp vô sản, tức là giai cấp sáng tạo ra một xã hội mới, xã hội cộng sản”¹.

2. Tư tưởng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* về quy luật vận động, phát triển và diệt vong của chủ nghĩa tư bản

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác và Ăngghen đã phác họa nên một bức tranh sinh động về quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Hai ông đã chỉ rõ những mâu thuẫn bên trong của chủ nghĩa tư bản, cho chúng ta thấy rõ mức độ mâu thuẫn, đối kháng ngày càng sâu sắc giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

Về sự ra đời của chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản, Mác và Ăngghen đã nghiên cứu kỹ tiến trình phát triển cho xã hội loài người và phát hiện giai cấp tư sản xuất thân từ những cư dân thành thị đầu tiên, sau khi những thị dân đó phát

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Sđd, t.26, tr.57.

triển từ những nông nô trong thời kỳ trung cổ. Đến thời kỳ công nghiệp phát triển, khi thị trường trở nên rộng lớn hơn, giai cấp tư sản đã có cơ sở để vươn lên, dần phát triển về số lượng và xóa bỏ những tàn tích giai cấp mà thời kỳ trung cổ để lại.

Trong Tuyên ngôn, Mác và Ăngghen thẳng thắn thừa nhận giá trị của chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản. Hai ông ghi nhận vai trò cách mạng trong lịch sử của giai cấp tư sản vì đã đập đổ những quan hệ phong kiến cùng tất cả những quan hệ xã hội cứng đờ và hoen gi, với cả những quan niệm và tư tưởng vốn được tôn sùng từ nghìn xưa đi kèm những quan hệ ấy. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản biến nền sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính chất thế giới, đồng thời thu hút, lôi cuốn cả những dân tộc dã man nhất vào trào lưu văn minh. Thêm nữa, giai cấp tư sản đã thành công trong việc “tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại”¹. Những giá trị, thành tựu và cống hiến mà chủ nghĩa tư bản mang lại cho thế giới là không thể phủ nhận. Ngay trong *Tuyên ngôn*, Mác và Ăngghen cũng đã khẳng định như vậy.

Tuy nhiên, chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản đã dẫn đến xã hội đi vào vết xe đổ của xã hội phong kiến, tạo ra các giai cấp đối lập và đấu tranh giai cấp. Mác và Ăngghen cho rằng “Xã hội tư sản hiện đại, với những quan hệ sản xuất và trao đổi tư sản của nó, với những quan hệ sở hữu tư sản, đã tạo ra những tư liệu sản xuất và trao đổi hết sức mạnh mẽ

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.603.

núi thế, thì giờ đây, giống như một tay phù thủy không còn đủ sức trị những âm binh mà y đã triệu lên”¹. Tức là, vòng xoáy lịch sử đã lặp lại. Xã hội tư sản hiện đại được sinh ra từ trong lòng xã hội phong kiến đã bị diệt vong, không những thất bại trong việc xoá bỏ những đối kháng giai cấp mà còn tạo ra giai cấp mới, áp bức mới. Trong thời đại tư bản chủ nghĩa - thời đại của giai cấp tư sản, xã hội ngày càng chia thành hai phe lớn thù địch với nhau, hai giai cấp lớn hoàn toàn đối lập với nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản². Từ vai trò đột phá, tiến bộ và cách mạng khi tiến hành đấu tranh chống lại chế độ phong kiến, giai cấp tư sản đã biến chất, dần dần trở thành một lực lượng phản động, đi ngược lại với lợi ích của quặng đại quần chúng lao động, làm chậm sự tiến bộ tất yếu của loài người.

Không những vậy, Mác và Ăngghen chỉ rõ những mâu thuẫn và hạn chế trong chính chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản. Theo hai ông, “Những lực lượng sản xuất mà xã hội săn có, không thúc đẩy quan hệ sở hữu tư sản phát triển nữa; trái lại, chúng đã trở thành quá mạnh đối với quan hệ sở hữu ấy, cái quan hệ sở hữu lúc đó đang cản trở sự phát triển của chúng; và mỗi khi những lực lượng sản xuất xã hội khắc phục được sự cản trở ấy thì chúng lại xô toàn thể xã hội tư sản vào tình trạng rối loạn và đe dọa sự sống còn của sở hữu tư sản. Những quan hệ tư sản đã trở thành quá hẹp, không đủ để chứa đựng những của cải đã được tạo ra trong lòng nó nữa... Những vũ khí mà giai cấp tư sản đã dùng để đánh đổ

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.604.

2. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.597.

chế độ phong kiến thì ngày nay quay lại đập vào chính ngay giai cấp tư sản”¹.

Do vậy, cần phải xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất và theo đó “những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành một luận điểm duy nhất này là: xóa bỏ chế độ tư hữu”². Với những mâu thuẫn xã hội, đối kháng giai cấp và sự lạc hậu của chủ nghĩa tư bản về chế độ sở hữu, Mác và Ăngghen khẳng định: “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”³.

Thế nhưng, Mác và Ăngghen đã nhấn mạnh rằng, sự sụp đổ của giai cấp tư sản sẽ không tự động diễn ra. Theo các ông, *đấu tranh giai cấp trong một xã hội có những giai cấp đối kháng là tất yếu*. Trong *Lời tựa cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” xuất bản năm 1883*, Ăngghen đã viết rằng: “toute bộ lịch sử là lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa những giai cấp bị bóc lột và những giai cấp đi bóc lột, giữa những giai cấp bị trị và những giai cấp thống trị, qua các giai đoạn của sự phát triển xã hội của họ; nhưng cuộc đấu tranh ấy hiện nay đã đến một giai đoạn mà giai cấp bị bóc lột và bị áp bức (tức là giai cấp vô sản) không còn có thể tự giải phóng khỏi tay giai cấp bóc lột và áp bức mình (tức là giai cấp tư sản) được nữa, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức và khỏi cuộc đấu tranh giai cấp”⁴.

1, 2, 3, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.604-605, 616, 613; t.21, tr.11-12.

Vì thế, trong xã hội có sự đấu tranh, mâu thuẫn gay gắt giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, *sự mệnh lịch sử của giai cấp vô sản là đấu tranh đánh đổ chủ nghĩa tư bản*, xây dựng xã hội hoàn toàn mới, không còn áp bức, bất công, đó là chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Theo Mác và Ăngghen, không một giai cấp thống trị đã lỗi thời nào lại tự nguyện rút lui khỏi vũ đài lịch sử và do vậy, giai cấp tư sản sẽ không bao giờ từ bỏ vai trò và địa vị thống trị xã hội của mình. Trong hoàn cảnh đó, việc lật đổ giai cấp tư sản với tư cách một giai cấp thống trị đã hết vai trò lịch sử chỉ có thể thành công bởi một cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt - cuộc cách mạng vô sản do chính giai cấp vô sản cách mạng và chính đảng của giai cấp vô sản thực hiện. Mác và Ăngghen viết rằng “giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những công nhân hiện đại, những *người vô sản*¹ và “giai cấp tư sản sản sinh ra những người đào huyệt chôn chính nó”².

Nói cách khác, giai cấp vô sản, giai cấp do chính xã hội tư bản sản sinh ra sẽ là những người loại trừ giai cấp tư sản ra khỏi xã hội. Sẽ không ai giải phóng giai cấp vô sản, ngoại trừ chính mình. Mác và Ăngghen khẳng định rằng: “Phong trào vô sản là phong trào độc lập của khối đại đa số. Giai cấp vô sản, tầng lớp ở bên dưới nhất của xã hội hiện tại, không thể vùng dậy, vươn mình lên nếu không làm nổ tung toàn bộ cái thượng tầng kiến trúc bao gồm những tầng lớp cấu thành xã

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.605, 613.

hội quan phương”¹ và “bước thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ”².

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác và Ăngghen nêu rõ: “Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc”³, đồng thời nhấn mạnh: “giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc”⁴. Như vậy, theo Mác và Ăngghen, đấu tranh giai cấp sẽ mang hình thái của đấu tranh dân tộc. Tuy vậy, với kiến thức, trí tuệ và tầm nhìn vĩ đại của mình, các ông đã nhận thức rất rõ ràng cách thức tiến hành đấu tranh ở mỗi nước sẽ khác nhau, phụ thuộc vào hoàn cảnh mỗi nước. Hai ông viết rằng: “Trong những nước khác nhau, những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều”⁵, và “Hãy xoá bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xoá bỏ”⁶. “Mặc cho các giai cấp thống trị run sợ trước một cuộc Cách mạng cộng sản chủ nghĩa! Trong cuộc cách mạng ấy, những người vô sản chẳng mất gì hết, ngoài những xiềng xích trói buộc họ. Họ sẽ giành được cả thế giới”⁷. Cuộc cách mạng ấy sẽ tập hợp giai cấp vô sản toàn thế giới với khẩu hiệu: “vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!”.

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr. 611, 626, 611, 623-624, 627, 624, 646.

3. Giá trị thời đại của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*

Cho đến nay, sau 170 năm kể từ khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, dù lịch sử nhân loại đã trải qua cả một quãng thời gian dài với nhiều biến động trong mọi mặt của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội ở nhiều cấp độ thì tư tưởng của Mác và Ăngghen về sự ra đời, phát triển và diệt vong của chủ nghĩa tư bản, cũng như thắng lợi của giai cấp vô sản vẫn còn nguyên giá trị cả về khoa học lẫn thực tiễn.

Giá trị thời đại đầu tiên của *Tuyên ngôn* là mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản không thể biến mất. Như Mác và Ăngghen đã vạch rõ trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, những mâu thuẫn vốn có bên trong chủ nghĩa tư bản không những không mất đi mà thậm chí vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn đến mức độ không thể khắc phục nổi, “đặc biệt là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất”¹. Chủ nghĩa tư bản càng lớn mạnh lại càng không thể dung hòa được mâu thuẫn kinh tế nội tại trong lòng nó.

Giá trị thời đại thứ hai, mà đến nay còn thấy rõ, là mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản không thể bị xóa mờ, khi cách thức bóc lột của chủ nghĩa tư bản ngày càng tinh vi hơn. Thêm nữa, những biến động trong lịch sử nhân loại đã đặt chủ nghĩa tư bản trước thách thức mới, buộc phải thay đổi để duy trì chế độ sở hữu tư hữu của mình khi nền

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.65.

đại công nghiệp đang diễn ra. Sự phát triển tất yếu của nền sản xuất đại công nghiệp và xã hội đã buộc giai cấp tư sản phải đưa ra một số điều chỉnh về hình thức quản lý sở hữu tư liệu sản xuất, chẳng hạn cổ phần hóa các doanh nghiệp và cho phép công nhân góp sức trở thành cổ đông của xí nghiệp tư bản, thậm chí tham gia hội đồng quản trị. Tuy nhiên, tất cả những hình thức thay đổi đó không làm thay đổi bản chất quan hệ bóc lột và bị bóc lột, mà thực tế trong xã hội vẫn tồn tại giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Trong xã hội ngày nay, không cần phải đặt ra câu hỏi có hay không có mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, mà vấn đề đặt ra là trong mỗi xã hội, mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản ở mức độ nào mà thôi.Thêm vào đó, *hệ thống kinh tế thế giới ngày nay chưa đựng mối quan hệ giai cấp mà chính là quan hệ giữa giới tinh hoa của cả hai nhóm nước giàu - nghèo*. Giới tinh hoa cả hai nhóm nước này liên kết với nhau và cùng chia sẻ lợi ích trong việc duy trì hệ thống này bởi vì chúng thực sự cùng có lợi trong việc bóc lột các nhóm xã hội khác¹.

Khi giai cấp tư sản đã tìm cách điều chỉnh nhằm giảm bớt mức độ của mâu thuẫn, đối kháng giai cấp, giai cấp công nhân, mà đặc biệt là vai trò của các đảng cộng sản, phải luôn cảnh giác, nhìn nhận rõ bản chất không thay đổi của giai cấp tư sản và những biến tướng của quan hệ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã chỉ rõ

1. Xem Steans, Jill & Lloyd Pettiford: *Introduction to International Relations: Perspectives and Themes*, London: Pearson-Prentice Hall, 2005, pp.90-91.

mâu thuẫn xã hội có nguồn gốc từ mâu thuẫn kinh tế, và cách giải quyết mâu thuẫn đối kháng là phải thông qua cách mạng. Giai cấp vô sản mà đại biểu là Đảng Cộng sản luôn phải lấy *Tuyên ngôn* làm kim chỉ nam cho mọi hành động của mình, hễ đảng nào đi chêch hướng, không kiên định hoặc nửa vời con đường đấu tranh giai cấp của mình sẽ bị trả giá. Đảng Cộng sản ở các nước với tư cách là đội quân tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động phải kiên quyết đấu tranh giành quyền làm chủ cho đại bộ phận quần chúng lao động.

Giá trị thời đại thứ ba của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là cho đến nay, hệ thống kinh tế thế giới được xây dựng theo mối quan hệ thứ bậc giữa các quốc gia giàu mạnh với các quốc gia nhỏ yếu¹. Hệ thống kinh tế thế giới được khởi xướng và phát triển bởi chủ nghĩa tư bản, có xu hướng ngày càng mở rộng và cuốn các nước vào đó. Do nhu cầu phát triển và mở rộng thị trường, các nước nghèo, đang phát triển buộc phải tham gia vào hệ thống kinh tế này như một nhu cầu tất yếu, đồng thời bởi sự phụ thuộc của các nước nghèo vào các nước phát triển. Vì vậy, hệ thống kinh tế thế giới hiện nay vẫn do giai cấp tư sản thống trị và nhằm mang lại lợi ích tối đa cho các nước tư bản giàu có. “Quan hệ kinh tế toàn cầu được cơ cấu để đem lại lợi ích cho những giai cấp xã hội nhất định và tạo ra “hệ thống thế giới” cơ bản là không công bằng”². Trong nền kinh tế thế giới hoặc một hệ thống thế giới

1, 2. Xem Steans, Jill & Lloyd Pettiford: *Introduction to International Relations: Perspectives and Themes*, Ibid, pp.90-91, 75.

vẫn tồn tại sự mất cân bằng giữa các trung tâm giàu có với các ngoại vi nghèo khó về khía cạnh phân bổ vốn, các nguồn lực và lao động¹.

Chủ nghĩa tư bản quốc tế trong thế kỷ XXI đã thay đổi so với trước nhưng vẫn tìm mọi cách duy trì tình trạng lạc hậu, nghèo đói của các nước đang phát triển, bởi đó là nguồn phát triển của tư bản. Chủ nghĩa tư bản đã, đang và sẽ tiếp tục tìm cách thống trị thế giới, phản ảnh ở sự tụt hậu của các nước đang phát triển. Đi theo con đường tư bản chủ nghĩa chỉ dẫn đến khủng hoảng và nghèo đói ở các nước, dày dọa và làm suy yếu giai cấp vô sản và nhân dân lao động chân chính. “*Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!*” là một trong những khẩu hiệu chính trị nổi tiếng nhất của những người cộng sản, đó là một trong những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học. Đây là khẩu hiệu thể hiện bản chất quốc tế của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Giai cấp vô sản cần tiếp tục đấu tranh, tiến hành cách mạng và đi theo chủ nghĩa xã hội.

4. Kết luận

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, với tư cách là một cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản, đã dẫn dắt giai cấp công nhân toàn thế giới đấu tranh đòi quyền làm chủ về tư liệu sản xuất, đánh đổ ách thống trị nô lệ tư bản chủ nghĩa. Thực tiễn lịch sử đã khẳng định tính khoa học, cách mạng của

1. Xem Wallerstein, Immanuel: *The Modern World-System IV: Centrist Liberalism Triumphant, 1789 - 1914*. Berkeley: University of California Press, 2011.

Tuyên ngôn qua các phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Hiện nay, những tư tưởng của *Tuyên ngôn* vẫn giữ nguyên ý nghĩa tiến bộ, vẫn là ngọn đuốc soi đường cho những người vô sản trên toàn thế giới tiếp tục đấu tranh xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, đi tới xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa trong tương lai.

MÔ HÌNH XÃ HỘI MỚI TRONG *TUYÊN NGÔN* CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

PGS. TS. VŨ VĂN VIÊN*

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là lời tuyên bố công khai của những người cộng sản trên toàn thế giới về những quan điểm, mục đích, ý đồ của mình để đáp lại các luận điểm của những kẻ chống lại chủ nghĩa cộng sản, đồng thời để định hướng cho việc xây dựng một xã hội mới - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung làm rõ mô hình xã hội mới - xã hội cộng sản chủ nghĩa được thể hiện trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã trình bày một cách khái quát nhất, cô đọng nhất về sự ra đời của chủ nghĩa cộng sản - như một tất yếu lịch sử và những phác thảo cô đọng nhất về một xã hội mới, trong đó có mô hình của xã hội mới. Để hiểu mô hình xã hội mới, trước hết, chúng ta cần làm rõ về sự ra đời, vị trí của xã hội mới trên con đường phát triển của xã hội loài người. Như *Tuyên ngôn* đã chỉ rõ, sự ra đời của chủ nghĩa cộng sản là một tất yếu lịch sử, theo

* Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

đó tiến trình phát triển của xã hội “chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp”¹.

Trong các xã hội, chúng ta đều thấy hình thành những đẳng cấp khác nhau, một cái thang chia thành từng nấc thang địa vị xã hội, và nấc thang ấy lại chia thành những thứ bậc đặc biệt nữa. Sự khác biệt giữa các xã hội trước đây và xã hội tư bản là ở chỗ chủ nghĩa tư bản đã đơn giản hóa những đối kháng giai cấp, nó ngày càng chia thành hai giai cấp cơ bản lớn thù địch nhau, hoàn toàn đối lập nhau, đấu tranh quyết liệt với nhau dẫn đến sự ra đời của xã hội mới - chủ nghĩa cộng sản. *Tuyên ngôn* khẳng định: “đặc điểm của thời đại chúng ta, thời đại của giai cấp tư sản, là đã đơn giản hóa những đối kháng giai cấp. Xã hội ngày càng chia thành hai phe lớn thù địch với nhau, hai giai cấp lớn hoàn toàn đối lập nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản”². Lịch sử phát triển của nhân loại đã chỉ rõ, các giai cấp, kể cả giai cấp tư sản ra đời là kết quả của sự phát triển lịch sử xã hội - tiêu điểm là cách mạng trong phuong thức sản xuất và trao đổi. *Tuyên ngôn* viết: “chúng ta thấy rằng bản thân giai cấp tư sản hiện đại cũng là sản phẩm của một quá trình phát triển lâu dài, của một loạt những cuộc cách mạng trong phuong thức sản xuất và trao đổi”³.

Sự phát triển của giai cấp tư sản trải qua nhiều giai đoạn khac nhau cùng với sự phát triển của sản xuất vào trao đổi. Trong quá trình đó, giai cấp tư sản đã tạo ra một hình thái xã hội hoàn toàn khác biệt so với các xã hội trước, từ đó giúp nó là giai cấp đầu tiên cho thấy hoạt động của loài người có

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.596, 597, 598.

khả năng làm được những gì, nó tạo ra những kỳ quan khác hẳn với các xã hội cũ¹. Chủ nghĩa tư bản càng phát triển thì càng dẫn đến việc tạo ra điều kiện cho sự diệt vong của nó. Những vũ khí mà giai cấp tư sản dùng để đánh đổ chế độ phong kiến thì giờ đây lại trở thành vũ khí chống lại chính giai cấp tư sản. Điều quan trọng hơn là chính chủ nghĩa tư bản đã sản sinh ra những người sử dụng vũ khí ấy để chống lại giai cấp tư sản, đó là giai cấp vô sản.

Chủ nghĩa tư bản càng phát triển thì càng dẫn đến tình trạng bần cùng hóa giai cấp vô sản. Họ không chỉ là nô lệ của giai cấp tư sản mà còn là nô lệ của máy móc. Từ đó dẫn đến cuộc đấu tranh ngày càng gay gắt của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, chống lại nhà nước tư sản. Từ chỗ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là mô hình của sự phát triển xã hội, dần dần dẫn đến chỗ nó là xiềng xích cho sự phát triển ấy. Đỉnh cao của cuộc đấu tranh này là cách mạng vô sản phá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng xã hội mới - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Như vậy, từ chỗ khai quật tiến trình phát triển của xã hội loài người thông qua đấu tranh giai cấp, *Tuyên ngôn* khẳng định chủ nghĩa cộng sản ra đời trên cơ sở của chủ nghĩa tư bản phát triển ở trình độ cao nhất, đồng thời, nó đã trở nên lỗi thời phải nhường chỗ cho một xã hội mới cao hơn - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Chính điều này quy định chủ nghĩa cộng sản là hình thái xã hội cao hơn chủ nghĩa tư bản. Nó cũng tác động đến việc hình thành những đặc trưng cơ bản của xã hội mới, mô hình của xã hội mới.

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.600.

Vậy mô hình của xã hội mới như thế nào? Như trên đã phân tích, chủ nghĩa cộng sản là xã hội ở trình độ phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản. Vì vậy mô hình của nó, mang những đặc trưng cao hơn hẳn chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là cương lĩnh công khai mang tính khái quát rất cao, cho nên nó không thể phác họa đầy đủ, chi tiết về mô hình xã hội tương lai mà chỉ đưa ra những đường nét khái quát nhất. Điều này không chỉ hợp lý trong khuôn khổ ngắn gọn của *Tuyên ngôn* mà còn phản ánh tính khoa học sâu sắc - chủ nghĩa cộng sản không phải là một khuôn mẫu có sẵn, dĩ thành bất biến mà còn cần được phát triển cùng với thời gian.

Nhìn nhận một cách khái quát qua các chỉ dẫn của *Tuyên ngôn*, chúng tôi cho rằng *mô hình của xã hội cộng sản chủ nghĩa là xã hội dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất thích ứng với một trình độ phát triển của lực lượng sản xuất tiên tiến được xã hội hóa cao và với một phương thức sản xuất, trao đổi mang tính quốc tế hóa*. Để thấy rõ hơn mô hình của xã hội cộng sản chủ nghĩa, từ sự khái quát trên, chúng ta có thể tìm hiểu sâu hơn về những đặc trưng cơ bản của nó qua nội dung của *Tuyên ngôn*.

Thứ nhất, *xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân, xây dựng xã hội mới dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, xóa bỏ chế độ người bóc lột người*. Vấn đề xóa bỏ chế độ tư hữu là một vấn đề cơ bản của xã hội mới. Việc xóa bỏ chế độ tư hữu cũng tạo tiền đề cho xóa bỏ chế độ người bóc lột người. Liên quan đến các vấn đề này, *Tuyên ngôn* khẳng định: “Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản.

Nhưng chế độ tư hữu tư sản hiện thời, lại là biểu hiện cuối cùng và đầy đủ nhất của phương thức sản xuất và chiếm hữu sản phẩm dựa trên những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia.

Theo ý nghĩa đó, những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành một luận điểm duy nhất này là: xóa bỏ chế độ tư hữu”¹. Nói như vậy là vì, cũng theo *Tuyên ngôn*, “Trong tất cả phong trào ấy, họ (những người cộng sản - T.G) đều đưa vấn đề chế độ sở hữu lên hàng đầu, coi đó là vấn đề cơ bản của phong trào, không kể là nó đã có thể phát triển đến trình độ nào”².

Xóa bỏ chế độ tư hữu là vấn đề được các nhà kinh điển quan tâm sâu sắc. Từ những tác phẩm đầu tiên đến những tác phẩm sau này, cách nhà kinh điển luôn quan tâm đến vấn đề xóa bỏ chế độ tư hữu, xây dựng xã hội mới cùng với chế độ công hữu. Tuy nhiên, cần phải nhận thấy rằng, chủ nghĩa cộng sản không xóa bỏ hoàn toàn mọi thứ sở hữu, nó không tước bỏ quyền chiếm hữu các sản phẩm xã hội của người lao động mà chỉ tước bỏ quyền chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của những người khác, đó là quyền chiếm hữu tư liệu sản xuất.

Việc thủ tiêu chế độ tư hữu không thể thực hiện ngay lập tức mà là một quá trình cải biến cách mạng cho đến khi tạo dựng được cơ sở vật chất cần thiết. Liên quan đến vấn đề này, trong *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*, Ph. Ăngghen đã từng khẳng định: “Cho nên, cuộc cách mạng của giai cấp vô sản đang có tất cả những triệu chứng là sắp

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.615-616, 646.

nổ ra, sẽ chỉ có thể cải tạo xã hội hiện nay một cách dần dần, và chỉ khi nào đã tạo nên được một khối lượng tư liệu sản xuất cần thiết cho việc cải tạo đó thì khi ấy mới thủ tiêu được chế độ tư hữu”¹. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác và Ăngghen cũng khẳng định: “Cho nên, nếu tư bản biến thành sở hữu tập thể thuộc tất cả mọi thành viên trong xã hội thì đó không phải là một sở hữu cá nhân chuyển thành sở hữu xã hội. Chỉ có tính chất xã hội của sở hữu là thay đổi thôi. Sở hữu mất tính chất giai cấp của nó”².

Thứ hai, lực lượng sản xuất của chủ nghĩa cộng sản phát triển đạt đến trình độ tiên tiến được xã hội hóa cao. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản tạo ra tiền đề vật chất của chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa cộng sản là xã hội phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản. Ngay trong chủ nghĩa tư bản phát triển thì cơ sở vật chất của nó đã đạt đến trình độ cao và mang tính chất xã hội hóa. Chính trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất đã tạo tiền đề cho sự ra đời của chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa cộng sản ra đời phải kế thừa những thành tựu ấy, cải biến và phát triển lên trình độ cao hơn.

Tuyên ngôn đã chỉ rõ: “Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại. Sự chinh phục những lực lượng thiên nhiên, sự sản xuất bằng máy móc, việc áp dụng hóa học vào công nghiệp và nông nghiệp, việc dùng tàu chạy bằng hơi nước, đường sắt, máy điện báo, việc khai phá

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.469, 616-617.

từng lục địa nguyên vẹn, việc khai thông các dòng sông cho tàu bè đi lại được, hàng khôi dân cư tựa hồ như từ dưới đất trôi lên, - có thể kỹ nào trước đây lại ngờ được rằng có những lực lượng sản xuất như thế vẫn nầm tiêm tàng trong lòng lao động xã hội!”¹.

Cũng chính lực lượng sản xuất hiện đại như vậy đã tạo ra tiên đề cho sự ra đời của chủ nghĩa cộng sản, đồng thời cũng tạo ra động lực của cách mạng vô sản nhằm thiết lập chủ nghĩa cộng sản. *Tuyên ngôn* đã chỉ rõ: “Từ hàng chục năm nay, lịch sử công nghiệp và thương nghiệp không phải là cái gì khác hơn là lịch sử cuộc nổi dậy của lực lượng sản xuất hiện đại chống lại những quan hệ sản xuất hiện đại, chống lại những quan hệ sở hữu đang quyết định sự tồn tại và thống trị của giai cấp tư sản”² và “Những lực lượng sản xuất mà xã hội săn có, không thúc đẩy quan hệ sở hữu tư sản phát triển nữa; trái lại, chúng đã trở thành quá mạnh đối với quan hệ sở hữu ấy, cái quan hệ sở hữu lúc đó đang cản trở sự phát triển của chúng; và mỗi khi những lực lượng sản xuất xã hội khắc phục được sự cản trở ấy thì chúng lại xô toàn thể xã hội tư sản vào tình trạng rối loạn và đe dọa sự sống còn của sở hữu tư sản. Những quan hệ tư sản đã trở thành quá hẹp, không đủ để chứa đựng những của cải đã được tạo ra trong lòng nó nữa”³. Đến lúc đó thì cách mạng nổ ra vì “Những người vô sản chỉ có thể giành được những lực lượng sản xuất xã hội bằng cách xóa bỏ phương thức chiếm hữu hiện nay của chính mình, và do đấy, xóa bỏ toàn bộ phương thức chiếm

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen:*Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.603, 604, 604-605.

hữu nói chung đã tồn tại từ trước đến nay. Những người vô sản chẳng có gì là của mình để bảo vệ cả, họ phải phá hủy hết thảy những cái gì, từ trước đến nay, vẫn bảo đảm và bảo vệ chế độ tư hữu¹. Như vậy, *Tuyên ngôn* đã chỉ rõ, ngay trong lòng chủ nghĩa tư bản, lực lượng sản xuất đã đạt đến trình độ xã hội hóa, quốc tế hóa.

Xã hội cộng sản được xây dựng sau khi đánh đổ chế độ tư bản chủ nghĩa dĩ nhiên kế thừa lực lượng sản xuất của chủ nghĩa tư bản, cải tạo và phát triển nó. Vì vậy lực lượng sản xuất phải cao hơn lực lượng sản xuất mà chủ nghĩa tư bản đã tạo ra. Lực lượng sản xuất của chủ nghĩa cộng sản không chỉ đạt đến trình độ tiên tiến cao hơn ở chủ nghĩa tư bản mà còn mang tính xã hội hóa cao hơn so với chủ nghĩa tư bản.

Thứ ba, phương thức sản xuất, tiêu dùng mang tính quốc tế hóa cao dẫn tới tính cộng đồng trên phạm vi toàn thế giới. Tính quốc tế hóa đã có tiền đề ngay trong lòng chủ nghĩa tư bản, đến chủ nghĩa cộng sản, nó được phát triển đến trình độ cao hơn về chất.

Giai cấp tư sản không thể tồn tại nếu không cách mạng hóa công cụ sản xuất, từ đó cách mạng hóa toàn bộ những quan hệ xã hội, cũng như tìm kiếm các thị trường mới, xâm nhập khắp nơi, trụ lại ở khắp nơi. Chính quá trình đó, “giai cấp tư sản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính chất thế giới”², cũng từ đó dẫn đến “những thành quả của hoạt động tinh thần của một dân tộc trở thành tài sản chung của tất cả các dân tộc”³.

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.611, 601.

Ngay trong lòng chủ nghĩa tư bản “Nhờ cải tiến mau chóng công cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở nên vô cùng tiện lợi, giai cấp tư sản lôi cuốn đến cả những dân tộc dã man nhất vào trào lưu văn minh. Giá rẻ của những sản phẩm của giai cấp ấy là trọng pháo bắn thủng tất cả những bức vạn lý trường thành và buộc những người dã man bài ngoại một cách ngoan cường nhất cũng phải hàng phục. Nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản”¹.

Bên cạnh đó “Với sự phát triển của giai cấp tư sản, tự do buôn bán, thị trường thế giới, sự đồng đều của sản xuất công nghiệp và những điều kiện sinh hoạt thích ứng với nền sản xuất ấy thì những sự cách biệt dân tộc và những sự đối lập giữa nhân dân các nước cũng ngày càng măt đi”².

Với chủ nghĩa cộng sản, tính quốc tế hóa đạt trình độ cao bởi nó hoàn toàn mang tính tự giác. Với những người cộng sản “trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ (những người cộng sản - T.G) đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản”³. Hơn thế nữa, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản luôn mang tính toàn cầu, tính cộng đồng trên phạm vi toàn thế giới: “Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ.

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.602, 624, 614.

Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo”¹.

Thú tư, xã hội cộng sản là một xã hội không còn đối kháng giai cấp, dẫn đến xã hội không còn giai cấp. Chính sự đối kháng giai cấp gay gắt trong lòng chủ nghĩa tư bản đã dẫn đến cách mạng vô sản, giai cấp vô sản giành quyền thống trị để tiến tới xóa bỏ sự đối kháng giai cấp và xây dựng một xã hội không còn giai cấp.

Thắng lợi của cách mạng vô sản đã biến giai cấp vô sản từ giai cấp bị thống trị trở thành giai cấp thống trị. Và trong “Sự thống trị của giai cấp vô sản sẽ càng làm cho những sự cách biệt và những sự đối lập ấy mất đi nhanh hơn. Hành động chung của giai cấp vô sản, ít ra là ở những nước văn minh, là một trong những điều kiện đầu tiên cho sự giải phóng họ”²; “Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất”³.

“Nếu giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, nhất định phải tự tổ chức thành giai cấp, nếu giai cấp vô sản thông qua con đường cách mạng mà trở thành giai cấp thống trị và với tư cách là giai cấp thống trị, nó dùng bạo lực tiêu diệt những quan hệ sản xuất cũ, thì đồng thời với việc tiêu diệt những quan hệ sản xuất ấy, nó cũng tiêu diệt luôn

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd, t.4,, tr. 624, 624, 626.*

cả những điều kiện tồn tại của sự đối kháng giai cấp, nó tiêu diệt các giai cấp nói chung và cũng do đấy, tiêu diệt cả sự thống trị của chính nó với tư cách là một giai cấp”¹.

Liên quan đến vấn đề xóa bỏ giai cấp, sau này Ăngghen đã nói rõ: “Sự chuyển biến mà chủ nghĩa xã hội hiện đại đang cố gắng đạt tới, nói vắn tắt, chính là thắng lợi của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản và xây dựng một tổ chức xã hội mới bằng con đường thủ tiêu mọi sự khác biệt về giai cấp”².

Thứ năm, xã hội cộng sản là một xã hội dân chủ, tự do và bình đẳng. Dân chủ luôn là mục tiêu của loài người. Tuy nhiên, dân chủ là một phạm trù lịch sử, nó phụ thuộc vào trình độ phát triển của xã hội. Đến chủ nghĩa cộng sản, dân chủ là mọi quyền lực thuộc về nhân dân, đó mới là dân chủ thực sự. Theo nghĩa đó, có thể nói: “Chế độ dân chủ vô sản so với bất cứ chế độ dân chủ tư sản nào, cũng dân chủ hơn gấp triệu lần”³.

Xây dựng một xã hội dân chủ là mục tiêu của cách mạng vô sản của chủ nghĩa cộng sản. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã khẳng định: “bước thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ”⁴, thực hiện mọi quyền lực thuộc về nhân dân.

Trên cơ sở thực hiện dân chủ, chủ nghĩa cộng sản cũng đem lại tự do, bình đẳng cho mọi người. *Tuyên ngôn* chỉ rõ, “Trong khuôn khổ những quan hệ sản xuất tư sản hiện đại

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.628; t.18, tr.751.

3. V.I. Lê nin: *Toàn tập, Sđd*, t.37, tr.312.

4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.626.

thì tự do có nghĩa là tự do buôn bán, tự do mua và bán”¹ mọi thứ, kể cả nhân phẩm. Trái lại, trong chủ nghĩa cộng sản, tự do là quyền tự nhiên của mỗi người, “Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”². Trong xã hội cũ cũng nói đến bình đẳng, song đó là sự bình đẳng của đồng tiền, của tư bản, đầy rẫy đặc quyền, đặc lợi. Trái lại trong chủ nghĩa cộng sản, bình đẳng lại một giá trị phổ biến, là quyền tự nhiên của mỗi người, mỗi dân tộc. Liên quan đến vấn đề này, trong *Hệ tư tưởng Đức*, Mác và Ăngghen đã xem một trong những nguyên tắc cơ bản nhất của chủ nghĩa cộng sản là sự khác nhau trong hoạt động, trong lao động “không gây ra một sự bất bình đẳng nào cả, không gây ra một đặc quyền nào cả về phương diện chiếm hữu và tiêu dùng”³.

Thứ sáu, việc xây dựng chủ nghĩa cộng sản phải trải qua hai giai đoạn, giai đoạn thấp được gọi là chủ nghĩa xã hội với sự điều hành của nhà nước chuyên chính vô sản.

Trong học thuyết của mình, các nhà kinh điển không xem chủ nghĩa xã hội là một hình thái kinh tế - xã hội riêng biệt mà xem nó là giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản. Ở giai đoạn này, giai cấp vô sản không có cách nào khác là phải dùng chuyên chính của mình để cải tạo quan hệ sản xuất cũ, phát triển mạnh lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất đầy đủ của chủ nghĩa cộng sản.

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.618, 628; t.3, tr.789-790.

Tuyên ngôn đã khái quát về bức tranh của chủ nghĩa xã hội với các nhiệm vụ, biện pháp cụ thể mà giai cấp vô sản khi giành được quyền thống trị phải thực hiện: “Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất.

Cố nhiên, điều đó lúc đầu chỉ có thể thực hiện được bằng cách xâm phạm một cách chuyên chế vào quyền sở hữu và vào những quan hệ sản xuất tư sản, nghĩa là bằng những biện pháp, mà về mặt kinh tế thì hình như không được đầy đủ và không có hiệu lực, nhưng trong tiến trình vận động, những biện pháp ấy sẽ vượt quá bản thân chúng và là thủ đoạn không thể thiếu để đảo lộn toàn bộ phương thức sản xuất.

Trong những nước khác nhau, những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều.

Nhưng đối với những nước tiên tiến nhất thì những biện pháp sau đây sẽ có thể được áp dụng khá phổ biến:

1. Tước đoạt sở hữu ruộng đất và trao nộp địa tô vào quỹ chi tiêu của nhà nước.
2. Áp dụng thuế lũy tiến cao.
3. Xóa bỏ quyền thừa kế.
4. Tịch thu tài sản của tất cả những kẻ lưu vong và của tất cả những kẻ phiến loạn.
5. Tập trung tín dụng vào tay nhà nước thông qua một ngân hàng quốc gia với tư bản của nhà nước và ngân hàng này sẽ nắm độc quyền hoàn toàn.

6. Tập trung tất cả các phương tiện vận tải vào trong tay nhà nước.

7. Tăng thêm số công xưởng nhà nước và công cụ sản xuất; khai khẩn đất đai để cày cấy và cải tạo ruộng đất theo một kế hoạch chung.

8. Thực hành nghĩa vụ lao động đối với tất cả mọi người, tổ chức các đạo quân công nghiệp, đặc biệt là cho nông nghiệp.

9. Kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, thi hành những biện pháp nhằm làm mất sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn.

10. Giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả các trẻ em. Xóa bỏ việc sử dụng trẻ em làm trong các công xưởng như hiện nay. Kết hợp giáo dục với sản xuất vật chất, v.v.”¹.

Các nội dung được phác thảo về giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản - chủ nghĩa xã hội trong *Tuyên ngôn* là những gợi ý mở. Tùy theo điều kiện của mình, giai cấp vô sản ở mỗi nước cần sử dụng linh hoạt các biện pháp, kể cả những hình thức của chủ nghĩa tư bản để xây dựng thành công cơ sở vật chất của chủ nghĩa cộng sản.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã phác họa mô hình của xã hội mới - xã hội cộng sản chủ nghĩa cùng những đặc trưng cơ bản của nó. Những tư tưởng mang tính chỉ dẫn này là hết sức quý giá trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nghiên cứu để nắm bắt một cách sâu sắc và vận dụng một cách khoa học những di sản này cần được sự quan tâm thường xuyên của giới lý luận, khoa học cũng như của mỗi đảng viên chân chính.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.628.

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN NHÌN TỪ CÁC LỜI TỰA VÀ Ý NGHĨA PHƯƠNG PHÁP LUẬN KHOA HỌC

GS. TS. TRẦN VĂN PHÒNG*

Sự ra đời của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* do C. Mác và Ph. Ăngghen soạn thảo là một tất yếu khách quan, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của phong trào công nhân. Kể từ khi ra đời, tháng 2/1848 đến nay, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã tròn 170 năm. 170 năm đã trôi qua, thực tiễn đã có nhiều đổi thay, phong trào công nhân cũng đã có nhiều biến động, chủ nghĩa xã hội đã trở thành hiện thực, trải qua những thăng trầm lịch sử nhưng vẫn tồn tại và đang trên đà phát triển. Tuy vậy, linh hồn sống của *Tuyên ngôn* vẫn giữ nguyên ý nghĩa. Có điều, sẽ có những điểm riêng biệt của *Tuyên ngôn* cần được bổ sung, phát triển cho phù hợp với sự đổi thay của thực tiễn. Điều này cũng là tất yếu, bởi bản thân chủ nghĩa Mác bao gồm cả *Tuyên ngôn* luôn là một hệ thống mở. Hơn nữa, ngay từ khi *Tuyên ngôn* đã được xuất bản thì mỗi lần tái bản, C. Mác và Ph. Ăngghen lại viết lời

* Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

tựa nhằm bổ sung ít nhiều điểm nào đó cho phù hợp tình hình thực tiễn.

Khi C. Mác và Ph. Ăngghen còn sống đã có 7 lời tựa viết cho 7 lần tái bản *Tuyên ngôn*. Đó là: *Lời tựa viết cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” xuất bản năm 1872*; *Lời tựa viết cho lần xuất bản thứ hai bằng tiếng Nga* cuốn “*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*” (năm 1882); *Lời tựa cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” xuất bản năm 1883*; *Lời tựa cho bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”*; *Lời tựa viết cho lần xuất bản bằng tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” năm 1890*; *Lời tựa viết cho lần xuất bản bằng tiếng Ba Lan “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” năm 1892*; *Lời tựa viết cho bản tiếng Italia “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” xuất bản năm 1893*. Trong 7 lời tựa ấy, có 2 lời tựa C. Mác và Ph. Ăngghen viết chung vào năm 1872 và năm 1882, 5 lời tựa còn lại do Ph. Ăngghen viết, vì khi ấy C. Mác đã yên nghỉ tại nghĩa trang Highgate (Haighết).

Trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” xuất bản năm 1872*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định rất rõ: “Mặc dầu hoàn cảnh đã thay đổi nhiều trong hai mươi lăm năm qua, nhưng cho đến nay, xét về đại thể, những nguyên lý tổng quát trình bày trong “*Tuyên ngôn*” này vẫn còn hoàn toàn đúng. Ở đôi chỗ, có một vài chi tiết cần phải xem lại. Chính ngay “*Tuyên ngôn*” cũng đã giải thích rõ ràng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đấy, không nên quá cùn nệ vào những biện

pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II. Đoạn này, ngày nay mà viết lại thì về nhiều mặt, cũng phải viết khác đi. Vì đại công nghiệp đã có những bước tiến hết sức lớn trong hai mươi lăm năm qua và giai cấp công nhân cũng đạt được những tiến bộ song song trong việc tự tổ chức thành chính đảng, do có những kinh nghiệm thực tiễn, trước hết là của Cách mạng tháng Hai, sau nữa và nhất là của Công xã Paris lần đầu tiên đã đem chính quyền lại cho giai cấp vô sản trong hai tháng, cho nên hiện nay, cương lĩnh này có một số điểm đã cũ. Nhất là Công xã đã chứng minh rằng “giai cấp công nhân không thể chỉ nắm lấy bộ máy nhà nước săn có và bắt nó hoạt động phục vụ mình”¹. Như vậy là, tổng kết Công xã Paris, khái quát những thành tựu của đại công nghiệp và sự giác ngộ, trưởng thành của giai cấp vô sản, C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra những chi tiết cần bổ sung cho cương lĩnh. Ngoài ra, C. Mác và Ph. Ăngghen nói tới việc phê phán những văn phẩm xã hội chủ nghĩa chưa được đầy đủ, hay thái độ của những người cộng sản đối với các đảng đối lập vì “lịch sử đã làm tiêu tan phần lớn những đảng được kể ra trong đó”. Trong lời tựa này, C. Mác và Ph. Ăngghen cũng khẳng định rằng ““Tuyên ngôn” là một tài liệu lịch sử mà chúng tôi không có quyền sửa lại. Có lẽ là trong một lần xuất bản, sẽ có một lời tựa để bổ sung”².

Trong *Lời tựa viết cho lần xuất bản thứ hai bằng tiếng Nga* cuốn “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” (năm 1882), C. Mác và Ph. Ăngghen đã nêu lên rằng vào những năm

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.128; t.19, tr.433.

1847 - 1848, trong *Tuyên ngôn* không đề cập các đảng đối lập ở Nga và Mỹ. Khi ấy, cả Nga và Mỹ đều là nước cung cấp nguyên liệu cho châu Âu và đồng thời là thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp của châu Âu. “Cho nên, lúc đó, cả hai nước ấy, bằng cách này hay cách khác, đều được dùng làm thành trì cho chế độ xã hội ở châu Âu”¹. Nhưng vào năm 1882, tình hình đã thay đổi, sự di dân của châu Âu đã tạo ra sự phát triển phi thường về nông nghiệp ở Bắc Mỹ, sự phát triển công nghiệp của Mỹ ảnh hưởng đến độc quyền công nghiệp ở Tây Âu. Còn “nước Nga đang là đội quân tiên phong của phong trào cách mạng ở châu Âu”². Hơn nữa, ở Nga “quá nửa số ruộng đất là sở hữu công xã của nông dân”. Xuất phát từ tình hình ấy, C. Mác và Ph. Ăngghen đã rút ra kết luận: “nếu cách mạng Nga là tín hiệu của cuộc cách mạng vô sản ở phương Tây và nếu cả hai cuộc cách mạng ấy bổ sung cho nhau thì chế độ sở hữu công xã về ruộng đất ở Nga hiện nay có thể là điểm xuất phát của một sự tiến triển cộng sản chủ nghĩa”³.

Trong *Lời tựa cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”* xuất bản năm 1883, Ph. Ăngghen thể hiện nỗi buồn khi lần này chỉ mình ông ký tên dưới lời tựa này vì C. Mác đã yên nghỉ ở nghĩa trang Highgate. Điều quan trọng trong lời tựa này là sau khi phân tích tình hình đấu tranh của giai cấp vô sản hiện đại, Ph. Ăngghen khẳng định rằng “hiện nay đã đến một giai đoạn mà giai cấp bị bóc lột và bị áp bức (tức là giai cấp vô sản) không còn có thể tự giải phóng khỏi tay giai cấp bóc lột và áp bức mình (tức là giai cấp tư

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.19, tr.433, 434.

sản) được nữa, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức và khỏi cuộc đấu tranh giai cấp, - tư tưởng cơ bản ấy hoàn toàn và tuyệt đối là của Mác”¹.

Trong *Lời tựa cho bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”*, Ph. Ăngghen đã phân tích rất đúng rằng “lịch sử của “Tuyên ngôn” phản ánh khá rõ lịch sử của phong trào công nhân đương thời; hiện nay, hiển nhiên đó là tác phẩm phổ biến hơn cả, có tính chất quốc tế hơn cả trong tất cả các văn phẩm xã hội chủ nghĩa, đó là cương lĩnh được thừa nhận bởi hàng triệu công nhân từ Xibia đến Caliphocnia”². Trong lời tựa này, Ph. Ăngghen cũng lý giải vào năm 1847 khi viết “Tuyên ngôn”, các ông vẫn không thể gọi nó là *tuyên ngôn xã hội chủ nghĩa* được, vì khi đó, người ta thường dùng từ xã hội chủ nghĩa, một mặt để gọi những người theo các hệ thống không tưởng như Owen ở Anh, Fourier ở Pháp; mặt khác để gọi những tên lang băm xã hội đủ các cõi, chúng đã hứa không làm hại gì đến tư bản và lợi nhuận mà vẫn chưa được đủ mọi loại tệ nạn xã hội bằng các biện pháp vá víu³. Hơn nữa, “Năm 1847, chủ nghĩa xã hội có nghĩa là một phong trào tư sản, còn chủ nghĩa cộng sản là một phong trào công nhân”⁴. Cũng trong lời tựa này, Ph. Ăngghen khẳng định lại, mặc dầu “Tuyên ngôn” là tác phẩm viết chung của C. Mác và Ph. Ăngghen nhưng luận điểm hạt nhân, tư tưởng cốt lõi của tác phẩm là thuộc về

1, 2, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.11-12, 522, 522-523.

3. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.522.

C. Mác. “Luận điểm đó chỉ ra rằng trong mỗi thời đại lịch sử, phương thức chủ yếu của sản xuất kinh tế và trao đổi, cùng với cơ cấu xã hội do phương thức đó quyết định, đã cấu thành cơ sở cho lịch sử chính trị của thời đại và lịch sử của sự phát triển trí tuệ của thời đại, cái cơ sở mà chỉ có xuất phát từ đó mới cất nghĩa được lịch sử đó; rằng do đó, toàn bộ lịch sử của nhân loại (từ thời kỳ tan rã của xã hội thị tộc nguyên thủy với chế độ sở hữu ruộng đất công cộng của nó) là lịch sử của đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa những giai cấp đi bóc lột và bị bóc lột, giai cấp thống trị và giai cấp bị áp bức; rằng lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp đó hiện nay đã phát triển tới giai đoạn trong đó giai cấp bị bóc lột và bị áp bức, tức là giai cấp vô sản, không còn có thể tự giải phóng khỏi ách của giai cấp bóc lột và áp bức mình, tức là giai cấp tư sản, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn xã hội khỏi ách bóc lột, áp bức, khỏi tình trạng phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp”¹. Sau đó, Ph. Ăngghen trích dẫn lại đoạn mà C. Mác và Ph. Ăngghen viết chung trong lời tựa cho bản tiếng Đức xuất bản năm 1872 để khẳng định lại lần nữa rằng, mặc dù hoàn cảnh đã thay đổi nhiều, nhưng xét về đại thể những nguyên lý cơ bản được trình bày trong *Tuyên ngôn văn hoà toàn đúng*, ở đôi chỗ, có một vài chi tiết cần xem lại. Đồng thời, Ph. Ăngghen nhắc lại rằng: “Tuy nhiên, “Tuyên ngôn” là một tài liệu lịch sử mà chúng tôi không có quyền sửa lại”².

Trong *Lời tựa viết cho lần xuất bản bằng tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” năm 1890*, Ph. Ăngghen đã trích lại toàn văn *Lời tựa viết cho lần xuất bản thứ hai bằng*

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.21, tr.523, 525.

tiếng Nga cuốn “*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*” (năm 1882) do C. Mác và Ph. Ăngghen cùng viết cũng như một phần nội dung *Lời tựa cho bản tiếng Anh xuất bản năm 1888* “*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*”. Đồng thời, Ph. Ăngghen chỉ ra rằng tình hình giai cấp công nhân hiện tại đã rất khác so với trước đây. Hiện nay, “giai cấp vô sản châu Âu và châu Mỹ đang điểm lại lực lượng chiến đấu của mình, lực lượng lần đầu tiên được huy động thành một đạo quân *duy nhất*, dưới cùng một ngọn cờ và nhằm cùng một mục đích trước mắt là đòi phán quyết quy định ngày làm việc bình thường là tám giờ,... Cảnh tượng ngày hôm nay sẽ chỉ cho bọn tư sản và bọn địa chủ tất cả các nước thấy rằng những người vô sản tất cả các nước đã thực sự đoàn kết với nhau”¹.

Trong *Lời tựa viết cho lần xuất bản bằng tiếng Ba Lan* “*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*” năm 1892, Ph. Ăngghen phân tích tình hình phát triển công nghiệp ở Ba Lan cũng như sự phát triển của giai cấp vô sản Ba Lan. Điều đó đã làm cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong công nhân Ba Lan phổ biến nhanh chóng và yêu cầu ngày càng tăng về Tuyên ngôn. Điều quan trọng là từ thực tế chưa độc lập của Ba Lan, Ph. Ăngghen cho rằng: “Chỉ có thể có được sự hợp tác quốc tế thành thực giữa các dân tộc châu Âu, khi nào mỗi dân tộc đó là người chủ tuyệt đối trong nhà mình”². Đồng thời, Ph. Ăngghen qua phân tích tình hình thực tế Ba Lan, đã chỉ rõ: “Chỉ có giai cấp vô sản Ba Lan trẻ tuổi mới có thể giành được nền độc lập đó, và nằm trong tay họ, nền độc lập đó sẽ được bảo vệ chắc chắn. Vì đối với công nhân các nước khác ở

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.22, tr.99, 415.

châu Âu, nên độc lập của Ba Lan cũng cần thiết như đối với bản thân công nhân Ba Lan”¹.

Trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Italia “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” xuất bản năm 1893*, Ph. Ăngghen đã khẳng định lại những luận điểm cơ bản mà Tuyên ngôn đã nêu ra qua minh chứng bằng phong trào công nhân Italia hiện thời. Ph. Ăngghen khẳng định rằng, cách mạng năm 1848 đã dọn đường, chuẩn bị địa bàn cho cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đại công nghiệp đã tạo ra ở khắp nơi “một giai cấp vô sản đông đảo, đoàn kết chặt chẽ và mạnh; do đó, nó đã sinh ra, như “Tuyên ngôn” đã nói, những người đào huyệt chôn nó. Không khôi phục lại độc lập và thống nhất cho từng dân tộc thì về phương diện quốc tế, không thể thực hiện được sự đoàn kết của giai cấp vô sản và sự hợp tác hòa bình và tự giác giữa các dân tộc đó để đạt tới những mục đích chung”². Trong lời tựa này, Ph. Ăngghen nhắc lại một lần nữa rằng “Tuyên ngôn” hoàn toàn thừa nhận vai trò cách mạng mà chủ nghĩa tư bản đã đóng trong quá khứ³ và ông mong muốn Italia sẽ cung cấp cho phong trào công nhân một “Đantơ mới”.

Qua 7 lời tựa mà C. Mác và Ph. Ăngghen viết cho các lần xuất bản khác nhau của *Tuyên ngôn* cho chúng ta ý nghĩa phương pháp luận khoa học sâu sắc. Điều này thể hiện ở chỗ:

Một là, C. Mác và Ph. Ăngghen đã nhiều lần khẳng định bản chất khoa học, cách mạng của *Tuyên ngôn*. Các ông cho rằng mặc dù hoàn cảnh đã thay đổi nhiều, nhưng xét về đại thể những nguyên lý cơ bản được trình bày trong *Tuyên ngôn*

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.22, tr.416, 544, 545.

vẫn hoàn toàn đúng, ở đôi chỗ, có một vài chi tiết cần xem lại. Điều này cho thấy, C. Mác và Ph. Ăngghen không bao giờ coi *Tuyên ngôn* là cái gì bất biến, khép kín mà cần phải được bổ sung những chi tiết do điều kiện thực tiễn đã đổi thay so với thời điểm các ông viết năm 1847 - 1848. Đây là thái độ khoa học nghiêm túc của C. Mác và Ph. Ăngghen và là bài học cho chúng ta trong việc tiếp thu, kế thừa di sản lý luận mà các ông để lại. Hơn nữa, chính ngay trong *Tuyên ngôn*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã căn dặn trong những nước khác nhau, những biện pháp củng cố quyền lực của giai cấp vô sản, xây dựng xã hội mới dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều¹.

Hai là, Ph. Ăngghen cũng không dưới một lần khẳng định *Tuyên ngôn* là một tài liệu lịch sử mà các ông không có quyền sửa lại. Điều này cho thấy, một mặt, thực tiễn đổi thay đòi hỏi phải tổng kết thực tiễn để bổ sung cho *Tuyên ngôn*. Để làm điều này, mỗi lần xuất bản bằng các ngôn ngữ khác nhau, các ông đã viết lời tựa để bổ sung. Nhưng mặt khác, C. Mác và Ph. Ăngghen tôn trọng tính lịch sử của *Tuyên ngôn*. Do vậy, nếu cần thì phải viết một *tuyên ngôn* mới, vì bản thân *Tuyên ngôn* viết năm 1847 - 1848 đã đáp ứng yêu cầu lịch sử khi viết. Đây cũng là một bài học kinh nghiệm khoa học cho chúng ta ngày hôm nay. Đó là phải tôn trọng tính lịch sử - cụ thể của những luận điểm lý luận của C. Mác và Ph. Ăngghen. Chúng ta không thể đòi hỏi các ông phải trả lời cho các câu hỏi do thực tiễn thời đại ngày nay mới đặt ra mà ở thời đại các ông sống chưa đặt ra.

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.627.

Ba là, các lời tựa cho chúng ta thấy, Ph. Ăngghen là một người khiêm tốn, luôn khẳng định rằng mặc dầu *Tuyên ngôn* được viết chung bởi hai ông, nhưng luận điểm hạt nhân, tư tưởng cốt lõi của tác phẩm là thuộc về C. Mác. Đồng thời, Ph. Ăngghen không dưới một lần chỉ ra luận điểm hạt nhân đó. Đó chính là sự phát triển của kinh tế dẫn đến sự ra đời giai cấp, đấu tranh giai cấp và cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản không còn có thể tự giải phóng mình, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn xã hội khỏi ách bóc lột, áp bức, khỏi tình trạng phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp.

Bốn là, trong các lời tựa, Ph. Ăngghen đã bổ sung một số luận điểm mới cho phù hợp tình hình thực tiễn mới. Đó là luận điểm, Công xã Paris đã chứng minh rằng “giai cấp công nhân không thể chỉ giản đơn nắm lấy bộ máy nhà nước sẵn có và vận dụng nó để đạt mục đích của mình được”¹. Luận điểm này sau được C. Mác bổ sung trong *Nội chiến ở Pháp*². Luận điểm thứ hai là luận điểm về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với hợp tác quốc tế. Trong *Lời tựa viết cho lần xuất bản bằng tiếng Ba Lan “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” năm 1892*, Ph. Ăngghen đã bổ sung: “Chỉ có thể có được sự hợp tác quốc tế thành thực giữa các dân tộc châu Âu, khi nào mỗi dân tộc đó là người chủ tuyệt đối trong nhà mình”³. Rõ ràng là khi mỗi dân tộc được độc lập thực sự thì sự hợp tác giữa các dân tộc mới trở thành thực sự. Hay, “Chỉ có giai cấp vô sản Ba Lan trẻ tuổi mới có thể giành được nền độc lập đó, và nắm trong tay họ, nền độc lập đó sẽ được bảo vệ chắc chắn. Vì đối với công nhân các nước khác ở châu Âu, nền độc

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.17, tr.445; t.22, tr.415.

lập của Ba Lan cũng cần thiết như đối với bản thân công nhân Ba Lan”¹. Điều này cũng chứng tỏ, độc lập cho Ba Lan không chỉ cần cho giai cấp công nhân Ba Lan mà còn cần cho giai cấp công nhân châu Âu nói chung. Luận điểm này sau đó được Ph. Ăngghen nhắc lại trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Italia “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”* xuất bản năm 1893: “Không khôi phục lại độc lập và thống nhất cho từng dân tộc thì về phương diện quốc tế, không thể thực hiện được sự đoàn kết của giai cấp vô sản và hợp tác hòa bình và tự giác giữa các dân tộc đó để đạt tới những mục đích chung”².

Năm là, trong các lời tựa, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khách quan phân tích sự thăng trầm của *Tuyên ngôn* gắn với lịch sử thăng trầm của phong trào công nhân, nhưng khẳng định nó là cương lĩnh chính trị mang tính quốc tế được thừa nhận bởi hàng triệu công nhân trên thế giới. Ban đầu, *Tuyên ngôn* là cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản, một hiệp hội công nhân, lúc đầu hoàn toàn là một tổ chức bí mật của người Đức; sau đó trở thành một tổ chức quốc tế. Sau khi ra đời, *Tuyên ngôn* được dịch để xuất bản và tái bản nhiều lần ở Thụy Sĩ, Anh, Mỹ, Nga, Đan Mạch, Ba Lan, Italia, Tây Ban Nha, v.v. và theo Ph. Ăngghen “hiển nhiên đó là tác phẩm phổ biến hơn cả, có tính chất quốc tế hơn cả trong tất cả các văn phẩm xã hội chủ nghĩa, đó là cương lĩnh được thừa nhận bởi hàng triệu công nhân từ Xibia đến Caliphocnia”³. Qua đây, Ph. Ăngghen muốn khẳng định giá trị khoa học, cách mạng, tính quốc tế của *Tuyên ngôn*. Như vậy, qua mỗi

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.22, tr.416, 544; t.21, tr.522.

lời tựa, C. Mác và Ph. Ăngghen lại thêm một lần khẳng định giá trị trường tồn, tính đúng đắn khoa học của *Tuyên ngôn*.

Tựu trung lại, xem xét *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* từ các lời tựa, chúng ta thấy rất rõ ràng, các tác giả của *Tuyên ngôn* - C. Mác và Ph. Ăngghen là những nhà khoa học luôn có thái độ khoa học với tác phẩm. Các ông luôn khẳng định sức sống, giá trị trường tồn của những nguyên lý cơ bản của *Tuyên ngôn*, nhưng đồng thời các ông cũng khẳng định cần bổ sung những chi tiết cụ thể do thực tiễn đã có nhiều thay đổi. Những chi tiết này được các ông bổ sung qua các lời tựa. Điều này là hợp lý, khoa học vì vừa giữ được tính lịch sử của *Tuyên ngôn*, lại vừa cập nhật được tinh thần thực tiễn mới. Cách tiếp cận này của C. Mác và Ph. Ăngghen là mẫu mực cho chúng ta noi theo. Cũng từ cách tiếp cận này đòi hỏi chúng ta ngày hôm nay phải biết tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận và dám khẳng định giá trị trường tồn, tính đúng đắn khoa học của *Tuyên ngôn*. Đồng thời, chúng ta phải biết bổ sung những điểm mới từ tổng kết thực tiễn mới cho *Tuyên ngôn*. Đây là cách bảo vệ tốt nhất di sản lý luận của C. Mác và Ph. Ăngghen nói chung, di sản lý luận của *Tuyên ngôn* nói riêng.

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

MỘT KIỂU MẪU VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN

NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

PGS. TS. VŨ HOÀNG CÔNG*

1. Kiểu mẫu của tư duy biện chứng duy vật về vai trò lịch sử của giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản

Tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là bước phát triển mới và thể hiện rất rõ nét tư duy duy vật biện chứng của C. Mác và Ph. Ăngghen. Trước tác phẩm đỉnh cao này, các ông từng cho ra mắt những tác phẩm mang tính triết học rất có giá trị và nổi tiếng như *Gia đình thần thánh*, *Hệ tư tưởng Đức...* và đặc biệt là tác phẩm *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản* do Ph. Ăngghen viết năm 1847. Trong đó dưới hình thức hỏi - đáp, Ph. Ăngghen đã trình bày các vấn đề liên quan tới thời đại tư bản chủ nghĩa với những giai cấp đặc trưng của nó là giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, gần giống với trình bày trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

Nói về giá trị phương pháp luận của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, V.I. Lênin đã nhận định: “Tác phẩm này

* Tổng biên tập Tạp chí Lý luận chính trị.

trình bày một cách hết sức sáng sủa và rõ ràng thế giới quan mới, chủ nghĩa duy vật triệt để - chủ nghĩa duy vật này bao quát cả lĩnh vực sinh hoạt xã hội, - phép biện chứng với tư cách là học thuyết toàn diện nhất và sâu sắc nhất về sự phát triển, lý luận đấu tranh giai cấp và vai trò cách mạng - trong lịch sử toàn thế giới - của giai cấp vô sản, tức là giai cấp sáng tạo ra một xã hội mới, xã hội cộng sản”¹.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen không giải thích phương pháp luận của mình giống như đã làm trong các tác phẩm triết học, mà thể hiện phương pháp luận đó một cách cụ thể, dưới hình thức trong sáng, cô đọng về lịch sử ra đời, sự vận động của xã hội tư bản hiện thời. Đó là một xã hội - không phải là cá biệt ở một quốc gia nào đó, mà là phổ biến ở nhiều quốc gia với những mức độ chín muồi có thể còn khác nhau. Do vậy có thể coi đó là sự mô tả cô đọng, bản chất về thời đại tư bản chủ nghĩa.

Thời đại này dựa trên một phương thức sản xuất cơ bản, rất khác biệt so với trước. Đó là phương thức sản xuất lấy bóc lột giá trị thặng dư của giai cấp làm thuê (giai cấp vô sản) làm mục tiêu và động lực phát triển sản xuất và lấy việc cải tiến không ngừng hệ thống máy móc để đạt được mục tiêu đó. Sở dĩ phải cải tiến không ngừng công cụ sản xuất vì chỉ có như thế mới tạo nên năng suất cao hơn, tạo ra giá trị thặng dư nhiều hơn trong điều kiện sản xuất hàng hóa có cạnh tranh giữa các nhà tư bản. Như vậy, xét dưới góc độ lực lượng sản xuất của thời đại, thì đó là sự thống trị (hay chủ đạo) của

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập, Sđd*, t.26, tr.57.

máy móc công nghiệp cùng với đội ngũ công nhân làm thuê ngày càng đông đảo. Xét dưới góc độ của quan hệ sản xuất - tức là mối quan hệ giữa người với người - thì đó là quan hệ giữa nhà tư sản với người vô sản dưới hình thức pháp lý, công khai là mua bán sức lao động. Sự gắn kết giữa hai giai cấp đối lập này rất chặt chẽ, phụ thuộc nhau. Nói cách khác, tuy là đối lập, song thống nhất với nhau, không tách rời nhau. Tất cả điều này hợp thành phương thức sản xuất cơ bản của xã hội tư bản chủ nghĩa, làm nền tảng vật chất của thời đại tư bản chủ nghĩa.

Nhưng điều khác biệt của C. Mác, Ph. Ăngghen so với nhiều nhà triết học siêu hình chính là ở chỗ, các ông nhìn thấy sự hình thành và tồn tại của xã hội tư bản chủ nghĩa trong một quá trình phát triển, biến đổi từ chính mối quan hệ đối lập bên trong nó. Đó là sự vận động của quan hệ xã hội giữa tư sản và vô sản từ chỗ ban đầu thống nhất, phụ thuộc nhau, sau đó trở thành mâu thuẫn, xung đột. Xét về phương thức sản xuất, sự vận động của lực lượng sản xuất theo hướng xã hội hóa ngày càng cao với quan hệ sản xuất tư hữu tư bản chủ nghĩa từ chỗ ban đầu là thống nhất cũng sẽ trở thành mâu thuẫn, xung đột khi quan hệ sản xuất tư hữu đó không còn là khuôn khổ đủ cho lực lượng sản xuất phát triển theo hướng ngày càng xã hội hóa.

Từ những bằng chứng về khủng hoảng thừa của sản xuất tư bản chủ nghĩa và những xung đột giữa giai cấp vô sản và tư sản về tiền lương, việc làm... ở nhiều nước, các ông dự đoán về sự sụp đổ của phương thức sản xuất này và sự ra đời của phương thức sản xuất khác - đúng hơn là sự ra đời của

một quan hệ sản xuất mới - quan hệ sản xuất công hữu, trong đó mọi người, kể cả người vô sản cũng trở thành người chủ của lực lượng sản xuất công nghiệp mang tính quốc tế hóa. Khi đó trên thế giới sẽ không còn người tư sản và vô sản nữa và việc sản xuất sẽ không phải vì mục tiêu giá trị thặng dư của nhà tư bản mà vì nhu cầu, lợi ích của tất cả mọi người trong xã hội.

Nếu như sự phủ định của chế độ tư hữu (mà tư hữu tư bản chủ nghĩa là cao nhất, hoàn thiện nhất) đối với chế độ công hữu đã được thực hiện từ hàng nghìn năm trước do sự phát triển của chính năng lực sản xuất của con người thì sự phủ định của chế độ công hữu cộng sản chủ nghĩa sẽ là sự phủ định của phủ định, do chính sự phát triển của năng lực sản xuất của con người ở thời đại tư bản chủ nghĩa tạo ra.

Theo quan điểm của C. Mác, Ph. Ăngghen, lực lượng xã hội gắn liền với sự phủ định đó chính là giai cấp vô sản - bộ phận hợp thành của lực lượng sản xuất hiện đại tư bản chủ nghĩa. Sự nổi dậy của giai cấp vô sản chính là sự nổi dậy của lực lượng sản xuất chống lại quan hệ sản xuất mà giai cấp tư sản là đại biểu. Về mặt chính trị - xã hội, sự nổi dậy đó được gọi là cách mạng vô sản để xây dựng một xã hội cộng sản chủ nghĩa về nguyên tắc hoàn toàn đối lập với chủ nghĩa tư bản hiện đang tồn tại, trong đó con người sẽ hoàn toàn tự do phát triển phẩm chất Người, mà không bị bóc lột, tha hóa cùng với chủ nghĩa tư bản. *Tuyên ngôn* kết luận: “Như vậy, cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, chính cái nền tảng trên đó giai cấp tư sản đã sản xuất và chiếm hữu sản phẩm của nó, đã bị phá sập dưới chân giai cấp tư sản. Trước hết, giai cấp

tư sản sản sinh ra những người đào huyệt chôn chính nó. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”¹.

2. Vận dụng phương pháp luận của C. Mác, Ph. Ăngghen vào nhận thức về giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản ngày nay

Học tập phương pháp luận của C. Mác, Ph. Ăngghen vào nhận thức thời đại ngày nay, cần phải trả lời hàng loạt câu hỏi: Thời đại ngày nay là thời đại gì, là thời đại tư bản chủ nghĩa hay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội? Chủ nghĩa tư bản hiện đại là gì, đang đi về đâu? Giai cấp tư sản ngày nay khác gì với trước, vai trò của nó trong thời đại ngày nay như thế nào? Ai là lực lượng tiên phong của thời đại hiện nay đối lập với giai cấp tư sản?

Đây là những câu hỏi đã từng được những người cộng sản thế giới đặt ra ở nhiều thời điểm khác nhau trong hàng trăm năm qua. Và, câu trả lời ở thời nào cũng là khác nhau. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, có một bộ phận trả lời: thời điểm của cách mạng vô sản chưa tới, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chưa hết khả năng, vẫn còn sức sống và đang đổi mới, giai cấp vô sản chưa đủ khả năng (và không thể) trở thành người chủ của phương thức sản xuất mới. Đó là câu trả lời của những người dân chủ xã hội và bị coi là cải lương, cơ hội, xét lại.

Một bộ phận khác trung thành với *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, khẳng định thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.613.

lên chủ nghĩa xã hội đã đến, vì cả giai cấp tư sản - những người cai trị và giai cấp vô sản - những người bị trị đều không thể sống trong tình trạng như cũ được nữa. Chủ nghĩa tư bản đã phát triển đến giai đoạn tột cùng của nó là chủ nghĩa đế quốc. Mâu thuẫn giữa hai giai cấp đã gay gắt không thể dung hòa, đã đến lúc cần tổ chức cho giai cấp vô sản giành chính quyền, thực hiện cách mạng chính trị và dùng quyền lực chính trị có tổ chức để cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là thái độ của những người leninist với Cách mạng Tháng Mười vĩ đại ở Nga đặt nền móng cho chủ nghĩa xã hội hiện thực thế kỷ XX trong suốt 7 thập niên sau đó.

Ngày nay, câu hỏi lại được đặt ra trong bối cảnh mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực thế kỷ XX đã không còn, phuong thức sản xuất tư bản chủ nghĩa vẫn đang tồn tại và phát triển ở trình độ mới. Không chỉ ở các nước theo đường lối dân chủ xã hội, mà ngay cả các nước theo đường lối tự do mới (như Mỹ, Anh), nhiều vấn đề chính trị, xã hội, con người, môi trường đã được giải quyết ngày càng tốt. Trong phạm vi toàn cầu, đã hình thành nên các cơ chế khu vực hay quốc tế nhằm khắc phục - và đã khắc phục được trong thực tế - nhiều nhược điểm, khiếm khuyết vốn bị coi là không thể khắc phục của chủ nghĩa tư bản như: khủng khoảng thừa chu kỳ, bần cùng hóa giai cấp công nhân, chiến tranh giữa các nước nhằm xâm chiếm tài nguyên và tranh giành thị trường... Bằng chứng là cuộc đại suy thoái 1929 - 1933 đã gây nên những tổn thất ghê gớm cho nền kinh tế châu Âu và Mỹ, thì đến cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 bắt đầu từ Mỹ có

nguy cơ lan rộng đã được ngăn chặn và đẩy lùi nhanh chóng mà không có những hậu quả dây chuyền nghiêm trọng nào.

Đúng là trong những thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI, rất ít khi người ta nhìn thấy các cuộc bão công, biểu tình đòi tăng lương, cải thiện điều kiện làm việc như ở các thế kỷ trước. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa, giữa các tập đoàn tư bản chủ nghĩa khó có thể là nguy cơ của chiến tranh thế giới vì vai trò dàn xếp, điều hòa của các cơ chế quốc tế ngày càng lớn. Trong phạm vi quốc gia cũng như quốc tế, sự phát triển và khai thác tự nhiên mang tính tự phát ít hơn, sự phá hoại và lãng phí bị hạn chế nhiều hơn. Loài người, dù còn nhiều khó khăn, nhưng đã hành động thực tế hơn để phát triển bền vững. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã bước đầu biến đổi phương thức sản xuất và cuộc sống của con người theo cách mà C. Mác, Ph. Ăngghen chưa hề tưởng tượng ra.

Bối cảnh đó khiến cho nhiều tiên đoán và nhiều chủ trương của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* cách đây 170 năm không còn phù hợp. Điều này không có gì lạ, vì chính Ph. Ăngghen, năm 1872 cũng đã viết về các biện pháp cách mạng được *Tuyên ngôn* nêu ở chương II “Đoạn này, ngày nay mà viết lại thì về nhiều mặt, cũng phải viết khác đi”¹.

Thế giới loài người đã biến đổi và tiến bộ hơn rất nhiều, đến mức nó không còn là thời đại của chủ nghĩa tư bản thế kỷ XX và lại càng không phải như cách đây 170 năm. Nhưng thế giới ngày nay cũng chưa phải là chủ nghĩa xã hội và tốt đẹp như nó có thể. Người ta vẫn thấy mục tiêu của các nhà tư

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.128.

bản ngày nay vẫn như trước kia là tìm kiếm lợi nhuận từ giá trị thặng dư của người làm thuê. Sự tích lũy và tập trung tư bản vẫn đang diễn ra hằng ngày một cách quyết liệt, chỉ có điều bằng các phương thức và hình thức mới, ít dã man, ít “máu và nước mắt” của người lao động hơn trước kia. Cạnh tranh, độc quyền vẫn diễn ra dù dưới hình thức tinh vi hơn, bị các nhà nước, xã hội và các thể chế kinh tế quốc tế can thiệp nhiều hơn. Vẫn còn sự chênh lệch quá lớn giữa một bộ phận giàu có với một bộ phận nghèo đói, lạc hậu, nhất là ở châu Phi.

Có thể thấy điều C. Mác, Ph. Ăngghen nói về quy luật cách mạng hóa không ngừng lực lượng sản xuất và quốc tế hóa không ngừng tư bản vẫn đúng cho hiện nay. Chưa bao giờ khoảng cách thời gian giữa các cuộc cách mạng công nghiệp lại ngắn như ngày nay. Chưa bao giờ tư bản lại luân chuyển nhanh và với quy mô quốc tế lớn trên toàn cầu như ngày nay. Điều đó bắt nguồn từ chính nhu cầu của phương thức sản xuất hiện đại và tạo nên sức sống cho chủ nghĩa tư bản, là điều mà mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực thế kỷ XX không tạo ra được.

Sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học, công nghệ và sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất đã khiến cho cơ cấu các ngành sản xuất và cơ cấu lao động ở nhiều nước thay đổi. Từ nhiều thập niên qua, tỷ lệ công nhân công nghiệp đã giảm và trong tương lai với cách mạng công nghiệp 4.0, rôbốt sẽ còn thay thế nhiều hơn nữa lực lượng công nhân công nghiệp và lao động chân tay trong nhiều ngành dịch vụ khác.

Hiện tượng này khiến cho nhiều nhà lý luận từ nhiều thập niên vừa qua đã nghĩ rằng giai cấp công nhân đã mất đi

hoặc ít nhất là đã mất đi về sức mạnh tổ chức, kỷ luật, ý thức giai cấp. Nhưng ở các nước phát triển nhất, tiên tiến nhất, dù số lượng và thân phận công nhân công nghiệp không còn như trước kia, thì vẫn còn đó giai cấp làm thuê dưới nhiều hình thức, với tính chất khác nhau, trong đó bao hàm cả giới trí thức và công nhân cổ cồn. Quan hệ kinh tế phổ biến ngày nay vẫn là quan hệ giữa người chủ với người làm thuê. Giá trị thặng dư và lợi nhuận của nhà tư bản vẫn có nguồn gốc từ lao động làm thuê đó. Dù muốn hay không, đó vẫn là động lực chủ yếu thúc đẩy nền kinh tế trong thời đại chúng ta, là một trong những động cơ quan trọng, không thể phủ nhận được, của những sáng tạo khoa học, công nghệ của con người.

Có thể khẳng định, dù với sự đa dạng trong quan hệ sở hữu, trong đó có sở hữu nhà nước đang tồn tại ở nhiều nước hiện nay, thì quan hệ sản xuất tư hữu vẫn là nền tảng cơ bản của phương thức sản xuất hiện nay. Phương thức sản xuất cơ bản ngày nay vẫn dựa trên mối quan hệ giữa hai mặt vừa đấu tranh, vừa tạo điều kiện cho nhau phát triển của lực lượng sản xuất hiện đại theo xu hướng quốc tế hóa với quan hệ sản xuất tư hữu. Trên nền tảng phương thức sản xuất đó, quan hệ vừa đấu tranh, vừa phụ thuộc lẫn nhau giữa nhà tư bản với lao động làm thuê vẫn là một trong những quan hệ xã hội cơ bản ở mỗi quốc gia trong thời đại ngày nay.

Với những quan hệ kinh tế và xã hội cơ bản như thế, thế giới đang nằm trong mâu thuẫn giữa toàn cầu hóa và chống toàn cầu hóa, giữa quốc tế hóa và dân tộc hóa, giữa nhân loại hóa và quốc gia hóa. Điều đáng chú ý là mâu thuẫn này không chỉ diễn ra giữa nền kinh tế này với nền kinh tế kia, mà tồn tại ngay trong mỗi quốc gia, kể cả những nước tư bản

phát triển nhất. Sự kiện Brexit của nước Anh và quyết định rút khỏi Hiệp định TPP của Tổng thống D. Trump vừa qua là những ví dụ nóng hổi. Điều đó cho thấy quốc tế hóa (mà toàn cầu hóa là mức độ cao nhất) dù là quy luật của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trước kia và hiện nay, cũng không phải là sự vận động một chiều, đơn giản. Nó vừa tạo ra nguy cơ, vừa tạo ra thời cơ cho nhiều quốc gia, kể cả đã phát triển và đang phát triển. Nó có thể gây nên khó khăn, thậm chí thụt lùi cho các quốc gia phát triển, nhưng cũng có thể là cơ hội để quốc gia còn lạc hậu nhanh chóng phát triển, rút ngắn khoảng cách với các nước giàu có, văn minh, thậm chí có thể trở thành quốc gia nắm giữ những tiến bộ khoa học và công nghệ mới nhất trên một số lĩnh vực.

Do tính chất hai mặt, do sự vận động trong những mâu thuẫn như vậy, nên dù là quy luật, là xu hướng có thể nhìn thấy bằng nhiều hiện tượng, thì “thế giới phẳng” vẫn là tương đối. Sự chênh lệch về trình độ phát triển, về giàu nghèo giữa các quốc gia, khu vực trên thế giới, thậm chí trong một quốc gia là một thực tế không thể phủ nhận. Dù Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác, các tổ chức phi chính phủ (NGO) thế giới đã và đang hoạt động rất tích cực vẫn không thể xóa được khoảng cách này.

Thừa nhận thực tế khách quan mang tính hai mặt như trên chính là thái độ cần thiết đầu tiên của người cộng sản, là sự vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng vào phân tích xã hội loài người hiện nay. Nó là cơ sở để Đảng Cộng sản định ra chính sách thích hợp.

Đúng theo tinh thần của C. Mác, Ph. Ăngghen, chính sách thích hợp của các đảng cộng sản - đảng của giai cấp

công nhân và lao động nói chung ngày nay - phải là ủng hộ toàn cầu hóa, nhân loại hóa. Nhưng điều này cần phải đặt trong mối quan hệ hài hòa với dân tộc hóa và quốc gia hóa. Nói cách khác trong mỗi thời điểm, khi nghĩ tới loài người, cần phải tính tối lợi ích của dân tộc, quốc gia trong sự hài hòa cần thiết, tránh bị rơi vào phiến diện như đã từng có một thời kỳ.

Cũng như vậy khi hướng tới nền công hữu cộng sản chủ nghĩa như là nền tảng của xã hội tốt đẹp, lý tưởng (mà giai đoạn thấp là công hữu xã hội chủ nghĩa), cần phải phát huy một cách tốt nhất, hiệu quả nhất chế độ tư hữu cho sự phát triển quốc gia, dân tộc và loài người, tránh rơi vào sự kỳ thị siêu hình và nóng vội, coi thường quy luật khách quan, đốt cháy giai đoạn.

Việt Nam và một số nước do Đảng Cộng sản trung thành với chủ nghĩa Mác - Lenin lãnh đạo đang tìm tòi con đường xây dựng một mô hình chủ nghĩa xã hội mới. Hình hài của chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI như thế nào chưa rõ rệt, nhưng chắc chắn phải khác biệt so với mô hình chủ nghĩa xã hội thế kỷ XX, thể hiện ở chỗ, mô hình chủ nghĩa xã hội này không phủ định nền kinh tế thị trường, không phủ nhận quy luật lợi nhuận, cạnh tranh; không tuyệt đối hóa vai trò của nhà nước trong kế hoạch hóa và điều hành nền sản xuất và các quan hệ phân phối, trao đổi như trước...

Trong xu hướng này, có nước với trình độ kinh tế còn ở mức độ trung bình (như Việt Nam) thừa nhận và tích cực hội nhập vào nền kinh tế thị trường toàn cầu để phát triển, mong nhanh chóng bắt kịp với các nước tiên tiến, giàu có trên thế giới, trở thành “con hổ” mới của kinh tế khu vực và

thế giới. Có những nước ở mức độ cao hơn, với tiềm lực kinh tế khổng lồ của mình (như Trung Quốc) không những hội nhập mà còn đang có những hành động nhằm tạo ra “sân chơi” mới, “thể lệ” mới cho trật tự kinh tế thế giới. Đây là điều chưa từng có trong lịch sử phong trào cộng sản và chủ nghĩa xã hội thế giới, có thể là dấu hiệu cho một thời kỳ mới trong lịch sử nhân loại.

Nhưng chắc chắn đây là một cuộc đấu tranh lâu dài, một quá trình phức tạp, không đơn giản, bởi đó là cuộc đấu tranh của các thế lực chính trị và kinh tế mới với thế lực chính trị và kinh tế cũ của thế giới. Ngoài ra, “thể lệ” mới, “sân chơi” mới như thế nào, bên cạnh lợi ích quốc gia, dân tộc, có đem lại lợi ích và tiến bộ cho quốc tế, nhân loại nói chung hay không cũng là những câu hỏi cần phải được làm sáng tỏ. Nếu câu trả lời là có, loài người có thể hy vọng vào một thời đại mới - thời đại quá độ thực sự từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới với sự dẫn dắt của những người cộng sản chân chính đại diện cho phương thức sản tiên tiến nhất của loài người.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG CỘNG SẢN
VÀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN TRONG TÁC PHẨM
TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN
cỦA C. MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN**

PGS. TS. PHAN TRỌNG HÀO*

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là tác phẩm kinh điển chủ yếu của chủ nghĩa xã hội khoa học. Những nguyên lý mà C. Mác và Ph. Ăngghen trình bày trong tác phẩm này là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động của toàn bộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* cũng đặt nền tảng tư tưởng cho những vấn đề về Đảng Cộng sản, về mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân. Những tư tưởng đó có ý nghĩa thiết thực trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và sự xuất hiện Đảng Cộng sản

Trước C. Mác, chưa ai phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của

* Hội đồng Lý luận Trung ương.

giai cấp công nhân. Chủ nghĩa xã hội không tưởng không nhận thức được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân với tư cách là lực lượng xã hội có khả năng xóa bỏ chủ nghĩa tư bản để xây dựng một xã hội bình đẳng, không có bóc lột. Lần đầu tiên, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (1848), C. Mác và Ph. Ăngghen đã luận chứng một cách khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, khẳng định đây là lực lượng đào huyệt chôn giai cấp tư sản, xóa bỏ xã hội cũ, xây dựng xã hội mới - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được C. Mác và Ph. Ăngghen luận giải cô đọng và khái quát: (i) *Lật đổ giai cấp tư sản, tổ chức thành giai cấp thống trị*: “giai cấp vô sản thiết lập sự thống trị của mình bằng cách dùng bạo lực lật đổ giai cấp tư sản”¹. (ii) *Xóa bỏ xã hội cũ, xây dựng xã hội mới*: “Những người vô sản chẳng có gì là của mình để bảo vệ cả, họ phải phá hủy hết thảy những cái gì, từ trước đến nay, vẫn bảo đảm và bảo vệ chế độ tư hữu”². (iii) *Giải phóng toàn xã hội khỏi áp bức, bóc lột*: “Giai cấp vô sản, tầng lớp ở bên dưới nhất của xã hội hiện tại, không thể vùng dậy, vươn mình lên nếu không làm nổ tung toàn bộ cái thượng tầng kiến trúc bao gồm những tầng lớp cấu thành xã hội quan phương”³.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được quy định bởi: (i) Địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp này trong hệ thống tư bản chủ nghĩa, đó là địa vị của giai cấp đối kháng với giai cấp tư sản và chế độ tư bản chủ nghĩa; và (ii) Những đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân như: tính chất

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, tr.612, 611.

tiên phong và tinh thần cách mạng triệt để, ý thức tổ chức kỷ luật cao, và bản chất quốc tế.

Muốn thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử đó, giai cấp công nhân phải thông qua nhân tố chủ quan của mình: (i) Phải có lý luận cộng sản chủ nghĩa và lý luận đó phải được truyền bá vào phong trào công nhân, làm cho giai cấp công nhân giác ngộ sứ mệnh lịch sử của mình; (ii) Phải thành lập được chính đảng của mình với tư cách là đội tiên phong, lãnh tụ chính trị và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân; (iii) Bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất trong giai cấp công nhân. Trong các nhân tố chủ quan đó, *điều kiện tiên quyết* là phải thành lập một chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân.

Trước khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản mang tính tự phát, chưa có một lý luận chân chính, khoa học soi đường và còn chịu ảnh hưởng của ý thức hệ tư sản lúc bấy giờ. Họ chưa biết tập hợp nhau lại để lập ra một tổ chức lãnh đạo của mình. Và “Nếu có lúc quần chúng công nhân tập hợp nhau lại thì đó cũng chưa phải là kết quả của sự liên hợp của chính họ, mà là kết quả của sự liên hợp của giai cấp tư sản”¹. Khi đó, C. Mác, Ph. Ăngghen đã coi các liên hiệp này là “đảng vô sản”, nhưng chưa phải là “đảng cộng sản”. Bởi xét về mặt xã hội, liên hiệp đó tiến hành đấu tranh chống giai cấp tư sản. Nhưng về mặt chính trị, tư tưởng, đảng đó chưa phải là một đảng mang tính khoa học và cách mạng. Trong

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.607.

Tuyên ngôn, C. Mác và Ph. Ăngghen đã đặt cơ sở hiện thực cho quá trình kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân, và điều này có ý nghĩa quyết định trong việc làm cho giai cấp công nhân tự ý thức được sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của mình. Sự xuất hiện của *Tuyên ngôn* và việc thành lập Liên đoàn những người cộng sản đã đánh dấu sự ra đời của một lực lượng chính trị - xã hội mới về chất - phong trào xã hội chủ nghĩa, phong trào có nhiệm vụ lãnh đạo giai cấp công nhân, lãnh đạo hoạt động cải tạo cách mạng vĩ đại của nó.

Với chính đảng của mình, giai cấp công nhân đưa cuộc đấu tranh giai cấp tới mục tiêu quan trọng nhất: giành chính quyền từ giai cấp tư sản và thiết lập nền chuyên chính vô sản. Phải bằng cách mạng thực tiễn, chứ không phải bằng cách mạng trong tư tưởng, hay là lời tuyên bố suông để kiến lập trật tự mới, do đó, trước hết phải giành lấy chính quyền, nắm lấy quyền lực, giành lấy dân chủ mà các ông xem đó là “bước thứ nhất của cuộc cách mạng công nhân”¹.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân gắn liền với sứ mệnh của các đảng cộng sản. Việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân phụ thuộc vào vai trò lãnh đạo của các đảng mácxít chân chính. Chỉ đảng nào biết vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác phù hợp với điều kiện cụ thể của từng quốc gia, dân tộc, mới lãnh đạo được giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình.

Trong thực tế lịch sử, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại giai cấp tư sản đã nổ ra ngay từ khi

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.626.

chủ nghĩa tư bản hình thành và phát triển. Mặc dù phong trào công nhân có thể phát triển về số lượng, quy mô cuộc đấu tranh có thể được mở rộng nhưng cuối cùng đều bị thất bại vì thiếu một lý luận khoa học và cách mạng soi đường, và thiếu một chính đảng cách mạng lãnh đạo. Chỉ khi nào giai cấp công nhân đạt đến trình độ tự giác bằng cách tiếp thu lý luận khoa học và cách mạng thì lúc đó phong trào đấu tranh của giai cấp này mới thật sự là phong trào mang tính chất chính trị.

Sự ra đời của đảng bắt nguồn từ liên hợp của những người vô sản thành các đoàn thể, chuẩn bị cho những cuộc đấu tranh. Sự tổ chức ấy của những người vô sản tạo điều kiện cho sự ra đời của chính đảng vô sản. *Tuyên ngôn* cho rằng, sự ra đời của chính đảng công nhân là một tất yếu khách quan phù hợp với quy luật đấu tranh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản. Do “những cuộc xung đột cá nhân giữa công nhân và tư sản ngày càng có tính chất những cuộc xung đột giữa hai giai cấp. Công nhân bắt đầu từ việc thành lập những liên minh chống lại bọn tư sản để bảo vệ tiền công của mình. Thậm chí họ đi tới chố lập thành những đoàn thể thường trực để sẵn sàng đối phó, khi những cuộc xung đột bất thắn xảy ra”¹. “Sự tổ chức như vậy của những người vô sản thành giai cấp và do đó thành chính đảng”². Những chính đảng đó mới chỉ là đảng vô sản chứ chưa phải là Đảng Cộng sản.

Khi Đảng Cộng sản ra đời, thông qua sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân nhận thức được vai trò, vị trí của

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.608, 609.

mình trong xã hội, hiểu được con đường, biện pháp đấu tranh cách mạng, từ đó tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân lao động, thực hiện việc lật đổ chủ nghĩa tư bản, giải phóng giai cấp mình, giải phóng toàn xã hội và tổ chức xây dựng xã hội mới về mọi mặt.

Đảng Cộng sản muốn hoàn thành vai trò lãnh đạo cách mạng thì trước hết phải luôn luôn chăm lo xây dựng về tư tưởng và tổ chức, phải luôn luôn làm cho Đảng vững mạnh về chính trị, không ngừng nâng cao về trí tuệ, gắn bó với quần chúng nhân dân, có năng lực lãnh đạo và hoạt động thực tiễn.

C. Mác, Ph. Ăngghen đã phân biệt giai cấp vô sản - sản phẩm đích thực của sự đào luyện của đại công nghiệp, nó có những phẩm chất thực sự cách mạng, với tầng lớp vô sản lưu manh, - cái sản phẩm tiêu cực của sự thối rữa của những tầng lớp bên dưới nhất trong xã hội cũ, thì đây đó, có thể được cách mạng vô sản lôi cuốn vào phong trào, nhưng điều kiện sinh hoạt của họ lại khiến họ sẵn sàng bán mình cho những mưu đồ của phe phản động¹. Chính vì vậy, các ông đã khẳng định: “Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng”². Hơn nữa, từ yêu cầu bức xúc của phát triển cách mạng công nhân, các ông đã tập trung trình bày nổi bật bộ phận ưu tú, kiên quyết nhất trong giai cấp công nhân, đó là những người cộng sản.

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 610.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.610.

2. Đảng Cộng sản là tổ chức chính trị độc lập và cao nhất của giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích và trí tuệ của toàn thể giai cấp công nhân và nhân dân lao động

Trong *Tuyên ngôn*, C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ rõ: “Những người cộng sản không phải là một đảng riêng biệt, đối lập với các đảng công nhân khác. Họ tuyệt nhiên không có một lợi ích nào tách khỏi lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản”¹. Theo đó, Đảng Cộng sản chỉ là bộ phận của giai cấp công nhân, một tổ chức chính trị của giai cấp công nhân. Họ đoàn kết, tập hợp và lãnh đạo toàn bộ giai cấp công nhân phấn đấu cho lợi ích của giai cấp công nhân.

Hai ông cho rằng, Đảng Cộng sản phải là một tổ chức độc lập về chính trị, tư tưởng và tổ chức, không lệ thuộc vào giai cấp tư sản. Không có Đảng Cộng sản - hạt nhân chính trị của phong trào công nhân, thì bản thân giai cấp công nhân không thể trở thành lực lượng chính trị độc lập, cũng không thể trở thành giai cấp lãnh đạo. Tính độc lập của Đảng Cộng sản là đặc trưng, dấu hiệu và điều kiện cơ bản khẳng định giai cấp công nhân là một lực lượng chính trị độc lập, tồn tại với tư cách là một giai cấp. Tuy nhiên, Đảng Cộng sản không phải là một tổ chức biệt lập, một hội kín tách rời giai cấp công nhân, mà là bộ phận tiên phong, có gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân, mang bản chất cách mạng triệt để của giai cấp công nhân. Đảng Cộng sản là tổ chức có mục đích, nhiệm vụ rõ ràng. Mục tiêu, lý tưởng của Đảng Cộng sản là

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.614.

mục tiêu, lý tưởng của giai cấp công nhân: đó là xóa bỏ chế độ tư hữu, thiết lập quyền thống trị của giai cấp công nhân, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Mục tiêu trước mắt của các đảng cộng sản là lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản và giành lấy chính quyền.

Muốn thực hiện được điều đó, Đảng Cộng sản phải có cương lĩnh chính trị, có chiến lược, sách lược cách mạng. C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng: “đã đến lúc những người cộng sản phải công khai trình bày trước toàn thế giới những quan điểm, mục đích, ý đồ của mình; và phải có một Tuyên ngôn của đảng của mình”¹. Và *Tuyên ngôn* là cương lĩnh chính trị của Đảng Cộng sản, trong đó trình bày quan điểm, mục đích, chiến lược, sách lược của Đảng.

Hơn nữa, Đảng Cộng sản còn là tổ chức chính trị cao nhất của giai cấp công nhân. Trước khi Đảng Cộng sản ra đời, giai cấp công nhân đã lập ra nhiều tổ chức của mình², bắt đầu từ việc thành lập những liên minh chống lại bọn tư sản để bảo vệ tiền công của mình. Mỗi tổ chức thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ khác nhau nhằm phục vụ cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản. Tuy nhiên, chưa có tổ chức nào *thực sự đại biểu cho lợi ích và trí tuệ của toàn thể giai cấp công nhân và nhân dân lao động*. Vì thế, giai cấp

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.595.

2. *Đồng minh những người chính nghĩa* (thành lập năm 1836 ở Paris), đến tháng 6/1847, tại Đại hội của Đồng minh những người chính nghĩa họp ở London, theo đề nghị của Ph. Ăngghen, tổ chức này được đổi tên thành *Đồng minh những người cộng sản*. Mục đích của Đồng minh được khẳng định là lật đổ giai cấp tư sản, thiết lập sự thống trị của vô sản, thủ tiêu xã hội tư sản cũ.

công nhân vẫn đấu tranh một cách tự phát và luôn thất bại trước giai cấp tư sản. Nhu cầu thành lập Đảng Cộng sản là đòi hỏi khách quan và tất yếu của cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản.

Khi so sánh những người cộng sản và những người vô sản, C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: “Những người cộng sản chỉ khác với các đảng vô sản khác trên hai điểm: một là, trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản; hai là, trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư sản, họ luôn luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào”¹. Vì có những lợi ích cơ bản thống nhất với lợi ích của giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động, Đảng Cộng sản có thể thực hiện giác ngộ quần chúng nhân dân, đưa họ tham gia các phong trào cách mạng. Có tập hợp được quần chúng nhân dân, huy động được quần chúng tham gia các phong trào cách mạng thì những chủ trương, đường lối của Đảng mới được thực hiện và khi đó Đảng mới có sức mạnh để thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Tuy nhiên, sức mạnh để chiến thắng giai cấp tư sản và mọi kẻ thù khác không phải chỉ ở số lượng và tinh thần chiến đấu của giai cấp công nhân mà chủ yếu ở *trình độ tổ chức và giác ngộ chính trị* của nó. Điều đó thể hiện tập trung ở chính đảng cộng sản - một tổ chức bao gồm những người ưu tú nhất, giác ngộ chính trị - xã hội cao nhất, có tinh thần đấu

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.614.

tranh kiên quyết nhất của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động.

3. Đảng Cộng sản là đội tiên phong, lãnh tụ chính trị của giai cấp công nhân

Đảng Cộng sản gồm những người cộng sản chủ trương đoàn kết với các đảng khác. Họ không phải là một đảng riêng biệt đối lập với các đảng công nhân khác. Sự lớn mạnh, đoàn kết giai cấp công nhân là một quy luật lịch sử. Tuy nhiên, ở thời kỳ đó đoàn kết giai cấp công nhân không đơn giản, vì nó “luôn luôn bị sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau phá vỡ”¹. Lúc này đảng vô sản chưa là hạt nhân chính trị đoàn kết giai cấp vô sản, vì lẽ chưa là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Đây là chỗ khác nhau giữa những người cộng sản và những người vô sản nói chung.

Sự trưởng thành của giai cấp công nhân được đánh dấu bằng sự ra đời của Đảng Cộng sản. *Tuyên ngôn* khẳng định: Đảng Cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Đảng khác với toàn bộ giai cấp cũng như các đảng phái khác là ở tính tiên phong của mình. Tính tiên phong của Đảng thể hiện ở *tiên phong trong hành động thực tiễn* và *tiên phong về mặt lý luận*, “về mặt thực tiễn, những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất trong các đảng công nhân ở tất cả các nước, là bộ phận luôn luôn thúc đẩy phong trào tiến lên về mặt lý luận, họ hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ là họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.609.

của phong trào vô sản”¹. Vai trò tiên phong của Đảng bảo đảm cho Đảng tập hợp được giai cấp công nhân. Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện bảo đảm cho giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử toàn thế giới.

Trong khi khẳng định vai trò tiên phong của chính đảng cộng sản, C. Mác và Ph. Ăngghen cũng đồng thời chỉ rõ đường lối, chiến lược, sách lược của nó và nhấn mạnh rằng, chính đảng cộng sản cần phải luôn luôn hành động tùy theo những điều kiện lịch sử - cụ thể, chứ không phải theo một khuôn mẫu cứng nhắc nào đó. Còn khi đề xuất một đường lối cụ thể nào đó thì bất cứ chính đảng cộng sản nước nào cũng đều cũng phải tính đến cả những nguyên lý, nguyên tắc chiến lược, sách lược chung, nhất loạt có tính chất phổ biến, bất kể những đặc điểm nước mình là như thế nào, nghĩa là phải biết làm cho những mục tiêu trước mắt của giai cấp công nhân nước mình phục tùng những mục đích cuối cùng của giai cấp công nhân toàn thế giới, tuân thủ sự nhát trĩ giữa những nhiệm vụ quốc tế và nhiệm vụ dân tộc, ủng hộ mọi phong trào cách mạng chống lại trật tự xã hội và chính trị đã trở nên lỗi thời và phải tỏ rõ thái độ phê phán đối với những ảo tưởng, sai lầm trong đường lối cách mạng của những đồng minh của mình. Chỉ có như vậy, Đảng Cộng sản mới thực sự là đội tiên phong về lý luận và thực tiễn, mới có thể đoàn kết các đảng vô sản và đảng công nhân khác, khắc phục sự chia rẽ, phân hóa trong nội bộ giai cấp công nhân, tạo nên sự thống nhất sâu rộng trong toàn bộ phong trào công nhân, để cùng đấu tranh chống kẻ thù chung.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.614-615.

4. Đảng Cộng sản là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân và cả dân tộc

Vai trò tham mưu chiến đấu của Đảng Cộng sản thể hiện ở việc *đưa ra được những quyết định đúng đắn* của Đảng, nhất là trong những thời điểm lịch sử quan trọng. Những quyết định đúng đắn của Đảng sẽ tạo điều kiện đưa phong trào cách mạng tiến lên, ngược lại, nó có thể gây ra những tổn thất cho cách mạng. Sở dĩ Đảng Cộng sản trở thành đội tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân vì Đảng bao gồm những người tiên tiến trong giai cấp công nhân, được trang bị lý luận khoa học, cách mạng và là những người được tôi luyện trong thực tiễn phong trào cách mạng.

Nhiệm vụ của Đảng trong giai đoạn thứ nhất của cách mạng là tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp công nhân giành lấy chính quyền; trong giai đoạn thứ hai, dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, tập trung tất cả những công nhân sản xuất vào trong tay nhà nước. Nhà nước, - theo C. Mác và Ph. Ăngghen, - tức là giai cấp công nhân được tổ chức thành giai cấp thống trị. Với tư cách là giai cấp thống trị, giai cấp công nhân dùng bạo lực tiêu diệt chế độ sản xuất cũ; đồng thời tiêu diệt những điều kiện của sự đối kháng giai cấp. Nó tiêu diệt các giai cấp nói chung và cũng tiêu diệt cả sự thống trị của chính ngay giai cấp mình. Giai cấp công nhân không cố chấp về quyền lợi, về vai trò tồn tại của mình. Đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân để đưa đến xóa bỏ giai cấp và xóa bỏ mình. Đó là giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hoàn thành. Khi đó,

Đảng không còn tồn tại cùng với sự mất đi của các giai cấp là tất yếu khách quan.

5. Giai cấp công nhân là cơ sở giai cấp và nguồn bổ sung lực lượng phong phú cho Đảng Cộng sản

Giai cấp công nhân thực hiện vai trò lãnh đạo của mình thông qua Đảng Cộng sản. Tuy nhiên, không thể đồng nhất Đảng Cộng sản với giai cấp công nhân. Đảng là một tổ chức chính trị chỉ tập trung những công nhân tiên tiến, giác ngộ lý tưởng cách mạng, được trang bị lý luận cách mạng, do vậy, Đảng Cộng sản trở thành đội tiên phong, lãnh tụ chính trị và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân. Trong *Tuyên ngôn*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã phân tích quá trình hình thành, phát triển của giai cấp công nhân và quá trình đấu tranh cách mạng của họ. Là sản phẩm của nền đại công nghiệp, do đó giai cấp công nhân lớn lên cùng với sự phát triển của đại công nghiệp. Giai cấp công nhân lớn lên cả về số lượng và chất lượng, cả về nhận thức và trình độ tổ chức: từ chỗ họ không hiểu được mình là ai, mình phải làm gì và sẽ làm được những gì, đến chỗ họ tự ý thức được bản thân mình, đã hiểu mình là ai, phải làm gì và sẽ làm được những gì mà sứ mệnh lịch sử toàn nhân loại đã trao cho họ; từ chỗ không biết được kẻ thù thực sự của giai cấp mình, ngây thơ đi theo giai cấp tư sản để “đánh kẻ thù của kẻ thù của mình”¹ đến chỗ nhận thức rõ bản chất của kẻ thù, những âm mưu, thủ đoạn lừa bịp của chúng; từ chỗ không tin vào khả

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.608.

năng và lực lượng của mình đến chõ tin tưởng vào khả năng và sức mạnh vô địch của giai cấp mình, lực lượng của mình; từ chõ nội bộ có sự chia rẽ do cạnh tranh giữa họ gây nên đến sự đoàn kết cách mạng của công nhân do liên hợp lại mà có. *Tuyên ngôn* chỉ rõ: “sự phát triển của công nghiệp không những đã làm tăng thêm số người vô sản, mà còn tập hợp họ lại thành những khối quần chúng lớn hơn; lực lượng của những người vô sản tăng thêm và họ thấy rõ lực lượng của mình hơn”¹. Nói chung, những xung đột xảy ra trong xã hội cũ đã thúc đẩy quá trình phát triển của giai cấp công nhân về nhiều mặt.

Trong qua trình đấu tranh chống giai cấp tư sản, giai cấp công nhân được phát triển nhiều mặt cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu. Về lực lượng, giai cấp công nhân “được tuyển mộ trong tất cả các giai cấp của dân cư”². Đặc biệt trong những thời điểm quyết định của cuộc đấu tranh giai cấp, giai cấp công nhân đã thu hút “một bộ phận của giai cấp tư sản cũng chạy sang hàng ngũ giai cấp vô sản, đó là bộ phận những nhà tư tưởng tư sản đã vươn lên nhận thức được, về mặt lý luận, toàn bộ quá trình vận động lịch sử”³. C. Mác, Ph. Ăngghen cho rằng: “Những bộ phận ấy cũng đem lại cho giai cấp vô sản nhiều tri thức”⁴.

Những đảng viên của Đảng Cộng sản là những người công nhân giác ngộ lý tưởng cách mạng, được trang bị lý luận cách mạng, nắm được quan điểm, đường lối của Đảng, tự giác

1, 2, 3, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.608, 607, 610, 609.

gia nhập Đảng và được các tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân giới thiệu cho Đảng. Do vậy, “về mặt lý luận, họ hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ là họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung của phong trào vô sản”¹.

Đảng Cộng sản là một bộ phận gắn liền với giai cấp. Mục đích của Đảng là mục đích của giai cấp. Lợi ích của Đảng thống nhất với lợi ích giai cấp; Đảng là đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào công nhân.

Kết quả của phong trào công nhân không dừng lại ở sự ra đời của chính đảng của mình mà còn biểu hiện ở chỗ giai cấp công nhân biết hành động theo sự lãnh đạo của Đảng. Những đảng viên của Đảng Cộng sản phải là những người giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và đứng trên lập trường của giai cấp này. Và để hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân phải thường xuyên phấn đấu vươn lên, trưởng thành về các mặt tư tưởng, chính trị, lập trường giai cấp, văn hóa, khoa học công nghệ... cùng với sự phát triển không ngừng của nền sản xuất công nghiệp hiện đại.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đặt cơ sở cho học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản với tư cách là người tổ chức và lãnh đạo giai cấp công nhân. Mỗi quan hệ giữa Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân là mối quan hệ bản chất giữa bộ phận quan trọng nhất - bộ tham mưu, lãnh tụ của giai cấp công nhân với toàn thể giai

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.615.

cấp công nhân. Dù thời gian có thay đổi như thế nào, thì về bản chất, mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân vẫn không thay đổi. Điều mấu chốt, cơ bản của *Tuyên ngôn* với tính cách là Cương lĩnh chính trị của giai cấp công nhân là ở chỗ, nó đã vạch rõ giai cấp công nhân chỉ có thể trở thành giai cấp lãnh đạo thông qua Đảng Cộng sản.

**TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN GIẢI PHÓNG CON NGƯỜI
TRONG TÁC PHẨM *TUYÊN NGÔN*
*CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN***

PGS. TS. NGUYỄN THỊ NGA*

Đã 170 năm từ ngày *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* được chính thức phát hành, đến nay tác phẩm vẫn khẳng định được vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp sáng tạo của C. Mác và Ph. Ăngghen, trong kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Sự ra đời của *Tuyên ngôn* không chỉ “đánh dấu một bước tiến trong khoa học lịch sử” và mở ra một giai đoạn mới về chất trong lịch sử hình thành và phát triển tri thức của nhân loại, mà còn giống như học thuyết của Darwin (Đácuyn) trong sinh vật học, nó đã tạo ra một bước ngoặt trong tiến trình phát triển tư tưởng của nhân loại về sự cải biến xã hội bằng cách mạng. 170 năm qua, tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* được công bố và tái bản trên cả nghìn lần với hàng trăm thứ tiếng khác nhau. Không thể ngờ về sức sống mãnh liệt, khả năng truyền cảm hứng, cỗ vũ của tác phẩm cũng như ảnh hưởng to lớn của nó trong

* Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

đời sống xã hội hiện đại. Từ đó đến nay, lịch sử nhân loại đã diễn ra với biết bao biến đổi thăng trầm, song *Tuyên ngôn* vẫn luôn tồn tại với tư cách văn kiện mang tính cương lĩnh, có giá trị lịch sử và tràn đầy sức sống thực tiễn.

Cái làm nên ý nghĩa, giá trị và sức sống đó của *Tuyên ngôn*, trước hết là ở bản chất cách mạng và nội dung khoa học sâu sắc của nó. Trong *Tuyên ngôn*, những “luận điểm chủ yếu”, “tư tưởng cơ bản và chủ đạo”, nền tảng vững chắc của chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử - quan niệm duy vật về lịch sử, lần đầu tiên đã được C. Mác và Ph. Ăngghen trình bày dưới dạng hoàn chỉnh, cô đọng, súc tích và có hệ thống. Bài viết này chỉ đi vào một nội dung nhỏ nhưng cũng là điểm nhấn cơ bản trong tuyệt tác của C. Mác và Ph. Ăngghen: Tư tưởng nhân văn giải phóng con người.

Việc quan tâm đến con người, giải phóng con người, đặc biệt những con người bị áp bức, nghèo khổ là một tinh thần nhân văn nhưng cũng là một hành trình lâu dài của nhân loại. Hướng tới mục tiêu giải phóng con người, đem lại cho con người một cuộc sống tự do, hạnh phúc là khát vọng ngàn đời của nhân loại và cũng là điều quan tâm của các nhà tư tưởng ở mọi thời đại mà C. Mác và Ph. Ăngghen không chỉ là một trong những nhà tư tưởng ấy, mà còn vượt lên trên họ, trở thành một trong những nhà tư tưởng vĩ đại nhất của mọi thời đại, tìm cách hiện thực hóa mục tiêu giải phóng con người.

Tư tưởng về giải phóng nhân loại bị áp bức

Lịch sử cho thấy, từ thời kỳ Phục hưng, quan điểm lịch sử mang tính thần học đã bắt đầu chuyển sang quan điểm lịch

sử mang tính nhân bản, tạo nên bước quá độ từ quan niệm thần thánh tạo ra lịch sử sang quan niệm con người tạo ra lịch sử. Song C. Mác và Ph. Ăngghen không lấy quan điểm của chủ nghĩa nhân bản làm xuất phát điểm cho mình, hai ông không dừng lại ở việc trừu tượng hoá việc con người trở thành con người hiện thực, dừng lại ở tầng bậc ý chí, động cơ và hành vi cá nhân của con người, mà là thông qua hoạt động của con người, trong hoạt động của con người để tìm ra quy luật của lịch sử.

C. Mác và Ph. Ăngghen trải qua một quá trình nghiên cứu mà hành trình tư tưởng được ghi nhận trong hàng loạt tác phẩm thời trẻ như: *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*, *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, *Tình cảnh của giai cấp lao động Anh*, *Sự khốn cùng của triết học*, *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*. Đến đầu năm 1848, sự ra đời của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đánh dấu sự hình thành cơ bản những tư tưởng đó. Ph. Ăngghen đã chỉ rõ trong *Lời tựa cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”* xuất bản năm 1883 rằng: “Tư tưởng cơ bản và chủ đạo của “Tuyên ngôn” là: trong mọi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra, - cả hai cái đó cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy; do đó (từ khi chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy tan rã), toàn bộ lịch sử là lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa những giai cấp bị bóc lột và những giai cấp đi bóc lột, giữa những giai cấp bị trị và những giai cấp thống trị, qua các giai đoạn của sự phát triển xã hội của họ; nhưng cuộc đấu tranh ấy hiện nay đã đến một giai đoạn mà giai cấp bị bóc lột và bị áp

bức (tức là giai cấp vô sản) không còn có thể tự giải phóng khỏi tay giai cấp bóc lột và áp bức mình (tức là giai cấp tư sản) được nữa, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức và khỏi cuộc đấu tranh giai cấp”¹.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, trên cơ sở phân tích bản chất của chủ nghĩa tư bản là một xã hội dựa trên sự áp bức, bóc lột đối với người lao động, C. Mác và Ph. Ăngghen đã đánh giá một cách khách quan và toàn diện những đóng góp, vai trò lịch sử của giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản. Các ông đã nêu được tính tất yếu của quá trình vận động, phát sinh, phát triển và mâu thuẫn cơ bản trong lòng chủ nghĩa tư bản, đồng thời các ông cũng chỉ ra xu thế vận động tất yếu của nó là phải giải quyết mâu thuẫn ấy như một tất yếu lịch sử. Đồng thời với quá trình đó, các ông chỉ ra sự lớn mạnh của giai cấp vô sản trong quá trình vận động của chủ nghĩa tư bản và vai trò của nó với tư cách là lực lượng xã hội sẽ giải quyết mâu thuẫn cơ bản ấy, thực hiện cuộc cách mạng vô sản, xây dựng xã hội mới - xã hội cộng sản chủ nghĩa, giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội. *Tuyên ngôn* khái quát: “Tất cả những phong trào lịch sử, từ trước đến nay, đều là do thiểu số thực hiện, hoặc đều mưu lợi ích cho thiểu số. Phong trào vô sản là phong trào độc lập của khối đại đa số, mưu lợi ích cho khối đại đa số”².

Phác họa mô hình xã hội mà trong đó con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột

Một trong những giá trị quan trọng trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là việc C. Mác và Ph. Ăngghen phác họa

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.11-12, 611.

mô hình xã hội mà trong đó con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, có điều kiện để được phát triển toàn diện. Trong tác phẩm có thể hình dung các nét cơ bản của xã hội mới ấy:

Đó là xã hội mà “giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất”¹. Chỉ khi lực lượng sản xuất được giải phóng thì mới có năng suất cao, sản phẩm xã hội dồi dào. Đó là con đường tất yếu để xây dựng xã hội mới.

Đó là xã hội ở đó không có điều kiện tồn tại của sự đối kháng giai cấp, “tước bỏ quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác”².

Đó là xã hội ở đó các cá nhân được phát triển tự do, phát triển hài hòa về mặt lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng. Xã hội đó được phác thảo: “Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”³.

Đó là xã hội có được môi trường, điều kiện, cơ hội để cá nhân và cộng đồng cùng phát triển. Ở đây, vấn đề giải phóng con người không chỉ dừng lại ở việc xóa bỏ áp bức, bóc lột, thiết lập những quan hệ tự do, công bằng giữa người với người, mang lại những cơ sở vật chất và tinh thần bảo đảm cho cuộc sống con người. Xa hơn nữa và nhân văn hơn nữa, theo tinh thần của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, giải phóng con người còn bao gồm việc giáo dục và tạo ra các điều kiện cho mỗi con người có thể phát triển toàn diện những

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.626, 618, 628.

khả năng của mình. Để đạt tới mục đích đó, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* không chỉ đề ra những chiến lược mà còn cả sách lược với những biện pháp trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục... hướng tới xã hội mất dần sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị; thực hiện giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả trẻ em¹.

Trong tác phẩm, các ông cũng chỉ rõ, xây dựng xã hội mới, Đảng Cộng sản cần tăng cường giáo dục ý thức giai cấp và khi có thời cơ cần biết sử dụng những điều kiện chính trị và xã hội do sự thống trị của giai cấp tư sản tạo ra, như là vũ khí chống lại giai cấp tư sản².

Điều đó cho thấy, tư tưởng cốt lõi của *Tuyên ngôn* là giải phóng xã hội, giải phóng con người; tạo điều kiện để cá nhân và cộng đồng giai cấp, dân tộc phát triển, là những kiến giải cơ bản để có thể xoá bỏ được áp bức, bóc lột.

Cũng cần phải nói thêm rằng, C. Mác và Ph. Ăngghen luôn xuất phát từ quan điểm lịch sử, cụ thể để nhìn nhận những vấn đề đặt ra trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Theo quan điểm ấy, việc vận dụng những nguyên lý lý luận bao giờ cũng phải được đặt trong những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”* xuất bản năm 1872, C. Mác và Ph. Ăngghen viết: “Mặc dù hoàn cảnh đã thay đổi nhiều trong hai mươi lăm năm qua, nhưng cho đến nay, xét về đại thể, những nguyên lý tổng quát trình bày trong “Tuyên ngôn” này vẫn còn hoàn toàn đúng... Chính ngay “Tuyên

1, 2. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.628, 645.

ngôn” cũng đã giải thích rõ ràng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đấy, không nên quá câu nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II¹. Trong *Lời tựa cho bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”* ở London, Ph. Ăngghen đã một lần nữa nhắc lại nguyên văn đoạn văn trên. Điều đó cho thấy tư tưởng nhân văn giải phóng con người là tư tưởng chủ đạo xuyên suốt, tuy nhiên tùy từng hoàn cảnh, tùy từng điều kiện lịch sử, tùy theo thực tiễn cách mạng của mỗi quốc gia, dân tộc mà các nội dung, mục tiêu cụ thể sẽ được đặt ra và giải quyết. Trong những hoàn cảnh cụ thể, các ông có nhán mạnh đến đấu tranh giai cấp hay việc dùng bạo lực... cũng là những giải pháp cụ thể trong việc thực hiện các mục tiêu nhân văn vì con người. Điều đó là sự minh chứng thêm định hướng tư tưởng và nguồn cảm hứng nhân văn chủ nghĩa vốn có ở C. Mác và Ph. Ăngghen không thuần túy chỉ là khát vọng, mà các ông còn xây dựng các chiến lược, sách lược để hiện thực hóa tư tưởng nhân văn giải phóng con người. Quá trình theo đuổi mục tiêu nhân văn ấy không dừng lại trong tư tưởng, hay tồn tại trong thế giới ảo nào đó mà là chính trong hiện thực xã hội với những nhà nước, những con người với những quan hệ xã hội hết sức cụ thể của nó. Xã hội tốt đẹp tạo ra môi trường, cơ hội, điều kiện để cá nhân cũng như cộng đồng cùng phát triển, ở đó giai cấp vô sản giải phóng mình và qua đó, giải phóng toàn thể xã hội.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.524.

Thực tế thời gian qua, thái độ của chủ nghĩa Mác đối với chủ nghĩa nhân văn đã có lúc trở thành đối tượng của những cuộc tranh luận gay gắt. Có ý kiến cho rằng, chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa nhân văn là những loại trừ lẫn nhau. Họ cho rằng, tinh hoa trong chủ nghĩa nhân văn của Mác chỉ có trong các tác phẩm đầu tay của ông và trước hết trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844* và một số tác phẩm khác trong thời kỳ C. Mác còn trẻ, sau này, ông đã từ bỏ do tác động của những hoàn cảnh khác nhau, sau khi cống hiến toàn bộ công sức vào việc xây dựng học thuyết kinh tế, học thuyết đấu tranh giai cấp và sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản... Những quan niệm như vậy đã khiến một số người tỏ ra hoài nghi tinh thần nhân văn của chủ nghĩa Mác.

Thế giới hiện đại ngày nay đã có những bước tiến dài, nhân loại đã nâng cao khả năng đáp ứng các nhu cầu của con người ở một trình độ mới. Năng lực hợp tác, tương trợ lẫn nhau của nhân loại đã mang tính toàn cầu. Tuy nhiên, không thể phủ nhận sự bất công vẫn tồn tại một cách phổ biến không chỉ ở những nước nghèo mà ngay tại các nước giàu có. Nghiên cứu của Allen W. Wood chỉ ra rằng: "Phần lớn mọi người đều cho rằng Mỹ là quốc gia giàu có nhất trên thế giới, nhưng đó cũng là quốc gia bất bình đẳng nhất trên thế giới: 400 người giàu nhất nước Mỹ sở hữu khối lượng tài sản cao hơn tổng số tài sản của 150 triệu người nghèo nhất. Những người giàu nhất chiếm 1% dân số nhưng lại sở hữu hơn 1/3 tổng khối lượng tài sản của toàn xã hội, vượt quá tổng khối lượng tài sản của những người có thu nhập thấp nhất nước Mỹ - đối tượng chiếm tới 95% dân số. Những "ông lớn" này sở

hữu khối lượng tài sản giá trị 42.700 tỷ USD, cao hơn tổng giá trị tài sản của 3 tỷ người có thu nhập thấp nhất trên toàn thế giới”¹. Thực tế này cho thấy để thực hiện mục tiêu nhân văn giải phóng con người là điều không dễ dàng. Đây là quá trình lâu dài, khó khăn, phức tạp, đòi hỏi bản lĩnh, trí tuệ, tầm nhìn và sự kiên định của những người mácxít trước những biến thiên của thời cuộc.

Đến nay, với thái độ khoa học, lịch sử và cụ thể, chúng ta có thể khẳng định rằng, mặc dù hoàn cảnh đã thay đổi, nhưng những tư tưởng cơ bản, trong đó có tư tưởng về giải phóng con người trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vẫn giữ nguyên giá trị. Đó là tư tưởng khoa học, mang tính nhân văn cao cả và phù hợp với nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân lao động trên toàn thế giới. Đó cũng là tinh thần khoa học và nhân văn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta kế thừa, vận dụng trong thực tiễn giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân Việt Nam từ người lê thuộc thành người tự do, xây dựng một đất nước Việt Nam mới, ở đó con người Việt Nam được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, phát triển toàn diện.

Từ những chỉ dẫn của *Tuyên ngôn*, từ thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy, để thực hiện mục tiêu ấy, đòi hỏi chúng ta phải vận dụng sáng tạo, có chiến lược, giải pháp hợp lý trên các lĩnh vực đời sống xã hội, xuất phát từ điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của nước ta để từng bước thực hiện

1. Dẫn theo Allyn Fives và Keith Breen (Chủ biên): *Triết học và sự tham gia chính trị: Nhìn từ lĩnh vực công*, Nxb. Palgrave Macmillan, 2016.

mục tiêu giải phóng, phát triển con người toàn diện. Nhìn lại thực tế lịch sử cũng như công cuộc xây dựng, phát triển đất nước hiện nay, có thể khẳng định, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, đất nước ta, dân tộc ta đã đạt được những thành tựu to lớn trên con đường giải phóng dân tộc, vì sự phát triển toàn diện con người Việt Nam. Trong quá trình đổi mới, với nỗ lực không ngừng của toàn Đảng, toàn dân, với thông điệp như Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nhiều lần đề cập, “không để ai bị ở lại phía sau” cho phép chúng ta càng vững tin hơn vào những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, vào con đường cách mạng mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn, vào sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

Phần thứ hai

GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN THẾ GIỚI VÀ GIÁ TRỊ THỜI ĐẠI

TS. LÊ ĐỨC HOÀNG*

1. Chủ nghĩa tư bản nảy sinh, phát triển trong lòng xã hội phong kiến, làm xuất hiện những mâu thuẫn, dẫn đến bùng nổ các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại. Mở đầu là cách mạng tư sản Netherlands (Nederland, Hà Lan) giữa thế kỷ XVI, tiếp đến là cách mạng tư sản Anh nửa đầu thế kỷ XVII, đấu tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ, cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, cải cách nông nô ở Nga và nội chiến ở Mỹ giữa thế kỷ XIX, đấu tranh thống nhất Đức, Italia nửa cuối thế kỷ XIX... Tiếp sau cuộc cách mạng trên lĩnh vực chính trị - xã hội, các nước tư bản tiến hành cách mạng công nghiệp, từng bước xác lập phương thức sản xuất mới, đưa chủ nghĩa tư bản trở thành hệ thống thế giới.

Cùng với sự phát triển của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân ngày càng đông đảo về số lượng, trưởng thành về tổ chức, phát triển về chất trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản, lật đổ

* Ban Tuyên giáo Trung ương.

chủ nghĩa tư bản, xây dựng xã hội mới tốt đẹp hơn. Sự tương phản, hố ngăn cách giữa tư sản và công nhân là ngọn nguồn dẫn đến bùng nổ các cuộc đấu tranh của công nhân. Lúc đầu, công nhân nhầm tưởng nguồn gốc đau khổ của mình là do máy móc nên tiến hành đập phá máy móc, công xưởng. Dần dần, họ nhận ra máy móc không phải là kẻ thù nên tiến đến hình thức đấu tranh bãi công, xây dựng tổ chức công đoàn. Từ những năm 1830, 1840, ở một số nước tư bản phát triển, giai cấp công nhân đã đấu tranh đòi thực hiện những yêu sách về kinh tế lẫn chính trị, bắt đầu bước lên vũ đài chính trị với tư cách là một lực lượng xã hội độc lập. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của công nhân dệt ở thành phố Lyon (Lyông) ở Pháp (1831 - 1834) với khẩu hiệu: “Sống có việc làm hay chết trong chiến đấu” và “Cộng hòa hay là chết”; cuộc nổi dậy của công nhân dệt vùng Silésie (Xilêdi) ở Đức năm 1844; đặc biệt là phong trào Hiến chương ở Anh kéo dài 10 năm (1838 - 1848), công bố bản Hiến chương 6 điểm đòi: 1. Thực hiện quyền phổ thông đầu phiếu (đối với nam giới 21 tuổi trở lên); 2. Phân chia khu vực bầu cử bình đẳng; 3. Bỏ phiếu kín; 4. Xóa bỏ mọi hình thức thuế đối với điều kiện ứng cử nghị viên; 5. Trả lương cho nghị viên; 6. Hàng năm bầu cử quốc hội¹.

Phong trào công nhân phát triển đòi hỏi cần có hệ thống lý luận soi đường, có tổ chức lãnh đạo nhằm đạt tới mục đích cách mạng. Mặc dù ở nửa đầu thế kỷ XIX, xuất hiện tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng phê phán, đại diện là

1. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng: *Lịch sử thế giới cận đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997, tr.137.

Saint Simon, Charles Fourier ở Pháp và Robert Owen ở Anh nhưng đây chỉ là không tưởng, vì chưa xác định được lực lượng đóng vai trò chính và chưa chỉ ra cách thức khoa học để biến ước mơ xóa bỏ xã hội tư bản, xây dựng xã hội mới tốt đẹp thành hiện thực. Trong bối cảnh đó, thông qua những hoạt động tích cực của C. Mác và Ph. Ăngghen, từng bước làm thay đổi nhận thức và hoạt động của giai cấp công nhân. Mùa hè năm 1847, tại Đại hội lần thứ nhất của tổ chức “Đồng minh những người chính nghĩa”¹ ở London, C. Mác và Ph. Ăngghen đã có công lớn trong việc khởi thảo nội dung *Dự thảo điều lệ* và *Dự thảo cương lĩnh* của Đồng minh. Đại hội quyết định đổi “Đồng minh những người chính nghĩa” với khẩu hiệu “Tất cả mọi người đều là anh em” thành “Đồng minh những người cộng sản” với khẩu hiệu “Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại”. C. Mác, Ph. Ăngghen được ủy nhiệm soạn thảo Cương lĩnh của Đồng minh, với tên gọi ban đầu là *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*². Cuối tháng 11 đầu tháng 12/1847, Đại hội lần thứ hai của “Đồng minh những người cộng sản” ủy quyền cho C. Mác và Ph. Ăngghen soạn thảo Cương lĩnh để công bố dưới hình thức một bản tuyên ngôn. Nhận nhiệm vụ của Đại hội, chỉ trong hai tháng, C. Mác và Ph. Ăngghen soạn thảo xong Cương lĩnh, lấy tiêu đề là *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. *Tuyên ngôn* được xuất

1. Đây là tổ chức chính trị bí mật của những người thợ thủ công Đức ra đời tại Paris (Pháp) từ năm 1836.

2. Trần Kỳ Mỹ và các tác giả: *Vấn đề chủ nghĩa xã hội khoa học trong tác phẩm của C. Mác - Ph. Ăngghen, V.I. Lê nin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.173.

bản lần đầu tiên bằng tiếng Đức tại London vào tháng 2/1848, có kết cấu nội dung chính gồm 4 phần¹, chính thức ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học.

2. Tuyên ngôn là tác phẩm có tầm ảnh hưởng trên phạm vi toàn thế giới, “có đầy đủ chi tiết, vừa về mặt lý luận, vừa về mặt thực tiễn”², “trình bày công khai mục đích, nhiệm vụ, những biện pháp cách mạng, nguyên tắc chiến lược, sách lược của những người cộng sản và giai cấp vô sản nhằm lật đổ giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa cộng sản”³. Đây là cương lĩnh chính trị đầu tiên của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, là ánh sáng soi đường, ngọn cờ tập hợp, dẫn dắt giai cấp công nhân thế giới thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình. Tính chất cương lĩnh của Tuyên ngôn đối với giai cấp công nhân quốc tế thể hiện ở nhiều khía cạnh, nhưng cần nhấn mạnh một số điểm nổi bật sau đây:

Một là, Tuyên ngôn chỉ rõ quy luật phát triển khách quan của xã hội loài người vận động qua các cuộc đấu tranh giai cấp, khẳng định xã hội tư bản sẽ bị thay thế bởi xã hội cộng sản, đưa xã hội loài người tiến lên một bước.

Tuyên ngôn chỉ rõ vị trí, ý nghĩa của nền sản xuất vật chất, lợi ích kinh tế của các giai cấp và đấu tranh giai cấp

1. Phần I: Tư sản và vô sản; phần II: Những người vô sản và những người cộng sản; phần III: Văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa; phần IV: Thái độ của những người cộng sản đối với các đảng đối lập.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.127.

3. Trần Chí Mỹ và các tác giả: *Vấn đề chủ nghĩa xã hội khoa học trong tác phẩm của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin, Sđd*, tr.194.

trong tiến trình lịch sử; giải thích vai trò của những kiến trúc thượng tầng - tư tưởng chính trị, pháp lý, triết học, tôn giáo và những tổ chức, thiết chế tương ứng của chúng; chỉ rõ trọng trách của giai cấp công nhân quốc tế đối với tiến trình phát triển lịch sử nhân loại. Bởi vì, từ khi xã hội loài người phân chia giai cấp, thì diễn ra cuộc đấu tranh của các giai cấp đối lập nhau về quyền, lợi ích, địa vị xã hội. Đó là cuộc đấu tranh giữa những “Người tự do và người nô lệ, quý tộc và bình dân, chúa đất và nông nô, thợ cả phường hội và thợ bạn, nói tóm lại, những kẻ áp bức và những người bị áp bức, luôn luôn đối kháng với nhau, đã tiến hành một cuộc đấu tranh không ngừng, lúc công khai, lúc ngầm ngầm, một cuộc đấu tranh bao giờ cũng kết thúc hoặc bằng một cuộc cải tạo cách mạng toàn bộ xã hội, hoặc bằng sự diệt vong của hai giai cấp đấu tranh với nhau”¹. Nhưng ở mỗi thời đại lại có giai cấp tiêu biểu đứng ở trung tâm và diễn ra đấu tranh giai cấp trong những điều kiện mới. Xã hội tư sản hiện đại sinh ra từ trong lòng xã hội phong kiến đã bị diệt vong, không xóa bỏ được những đối kháng giai cấp. Nó chỉ đem những giai cấp mới, những điều kiện áp bức mới, những hình thức đấu tranh mới thay thế cho những giai cấp, những điều kiện áp bức, hình thức đấu tranh cũ mà thôi. Nỗi cộm lên hai giai cấp lớn hoàn toàn đối lập với nhau là giai cấp tư sản và giai cấp vô sản².

Tuyên ngôn chỉ cho giai cấp công nhân thấy rõ mâu thuẫn sâu sắc trong xã hội tư bản. Với sự phát triển của chủ

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.596-597.

2. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.597.

nghĩa tư bản, giai cấp tư sản nắm gần như toàn bộ sở hữu tư liệu sản xuất và của cải vật chất, thực hiện bóc lột và áp bức tàn bạo đối với giai cấp vô sản làm thuê, nên cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản đã và đang diễn ra quyết liệt. Chính phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa làm cho giai cấp vô sản ngày càng phát triển và trưởng thành về ý thức đấu tranh, về lợi ích và con đường đi tới để xóa mọi áp bức, bất công. Thế là giai cấp tư sản đã từng đóng vai trò cách mạng trong lịch sử lại trở thành lực lượng phản động khi họ áp bức, bóc lột thậm tệ giai cấp vô sản, những người lao động, với các dân tộc thuộc địa nói chung. Trọng trách giải phóng sự bóc lột, áp bức của giai cấp tư sản không thể đặt lên vai ai khác là giai cấp vô sản mà công nhân là nòng cốt. Bởi vì “Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng”¹.

Tuyên ngôn vạch rõ quy luật vận động tất yếu của xã hội loài người sẽ đi tới chủ nghĩa cộng sản, từ khi có giai cấp, lịch sử xã hội loài người là lịch sử đấu tranh giai cấp, biểu hiện bên ngoài là sự thay thế các hình thái kinh tế - xã hội kế tiếp nhau, “giai cấp tư sản sản sinh ra những người đào huyệt chôn chính nó. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”². Những luận điểm có tính chất của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử ấy làm cơ sở phương pháp luận cho giai cấp công nhân quốc tế thực hiện sứ mệnh của mình.

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.610, 613.

Hai là, Tuyên ngôn chỉ rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản, trong đó giai cấp công nhân là lực lượng nòng cốt đi tiên phong lật đổ giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản, thiết lập xã hội cộng sản, giải phóng giai cấp và rộng hơn là giải phóng xã hội, giúp các dân tộc thoát khỏi mọi áp bức, bóc lột, nô dịch, đưa con người tiến đến cuộc sống tự do, hạnh phúc.

Giai cấp vô sản làm thuê dần dần phát triển, lớn mạnh cùng với sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Công nhân là giai cấp mà đại công nghiệp “tuyển lựa” từ trong các tầng lớp dân cư, giai cấp vô sản và là con đẻ của nền đại công nghiệp. Cuộc sống của họ phụ thuộc tất cả vào sự phát triển của nền sản xuất đại công nghiệp và những biến động của thị trường tư bản chủ nghĩa. Đại công nghiệp càng phát triển thì giai cấp vô sản, giai cấp công nhân càng phát triển, có sức mạnh về tổ chức, giác ngộ ý thức giai cấp. Họ là giai cấp duy nhất đối lập thật sự với giai cấp tư sản và đủ sức đứng lên chống lại tư sản cùng thiết chế nhà nước của nó, xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng xã hội mới. Bởi vậy, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động khỏi ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản, xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng một tương lai tốt đẹp, đó là chủ nghĩa xã hội và tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân do vị trí kinh tế - xã hội của họ trong lịch sử quy định. Họ không có tài sản, phải bán sức lao động cho tư sản, phải chịu hết mọi sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lén xuống của thị trường. Những

người vô sản chẳng có cái gì là của mình để bảo vệ, họ phải phá hủy hết thảy những cái gì từ trước tới nay vẫn bảo đảm và bảo vệ cho chế độ tư hữu. Đoàn kết thống nhất là một thuộc tính cơ bản của giai cấp vô sản để đấu tranh chống giai cấp tư sản. Nhưng, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân là một quá trình trải qua nhiều giai đoạn từ thấp đến cao, từ tự phát đến tự giác, từ chưa có tổ chức đến thành lập tổ chức sơ khai, tất yếu phải thành lập Đảng Cộng sản.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản không chỉ giải phóng giai cấp mình mà còn giải phóng nhân dân lao động, giải phóng các dân tộc bị áp bức và toàn thể nhân loại vì một xã hội bình đẳng, văn minh. Không chỉ giai cấp công nhân bị chủ nghĩa tư bản thống trị, bóc lột mà các tầng lớp nhân dân lao động, các dân tộc phát triển sau cũng bị chủ nghĩa tư bản lôi cuốn vào mục đích khai thác thuộc địa, bị giai cấp tư sản thống trị và nô dịch, nên cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân không tách rời cuộc đấu tranh dân tộc, không chỉ dừng lại trong phạm vi một nhà máy, quốc gia mà phải là phạm vi quốc tế. Đây là một nội dung rất quan trọng chi phối tiến trình cách mạng của các dân tộc từ sau khi *Tuyên ngôn* ra đời, nhất là trong thế kỷ XX và điều kiện hiện nay.

Ba là, Tuyên ngôn chỉ ra phương pháp khoa học cho giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình, tất yếu phải có chính đảng cộng sản lãnh đạo, tiến hành bạo lực cách mạng, thực hiện chuyên chính vô sản, xây dựng khối liên minh công - nông, tạo dựng đoàn kết vô sản toàn thế giới.

Tuyên ngôn chỉ rõ, giai cấp công nhân không thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử nếu không tổ chức thành chính đảng vô sản. Đảng Cộng sản được hình thành và phát triển xuất

phát từ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân để bảo đảm cho họ hoàn thành sứ mệnh mà lịch sử đang giao phó. Sự ra đời của Đảng Cộng sản là tất yếu do yêu cầu cần có một tổ chức giáo dục, rèn luyện, tập hợp giai cấp, tạo ra sức mạnh cho giai cấp công nhân lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản giành lấy chính quyền, xây dựng xã hội mới. Sự tồn tại, phát triển của Đảng cũng vì sứ mệnh của giai cấp công nhân. Trong cuộc đấu tranh, Đảng Cộng sản không chỉ tập hợp hàng ngũ giai cấp vô sản mà cả các tầng lớp trung gian, những nhà tiểu công nghiệp, tiểu thương, thợ thủ công, nông dân. Song, khi sắp rơi vào hàng ngũ vô sản, họ đã tự nguyện từ bỏ quan điểm của chính họ để đứng trên quan điểm của giai cấp vô sản, bảo vệ lợi ích chính đáng tương lai của họ. Hơn nữa, khi cuộc đấu tranh giai cấp tiến gần tới giờ quyết định, giai cấp thống trị bị phân hóa, một bộ phận nhỏ tách ra khỏi giai cấp này đi theo giai cấp vô sản.

Để giành được chính quyền, giai cấp vô sản chỉ có một con đường duy nhất là làm cách mạng vô sản bằng bạo lực, phải thực hiện chuyên chính vô sản. Trong cuộc cách mạng, giai cấp công nhân trước hết phải giành lấy chính quyền, trở thành giai cấp thống trị, rồi mới sử dụng chính quyền ấy để từng bước đoạt lấy toàn bộ tư bản của giai cấp tư sản. Tuyên ngôn chỉ rõ, những người cộng sản “công khai tuyên bố rằng mục đích của họ chỉ có thể đạt được bằng cách dùng bạo lực lật đổ toàn bộ trật tự xã hội hiện hành”¹. Tuy trong *Tuyên ngôn* không dùng thuật ngữ chuyên chính vô sản, nhưng

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.646.

cách diễn đạt nội dung đã hình thành quan niệm về chuyên chính vô sản. "... bước thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ"¹. Tiếp đó, "Giai cấp vô sản sẽ dùng lấy sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước"² của giai cấp vô sản. Từ đó, *Tuyên ngôn* nêu lên mười biện pháp cách mạng để giai cấp vô sản thực hiện được mục tiêu ấy.

Giai cấp vô sản không thể giải phóng mình nếu không đồng thời giải phóng toàn xã hội, trước hết được tổ chức trên địa bàn quốc gia, dân tộc, nhưng để chiến thắng giai cấp tư sản thì những cuộc đấu tranh của công nhân bao giờ cũng mang bản chất quốc tế, chống lại giai cấp tư sản vốn dĩ là một thế lực mang tính quốc tế. *Tuyên ngôn* chỉ rõ: "Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc. Đương nhiên là trước hết, giai cấp vô sản phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã"³ và "giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc"⁴; "xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ"⁵. Muốn vậy, "những người cộng sản ở mọi nơi đều phấn đấu cho sự đoàn kết và sự liên hợp của các

1, 2, 3, 4, 5. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.626, 626, 611, 623-624, 624.

đảng dân chủ ở tất cả các nước”¹. Tinh thần ấy thể hiện rõ trong khẩu hiệu kết thúc nội dung của *Tuyên ngôn*: “VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NUỐC, ĐOÀN KẾT LẠI!”².

3. Phát hiện ra vai trò, sứ mệnh của giai cấp vô sản; vạch rõ giai cấp vô sản phải thực sự làm gì và làm bằng cách nào để tự giải phóng mình và giải phóng nhân loại khỏi áp bức, bóc lột, bất công chính là ý nghĩa to lớn của *Tuyên ngôn*. Từ lúc ra đời đến nay, *Tuyên ngôn* luôn là lời hiệu triệu, ngọn cờ thức tỉnh, tập hợp sức chiến đấu đầy khí phách của giai cấp công nhân, nhân dân lao động trên con đường thực hiện lý tưởng cộng sản, làm xuất hiện chủ nghĩa xã hội hiện thực từ 100 năm nay. Cho nên, nó không chỉ có ý nghĩa lịch sử mà còn có giá trị thời đại sâu sắc.

Lịch sử hiếm thấy tác phẩm nào lại có ảnh hưởng sâu sắc đến tiến trình phát triển của cách mạng thế giới như *Tuyên ngôn*. Dưới ánh sáng của *Tuyên ngôn*, cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc hướng theo quỹ đạo của cách mạng vô sản xuất hiện, phát triển ở nhiều nước. Nếu như giữa thế kỷ XIX, chủ nghĩa cộng sản còn là “Một bóng ma đang ám ảnh châu Âu”³ như các thế lực phản động rêu rao, thì sự ra đời của *Tuyên ngôn* cho thấy cái bóng ma ấy trở thành một thực thể có đầy đủ khuôn hình và ngày càng lan tỏa, thổi bùng lên các cuộc cách mạng vô sản chấn động thế giới, thu phục được sự ủng hộ, đồng tình của nhân loại tiến bộ. Từ đứa con đầu lòng là Công xã Paris năm 1871 đến Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 vĩ đại, Nhà nước xã hội

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.646, 646, 595.

chủ nghĩa Liên Xô năm 1922 trở thành tâm điểm, đầu tàu cho những nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa hướng về phán đấu. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), với thắng lợi của hàng loạt cuộc cách mạng kiểu mới ở châu Âu, châu Á và khu vực Mỹ Latinh, chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới, tạo nên đối trọng đáng gờm với thế giới tư bản, tác động mạnh mẽ đến sự điều chỉnh chính sách của chủ nghĩa tư bản.

Sự ra đời của *Tuyên ngôn* kéo theo xuất hiện chủ nghĩa xã hội hiện thực trong thế kỷ XX, đến nay vẫn vấp phải sự tấn công không ngừng nghỉ của chủ nghĩa tư bản và các thế lực thù địch. Sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc, nhất là âm mưu “diễn biến hòa bình” và do những sai lầm cùng sự phản bội của một số người lãnh đạo ở một số đảng cộng sản làm cho mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Đông Âu tan rã, sụp đổ vào thập niên cuối thế kỷ XX. Từ đó, chủ nghĩa tư bản và nhiều người khác tự rêu rao chủ nghĩa xã hội chính thức kết thúc sứ mệnh, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* cũng khép lại vai trò, ý nghĩa. Nhưng thực tế lại khác, các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, trong đó có Trung Quốc, Việt Nam đã và đang kiên định con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội theo đường lối cải cách mở cửa, đổi mới đang chứng minh sức sống của chủ nghĩa xã hội và tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin mà *Tuyên ngôn* đã vạch.

Trải qua 170 năm (02/1848 - 02/2018), tình hình thế giới có nhiều biến đổi, lại vấp phải những sóng gió từ các lực lượng thù địch tấn công, xuyên tạc, có một số điểm của *Tuyên ngôn* không hẳn phù hợp với xã hội đương đại, như tác giả của nó thừa nhận trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn*

của *Đảng Cộng sản*” xuất bản năm 1872 rằng “cương lĩnh này có một số điểm đã cũ”¹. Nhưng sức sống của *Tuyên ngôn* vẫn rất mãnh liệt, tư tưởng của *Tuyên ngôn* chứng minh được giá trị khoa học và thực tiễn. *Tuyên ngôn* vẫn là cơ sở lý luận bền vững, “không một phút nào *Đảng Cộng sản* lại quên giáo dục cho công nhân một ý thức hết sức sáng rõ về sự đối kháng kịch liệt giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản”². *Tuyên ngôn* mãi mãi là cương lĩnh, kim chỉ nam hành động của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Những nguyên lý cơ bản trong *Tuyên ngôn* về vai trò, sứ mệnh của giai cấp vô sản vẫn hoàn toàn đúng trong giai đoạn hiện nay. Nó đã, đang và vẫn là cương lĩnh, kim chỉ nam, cổ vũ và thúc đẩy giai cấp công nhân hiện đại trên toàn thế giới tiếp tục bước trên con đường mà C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin đã vạch để hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Vì vậy, sau khi Ph. Ăngghen từ trần, V.I. Lênin tiếp tục khẳng định: “Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng hàng bộ sách: tinh thần của nó, đến bây giờ, vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh”³.

Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong *Tuyên ngôn* đã góp phần tăng cường thức tỉnh, giáo dục tinh thần cách mạng triệt để cho giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động trên toàn thế giới. Con đường cách mạng và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân mà *Tuyên ngôn* vạch ra đã đưa hàng tỷ quần chúng lao động, hàng loạt quốc gia, dân tộc thoát khỏi thân phận bị bóc lột, áp bức, nô

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.128; t.4, tr.645.

3. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.10.

dịch, vươn tới địa vị người làm chủ, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Con đường cách mạng mà *Tuyên ngôn* vạch ra đã biến chủ nghĩa xã hội từ lý luận thành hiện thực sinh động, chấm dứt thời đại độc tôn của chủ nghĩa tư bản, mở ra trang sử mới cho lịch sử loài người - trang sử đấu tranh vì những mục tiêu cao cả là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Trong điều kiện mới, cho dù chủ nghĩa tư bản có thay đổi, thích nghi và phát triển như thế nào, nhưng bản chất của nó vẫn không thay đổi. Không những thế, sự bóc lột và bản chất phản động đang được chủ nghĩa tư bản ra sức mở rộng đến các nước đang phát triển bằng các hình thức nô dịch và chủ nghĩa cường quyền mới về chính trị, kinh tế và quân sự. Dù có thể tận dụng những thành tựu cách mạng khoa học công nghệ hiện đại để phát triển, nhưng chủ nghĩa tư bản không thể thích nghi mãi được.

Sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản, của Đảng Cộng sản mà C. Mác, Ph. Ăngghen đề ra trong *Tuyên ngôn*, sau đó được V.I. Lê nin, Chủ tịch Hồ Chí Minh bổ sung, phát triển đang là nội dung chúng ta phấn đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Ngày nay, giai cấp công nhân Việt Nam đã có nhiều thay đổi và phát triển về số lượng, chất lượng, cơ cấu và địa vị lịch sử, vai trò trong xã hội. Dù còn nhiều hạn chế, nhưng giai cấp công nhân Việt Nam thông qua chính đảng của mình vẫn là giai cấp duy nhất lãnh đạo cách mạng, đưa sự nghiệp đổi mới đất nước đến thắng lợi hoàn toàn. Vai trò lãnh đạo, bản chất cách mạng và tính tiên phong của giai cấp công nhân không hề thay đổi. Những tư tưởng của *Tuyên ngôn* về sứ mệnh lịch sử

của giai cấp công nhân cùng với thực tiễn lãnh đạo cách mạng trong suốt 88 năm nay là cơ sở cho phép chúng ta khẳng định và tin tưởng vào vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. Bởi vậy, Ban Chấp hành Trung ương Đảng có riêng Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/01/2008 về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong đó khẳng định: “Xây dựng giai cấp công nhân nước ta lớn mạnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị, của mỗi người công nhân và của toàn xã hội.

Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp.

Giai cấp công nhân nước ta có sứ mệnh lịch sử to lớn: Là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.43-44.

VỀ BIỆN PHÁP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG *TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN* GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN HIỆN NAY

PGS. TS. ĐỖ THỊ THẠCH*
TS. NGUYỄN THỊ THU HUYỀN**

Cách đây tròn 170 năm (1848 - 2018), tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* do C. Mác và Ph. Ăngghen soạn thảo chính thức được công bố trước toàn nhân loại, đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa Mác nói chung, chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng. *Tuyên ngôn* đã trở thành văn kiện có tính cương lĩnh của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và những người viết ra nó, C. Mác và Ph. Ăngghen trở thành lãnh tụ, người thầy của giai cấp công nhân trên toàn thế giới. *Tuyên ngôn* là ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản, tiến hành cuộc cách mạng nhằm tự giải phóng mình và giải phóng toàn nhân loại khỏi ách thống trị tư bản chủ nghĩa, xây dựng một xã hội hoàn toàn khác về chất - xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa trên phạm vi thế giới.

* , ** Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Luận điểm quan trọng và xuyên suốt trong *Tuyên ngôn* của hai ông là chủ nghĩa xã hội tất yếu sẽ thay thế chủ nghĩa tư bản và “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”¹. Đó là xu hướng tất yếu của lịch sử loài người.

Để thực hiện được “hai tất yếu” nêu trên, Mác và Ăngghen đã chỉ ra *cách thức, biện pháp* mà giai cấp vô sản phải thực hiện. Hai ông nhấn mạnh, thông qua cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân tiến hành xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và đời sống tinh thần của chủ nghĩa xã hội thông qua hai bước.

Trước hết, theo hai ông, những người vô sản phải tự tổ chức thành giai cấp và chính đảng, tiến hành cách mạng vô sản lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, “thông qua con đường cách mạng mà trở thành giai cấp thống trị”² và với tư cách là giai cấp thống trị, giai cấp vô sản tiến hành tổ chức cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Nói cách khác, “bước thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ”³. Mặc dù trong *Tuyên ngôn*, hai ông có nhấn mạnh việc “dùng bạo lực tiêu diệt những quan hệ sản xuất cũ”⁴ với những biện pháp cứng rắn, như tước đoạt sở hữu ruộng đất, xóa bỏ quyền thừa kế, tập trung tín dụng và các phương tiện vận tải vào tay nhà nước,... nhưng ngay từ hồi đó, C. Mác và Ph. Ăngghen cũng đã ý thức được rằng: “bằng những biện pháp, mà về mặt kinh tế thì hình như không được đầy đủ và không có

1, 2, 3, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.613, 628, 626, 628.

hiệu lực”¹, đó chỉ là những biện pháp không thể thiếu để đảo lộn toàn bộ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã hình thành khá hoàn thiện. Hơn nữa, “Trong những nước khác nhau, những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều”².

Trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”* xuất bản năm 1872, các ông đã khẳng định: “Đoạn này, ngày nay mà viết lại thì về nhiều mặt, cũng phải viết khác đi”³. Như thế đủ thấy, các ông vừa khẳng định tính bắt buộc phải tiến hành cách mạng vô sản, vừa không bắt buộc nhất thiết phải sử dụng các biện pháp cứng rắn, nhất loạt ở tất cả các nước.

Bước thứ hai là, khi đã trở thành giai cấp thống trị thì giai cấp công nhân phải sử dụng quyền lực chính trị để phát triển sản xuất, tăng lên không ngừng lực lượng sản xuất bằng việc thực hiện hàng loạt nhiệm vụ cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. *Thứ nhất, về kinh tế*, hai ông viết: “Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất”⁴. Sau này V.I. Lê nin cũng khẳng định, xét đến cùng, năng suất lao động là cái quyết định chiến thắng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.

Theo Mác và Ăngghen, xã hội cộng sản là xã hội trong đó chế độ tư hữu tư bản bị xóa bỏ. Từ việc phân tích tính chất

1, 2, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.626-627, 627, 626.

3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.128.

kìm hãm của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đối với nền sản xuất xã hội, mà quyết định nhất là do chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất, C. Mác và Ph. Ăngghen đã đi tới kết luận lôgíc là phải xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa. Để tránh mọi sự hiểu lầm, ngay trong *Tuyên ngôn*, các ông đã giải thích: “Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản”¹ với tính cách là hình thức tư hữu cuối cùng và đầy đủ nhất so với các phương thức sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân, đồng thời không chủ trương xóa bỏ sở hữu các kết quả lao động do công nhân làm ra một cách lương thiện, vì nó “không để ra một khoản dư nào có thể đem lại một quyền lực chi phối lao động của người khác”². Cái phải xóa bỏ chỉ là sở hữu tư sản mà nhờ nó nhà tư bản có được quyền chiếm đoạt lao động thặng dư của lao động làm thuê. Mác và Ăngghen đã chỉ rõ, chủ nghĩa cộng sản không tước bỏ của ai cái quyền chiếm hữu những sản phẩm xã hội cả, chủ nghĩa cộng sản chỉ tước bỏ quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác. Như vậy, hai ông đã nêu rõ tiêu chuẩn cơ bản để phân biệt xã hội cộng sản chủ nghĩa với tất cả các chế độ xã hội khác, đó là việc thu tiêu mọi khả năng nô dịch lao động của người khác, là việc xóa bỏ chế độ người bóc lột người.

Việc xóa bỏ chế độ tư hữu được thực hiện như thế nào? Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, đây là một quá trình lâu dài. Đối với tư hữu nhỏ, sẽ diễn ra một cách khách quan, cũng

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.615, 617.

không phải là vấn đề của những người cộng sản, mà “sự phát triển của công nghiệp đã xóa bỏ và hàng ngày vẫn tiếp tục xóa bỏ cái đó rồi”¹; còn đối với tư hữu tư sản, sau khi giai cấp vô sản giành lấy chính quyền “sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản”². Nói về vấn đề này, trong tác phẩm *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản* (viết trước *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*), khi trả lời câu hỏi: “Liệu có thể thủ tiêu chế độ tư hữu ngay lập tức được không?” Ph. Ăngghen cho rằng: “Không, không thể được, cũng y như không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên *ngay lập tức* đến mức cần thiết để xây dựng một nền kinh tế công hữu. Cho nên, cuộc cách mạng của giai cấp vô sản đang có tất cả những triệu chứng là sắp nổ ra, sẽ chỉ có thể cải tạo xã hội hiện nay một cách dần dần, và chỉ khi nào đã tạo nên được một khối lượng tư liệu sản xuất cần thiết cho việc cải tạo đó thì khi ấy mới thủ tiêu được chế độ tư hữu”³. Đó là con đường tất yếu để xây dựng nền tảng của xã hội cộng sản.

Về kinh tế, C. Mác và Ph. Ăngghen đưa ra 10 biện pháp có thể áp dụng khá phổ biến đối với những nước tiên tiến nhất mà giai cấp vô sản sẽ dùng quyền thống trị của mình để từng bước tước đoạt tư bản trong tay giai cấp tư sản.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý về ý kiến của Ăngghen trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” xuất bản năm 1872*: “bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đấy, không nên quá cùn nệ vào

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.616, 626, 649.

những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II..."¹. Sau này chính V.I. Lênin đã nhắc lại: "Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng, lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống"². V.I. Lênin còn chỉ rõ phương châm hành động của người cộng sản: "... phải chú trọng đến cuộc sống sinh động, đến những sự thật chính xác của hiện thực"³.

Ngay chủ trương xóa bỏ chế độ sở hữu tư bản - cũng như luận điểm "chủ nghĩa cộng sản phải xóa bỏ buôn bán"⁴ - mà các ông nói về xã hội tương lai cùng với giả định là cách mạng vô sản nổ ra và thắng lợi ở các nước tư bản đã đạt tới trình độ phát triển cao nhất. Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga và các nước xã hội chủ nghĩa sau này cho thấy, đối với những nước chưa qua chủ nghĩa tư bản, thậm chí đã trải qua nhưng mới đạt tới trình độ phát triển trung bình của chủ nghĩa tư bản thì phải thừa nhận sự tồn tại của sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ở phạm vi nhất định dưới sự kiểm kê, kiểm soát của nhà nước vô sản. Điều này chỉ làm phong phú thêm, chứ không phải là cớ để bác bỏ luận đế nêu trên của C. Mác và Ph. Ăngghen trong *Tuyên ngôn*.

Điều rất đáng chú ý là trong *Tuyên ngôn*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã phê phán luận điểm - mà ngày nay vẫn có không ít người đưa ra để cổ vũ cho việc tư hữu hóa triệt đế -

1, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr. 128; t.4, tr.618.

2, 3. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.232; t.31, tr.162.

cho rằng nếu xóa bỏ chế độ tư hữu thì mọi người sẽ trở nên lười biếng, làm ngưng trệ mọi hoạt động. C. Mác và Ph. Ăngghen viết: “Nếu quả như vậy thì xã hội tư sản phải sụp đổ từ lâu rồi do tình trạng lười biếng, vì trong xã hội ấy, những người lao động thì không được hưởng, mà những kẻ được hưởng lại không lao động”¹. Xã hội sẽ vẫn tồn tại và phát triển nhờ có sản xuất, người sản xuất hoàn toàn có quyền sở hữu những sản phẩm lao động chính đáng của mình làm ra. Xóa bỏ sự tước đoạt do chế độ tư hữu sinh ra chỉ càng làm cho sản xuất phát triển hơn mà thôi.

Về *chính trị*, trong *Tuyên ngôn* cũng chỉ rõ: nhà nước của xã hội cộng sản tương lai chính là hình thức giai cấp vô sản tự tổ chức thành giai cấp thống trị. Quá trình tự tổ chức thành giai cấp trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản đã làm cho giai cấp vô sản đương nhiên trở thành giai cấp thống trị sau khi cách mạng vô sản thành công. Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị của mình - biểu hiện tập trung ở bộ máy nhà nước vô sản, các thiết chế pháp quyền của nó - để quản lý xã hội, phát triển sản xuất và thực hiện phương thức phân phối theo nguyên tắc mới. *Tuyên ngôn* khẳng định mục tiêu lý tưởng của giai cấp vô sản là thông qua cách mạng không ngừng để đi đến: “Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”².

Để đạt được mục tiêu nhân văn cao cả đó, ngay từ cách mạng vô sản, những người cộng sản đã phải giải quyết một

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.619, 628.

cách phù hợp các quan hệ giai cấp - dân tộc - quốc tế. Hai ông đã chỉ rõ: "... giai cấp vô sản ở mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc"¹. Đó chính là nội dung cốt lõi của nguyên lý: giai cấp công nhân phải là giai cấp đại diện cho lợi ích của dân tộc; cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp phải gắn với giải phóng dân tộc. Bởi vì, "Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo"², "Hãy xóa bỏ tình trạng bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ"³. Tự bản là một lực lượng quốc tế, toàn bộ giai cấp tư sản các nước cấu kết với nhau bóc lột toàn bộ giai cấp vô sản. Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản cần phải thực hiện dưới ngọn cờ của chủ nghĩa quốc tế vô sản, vì vậy khẩu hiệu hành động của giai cấp vô sản là: "*VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NUỐC, ĐOÀN KẾT LẠI!*"⁴.

Về xã hội và đời sống tinh thần của xã hội, cũng được hai ông đề cập trong *Tuyên ngôn*, rằng cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa "đoạn tuyệt một cách triệt để nhất với những tư tưởng kế thừa của quá khứ"⁵. Điều đó là tất yếu xét về nguyên tắc và lôgíc khách quan, vì cách mạng cộng sản chủ nghĩa là sự đoạn tuyệt triệt để nhất những quan hệ sở hữu của quá khứ - cơ sở xã hội hình thành nền ý thức xã hội và đạo đức của các xã hội cũ. Tuy nhiên, không nên hiểu luận điểm này của *Tuyên ngôn* một cách máy móc, thô thiển. Những tư tưởng của quá khứ phải xóa bỏ mà hai ông muốn

1, 2, 3, 4, 5. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd, t.4, tr.623-624, 624, 624, 646, 626.*

nói đến ở đây là hệ tư tưởng của giai cấp tư sản, kể cả các tư tưởng pháp quyền, đạo đức và quan niệm tôn giáo tư sản như là con đẻ của sở hữu tư nhân và chế độ bóc lột. Chủ nghĩa cộng sản không xóa bỏ cá tính, sự sáng tạo, tính độc lập, sự tự do của con người mà chỉ loại bỏ tính chất tư sản của các khái niệm đó. Tất cả các phạm trù đó trong xã hội mới sẽ được nâng lên tầm cao mới theo nguyên lý “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹.

Tuyên ngôn còn đề cập nhiều khía cạnh khác trong lĩnh vực xã hội, nhất là các vấn đề giáo dục, gia đình và quan hệ giữa thành thị với nông thôn. Đối lập với nền giáo dục chịu ảnh hưởng sâu sắc của giai cấp tư sản thống trị, với chế độ cộng đồng của hòn nhân tư sản, với tình trạng nông thôn phải phục tùng thành thị trong chế độ tư bản chủ nghĩa sẽ là một nền giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả trẻ em, là hình thức gia đình được duy trì bằng mối quan hệ gắn bó thân thiết giữa vợ và chồng, giữa con cái với cha mẹ và không có nạn mại dâm; là sự bình đẳng và xích lại gần nhau giữa nông thôn và thành thị... Dĩ nhiên, những mục tiêu này không dễ đạt được ngay, nhưng đó là những biện pháp thể hiện sâu sắc tính chất dân chủ, nhân văn, vì con người của những người cộng sản.

2. Nhận xét về *Tuyên ngôn* của V.I. Lenin cho đến nay, vẫn giữ nguyên giá trị thời sự: “Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng hàng bộ sách: tinh thần của nó, đến bây giờ, vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.628.

đấu của thế giới văn minh”¹. *Tuyên ngôn* ra đời đã trở thành kim chỉ nam cho hoạt động của các đảng cộng sản trên thế giới, soi rọi cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nhiều nước, trong đó có Việt Nam. Mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng giải phóng dân tộc đến cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp đổi mới hiện nay, đều gắn liền với những cơ sở tư tưởng của *Tuyên ngôn*, với những giá trị nền tảng của nó và bài học lịch sử của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 mà Đảng ta luôn trung thành và vận dụng sáng tạo.

Thứ nhất, ngay trong những ngày tháng vô cùng khó khăn khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, trong “Cương lĩnh xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ”, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn khẳng định: “Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song, loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử”². Đến nay, chúng ta vẫn kiên trì trên con đường xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu của chúng ta là, xây dựng Việt Nam trở thành một quốc gia dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Trong thời kỳ quá độ, vẫn còn tồn tại những mảnh, những thành phần của chủ nghĩa tư bản, chưa xóa bỏ được hoàn toàn sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, vẫn chấp

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.10.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập* (*Đại hội VI, VII, VIII, IX, X*), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.230.

nhận bóc lột. Tuy nhiên, chúng ta khẳng định: “Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”¹.

Thứ hai, nắm vững tư tưởng của *Tuyên ngôn* và từ thực tiễn Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng, cách mạng trước hết phải có đảng cách mạng được trang bị lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Đảng Cộng sản Việt Nam là sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Hiện thực cách mạng Việt Nam đã chứng minh Đảng Cộng sản Việt Nam không những là lãnh tụ chính trị của giai cấp công nhân mà còn của cả nhân dân lao động và của toàn dân tộc. “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”².

Thứ ba, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng sáng tạo trong việc giải quyết mối quan hệ dân tộc và giai cấp. Tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê nin, trên nền tảng truyền thống yêu

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.21.

2. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.4.

nước và nhân ái của dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh có quan điểm riêng, độc đáo về vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc. Người cho rằng: Phải kết hợp và giải quyết hài hòa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, song phải đặt lợi ích dân tộc lên trên hết và trước hết. Quan điểm này sau này thể hiện rõ ở Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, năm 1941 do Người chủ trì: Trong lúc này, quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi lại được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, của giai cấp đến tận năm cũng không đòi lại được”¹. Sự vận dụng sáng tạo của Hồ Chí Minh trong việc giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa dân tộc và giai cấp trong chủ nghĩa Mác - Lê nin có tác dụng lớn lao đối với việc tập hợp lực lượng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc ở Việt Nam cũng như ở các nước thuộc địa nói chung. Cũng nhờ vậy, cuộc cách mạng chính trị của chúng ta, xóa bỏ chế độ phong kiến, đánh đuổi thực dân, để quốc, giành chính quyền về tay nhân dân đã giành được thắng lợi.

Thứ tư, tiến hành cuộc cách mạng kinh tế để phát triển lực lượng sản xuất, Đảng ta đã chỉ rõ, trước hết, phải đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường. Tiếp đó là phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây được xác định là mô hình kinh tế tổng quát

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.113.

trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhằm giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng...

Thứ năm, trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang nỗ lực tìm kiếm những hình thức, biện pháp thích hợp nhằm tăng cường mở rộng hơn nữa quan hệ hợp tác nhiều mặt với các đảng trong phong trào. Gắn bó mật thiết với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phấn đấu hết mình để làm tốt nghĩa vụ quốc tế cao cả, đó là truyền thống quý báu, thể hiện bản chất giai cấp công nhân của Đảng ta. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại theo định hướng chiến lược “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”¹, nhưng Đảng ta vẫn dành ưu tiên cho việc củng cố và phát triển quan hệ với các đảng trong phong trào cộng sản trên thế giới, kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đưa sự nghiệp cách mạng nước nhà đi đến thắng lợi hoàn toàn, góp phần vào sự nghiệp chung của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Sđd, tr.119.

**TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN
GIÁ TRỊ CỦA NHẬN THỨC LÝ LUẬN
VÀ CƯƠNG LINH CHÍNH TRỊ VỀ XÃ HỘI
CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA TƯƠNG LAI**

GS. TS. HỒ SĨ QUÝ*

Ngày 21/02/2018 đánh dấu 170 năm tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (Das Manifest der Kommunistischen Partei, nguyên gốc tiếng Đức) được công bố. Đây là tài liệu cương lĩnh đầu tiên của chủ nghĩa cộng sản khoa học và cũng là cương lĩnh đầu tiên của các tổ chức cộng sản quốc tế, được C. Mác và Ph. Ăngghen thay mặt Đại hội lần thứ hai của Đồng minh những người cộng sản soạn thảo từ tháng 12/1847 đến tháng 01/1848.

Năm 2013, theo đề xuất chung của Đức và Hà Lan, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và tập đầu tiên của bộ *Tư bản* của Mác được đưa vào Danh mục “Ký ức thế giới”

* Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

(Memory of the World - MOW¹, UNESCO). Việc đề xuất dựa trên quan điểm cho rằng, những tác phẩm này có tác động lớn tới các phong trào xã hội trên toàn thế giới, ngay từ thời điểm được viết.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản có mục tiêu trực tiếp là tuyên bố và luận chứng khoa học cho tính chính đáng và hợp quy luật của các mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp hoạt động của phong trào cộng sản và các đảng công nhân quốc tế lúc đó. Nhưng ngay từ lúc công bố, *Tuyên ngôn* đã có sức cuốn hút vượt lên tầm một tuyên bố chính trị đơn thuần, trở thành một tác phẩm chính luận *bất hủ trong đời sống tinh thần nhân loại*. *Tuyên ngôn* tuyên bố nhận thức lý luận của những người cộng sản về các quy luật vận động của xã hội loài người trên con đường đi tới chủ nghĩa cộng sản, cũng là cương lĩnh chính trị nền tảng về vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản, về vấn đề thủ tiêu sở hữu cá nhân, về tính tất yếu của chủ nghĩa cộng sản, về đấu tranh giai cấp và bạo lực cách mạng của chuyên chính vô sản, về thái độ của những người cộng sản đối với quan hệ giữa giai cấp với dân tộc, đối với những tư tưởng kế thừa từ quá khứ, và về sự phát triển tự do của con người...

1. Memory of the World - MOW: Chương trình do UNESCO đề xướng và thực hiện từ năm 1992 nhằm bảo tồn và tiếp cận những di sản tài liệu quý hiếm có nguy cơ bị xâm hại và mai một ở nhiều nước và khu vực trên thế giới. Cho đến nay, Việt Nam đang có 6 di sản nhận danh hiệu này, bao gồm: “Mộc bản triều Nguyễn”, “Châu bản triều Nguyễn”, “Mộc bản kinh phật thiền phái Trúc Lâm chùa Vĩnh Nghiêm, Bắc Giang”, “Bia đá Văn Miếu - Quốc Tử Giám”, “Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế” và “Mộc bản Trường học Phúc Giang, Hà Tĩnh”.

1. Trong *Tuyên ngôn*, quyết định luận duy vật về đời sống xã hội đã được C. Mác và Ph. Ăngghen dùng để chứng minh cho vai trò quyết định của lực lượng sản xuất đối với quan hệ sản xuất, của cơ cấu kinh tế gồm các quan hệ sản xuất (cơ sở hạ tầng) đối với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng của xã hội. C. Mác và Ph. Ăngghen viết: “Liệu có cần phải sáng suốt lắm mới hiểu được rằng những tư tưởng, những quan điểm và những khái niệm của con người, tóm lại là ý thức của con người, đều thay đổi cùng với mọi sự thay đổi xảy ra trong điều kiện sinh hoạt, trong quan hệ xã hội, trong đời sống xã hội của con người không?”

Lịch sử tư tưởng chứng minh cái gì, nếu không phải là chứng minh rằng sản xuất tinh thần cũng biến đổi theo sản xuất vật chất? Những tư tưởng thống trị của một thời đại bao giờ cũng chỉ là những tư tưởng của giai cấp thống trị”¹.

Giải thích một cách duy vật về đời sống xã hội, *Tuyên ngôn* khẳng định cái chết của chủ nghĩa tư bản là tất yếu, là không thể tránh được. Nguyên nhân là do “sự phát triển của đại công nghiệp” đã phá sập “cái nền tảng mà trên đó giai cấp tư sản sản xuất và chiếm hữu sản phẩm”, chế độ tư bản chủ nghĩa “là biểu hiện cuối cùng và đầy đủ nhất của phuơng thức sản xuất và chiếm hữu sản phẩm dựa trên những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia”². Và điều đó đã làm cho chính giai cấp vô sản trở nên lớn mạnh. “Một bóng ma đang ám ảnh châu Âu: bóng ma chủ nghĩa cộng sản”³ là câu mở đầu *Tuyên ngôn*. Câu này được giải thích thêm rằng, một khi *Tuyên ngôn* đã xuất hiện

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.624-625, 615, 595.

thì chủ nghĩa cộng sản châu Âu không còn là bóng ma nữa mà đã trở thành phong trào hiện thực.

Sau 170 năm, ngày nay giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản chẳng những vẫn đang tồn tại mà còn có những bước phát triển đáng kinh ngạc. Sự điều chỉnh của bản thân chủ nghĩa tư bản là một hiện tượng đang được chú ý nghiên cứu. Trong khi đó, chủ nghĩa xã hội hiện thực, dù đã tồn tại hơn 70 năm nhưng lại bị tan rã và sụp đổ ở Liên Xô và nhiều nước Đông Âu. Sự thật này làm cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế rơi vào thoái trào, niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ít nhiều rời rụng. Mặc dù vậy, lý tưởng cộng sản chủ nghĩa và học thuyết khoa học về sự phát triển của các xã hội theo xu hướng cộng sản chủ nghĩa, cũng vẫn không phải là cái có thể đem đồng nhất với sự tồn tại của các xã hội thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây. *Tại sao Mác đúng* - cuốn sách của Terry Eagleton, xuất bản năm 2012 là một trong số các án phẩm đã lý giải tương đối thuyết phục cho vấn đề này¹.

2. Tuyên ngôn đề ra một cương lĩnh ngắn về sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa cộng sản, được thực hiện bằng con đường bạo lực của nhà nước chuyên chính của giai cấp vô sản.

Tư tưởng quan trọng bậc nhất của *Tuyên ngôn*, qua sự toát lên từ chính văn bản là tư tưởng về chế độ chuyên chính của giai cấp vô sản. Đây là ý tưởng đã có trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức* trước đó. Nhưng trong *Tuyên ngôn*, tư tưởng

1. Xem Terry Eagleton: *Tại sao Mác đúng*, Nxb. Lý luận hành chính, Hà Nội, 2012.

này được trình bày với cơ sở lý luận đủ rõ ràng và được giải thích bằng lịch sử của xã hội loài người.

Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, “Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp”¹. Với quan điểm này, chính cuộc đấu tranh của các giai cấp đã tạo thành động lực thúc đẩy sự phát triển lịch sử. Trong các xã hội dựa trên sở hữu tư nhân, nhất là sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, đấu tranh giai cấp đạt tới mức độ gay gắt và quyết liệt. Kết quả tự nhiên của cuộc đấu tranh này là những cuộc cách mạng xã hội.

Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, tập trung tất cả công cụ sản xuất vào tay nhà nước. Điều đó (“xâm phạm một cách chuyên chế”) lúc đầu chỉ thực hiện trong khu vực sở hữu và những quan hệ sản xuất tư sản. “... nhưng trong tiến trình vận động, những biện pháp ấy sẽ vượt quá bản thân chúng và là thủ đoạn không thể thiếu để đảo lộn toàn bộ phương thức sản xuất”².

Những người cộng sản “công khai tuyên bố rằng mục đích của họ chỉ có thể đạt được bằng cách dùng bạo lực lật đổ toàn bộ trật tự xã hội hiện hành”³.

Các hoạt động “để đảo lộn toàn bộ phương thức sản xuất” sẽ khác nhau ở các quốc gia khác nhau, cả về bản chất, thời gian và tiến trình. Với các nước tiên tiến nhất của hệ thống tư bản chủ nghĩa, các biện pháp mang tính quy luật có thể áp dụng được gồm 10 biện pháp:

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.596, 627, 646.

- “1. Tước đoạt sở hữu ruộng đất và trao nộp địa tô vào quỹ chi tiêu của nhà nước.
2. Áp dụng thuế luỹ tiến cao.
3. Xóa bỏ quyền thừa kế.
4. Tịch thu tài sản của tất cả những kẻ lưu vong và của tất cả những kẻ phiến loạn.
5. Tập trung tín dụng vào tay nhà nước thông qua một ngân hàng quốc gia với tư bản của nhà nước và ngân hàng này sẽ nắm độc quyền hoàn toàn.
6. Tập trung tất cả các phương tiện vận tải vào tay nhà nước.
7. Tăng thêm số công xưởng nhà nước và công cụ sản xuất; khai khẩn đất đai để cày cấy và cải tạo ruộng đất theo một kế hoạch chung.
8. Thực hành nghĩa vụ lao động đối với tất cả mọi người, tổ chức các đạo quân công nghiệp, đặc biệt là cho nông nghiệp.
9. Kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, thi hành những biện pháp nhằm làm mất dần sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn.
10. Giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả trẻ em. Xóa bỏ việc sử dụng trẻ em làm trong các công xưởng như hiện nay. Kết hợp giáo dục với sản xuất vật chất, v.v..”¹.

Ngày nay, việc nhấn mạnh và đánh giá cao ý nghĩa động lực của đấu tranh giai cấp đang bị hoài nghi. Tư tưởng chuyên chính vô sản cũng đang bị e ngại ở các nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Về phương diện thực tiễn, sự hoài nghi và e ngại này có những lý do khách quan

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.627-628.

đáng phải suy ngẫm. Hiện thực khốc liệt được mệnh danh là đấu tranh giai cấp ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa trước đây, trên thực tế đã gây ra những di hại xã hội mà các thế hệ sau vẫn đang phải giải quyết. Mặc dù vậy, lời khẳng định về lịch sử xã hội là lịch sử của đấu tranh giai cấp, cả về lý thuyết và cả trong thực tiễn, vẫn là những sự thật khó bác bỏ. Vấn đề chỉ còn là ở chỗ, với tính cách là cương lĩnh chính trị của những người cộng sản, tư tưởng này cần phải được vận dụng như thế nào để không nảy sinh hậu quả chia rẽ và cản trở sự phát triển nhân đạo của các xã hội. Không phải ngẫu nhiên giới lý luận Trung Quốc kể từ thời kỳ “Khai phóng” đã có thái độ hoàn toàn khác với trước kia về quan điểm giai cấp và đấu tranh giai cấp¹.

3. Nhưng, sau khi xóa bỏ các quan hệ tư bản chủ nghĩa, chế độ chuyên chính của giai cấp vô sản sẽ không thể tồn tại mãi. Khi hoàn thành sứ mệnh của mình, chế độ chuyên chính vô sản phải nhường chỗ cho “một liên hiệp của các cá nhân”, tức là một kiểu tổ chức xã hội hoàn toàn mới với lịch sử xã hội loài người, xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Với liên hiệp này, bản chất và các nguyên tắc tổ chức và hoạt động cụ thể, gần như chưa được xác định trong *Tuyên ngôn*. C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ khẳng định, khi sự phân chia giai cấp biến mất trong quá trình phát triển và sản xuất được tập trung trong tay của các cá nhân, thì thiết chế nhà nước sẽ mất đi tính chính trị của nó. “Quyền lực chính trị, theo đúng nghĩa của nó, là bạo lực có tổ chức của một giai cấp

1. Xem Yi Junqing, Sun Zhouxing, Jing Haifeng: *Những vấn đề mũi nhọn trong nghiên cứu triết học đương đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008.

để trấn áp một giai cấp khác. Nếu giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, nhất định phải tự tổ chức thành giai cấp, nếu giai cấp vô sản thông qua con đường cách mạng mà trở thành giai cấp thống trị và với tư cách là giai cấp thống trị, nó dùng bạo lực tiêu diệt những quan hệ sản xuất cũ, thì đồng thời với việc tiêu diệt những quan hệ sản xuất ấy, nó cũng tiêu diệt luôn cả những điều kiện tồn tại của sự đối kháng giai cấp, nó tiêu diệt những giai cấp nói chung và cũng do đó, tiêu diệt cả sự thống trị của chính nó với tư cách là một giai cấp”¹.

“Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”².

Cần thiết phải nói thêm rằng, trong đời sống tinh thần nhân loại, tự do, xưa nay luôn là lý tưởng cao cả của tất cả các giai tầng, dù là thượng lưu hay chỉ là bình dân. Tôn giáo nào cũng răn dạy con người phải tôn trọng tự do của người khác bằng cách tiết chế tự do cá nhân. Triết học Hegel cũng đề cao “ý thức về tự do” nhưng trong tương quan với sự nhận thức về cái tất yếu. Do vậy, việc xem sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do tất cả mọi người, là quan niệm độc đáo và hấp dẫn của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Bởi lẽ, chưa có học thuyết nào đạt tới trình độ coi tự do của người này lại là điều kiện cho sự phát triển tự do của người khác, nếu không muốn nói cách nhin thường là ngược lại.

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.628.

Xã hội cộng sản chủ nghĩa tương lai sẽ là một “liên hợp của các cá nhân”, ở đó sự phát triển tự do của người này có vai trò tạo điều kiện để người khác được phát triển tự do hơn. Quan niệm mới nhất về phát triển con người của các tổ chức quốc tế ngày nay cũng khó đạt tới trình độ như vậy.

4. Trên cơ sở luận chứng về sự tất yếu mất đi của giai cấp tư sản và của chủ nghĩa tư bản, C. Mác và Ph. Ăngghen đã phê bình một cách sắc sảo và quyết liệt đối với các quan niệm nền tảng của xã hội tư bản chủ nghĩa.

Bác bỏ sự phê phán của giai cấp tư sản về việc dường như những người cộng sản muốn thủ tiêu sở hữu cá nhân, “Chủ nghĩa cộng sản không tước bóc của ai cái khả năng chiếm hữu những sản phẩm xã hội cả. Chủ nghĩa cộng sản chỉ tước bóc quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác”¹.

C. Mác và Ph. Ăngghen luận chứng, việc xóa bỏ những quan hệ sở hữu đã tồn tại trước đó không phải là cái gì đặc trưng vốn có của chủ nghĩa cộng sản. Các hình thức sở hữu có trước sở hữu tư sản, tức là sở hữu của người tiểu tư sản, của người tiểu nông, đã và vẫn bị xóa bỏ bởi sự phát triển của nền sản xuất công nghiệp. Sự thay đổi các quan hệ sở hữu đã trải qua những cải biến liên tiếp trong lịch sử. Nhưng chế độ tư hữu tư sản, “lại là biểu hiện cuối cùng và đầy đủ nhất của phương thức sản xuất và chiếm hữu sản phẩm dựa trên những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia”². “Theo ý nghĩa đó, những người cộng sản

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr. 618, 615.

có thể tóm tắt lý luận của mình thành một luận điểm duy nhất này là: xoá bỏ chế độ tư hữu”¹.

5. Khi đối mặt với những lời buộc tội, cộng sản là những người muốn xóa bỏ tổ quốc, xóa bỏ dân tộc, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* khẳng định: “Công nhân không có tổ quốc. Người ta không thể cướp của họ cái mà họ không có”².

Quan điểm này thực ra đã vướng phải bất đồng ngay từ thời kỳ trước và sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhưng lúc đó ít gây tranh cãi, vì khuynh hướng chung của Quốc tế III là đề cao tình đoàn kết và nghĩa vụ quốc tế vô sản. Lúc đó “tư tưởng dân tộc chủ nghĩa” được coi là một quy kết chính trị khắc nghiệt đối với bất kỳ lãnh tụ nào hoặc phong trào nào quá chú ý đến lợi ích dân tộc. Một số lãnh tụ của phong trào cộng sản ở Nam Tư, Trung Quốc đã từng bị phê bình vì có ý kiến không tán đồng với Liên Xô trong so sánh lợi ích dân tộc - quốc gia với lợi ích chung của phong trào cộng sản quốc tế.

Nhưng kể từ sau chiến tranh lạnh, ở nhiều nơi những quan niệm cũ về chủ nghĩa dân tộc, về lợi ích quốc gia gắn liền với các lý thuyết cũ về địa - chính trị bùng phát trở lại, quan điểm “Công nhân không có tổ quốc” ngày càng bị hoài nghi. Gần đây, thậm chí ngay trên các diễn đàn ngoại giao, người ta cũng thường bắt gặp tiếng nói nhấn mạnh chỉ có lợi ích dân tộc là vĩnh viễn so với các quan hệ bạn bè quốc tế³.

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.616, 623.

3. “Không có bạn bè hay đồng minh vĩnh viễn, chỉ có lợi ích quốc gia là vĩnh cửu” (*Nations have no permanent friends or allies, they only have permanent interests* - Lord Palmerston); “Nước Pháp không có các bạn, chỉ có các quyền lợi” (*France has no friends, only interests* - De Gaulle); “Nước Mỹ không có đồng minh hay kẻ thù vĩnh viễn, chỉ có lợi ích là vĩnh cửu” (*America has no permanent friends or enemies, only interests* - Henry Kissinger).

Trong *Tuyên ngôn*, C. Mác và Ph. Ăngghen lập luận, với sự phát triển của tự do buôn bán, của thị trường thế giới, của sản xuất công nghiệp, sự cách biệt dân tộc và những đối lập giữa nhân dân các nước cũng ngày càng giảm đi. Trong chủ nghĩa xã hội, sự thống trị của giai cấp vô sản sẽ càng làm cho sự cách biệt và những đối lập mất đi nhanh hơn. Giai cấp công nhân sẽ “tự vươn lên thành giai cấp dân tộc”. Các ông khẳng định: “Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ.

Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo”¹.

Khi bàn về thái độ của những người cộng sản đối với các đảng đối lập, C. Mác và Ph. Ăngghen đã giải thích sự cần thiết phải xây dựng và củng cố bản thân Đảng Cộng sản trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản thực hiện vai trò lịch sử toàn thế giới của nó. C. Mác và Ph. Ăngghen nhấn mạnh, đặc trưng của Đảng Cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Lợi ích căn bản của những người cộng sản, về cơ bản là thống nhất với nhau ở tất cả các nước. Phát biểu phê phán sự nhận thức biệt phái của một số đảng cộng sản ở các nước như Pháp, Thụy Sĩ, Ba Lan, Đức... C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ ra rằng: “ở tất cả mọi nơi, những người cộng sản đều ủng hộ mọi phong trào cách mạng chống lại trật tự xã hội và chính trị hiện hành.

Trong tất cả các phong trào ấy, họ đều đưa vấn đề chế độ sở hữu lên hàng đầu, coi đó là vấn đề cơ bản của phong trào, không kể là nó đã có thể phát triển đến trình độ nào.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.624.

Sau hết, những người cộng sản ở mọi nơi đều phán đau cho sự đoàn kết và sự liên hợp của các đảng dân chủ ở tất cả các nước”¹.

Tuyên ngôn kết thúc với khẩu hiệu “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!”². Lời hiệu triệu thiêng liêng này, ngay từ thế kỷ XIX đã đi vào lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và vẫn tồn tại tới tận ngày nay.

6. Trong *Tuyên ngôn* của Đảng Cộng sản, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác nêu ra một tư tưởng mang tính cách mạng về sự đoạn tuyệt với những tư tưởng truyền thống, mà nhiều năm qua, việc giải thích kinh điển của nhiều thế hệ, dù đã khá cẩn kẽ cũng vẫn chưa đủ làm cho hậu thế hoàn toàn yên tâm.

C. Mác và Ph. Ăngghen viết: “Cách mạng cộng sản chủ nghĩa là sự đoạn tuyệt triệt để nhất với những quan hệ sở hữu kế thừa của quá khứ; không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy rằng trong tiến trình phát triển của nó, nó đoạn tuyệt một cách triệt để nhất với những tư tưởng kế thừa của quá khứ”³.

C. Mác và Ph. Ăngghen giải thích, mặc dù tôn giáo, đạo đức, triết học, chính trị, pháp quyền..., vẫn luôn luôn được bảo tồn qua những biến đổi không ngừng trong tiến trình phát triển của lịch sử, và mặc dù những chân lý vĩnh cửu như tự do, công lý,... vẫn là những giá trị chung cho tất cả mọi chế độ xã hội, thế nhưng việc chủ nghĩa cộng sản chủ trương “xóa bỏ những chân lý vĩnh cửu, xóa bỏ tôn giáo và đạo đức” chứ không đổi mới hình thức của chúng, thì điều đó

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.645-646, 646, 626.

cũng không mâu thuẫn gì với toàn bộ tiến trình phát triển lịch sử trước kia.

Bởi lẽ, theo C. Mác và Ph. Ăngghen, lịch sử của tất cả các xã hội xưa nay đều diễn ra trong đối kháng giai cấp, với những hình thức đối kháng khác nhau qua các thời đại. Nhưng dù những đối kháng ấy mang hình thức nào đi nữa thì hiện tượng chung đặc trưng cho tất cả các thế kỷ đã qua vẫn là hiện tượng một bộ phận này của xã hội bóc lột một bộ phận khác. Nghĩa là, hình thức ý thức bóc lột không thể tiêu tan hoàn toàn khi đối kháng giữa các giai cấp vẫn còn tồn tại. Cách mạng cộng sản chủ nghĩa là sự đoạn tuyệt triệt để nhất với những tư tưởng kế thừa của quá khứ là vì vậy.

Về mặt lý thuyết, lập luận như vậy của *Tuyên ngôn* cho thấy tính duy lý của vấn đề. Nhưng trong thực tiễn, với tính cách là những luận điểm của cương lĩnh chính trị, thì lời tuyên bố về sự đoạn tuyệt triệt để nhất với những tư tưởng kế thừa của quá khứ đã ít nhiều kích thích những hành vi quá khích ở Nga, Trung Quốc, Việt Nam và nhiều nơi khác trong giai đoạn đầu dưới chính quyền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản.

Điều này cần thiết phải được suy ngẫm sâu sắc hơn.

*

* * *

Mặc dù việc ứng dụng lý luận vào thực tiễn cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nhiều quốc gia đã và đang vấp phải những vấn đề nhất định về phương diện xã hội, và mặc dù hiện thực phát triển của thế giới ngày nay đang khiến cho niềm tin vào lý luận về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản rơi vào những khó khăn to lớn, tuy nhiên, *Tuyên ngôn của Đảng*

Công sản không vì thế mà giảm đi sức cuốn hút của nó với tính cách là cương lĩnh chính trị và là nhận thức lý luận về con đường đi tới xã hội cộng sản chủ nghĩa tương lai. Ngày nay, những người lao động, các phong trào xã hội, các nhà hoạt động xã hội... vẫn khó tìm được tác phẩm nào có thể thay thế *Tuyên ngôn* trong việc nhen lên ngọn lửa đấu tranh cho việc giải quyết các vấn đề xã hội và phấn đấu cho tiến bộ xã hội.

Bởi lẽ, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* xem xét các hiện tượng xã hội với một thế giới quan triệt để biện chứng duy vật về đời sống xã hội, điều mà trước đó các nhà triết học vĩ đại như Hegel và Feuerbach (Phoiobắc) đều chưa đạt tới. Xã hội loài người hiện ra trong *Tuyên ngôn* với sự vận động không hề ngẫu nhiên, được quy định và quyết định bởi các quy luật. Sự biến chuyển xã hội kể từ xã hội cộng sản nguyên thủy đến xã hội cộng sản tương lai luôn ở trong mối tương quan và phụ thuộc lẫn nhau. Mọi vận động, biến đổi hay cách mạng... xét cho cùng, đều mang tính khách quan trên cơ sở là kết quả của sự đấu tranh giữa các mặt đối lập. Sự hiểu biết duy vật về xã hội đã cho phép các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác phát hiện ra những nền tảng và những động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội loài người, sự phát triển tự do của mỗi con người.

Về phương diện lý luận, tất cả những kiến giải như thế đều là những điều chưa từng có trước đó. Về phương diện chính trị, những kiến giải đó cũng chính là cương lĩnh hành động của tất cả những ai phấn đấu cho lý tưởng về sự tiến bộ xã hội. Mà với tiến bộ xã hội thì những vấn đề đặt ra ở thời

của Mác và ở thời đại ngày nay lại cũng đều bức xúc và căng thẳng đến mức khó có thể so sánh.

Điều này lý giải tại sao *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã làm lay động phần lớn nhân loại, hết thế hệ này đến thế hệ khác trong suốt 170 năm qua, mặc dù chủ nghĩa cộng sản vẫn chưa xuất hiện, còn chủ nghĩa xã hội hiện thực thì đã khủng hoảng và sụp đổ ở Liên Xô và một số nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây.

CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN: TỪ TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐẾN THỰC TIỄN HIỆN NAY

PGS. TS. PHAN VĂN RÂN*

TS. NGÔ CHÍ NGUYỄN**

Học thuyết Mác - Lenin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thế giới đã chỉ ra rằng, nhận thức và thực hành chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân là yếu tố khách quan và là một vấn đề mang tính nguyên tắc trong tiến trình cách mạng của giai cấp vô sản thế giới do Đảng Cộng sản lãnh đạo, và nó cũng là xu hướng hành động chung của các đảng cộng sản và công nhân quốc tế. Tuy nhiên, lý luận và thực hành chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân đang đối mặt với những khó khăn lớn trong bối cảnh chính trị quốc tế hiện nay. Bài viết này phân tích lý luận về chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của Mác và Ăngghen và liên hệ tới thực tiễn vấn đề này trong thế giới đương đại.

* , ** Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân*

Chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân hay chủ nghĩa quốc tế vô sản là một trong những nguyên lý cơ bản trong học thuyết Mác - Lê nin về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản. Đó là những nguyên tắc, phương châm chính trị, tư tưởng và định hướng hành động cách mạng cho giai cấp công nhân toàn thế giới và đội tiên phong của nó là các đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử tiến hành cách mạng vô sản để xóa bỏ chủ nghĩa tư bản và xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa¹. Khẩu hiệu nổi tiếng “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại”, do Mác và Ăngghen nêu ra ở cuối tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* năm 1848 như là lời kêu gọi và mệnh lệnh hành động của giai cấp vô sản toàn thế giới đã thể hiện cô đọng nhất nội dung cốt lõi của chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Sau này, trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc đã trở thành một bộ phận không thể tách rời của phong trào cách mạng thế giới, khẩu hiệu đó đã được Lê nin phát triển thành: “Vô sản các nước và các dân tộc bị áp

1. Nội dung chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân gồm hai mặt cơ bản là thế giới quan và hành động thực tiễn. Xem thêm: Trình Mưu - Ngô Chí Nguyên: “Chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân trong đường lối đổi ngoại đổi mới của Đảng ta”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 8/2005, tr.43-44.

bức trên toàn thế giới liên hiệp lại". Nêu ra khẩu hiệu đó, những người sáng lập học thuyết Mác - Lênin trước hết chỉ ra một vấn đề mang tính quy luật của cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân thế giới chống giai cấp tư sản, đó là trong cuộc đấu tranh ấy, cách mạng vô sản chỉ có thể thành công và giai cấp công nhân chỉ có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình một khi những người vô sản ở tất cả các nước đoàn kết, thống nhất và liên hiệp lại với nhau trong hành động cách mạng. Vì thế, khẩu hiệu đó không chỉ là lời hiệu triệu sự đoàn kết thống nhất về tư tưởng và hành động giữa những người cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử cao cả của họ, mà đó cũng là nguyên tắc căn bản chỉ đạo mối quan hệ giữa các đảng cộng sản và công nhân quốc tế.

Như vậy, thực hành chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân vừa là bản chất của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, là nghĩa vụ của các đảng cộng sản và công nhân, vừa là công cụ và chiến lược cách mạng để các đảng cộng sản và giai cấp công nhân mỗi nước cũng như toàn bộ phong trào vô sản đạt được mục tiêu cách mạng cuối cùng của mình. Sự thống nhất về nền tảng tư tưởng, lợi ích cơ bản và mục tiêu chiến lược cách mạng là cơ sở khách quan hình thành chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Và trong thực tiễn, chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân được biểu hiện thông qua sự thống nhất về tổ chức, các hình thức tập hợp lực lượng quốc tế cũng như sự phối hợp, ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau trong hành động cách mạng của các đảng cộng sản và giai

cấp công nhân ở các nước¹. Thông qua *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác và Ăngghen cũng đã chỉ ra một số vấn đề cơ bản liên quan đến nguồn gốc và bản chất của chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân như sau:

Chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân có cơ sở sâu xa từ địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân toàn thế giới. Phân tích sự ra đời của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* chỉ rõ rằng, đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa đã tạo ra giai cấp công nhân hiện đại, hay những người vô sản. Nói cách khác, giai cấp công nhân hiện đại là sản phẩm của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Mặc dù được tuyển mộ trong tất cả tầng lớp dân cư, những người công nhân hiện đại dưới chế độ tư bản đều trở thành người làm thuê cho giai cấp tư sản, cho nhà nước tư sản, và là nô lệ của máy móc². Chính địa vị kinh tế - xã hội đã quy định thân phận chung và sự thống nhất lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân ở tất cả các nước. Về vấn đề này, Mác và Ăngghen trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức* đã chỉ rõ: “công nghiệp lớn tạo ra ở khắp nơi những quan hệ như nhau giữa các giai cấp xã hội và do đó xóa bỏ tính chất riêng biệt của những dân tộc khác nhau. Và sau hết, trong khi giai cấp tư sản của mỗi dân tộc còn duy trì những lợi ích dân tộc riêng biệt thì công nghiệp lớn lại tạo ra một giai cấp cùng có những

1. Xem thêm Nguyễn Viết Thảo - Nguyễn An Ninh: “Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin về chủ nghĩa quốc tế vô sản”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 9/2012.

2. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.606-607.

lợi ích như nhau trong tất cả các dân tộc, một giai cấp không còn tính riêng biệt dân tộc nữa...”¹.

Chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân *phan ánh tính chất quốc tế* của cuộc cách mạng vô sản. Tính chất quốc tế đó lại bắt nguồn từ tính chất quốc tế của sự thống trị của giai cấp tư sản và của chủ nghĩa tư bản, và được quy định bởi sứ mệnh lịch sử giải phóng toàn nhân loại của giai cấp công nhân. V.I. Lê nin đã chỉ ra rằng: “Sự thống trị của tư bản là có tính chất quốc tế. Chính vì thế, cuộc đấu tranh của công nhân ở tất cả các nước để tự giải phóng, chỉ có thể thành công được, nếu công nhân cùng nhau đấu tranh chống lại tư bản quốc tế”². Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác và Ăngghen đã chỉ ra quy luật vận động của toàn bộ lịch sử nhân loại, đó là lịch sử đấu tranh giai cấp giữa những giai cấp đi bóc lột và giai cấp bị bóc lột, giữa những giai cấp thống trị và giai cấp bị trị. Trong những thời đại lịch sử trước đây, sự kết thúc của một cuộc đấu tranh giai cấp không xóa bỏ được sự đối kháng giai cấp mà “chỉ đem những giai cấp mới, những điều kiện áp bức mới, những hình thức đấu tranh mới thay thế cho những giai cấp, những điều kiện áp bức, những hình thức đấu tranh cũ mà thôi”³. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân hiện đại chống lại giai cấp tư sản khác hoàn toàn về chất, nó là nhằm hướng tới thực hiện sứ mệnh lịch sử là xóa bỏ giai cấp, giải phóng hoàn toàn nhân loại khỏi sự phân chia giai cấp. Trong *Lời tựa cho bản*

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.87-88.

2. V.I. Lê nin: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.115.

3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.597.

tiếng Anh xuất bản năm 1888 “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, Ăngghen đã vạch rõ rằng “lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp đó hiện nay đã phát triển tới giai đoạn trong đó giai cấp bị bóc lột và bị áp bức, tức là giai cấp vô sản, không còn có thể tự giải phóng khỏi ách của giai cấp bóc lột và áp bức mình, tức là giai cấp tư sản, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn xã hội khỏi ách bóc lột, áp bức, khỏi tình trạng phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp”¹.

*Xử lý hài hòa, đúng đắn mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và quốc tế là một nội dung quan trọng trong nhận thức luận và thực hành chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Tư tưởng chủ đạo của luận điểm này là giai cấp công nhân mỗi nước phải có trách nhiệm đối với sự phát triển chung của phong trào cộng sản và chủ nghĩa quốc tế cũng như của nhân loại tiến bộ. Tuy nhiên, muốn góp phần vào tiến trình chung của cách mạng thế giới, cách mạng mỗi nước trước hết phải hoàn thành tốt những yêu cầu và nhiệm vụ của cách mạng nước mình. Việc kết hợp giữa giai cấp, dân tộc và quốc tế trước hết cần phải phục vụ tốt mục tiêu dân tộc. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, khi đề cập mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc trong cuộc cách mạng vô sản, Mác và Ăngghen đã chỉ ra rằng: “Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc. Đương nhiên là trước hết, giai cấp vô sản mỗi nước phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước*

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.21, tr.523.

mình đã”¹. Do đó, trong tiến trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp vô sản mỗi nước trước hết “phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc...”². Như vậy, giai cấp vô sản muốn hoàn thành sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của mình thì trước hết họ phải gắn với dân tộc mình, phải mang tính dân tộc, phải hoàn thành mục tiêu dân tộc, sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Dưới ngọn cờ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, lịch sử thế giới đã chứng kiến một thời kỳ bão táp cách mạng trong thế kỷ XX được mở đầu bằng sự ra đời nước Nga Xôviết sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười năm 1917, dẫn tới sự ra đời của hệ thống chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Hệ thống ấy đứng đầu là Liên Xô đã trở thành thành trì, điểm tựa hậu thuẫn vững chắc cho sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và chủ nghĩa quốc tế cũng như làn sóng cách mạng giải phóng dân tộc dâng cao ở khắp các lục địa Á, Phi và Mỹ Latinh, dẫn tới quá trình phi thực dân hóa hoàn toàn hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, đế quốc trên thế giới. Trong thời đại cách mạng vô sản ấy, chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân đã được thể hiện một cách chân thực, rõ nét và sống động. Trước hết, đó là tinh thần hợp tác, tương trợ lẫn nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa do các đảng cộng sản lãnh đạo cũng như giữa các nước xã hội chủ nghĩa với các nước trong phong trào giải phóng dân tộc và bảo vệ độc lập dân tộc. Cùng với sự hợp tác chặt chẽ, giúp đỡ và tương trợ có hiệu quả giữa các nước

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.611, 623-624.

xã hội chủ nghĩa với nhau cũng như giữa các đảng cộng sản và công nhân trên toàn thế giới, tinh thần quốc tế vô sản trong phong trào cộng sản và chủ nghĩa quốc tế cũng được thể hiện sinh động thông qua việc quy tụ lực lượng và tập hợp đội ngũ trong các tổ chức và diễn đàn đa phương của Phong trào cộng sản như Quốc tế Cộng sản do Lenin sáng lập (3/1919)¹, và ba Hội nghị quốc tế của các đảng cộng sản và công nhân thế giới được tổ chức trong các năm 1957, 1960 và 1969 tại Mátxcơva (Liên Xô). Tình đoàn kết quốc tế vô sản trong thời kỳ này đã đóng góp thực sự to lớn và hiệu quả vào sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cộng sản và chủ nghĩa quốc tế cũng như sự tan rã của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, đế quốc trong thế kỷ XX.

2. Chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân trong bối cảnh chính trị quốc tế hiện nay

Kể từ khi kết thúc chiến tranh lạnh đến nay, bối cảnh chính trị quốc tế đã có những thay đổi nhanh chóng và sâu sắc, đặt ra những thách thức lớn và phức tạp đối với các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, cũng như đối với các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới trong việc nhận thức và thực hành chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân trong thời đại mới.

Một là, nhận thức và hành động trên tinh thần chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân diễn ra trong bối cảnh chủ

1. Về mặt tổ chức quốc tế, trước khi Quốc tế III ra đời, giai cấp công nhân và những người cộng sản trên toàn thế giới đã có Quốc tế I (1864 - 1872) do Mác sáng lập, và Quốc tế II (1889 - 1914) do Ăngghen sáng lập.

nghĩa xã hội hiện thực, phong trào cộng sản và chủ nghĩa quốc tế rơi vào thoái trào, phân liệt, khủng hoảng sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu - thành trì của chủ nghĩa xã hội, trung tâm đoàn kết, tập hợp lực lượng và phối hợp hành động của cách mạng thế giới, đồng thời là chỗ dựa tinh thần và vật chất to lớn của phong trào giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội thế giới đã sụp đổ. Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, phong trào cộng sản và chủ nghĩa quốc tế, phong trào tiến bộ trên thế giới đã mất đi điểm tựa chính trị và tinh thần, cũng như mất đi sự trợ giúp vật chất to lớn, trực tiếp và hiệu quả. Bi kịch này dẫn tới những khó khăn và thách thức nghiêm trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Phong trào cộng sản nói chung cũng như của nhận thức luận và hành động theo tinh thần của chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân nói riêng.

Thứ hai, sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, thế giới bước vào một thời kỳ mới với xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển trở thành xu thế lớn trong đời sống chính trị quốc tế. Sự chia rẽ, phân cực, phân tuyến, thậm chí đối đầu giữa các quốc gia như trong thời kỳ chiến tranh lạnh không còn và không phù hợp với bối cảnh mới, biểu hiện bê ngoài của đấu tranh giai cấp không còn rõ ràng mà đã bị lu mờ. Yếu tố ý thức hệ, tư tưởng và thể chế chính trị không còn là nhân tố then chốt chi phối quyết định việc tập hợp lực lượng và xây dựng đối tác trong quan hệ quốc tế, mà thay vào đó sự tương đồng, gắn kết và chia sẻ về lợi ích trở thành cơ sở quan trọng nhất để lựa chọn và xây dựng các mối quan hệ song phương

cũng như đa phương. Hơn nữa, thế giới ngày nay xuất hiện ngày càng nhiều những vấn đề cấp thiết mang tính toàn cầu không một quốc gia, dân tộc nào có thể tự mình giải quyết được mà đòi hỏi sự chung tay phối hợp, hợp tác của tất cả các nước, của toàn thể cộng đồng quốc tế. Theo đó, xu thế lớn của quan hệ quốc tế ngày nay là các quốc gia không phân biệt chế độ chính trị - xã hội, giàu nghèo, lớn nhỏ vừa hợp tác vừa cạnh tranh và cùng tồn tại hòa bình. Điều này đặt ra những khó khăn đối với việc nhận thức và thực hành chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Thứ ba, tiến trình toàn cầu hóa, trước hết là toàn cầu hóa kinh tế dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra ngày càng sâu rộng, tác động đến mọi quốc gia, dân tộc. Nó tạo nên sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, khu vực ngày càng chặt chẽ và sâu sắc. Trong thế giới toàn cầu hóa đang diễn ra, cuộc đua sức mạnh kinh tế trở thành một trong những yếu tố quyết định sức mạnh tổng hợp quốc gia và định vị vị thế mỗi quốc gia trong trật tự thế giới mới. Vì vậy, hội nhập quốc tế, tham gia vào hợp tác và cạnh tranh kinh tế trở thành một lựa chọn khách quan, khả dĩ và tất yếu của hầu hết các quốc gia trên con đường tìm kiếm cơ hội phát triển và kiến tạo sự thịnh vượng cho dân tộc. Trong bối cảnh như vậy, lợi ích quốc gia, dân tộc trở thành động lực, mục tiêu và nguyên tắc nổi bật, thậm chí là tối thượng trong hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại của các quốc gia, dân tộc, đồng thời nó cũng chi phối sự vận động và phát triển của các mối quan hệ quốc tế trong thế giới ngày nay. Điều này đặt ra những vấn đề phức tạp, nhạy cảm và khó khăn trong việc xử lý mối quan hệ giữa lợi ích giai cấp với lợi ích

dân tộc, giữa lợi ích quốc gia với trách nhiệm và nghĩa vụ quốc tế. Hơn nữa, trước sự chi phối của lợi ích quốc gia, dân tộc trong môi trường hợp tác và cạnh tranh ngày càng gay gắt như vậy, tất yếu nảy sinh ngày càng nhiều những khác biệt, va chạm, cọ xát, thậm chí là mâu thuẫn, xung đột về mặt lợi ích cục bộ cũng như lợi ích chiến lược giữa các nước xã hội chủ nghĩa do đảng cộng sản cầm quyền cũng như giữa giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước. Điều này dễ tạo ra xu hướng ly tâm, chia rẽ, biệt phái trong phong trào cộng sản và chủ nghĩa quốc tế, nhất là giữa các nước xã hội chủ nghĩa. Bối cảnh quốc tế như vậy đã thách thức trực tiếp cả về mặt nhận thức luận cũng như việc thực hành chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Thứ tư, sự biến đổi nhanh chóng và sâu sắc của kinh tế - xã hội thế giới dưới tác động của toàn cầu hóa kinh tế, cách mạng khoa học công nghệ hiện đại và kinh tế tri thức, một mặt đã phần nào làm nhạt nhòa ranh giới giữa các giai cấp, tầng lớp, mặt khác đã làm cho sự phân hóa giàu nghèo, phân hóa giai cấp và phân tầng xã hội diễn ra sâu sắc. Ngay bản thân giai cấp công nhân cũng phân hóa rất sâu sắc và phức tạp trong mỗi nước cũng như giữa các nước, các khu vực khác nhau. Trong khi công nhân truyền thống có xu hướng ngày càng ít đi ở các nước phát triển thì đội ngũ này nhiều lên ở các nước đang phát triển cùng với tiến trình công nghiệp hóa. Trong bản thân mỗi quốc gia thì đội ngũ công nhân - trí thức, người lao động có kỹ năng, tay nghề cao cũng ngày càng gia tăng so với công nhân trực tiếp sản xuất. Điều này làm cho sự thống nhất lợi ích và đoàn kết hành động của giai cấp công nhân trở nên ngày càng khó khăn hơn.

Trước bối cảnh quốc tế như trên, nhiều người hoài nghi về sự tồn tại của chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, cho rằng nó không còn phù hợp, thậm chí coi đó là một điều xa xỉ trong chính trị và quan hệ quốc tế hiện đại. Tuy nhiên, lý luận và lịch sử đã cho thấy, nhận thức và thực hành chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân là xu hướng hành động tất yếu, khách quan của các đảng cộng sản và công nhân chân chính trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình. Tuy vậy, trong bối cảnh quốc tế hiện nay, chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân có thể và cần phải được thể hiện dưới những hình thức, nội dung và sắc thái mới, phong phú, đa dạng và linh hoạt hơn, đồng thời nó cũng cần được nhận thức lại để phản ánh đúng đắn hơn với tinh thần của chủ nghĩa Mác và để phù hợp hơn, thích ứng hơn với bối cảnh mới. Thông qua nghiên cứu lý luận Mác - Lê nin, lịch sử phong trào cộng sản và chủ nghĩa quốc tế và từ thực tiễn chính trị quốc tế hiện nay, có thể rút ra mấy vấn đề vừa mang tính phương pháp luận, vừa mang tính thực tiễn về chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân như sau:

Thứ nhất, chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân hiện nay trước hết cần được nhìn nhận trong việc xử lý hài hòa giữa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc, giữa chủ nghĩa quốc tế và lợi ích quốc gia, dân tộc trong bối cảnh chính trị quốc tế đương đại. Theo đó, việc nhận thức và thực hành chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân cần tránh hai khuynh hướng là đề cao chủ nghĩa quốc tế mà coi nhẹ tính dân tộc và ngược lại. Vượt qua sự chi phối nặng nề của yếu tố ý thức hệ trong thời kỳ chiến tranh lạnh, quan hệ hợp tác quốc tế ngày nay

được mở rộng ra với tất cả các quốc gia trên thế giới. Theo đó, việc thiết lập và xây dựng các mối quan hệ hợp tác song phương, đa phương giữa các quốc gia hiện nay thay vì dựa trên sự tương đồng về ý thức hệ và thể chế chính trị - xã hội, thì đã được định hướng chủ yếu bởi nhân tố lợi ích quốc gia, dân tộc. Về mặt lý luận, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* năm 1848, Mác và Ăngghen nêu lên rằng, trong cuộc đấu tranh với giai cấp tư sản, những người cộng sản thuộc các dân tộc khác nhau “đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản”¹; và trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh ấy “họ luôn luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào”². Tuy nhiên, luận điểm này phải đổi mới với những thách thức để được kiểm chứng trong thực tế bối cảnh chính trị quốc tế phức tạp như hiện nay, khi mà lợi ích quốc gia trở thành nhân tố nổi bật chi phối các mối quan hệ quốc tế, bao gồm cả mối quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa do đảng cộng sản lãnh đạo. Theo đó, chủ nghĩa quốc tế và lợi ích quốc gia dân tộc có sự đụng độ, va chạm, không thống nhất và thậm chí mâu thuẫn nhau. Trên thực tế, luận điểm nêu trên của Mác và Ăngghen được khái quát dựa trên bối cảnh lịch sử, mục tiêu và yêu cầu đặt ra đối với cách mạng vô sản ở các nước châu Âu thời kỳ đó. Sau này khi tiếp cận vấn đề này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho rằng cần phải “bổ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.614.

thể có được”¹. Từ đó, Người chỉ ra rằng, phải kết hợp và giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp với vấn đề dân tộc, song phải đặt lợi ích dân tộc lên trên hết và trước hết. Hơn nữa, mặc dù nêu ra luận điểm trên đây, nhưng chính trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác và Ăngghen cũng đã khẳng định rằng giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải trở thành giai cấp dân tộc. Lôgíc của điều này là đảng của giai cấp vô sản trước hết cần và phải trở thành người đại diện và bảo vệ cho lợi ích dân tộc mình, lấy lợi ích quốc gia, dân tộc làm trọng. Như vậy, việc nhận thức lại và xử lý đúng đắn, hài hòa mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, giữa dân tộc và quốc tế trong bối cảnh quốc tế hiện nay thực chất không hoàn toàn đi ngược lại lý luận mácxít, mà chính là sự nhận thức và vận dụng đúng đắn hơn, toàn diện hơn tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lê nin trong bối cảnh thời đại mới. Đặt lợi ích của quốc gia, dân tộc lên trên hết, với nội hàm cụ thể và mục tiêu cuối cùng là nhằm bảo vệ và thúc đẩy sự nghiệp cách mạng trên đất nước mình, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên mảnh đất của dân tộc mình không những không đi ngược lại tinh thần của chủ nghĩa Mác mà còn là đóng góp thiết thực nhất, quý giá nhất đối với lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội, cũng như đối với sự tồn tại, hồi sinh và phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực và của phong trào cộng sản và chủ nghĩa quốc tế trong bối cảnh hiện nay.

1. Xem: “Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong tư tưởng Hồ Chí Minh”. <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/tu-lieu-ve-dang/lich-su-dang/doc-3108201511152646.html>.

Hơn nữa, việc nhận thức đầy đủ hơn và coi trọng đúng mức tính dân tộc trong thực hành chủ nghĩa quốc tế cho phép các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản và công nhân phát huy tính độc lập, tự chủ và sáng tạo trong hoạch định và thực thi cương lĩnh và đường lối cách mạng phù hợp với thực tiễn dân tộc. Điều này góp phần tăng cường sức sống của chủ nghĩa Mác, làm phong phú và sinh động hơn con đường đi tới chủ nghĩa xã hội của các dân tộc, đồng thời hạn chế tư duy máy móc, giáo điều, tư tưởng ỷ lại, tư tưởng đảng lớn đảng nhỏ cũng như sự bao cấp về ý thức hệ, đường lối cách mạng và vật chất trong phong trào cộng sản và chủ nghĩa quốc tế như đã từng tồn tại trong thời kỳ chiến tranh lạnh.

Tuy nhiên, việc đề cao lợi ích quốc gia, dân tộc không có nghĩa là chà đạp và làm tổn hại lợi ích dân tộc chính đáng của các quốc gia, dân tộc khác, không được đối lập với lợi ích chung của cộng đồng quốc tế, không được đi ngược lại tinh thần quốc tế vô sản. Theo đuổi và bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc phải bảo đảm đó là lợi ích chân chính được dựa trên cơ sở của chủ nghĩa dân tộc chân chính theo lý luận Mác - Lê nin. Vì thế, nó đòi hỏi chống lại các biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, vị kỷ, chủ nghĩa sôvanh nước lớn, hay chủ nghĩa biệt phái, chia rẽ về tổ chức và hành động trong phong trào cộng sản và chủ nghĩa quốc tế.

Thứ hai, gắn kết dân tộc với nhân loại, giữa lợi ích quốc gia với trách nhiệm và nghĩa vụ với cộng đồng quốc tế, giữa thúc đẩy hợp tác với tất cả các nước với đấu tranh cho một thế giới hòa bình, công bằng, dân chủ, bình đẳng, phát triển bền vững, văn minh và tiến bộ xã hội chính là những giá trị

và mục tiêu cao cả mà những người cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân tiến bộ thế giới hướng tới, và vì vậy, nó có thể được xem như là những nội dung, sắc thái và hình thức biểu hiện mới thể hiện chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân trong thời đại hiện nay. Trước sự chi phối của lợi ích dân tộc cục bộ và chủ nghĩa thực dụng trong quan hệ quốc tế ngày nay, các đảng cộng sản, đặc biệt là các nước xã hội chủ nghĩa rất dễ đánh mất bản chất của mình, xa rời chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Trên thực tế, điều này đã và đang trở thành một nguy cơ lớn gây chia rẽ trong phong trào cộng sản và chủ nghĩa quốc tế. Nếu trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, giữ vững bản chất cách mạng, những người mácxít sẽ không thể chỉ mưu cầu và theo đuổi lợi ích vị kỷ, hẹp hòi, mà phải biết bảo vệ công lý và lẽ phải, bảo vệ chính nghĩa, bảo vệ hòa bình, ổn định và trật tự quốc tế, tôn trọng luật pháp quốc tế, các giá trị phổ quát được thừa nhận bởi cộng đồng quốc tế, có trách nhiệm tham gia giải quyết các vấn đề chung ảnh hưởng tới vận mệnh của toàn nhân loại, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì các mục tiêu chung của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, bình đẳng và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Trung thành và kiên định lập trường của chủ nghĩa Mác - Lenin về chủ nghĩa quốc tế vô sản, trong khó khăn và thử thách, các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, các đảng cộng sản và công nhân quốc tế vẫn nỗ lực trụ vững và vươn lên, đồng thời tích cực tìm kiếm các hình thức hợp tác và tập hợp lực lượng mới. Vượt qua khủng hoảng, đổ vỡ và tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, của phong trào cộng sản và chủ nghĩa quốc tế, các nước xã hội chủ nghĩa còn

lại và những người cộng sản ở các nước khác vẫn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và mục tiêu chủ nghĩa xã hội, không ngừng đổi mới tư duy lý luận, tìm tòi và khám phá con đường đi cho riêng mình, đồng thời nỗ lực tìm kiếm và sáng tạo các hình thức liên kết và tập hợp đội ngũ trong phong trào. Trên thực tế, mặc dù theo đuổi chính sách đối ngoại mới, các đảng cộng sản cầm quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa còn lại như Trung Quốc, Việt Nam, Cuba, Lào,... vẫn thể hiện sự coi trọng việc củng cố và thúc đẩy quan hệ hợp tác với nhau, dành cho nhau những ưu tiên nhất định, đồng thời nỗ lực tìm kiếm những hình thức, biện pháp phong phú nhằm tăng cường mở rộng quan hệ trao đổi, hợp tác đa dạng, nhiều mặt với các đảng khác trong phong trào cộng sản và chủ nghĩa quốc tế, phong trào độc lập dân tộc, phong trào không liên kết và các lực lượng hoà bình, tiến bộ khác trên thế giới theo khả năng và điều kiện thực tế của mình, phù hợp với bối cảnh của tình hình khu vực và thế giới. Quan hệ hợp tác giữa các đảng trong phong trào cộng sản diễn ra với nhiều hình thức phong phú như trao đổi đoàn, hội thảo, hợp tác đào tạo cán bộ, trao đổi lý luận, kinh nghiệm xây dựng đảng và cầm quyền, tham dự các đại hội đảng của nhau. Trên bình diện đa phương, các đảng cộng sản và công nhân đã rất tích cực tìm kiếm các hình thức tập hợp lực lượng mới và tham gia các hoạt động phối hợp trong phong trào cộng sản. Thời gian qua đã ra đời một loạt các diễn đàn đa phương chính đảng của phong trào cộng sản như Cuộc gặp gỡ quốc tế thường niên tại Athen (Hy Lạp) của các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới (IMCWP) do Đảng Cộng sản Hy Lạp khởi xướng, Diễn đàn Sao Paolo của các đảng cánh tả Mỹ Latinh,

Hội thảo quốc tế “Các chính đảng và một xã hội mới”, Diễn đàn gặp gỡ tiến bộ Mỹ Latinh, Hội nghị quốc tế thường niên “Toàn cầu hóa và các vấn đề phát triển”, Diễn đàn xã hội thế giới (WSF)... Các hình thức tập hợp đó đã góp phần quan trọng vào việc củng cố, tăng cường sự hiểu biết, tình đoàn kết, thống nhất giữa các đảng trong phong trào cộng sản, đồng thời thúc đẩy sự nghiệp chung của phong trào.

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VỚI CÁC TRÀO LƯU XÃ HỘI CHỦ NGHĨA HIỆN NAY

PGS. TS. NGUYỄN ANH TUẤN*

Ngay khi C. Mác và Ph. Ăngghen cùng viết *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, các ông đã gọi tên một loạt các trào lưu xã hội chủ nghĩa tồn tại từ trước và chỉ ra thái độ (chân dung tư tưởng) của chúng đối với giai cấp tư sản và phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đang lên. Đó là các loại chủ nghĩa xã hội “phong kiến”, “thầy tu”, “tiểu tư sản”, “Đức hay chân chính”, “bảo thủ hay tư sản”, cho đến “chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không tưởng - phê phán”¹. Sau sự ra đời của phong trào cộng sản được đánh dấu bởi sự kiện xuất bản tác phẩm *Tuyên ngôn* ngày 21/02/1848, cho đến nay trong nội bộ phong trào này đã có sự phân chia thành nhiều trào lưu tư tưởng khác nhau, tuy có thể cùng theo đuổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Nổi bật hơn cả trong số này là các trào lưu cánh tả bao gồm không chỉ những người

* Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.629-643 (phần III - Văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa).

cộng sản và dân chủ xã hội, mà còn những nhánh nhỏ nữa như chủ nghĩa tờ rốtkít, cánh tả mới (ra đời vào những năm 1960 trong phong trào sinh viên Pháp), chủ nghĩa xã hội sinh thái, chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI, các loại chủ nghĩa xã hội dân tộc, chủ nghĩa xã hội nông dân, và thậm chí cả chủ nghĩa vô chính phủ nữa...

Bài viết này là một phác thảo về lịch sử tiến hóa, nội dung tư tưởng và mối quan hệ lẫn nhau và với bên ngoài của các trào lưu cánh tả. Chúng tôi cố gắng trình bày tương đối hệ thống các luận điểm cơ bản của lý luận trào lưu cánh tả (tập trung vào cánh tả hiện đại). Điều này là cần thiết để hiểu hơn tình hình hiện nay trên thế giới cũng như ở các nước nguyên là chủ nghĩa xã hội hiện thực (mà phương Tây gọi là “hậu cộng sản”) hình thành đầu những năm 1990, sau thất bại của cải tổ ở Liên Xô dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Thất bại của chủ nghĩa xã hội hiện thực phản ánh sự thúc thủ của hệ tư tưởng của nó - hệ tư tưởng cánh tả kinh điển thế kỷ XX - tức là chủ nghĩa Mác - Lê nin (được chúng tôi tạm gọi là chủ nghĩa Mác 2.0, tức chủ nghĩa Mác đời thứ 2) vốn sau khi V.I. Lê nin mất (1924) đã dần nhuốm đậm tư tưởng Xtalin để tạo thành chủ nghĩa truyền thống Xôviết kết hợp với chủ nghĩa bảo thủ cánh hữu - nhằm phân biệt với chủ nghĩa Mác đời đầu (1.0 - của chính Mác và Ăngghen) và với chủ nghĩa Mác đời thứ 3 (chủ nghĩa Mác đổi mới từ sau những năm 1990 đến nay). Đó cũng chính là chủ nghĩa Mác Xôviết - ngọn cờ đầu của hệ tư tưởng cánh tả thế kỷ XX - song đã gặp thất bại ở các nước nguyên là chủ nghĩa xã hội hiện thực và đến nay đã lui hẳn khỏi võ đài tư tưởng hiện thời.

Thay vào vị trí hệ tư tưởng cách đây chưa lâu còn rất mạnh mẽ và tưởng chừng không thể bị lãng quên đó thì nay ở ngay các nước hậu cộng sản chủ nghĩa này là các loại hệ tư tưởng mới gắn liền với các nền dân chủ phương Tây - chủ nghĩa tự do cánh hữu và chủ nghĩa bảo thủ cánh hữu. Cả hai trào lưu tư tưởng phương Tây thống nhất này chia nhau chiếm lĩnh địa bàn chính trị của các nước hậu cộng sản, dồn đuổi các lý luận cánh tả (xã hội chủ nghĩa) ra ngoại biên xa xôi và luôn lớn tiếng đe dọa ném chúng vào “sọt rác lịch sử”. Nhiều khi hai chủ nghĩa này kết hợp với nhau thành một trào lưu chung là chủ nghĩa tự do bảo thủ đang ảnh hưởng rõ rệt đến sự phát triển của các nước nguyên là chủ nghĩa xã hội, trở thành hệ tư tưởng cơ bản thay cho hệ tư tưởng Xôviết giúp phương Tây chiếm lĩnh và lèo lái các nước này đến trật tự thế giới mới.

Song cũng chính tinh thần dân tộc, khuynh hướng bảo thủ lại dẫn dắt các nước này, nhất là Nga quyết liệt phản kháng lại trật tự thế giới mới mà phương Tây muốn áp đặt. Tuy nhiên, đã không thể coi khuynh hướng đó là bảo thủ thuần túy, mà đúng ra, nó là sự quá độ sang hệ tư tưởng khác - phi bảo thủ (hoặc thậm chí là “hậu bảo thủ”, - hay chính là hệ tư tưởng cánh tả hiện đại).

Xét rộng hơn, sự đổ vỡ của các tư tưởng cánh hữu - tự do và bảo thủ mới xuất hiện ở các nước nguyên là chủ nghĩa xã hội đòi hỏi những giải pháp thay thế chúng và thay thế cả hệ tư tưởng cũ đã từng tồn tại nhiều thập niên ở các nước này. Các tìm kiếm trực giác giải pháp này được tiến hành trên cánh tư tưởng hệ “bên trái” - “cánh tả”. Tuy nhiên, vẫn chưa có một sự trình bày nhất quán nào về hệ tư tưởng cánh tả

hiện đại, bởi cho đến nay nó vẫn chưa được định hình ở mức độ đầy đủ cho dù gần 30 năm đã trôi qua. Nguy hiểm hơn, đây là căn cứ để một số người nói về sự thiếu vắng chủ nghĩa Mác trong thế kỷ XXI (3.0).

Hệ tư tưởng Xôviết cũ của “chủ nghĩa xã hội hiện thực” - chủ nghĩa Mác - Lê nin (chủ nghĩa Mác 2.0) - không thể thực hiện vai trò của hệ tư tưởng cánh tả hiện đại. Ngay từ nửa sau thế kỷ XX, hệ tư tưởng đó đã đòi hỏi phải được xem xét lại một cách nghiêm túc nhất, nhưng điều này đã không xảy ra. Vì thế trong thời kỳ khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội hiện thực, bắt đầu từ năm 1956 và năm 1968, và đặc biệt trong thời kỳ “cải tổ” cuối những năm 1980 chủ nghĩa Mác Xôviết (2.0) đã phải thất bại trong cuộc luận chiến với hệ tư tưởng cánh hữu phương Tây - chủ yếu trong vấn đề dân chủ chính trị - quyền con người. Đội ngũ đáng kể các nhà khoa học xã hội Xôviết tuy đã có những năm dài chuẩn bị “cuộc chiến tranh tư tưởng” nhưng trên thực tế đã hoàn toàn lúng túng khi bước vào cuộc chiến này để rồi phải thúc thủ chịu thất bại cay đắng. Nhưng, chỉ là phương án Xôviết của chủ nghĩa Mác thất bại, nó không phải là khuynh hướng duy nhất của lý luận cánh tả trước đây và nhất là ở đầu thế kỷ XXI, càng không phải là nhánh duy nhất của chủ nghĩa Mác. Chủ nghĩa Mác vẫn sống trong các hình thức phi chính thống, chính chúng tạo ra cơ sở của lý luận cánh tả hiện đại.

Một trong các ý đồ cải tiến chủ nghĩa Mác Xôviết thể hiện ở hệ tư tưởng chủ nghĩa cộng sản châu Âu những năm 70 thế kỷ XX. Nó gợi ý một cách hiểu về lối thoát ra khỏi khủng hoảng của chủ nghĩa Mác Xôviết khác so với sự đề xuất điều đó từ phái dân chủ - xã hội châu Âu truyền thống.

Nhiều phái cánh tả đa nguyên lại lấy chính lý luận dân chủ - xã hội làm giải pháp thay thế chủ nghĩa Mác Xôviết. Tuy nhiên, lý luận dân chủ - xã hội truyền thống (theo cách gọi ở trên là chủ nghĩa Mác 1.0, hình thức đầu tiên, “trước Bônsêvích” của chủ nghĩa Mác) cũng không thể là hệ tư tưởng mới thích hợp của cánh tả hiện đại và cũng không là cơ sở của thực tiễn chính trị hiệu quả hiện nay ở các nước nguyên là chủ nghĩa xã hội. Cho dù có những ưu thế so với các hệ tư tưởng cánh hữu truyền thống bảo thủ và tự do chủ nghĩa, thì lý luận đó ngay từ đầu thế kỷ XX đã không phù hợp để phản biện lại các trào lưu cánh hữu nhan nhản trên thế giới (do vậy hiện nay cũng không thể đổi trọng hay thay thế chúng vốn đang chiếm ưu thế ở các nước hậu xã hội chủ nghĩa), mà đúng hơn lý luận dân chủ - xã hội chỉ là hình thức thích nghi của “cánh tả” phương Tây với nó.

Điều đó thêm một lần nữa khẳng định một sự thực là, để định hình được hệ tư tưởng cánh tả hiện đại thì việc đơn giản nhặt nhạnh các đồ thức tư tưởng cánh tả đã có là chưa đủ. Ở đây đòi hỏi những công việc, sự nỗ lực đột phá lý luận - tư tưởng hệ mới hẳn. Việc trình bày tương đối đầy đủ cách tiếp cận tư tưởng hệ mới về các vấn đề của chủ nghĩa xã hội là công việc của nhiều người nghiên cứu và hoạt động thực tiễn. Còn sự trình bày ở đây chỉ là một bước đầu tiên chỉ ra việc lý luận cánh tả đang thu thập “các vật liệu” - kết hợp các mảnh đoạn đang nằm rải rác ở các công trình, ở các nhà lý luận và các trào lưu khác nhau.

Trước hết phải thấy rằng, hệ tư tưởng cánh tả hiện đại về thực chất sẽ là hình thức “thứ ba” của xu hướng mácxít, chủ nghĩa Mác 3.0. Chủ nghĩa Mác 3.0 về cơ bản vẫn là hệ tư

tưởng được xây dựng trên các cơ sở mácxít, nhưng đã thực hiện sự đánh giá lại căn bản các cơ sở này so với các xu hướng mácxít trước đây - chủ nghĩa Mác 1.0 kinh điển (của Quốc tế I) và chủ nghĩa Mác 2.0 (chủ nghĩa Mác - Lê nin). Xu hướng mácxít mới (chủ nghĩa Mác 3.0) không phải là sự vay mượn giản đơn hệ tư tưởng Xôviết hay hệ tư tưởng nào khác trong số các hệ tư tưởng có xu hướng cánh tả đã và đang tồn tại hiện nay. Quan hệ của nó với xu hướng cánh tả Xôviết phức tạp hơn nhiều. Quan hệ đó được xác định bởi các phạm trù và quy luật “biện chứng” mácxít, trong đó có quy luật phủ định của phủ định (phê phán - vượt bỎ và kế thừa). Chủ nghĩa Mác 3.0 không chỉ bút chiến với hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa hiện thực, trong khi là một kiểu phủ định của nó, mà vẫn đưa vào lý luận của mình các yếu tố tích cực của hệ tư tưởng này.

Chủ nghĩa Mác 1.0 chịu sự chỉ trích cả từ phía chủ nghĩa tự do cánh hữu thường chỉ ra hạn chế của nó, lẫn từ phía chủ nghĩa bảo thủ cánh hữu vốn bị Ăngghen coi là “phản động”¹, còn Lê nin dùng từ “cực hữu” để gọi trào lưu tư tưởng này. Những chỉ dẫn đó cho phép nhận ra rằng, lý luận cánh tả từ xa xưa, chứ chưa nói ở thời hiện đại, đã luôn đổi ngược về mọi mặt với tiếp cận kiểu bảo thủ và tự do cánh hữu đang tồn tại cả ở phương Tây, lẫn ở các nước xã hội chủ nghĩa hiện thực trước đây với các phương án dân tộc khác nhau, gồm cả phương án Nga.

Điểm xuất phát chính của trào lưu cánh tả hậu cộng sản hiện đại vẫn là chủ nghĩa Mác 2.0 (Xôviết). Sự phê phán kịch

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.695.

liệt chủ nghĩa Mác trong thế giới hiện thời (trước tiên là ở phương Tây) về cơ bản là sự phê phán những khiếm khuyết và mâu thuẫn của chủ nghĩa Mác này. Tuy nhiên, sang đầu thế kỷ XXI, lý luận cánh tả đòi hỏi phải xét lại căn bản và đổi mới hơn nữa. Sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực, câu hỏi đặt ra là từ chủ nghĩa Mác Xôviết có thể đi tiếp đến đâu? Các hướng vận động có thể rất khác nhau. Một số (chẳng hạn, Đảng Cộng sản Liên bang Nga hiện thời) cho rằng, nói chung không phải đi đâu cả - mà cần kiên trì lập trường chủ nghĩa Mác Xôviết cũ nếu cần thì bổ sung một số yếu tố bảo thủ chủ nghĩa cánh hữu. Một số khác cho rằng, chỉ có sự vận động “sang phải” - đến hệ tư tưởng tự do bảo thủ cả theo phương án tự do cánh hữu lẫn bảo thủ cánh hữu, mới là đúng¹.

Ở đây còn con đường thứ ba là, lý luận cánh tả hiện đại cần phải cải biến lại các khái niệm cơ bản của chủ nghĩa Mác Xôviết nhằm phân tích có phê phán cả xã hội phương Tây (chủ nghĩa tư bản hiện đại), lẫn chủ nghĩa xã hội hiện thực. Có thể sử dụng vào việc này một phần đáng kể hệ thống phạm trù của chủ nghĩa Mác - cả 1.0 và 2.0 hệ thống, nhất là các nguyên tắc biện chứng Hêghen - Mác (như phủ định của phủ định), các khái niệm “duy vật lịch sử” kinh điển như hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, cách mạng...

Khái niệm phủ định biện chứng đối với lý luận cánh tả hiện đại có tầm quan trọng đặc biệt. Khái niệm này là cơ sở

1. Xem A. Бузгалин: *Постсоветская школа критического марксизма. Differencia specifica*, в кн: *Социализм XXI века: 14 текстов постсоветской школы критического марксизма*. М., 2009.

căn bản, là thủ thuật quan trọng để dựa trên đó có thể xây dựng cả quan hệ của hình thái kinh tế - xã hội mới với các hình thái trước đó, cũng như thái độ của lý luận cánh tả hiện đại với các tiền bối tư tưởng hệ của nó. Chẳng hạn, sử dụng hệ thuật ngũ Héghen - Mác có thể khẳng định rằng, thái độ của chủ nghĩa tự do bảo thủ (cũng như của một số trào lưu đường như cánh tả) đối với chủ nghĩa xã hội hiện thực là sự phủ định tiêu cực (sạch trơn) hệ thống và hệ tư tưởng của nó. Còn thái độ của hệ tư tưởng cánh tả hiện đại đối với hệ tư tưởng chủ nghĩa xã hội hiện thực và thực tiễn Xôviết lại được định hình trên nguyên tắc vượt bỏ - kế thừa.

Như vậy, hệ tư tưởng cánh tả hiện đại cần phải tỏ rõ thái độ của mình với chủ nghĩa Mác - Lênin cũng tựa như chủ nghĩa này (2.0) đã ứng xử với chủ nghĩa Mác 1.0 - chủ nghĩa Mác của thế kỷ XIX, dựa trên “sự vượt bỏ - kế thừa” tích cực. Hệ tư tưởng cánh tả hiện đại dựa trên hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác 1.0 truyền thống, cũng như chủ nghĩa Mác 2.0, tuy nhiên thêm vào đó còn là sự phê phán đối với cả hai theo nghĩa phủ định - kế thừa của Héghen và Mác. Sự phủ định diễn ra gần như theo cách chủ nghĩa Lênin đã phủ định chủ nghĩa Mác 1.0 trong thế kỷ XIX mà vẫn kế thừa mặt cách mạng của nó.

Trào lưu cánh tả hiện đại với cái nhìn khách quan, công bằng đã thấy được một trong những thành tựu quan trọng của chủ nghĩa xã hội hiện thực là xã hội này đã tạo ra được cực “tả” (là nước Nga và Đông Âu) trong sự phát triển thế giới. Cực này trong thế kỷ XX đã giữ vai trò quan trọng không chỉ đối với nước Nga, mà còn đối với cả thế giới nói chung - bao gồm việc “nhân đạo hóa” và cải tạo khă căn bản

cả chủ nghĩa tư bản cũ rất phát triển ở châu Âu nói riêng. Nó cũng nhìn rõ, thực tiễn chính trị của “chủ nghĩa tư bản xã hội” (và hệ tư tưởng tương ứng của phái dân chủ - xã hội châu Âu nửa sau thế kỷ XX) đã được định hình dưới sự tác động trực tiếp của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Hơn thế nữa, hệ tư tưởng cánh tả hiện đại thực chất là chủ nghĩa tự do cộng sản. Cách tiếp cận của lý luận cánh tả hiện đại cho phép nhìn theo cách khác (so với cách của chủ nghĩa tự do và bảo thủ cánh hữu) về một loạt vấn đề then chốt cuối thế kỷ XX - đầu thế kỷ XXI. Trong số đó là thái độ đối với chủ nghĩa xã hội hiện thực và vị trí lịch sử của nó, đối với xã hội phương Tây hiện đại, sự đánh giá các cơn khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội hiện thực, các ý đồ cải tổ kiểu Xôviết, - hiểu tình hình “chủ nghĩa hậu cộng sản” hiện đại... Hệ tư tưởng cánh tả hiện đại (chủ nghĩa Mác 3.0) đang thực hiện sự phê phán chủ nghĩa xã hội hiện thực khác hẳn với sự phê phán tự do - bảo thủ ở chỗ không hề mang tính tiêu cực. Nó khẳng định chủ nghĩa xã hội hiện thực là hình thái mang tính quy luật của thời kỳ lịch sử xác định, mặc dù có những khiếm khuyết và hạn chế lịch sử, song vẫn rất khác biệt với xã hội phương Tây (tư bản chủ nghĩa) kỷ nguyên “công nghiệp” đương thời với nó và đã giữ một vai trò to lớn trong lịch sử thế kỷ XX.

Mặc cho chủ nghĩa Bônsêvích và xã hội được xây dựng trên cơ sở của nó có đầy mâu thuẫn, thì chủ nghĩa xã hội hiện thực - như khẳng định của phái cánh tả hiện đại, vẫn cần được coi là bước đột phá quan trọng và cần thiết của văn minh nhân loại - cả trong tư tưởng lẫn trong thực tiễn lịch sử. Điều này đã đưa trào lưu cánh tả hiện đại nhất trí thừa

nhận vai trò cả của hệ tư tưởng của chủ nghĩa xã hội đó - của chủ nghĩa Mác - Lênin (chủ nghĩa Bônsêvích, chủ nghĩa Mác 2.0) - tức là hiểu nó như hình thức cánh tả lịch sử cao hơn so với các hình thức truyền thống kiểu như dân chủ - xã hội. Chủ nghĩa Mác Xôviết - mô hình đầu tiên - mô hình Lênin - đã đi xa hơn phái dân chủ - xã hội trong việc đoạn tuyệt với chủ nghĩa tư bản truyền thống và đã bắt đầu xây dựng “chủ nghĩa xã hội ở một nước” để dẫn tới thành lập hệ thống xã hội chủ nghĩa hiện thực. Vì thế, chính hệ tư tưởng này, chứ không phải phương án dân chủ - xã hội của hệ tư tưởng tự do - bảo thủ (của xã hội phương Tây) mới cần phải trở thành xuất phát điểm của hệ tư tưởng “cánh tả mới” (và chủ nghĩa đa nguyên cánh tả mới) và thực tiễn chính trị tương ứng.

Từ giác độ này cần khảo sát những điểm đặc biệt cơ bản của chủ nghĩa xã hội hiện thực, nói riêng là vấn đề sở hữu tư nhân. Ngược với những cáo buộc từ phía cánh hữu, chủ nghĩa xã hội hiện thực (nhất là hiện nay) không chủ trương thủ tiêu sở hữu tư nhân, mà chỉ thu hẹp địa bàn tác động của nó trong khuôn khổ xã hội mới. Những lời kết tội của một số người phê phán chủ nghĩa Mác về khẩu hiệu “thủ tiêu” tư hữu vốn chống lại những kiến giải sai lầm về chủ nghĩa Mác kinh điển ít nhiều dựa trên bản dịch *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* chưa thật chuẩn (xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản, xóa bỏ chế độ tư hữu)¹, trong đó thực ra các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác chỉ nói về “*sự vượt bở*” (aufheben) sở hữu

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.615-616.

tư nhân¹. Một loạt các nước nguyên là chủ nghĩa xã hội từ nước Nga Xôviết thời Chính sách kinh tế mới (vài năm trước khi Lê nin mất) đến Việt Nam và Trung Quốc ngày nay đang khuyến khích khu vực tư nhân nhưng vẫn kiên trì vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước để giữ định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ngược với mọi đánh giá tiêu cực về chủ nghĩa Bônsêvich, những người cánh tả hiện đại vẫn luôn coi Lê nin là nhân cách lớn mà tên tuổi đã gắn với các cuộc cách mạng vô sản đầu thế kỷ XX, một trí tuệ cánh tả kiệt xuất, người sáng lập một nhánh đặc biệt của chủ nghĩa Mác và là nhà cách mạng - thực tiễn vĩ đại.

Trong khi phê phán chủ nghĩa tư bản phương Tây và bảo vệ chủ nghĩa xã hội hiện thực (mà điểm đặc biệt đặc trưng của nó là thượng tầng chính trị toàn trị), chủ nghĩa Mác 2.0 (Lê nin - Xtalin...) thường phủ nhận tự do chính trị. Trái lại, trào lưu cánh tả hiện đại đã nhấn mạnh tự do chính trị không phải là tàn dư của “chủ nghĩa tự do” (cho dù ở hình thức cánh hữu của nó), mà là thuộc tính quan trọng của “chủ nghĩa xã hội”. Do vậy họ kêu gọi, chủ nghĩa xã hội hiện đại cần phải tính đến kinh nghiệm bi thương của chủ nghĩa xã hội hiện thực thế kỷ XX vốn đã phủ nhận dân chủ chính trị để không được phép xem nhẹ hình thức dân chủ đó, mà phải bao gồm nó như một bộ phận tất yếu vào hệ thống của mình, tức là phải tuân thủ các luật chơi của dân chủ chính trị trong mọi trường hợp không ít hơn so với “chủ nghĩa tư bản” hiện

1. Xem В.Ф. Шелике: *Непознанный Маркс и некоторые проблемы современности*, ч. 1.- *Философские науки*, 2013, т.3, с.37-48.

đại. Đồng thời, chủ nghĩa xã hội mới cần phải áp dụng và tăng cường các yếu tố dân chủ tự quản mà chủ nghĩa xã hội hiện thực đã bắt đầu phát triển cả ở Liên Xô cũng như ở các nước khác, chẳng hạn ở Nam Tư.

Trào lưu cánh tả hiện đại đã bắt đầu dựa trên khái niệm lao động tổng thể (Gesamtarbeits) và “người lao động tổng thể” (Gesamtarbeiter) mà Mác đã dùng trong *Tư bản*¹, và cả khái niệm “giai cấp vô sản lao động trí óc” (intellectual proletariat) do Ăngghen đưa vào đầu những năm 90 thế kỷ XIX². Nó đã nhận ra sự biến đổi to lớn trong thành phần (cơ cấu) của “vô sản tổng thể” (giai cấp công nhân làm thuê) ở kỷ nguyên hậu công nghiệp bước sang cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong các xã hội cả phương Tây lẫn phương Đông. Ở đây là sự suy giảm rõ rệt vai trò của vô sản công nghiệp và sự vươn lên dẫn đầu của các nhóm vô sản khác gần hơn với vô sản lao động trí óc.

Lý luận cánh tả hiện đại cũng đang nối tiếp chủ nghĩa Mác phi chính thống (ngoài Xôviết) trong thế kỷ XX, làm rõ hơn sự thực “tha hóa vô sản lao động trí óc” (cũng như vô sản tổng thể nói chung) không chỉ dưới “chủ nghĩa tư bản”, mà còn trong “chủ nghĩa xã hội hiện thực”. Sự cần thiết phải khắc phục biểu hiện tha hóa đó đặt ra cho giai cấp vô sản tổng thể nhiệm vụ phải thực hiện cuộc cách mạng chống lại toàn bộ giới quan liêu đảng - nhà nước. Mục đích cuộc cách mạng này không phải là khôi phục lại trên thế giới chủ nghĩa xã hội hiện thực truyền thống, mà là nhằm thúc đẩy mạnh hơn bước chuyển từ xã hội đó lên những giai đoạn phát triển

1, 2. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.23, tr.718; t.22, tr.544.

mới cao hơn. Cuộc cách mạng đó tạo nghĩa tích cực cho các cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội hiện thực và các quá trình “cải tổ”, làm cho chúng thực sự hữu ích như những bài học kinh nghiệm, cái giá phải trả cho sự non nớt, áu trĩ để có đóng góp thiết thực hơn vào sự phát triển của chủ nghĩa xã hội mới. Các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản hiện thực và của chủ nghĩa xã hội hiện thực đã và đang sinh ra phe đối lập với các hệ thống đó. Giai cấp vô sản đấu tranh với giới quan liêu đảng - nhà nước bằng các hình thức tư tưởng hệ và chính trị mới. Đây chính là “nhân tố chủ quan” của cuộc cách mạng “tích cực” nêu trên trong thế giới xã hội chủ nghĩa hiện thực - tức là phong trào cánh tả hiện đại và các nhóm cánh tả của giai cấp vô sản lao động trí óc. Họ đấu tranh chống lại sự kiểm soát cánh hữu truyền thống cả ở phương Tây lẫn trong các nước nguyên là chủ nghĩa xã hội hiện thực. Những cuộc cách mạng mới của chủ nghĩa xã hội hiện thực và của sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội mới, diễn đạt theo cách nói của Mác trong *Sự khốn cùng của triết học*, có nghĩa là “vô sản lao động trí óc” đã biết tự giải phóng, biến mình từ “giai cấp tự nó” thành “giai cấp vì nó”¹. Chúng tạo ra khả năng vượt bờ sự tha hóa vốn có trong xã hội thực hiện sự áp bức cả “vô sản tổng thể” lẫn “vô sản lao động trí óc” nói riêng.

Hệ tư tưởng cánh tả hiện đại - chủ nghĩa Mác 3.0 - là hệ tư tưởng của sự quá độ lên hình thức xã hội mới - “chủ nghĩa xã hội mới”. Hệ tư tưởng này được xây dựng trên các cơ sở của chủ nghĩa Mác kinh điển (cũng như thực tiễn của cả chủ nghĩa Lênin) nhưng là sự phát triển đầy tính chiến đấu - phê

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.256.

phán trong các điều kiện đầu thế kỷ XXI. Chủ nghĩa Mác 3.0 là chủ nghĩa Mác kỷ nguyên khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực - hình thức thứ nhất của hình thái “cộng sản chủ nghĩa” và của sự khôi phục, tạo lập trong các nước xã hội chủ nghĩa hiện thực xã hội phương Tây (tư bản) truyền thống. Nhưng nó cũng thể hiện mong muốn của giai cấp vô sản các nước nguyên là chủ nghĩa xã hội chống lại quá trình phục hưng tư bản chủ nghĩa đó để thoát khỏi sự kiểm soát của xã hội phương Tây và bắt đầu sự phát triển độc lập của mình. Nó đứng đối lập với hệ tư tưởng tự do bảo thủ thống trị trong các nước phương Tây hiện đại. Nhưng nó cũng không hướng đến việc khôi phục lại chủ nghĩa xã hội hiện thực như đã từng tồn tại, mà đến những đổi thay tích cực trên toàn thế giới. Với chủ trương đó, lý luận cánh tả hiện đại (chủ nghĩa Mác 3.0) cũng thực hiện sự phản biện lại chủ nghĩa Mác cũ (2.0) vốn đã bị biến dạng bởi chủ nghĩa Xtalin. Khác với chủ nghĩa Mác 2.0, nó không tranh đấu vì sự quay trở lại của chủ nghĩa xã hội hiện thực truyền thống ở những nước có chế độ xã hội chủ nghĩa đã từng tồn tại, mà vì sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội mới. Vì thế nó còn là hệ tư tưởng của hình thức xã hội - như Lenin viết - của một ““xanhđica” nhà nước *duy nhất* của toàn dân”¹ (liên hợp, tập thể) cao hơn, của chủ nghĩa xã hội hiện thực “cấp hai”, là hệ tư tưởng của những đội ngũ cần lao làm thuê (vô sản) mới (hiện đại) - tức là về cơ bản của “vô sản lao động trí óc”. Trong khi tính đến “các quan hệ phản chiếu gương” của thế giới nguyên chủ nghĩa xã hội hiện thực và của thế giới

1. V.I. Lenin: *Toàn tập*, Sđd, t.33, tr.124.

phương Tây, hệ tư tưởng đó thực tế là hình chiếu đặc thù (chiếu gương) của hệ tư tưởng tự do (cánh hữu) cũ, tức là chủ nghĩa tự do (“cánh tả”) “mới”. Hệ tư tưởng đó là sự tổng hợp tư tưởng các trào lưu cánh tả khác nhau đã thoát ra khỏi phạm vi chủ nghĩa Mác 2.0 (Xôviết) và hướng đến sự phát triển tích cực (“sự vượt bờ”) nó.

Chủ nghĩa Mác 3.0 phê phán chủ nghĩa Mác 2.0 (Xôviết), nhưng sự phê phán đó diễn ra từ các lập trường khác so với chủ nghĩa tự do bảo thủ làm điều đó. Đó là từ lập trường của các hình thức xã hội - tự quản - cao hơn (các hệ thống tập thể liên hợp cấp hai). Có thể nói rằng, bối cảnh xây dựng chủ nghĩa Mác mới (3.0), sự thoát ra của chủ nghĩa Mác này (từ nửa sau thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI) từ lòng sâu của chủ nghĩa Mác Xôviết cũ, đang lặp lại kịch bản chia nhánh chủ nghĩa Mác như đã từng diễn ra hơn một thế kỷ trước. Vào đầu thế kỷ XX, trào lưu cánh tả chung (mácxít) đã tách thành hai nhánh - dân chủ - xã hội cũ (Mensêvích) và Bônsêvích. Đến đầu thế kỷ XXI, phong trào cánh tả lại tiến tới một sự phân nhánh mới (hiện thời). Cơ sở của sự phân nhánh này không phải là chủ nghĩa Mác 1.0, mà giờ đây là chủ nghĩa Mác 2.0 - Bônsêvich vốn đã gắn liền với sự tồn tại của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Chủ nghĩa Mác 3.0 đang thực hiện sự đoạn tuyệt với chủ nghĩa Mác cũ, tựa như vào thời của mình chủ nghĩa Bônsêvich đã làm khi cắt đứt mọi quan hệ với phe dân chủ - xã hội. Nó đang chia tay mọi hình thức cũ của chủ nghĩa Mác 2.0 vốn đã biến dạng sang chủ nghĩa Xtalin và đã chịu thất bại cay đắng vào cuối thế kỷ XX. Sự cắt đứt về mặt lý luận với chủ nghĩa Xtalin là một trong các nhiệm vụ trung tâm

của chủ nghĩa Mác 3.0 đổi mới. Tuy nhiên, chủ nghĩa Mác 3.0 vẫn là sự kế tiếp chủ nghĩa Mác 2.0, bởi để phân tích các quá trình chính trị hiện nay nó vẫn sử dụng một loạt các yếu tố quan trọng của chủ nghĩa Mác truyền thống và của chủ nghĩa Mác 2.0 như các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật và các phạm trù duy vật lịch sử - dĩ nhiên là với nhiều điều chỉnh căn bản. Có thể xác định thủ thuật chung bày tỏ thái độ của lý luận cánh tả hiện đại với chủ nghĩa Mác 2.0 như là nguyên tắc “phủ định lần hai” (theo phép biện chứng kinh điển) - vượt bờ - giữ gìn.

Sự quá độ chuyển tiếp lên chủ nghĩa xã hội đổi mới không thể diễn ra tự nó, mà đòi hỏi những nỗ lực chính trị ghê gớm - những nỗ lực của các đảng cánh tả và dân chủ cánh tả ở các nước nguyên chủ nghĩa xã hội hiện thực. Có thể hình dung là, cả tương lai ở các nước hậu cộng sản Đông Âu, cũng như của cả khu vực nói chung (đó là còn chưa nói đến các khu vực khác của thế giới hiện đại) đều gắn liền với sách lược của các đảng đó. Nhiều khả năng trong tương lai có thể sẽ có sự hợp nhất các đảng cánh tả (trung tả) cả ở các nước hậu cộng sản lẫn ở các nước châu Âu khác.

SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

GS. TS. LÊ HỮU NGHĨA*

Cách đây 170 năm, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* - một tác phẩm lý luận bất hủ, một văn kiện có tính chất cương lĩnh chính trị do C. Mác và Ph. Ăngghen soạn thảo đã ra đời. Từ đó đến nay, mặc dù thế giới đã trải qua biết bao nhiêu biến cố thăng trầm, nhưng *Tuyên ngôn* vẫn là ngọn cờ tư tưởng - lý luận khoa học, soi đường cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới.

Thời gian càng lùi xa, càng chứng minh giá trị bền vững và sức sống của *Tuyên ngôn* với tư cách là “tác phẩm phổ biến hơn cả, có tính chất quốc tế hơn cả trong tất cả các văn phẩm xã hội chủ nghĩa, đó là cương lĩnh được thừa nhận bởi hàng triệu công nhân từ Xibia đến Caliphocnia”¹ - như nhận xét của Ph. Ăngghen năm 1890.

Sự ra đời của *Tuyên ngôn* đánh dấu sự ra đời và chín muồi của chủ nghĩa Mác. Giá trị, sức sống của *Tuyên ngôn* phản ánh giá trị khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác.

* Nguyên Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.21, tr.522.

Giá trị, sức sống đó đã được thực tiễn cách mạng thế giới kiểm chứng qua nhiều lần thử thách nghiệt ngã.

1. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản khẳng định sự ra đời và chín muồi của chủ nghĩa Mác*

Với tư cách là một học thuyết khoa học và cách mạng, chủ nghĩa Mác chính thức ra đời từ khi C. Mác và Ph. Ăngghen công bố *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Lần đầu tiên, những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác được trình bày một cách cô đọng, hệ thống và có sức thuyết phục (về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; về kinh tế chính trị học mácxít và về chủ nghĩa xã hội khoa học).

Sự ra đời của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* phản ánh sự chín muồi của một học thuyết lý luận, là kết quả của những thành quả nghiên cứu khoa học, gắn với nghiên cứu, khảo sát thực tiễn phong trào cách mạng của giai cấp công nhân châu Âu vào giữa thế kỷ XIX của hai nhà khoa học, hai nhà tư tưởng lỗi lạc của nhân loại: C. Mác và Ph. Ăngghen. Những nguyên lý cơ bản được nêu trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã đánh dấu quá trình chuyển biến tư tưởng, lập trường trên bước đường đấu tranh về tư tưởng, lý luận: từ chủ nghĩa duy tâm chuyển sang chủ nghĩa duy vật; từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa của C. Mác và Ph. Ăngghen.

Tính khoa học và cách mạng của *Tuyên ngôn* thể hiện tính khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác.

Trong *Tuyên ngôn*, C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định: “Những quan điểm lý luận của những người cộng sản tuyệt

nhiên không dựa trên những ý niệm, những nguyên lý do một nhà cải cách thế giới nào phát minh ra.

Những nguyên lý ấy chỉ là biểu hiện khái quát của những quan hệ thực tại của cuộc đấu tranh giai cấp hiện có¹.

Bằng quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, C. Mác và Ph. Ăngghen đã luận giải, phân tích rất thuyết phục về sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội, về cuộc đấu tranh giai cấp để xác lập cương lĩnh đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân: gắn cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp với giải phóng dân tộc và giải phóng con người.

Sự ra đời của chủ nghĩa Mác được khẳng định trong tư tưởng cơ bản và chủ đạo của *Tuyên ngôn*. Trong *Lời tựa cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”* xuất bản năm 1883, Ph. Ăngghen chỉ rõ: “Tư tưởng cơ bản và chủ đạo của “Tuyên ngôn” là: trong mọi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra, - cả hai cái đó cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy; do đó (từ khi chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy tan rã), toàn bộ lịch sử là lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa những giai cấp bị bóc lột và những giai cấp đi bóc lột, giữa những giai cấp bị trị và những giai cấp thống trị, qua các giai đoạn của sự phát triển xã hội của họ; nhưng cuộc đấu tranh ấy hiện nay đã đến một giai đoạn mà giai cấp bị bóc lột và bị áp bức (tức là giai cấp vô sản) không còn có thể tự giải phóng khỏi tay giai cấp bóc lột và áp bức mình (tức là giai cấp tư sản) được nữa, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.615.

toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức và khỏi cuộc đấu tranh giai cấp, - tư tưởng cơ bản ấy hoàn toàn và tuyệt đối là của Mác”¹.

Tính nhân văn, nhân đạo cao cả thể hiện trong tư tưởng cơ bản của *Tuyên ngôn*, đồng thời khẳng định tính nhân văn, nhân đạo của chủ nghĩa Mác. Sự nghiệp cách mạng cao cả của giai cấp công nhân, của những người cộng sản là phải gắn liền cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng toàn nhân loại khỏi mọi ách áp bức, bất công nhằm mục tiêu phát triển tự do và toàn diện con người.

2. Giá trị trao đổi của những nguyên lý cơ bản trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*

Tư tưởng cơ bản và chủ đạo của *Tuyên ngôn* được phân tích, luận giải bằng hàng loạt nguyên lý tổng quát phản ánh quy luật phát triển của lịch sử, dưới đây là những nguyên lý tiêu biểu:

Thứ nhất, nguyên lý về vai trò, sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân.

Bằng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, C. Mác và Ph. Ăngghen đã phân tích về giai cấp, đấu tranh giai cấp trong xã hội tư bản, làm rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân - sứ mệnh thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, sáng tạo ra xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa, tiến tới xã hội cộng sản, không còn giai cấp.

V.I. Lê nin, người thầy vĩ đại của giai cấp công nhân quốc tế, người kế tục sự nghiệp, bổ sung, phát triển sáng tạo học

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.21, tr.11-12.

thuyết Mác trong những điều kiện lịch sử mới đã đánh giá về *Tuyên ngôn*: “Tác phẩm này trình bày một cách hết sức sáng sủa và rõ ràng thế giới quan mới, chủ nghĩa duy vật triệt để - chủ nghĩa duy vật này bao quát cả lĩnh vực sinh hoạt xã hội, - phép biện chứng với tư cách là học thuyết toàn diện nhất và sâu sắc nhất về sự phát triển, lý luận đấu tranh giai cấp và vai trò cách mạng - trong lịch sử toàn thế giới - của giai cấp vô sản, tức là giai cấp sáng tạo ra một xã hội mới, xã hội cộng sản”¹.

Sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân không phải là ý muốn chủ quan, một sự áp đặt khiên cưỡng mà do những điều kiện khách quan quy định.

Phân tích về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, từ khi ra đời và trong quá trình phát triển của nó, C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: *một mặt*, giai cấp tư sản là giai cấp đã “đóng một vai trò hết sức cách mạng trong lịch sử” là giai cấp đầu tiên đã cho chúng ta thấy “hoạt động của loài người có khả năng làm được những gì”. Bởi vì giai cấp ấy trong quá trình thống trị chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn, đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại. *Mặt khác*, cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất đồ sộ ấy, mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đồng thời nảy sinh gay gắt: mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất ngày càng mang tính chất xã hội hóa với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản. Việc chạy theo lợi nhuận “bóp nặn thị trường”, bằng mọi thủ đoạn bóc lột công nhân đã dẫn

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Sđd, t.26, tr.57.

đến kết cục: “giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những công nhân hiện đại, những người vô sản”¹.

Luận điểm nổi tiếng trong *Tuyên ngôn*: “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”² là kết luận rút ra từ nguyên lý về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân.

Trong điều kiện hiện nay, mặc dù về số lượng, chất lượng và cơ cấu của giai cấp công nhân trên thế giới đã có nhiều thay đổi, song nguyên lý về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân được khẳng định trong *Tuyên ngôn* vẫn giữ nguyên giá trị.

Thứ hai, nguyên lý về mối quan hệ giữa giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là cương lĩnh chính trị của Đảng Cộng sản và của phong trào cộng sản quốc tế. Trong bản cương lĩnh này, C. Mác và Ph. Ăngghen không chỉ luận bàn về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân mà còn luận giải rất khoa học về quan hệ giữa giai cấp công nhân với Đảng Cộng sản, chỉ rõ rằng giai cấp công nhân chỉ có thể thực hiện và hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình khi có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản chân chính.

Quan hệ giữa Đảng Cộng sản với giai cấp công nhân đã được C. Mác và Ph. Ăngghen luận giải trước hết từ quan hệ lợi ích:

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.605, 613.

“Những người cộng sản không phải là một đảng riêng biệt, đối lập với các đảng công nhân khác.

Họ tuyệt nhiên không có một lợi ích nào tách khỏi lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản.

Họ không đặt ra những nguyên tắc riêng biệt nhằm khuôn phong trào vô sản theo những nguyên tắc ấy”¹.

Tuyên ngôn còn chỉ rõ rằng: “về mặt thực tiễn, những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất trong các đảng công nhân ở tất cả các nước, là bộ phận luôn luôn thúc đẩy phong trào tiến lên, về mặt lý luận, họ hơn hẳn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ là họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung của phong trào vô sản”².

Chính nhờ sự thâm nhập của tư tưởng mácxít vào phong trào công nhân, đã biến phong trào công nhân từ tự phát thành tự giác, dẫn đến sự ra đời của các đảng cộng sản ở châu Âu.

Nguyên lý về quan hệ giữa Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân được nêu trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã trở thành cơ sở lý luận và phương pháp luận để những người cộng sản trên thế giới vận dụng phù hợp, phát triển sáng tạo trong quá trình thành lập và xây dựng Đảng Cộng sản của mình. Trong đó bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản là yếu tố quyết định.

Thứ hai, những nguyên lý về giải quyết các quan hệ giai cấp - dân tộc - quốc tế.

Mục tiêu, lý tưởng của giai cấp vô sản là thông qua cuộc cách mạng không ngừng để đi đến: “Thay cho xã hội tư sản

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.614; t.21, tr.503.

cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹.

Để đạt được mục tiêu nhân văn cao cả đó, ngay từ cách mạng vô sản, những người cộng sản đã phải giải quyết một cách phù hợp các quan hệ giữa giai cấp - dân tộc - quốc tế.

Trong *Tuyên ngôn*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: “... giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc”² (về sau trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888, thay cho chữ “tự vươn lên thành giai cấp dân tộc” là những chữ (“tự vươn lên thành giai cấp chủ đạo trong dân tộc”). Đó chính là tư tưởng phản ánh nguyên lý: giai cấp công nhân phải là giai cấp đại diện cho lợi ích của dân tộc; cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp phải gắn liền với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Bởi vì: “Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc đồng thời cũng mất theo”³. Mặt khác, trong quan hệ giữa dân tộc - quốc tế, giai cấp vô sản không chỉ đại diện cho lợi ích của từng dân tộc - do bản chất quốc tế vốn có - giai cấp vô sản còn đại diện cho lợi ích của toàn thể nhân loại. Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản cần và phải thực hiện dưới ngọn cờ của chủ nghĩa quốc tế vô sản (ngày nay được gọi là chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân).

Luận điểm bất hủ: “Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.628, 623-624, 624.

bị xóa bỏ”¹ được nêu ra trong *Tuyên ngôn* đã thể hiện phương châm giải quyết quan hệ dân tộc - quốc tế rất phù hợp của C. Mác và Ph. Ăngghen.

Thứ tư, nguyên lý về con đường, phương pháp tiến hành cách mạng để đạt mục đích cuối cùng.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã khái quát nguyên lý về tiến hành cách mạng không ngừng, qua từng bước với các nhiệm vụ cụ thể mà giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản phải thực hiện. Trong đó “bước thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ”². Khi đã trở thành giai cấp thống trị thì giai cấp công nhân phải sử dụng quyền lực chính trị để phát triển sản xuất, tăng lên không ngừng những lực lượng sản xuất.

Nguyên lý mang tính tổng quát về con đường, phương pháp cách mạng, đó là *phải tiến hành cách mạng không ngừng, phải tùy theo yêu cầu, nhiệm vụ của từng thời gian, phải tiến hành từng bước để đạt đến mục đích cuối cùng*. Đó cũng là giá trị bền vững của nguyên lý vừa nêu mà không phụ thuộc máy móc vào những biện pháp cách mạng cụ thể được nêu trong *Tuyên ngôn*.

Khẳng định các nguyên lý tổng quát được nêu trong *Tuyên ngôn*, đòi hỏi chúng ta phải nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn luận điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen sau 25 năm từ khi các ông viết nên bản cương lĩnh bất hủ đó: “Mặc dầu hoàn cảnh đã thay đổi nhiều trong hai mươi lăm năm qua,

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.624, 626.

nhưng cho đến nay, xét về đại thể, những nguyên lý tổng quát trình bày trong “Tuyên ngôn” này vẫn còn hoàn toàn đúng. Ở đôi chỗ, có một vài chi tiết cần phải xem lại. Chính ngay “Tuyên ngôn” cũng đã giải thích rõ ràng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đấy, không nên quá cùn nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II. Đoạn này, ngày nay mà viết lại thì về nhiều mặt, cũng phải viết khác đi. Vì đại công nghiệp đã có những bước tiến hết sức lớn trong hai mươi lăm năm qua (...).

Tuy nhiên, “Tuyên ngôn” là một tài liệu lịch sử mà chúng tôi không có quyền sửa lại. Có lẽ là trong một lần xuất bản, sẽ có một lời tựa để bổ sung vào khoảng trống từ năm 1847 đến nay”¹.

Luận điểm vừa nêu cho thấy thái độ khoa học, quan điểm lịch sử và sáng tạo của C. Mác và Ph. Ăngghen.

Ph. Ăngghen, vê sau trong tác phẩm *Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học* đã tiếp tục nêu lên luận điểm nổi tiếng: “Muốn làm cho chủ nghĩa xã hội trở thành một khoa học thì trước hết phải đặt nó vào một cơ sở hiện thực”², đồng thời “phải nghiên cứu thêm, trong mọi chi tiết và mọi mối liên hệ của nó”³. Việc vận dụng sáng tạo các nguyên lý của *Tuyên ngôn* nói riêng, của chủ nghĩa Mác nói chung, đòi hỏi tất yếu phải được bổ sung, phát triển sáng tạo.

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.128; t.20, tr.34; t.19, tr.305.

3. *Tuyên ngôn với thời đại ngày nay và với công cuộc đổi mới ở Việt Nam*

Tư tưởng cơ bản, chủ đạo, những nguyên lý tổng quát với tính khoa học và cách mạng của *Tuyên ngôn* đã trở thành ngọn cờ tư tưởng, tập hợp, cổ vũ, động viên to lớn đối với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

Nhận xét của V.I. Lênin về *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đến nay vẫn giữ nguyên giá trị thời sự: “Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng hàng bộ sách: tinh thần của nó, đến bây giờ, vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh”¹.

Thực tiễn cách mạng thế giới đã chứng minh ý nghĩa soi đường, vạch thời đại của *Tuyên ngôn*.

Dưới ánh sáng của tư tưởng vĩ đại của *Tuyên ngôn*, Công xã Paris (1871) - cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới đã diễn ra. Chính quyền của giai cấp công nhân đã được thiết lập dù chỉ tồn tại trong 72 ngày nhưng đã để lại những bài học kinh nghiệm vô giá. Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga (1917) giành thắng lợi mở ra một thời đại mới: thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới. Sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc cùng với các phong trào đấu tranh cho dân chủ, tiến bộ và hòa bình, sau Cách mạng Tháng Mười đều đã chứng minh giá trị, sức sống và ý nghĩa thời đại của *Tuyên ngôn*.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.10.

Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu là một tổn thất to lớn của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Song không thể coi đó là sự kết thúc “những thí nghiệm cộng sản”! Đó chỉ là sự đổ vỡ của một mô hình chủ nghĩa xã hội. Những người mácxít chân chính đã có những đánh giá khách quan, trung thực về những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự đổ vỡ đó. Một trong những nguyên nhân chủ yếu là việc các đảng cộng sản ở Liên Xô và ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác nói chung, của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* nói riêng, ngay trong xác lập mô hình và con đường để hiện thực hóa mục tiêu, mô hình.

Giá trị, sức sống và ý nghĩa thời đại của *Tuyên ngôn* vẫn tiếp tục được khẳng định bằng thực tiễn cách mạng ở các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Công cuộc cải cách, đổi mới với nhiều thành tựu của Trung Quốc, Việt Nam, sự đứng vững của nước Cuba xã hội chủ nghĩa trước sự bao vây, cấm vận của các thế lực đế quốc; các phong trào cánh tả ở khu vực Mỹ Latinh với khẩu hiệu “Chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI”, v.v. là những minh chứng về tác động và ý nghĩa thời đại của tư tưởng vĩ đại của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo luôn nhận thức đúng về giá trị khoa học và cách mạng của *Tuyên ngôn* và đã vận dụng một cách sáng tạo để đề ra đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Nhờ sự vận dụng sáng tạo những nguyên lý cách mạng vô sản được nêu trong *Tuyên ngôn* nói riêng, chủ nghĩa Mác nói chung mà cách mạng Việt Nam đã giành được những kỳ tích

trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giành lại độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

Tư tưởng khoa học và phương pháp cách mạng của *Tuyên ngôn* cũng đã được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng sáng tạo trong công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Biểu hiện cụ thể, sinh động nhất là những nguyên lý tổng quát được nêu trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991) và được bổ sung, phát triển năm 2011 của Đảng.

Giá trị khoa học của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trước hết ở chỗ đã giúp cho Đảng ta có được cơ sở lý luận và phương pháp luận đúng đắn trong phát triển lý luận, tổng kết thực tiễn nhằm làm sáng tỏ hơn nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hàng loạt vấn đề thực tiễn đặt ra đã và đang được giải đáp: về định hướng xã hội chủ nghĩa, về mục tiêu, động lực chủ yếu của cách mạng Việt Nam, về những đặc trưng thể hiện bản chất của xã hội xã hội chủ nghĩa và về con đường, cách thức xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong điều kiện mở rộng quan hệ quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế...

Bài học lớn đầu tiên, qua 30 năm đổi mới mà Đảng Cộng sản Việt Nam rút ra là: “trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh...”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.69.

Công cuộc đổi mới đất nước trải qua hơn 30 năm đã đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*, trong đó có những thành tựu về đổi mới nhận thức, lý luận về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Tuy nhiên để đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, Đại hội XII của Đảng yêu cầu: “Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn, hoàn thiện hệ thống các quan điểm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”¹.

Những nội dung lý luận, thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta chắc chắn sẽ được tiếp tục bổ sung, phát triển trong quá trình nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn của Đảng ta.

Tư tưởng vĩ đại của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* sẽ tiếp tục soi sáng công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.201.

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN GIÁ TRỊ HIỆN ĐẠI, SỨC SỐNG VÀ Ý NGHĨA TRONG THẾ GIỚI ĐƯƠNG ĐẠI

GS. TS. HOÀNG CHÍ BẢO*

1. Vị trí đặc biệt và nổi bật của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trong di sản kinh điển mácxít

Trong danh mục tác phẩm trước tác vô cùng đồ sộ của các tác gia kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin từ những năm 40 thế kỷ XIX đến những năm 20 thế kỷ XX thì *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* có một vị trí đặc biệt và nổi bật, để lại dấu ấn đặc sắc không thể phai mờ trong lịch sử.

Vị trí đặc biệt của *Tuyên ngôn* là ở chỗ, tác phẩm này đánh dấu một bước ngoặt về sự thành thực, chín muồi quan điểm tư tưởng, lý luận và phương pháp của chủ nghĩa Mác. *Tuyên ngôn* đánh dấu sự trưởng thành của Mác và chủ nghĩa Mác.

Tuyên ngôn nổi bật giá trị và ý nghĩa đối với sự sinh thành chủ nghĩa xã hội trong lịch sử trên địa hạt lý luận và sự phát triển chủ nghĩa xã hội trong thế giới hiện đại trên địa hạt thực tiễn.

* Chuyên gia cao cấp, nguyên Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương.

Khi viết *Tuyên ngôn* theo ủy nhiệm của Đồng minh những người cộng sản vào đầu năm 1848, thiên tài tư tưởng Các Mác mới tròn 30 tuổi và Ăngghen, người đồng hành với Mác trong cuộc đấu tranh không khoan nhượng với chủ nghĩa tư bản, trở thành “Cái tôi thứ hai” của Mác mới 28 tuổi. *Tuyên ngôn* còn nổi bật ở chỗ, trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt 21 năm liên, từ năm 1872 sau Công xã Paris đến năm 1893, trước khi Ăngghen trở về với Mác nơi vĩnh hằng, các ông đã cùng nhau viết lời tựa tái bản cho bảy lần tái bản văn kiện bất hủ này và dịch ra rất nhiều thứ tiếng. Được truyền bá rộng rãi trên thế giới, *Tuyên ngôn* có một hiệu ứng tư tưởng, tinh thần, sự thức tỉnh và thúc đẩy giai cấp công nhân, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân, của các đảng cộng sản và các dân tộc vô cùng sâu sắc và mạnh mẽ.

Với tư cách là Cương lĩnh chính trị của Đảng Cộng sản, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế thì quả thật, *Tuyên ngôn* là bản cương lĩnh có tuổi thọ lâu nhất, dài nhất. 170 năm đã trôi qua từ khi *Tuyên ngôn* ra đời, cho đến nay, những tư tưởng lớn trong *Tuyên ngôn* vẫn còn giá trị và ý nghĩa ở tâm vóc thời đại và thế giới. Nhận thức và đánh giá về những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Mác - Lê nin, không thể không tính đến những giá trị bền vững trong *Tuyên ngôn*.

Để góp phần làm sáng tỏ giá trị hiện đại, sức sống và ý nghĩa của *Tuyên ngôn* trong thế giới đương đại ngày nay, phải nhận thức nội dung phong phú của *Tuyên ngôn* từ kết cấu lôgíc đến hệ thống các luận điểm, từ tư duy phê phán đến phong cách luận chiến mà các tác giả *Tuyên ngôn* thể hiện.

Tất cả đều nhất quán, triệt để - *phủ định* giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản, *khẳng định* vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xu thế và triển vọng của chủ nghĩa xã hội (mà trong văn bản *Tuyên ngôn* chỉ nói tới chủ nghĩa cộng sản, những người cộng sản. Chủ nghĩa xã hội và những người xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh lịch sử ra đời *Tuyên ngôn*, Mác và Ăngghen hình dung là *đối tượng của sự phê phán*). *Tuyên ngôn* có những giá trị bền vững với các nguyên lý và luận đề tư tưởng mà đến nay vẫn còn mới mẻ, hiện đại - đó là *chủ nghĩa duy vật biện chứng về lịch sử* và *chủ nghĩa cộng sản khoa học* định hướng cho phát triển và kết tinh thành giá trị của phát triển. *Tuyên ngôn* là tác phẩm điển hình về *triết học chính trị - xã hội*, thể hiện bản chất khoa học - cách mạng và nhân văn, thấm nhuần một chủ nghĩa lạc quan lịch sử hướng tới tương lai cộng sản chủ nghĩa.

Từ khi *Tuyên ngôn* ra đời cho đến nay, lịch sử thế giới đã trải qua rất nhiều biến đổi, có những bước ngoặt nổi bật như những điểm nhấn xuyên qua muôn vàn sự kiện phong phú, phức tạp của những biến đổi đó. Thực tiễn ấy, đặt *Tuyên ngôn* vào *sự kiểm nghiệm và đánh giá* một cách khách quan về giá trị và ý nghĩa của nó. Thực tiễn ấy cũng đồng thời đặt *Tuyên ngôn* trước *những thử thách không kém phần nghiêm ngặt*. Trong hoàn cảnh mới, điều kiện mới, cần phải đi sâu nghiên cứu tác phẩm vĩ đại này để có những nhận thức mới về *Tuyên ngôn*. Do *Tuyên ngôn* là một văn kiện lịch sử đã hoàn thành, đã trở thành lịch sử nên phải tôn trọng nó như giải thích của Mác và Ăngghen. Các tác giả *Tuyên ngôn* - đồng thời là những người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học là những nhân vật lịch sử đã đi trọn lôgic của mình, nhưng *Tuyên ngôn* vẫn

tiếp tục sống và tiếp tục trưởng thành trong dòng chảy của lịch sử, trong thực tiễn cách mạng.

2. Về những chủ giải lịch sử quan trọng của Mác và Ăngghen trong *Tuyên ngôn* và các lời tựa từ năm 1872 đến năm 1893

Trước hết cần phải chú ý tìm hiểu những giải thích của Mác và Ăngghen về “những người xã hội chủ nghĩa”, về những khuynh hướng, trào lưu xã hội chủ nghĩa đương thời mà các ông đã công khai phê phán để hiểu vì sao trong tác phẩm mang tính cương lĩnh này, các ông nhấn mạnh tới chủ nghĩa cộng sản, phân biệt rõ ràng sự khác nhau giữa những người vô sản và những người cộng sản, vạch rõ bản chất của những người nhân danh “xã hội chủ nghĩa” và các khuynh hướng chủ nghĩa xã hội. Đây là một trong những nội dung chính yếu của *Tuyên ngôn* được phân tích cặn kẽ về mặt lịch sử và lý luận, làm cơ sở để từ đó trình bày chính diện những nguyên lý tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản khoa học.

Thái độ, quan điểm và phương pháp phê phán cùng với nội dung phê phán “những người xã hội chủ nghĩa” đã được Ăngghen thể hiện rất đặc sắc trong tác phẩm *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*, năm 1847. Cùng năm đó, Mác đã viết tác phẩm *Sự khốn cùng của triết học*. Đây là những tác phẩm chuẩn bị trực tiếp cho *Tuyên ngôn*.

Giải thích về sự khác biệt giữa những người cộng sản và những người xã hội chủ nghĩa¹, Ăngghen nhấn mạnh: những người gọi là xã hội chủ nghĩa, chia ra làm ba loại.

1. Câu hỏi thứ 24 trong tác phẩm *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*. Xem thêm C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.476-478.

Loại thứ nhất, gồm những người ủng hộ xã hội phong kiến và gia trưởng - xã hội đã bị tiêu diệt và càng ngày càng bị tiêu diệt bởi đại công nghiệp, bởi thương nghiệp thế giới tạo nên. Loại người này chủ trương khôi phục lại xã hội phong kiến và gia trưởng, xem đó là cách thức để không rơi vào những tai họa do chủ nghĩa tư bản gây nên. Ăngghen vạch rõ, tất cả những lời đề nghị của họ (những người xã hội chủ nghĩa) hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp đều nhằm mục đích đó. Những người cộng sản bao giờ cũng kiên quyết đấu tranh với loại người xã hội chủ nghĩa *phản động* này, mặc dù loại này giả thông cảm với cảnh nghèo đói của giai cấp vô sản và khóc sướt mướt trước tình cảnh ấy¹.

Ăngghen đã vạch rõ bản chất của “những người xã hội chủ nghĩa” thuộc loại này. Họ mong muốn những cái hoàn toàn không thể có được. Họ mưu đồ khôi phục lại nền thống trị của quý tộc, của thợ cả phường hội và của chủ công trường thủ công cùng một loạt bọn quân chủ chuyên chế hay phong kiến... Họ muốn khôi phục lại một xã hội đã dành là sẽ không có những tệ xấu của xã hội hiện đại nhưng ít nhất cũng mang lại những tai họa khác giống như vậy. Hơn nữa sẽ không mở ra được những triển vọng nào khiếu cho thông qua một tổ chức cộng sản chủ nghĩa mà giải phóng được công nhân bị áp bức. Tâm địa thật của họ lộ ra khi giai cấp vô sản trở thành một giai cấp cách mạng và cộng sản. Họ sẽ lập tức hợp nhất với giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản².

Loại thứ hai, gồm những người ủng hộ xã hội hiện nay. Trước những tai họa do xã hội đó đẻ ra, buộc họ phải lo sợ

1, 2. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.477-478.

cho sự tồn tại của xã hội đó. Họ muốn bảo vệ xã hội hiện tại nhưng lại muốn xóa bỏ những tai họa do xã hội hiện tại gây ra. Một số người đề ra những biện pháp từ thiện giản đơn, một số khác vạch ra kế hoạch đồ sộ viện cớ cải tổ lại xã hội, nhằm bảo vệ những cơ sở của xã hội hiện nay và do đó bảo vệ bản thân xã hội hiện nay. Người cộng sản cũng phải đấu tranh chống lại *những người xã hội chủ nghĩa tư sản* đó. Hoạt động của họ có lợi cho kẻ thù của những người cộng sản và vì họ muốn bảo vệ một xã hội mà người cộng sản muốn phá bỏ¹.

Loại thứ ba, gồm những người xã hội chủ nghĩa dân chủ. Đây là những người đi cùng con đường với những người cộng sản. Những người xã hội dân chủ đó thì hoặc là những người vô sản chưa am hiểu đầy đủ những điều kiện giải phóng giai cấp mình hoặc là những đại biểu của giai cấp tiểu tư sản, tức là của một giai cấp mà trên nhiều mặt, có quyền lợi giống như vô sản trong việc giành chế độ dân chủ và trong việc thực hiện những biện pháp xã hội chủ nghĩa xuất phát từ chế độ dân chủ đó.

Thái độ của những người cộng sản đối với những người xã hội chủ nghĩa dân chủ trong hoạt động là *sẽ liên hiệp với họ, cố sức duy trì một chính sách chung với họ, chỉ cần là họ không phục vụ giai cấp tư sản thống trị và không tấn công những người cộng sản*². Cố nhiên việc hoạt động chung không gạt bỏ việc tranh luận về những ý kiến bất đồng giữa họ với người cộng sản³.

1, 2, 3. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.477-478, 478, 478.

Trình bày trên đây của Ăngghen là một mău mực về lập trường tính đảng cộng sản khi phê phán quan điểm và thái độ chính trị của những người xã hội chủ nghĩa phong kiến và tư sản, đồng thời cũng làm rõ phương pháp và sách lược đấu tranh giữa những người cộng sản với những người xã hội chủ nghĩa dân chủ.

Trong *Tuyên ngôn*, thái độ và phương pháp đấu tranh đó được thể hiện rõ ràng, đậm nét hơn khi Mác và Ăngghen nhấn mạnh ngay trong mở đầu *Tuyên ngôn*: “Hiện nay, đã đến lúc những người cộng sản phải công khai trình bày trước toàn thế giới những quan điểm, mục đích, ý đồ của mình, và phải có một *Tuyên ngôn* của đảng của mình để đập lại câu chuyện hoang đường về bóng ma cộng sản”¹.

Sự phát triển của giai cấp vô sản trong lòng đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa và cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, nhất là khi cuộc đấu tranh ấy đã đạt đến trình độ của đấu tranh tư tưởng lý luận và đấu tranh chính trị, vượt qua những hạn chế của đấu tranh kinh tế lúc ban đầu, làm cho lực lượng của họ lớn mạnh, tính chất đấu tranh đã chuyển từ tự phát đến tự giác, thì chủ nghĩa cộng sản là *một phong trào hiện thực*, một sức mạnh thực tế. “Chủ nghĩa cộng sản đã được tất cả các thế lực ở châu Âu thừa nhận là một thế lực”², hoàn toàn không phải một bóng ma ám ảnh châu Âu như những kẻ thù của những người cộng sản xuyên tạc. Do đó, để thúc đẩy việc nâng cao nhận thức lý luận, củng cố và phát triển trình độ giác ngộ cách mạng cho giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó, cần thiết phải thanh toán những ảnh

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.595.

hướng tiêu cực có thể thâm nhập vào phong trào công nhân. Mác và Ăngghen đã nỗ lực thực hiện yêu cầu ấy và khi khởi thảo *Tuyên ngôn* đã vạch rõ bản chất xa lạ, cả khác biệt lẫn đối lập của các trào lưu, khuynh hướng xã hội chủ nghĩa so với chủ nghĩa cộng sản khoa học để khẳng định bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa cộng sản, giáo dục niềm tin khoa học vào lý tưởng, mục tiêu cộng sản chủ nghĩa của những người cộng sản.

Các ông đã có *những trang viết đặc sắc* trong *Tuyên ngôn* nói về *chủ nghĩa xã hội phản động*, với các hình thái: chủ nghĩa xã hội phong kiến, chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, chủ nghĩa xã hội Đức hay “chủ nghĩa xã hội chân chính”; chủ nghĩa xã hội bảo thủ hay chủ nghĩa xã hội tư sản; chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không tưởng - phê phán¹.

Đáng lưu ý là ở chỗ, các ông đã đem lại cho những người công nhân giác ngộ cách mạng những tri thức lý luận rất cơ bản, những phân tích khoa học về cơ sở kinh tế - xã hội, về hoàn cảnh lịch sử - xã hội đã làm nảy sinh những kiểu loại chủ nghĩa xã hội phản động, bảo thủ và không tưởng đó. Nó cũng cho thấy sự cần thiết phải đấu tranh không khoan nhượng với tất cả những tàn dư đó về mặt ý thức tư tưởng để bảo vệ quan điểm lập trường của những người cộng sản đang phải tổ chức đảng của mình thực sự là một đội tiên phong, một đảng chiến đấu, chống chủ nghĩa tư bản và xây dựng xã hội tương lai cộng sản chủ nghĩa. Giai cấp công nhân cách mạng chỉ có thể thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình nếu *làm chủ được lý luận khoa học và cách mạng*, không chỉ

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.629-643.

vũ trang cho mình mà còn thúc đẩy lực lượng quần chúng cách mạng bằng sức mạnh của lý luận tiên tiến, đó là chủ nghĩa cộng sản khoa học.

Có những luận điểm sâu sắc mang sức mạnh tư tưởng, tinh thần của sự khai sáng, thức tỉnh nhận thức và củng cố niềm tin khoa học cho công nhân và lao động đang được dẫn dắt, tập hợp họ vào cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản thống trị qua những trang viết của Mác và Ăngghen trong *Tuyên ngôn*. Một vài ví dụ sau đây cho thấy *tâm tư tưởng và sức sáng tạo vượt bậc của Mác và Ăngghen*:

- Giai cấp tư sản đã đóng một vai trò hết sức cách mạng trong lịch sử. Bất cứ ở chỗ nào mà giai cấp tư sản chiếm được chính quyền thì nó đạp đổ những quan hệ phong kiến, gia trưởng và điên viễn. Tất cả những mối liên hệ phức tạp và muôn màu muôn vẻ ràng buộc con người phong kiến với “những bề trên tự nhiên” của mình, đều bị giai cấp tư sản thẳng tay phá vỡ, không để lại giữa người và người một mối quan hệ nào khác, ngoài lợi ích trần trụi và lối “tiền trao cháo múc” không tình nghĩa. Giai cấp tư sản đã dìm những xúc động thiêng liêng của lòng sùng đạo, của nhiệt tình hiệp sĩ, của tính đa cảm tiểu tư sản xuống dòng nước giá lạnh của lối tính toán vị kỷ... Tóm lại, giai cấp tư sản đã đem sự bóc lột công nghiệp, vô số, trực tiếp, tàn nhẫn thay cho sự bóc lột được che đậy bằng những ảo tưởng tôn giáo và chính trị¹. Đó là bản chất thực của giai cấp tư sản.

- Giai cấp tư sản không thể tồn tại, nếu không luôn luôn cách mạng hóa công cụ sản xuất, do đó cách mạng hóa quan

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.599-600.

hệ sản xuất, nghĩa là cách mạng hóa toàn bộ những quan hệ xã hội... Thay cho tình trạng bị cô lập trước kia của các địa phương và dân tộc vẫn tự cung tự cấp, ta thấy phát triển các quan hệ phổ biến giữa các dân tộc. Mà sản xuất vật chất đã như thế thì sản xuất tinh thần cũng không kém như thế. Những thành quả của hoạt động tinh thần của một dân tộc trở thành tài sản chung của các dân tộc... Giai cấp tư sản cuốn tất cả các dân tộc dã man nhất vào trào lưu văn minh... Giá rẻ của những sản phẩm của giai cấp ấy (giai cấp tư sản) là trọng pháo bắn thẳng tất cả những bức vạn lý trường thành và buộc những người dã man bài ngoại một cách ngoan cường nhất cũng phải hàng phục... Nó tạo ra cho nó một thế giới theo hình dạng của nó¹.

Đoạn trích dẫn trên cho thấy vai trò của giai cấp tư sản trong lịch sử thế giới hiện đại và những dự cảm sâu sắc của Mác và Ăngghen về toàn cầu hóa, bắt đầu từ toàn cầu hóa kinh tế, với sức đẩy của sản xuất tư bản chủ nghĩa, của khoa học - công nghệ mà giai cấp tư sản đã tận dụng. Có thể thấy qua dự cảm đó của các nhà kinh điển một tầm nhìn vượt trước thời đại mình mà ngày nay đang trở thành một sự thật, một xu thế không thể đảo ngược, mà cốt lõi sâu xa của nó là sự phát triển lực lượng sản xuất liên tục, rộng lớn, xã hội hóa rộng lớn, vượt qua biên giới quốc gia - dân tộc để trở thành lực lượng sản xuất có tính chất thế giới toàn cầu.

- Giai cấp tư sản trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.600-602.

trước kia gộp lại... Có thế kỷ nào trước đây lại ngờ được rằng có những lực lượng sản xuất như thế vẫn nằm tiềm tàng trong lòng lao động xã hội¹. Rõ ràng, động lực mãnh liệt của tiến bộ và phát triển lịch sử luôn là lao động sản xuất (vật chất và tinh thần), là khoa học kỹ thuật và công nghệ, sâu xa hơn là ở năng lực sáng tạo của trí tuệ con người. Và, giai cấp tư sản, chủ nghĩa tư bản đã đóng vai trò của nó trong việc tạo ra và thúc đẩy động lực đó.

- Những vũ khí mà giai cấp tư sản đã dùng để đánh đổ chế độ phong kiến thì ngày nay quay lại đập vào chính ngay giai cấp tư sản. Nhưng giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình, nó còn tạo ra *những người dùng vũ khí* áy chối lại nó, đó là *những công nhân hiện đại, những người vô sản*.

Đặc biệt quan trọng là những phân tích của Mác và Ăngghen về lịch sử và lôgíc của sự hình thành, phát triển và trưởng thành của giai cấp công nhân với tính cách là một giai cấp cách mạng. Các ông đã nhận thấy các giai đoạn khác nhau, các trình độ phát triển khác nhau trong nội dung và tính chất đấu tranh của giai cấp công nhân trong tiến trình đấu tranh giai cấp giữa tư sản và vô sản. “Giai cấp vô sản trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau. Cuộc đấu tranh của họ chống giai cấp tư sản bắt đầu ngay từ lúc họ mới ra đời”².

Thoạt đầu, cuộc đấu tranh được tiến hành bởi những công nhân *riêng lẻ*, kế đến, bởi những người cùng một công xưởng

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.602-603.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.607.

và sau đó bởi những người cùng một ngành công nghiệp, cùng một địa phương, *chống lại những người tư sản trực tiếp bóc lột họ*¹... Trong suốt giai đoạn này, những người vô sản chưa đánh kẻ thù của chính mình mà đánh kẻ thù của kẻ thù của mình, tức là những tàn dư của chế độ quân chủ chuyên chế, bọn địa chủ, bọn tư sản phi công nghiệp, bọn tiểu tư sản. Toàn bộ sự vận động lịch sử được tập trung như vậy vào tay giai cấp tư sản; mọi thắng lợi đạt được trong những điều kiện ấy đều là thắng lợi của giai cấp tư sản. Vì sao lại như vậy? Mác và Ăngghen đã phân tích rõ, giai cấp vô sản khi chưa thực sự trưởng thành với ý thức giai cấp và với tư cách là một giai cấp, họ còn là một khối quần chúng công nhân tập hợp nhau lại thì đó cũng *chưa phải là kết quả của sự liên hợp của chính họ mà là kết quả của sự liên hợp của giai cấp tư sản*, nó muốn đạt những mục đích chính trị của nó, nên phải huy động toàn thể giai cấp vô sản và tạm thời còn có khả năng huy động được như vậy².

Những hạn chế lịch sử khi giai cấp công nhân chưa thực sự trưởng thành còn được Mác và Ăngghen nhấn mạnh ở *những thắng lợi tạm thời* của họ trong giới hạn của đấu tranh kinh tế; trên bước đường tổ chức *thành giai cấp* và do đó *thành chính đảng*, luôn luôn bị sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau phá vỡ nhưng nó luôn luôn được tái lập và luôn luôn mạnh mẽ hơn, vững chắc hơn, hùng mạnh hơn³. Hơn nữa, giai cấp tư sản sống trong một trạng thái chiến tranh không ngừng, chống lại quý tộc, chống lại các bộ phận của chính ngay giai cấp tư sản mà quyền lợi xung đột với sự

1, 2, 3. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.607-609.

tiến bộ của công nghiệp, cuối cùng chống lại giai cấp tư sản của tất cả các nước ngoài. Nó buộc phải kêu gọi giai cấp vô sản, yêu cầu họ giúp sức, do đó lôi cuốn họ vào phong trào chính trị. Thành thử giai cấp tư sản đã cung cấp cho những người vô sản những tri thức của bản thân nó, nghĩa là những vũ khí chống lại bản thân nó¹.

Phân tích của Mác và Ăngghen cho thấy, lôgíc biện chứng của sự vận động lịch sử, của các quan hệ xã hội trong một cơ cấu xã hội điển hình là xã hội tư bản chủ nghĩa, ở đó giai cấp công nhân cách mạng đã từng bước trưởng thành như thế nào, nó phải tự vượt lên những hạn chế của trạng thái chưa trưởng thành ra sao và *một cách khách quan*, chủ nghĩa tư bản, xã hội tư bản chủ nghĩa và giai cấp tư sản đã chuẩn bị *một cách tất yếu* như thế nào lực lượng cách mạng của giai cấp công nhân hiện đại để chống lại nó, phủ định và xóa bỏ nó. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* cung cấp một hình mẫu sinh động về việc trình bày lịch sử các quan hệ xã hội trong xã hội tư bản chủ nghĩa hiện đại, giai cấp công nhân hiện đại thực hiện vai trò và sứ mệnh lịch sử của nó. Về mặt phương pháp, *Tuyên ngôn* đem đến cho chúng ta một bài học thu hoạch lớn, đó là *không được rời vào chủ nghĩa giản lược lịch sử*, khi trình bày, đánh giá các giai cấp, giai tầng xã hội, khi nhận thức tính chế ước và tác động lẫn nhau giữa kinh tế và chính trị, kinh tế và xã hội, đặt trong các điều kiện lịch sử - cụ thể.

Đủ hiểu vì sao, nói đến chủ nghĩa Mác, trong đó có trước tác nổi bật là *Tuyên ngôn*, Lênin nhấn mạnh rằng, “phân

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.607-609.

tích cụ thể một tình hình cụ thể, đó là bản chất, linh hồn sống của chủ nghĩa Mác”.

Tuyên ngôn đem lại sự phân tích sáng tỏ để hiểu vì sao lý luận khoa học và cách mạng - vũ khí sắc bén của phong trào giải phóng đối với giai cấp công nhân hiện đại lại không tự động nảy sinh trong bản thân giai cấp công nhân, trong phong trào công nhân mà nó *từ bên ngoài thâm nhập vào*, cho dù nếu không có giai cấp công nhân và phong trào công nhân thì cũng không thể ra đời được lý luận khoa học và cách mạng đó. Nó là sản phẩm đích thực của giai cấp công nhân và phong trào cách mạng của công nhân, và giai cấp công nhân cùng với đảng của nó phải nắm lấy, phải làm chủ lý luận giải phóng đó.

Mác và Ăngghen đã đề cập trong *Tuyên ngôn* một thực tế lịch sử, “Cũng như xưa kia, một bộ phận của quý tộc chạy sang hàng ngũ giai cấp tư sản; ngày nay, một bộ phận của giai cấp tư sản cũng chạy sang hàng ngũ giai cấp vô sản, đó là bộ phận những nhà tư tưởng tư sản đã vươn lên nhận thức được, về mặt lý luận, toàn bộ quá trình vận động lịch sử”¹. Như đã nói, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã chứa đựng những tư tưởng lớn, hình thành những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa cộng sản khoa học, những nguyên lý được *tổng kết* từ thực tiễn lịch sử, được *khái quát* ở tầm lý luận.

Các ông đã cho thấy, “những tư tưởng, những quan điểm và những khái niệm của con người, tóm lại là ý thức của con

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.610.

người, đều thay đổi cùng với mọi sự thay đổi xảy ra trong điều kiện sinh hoạt, trong quan hệ xã hội, trong đời sống xã hội của con người¹.

“Lịch sử tư tưởng chứng minh cái gì, nếu không phải là chứng minh rằng, sản xuất tinh thần cũng biến đổi theo sản xuất vật chất? Những tư tưởng thống trị của mọi thời đại bao giờ cũng chỉ là những tư tưởng của giai cấp thống trị”².

“... trong lòng xã hội cũ, những yếu tố của một xã hội mới đã hình thành và sự tan rã của những tư tưởng cũ đi đôi với sự tan rã của những điều kiện sinh hoạt cũ”³...

Những luận điểm, nguyên lý đó thuộc về những giá trị bền vững của *Tuyên ngôn*, của chủ nghĩa Mác nói chung.

Cần phải nhấn mạnh rằng, hợp thành những giá trị của *Tuyên ngôn*, ngoài nội dung lý luận và lịch sử được đề cập trong *Tuyên ngôn* còn phải nói tới những điều chỉnh, sửa chữa, bổ sung có trong các lời tựa cho mỗi lần xuất bản. Hiếm có tác phẩm nào được xuất bản, tái bản nhiều lần như *Tuyên ngôn*, từ năm 1872 đến năm 1893, do Mác và Ăngghen cùng viết (từ năm 1872 đến năm 1883). Sau khi Mác qua đời, từ năm 1883 đến năm 1893, chỉ còn một mình Ăngghen ký tên dưới lời tựa của bản *Tuyên ngôn* nổi tiếng này. Các ông đã đưa vào các lời tựa *những chú giải lịch sử rất quan trọng*. Có thể nhận thấy, các lời tựa đó đã làm phong phú và sâu sắc thêm tư tưởng và giá trị của *Tuyên ngôn*. Xem *Tuyên ngôn* là một chỉnh thể thì nội dung các lời tựa cũng nằm trong chỉnh thể đó.

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.624, 625.

Ở đây, chúng ta học được nhiều từ các bậc thầy kinh điển về *quan điểm* và *phương pháp* khoa học, hơn thế còn là *đạo đức* và *bản lĩnh* chính trị.

Thứ nhất, thái độ trung thực và khách quan, bao hàm cả tinh thần tự phê phán để đổi mới.

Mác và Ăngghen giải thích rằng, những thực tiễn vận động của phong trào vô sản và những sự biến đổi của lịch sử đã cho thấy, nhiều vấn đề mới đã xuất hiện sau *Tuyên ngôn*. Có những vấn đề cụ thể về chương trình hành động và sách lược, phương châm của những người cộng sản, nếu căn cứ vào thực tiễn *đã biến đổi* thì cần phải viết lại. Song *Tuyên ngôn* đã là một văn kiện lịch sử có tính cương lĩnh chung của phong trào vô sản nên cần phải tôn trọng nó. Các ông thay vì sự sửa chữa trực tiếp đã nói rõ quan điểm của mình bằng các chú giải và đưa vào các lời tựa để *làm mới* nhận thức của mình và qua đó giúp củng cố nhận thức chung của cả phong trào. Đó là tính trung thực đạo đức trong chính trị của những người cộng sản.

Thứ hai, những điều chỉnh, bổ sung đó đã góp phần làm sắc bén hơn tư duy và chính xác hóa các luận đề tư tưởng, để hiểu những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản khoa học trong lôgíc và lịch sử của nó.

- Khi *Tuyên ngôn* khẳng định, lịch sử các xã hội đã qua và hiện tại là lịch sử của đấu tranh giai cấp và đương nhiên đã bao hàm quan niệm coi đấu tranh giai cấp là động lực của lịch sử. Trong *Lời tựa cho bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”*, Ăngghen bổ sung và chú giải, đó là *lịch sử thành văn* cho tới nay, nghĩa là từ khi xã hội phân chia thành giai cấp thì lịch sử đã diễn ra trong các

cuộc đấu tranh giai cấp. Như thế, giai cấp và đấu tranh giai cấp là những phạm trù lịch sử, là một trong các động lực chứ không phải động lực duy nhất, càng không phải là động lực vĩnh viễn.

- Trong *Tuyên ngôn*, các ông khẳng định “mỗi bước tiến của giai cấp tư sản đều có một bước tiến bộ chính trị tương ứng. Là đẳng cấp bị chế độ chuyên chế phong kiến áp bức, là đoàn thể vũ trang tự quản trong công xã, ở nơi này là thành thị cộng hòa độc lập, ở nơi kia là đẳng cấp thứ ba phải đóng thuế trong chế độ quân chủ. Trong lần xuất bản năm 1888, Ăngghen chú thích rõ hơn về Anh và Pháp. Nước Anh được coi là nước điển hình về phương diện *phát triển kinh tế* tư sản, còn Pháp được coi là điển hình về phương diện *phát triển chính trị* tư sản¹.

- Trong *Tuyên ngôn*, Mác và Ăngghen nói về cuộc xung đột cá nhân giữa công nhân và tư sản ngày càng có tính chất những cuộc xung đột giữa hai giai cấp. Công nhân bắt đầu từ việc thành lập *những liên minh* chống tư sản. Trong lần xuất bản của năm 1888, sau chữ “liên minh” đã có thêm “những hội công liên”².

- Khi nói rằng, giai cấp tư sản đã cung cấp cho những người vô sản *những tri thức của bản thân nó*, Ăngghen đã nói rõ thêm: “những tri thức chính trị và tri thức phổ thông của bản thân nó”, trong lần xuất bản năm 1888³.

- Ở lần xuất bản năm 1888, nói về những người cộng sản không đặt ra “những nguyên tắc riêng biệt” đã được Ăngghen sửa chữa lại, nói rõ đó là “những nguyên tắc *bè phái*”.

1, 2, 3. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.599, 608, 609.

- Trong *Tuyên ngôn*, Mác và Ăngghen nói tới những người cộng sản là bộ phận luôn luôn thúc đẩy phong trào *tiến lên*. Song ở lần xuất bản năm 1888 được thay bằng họ là những người *tiên tiến nhất*¹ hoặc trong chế độ tư hữu tư sản hiện thời, dựa trên những đối kháng giai cấp, trên cơ sở “những người này bóc lột những người kia”; Ăngghen đã chữa lại “thiểu số bóc lột đa số”².

- Trong *Tuyên ngôn* nhấn mạnh, giai cấp công nhân phải tự vươn lên thành *giai cấp dân tộc*, lần xuất bản năm 1888 đã được chính xác hóa: “tự vươn lên thành giai cấp *chủ đạo* trong dân tộc”³.

- *Tuyên ngôn* đề cập “sự đối lập giữa thành thị và nông thôn”, ở lần xuất bản năm 1872 và những lần sau đó đã được chữa lại thành “sự khác biệt”⁴... và còn nhiều chú giải khác nữa...

3. Giá trị và ý nghĩa của *Tuyên ngôn* tỏa sáng trong sự nghiệp cách mạng, trong đổi mới và phát triển

Cho đến nay, sau 170 năm lịch sử, *Tuyên ngôn* là Cương lĩnh chính trị của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. *Tuyên ngôn* đã sống, đã vượt qua những thử thách của thời gian, của những biến cố thăng trầm chính trị, từ giữa thế kỷ XIX - sinh thành, đi qua thế kỷ XX - anh hùng và bi tráng, đến thế kỷ XXI toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, có biết bao nhiêu đổi thay, đột biến, tương lai triển vọng còn ở phía trước.

1, 2, 3, 4. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.615, 625.

Lịch sử cách mạng thế giới, lịch sử của chủ nghĩa xã hội hiện thực và thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội đã vừa xác tín những giá trị bền vững của *Tuyên ngôn* vừa đặt ra những vấn đề mới, đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục nghiên cứu để phát triển và vận dụng sáng tạo tư tưởng của *Tuyên ngôn* trong bối cảnh mới, điều kiện mới.

Giá trị hiện đại, sức sống và ý nghĩa của *Tuyên ngôn* trong thế giới đương đại là điều không thể hoài nghi. Vận động của lịch sử từ khi *Tuyên ngôn* ra đời cho đến nay đã là đời sống, cuộc sống hiện thực của *Tuyên ngôn*. Nó đã có mặt xứng đáng trong cuộc hành trình đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. *Tuyên ngôn* còn mãi với tính cách là một văn kiện lịch sử vô giá, một tài sản thiêng liêng trong ngân khố của những người cách mạng, một thành tựu vĩ đại của tư tưởng và văn hóa nhân loại.

Là một trong những tác giả *Tuyên ngôn*, Ăngghen đã viết vào năm 1888, đánh giá của mình cũng đồng thời đánh giá thay cho Mác: *Tuyên ngôn* “là một tác phẩm phổ biến hơn cả, có tính chất quốc tế hơn cả, trong tất cả các văn phẩm xã hội chủ nghĩa, là cương lĩnh chung của hàng triệu công nhân tất cả các nước từ Xibia đến Caliphocnia”¹.

Lênin, người đầu tiên bổ sung vào khẩu hiệu hành động của *Tuyên ngôn*, đã đánh giá rằng, “Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng hàng bộ sách: tinh thần của nó, đến bây giờ, vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh”².

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.22, tr.98.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.10.

Với các đảng cộng sản, trong đó có Đảng Cộng sản Việt Nam, *Tuyên ngôn* vẫn là nguồn sáng bền bỉ và mãi mãi, soi sáng con đường đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, cổ vũ và cung cấp niềm tin khoa học của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động vào tương lai đang từng bước trở thành hiện thực.

Chặng đường đổi mới hơn 30 năm qua và còn tiếp tục lâu dài của Việt Nam đã thực sự là một cuộc cách mạng *giải phóng* để *phát triển*, để biến lý tưởng, mục tiêu cao quý thành hiện thực sinh động trong cuộc sống của nhân dân. Đổi mới đã đón kịp thời cơ, vận hội lớn của phát triển và vượt qua những thách thức, nguy cơ trên con đường phát triển nhờ có *điểm tựa* vững chắc của *Tuyên ngôn*.

Trung thành *một cách sáng tạo* đổi mới với chủ nghĩa Mác - Lê nin, với những giá trị khoa học - cách mạng và nhân văn của *Tuyên ngôn*, Đảng ta trong tiến trình đổi mới đã thể hiện sự kiên định với con đường đã lựa chọn: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, với lý tưởng, mục tiêu cộng sản chủ nghĩa qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) và Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011. Ánh sáng tư tưởng của *Tuyên ngôn* vẫn tiếp tục soi đường và tỏa sáng trong sự nghiệp của chúng ta.

VẤN ĐỀ SỞ HỮU TRONG *TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN* VÀ VẬN DỤNG TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

PGS.TS. TRẦN THỊ MINH CHÂU*

1. Tư tưởng về sở hữu trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*

Cách đây vừa đúng 170 năm, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời đã không chỉ tuyên bố cho toàn thế giới biết tôn chỉ, mục đích, cương lĩnh hành động của Đảng Cộng sản, tổ chức đại diện cho lợi ích giai cấp vô sản toàn thế giới, mà còn là một công trình khoa học, trong đó những thành tựu đạt được về mặt triết học, kinh tế học và xã hội học của C. Mác và Ph. Ăngghen đã được trình bày một cách súc tích, rõ ràng và thuyết phục lòng người.

Muốn hiểu rõ bản chất khoa học sâu xa của những tuyên bố đơn giản nhưng gây phấn khích cho người đọc của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, phải hiểu và thừa nhận những quan điểm then chốt của chủ nghĩa Mác, đó là quan điểm triết học duy vật lịch sử, quan điểm về tổ chức xã hội cộng sản chủ nghĩa, trong đó có hai luận điểm quan trọng:

* Viện Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Thứ nhất, lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất; phương thức sản xuất quyết định các hình thái chính trị, văn hóa, tư tưởng gắn với nó...

Thứ hai, lịch sử loài người từ khi có giai cấp là lịch sử đấu tranh giai cấp¹.

Trong *Lời tựa cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Công sản”* xuất bản năm 1883, Ph. Ăngghen đã trình bày rõ lập trường của hai ông: “Tư tưởng cơ bản và chủ đạo của “Tuyên ngôn” là: trong mọi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra, - cả hai cái đó cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy; do đó (từ khi chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy tan rã), toàn bộ lịch sử là lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa những giai cấp bị bóc lột và những giai cấp đi bóc lột, giữa những giai cấp bị trị và những giai cấp thống trị, qua các giai đoạn của sự phát triển xã hội của họ; nhưng cuộc đấu tranh ấy hiện nay đã đến một giai đoạn mà giai cấp bị bóc lột và bị áp bức (tức là giai cấp vô sản) không còn có thể tự giải phóng khỏi tay giai cấp bóc lột và áp bức mình (tức là giai cấp tư sản) được nữa, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức và khỏi cuộc đấu tranh giai cấp”².

Trong lôgích các lập luận để chứng minh cho tính tất yếu của cách mạng vô sản, luận điểm thứ nhất được sử dụng để minh chứng cho động lực của vận động lịch sử;

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.596.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.11-12.

luận điểm thứ hai được sử dụng để phân tích các hình thái biểu hiện về mặt xã hội - chính trị của vận động lịch sử. Phạm trù cơ bản được sử dụng cho những lập luận đó là chế độ sở hữu tư liệu sản xuất.

Tuyên ngôn đã chỉ rõ bước thứ nhất của cách mạng vô sản là “tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy chính quyền”¹. Trong cuộc cách mạng đó, Đảng Cộng sản chủ trương cải tạo quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, trong đó xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản là một trong những nhiệm vụ quan trọng. *Tuyên ngôn* khẳng định: “Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ sở hữu nói chung, mà xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản.

Nhưng chế độ tư hữu tư sản hiện thời, lại là biểu hiện cuối cùng và đầy đủ nhất của phương thức sản xuất và chiếm hữu sản phẩm dựa trên những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia.

Theo ý nghĩa đó, những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành một luận điểm duy nhất này là: xóa bỏ chế độ tư hữu”².

Nói cách khác, theo hai ông, nếu như quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa thống trị thì tự nó đã, hoặc tiêu diệt, hoặc cải biến các quan hệ sản xuất khác phù hợp với nó, thì cách mạng vô sản nổ ra ở một nước tư bản phát triển chỉ còn làm việc cuối cùng là xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, xác lập quan hệ sản xuất cộng sản chủ nghĩa. Các ông cũng

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.615, 615-616.

xác nhận rõ ràng, những người cộng sản không chủ trương xóa bỏ sở hữu cá nhân đối với sản phẩm làm ra phục vụ nhu cầu sinh hoạt của họ. “Tư hữu” mà những người cộng sản muốn xóa bỏ là một chế độ sở hữu tư liệu sản xuất tạo điều kiện tái sản xuất ra quan hệ bóc lột giá trị thặng dư, trong đó tư liệu sản xuất do người lao động làm ra lại trở thành tài sản thuộc sở hữu tư nhân của nhà tư bản, nhờ đó họ có quyền đối xử với người lao động theo tiêu chuẩn bóc lột của họ. *Tuyên ngôn* đã chỉ rõ: “Trở thành nhà tư bản có nghĩa là không những chỉ chiếm một địa vị thuần túy cá nhân, mà còn chiếm địa vị xã hội trong sản xuất. Tư bản là một sản phẩm tập thể và nó chỉ có thể vận động được là nhờ sự hoạt động chung của nhiều thành viên trong xã hội, xét đến cùng, là nhờ sự hoạt động chung của tất cả các thành viên trong xã hội”¹. Ở đây có hai khía cạnh cần chú ý: *thứ nhất*, tư liệu sản xuất, với tư cách sản phẩm thặng dư đã được xã hội tích lũy lại trong toàn bộ lịch sử đến thời điểm xem xét, đã được các chế độ sở hữu hiện tồn quy định thuộc về giai cấp thống trị, trong xã hội tư bản là giai cấp tư sản; *thứ hai*, chế độ chính trị hiện tồn, trong đó nhà nước là cơ quan bảo vệ chế độ chính trị đó, không tự nguyện nhường đặc quyền của giai cấp tư sản cho giai cấp vô sản (số đông người lao động). Muốn giành được quyền đó, giai cấp vô sản phải làm cách mạng lật đổ chính quyền tư sản, thiết lập chính quyền vô sản. Những mô tả như vậy trong *Tuyên ngôn* không chỉ hàm ý chỉ ra quy luật chế định sự vận động của lịch sử loài người diễn ra trong lòng xã hội tư bản tất yếu dẫn đến cách mạng vô sản, mà còn

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.616.

chứa đựng những phán đoán lôgic diễn ra từ quá trình đó để khuyễn nghị các giải pháp cải tạo xã hội khi cách mạng vô sản đã thành công, đó là:

- “Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất”¹. Giải pháp này được đưa ra dựa trên quy luật phủ định của phủ định. Nếu như chế độ tư hữu tư sản là chế độ tư hữu cao nhất, cuối cùng, phủ định các chế độ tư hữu từng tồn tại trước đó, thì phủ định chế độ tư hữu tư sản át hẳn là chế độ sở hữu xã hội (chung cho mọi người lao động). Hai ông hy vọng và tin tưởng rằng, trong chế độ sở hữu xã hội mọi người sẽ bình đẳng với nhau trong sử dụng tư liệu sản xuất để nuôi sống mình, do đó sẽ không còn sự phân chia xã hội thành giai cấp. “Khi những đối kháng giai cấp đã mất đi trong tiến trình của sự phát triển và toàn bộ sản xuất đã tập trung trong tay những cá nhân đã liên hợp lại với nhau thì quyền lực công cộng cũng mất tính chất chính trị của nó. Quyền lực chính trị, theo đúng nghĩa của nó, là bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn áp một giai cấp khác. Nếu giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, nhất định phải tự tổ chức thành giai cấp, nếu giai cấp vô sản thông qua con đường cách mạng mà trở thành giai cấp thống trị và với tư cách là giai cấp thống trị, nó dùng bạo lực

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.626.

tiêu diệt những quan hệ sản xuất cũ, thì đồng thời với việc tiêu diệt những quan hệ sản xuất ấy, nó cũng tiêu diệt luôn cả những điều kiện tồn tại của sự đối kháng giai cấp, nó tiêu diệt những giai cấp nói chung và cũng do đấy, tiêu diệt cả sự thống trị của chính nó với tư cách là một giai cấp.

Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹.

- Sau khi giành được chính quyền, đối với những nước tiên tiến nhất cần áp dụng những biện pháp cải tạo quan hệ sản xuất cũ như sau:

1. Tước đoạt sở hữu ruộng đất và trao nộp địa tô vào quỹ chi tiêu của nhà nước.
2. Áp dụng thuế lũy tiến cao.
3. Xóa bỏ quyền thừa kế.
4. Tịch thu tài sản của tất cả những kẻ lưu vong và của tất cả những kẻ phiến loạn.
5. Tập trung tín dụng vào tay nhà nước thông qua một ngân hàng quốc gia với tư bản của nhà nước và ngân hàng này sẽ nắm độc quyền hoàn toàn.
6. Tập trung tất cả các phương tiện vận tải vào tay nhà nước.
7. Tăng thêm số công xưởng nhà nước và công cụ sản xuất; khai khẩn đất đai để cày cấy và cải tạo ruộng đất trong một kế hoạch chung.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, tr.628.

8. Thực hành nghĩa vụ lao động đối với tất cả mọi người, tổ chức các đạo quân công nghiệp, đặc biệt là cho nông nghiệp.

9. Kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, thi hành những biện pháp nhằm làm mất dần sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn.

10. Giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả các trẻ em. Xóa bỏ việc sử dụng trẻ em làm trong các khu công xưởng như hiện nay. Kết hợp giáo dục với sản xuất vật chất,...¹.

Cơ sở của các giải pháp này là xác lập chế độ sở hữu xã hội (chung cho mọi người). Các ông tin rằng, chế độ sở hữu chung sẽ đưa người lao động trở lại vai trò làm chủ, là vai trò người lao động vốn có, nhưng bị các xã hội dựa trên chế độ tư hữu tước mất. Chế độ sở hữu chung được phác họa sơ lược như sau:

+ Tư liệu sản xuất quan trọng nhất dĩ nhiên là đất đai và lợi ích nó có được là địa tô phải được xã hội đã tổ chức dưới hình thức nhà nước vô sản quản lý để chi tiêu chung.

+ Các tư liệu sản xuất nhân tạo đã tích lũy được của xã hội trong công nghiệp, tài chính, giao thông vận tải... cũng phải được sử dụng chung một cách có tổ chức theo kế hoạch của cơ quan quản lý sản xuất là nhà nước vô sản.

Để bảo đảm cho tư hữu về tư liệu sản xuất không thể tái sinh, *Tuyên ngôn đề nghị*: áp dụng thuế lũy tiến cao để giảm bất bình đẳng trong phân phối của cải và xóa bỏ quyền thừa kế để bảo đảm cho mọi trẻ em có cơ hội phát triển như nhau trong xã hội.

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.627-628.

Mục tiêu của xã hội hóa tư liệu sản xuất được *Tuyên ngôn* kỳ vọng là: “để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất”¹.

Trên cơ sở chế độ sở hữu chung, *Tuyên ngôn* tiếp tục phác họa các nghĩa vụ và phúc lợi xã hội mà công dân được hưởng là:

- Về nghĩa vụ, mọi người đều phải lao động, có trách nhiệm tự quản (liên kết của những người tự chủ), xã hội không dung thứ bóc lột, tức không lao động mà có thu nhập.

- Về phúc lợi xã hội: sẽ thực hiện giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả các trẻ em. Xóa bỏ việc sử dụng trẻ em làm trong các khu công xưởng như hiện nay. Kết hợp giáo dục với sản xuất vật chất, nông nghiệp với công nghiệp, làm mất dần sự khác biệt thành thị và nông thôn.

Tóm lại, “Cách mạng cộng sản chủ nghĩa là sự đoạn tuyệt triệt để nhất với những quan hệ sở hữu kế thừa của quá khứ; không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy rằng trong tiến trình phát triển của nó, nó đoạn tuyệt một cách triệt để nhất với những tư tưởng kế thừa của quá khứ”².

2. Vận dụng tư tưởng về sở hữu của *Tuyên ngôn* của Đảng Cộng sản trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Cách mạng vô sản đề cập trong *Tuyên ngôn* của Đảng Cộng sản ứng với các nước công nghiệp phát triển, trong đó phần đông người lao động là công nhân, những người không có tài sản, làm việc tập trung trong các xí nghiệp tư bản. Khi

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.626.

đó, lực lượng sản xuất đã sẵn sàng cho quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, mặc dù vẫn còn giai đoạn quá độ (lâu dài) để cải tạo xã hội tư bản thành xã hội xã hội chủ nghĩa. Ngay cả ở các nước này, biện pháp, hình thức thực hiện phải linh hoạt, song, những tư tưởng sau đây của *Tuyên ngôn* không thay đổi:

Thứ nhất, chủ nghĩa xã hội tất yếu sẽ thay thế chủ nghĩa tư bản thông qua cách mạng vô sản. Mục tiêu cuối cùng của cách mạng vô sản là xóa bỏ chế độ tư hữu và đi cùng nó là xóa bỏ giai cấp, xóa bỏ tính chất áp bức giai cấp của nhà nước, “sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹.

Thứ hai, trong từng bước đi, từng giai đoạn, biện pháp thực hiện có thể khác nhau, nhưng vấn đề có tính nguyên tắc là quan hệ sản xuất phải phù hợp với lực lượng sản xuất, nền kinh tế phải phát triển cùng chiều với tiến bộ xã hội, trong đó giải phóng năng lực sản xuất là động lực của sự phát triển.

Thứ ba, bước đầu tiên là giai cấp vô sản phải nắm chính quyền và sử dụng quyền lực chính trị đó từng bước tạo điều kiện cho quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ra đời, đúng vững và phát triển.

Việt Nam thực hiện cách mạng vô sản trong điều kiện một nước tiểu nông, có nghĩa là: những lực lượng sản xuất của xã hội tư bản vẫn chưa phát triển đầy đủ. Tình huống lịch sử đó đòi hỏi nền chuyên chính vô sản phải tiến hành

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.628.

giai đoạn quá độ lâu dài hơn, khó khăn hơn, nhất là trong điều kiện các nước tư bản phát triển còn có ảnh hưởng mạnh mẽ trên thế giới. Bối cảnh đó đòi hỏi Việt Nam phải có bước đi, giải pháp đặc thù như sau:

Một là, Việt Nam phải kiến tạo được quy mô và chất lượng lực lượng sản xuất ngang bằng với các nước tư bản hiện đại. Không có nước tư bản nào mong muốn và cho phép các nước khác phát triển ngang bằng và vượt họ, nhất là đó lại là nước có chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa. Vì thế, Việt Nam phải nỗ lực tìm các giải pháp phát triển khôn khéo để trong một thời gian nhất định đuổi kịp các nước phát triển hơn. Muốn vậy, cần tạo điều kiện hết mức để lực lượng sản xuất phát triển. Ở đây chỉ dẫn quý báu của C. Mác rất có giá trị. Đó là luận điểm cho rằng, quan hệ sản xuất cũ không mất đi khi trong lòng nó còn dư địa cho lực lượng sản xuất phát triển; quan hệ sản xuất mới không thể ra đời khi các điều kiện của nó chưa hình thành đầy đủ. Hiện thực hóa luận điểm này là duy trì đa sở hữu với thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Hai là, nhất quán lập trường giai cấp công nhân. Lập trường giai cấp công nhân có nghĩa là sản xuất hợp tác, chuyên môn hóa ngày càng sâu sắc dựa trên động lực cải tiến công nghệ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất không xa rời yêu cầu giữ vững chuyên chính vô sản. Bất kể trong tình huống nào thì sự lời lồng chuyên chính vô sản cũng sẽ là sự trở lại của chính quyền tư sản. Song, nếu nhà nước chuyên chính vô sản không đủ sức tạo ra dư địa cho lực lượng sản xuất phát triển

nhanh hơn nhà nước tư bản thì nguy cơ phản cách mạng để quay trở lại chủ nghĩa tư bản là rất lớn. Chính vì vậy, lập trường giai cấp công nhân phải được bảo đảm bởi khả năng tổ chức tối ưu của nhà nước xã hội chủ nghĩa thể hiện ở năng suất lao động cao hơn.

Ba là, bảo vệ lợi ích của đồng đảo người lao động, từng bước hạn chế tình trạng người bóc lột người. Mác đã nhiều lần khẳng định rằng, nguyên tắc ngang giá trong trao đổi hàng hóa, về bản chất, vẫn là pháp quyền tư sản. Thoát thai từ chủ nghĩa tư bản, trong giai đoạn đầu không thể loại bỏ hoàn toàn pháp quyền tư sản, nhất là khi còn phải dựa vào kinh tế thị trường để duy trì động lực lao động tự giác của mỗi người, khi lực lượng sản xuất còn kém phát triển, của cải làm ra chưa đủ thỏa mãn mọi nhu cầu của con người, thì cạnh tranh còn là cần thiết để mọi người nỗ lực khắc phục khó khăn, khuyến khích lao động sáng tạo. Song, kinh tế thị trường luôn song hành với phân hóa giàu nghèo. Nếu để luật phân phối trong kinh tế thị trường hoạt động một cách tự phát thì tất yếu sẽ tập trung tư liệu sản xuất vào tay một thiểu số người, xã hội sẽ quay trở lại sự thống trị của tư hữu tư bản chủ nghĩa. Nếu nhà nước can thiệp để duy trì chế độ phân phối bình quân, thì sẽ triệt tiêu động lực lao động tích cực. Bởi vậy, đi đôi với duy trì và phát triển kinh tế thị trường, nhà nước xã hội chủ nghĩa phải bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động thông qua cơ chế phân phối mà đa số người lao động hài lòng. Tìm kiếm cách thức điều tiết phân phối một cách tối ưu là nhiệm vụ mà nhà nước xã hội chủ nghĩa phải hoàn thành.

Bốn là, phát triển lý luận về thời kỳ quá độ của Mác trong điều kiện cách mạng vô sản chưa diễn ra ở các nước tư bản phát triển nhất, mà lại thành công ở các nước lạc hậu hơn. Ở đây, giải pháp khôn khéo để cùng tồn tại và cạnh tranh một cách hòa bình có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Yêu cầu này đòi hỏi các đảng cộng sản phải lãnh đạo nhà nước xã hội chủ nghĩa xác lập được chính sách hội nhập tối ưu, vừa cho phép tận dụng được động lực của hợp tác hóa quốc tế vừa giữ được độc lập về lựa chọn chế độ chính trị. Tận dụng các diễn đàn quốc tế, tranh thủ tối đa các lực lượng tiến bộ ở ngay các nước tư bản chủ nghĩa, khôn khéo trong đường lối đối ngoại, tăng cường năng lực nội sinh... là những biện pháp mà các nước lựa chọn xu hướng xã hội chủ nghĩa phải thực hiện.

Sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới cho thấy, lịch sử phát triển của nhân loại tiến lên bằng những con đường quanh co và không thể có chủ nghĩa xã hội một cách trực tiếp, nhanh chóng bằng cuộc cách mạng bạo lực giành chính quyền về tay quần chúng lao động và sử dụng chính quyền đó tước đoạt giai cấp có của cải. Chủ nghĩa xã hội ra đời là tất yếu nhưng phải dựa trên những bước đi phù hợp với trình độ phát triển lực lượng sản xuất ở quy mô quốc gia trong tương quan với quốc tế. Phải hiểu và thực thi đúng luận điểm: *quan hệ sản xuất phải phù hợp với lực lượng sản xuất* chứ không phải hiểu và làm ngược lại: *quan hệ sản xuất mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển*. Sự nóng vội cũng gây ra những tác hại không kém sự trì trệ. Trên tinh thần đó, cần hiểu đúng và làm đúng tuyên bố trong

Tuyên ngôn: “xóa bỏ chế độ tư hữu”. Chủ nghĩa cộng sản với ý nghĩa cái đích cần phấn đấu đạt tới khác biệt với xã hội thực tại mà các nhà nước xã hội chủ nghĩa đang xây dựng và quản lý. Để từng bước tiến tới mục tiêu cuối cùng đó, các bước đi phải phù hợp với điều kiện thực tế, trong đó lập trường đúng về phía lợi ích của người lao động phải được quán triệt trong mọi chính sách và ở mọi thời kỳ. Đó cũng là nguyên tắc, dấu hiệu chứng tỏ đảng cầm quyền là Đảng Cộng sản chân chính.

BÀN VỀ TÔN GIÁO TRONG TÁC PHẨM TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN- GIÁ TRỊ VẬN DỤNG VÀ NHỮNG BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN

PGS. TS. ĐỖ LAN HIỀN*

Tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (gọi tắt là *Tuyên ngôn*) do C. Mác và Ph. Ăngghen biên soạn năm 1847 - 1848. *Tuyên ngôn* ra đời, với mục đích, là để người cộng sản công khai trình bày trước toàn thế giới quan điểm, mục đích, ý định của mình, và cũng là để Đảng Cộng sản phải có một tuyên ngôn khẳng định sự hiện diện của mình không phải là một câu chuyện hoang đường hay là một “bóng ma” cộng sản¹.

Tư tưởng cơ bản và chủ đạo xuyên suốt của *Tuyên ngôn* đó là: sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội (cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra) là hai yếu tố cấu thành cơ sở lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của các thời đại. Do vậy, toàn bộ lịch sử là lịch sử các cuộc đấu tranh giai cấp giữa những người bị trị và những người thống trị, nhưng cuộc đấu

* Viện Nghiên cứu tôn giáo, tín ngưỡng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.597.

tranh áy đã đến giai đoạn mà giai cấp bị bóc lột không thể tự giải phóng mình khỏi giai cấp bóc lột nếu không đồng thời giải phóng vĩnh viễn toàn thể xã hội khỏi bóc lột¹. Do đó, giai cấp vô sản trên toàn thế giới phải đoàn kết lại, phải tự giải phóng mình và giải phóng toàn xã hội, xây dựng chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa. Trong cuộc cách mạng áy, những người vô sản chẳng mất gì hết, ngoài những xiềng xích trói buộc họ. Họ sẽ giành được cả thế giới².

Tuy nhiên, C. Mác và Ph. Ăngghen cũng từng nhắc lại hơn một lần (trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”* xuất bản năm 1872) điều cần lưu ý rằng, bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý của *Tuyên ngôn* cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và không nên quá cùn nệ những biện pháp cách mạng nêu ra trong *Tuyên ngôn*, một số luận điểm trong *Tuyên ngôn* có thể trở nên cũ.

Như vậy, gần hai thế kỷ trôi qua, về cơ bản, những nhận định trong *Tuyên ngôn* về cấu trúc xã hội vẫn còn nguyên giá trị. Trong bài viết này, nhân kỷ niệm 170 năm ngày *Tuyên ngôn* ra đời, tôi muốn luận bàn về vấn đề tôn giáo được nêu trong *Tuyên ngôn* và những bổ sung, phát triển.

1. Vấn đề tôn giáo trong tác phẩm *Tuyên ngôn*

Luận điểm đầu tiên liên quan đến tôn giáo được C. Mác và Ph. Ăngghen tuyên bố trong *Tuyên ngôn* là: “Chủ nghĩa cộng sản không tước bỏ của ai cái khả năng chiếm hữu

1, 2. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.598-615, 648.

những sản phẩm xã hội cả. Chủ nghĩa cộng sản chỉ tước bỏ quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác”¹. Trong tôn giáo, tình hình cũng vậy, những lời buộc tội chủ nghĩa cộng sản, xuất phát từ những quan điểm triết học để tước bỏ đi cái quyền tự do tôn giáo của người dân là hoàn toàn không chính xác.

Với C. Mác và Ph. Ăngghen, người cộng sản chỉ tước đoạt ở tôn giáo sự *nô dịch về tinh thần* đối với quần chúng, sự thủ đắc và độc quyền chân lý của tôn giáo (trong suốt thời kỳ Trung cổ). Người cộng sản phải có trách nhiệm giải phóng con người khỏi *hạnh phúc ảo tưởng* mà họ đang trông chờ ở tôn giáo, vứt bỏ đi vòng *hào quang thần thánh* và *bông hoa giả* mà tôn giáo đang trang điểm trên vòng xiềng xích trói buộc con người trong sự khổ ải và cam chịu, để họ suy nghĩ và hành động một cách lý tính hơn, hiện thực hơn.

Muốn làm được điều đó, theo C. Mác và Ph. Ăngghen, người cộng sản phải đấu tranh với xã hội hiện thực, với nhà nước đã sản sinh ra tôn giáo và lợi dụng tôn giáo biến nó thành công cụ tinh thần nô dịch quần chúng trong vòng ngu muội và cam chịu. Người cộng sản phải cải tạo xã hội hiện thực - cơ sở trần tục mà tôn giáo nảy sinh trên đó để xã hội không còn bất công, áp bức, con người được tự do thăng tiến và phát triển toàn diện, khi đó, con người sẽ không còn bị lệ thuộc hay sợ hãi trước bất kể một lực lượng tự nhiên hay xã hội nào, họ không còn phải viễn đến thánh thần để cầu xin những gì mà họ bất lực trong thế giới thực tại này.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.618.

Người cộng sản không tước đoạt quyền tự do tôn giáo của người dân, không tước đoạt nhu cầu tôn giáo, xúc cảm tôn giáo của họ. Trong các tác phẩm khác của mình, Ph. Ăngghen đã từng phê phán quan điểm cho rằng, xã hội xã hội chủ nghĩa là phải phế bỏ mọi trang bị của sự mê hoặc tinh thần hay phế bỏ tất cả những yếu tố của sự thờ cúng và tôn giáo bị cấm¹. Tuyên bố chiến tranh với tôn giáo và coi đó là nhiệm vụ chính trị của Đảng Cộng sản là một luận điệu của chủ nghĩa vô chính phủ. Không thủ tiêu tôn giáo bằng cách chế giễu hay sỉ vả nó hoặc tung hiến binh ra để truy kích tôn giáo, đập phá nhà thờ và cấm người dân không được theo tôn giáo vì làm như vậy, không những không làm cho tôn giáo đi đến cái chết tự nhiên của nó, mà lại giúp cho tôn giáo đạt tới chỗ thực hiện tinh thần tử vì đạo và kéo dài thêm sự tồn tại của mình. Ph. Ăngghen cũng cho rằng, không nên cấm đoán tôn giáo, và cũng không thể cấm đoán họ thành lập những nhà trường riêng dạy những điều mà họ cho là chân lý dù “chân lý” đó có thể là sự nhận thức sai lầm hay hư ảo.

Chính vì vậy, C. Mác và Ph. Ăngghen đã hơn một lần nhắc lại quan điểm (trong các tác phẩm khác): việc phê phán tôn giáo đối với nước Đức, đối với những người cộng sản coi như đã kết thúc vì nó đã được thực hiện bởi các nhà triết học duy vật trước đó (các nhà triết học duy vật Anh, các nhà khai sáng Pháp thế kỷ XVIII). Việc phê phán tôn giáo lúc này phải biến thành phê phán cõi trần, phê phán tôn giáo biến thành phê phán pháp quyền, phê phán thần học biến thành

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.436.

phê phán chính trị, và nhiệm vụ của lịch sử là sau khi chân lý của thế giới bên kia đã mất đi thì phải xác lập chân lý của thế giới bên này¹.

Luận điểm thứ hai đề cập tôn giáo trong *Tuyên ngôn* đó là, toàn bộ những tư tưởng, những quan điểm và những khái niệm của con người, nói cách khác, toàn bộ ý thức của con người đều thay đổi khi các điều kiện sinh hoạt vật chất và tinh thần, các quan hệ xã hội, sản xuất xã hội thay đổi. Trong tôn giáo tình hình cũng sẽ như vậy, với mỗi bước ngoặt lớn của lịch sử, của trật tự xã hội sẽ kéo theo những biến đổi của các yếu tố trong hình thái ý thức xã hội và chuyển biến lớn trong tôn giáo. Chẳng hạn, khi thế giới cổ đại suy tàn thì những tôn giáo cũ sẽ bị Cơ Đốc giáo đánh bại. Vào thế kỷ XVIII, khi tư tưởng của đạo Cơ Đốc buộc phải nhường chỗ cho những tư tưởng tiến bộ thì cũng là lúc xã hội phong kiến đang giao chiến trận cuối cùng với giai cấp tư sản (lúc bấy giờ là giai cấp cách mạng nhất). Những tư tưởng về tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo chẳng qua chỉ nói lên thời kỳ thống trị của cạnh tranh tự do trong lĩnh vực tri thức mà thôi².

Luận điểm trên được C. Mác và Ph. Ăngghen nêu ra trong *Tuyên ngôn*, sau này trong các tác phẩm khác, hai ông đã giải thích cặn kẽ hơn: Tôn giáo là sự phản ánh những điều kiện, trình độ phát triển lịch sử từng dân tộc, nó là sản phẩm của một xã hội, một nhà nước cụ thể, “Nhà nước ấy, xã hội ấy

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.571.

2. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.625.

sản sinh ra tôn giáo”¹. Trong giai đoạn đầu của lịch sử nhân loại (xã hội thị tộc - bộ lạc), mỗi bộ tộc có các vị thần khác nhau, do đó có nhiều hình thức tín ngưỡng, tôn giáo. Cùng với sự phát triển xã hội, tính chất ngày thơ, chất phác của tôn giáo *đa thần* trong thời kỳ nguyên thủy matsu dần, những thuộc tính tự nhiên và thuộc tính xã hội của *nhiều* vị thần được chuyển sang cho *một* vị thần vạn năng duy nhất và *độc thần* xuất hiện. Như vậy, sự ra đời tôn giáo *độc thần* (theo đúng nghĩa đầy đủ của nó) diễn ra cùng với sự hình thành các quốc gia, dân tộc. Không có chế độ quân chủ thống nhất thì không có thần thống nhất, ngay cả tính độc tôn của thần chẳng qua cũng chỉ là sự phản ánh của chế độ quân chủ chuyên chế thống nhất ở phương Đông.

Nhấn mạnh đến tính lịch sử cụ thể của tôn giáo như trên, C. Mác và Ph. Ăngghen muốn phê phán quan điểm cho rằng ““các thời đại của loài người chỉ khác nhau bởi những thay đổi về phương diện tôn giáo” là hoàn toàn sai. Chỉ có thể nói đến những bước ngoặt lịch sử lớn có kèm theo những sự thay đổi về tôn giáo”². Cũng là sai lầm khi cho rằng: tôn giáo, đạo đức, triết học, chính trị, pháp quyền là một phạm trù bất biến, luôn được bảo tồn qua những biến đổi không ngừng của lịch sử. Do đó, nó là chân lý vĩnh cửu, là cái chung nhất của mọi thời đại và mọi chế độ. Thế mà, chủ nghĩa cộng sản lại muốn xóa bỏ những chân lý vĩnh cửu, xóa bỏ tôn giáo và đạo đức chứ không muốn đổi mới hình thức của tôn giáo và đạo

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.569; t.21, tr.418.

đức, làm như thế là nó mâu thuẫn với toàn bộ tiến trình phát triển lịch sử trước kia¹.

Trong các tác phẩm sau này, Ph. Ăngghen đã đề cập tính phúc tạp của vấn đề tôn giáo và khẳng định: tôn giáo là một trong những hình thức đặc thù của ý thức xã hội, có tính độc lập tương đối của nó. Tôn giáo còn là trạng thái xúc cảm của con người và có tính thích ứng cao trong mọi hoàn cảnh, do đó, không đơn giản tuyên bố tôn giáo là cái vô nghĩa và có thể thanh toán nó một cách giản đơn. Hơn thế nữa, tôn giáo do con người tạo ra, bản thân những người này cảm thấy được nhu cầu cần phải có tôn giáo và họ hiểu được những nhu cầu cần có tôn giáo của chính mình.

Luận điểm thứ ba được đề cập trong *Tuyên ngôn*, C. Mác và Ph. Ăngghen muốn nói tới tính chính trị của tôn giáo. Những hình thức tôn giáo trong thời kỳ cộng sản nguyên thủy không mang tính chính trị, con người khi đó tưởng tượng ra nhiều vị thần khác nhau đại diện cho sức mạnh tự nhiên và sức mạnh cộng đồng của họ. Những tôn giáo ra đời khi xã hội có giai cấp đều phản ánh lợi ích của một giai tầng nhất định trong xã hội. Đôi lúc, tôn giáo trở thành công cụ tinh thần của các giai cấp áp bức nhằm biện hộ cho sự thống trị giai cấp của mình. Quan niệm về một vị thượng đế, một chúa trời duy nhất sáng tạo và quyết định mọi trật tự trong tự nhiên và xã hội là cơ sở nền tảng biện hộ cho sự thống nhất quyền lực trong tay một người duy nhất. Đồng thời với đó, nhà nước ra đời, hình thành một nhà nước, một vị hoàng

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.625-626.

để duy nhất thống trị thì tôn giáo độc thần cũng xuất hiện. Kết cấu giữa thần quyền - thế quyền được thiết lập, giai cấp thống trị đã tìm thấy ở tôn giáo công cụ ngụy trang tư tưởng cho giai cấp mình, ngược lại tôn giáo nhờ đó mà được củng cố, duy trì, phát triển và một khi bị biến thành thứ “tôn giáo nhà nước” thì tôn giáo đã “quên” đi những điều ngây thơ của nó lúc sơ khai với tinh thần dân chủ và cách mạng. *Tuyên ngôn* viết: “Cũng hệt như thầy tu và chúa phong kiến luôn luôn tay nắm tay cùng đi với nhau, chủ nghĩa xã hội thầy tu cũng đi sát cánh với chủ nghĩa xã hội phong kiến.

Không có gì dễ hơn là phủ lên chủ nghĩa khổ hạnh của đạo Cơ Đốc một lớp sơn chủ nghĩa xã hội. Đạo Cơ Đốc chẳng phải đã cực lực phản đối chế độ tư hữu, hôn nhân và nhà nước đó sao? Và thay cho tất cả những cái đó, đạo Cơ Đốc chẳng phải đã tuyên truyền việc làm phúc và sự khổ hạnh, cuộc sống độc thân và chủ nghĩa cầm dục, cuộc sống tu hành và nhà thờ đó sao? Chủ nghĩa xã hội Cơ Đốc chẳng qua chỉ là thứ nước thánh mà thầy tu dùng để xúc cho nỗi hờn giận của quý tộc mà thôi”¹.

Tuy nhiên, cuộc “hôn phối” giữa tôn giáo - chính trị không phải lúc nào cũng mặn nồng, trong thời kỳ Trung cổ, đạo Thiên Chúa cũng phát triển theo sự phát triển của chế độ phong kiến để trở thành một tôn giáo phù hợp với chế độ ấy, và có một tôn ti phong kiến tương ứng. Khi chế độ phong kiến lỗi thời thì đạo Thiên chúa bị giai cấp tư sản xem như là một lực lượng cản trở sự phát triển xã hội, và khi tầng lớp thị

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.631.

dân ra đời thì đạo Tin lành đối lập với Thiên chúa giáo, chế độ phong kiến sẽ xuất hiện. Cuộc cách mạng tư sản Pháp (1789) là cuộc cách mạng đầu tiên không cần đến “ngọn cờ” tôn giáo và tấn công quyết liệt vào chế độ quân chủ chuyên chế cùng giáo hội Công giáo (tại Pháp). Nhưng rồi, khi chiếm được vũ đài chính trị, giai cấp tư sản thống trị lại cần đến tôn giáo để bảo vệ sự thống trị của mình và vỗ về dân chúng, Napoleon Bonaparte (Napôlêông Bônnapác) vẫn phải viện đến Giáo hoàng trong buổi đăng quang hoàng đế và khai thác triệt để luận điểm mọi trật tự xã hội kể cả sự bất bình đẳng giữa người với người là sự sắp đặt và an bài của Chúa.

Luận điểm thứ tư được đề cập trong *Tuyên ngôn* đó là, người cộng sản phải có lập trường kiên định, không được hữu khuynh, cơ hội, thoả hiệp hay trung lập với những nhà xã hội chủ nghĩa tư sản hay chủ nghĩa cộng sản không tưởng, làm lu mờ đấu tranh giai cấp hoặc cố điều hòa các mâu thuẫn đối kháng, có ảo tưởng muốn “đứng trên” cuộc đấu tranh giai cấp. *Tuyên ngôn* viết: “Những nhà xã hội chủ nghĩa tư sản muốn duy trì những điều kiện sinh hoạt của xã hội hiện đại, mà không có những cuộc đấu tranh và những mối nguy hiểm do những điều kiện sinh hoạt ấy nhất định phải sản sinh ra. Họ muốn duy trì xã hội hiện tại nhưng được tẩy trừ hết những yếu tố làm đảo lộn và làm tan rã nó. Họ muốn có giai cấp tư sản mà không có giai cấp vô sản. Giai cấp tư sản tất nhiên quan niệm cái thế giới mà nó đang thống trị là thế giới tốt đẹp hơn cả. Chủ nghĩa xã hội tư sản đem hệ thống hóa ít nhiều triết để cái quan niệm an ủi lòng người ấy. Khi chủ nghĩa xã hội tư sản bắt giai cấp vô sản phải thực hiện những hệ thống ấy của nó và bước vào thành Giêrudalem mới, thì

thực ra, nó chỉ kêu gọi giai cấp vô sản bám lấy xã hội hiện tại, nhưng phải bỏ hết quan niệm thù hận của họ đối với xã hội ấy”¹.

Với tôn giáo, tình hình cũng như vậy, người cộng sản phải kiên trì thực hiện giải phóng thực sự quần chúng nhân dân khỏi những *thiên kiến tôn giáo*, khỏi tình trạng bị *nô dịch tinh thần* mà tôn giáo là một nguyên nhân. Người cộng sản không được hữu khuynh, cơ hội, thỏa hiệp hay trung lập với tôn giáo dẫn tới thái độ điềuh hòa với tôn giáo và giáo hội, làm phương hại đến cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản.

Người cộng sản dù thừa nhận tự do tín ngưỡng, nhưng phải tuyên bố lập trường thế giới quan duy vật, vô thần của mình, dù đây là một việc làm hết sức khó khăn, phức tạp. Không được có thái độ trung lập đối với tôn giáo, vì đứng trung lập trong vấn đề này tức là đồng nghĩa với việc “quỳ gối” và làm “nô lệ” cho chủ nghĩa thầy tu và chủ nghĩa tín ngưỡng.

Những người cộng sản có thái độ trung lập với ý thức hệ tôn giáo, ca tụng các nhà triết học tôn giáo tức là đang đứng về phe đối lập chống lại người cộng sản và cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, chống lại chủ nghĩa xã hội, mặc dù, vẻ bề ngoài, họ không phải là tín đồ tôn giáo.

Người cộng sản cũng không thể đứng trung lập trước việc tuyên truyền tôn giáo mang tính chất chính trị - xã hội nhằm chống lại Đảng Cộng sản và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Những nhà chủ nghĩa xã hội nào mà thờ ơ với

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.638.

những biểu hiện tiêu cực của tôn giáo hay sự lợi dụng tôn giáo, muốn điều hòa tôn giáo với chủ nghĩa duy vật biện chứng thì đó là những người đang biện hộ cho chủ nghĩa duy tâm và thế giới quan tôn giáo, đó là biểu hiện điển hình của tính vô nguyên tắc khi nghiền ngẫm những vấn đề tôn giáo trên cơ sở triết học duy vật biện chứng.

Luận điểm thứ năm được đề cập trong *Tuyên ngôn* đó là, những người cộng sản không tưởng nếu cứ khăng khăng giữ lấy những quan niệm (bất chấp sự phát triển lịch sử của giai cấp vô sản đang là một thực tế) để tìm cách cố điều hòa các đối kháng giai cấp giữa vô sản và tư sản và mơ ước về một xã hội không tưởng thì cũng giống như tạo một Jerusalem (Giêrusalem) mới, một “lâu đài” trên cát, và vì vậy, họ buộc phải kêu gọi đến lòng tốt và két bạc của các nhà tư sản bác ái. Dần dần họ rơi vào hạng những người xã hội chủ nghĩa phản động hay bảo thủ (chỉ hơn một lối nói thông thái rởm có hệ thống và tin một cách mê muội, cuồng nhiệt vào hiệu lực thần kỳ của lý thuyết không tưởng của họ). Và những nhà không tưởng đó kịch liệt phản đối mọi phong trào chính trị của giai cấp công nhân, xem đó là một phong trào mù quáng thiếu tin tưởng vào kinh Phúc âm mới mà ra¹.

Luận điểm nêu trên được trình bày trong *Tuyên ngôn* với ý nghĩa, xét cho đến cùng mọi lý luận hay phong trào cách mạng đều phải đi đến đích cuối cùng là giải phóng triệt để nhân dân lao động khỏi ách áp bức về giai cấp, về kinh tế, về chính trị và cả ách áp bức về tinh thần (trong đó có tôn giáo)

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.643.

bằng cách “xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ. Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo”¹. Giải phóng con người khỏi chế độ tư hữu để con người có thể thoát ra khỏi những nô dịch mà giai cấp cầm quyền đang sử dụng tôn giáo làm phương tiện để thống trị. Cải biến xã hội để tạo ra những quan hệ rõ ràng giữa con người với con người. Tạo nên một xã hội nhân đạo, phồn vinh để con người thoát ra khỏi những ràng buộc luôn trói mình vào những ảo tưởng, hy vọng vào tôn giáo. Nói chung, nhiệm vụ của lịch sử, của giai cấp vô sản là phải xác lập “chân lý” của thế giới bên này để giải phóng thực sự con người, để con người được tự do phát triển toàn diện.

Nếu không làm được điều đó, thì chủ nghĩa xã hội cũng sẽ “giống hệt như các vương quốc thiêng đàng của các tôn giáo, trong đó người tín đồ luôn luôn gặp lại - dưới một dạng cải biến - những cái đã làm cho cuộc sống của họ ở trên cõi trần này được ngọt ngào hơn”².

2. Bổ sung, phát triển

Tuyên ngôn là một văn kiện ngắn gọn và súc tích để người cộng sản tuyên bố mục đích và ý tưởng của mình. Do đó, những luận điểm về tôn giáo được C. Mác và Ph. Ăngghen nêu ra trong *Tuyên ngôn* là hết sức khái quát và mang tính gợi mở. Sau này, trong các tác phẩm khác, C. Mác và Ph. Ăngghen có điều kiện để quay trở lại luận giải và phân

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.624; t.20, tr.436.

tích sâu thêm. Cũng có những luận điểm mà tác giả của *Tuyên ngôn* chưa dự đoán được do hạn chế của lịch sử, của tiến trình phát triển thời đại và của tính thích ứng, biến đổi nội tại ở bản thân mỗi tôn giáo.

Nhân loại ngày nay đang hướng tới một thế giới không phân lập ý thức hệ, tôn trọng sự khác biệt, không cỗ xúy cho xung đột và đấu tranh mà đề cao tính liên đới, đoàn kết và chia sẻ vì mục tiêu chung là phục vụ con người, vì sự tiến bộ xã hội và văn minh nhân loại - đây chính là những điểm khác biệt về bối cảnh thời đại khi *Tuyên ngôn* ra đời.

Do đó, người cộng sản ngày nay phải tiếp hợp chủ nghĩa Mác - Lê nin với bối cảnh thời đại và thực tiễn đời sống tôn giáo đương đại, khắc phục những quan điểm còn hạn hẹp vàぼ sung để không làm mất đi tính thời sự và triển vọng phát triển của chủ nghĩa Mác - Lê nin về vấn đề tôn giáo. Dưới đây là một số luận điểm cần bổ sung và phát triển.

Thứ nhất, chúng ta cần khắc phục sự hạn hẹp trong lý thuyết của chủ nghĩa Mác - Lê nin khi quá chú trọng xem xét tôn giáo ở góc độ tính tư tưởng, tính chính trị, tính giai cấp, tính thể chế và các văn bản giáo điều của nó. Cần nhìn nhận tôn giáo là một thực thể xã hội (với các giá trị và các thiết chế văn hóa của nó) và là một nhu cầu tinh thần thiết yếu như các nhu cầu khác (ăn, mặc, ở) của con người.

Thứ hai, sự lựa chọn theo tôn giáo của con người là có suy tính (lý tính), việc tin theo tôn giáo của con người là một sự chủ động tìm đến với tôn giáo (đặc biệt đúng với người dân ở những vùng mà sinh kế và quyền tự quyết dân tộc bị đe dọa). Người Việt Nam xưa kia tiếp nhận Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo là một sự lựa chọn có chủ đích, có ý thức của giới cầm

quyền, giới trí thức và cả người dân. Người Việt tìm thấy ở Nho giáo mô hình quản lý xã hội, một lý thuyết dạy con người tôn ti trật tự trong gia đình và các đức tính cần có của một bậc trí nhân quân tử. Tìm thấy ở Phật giáo những kiến giải siêu hình học và phân tích chiềulâu của sự hiện hữu con người. Tìm thấy triết lý an nhiên, tự tại và các hình thức lên đồng, lên bóng tại các đền phủ của Đạo giáo. Như vậy, Nho giáo thỏa mãn phần Trí, Phật giáo thỏa mãn phần Tâm, Đạo giáo thỏa mãn phần Hồn trong đời sống văn hóa - tinh thần - tâm linh của người Việt. Nên, ba tôn giáo đó đồng tôn, đồng nguyên, đồng quy trong suốt chiều dài lịch sử Việt Nam. Sau này, người Việt tiếp hợp thêm Công giáo, Tin lành, Hồi giáo... đều dựa trên cơ sở của sự lựa chọn lý tính (có suy xét).

Ở nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay, tôn giáo đã vượt ra khỏi khuôn khổ tâm linh để tham gia vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. Một sự dịch chuyển tôn chỉ từ *cứu rỗi tinh linh* sang *cứu trợ hiện thực*, từ niềm tin vào cuộc sống sau khi chết sang cuộc sống hiện sinh. Các tổ chức tôn giáo hoạt động rất tích cực và thành công trong công tác xã hội như giáo dục, y tế, từ thiện, môi trường, quản trị doanh nghiệp...

Do vậy, tôn giáo ngày nay không chỉ là kết quả của sự mê muội và dốt nát, không chỉ là “lạc thú tinh thần” làm cho con người quên đi những gì mà họ cần phải có để sống một cuộc đời xứng đáng là con người như đã từng được nhận định bởi các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Thứ ba, khi khoa học và triết học phát triển, giải phóng mình ra khỏi thần học kinh viện, triết học duy vật biện chứng (đỉnh cao là triết học Mác) đã coi mọi hiểu biết (tín lý)

của tôn giáo về các vấn đề tự nhiên, xã hội, chính trị, đạo đức, luân lý là sai lầm, hoang đường hay thế giới quan lộn ngược. Mọi sự giải thích thế giới bằng thiên chúa hay thánh thần bị khoa học xem là lỗi thời. Chủ nghĩa vô thần “lên ngôi”. Xu hướng chính trị hóa đời sống xã hội và thế tục hóa nhà nước (bắt đầu diễn ra từ châu Âu rồi lan sang các nước châu Á từ cuối thế kỷ XIX) đã xem tôn giáo là việc riêng tư, phủ quyết và chối bỏ các giá trị thánh thiêng. Chủ nghĩa tự do cá nhân, cách mạng dân chủ lại giáng thêm một đòn chí mạng vào tính thể chế ngặt nghèo của tôn giáo.

Chính vì phải hứng chịu cơn “nóng giận” của xã hội thế tục (cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX) muốn loại bỏ tôn giáo, muốn tôn giáo “chết cái chết tự nhiên” của nó, nên tôn giáo đã tự điều chỉnh mình, tạo ra một hấp lực mới cuốn hút con người và xã hội hiện đại bằng cách khắc phục những hạn hẹp của giáo điều (tín lý), vượt bở sự khẳng định tính toàn năng của thượng đế, tạo lập sự xác tín của mình dựa trên sự đòi hỏi mãnh liệt từ kinh nghiệm của vạn vật, từ nhu cầu bản năng và cả trí tuệ. Lúc này, công năng xã hội của tôn giáo vừa đi vào chiều sâu lẩn bẽ nổi, tín đồ theo tôn giáo ngày nay không chỉ là chúng sinh bị áp bức mà cả giới trí thức, các doanh nhân thành đạt. Con người hiện đại ngày nay thực hành tâm linh, tôn giáo bằng cả sự trải nghiệm, bằng cả xúc cảm và lý trí, do đó, niềm tin tôn giáo càng bền chặt hơn, hấp dẫn hơn và được coi là một yếu tố không thể thiếu trong đời sống con người và xã hội.

Thứ tư, tôn giáo ngày nay có thể mất đi vai trò chính trị, vai trò lãnh đạo xã hội, vai trò định hướng tư tưởng, vai trò

độc quyền chân lý, nhưng vị thế của nó trong đời sống cá nhân và xã hội vẫn được khẳng định và ngày càng lan rộng.

Theo Báo cáo của cơ quan Google Zeitgeist's (ngày 02/01/2008), trong năm 2007, số người truy cập vào mạng Google trên internet để tìm hiểu về tôn giáo với câu hỏi “Thượng đế là ai” (*Who is God*) đã được xếp hàng đầu trong loại câu hỏi khởi đầu với chữ Who (tìm hiểu về tiểu sử của một người).

Tiến sĩ David Hawkins (một bác sĩ nổi tiếng ở Mỹ) đã chứng minh rằng, tình yêu và sự lạc quan có thể giúp con người chiến thắng căn bệnh ung thư. David Hawkins đã từng làm bệnh án cho hàng triệu người thuộc các chủng tộc khác nhau trên toàn thế giới, tất cả đều cho một đáp án giống nhau, những người có tần số rung động thấp hơn 200 là người thường hay mắc bệnh (tim mạch và ung thư), trên 200 sẽ không bị bệnh. Những người có tần số rung động trên 200 là những người giàu lòng từ bi, nhân ái, hướng thiện, bao dung, độ lượng, quan tâm đến người khác,... Ngược lại, người có tính căm ghét, phẫn nộ, hay chỉ trích, trách móc, đố kỵ, đòi hỏi người khác, luôn tư lợi cá nhân, ích kỷ, không màng đến cảm nhận của người khác... sẽ có tần số rung động rất thấp. Từ góc độ y học, David Hawkins cho rằng, xúc cảm tôn giáo có thể giúp con người giải tỏa những phiền não và vì vậy có ảnh hưởng vô cùng lớn đến sức khỏe con người. Tôn giáo có thể giúp con người giải tỏa những phiền não trong tâm, khi mà áp lực của hoàn cảnh tự nhiên và xã hội khiến mọi *thể năng* và *trí năng* của họ không thể giải quyết được, họ sẽ tìm đến sự trợ giúp của thánh thần và tôn giáo lúc này đóng vai

trò là “ý lực” tiếp thêm sức mạnh cho họ để họ có thể vượt lên trên những nỗi khốn khó, bệnh tật và làm được những điều phi thường mà những người không có đức tin không làm được, đây chính là trạng thái mà các nhà khoa học gọi là tự kỷ ám thị - tác động của tinh thần lên vật chất, con người có được một niềm tin mãnh liệt về một khả năng “siêu nhiên” của mình và tự khuyến khích mình đạt được những khả năng mà bản thân trước đó không thể làm được.

Tương tự như vậy, nhà nghiên cứu Nguyễn Vũ Tuấn Anh - Giám đốc Trung tâm lý học Đông Phương, Hội nghiên cứu khoa học Đông Nam Á kết luận rằng, tế bào hay hệ miễn dịch của con người hoạt động không tự ý mà theo tín hiệu từ trung ương thần kinh. Vì thế, khi phải chiến đấu với bệnh tật, tự thôi miên bằng câu “tôi lành bệnh, tôi mạnh khỏe” thần kinh trung ương sẽ đánh đi những tín hiệu tốt, rất nhiều lần như thế, hệ miễn dịch sẽ “buộc” phải hoạt động theo chiều hướng vẫn hồi sức khỏe, cơ thể sẽ sản sinh chất endorphine một cách cục bộ nhằm xoa dịu khi cơn bệnh hành hạ. Chất endorphine là dạng “morphin nội sinh” ai cũng có. Nó có nhiệm vụ hóa giải mọi sự đau nhức, mỏi mệt như một liều giảm đau, an thần, hoạt động đó, người ta gọi là tự kỷ ám thị. Tự kỷ ám thị vô thức có thể làm thay đổi cấu trúc vật lý và cơ địa của mình cho thích nghi với điều mà ý chí họ mong muốn, do đó, giúp con người chữa được bệnh hiểm nghèo. Từ xa xưa, con người đã biết đến sự tương tác giữa ý thức và bản thể, ví như sự tương tác của những người tọa thiền, tu luyện tự tạo cho mình sau khi viên tịch trở thành ngọc xá ly. Hoặc những người tự cho mình có khả năng đi

trên than lửa cháy rừng rực mà không bị bỏng hoặc đi trên các mũi giáo nhọn mà không việc gì¹.

Năm 2009, Tổng thống Liên bang Nga Dmitry Medvedev (D. Métvêđép) đã quyết định đưa môn tôn giáo vào giáo dục học đường tại các trường công lập của Liên bang Nga. Sau một thời gian, các nhà xã hội học (qua các cuộc điều tra) đã chứng minh cho thấy, nơi nào thanh thiếu niên được giáo dục về tôn giáo, nơi đó tội phạm giảm bớt đáng kể và tỷ lệ thành công của giới trẻ cũng cao hơn so với nơi thanh thiếu niên không được giáo dục về tôn giáo.

Gần đây nhất, công trình nghiên cứu của Pippa Norris và Ronald Inglehart (Anh) đã thực hiện khảo sát và xử lý lại các kết quả khảo sát của *World Values Survey* (tổ chức khảo sát giá trị toàn cầu)² về tôn giáo trên phạm vi toàn thế giới năm 2011. Theo họ, ở các quốc gia đã phát triển như Nauy, Tây Ban Nha, Bắc Ailen thuộc Anh, Đức, Hà Lan, Bỉ, Thụy Điển, Niu Dilân, Đan Mạch, Ôxtrâylia,... người dân có thiên hướng thế tục hóa, niềm tin và tầm quan trọng đặt lên thánh thần, thương để suy giảm đáng kể. Ngược lại, ở các quốc gia kém phát triển, đang phát triển hoặc có chỉ số an toàn hiện sinh (*existential security*) thấp như Bêlarút, Rumani, Xécbia, Trung Quốc, Việt Nam, ... thì số lượng người theo tôn giáo có chiều hướng gia tăng, tỷ lệ người nhấn mạnh tầm quan trọng của tôn giáo ngày càng cao, người dân có xu hướng hữu thần,

1. Nguyễn Vũ Tuấn Anh: “Tự kỷ ám thị - chìa khóa của sự phi thường”, đăng lên website giadinh.net.vn, ngày 29/9/2008.

2. Tham khảo tại website: <http://www.worldvaluessurvey.org/wvs.jsp>.

đề cao sự quan trọng của chúa trời hay thượng đế đối với cuộc sống của họ.

Các kết quả nghiên cứu thực tế nêu trên cho thấy, tôn giáo từ xưa đến nay chưa bao giờ là kém quan trọng đối với con người, vị thế của tôn giáo trong đời sống xã hội đương đại một lần nữa được khẳng định. Tôn giáo là một bộ phận thiết yếu của phức hợp những yếu tố mà trong đó con người tồn tại. Cuộc sống là một tập hợp những giá trị, trong đó có giá trị của tôn giáo. Tôn giáo là một nguồn lực xã hội. Nguồn lực đó có thể *thúc đẩy* hay *kìm hãm* sự phát triển của xã hội là tùy thuộc vào chính sách vĩ mô của nhà nước đối với tôn giáo. Tôn giáo sẽ còn tồn tại lâu dài cùng con người. Các nhà nước thế tục cần công nhận và bảo hộ quyền tự do tạo lập tôn giáo và quyền thực hành tôn giáo của người dân.

VẤN ĐỀ GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC TRONG TÁC PHẨM *TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN-* GIÁ TRỊ VÀ NHỮNG NỘI DUNG CẦN BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN

TS. PHẠM THỊ HOÀNG HÀ*

TS. NGUYỄN ANH TUẤN**

Vấn đề giai cấp và dân tộc là một trong những nội dung cơ bản gắn liền với tư tưởng chủ đạo của tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của C. Mác và Ph. Ăngghen. Hiện nay, tình hình thế giới đã có nhiều thay đổi cả về kinh tế, chính trị, xã hội một cách sâu rộng. Theo đó, các quan hệ giai cấp, dân tộc cũng có nhiều biến đổi so với tư tưởng của Mác và Ăngghen. Thực trạng đó đòi hỏi phải nghiên cứu, đánh giá một cách khách quan những giá trị và ý nghĩa vấn đề giai cấp và dân tộc trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của Mác và Ăngghen; đồng thời chỉ ra những vấn đề cần tiếp tục bổ sung, phát triển trong thời đại ngày nay.

* , ** Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Vấn đề giai cấp và dân tộc trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*

Thứ nhất, *Tuyên ngôn* khẳng định, giai cấp tư sản từng đóng vai trò cách mạng đối với sự hình thành, phát triển của dân tộc trong một giai đoạn lịch sử nhất định, nhưng hiện nay, sự tồn tại của giai cấp tư sản, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản gắn liền với sự duy trì và tăng cường áp bức giai cấp và áp bức dân tộc trên phạm vi quốc gia và quốc tế. Đây là mâu thuẫn không thể khắc phục trong giới hạn chủ nghĩa tư bản.

Từ trong “đêm trường Trung cổ” giai cấp tư sản đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống các thế lực *thế quyền* và *thần quyền*; xóa tan sự cô lập, tự cung, tự cấp, sự cát cứ địa phương để hình thành nên ở các nước tư bản một dân tộc thống nhất, một chính phủ thống nhất, một luật pháp thống nhất, một lợi ích dân tộc thống nhất mang tính giai cấp¹... chủ nghĩa tư bản tạo ra sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc về sản xuất vật chất và sản xuất tinh thần; lôi cuốn cả những dân tộc dã man nhất vào trào lưu văn minh; làm cho những giá trị tinh thần của một dân tộc trở thành tài sản chung của tất cả các dân tộc; từ những nền văn học dân tộc và địa phương muôn hình muôn vẻ đang nảy nở ra một nền văn học toàn thế giới. *Tuyên ngôn* khẳng định: “Với sự phát triển của giai cấp tư sản, tự do buôn bán, thị trường thế giới, sự đồng đều của sản xuất công nghiệp và những điều kiện sinh hoạt thích ứng với nền sản xuất ấy thì những sự cách

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.603.

biệt dân tộc và những sự đối lập giữa nhân dân các nước cũng ngày càng mất đi”¹.

Tuy nhiên, đồng thời, *Tuyên ngôn* cũng chỉ ra rằng, giai cấp tư sản đã tạo ra cho nó một thế giới theo hình dạng của nó². Thực chất dân tộc thống nhất, chính phủ thống nhất, luật pháp thống nhất, lợi ích dân tộc thống nhất là của giai cấp tư sản, mang bản chất giai cấp tư sản. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã đẩy nhanh sự phân hóa trong dân tộc tư sản; đồng đảo nhân dân lao động, trước hết là giai cấp công nhân trở thành đối tượng áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản dân tộc. Công nhân không có tài sản, công nhân làm nô lệ cho tư bản, công nhân mất hết mọi tính chất dân tộc³; do đó, dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, công nhân không có Tổ quốc⁴. Giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt. Nó bắt nông thôn phải phụ thuộc vào thành thị, bắt các nước dã man hay nửa dã man phải phụ thuộc vào các nước văn minh; nó đã bắt những dân tộc nông dân phải phụ thuộc vào những dân tộc tư sản, bắt phương Đông phải phụ thuộc vào phương Tây⁵. Như vậy, sự tồn tại, phát triển của chủ nghĩa tư bản đồng thời duy trì sự áp bức giai cấp và áp bức dân tộc diễn ra cả trong phạm vi quốc gia và quốc tế.

Thứ hai, theo tinh thần của *Tuyên ngôn*, vấn đề dân tộc thực chất là vấn đề giai cấp. Nguồn gốc áp bức dân tộc là sự

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.624.

2, 3, 4, 5. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.602, 611, 623, 602.

áp bức giữa người với người, sự áp bức giữa giai cấp này với giai cấp khác. Giai cấp nào thống trị về kinh tế thì giai cấp ấy thống trị dân tộc. *Tuyên ngôn* khẳng định, cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay đã phát triển tới giai đoạn trong đó giai cấp bị bóc lột và bị áp bức, tức là giai cấp vô sản không còn có thể tự giải phóng khỏi áp bức của giai cấp bóc lột và áp bức mình, tức là giai cấp tư sản, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn xã hội khỏi mọi áp bức, bóc lột, bất công, khỏi sự phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp. Một trong những điều kiện cơ bản để giai cấp công nhân tự giải phóng mình là phải đồng thời giải phóng các dân tộc và toàn nhân loại ra khỏi mọi sự bóc lột, áp bức, bất công. C. Mác và Ph. Ăngghen viết: “Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ. Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo”¹. Thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới, đó là con đường, nội dung, mục tiêu giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng nhân loại.

Thứ ba, trong tiến trình đấu tranh để thực hiện sứ mệnh lịch sử thế giới của mình, “giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc, tuy hoàn toàn không phải theo cái nghĩa như giai cấp tư sản hiếu”². “Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại giai cấp tư sản,

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.624, 623-624.

dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc. Đương nhiên là trước hết, giai cấp vô sản mỗi nước phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã”¹. Sự thống trị của giai cấp vô sản sẽ càng làm cho những sự cách biệt dân tộc và những sự đối lập giữa nhân dân các nước mất đi nhanh hơn². Trong *Lời tựa viết cho lần xuất bản bằng tiếng Ba Lan “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, năm 1892*, Ph. Ăngghen viết: “Chỉ có thể có được sự hợp tác quốc tế thành thực giữa các dân tộc châu Âu, khi nào mỗi dân tộc đó là người chủ tuyệt đối trong nhà mình”³. Một năm sau đó, trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Italia “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, xuất bản năm 1893*, Ph. Ăngghen tiếp tục khẳng định: “Không khôi phục được độc lập và thống nhất cho từng dân tộc thì về phương diện quốc tế, không thể thực hiện được sự đoàn kết của giai cấp vô sản và sự hợp tác hòa bình và tự giác giữa các dân tộc đó để đạt tới những mục đích chung”⁴. Trách nhiệm dân tộc và nghĩa vụ quốc tế không thể tách rời trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân hiện đại.

Thứ tư, sự thống nhất biện chứng giữa vấn đề giai cấp và dân tộc trong tiến trình thực hiện sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân còn được thể hiện ngay trong khẩu hiệu nổi tiếng: “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại”. Giai cấp công nhân ở mỗi nước phải tự mình trở thành dân tộc và

1, 3, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.611; t.22, tr.415, 544.

2. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.624.

hoàn thành trách nhiệm với dân tộc mình; nhưng để hoàn thành trọng trách ấy không thể chỉ bằng sức mạnh dân tộc, sức mạnh đoàn kết dân tộc (thực chất là sức mạnh liên minh đoàn kết của khối đa số vì lợi ích của khối đa số¹) mà phải bằng cả sức mạnh đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân (đoàn kết giai cấp công nhân ở các quốc gia, dân tộc). Bởi bản thân giai cấp tư sản cũng là một thế lực quốc tế; nó không có bản chất quốc tế nhưng nó có sức mạnh quốc tế luôn sẵn sàng đè bẹp, đàn áp đẫm máu phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc. *Tuyên ngôn* chỉ rõ: trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản; và, trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư sản, họ luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào².

2. Giá trị bền vững của tư tưởng về vấn đề giai cấp và dân tộc trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*

Một là, những phân tích, đánh giá trong *Tuyên ngôn* về vai trò cách mạng của giai cấp tư sản và của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của các dân tộc và sự tiến bộ chung của nhân loại vẫn đúng với thực tế hiện nay. Giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản ở nhiều nước vẫn không ngừng *cách mạng hóa công cụ sản xuất, cách mạng hóa quan hệ sản xuất và cách mạng hóa các quan hệ xã hội*³ nên vẫn thúc đẩy sự

1, 2, 3. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd, t.4, tr.611, 614, 600-601.*

phát triển của lực lượng sản xuất, bảo đảm lợi ích, mức sống khá cao (cả vật chất và tinh thần) cho người lao động cũng như bảo đảm lợi ích của quốc gia, dân tộc. Chủ nghĩa tư bản vẫn tiếp tục thúc đẩy toàn cầu hóa; vẫn tiếp tục tạo ra sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc về sản xuất vật chất và sản xuất tinh thần; vẫn tiếp tục lôi cuốn những dân tộc lạc hậu vào trào lưu văn minh; vẫn tiếp tục làm cho những giá trị tinh thần của một dân tộc trở thành tài sản chung của tất cả các dân tộc... Rõ ràng, giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản ở các nước vẫn tiếp tục thúc đẩy các xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc: phân lập dân tộc và liên hiệp dân tộc.

Mặt khác, thực tế cho thấy, giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản vẫn tiếp tục tạo ra cho nó một thế giới theo hình dạng của nó. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, phát triển đi liền với phản phát triển; giàu đi liền với nghèo. Đại bộ phận tư liệu sản xuất vẫn nằm trong tay các tập đoàn tư bản giàu có và chính quyền nhà nước vẫn nằm trong tay giai cấp tư sản, dưới sự lãnh đạo của các đảng tư sản với những tên gọi khác nhau. Giai cấp công nhân ở các nước tư bản về cơ bản vẫn không có tư liệu sản xuất, vẫn phải làm thuê cho nhà tư bản và vẫn tiếp tục bị bóc lột giá trị thặng dư. Giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản vẫn tiếp tục tìm mọi cách để buộc các dân tộc phải duy trì và thực hành phương thức sản xuất tư bản (kể cả việc áp đặt, can thiệp, hay thực hiện diễn biến hòa bình để lái các nước xã hội chủ nghĩa theo quỹ đạo chủ nghĩa tư bản và dân chủ tư sản); vẫn tiếp tục buộc các dân tộc lạc hậu, các nước nghèo phải phụ thuộc vào nước giàu; vẫn tiếp

tục thu lợi, làm giàu bằng cách kích động gây mâu thuẫn, xung đột ở các quốc gia, dân tộc, gây chia rẽ, thù địch giữa các tôn giáo, tín ngưỡng và đẩy nhân dân ở nhiều quốc gia, dân tộc, khu vực vào chiến tranh loạn lạc, “huynh đệ tương tàn”, “nồi da nấu thịt”... Điều đó nói lên rằng, chủ nghĩa tư bản trong những thập niên đầu thế kỷ XXI vẫn tiếp tục duy trì sự áp bức giai cấp và áp bức dân tộc cả trong phạm vi quốc gia và quốc tế đúng như những khái quát, nhận định trong *Tuyên ngôn*.

Hai là, vấn đề giai cấp và dân tộc có quan hệ biện chứng; giải quyết vấn đề dân tộc phải trên cơ sở lập trường của giai cấp công nhân; giai cấp công nhân có nghĩa vụ quốc tế và có trách nhiệm dân tộc; giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử thế giới nhưng giai cấp công nhân mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc; cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc nên trước hết, giai cấp công nhân mỗi nước phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã¹; nếu không khôi phục được độc lập và thống nhất cho từng dân tộc thì về phương diện quốc tế, không thể thực hiện được sự đoàn kết của giai cấp vô sản và sự hợp tác hòa bình và tự giác giữa các dân tộc đó để đạt tới những mục đích chung².

1, 2. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.611; t.22, tr.544.

Tất cả những luận điểm đó là cơ sở lý luận, phương pháp luận khoa học để sau này, trong điều kiện lịch sử mới, V.I. Lê-nin và Đảng Bônsêvích Nga xây dựng thành cương lĩnh, sách lược cách mạng để lãnh đạo nhân dân Nga đấu tranh làm nên thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười năm 1917; giải phóng hàng trăm dân tộc, hàng triệu nhân dân lao động ra khỏi “nhà tù của các dân tộc”; xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, lập nên Liên bang Cộng hòa Xôviết (Liên Xô). Nhờ đó, giai cấp công nhân và nhân dân các dân tộc Liên Xô đã nhanh chóng đưa nước Nga từ một nước lạc hậu bậc nhất châu Âu trở thành một trong hai cường quốc công nghiệp của thế giới. Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga và sự lớn mạnh của Liên Xô, tinh thần của *Tuyên ngôn* và tinh thần Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trở thành ngọn đuốc soi đường đấu tranh cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các dân tộc thuộc địa, lệ thuộc và bị áp bức trên các châu lục. Theo đó, giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức ở nhiều quốc gia, dân tộc đã vùng dậy đấu tranh giành độc lập dân tộc và đưa quốc gia, dân tộc mình phát triển theo con đường trung lập hoặc theo định hướng xã hội chủ nghĩa để hình thành nên hệ thống xã hội chủ nghĩa hùng mạnh và Phong trào không liên kết rộng lớn. Từ đó, hàng trăm quốc gia, dân tộc có độc lập; hàng tỷ người lao động có tự do, dân chủ. Đồng thời, sự ra đời, phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa đã thiết lập trên thực tế một kiểu quan hệ quốc tế mới dựa trên tình đoàn kết giai cấp, tình hữu nghị giữa các dân tộc, sự hợp tác và tương trợ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ xã hội mới, vì hòa bình, an ninh quốc tế và tiến bộ xã hội,

sự bình đẳng và tôn trọng độc lập, chủ quyền của mỗi nước. Đây là tác nhân tích cực thúc đẩy các nước trong cộng đồng quốc tế xích lại gần nhau hơn trong quá trình phát triển¹. Cội nguồn tư tưởng, lý luận dẫn đến những thành quả lịch sử vĩ đại ấy chính là chủ nghĩa Mác - Lê nin, trong đó có giá trị khoa học, cách mạng từ những luận điểm, nguyên lý về vấn đề giai cấp và dân tộc trong *Tuyên ngôn*.

Ba là, giá trị khoa học, thực tiễn của các luận điểm về vấn đề giai cấp và dân tộc còn thể hiện ở chỗ, bản thân nó là một hệ thống lý luận khoa học có tính cách mạng, sáng tạo. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, ở đâu, lúc nào những người cộng sản trung thành, vận dụng sáng tạo các luận điểm đó thì cách mạng giành được thành công, thu được thắng lợi; ngược lại, ở đâu, lúc nào rơi vào chủ quan, duy ý chí, mây móc, giáo điều hoặc xa rời, từ bỏ các luận điểm đó thì cách mạng lâm vào khó khăn, khủng hoảng, thậm chí thất bại.

Sự khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội hiện thực, sự thất bại của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, sự sụp đổ của Liên Xô, và sự suy yếu, thoái trào của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân sai lầm trong nhận thức và xử lý mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc; giữa dân tộc và quốc tế; giữa trách nhiệm dân tộc và nghĩa vụ quốc tế của giai cấp công nhân. Giữa các nước xã hội chủ nghĩa, trong phong trào cộng sản và công

1. Xem Đỗ Xuân Tuất: *Cách mạng Tháng Mười Nga - ngọn cờ hiệu triệu hòa bình cho nhân loại*, tại trang: <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2013/24352/Cach-mang-Thang-Muoi-Nga-ngon-co-hieu-trieu-hoa-binh.aspx>.

nhân quốc tế có khi bất đồng về tư tưởng, phân liệt, mâu thuẫn kết về tổ chức, áp đặt, sao chép máy móc về mô hình, chính sách phát triển, vi phạm quyền bình đẳng và quyền tự quyết của các quốc gia, dân tộc. Có dân tộc không phải là chủ tuyệt đối trong nhà mình và sự hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc có khi thiếu thành thực. Có nơi, có lúc chủ nghĩa dân tộc, lợi ích quốc gia, dân tộc được đề cao quá mức; trong khi chủ nghĩa quốc tế vô sản lại bị lãng quên, xem nhẹ. Thậm chí quan hệ giữa một số đảng cộng sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa có khi đã nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng, tranh chấp, xung đột gay gắt. Có nơi, có lúc đảng và nhà nước xã hội chủ nghĩa rơi vào quan liêu, xa dân, đặc quyền, đặc lợi, không thực sự đại diện tiêu biểu cho lợi ích và lương tri của toàn dân tộc. Có lúc nhấn mạnh động lực đấu tranh giai cấp; xem nhẹ động lực liên minh giai cấp và đoàn kết dân tộc. Đôi lập một cách siêu hình với chủ nghĩa tư bản, không chú trọng kế thừa, tiếp thu thành quả văn minh dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Máy móc, nôn nóng trong việc “thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình”; chủ quan, duy ý chí trong thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Tất cả những điều đó đều xa lạ và trái với tinh thần khoa học, cách mạng của *Tuyên ngôn* về quan hệ giữa vấn đề giai cấp và dân tộc. Những biểu hiện ấy dần làm rạn nứt tình đoàn kết dân tộc, xói mòn niềm tin đoàn kết giai cấp vì mục tiêu xã hội chủ nghĩa, triệt tiêu các động lực phát triển làm cho đất nước càng lún sâu vào khó khăn, khủng hoảng.

Trong bối cảnh đó, các nước đều tìm kiếm lối thoát bằng cách đi vào cải tổ, cải cách, đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội. Một số nước có thành công bước đầu, nhưng đa số các

nước đã thất bại. Liên Xô tan rã, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ bởi trong cải tổ họ đã xa rời, từ bỏ các nguyên lý Mác - Lênin. Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cuba nhờ trung thành với bản chất khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, cải cách, đổi mới sáng tạo và giải quyết tương đối tốt mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp và dân tộc nên không những bảo vệ được thành quả cách mạng mà còn đạt được nhiều thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử; bước đầu lấy lại sức sống cho chủ nghĩa xã hội hiện thực. Đối với những nước này, quan điểm về quan hệ giữa vấn đề giai cấp và dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin mà *Tuyên ngôn* đã đặt nền móng vẫn là một bộ phận quan trọng cấu thành cơ sở, nền tảng lý luận khoa học để các đảng cộng sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa vận dụng trong xây dựng, thực thi đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại trong bối cảnh mới.

Ở các nước tư bản, phong trào công sản và công nhân mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng vẫn tiếp tục diễn ra với nhiều nội dung và hình thức phong phú phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi nước và xu thế chung của thế giới. Quan hệ giữa lợi ích quốc gia, dân tộc với lợi ích quốc tế; giữa vấn đề hợp tác, liên minh, liên hiệp với vấn đề ly khai, phân lập; giữa chính sách đối nội và đối ngoại vẫn là những vấn đề lớn được đặt ra trong đời sống chính trị thực tiễn của nhiều nước, nhất là trong cương lĩnh tranh cử của các lực lượng chính trị. Theo đó, tinh thần mácxít đã giúp cho một số đảng cộng sản và đảng cánh tả tiếp tục tồn tại, thích nghi và nâng cao uy tín; có nơi họ đã giành được chính quyền thông qua bầu cử dân chủ, đưa đất nước bước vào công cuộc bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI.

Bốn là, chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, lý luận về vấn đề giai cấp và dân tộc theo tinh thần của *Tuyên ngôn* đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp thu khi Người đọc và thẩm nhuần nội dung *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin - một trong những tác phẩm thể hiện đúng đắn, sinh động tinh thần của *Tuyên ngôn* về vấn đề giai cấp và dân tộc trong điều kiện lịch sử mới. Hồ Chí Minh khẳng định: trong thời đại ngày nay, muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản. Con đường đó đáp ứng đúng nhu cầu khách quan của cách mạng Việt Nam nên lựa chọn của Hồ Chí Minh dần trở thành lựa chọn của Đảng và của cả dân tộc Việt Nam. Quan hệ giữa vấn đề giai cấp và dân tộc được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức và giải quyết đúng đắn, hài hòa thông qua việc thực hiện nhiệm vụ “phản đế” và “phản phong” trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; thực hiện đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở hai miền Nam - Bắc; thực hiện độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản vô tư, trong sáng; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại... Nhờ đó, cách mạng Việt Nam đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Những thắng lợi to lớn giành được trong gần 90 năm qua đã đưa Việt Nam từ một nước thuộc địa nửa phong kiến trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; đưa nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công

nghiệp hóa, hiện đại hóa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới¹. Đó là minh chứng sống động khẳng định giá trị khoa học và sức sống thực tiễn của *Tuyên ngôn*, trong đó có những luận điểm về vấn đề giai cấp và dân tộc trong lịch sử cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

3. Vận dụng, bổ sung, phát triển tư tưởng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* về vấn đề giai cấp và dân tộc trong điều kiện hiện nay

Hiện nay, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến rất phức tạp, có nhiều thay đổi rất xa so với thời điểm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời. Vì vậy, việc vận dụng, phát triển các luận điểm về vấn đề giai cấp và dân tộc trong *Tuyên ngôn* cần lưu ý mấy điểm sau:

Thứ nhất, mặc dù *Tuyên ngôn* có vận mệnh riêng của nó nhưng giá trị sức sống của *Tuyên ngôn* không thể tách rời toàn bộ di sản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. 170 năm qua, cùng với sự thăng trầm của lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, không ít luận điểm trong *Tuyên ngôn*, trong đó có những luận điểm liên quan đến vấn đề giai cấp và dân tộc đã từng bị hiểu sai, xuyên tạc, bóp méo; thậm chí có lúc *Tuyên ngôn* còn bị lãng quên và biến mất khỏi vũ đài chính trị. Do đó, để vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng của *Tuyên ngôn* về vấn đề giai cấp và dân tộc trong điều kiện hiện nay trước hết cần phải hiểu đầy đủ, đúng đắn di sản

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.63-90.

Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và giai cấp; vấn đề dân tộc và quốc tế; cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng thuộc địa; chủ nghĩa dân tộc chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản vô tư trong sáng. Tất nhiên, theo tinh thần của *Tuyên ngôn*, việc xem xét, đánh giá các luận điểm đó phải đặt trong bối cảnh lịch sử cụ thể và đặt trong chỉnh thể, trong mối tương quan mật thiết với các luận điểm, các nguyên lý khác của chủ nghĩa Mác - Lênin. Theo đó, cần phải nghiên cứu một cách công phu, có hệ thống toàn bộ di sản Mác - Lênin về vấn đề giai cấp và dân tộc để khẳng định giá trị bền vững, phổ biến; chỉ ra những vấn đề cần nhận thức lại, cần bổ sung, phát triển; những luận điểm đã bị lịch sử vượt qua, những luận điểm đã bị những người cộng sản hiểu sai và các loại kẻ thù xuyên tạc... Chỉ trên cơ sở đó, chúng ta mới có thể vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận Mác - Lênin phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước và xu thế vận động khách quan của thời đại.

Thứ hai, cần phê phán, bác bỏ những nhận thức sai trái, thù địch và điều chỉnh những nhận thức lệch lạc, phiến diện liên quan đến những luận điểm về vấn đề giai cấp và dân tộc trong *Tuyên ngôn*. Thực tế cho thấy, đề cao quá mức vấn đề giai cấp, xem nhẹ vấn đề dân tộc hay nhấn mạnh vấn đề dân tộc, coi thường vấn đề giai cấp đều đã làm tổn hại to lớn cho cách mạng của mỗi nước và cách mạng thế giới. Cần phải phê phán, bác bỏ nhận thức cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin coi thường vấn đề dân tộc; chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ tập trung vào đấu tranh giai cấp và đấu tranh giai cấp chỉ là bạo lực. Bác bỏ nhận thức sai lầm đó, V.I. Lênin từng viết: “Đối với Mác, thật không còn nghi ngờ gì cả là so với “vấn đề công

nhân”, thì vấn đề dân tộc chỉ có một ý nghĩa thứ yếu thôi. Nhưng lý luận của Mác thì xa việc coi thường các phong trào dân tộc, như trời xa đất vậy”¹. *Tuyên ngôn* khẳng định, đấu tranh giai cấp là động lực của lịch sử, nhưng trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Italia “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” xuất bản năm 1893*, Ph. Ăngghen cũng lại viết: “Không khôi phục được độc lập và thống nhất cho từng dân tộc thì về phương diện quốc tế, không thể thực hiện được sự đoàn kết của giai cấp vô sản và sự hợp tác hòa bình và tự giác giữa các dân tộc đó để đạt tới những mục đích chung”². Hiện nay, các thế lực phản động, thù địch vẫn tiếp tục sử dụng chiêu trò trích dẫn cắt xén để xuyên tạc luận điểm “người vô sản không có tài sản”, “người vô sản mất hết mọi tính chất dân tộc”, “công nhân không có tổ quốc”. Điều đáng nói là những luận điệu cũ rích ấy vẫn nhận được sự a dua, tán thưởng của không ít người, kể cả cán bộ, đảng viên nông cạn về lý luận và hời hợt về thực tiễn. Tất nhiên, trong bối cảnh hiện nay, nếu là C. Mác và Ph. Ăngghen, chắc luận điểm đó cũng sẽ được các ông viết khác đi.

Thứ ba, trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” xuất bản năm 1872*, C. Mác và Ph. Ăngghen viết đại ý rằng: bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào việc áp dụng những nguyên lý trong *Tuyên ngôn* cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời³... Trong quá trình hoạt động cách mạng và nghiên cứu lý luận, chính C. Mác,

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Sđd, t.25, tr.352-353.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.22, tr.544.

3. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.128.

Ph. Ăngghen, V.I. Lênnin và nhiều lãnh tụ cộng sản ở các nước đã không ngừng vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết Mác trong tổng thể cũng như trong từng chi tiết của nó để giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra. Tiếp tục tinh thần đó, trong bối cảnh hiện nay, các đảng cộng sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa cần phải nhận thức đúng đắn, sâu sắc và giải quyết hài hòa, thỏa đáng quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa lợi ích quốc gia, dân tộc và lợi ích quốc tế; giữa trách nhiệm dân tộc và nghĩa vụ quốc tế; giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản vô tư trong sáng... Đó là những vấn đề không mới nhưng luôn có tính thời sự cấp thiết đối với các nước xã hội chủ nghĩa cũng như phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Ngoài ra, cần kịp thời nghiên cứu, luận giải để có chủ trương, chính sách đúng từ những vấn đề như sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong điều kiện toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0; đặc điểm của chủ nghĩa tư bản hiện đại và triển vọng của chủ nghĩa xã hội hiện thực; vấn đề hợp tác và đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản; vai trò của doanh nhân và kinh tế tư nhân đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; quan hệ giữa bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; vấn đề tính phổ biến và đặc thù của con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề bảo đảm độc lập, chủ quyền của quốc gia, dân tộc và việc thực hiện dân chủ, nhân quyền theo luật pháp quốc tế...

Thứ tư, cần nhận thức lại luận điểm: trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản; trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư sản, họ luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào¹. Luận điểm này dường như mâu thuẫn với luận điểm: “giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc”² và luận điểm: “Không khôi phục lại độc lập và thống nhất cho từng dân tộc thì về phương diện quốc tế, không thể thực hiện được sự đoàn kết của giai cấp vô sản và sự hợp tác hòa bình và tự giác giữa các dân tộc đó để đạt tới những mục đích chung”³. Theo chúng tôi, trách nhiệm dân tộc và nghĩa vụ quốc tế không thể tách rời trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân hiện đại. Trong điều kiện hiện nay, nếu những người cộng sản “đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc” sẽ là siêu hình và không phù hợp với thực tế. Nhưng, nếu những người cộng sản ở mỗi nước chỉ biết đến lợi ích quốc gia, dân tộc mình, bất chấp lợi ích của quốc gia, dân tộc khác và lợi ích chung của toàn thể phong trào công nhân quốc tế thì cũng là phạm sai lầm có tính nguyên tắc. Từ thời V.I. Lê nin, khẩu hiệu: “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại” đã được thay bằng khẩu hiệu “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại” nhưng hiện nay cần phải

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.614.

2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.22, tr.544.

tăng cường tiềm lực và sức mạnh cho khẩu hiệu ấy bằng những hình thức và nội dung liên kết, hợp tác chặt chẽ, phong phú, đa dạng giữa các đảng cộng sản, các nhà nước xã hội chủ nghĩa; giữa các đảng cộng sản, nhà nước xã hội chủ nghĩa với các đảng chính trị và nhà nước tiến bộ đương đại; giữa giai cấp công nhân với các dân tộc bị áp bức và nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, trong đó, sự đoàn kết thống nhất, hợp tác hữu nghị giữa các đảng cộng sản, nhà nước xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê nin phải là lực lượng tiên phong, nòng cốt.

**TỪ QUAN ĐIỂM
GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ
GIAI CẤP - DÂN TỘC TRONG *TUYÊN NGÔN*
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÁNH GIÁ VỀ SỰ PHÁT TRIỂN
CỦA CHỦ NGHĨA DÂN TỘC HIỆN NAY**

PGS. TS. HỒ TRỌNG HOÀI*

1. Kể từ ngày *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, lịch sử nhân loại đã có những đổi thay lớn lao về mọi chiều kích. Thế giới đã có một diện mạo mới tuy rằng vẫn còn nhiều mảng sáng tối đan xen, song dòng chảy chủ lưu vẫn là những giá trị cốt lõi mang tính nhân văn, nhân đạo.

Nhìn lại 170 năm qua, học thuyết Mác mà *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là một cấu phần quan trọng vẫn khẳng định được những giá trị bền vững mặc cho sự phê phán, xuyên tạc của các thế lực thù địch chưa bao giờ ngừng nghỉ. Trong thời đại ngày nay, mặc dù chủ nghĩa tư bản đã có nhiều điều chỉnh, thậm chí có những điều chỉnh cực kỳ quan trọng mà nhìn về bên ngoài có người ngộ nhận song bản chất của chế độ đó vẫn chưa hề thay đổi. Thế giới đó vẫn là thế

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

giới của những ông chủ mà sự phân hóa hai đầu đã đến đỉnh điểm. Người lao động ở các quốc gia phát triển có được nâng cao về mức sống nhưng thân phận làm thuê vẫn tồn tại như một định mệnh và rốt cuộc, họ vẫn ở dưới đáy cùng của xã hội. Chiến tranh, xung đột, khủng bố quốc tế và nhiều thứ tồi tệ khác cũng như nạn áp bức dân tộc vẫn chưa bị xóa bỏ. Các quốc gia tư bản chủ nghĩa mà hiện thân là các ông chủ tập đoàn xuyên quốc gia vẫn chêm chệ thống trị thế giới, dẫn dắt thế giới tới mục tiêu của họ là tăng trưởng lợi nhuận nhanh và bằng mọi giá, kể cả mạng sống của con người. Vì lẽ đó, khát vọng tự do, bình đẳng giữa người và người, giữa các cộng đồng người, giữa các dân tộc vẫn là một hành trình mà sự thành công còn ở phía trước.

2. Trở lại với *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* về việc giải quyết mối quan hệ giữa giai cấp với dân tộc, thấy rằng, nhiều luận điểm của Mác, Ăngghen vẫn còn nguyên giá trị và vẫn là định hướng cho việc giải quyết mối quan hệ này trong xã hội hiện đại. Tựu trung lại, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, có các luận điểm cơ bản sau đây:

Một là, giai cấp và dân tộc là hai phạm trù có tính lịch sử. Điều này có nghĩa, giai cấp và dân tộc không hình thành ngay từ đầu trong lịch sử và không tồn tại vĩnh viễn. Chính sự phát triển của sản xuất và đời sống là cơ sở làm xuất hiện giai cấp và dân tộc cho dù dân tộc có được hình thành bằng phương thức kiểu phương Tây hay bằng con đường của phương Đông.

Hai là, giai cấp và dân tộc có mối quan hệ tương hỗ, biện chứng. Mỗi quan hệ này được hình thành, phát triển, suy cho cùng, cũng bị quy định bởi những điều kiện sinh hoạt vật chất nhất định.

Khi xã hội sản sinh ra giai cấp và cùng với nó là cuộc đấu tranh giai cấp thì địa bàn làm nảy sinh và thúc đẩy cuộc đấu tranh đó không ở đâu khác là dân tộc. Nói cách khác, dân tộc là địa bàn mà ở đó cuộc đấu tranh giai cấp được dung dưỡng. Tuy nhiên, đại diện cho dân tộc trong những thời điểm lịch sử nhất định và đóng vai trò dẫn dắt, định hướng cho sự phát triển của dân tộc lại thuộc về giai cấp tiên phong đại diện cho tiến bộ xã hội và ngược lại, sức mạnh của giai cấp gắn liền với sức mạnh của dân tộc. Chỉ giai cấp nào biết huy động và phát huy được sức mạnh dân tộc thì giai cấp đó mới được ủng hộ, được thừa nhận là người đại diện cho dân tộc.

Khi giai cấp cầm quyền đang lên, thường thì lợi ích cơ bản của giai cấp phù hợp với lợi ích của dân tộc. Tuy nhiên khi giai cấp cầm quyền trở nên lạc hậu, lỗi thời thì tình hình có thay đổi. Giai cấp cầm quyền sẵn sàng từ bỏ lợi ích dân tộc chân chính để bằng mọi cách bảo vệ lợi ích giai cấp. Vì thế xung đột về lợi ích giữa giai cấp và dân tộc xuất hiện. Trong trường hợp đó, sớm hay muộn, sự thống trị của giai cấp đối với dân tộc sụp đổ và dân tộc sẽ lựa chọn một giai cấp xứng đáng hơn lên cầm quyền, đại diện cho dân tộc.

Ba là, trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Italia “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”* xuất bản năm 1893, Ăngghen cho rằng, “Không khôi phục lại độc lập và thống nhất cho từng dân tộc thì về phương diện quốc tế, không thể thực hiện được sự đoàn kết của giai cấp vô sản và sự hợp tác hòa bình và tự giác giữa các dân tộc đó để đạt tới mục đích chung”¹. Theo ý nghĩa đó, để thực hiện được sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.22, tr.544.

công nhân, vấn đề căn cốt là phải giành cho được độc lập, thống nhất dân tộc.

Bốn là, trong quá trình phát triển của mình, giai cấp tư sản đã làm đơn giản hóa các mối quan hệ xã hội, biến thành quả của các dân tộc trở thành tài sản chung của nhân loại, lôi cuốn các dân tộc dã man nhất vào trào lưu văn minh. Giai cấp tư sản cũng xóa bỏ các cát cứ có tính địa phương để hình thành dân tộc thống nhất. Tuy nhiên, chính giai cấp tư sản là người tạo ra nạn áp bức trong nội bộ dân tộc và nạn áp bức của dân tộc này đối với dân tộc khác. Vì vậy, giai cấp công nhân phải giành lấy dân chủ, phải tự mình trở thành dân tộc, thành “một giai cấp dân tộc”. Như vậy để giải quyết xung đột về lợi ích giữa giai cấp và dân tộc, giữa dân tộc này với dân tộc khác, vấn đề đặt ra là phải xóa bỏ nạn người áp bức, bóc lột người, phải thực hiện sự nghiệp giải phóng con người.

Năm là, trong *Lời tựa cho bản tiếng Anh xuất bản năm 1888* “*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*”, Ăngghen cho rằng, những người bị áp bức, bóc lột không thể tự giải phóng “nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn xã hội khỏi ách bóc lột, áp bức, khỏi tình trạng phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp”¹. Điều này có nghĩa là, đấu tranh giải phóng để xóa bỏ ách áp bức, bóc lột giai cấp phải gắn liền với quá trình đấu tranh giải phóng ách áp bức dân tộc và ngược lại, xóa bỏ ách áp bức dân tộc chỉ thực hiện triệt để khi ách áp bức giai cấp bị xóa bỏ.

3. 170 năm đã trôi qua kể từ ngày *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, đổi chiều những di huấn của Mác, Ăngghen

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.21, tr.523.

về việc giải quyết mối quan hệ giữa giai cấp với dân tộc để đánh giá về chủ nghĩa dân tộc hiện nay, vấn đề đầu tiên cần thống nhất về nhận thức là: chủ nghĩa dân tộc là gì, tình hình chủ nghĩa dân tộc hiện nay thế nào và xu hướng của chủ nghĩa dân tộc trong thời gian tới để lựa chọn một lối ứng xử phù hợp nhằm phục vụ mục tiêu xây dựng và phát triển đất nước.

Thứ nhất, thấy rằng, chủ nghĩa dân tộc là một khái niệm đa nghĩa, có nguồn gốc hình thành từ thế kỷ XIX, gắn liền với sự ra đời của dân tộc tư sản trong cuộc cách mạng tư sản. Thoạt đầu, chủ nghĩa dân tộc được hiểu như là hiện thân của những tư tưởng, tình cảm, văn hóa... của những cộng đồng người có nhiều mối bận tâm chung và những giá trị chung về lãnh thổ, về kinh tế, về ngôn ngữ, lối sống... Vì lẽ ấy, trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển, chủ nghĩa dân tộc có vai trò trong việc tập hợp sức mạnh của các cộng đồng dân cư hình thành dân tộc thống nhất.

Theo *Từ điển Bách khoa* của Viện Từ điển học và bách khoa thư Việt Nam năm 2005, chủ nghĩa dân tộc được hiểu là: hệ tư tưởng chính trị và biểu hiện tâm lý đòi hỏi quyền lợi độc lập, tự chủ và phát triển của cộng đồng quốc gia dân tộc. Cách hiểu này có thể xem chủ nghĩa dân tộc đồng nghĩa với tiến bộ và phát triển.

Các quan niệm trên cơ bản đã phản ánh đúng cái mà chúng ta gọi là chủ nghĩa dân tộc ở giai đoạn đầu. Tuy nhiên, cần nói thêm rằng, chủ nghĩa dân tộc không bao giờ là thuần túy mà luôn nhuộm màu sắc của truyền thống, của giai cấp ở những địa vực dân cư khác nhau cũng như vô vàn yếu tố khác.

Thứ hai, về tình hình chủ nghĩa dân tộc hiện nay.

Về vấn đề này thấy rằng, chủ nghĩa dân tộc phát triển từ giai đoạn đầu gắn với sự ra đời của dân tộc tư sản có tính chất tiến bộ đã phát triển sang nhiều dạng thức khác khi xuất hiện chủ nghĩa đế quốc mà một trong các biểu hiện đó là chủ nghĩa sô vanh. Cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, trên thế giới lại xuất hiện rất nhiều thứ chủ nghĩa dân tộc khác. Điểm khác biệt là, các dấu hiệu chung tìm thấy ở các thứ chủ nghĩa dân tộc đó không hoàn toàn nằm trong phạm vi quốc gia, dân tộc mà các yếu tố sắc tộc, tôn giáo lại nổi lên như là một nhân tố trụ cột. Thứ chủ nghĩa dân tộc đó không cố kết các cộng đồng người trong quốc gia, dân tộc bởi những dấu hiệu chung có tính truyền thống về địa vực sinh sống, về phương thức sinh hoạt, về giá trị văn hóa... mà lại căn cứ vào đức tin tôn giáo hay nguồn gốc tộc người và biểu tượng của nó là dạng thức Taliban hay IS...

Ngoài các dạng thức trên, những năm gần đây, một mô thức mới về chủ nghĩa dân tộc đã xuất hiện mà một số học giả gọi nó là “chủ nghĩa dân tộc hoài niệm” mang màu sắc dân túy với các gương mặt tiêu biểu như Donald Trump, Modi hay như của Tập Cận Bình...

Đặc trưng cơ bản của khuynh hướng này là ở chỗ, nó tìm cách khơi lại những hào quang, những giá trị đã từng có của dân tộc, xem đó là mục tiêu, là ngọn cờ để tập hợp sức mạnh dân tộc. Nó cũng tìm cách phủ nhận thực trạng hiện tại với những cách thức, biện pháp có vẻ cực đoan với mục tiêu cao nhất được xác định là lợi ích dân tộc. “Nước Mỹ trên hết” hay “giấc mộng Trung Hoa” là những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc hoài niệm.

Nguyên nhân làm xuất hiện khuynh hướng trên đây cũng khá phức tạp và cần được nghiên cứu thêm, song bước đầu có thể thấy, chủ nghĩa dân tộc hoài niệm là sự phản ứng của một bộ phận dân chúng, bao gồm cả tầng lớp tinh hoa trước trào lưu toàn cầu hóa với sự đan xen cả mặt tối và sáng đối với sự phát triển của cá nhân, cộng đồng, được các chính trị gia nắm lấy và xem là vũ khí để tìm kiếm sự ủng hộ của cử tri.

Không nghi ngờ gì nữa, toàn cầu hóa không chỉ là xu thế mà đang hiện diện trên hành tinh. Bản thân toàn cầu hóa là giải pháp mà con người tìm thấy, trước hết để tìm lối thoát cho sản xuất, kinh doanh, được dẫn dắt bởi các quốc gia tư bản phát triển mà nòng cốt là các tập đoàn xuyên quốc gia.

Toàn cầu hóa cũng là cơ hội phát triển của các dân tộc chậm phát triển, tạo cơ hội việc làm cho nhiều người, làm cho thế giới xích lại gần nhau hơn, phụ thuộc vào nhau nhiều hơn và về mặt văn hóa, nó làm gia tăng sự hiểu biết để rồi thúc đẩy quá trình tiếp biến...

Tuy nhiên toàn cầu hóa cũng làm xuất hiện nhiều hệ lụy như gia tăng phân hóa giàu nghèo, làm mất công ăn việc làm của một bộ phận dân cư ở các nước phát triển, tạo ra nhiều hệ lụy chính trị, xã hội như tệ nạn, khủng bố quốc tế, làm gia tăng sự xung đột về văn hóa. Có lẽ, cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế diễn ra năm 2007 - 2008 là dấu hiệu cho sự phản ứng đối với toàn cầu hóa.

Trong bối cảnh ấy, một bộ phận dân cư cảm thấy không được hưởng lợi từ toàn cầu hóa nảy sinh tâm lý hoài niệm về quá khứ hào quang.Thêm vào đó, dưới tác động của toàn cầu hóa và sự vươn lên mạnh mẽ của các quốc gia phương Đông, dường như bản đồ thế giới được vẽ lại, vai trò của phương

Đông được tăng cường. Điều này làm cho sự nuối tiếc về quá khứ được khơi dậy, nhất là ở những quốc gia phương Tây phát triển nhất. Nước Anh xuất hiện phong trào Brexit nhằm “lấy lại quyền kiểm soát”, nước Mỹ với khẩu hiệu “nước Mỹ trên hết”, nước Nga mà hiện thân là Putin đi tìm vàng son của “nước Nga vĩ đại”, Thủ tướng Thổ Nhĩ Kỳ Recep Tayyip Erdogan tìm cảm hứng từ “đế chế Ottoman” hay Shinzo Abe lại ngưỡng vọng về “canh tân Minh Trị”, Tập Cận Bình mơ về “giấc mộng Trung Hoa”...

Thứ ba, hệ lụy của chủ nghĩa dân tộc mới.

Còn lâu nữa chúng ta mới đánh giá hết hệ lụy của các khuynh hướng chủ nghĩa dân tộc, song bước đầu thấy rằng:

Một là, dù muốn hay không, chủ nghĩa dân tộc hoài niệm có màu sắc dân túy vẫn là ngọn cờ tập hợp sức mạnh dân tộc, là động lực để chính phủ các nước tập trung đẩy mạnh cải cách, hiện đại hóa đất nước nhằm giải quyết các vấn đề của dân tộc. Trung Quốc vì vậy tập trung xây dựng “xã hội khá giả”, quyết tâm sánh kịp các quốc gia phát triển. Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, ngoài mục tiêu hiện đại hóa còn kỳ vọng gia tăng sức mạnh mềm bằng cách phục hưng các giá trị cũng như vị thế của đạo Hindu, Hồi giáo...

Hai là, chủ nghĩa dân tộc hoài niệm có thể và trở thành ngọn cờ kêu gọi và phát huy lòng yêu nước, cố kết dân tộc. Đó cũng là phương thức để chống chủ nghĩa khủng bố, cực đoan, chủ nghĩa ly khai nhiều màu sắc...

Ba là, chủ nghĩa dân tộc hoài niệm pha trộn yếu tố dân túy rất dễ trở thành chủ nghĩa hoài cổ, áp dụng nguyên xi nguyên mẫu của truyền thống. Nó cũng dễ dàng trở nên cực đoan, thổi bùng tâm lý bài người nhập cư, kích động tâm lý

dân tộc thái quá gây rạn nứt quan hệ giữa các dân tộc, làm gia tăng xung đột tôn giáo, dân tộc. Người ta cũng nghi ngại rằng, chủ trương “nhất đới, nhất lộ” (vành đai kinh tế trên bộ và con đường tơ lụa trên biển) của Trung Quốc có làm gia tăng chủ nghĩa bá quyền nước lớn hay không?...

Bốn là, trong cuộc cạnh tranh quyết liệt để bảo vệ lợi ích dân tộc, chủ nghĩa dân tộc hoài niệm cũng dễ dàng làm gia tăng xung đột giữa các nước lớn, gia tăng sự chèn ép, gây tổn hại cho các nước nhỏ, nhược tiểu. Trong trường hợp có xung đột giữa các nước lớn, liệu các nước nhỏ có bị cuốn theo dòng xoáy đó không, có trở thành “vật tế thần” không?

Thứ tư, thái độ ứng xử nào là phù hợp?

Trở lại di cảo *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, thấy rằng, nhiều gợi ý của Mác, Ăngghen hiện vẫn còn nguyên giá trị. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt tư tưởng của các ông về vấn đề giai cấp, dân tộc và phương thức, giải pháp giải quyết quan hệ giai cấp, dân tộc là phải giải phóng hoàn toàn, triệt để nạn người áp bức, bóc lột người, phải thực hiện sứ mệnh phát triển con người tự do, toàn diện. Quan điểm đó không chỉ giàu tính nhân văn, nhân đạo mà còn là lôgic khách quan của lịch sử.

Điều khẳng định trên là có căn cứ bởi, gần 200 năm qua tính từ thời điểm *Tuyên ngôn* ra đời, nhân loại vẫn đang loay hoay đi tìm lời giải cho việc giải quyết quan hệ giai cấp, dân tộc. Dù đã đạt được nhiều bước tiến to lớn, song thực tế tràn trề vẫn là, xung đột giai cấp vẫn chưa được giải quyết, thậm chí có mặt còn trầm trọng hơn cho dù tính chất, hình thức biểu hiện đã có sự thay đổi. Nạn áp bức dân tộc vẫn hiển hiện và có mặt gay gắt hơn.

Bằng chứng là, thông qua vô vàn thủ đoạn khác nhau, các tập đoàn xuyên quốc gia hiện đang chiếm giữ phần béo bở nhất trong chuỗi giá trị toàn cầu. Họ không chỉ bóc lột người lao động ở chính quốc, làm gia tăng sự phân hóa giàu nghèo trong nội bộ mỗi quốc gia mà còn là kẻ trực tiếp bóc lột người lao động ở các quốc gia khác, làm gia tăng nạn áp bức của quốc gia phát triển với các quốc gia nhược tiểu, chậm phát triển. Đến tận bây giờ, điều khẳng định của Mác, Ăngghen, rằng hãy xóa bỏ nạn người áp bức, bóc lột người thì tình trạng dân tộc này áp bức dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ vẫn là một định đê còn nguyên giá trị thời sự sâu sắc.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là, trong những thời điểm lịch sử cụ thể, trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể, giải quyết quan hệ giai cấp, dân tộc như thế nào, vấn đề nào được ưu tiên trước?

Trả lời vấn đề này, Mác và Ăngghen đã có những gợi ý vô cùng sâu sắc. Theo đó, để thực hiện sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của mình, giai cấp công nhân trước hết phải tự mình trở thành dân tộc, phải giành lấy dân chủ. Vì thế, vấn đề cốt tử đầu tiên là vấn đề giành và giữ chính quyền.

Đến đây, vấn đề đặt ra là, làm sao để giành và giữ chính quyền? Điều hiển nhiên là giai cấp công nhân phải là một thực lực có sức mạnh. Sức mạnh này là tổng hợp sức mạnh của bản thân giai cấp và sức mạnh của toàn dân tộc cũng như của thời đại. Muốn vậy, không có con đường nào khác, giai cấp công nhân phải hoạch định một đường lối chính trị đúng và tổ chức thực hiện thành công đường lối chính trị đó. Đường lối chính trị đúng là đường lối có thể huy động và phát huy mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân, thỏa mãn

được lợi ích chân chính của nhân dân. Trong trường hợp đó, lợi ích giai cấp phù hợp với lợi ích dân tộc.

Để kết thúc bài viết, chúng tôi nhận thấy rằng, trong bối cảnh mới của thời đại, dù sự thay đổi là nhanh chóng và to lớn, song thực tế cho thấy, cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh về mặt lợi ích của các quốc gia, dân tộc không những không mất đi mà còn diễn ra có mặt gay gắt hơn. Cuộc đấu tranh giai cấp không tồn tại ở những hình thức cũ mà có sự thay đổi khá cơ bản. Dường như nó được ẩn chứa thông qua cuộc đấu tranh về lợi ích của các dân tộc và được ưu tiên cho việc thỏa mãn lợi ích của dân tộc. Vì vậy, một chính đảng cầm quyền, để bảo vệ vị trí cầm quyền, không thể không ưu tiên thực hiện lợi ích dân tộc bởi dân tộc là nơi dung dưỡng, là nguồn lực, là sức mạnh của giai cấp. Sẽ là cực đoan, là sai lầm nếu theo đuổi và cổ xúy cho chủ nghĩa dân tộc cực đoan, bá quyền nước lớn, coi thường lợi ích các dân tộc nhược tiểu, nhưng nếu biết khơi dậy những giá trị tốt đẹp, cái làm nên diện mạo, hồn cốt của dân tộc sẽ tạo nên động lực to lớn trong quá trình phát triển của quốc gia, dân tộc. Tư tưởng của Mác, Ăngghen trong *Tuyên ngôn về sự cần thiết phải xóa bỏ ách áp bức dân tộc*, về sự cần thiết phải thực hiện đoàn kết giữa các dân tộc hay tư tưởng coi chủ nghĩa dân tộc chân chính là động lực phát triển của Hồ Chí Minh vẫn là những tư tưởng soi sáng con đường tiến lên của các dân tộc.

TOÀN CẦU HÓA: TỪ NHỮNG DỰ BÁO CỦA TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐẾN HIỆN THỰC CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN NAY

ThS. PHẠM ANH TUẤN*

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời cách đây 170 năm. Từ đó đến nay, thế giới đã trải qua nhiều biến động nhưng những dự báo thiên tài của Mác và Ăngghen về xu hướng quốc tế hóa, toàn cầu hóa vẫn còn nguyên giá trị thời đại. Mác và Ăngghen đã nhìn thấy trước sự vận động và biến đổi của chủ nghĩa tư bản toàn cầu, những ưu điểm của nó và cả những thách thức mà nó sẽ gặp phải trong quá trình phát triển. Kể từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 đến nay, thực tế đã diễn ra đúng như những dự báo của Mác và Ăngghen, chủ nghĩa tư bản hiện tại đang đối mặt với nhiều thách thức đòi hỏi sự thay đổi căn bản trước những tác động của quá trình toàn cầu hóa, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và các xu thế chung khác mang tính thời đại.

* Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

1. Những dự báo của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* về xu hướng toàn cầu hóa

Sự ra đời của tác phẩm vĩ đại này đánh dấu sự hình thành về cơ bản lý luận của chủ nghĩa Mác gồm ba bộ phận hợp thành: triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. *Tuyên ngôn* chứa đựng những lý luận lôgíc, phân tích chặt chẽ sự phát triển của thế giới với tư cách là những quan hệ thực tế của thế giới hiện thực, là cơ sở giúp hiểu rõ quá khứ, hiện tại và tương lai phát triển của xã hội loài người. Theo đó, xã hội loài người đã trải qua các bước phát triển từ chế độ cộng sản nguyên thủy đến chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản chủ nghĩa và tất yếu đến chủ nghĩa cộng sản văn minh, đó là tiến trình tất yếu của lịch sử phát triển của xã hội loài người.

Những nội dung mà *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đề cập có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của thế giới ngày nay, đặc biệt là việc nhận thức bản chất của thời đại và sự tác động của xu hướng toàn cầu hóa. *Tuyên ngôn* phát hiện những mâu thuẫn và xung đột trong lịch sử - đó chính là động lực phát triển của xã hội, đồng thời việc phát hiện, giải thích và xây dựng lý luận nhằm giải quyết các mâu thuẫn thời đại chính là hạt nhân trung tâm của *Tuyên ngôn*. Mác và Ăngghen đã chỉ rõ: “Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp”¹. Trong sự vận động của quy luật ấy, Mác và Ăngghen đã đánh giá

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.596.

rất cao vai trò của giai cấp tư sản khi nó còn giữ vị trí là giai cấp tiền bô lật đổ chế độ phong kiến đã lỗi thời: “Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại”¹. Tuyên ngôn cũng chỉ rõ quy luật vận động tất yếu của xã hội loài người là *cái cách mạng, cái tiền bô nhất định sẽ thay thế cái lạc hậu*. Mặc dù đưa ra những lý luận kinh điển có giá trị thời đại, Mác và Ăngghen không hề áp đặt những tư tưởng của mình với người đọc, *Tuyên ngôn* đã nêu rõ ràng, bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời².

Về vấn đề toàn cầu hóa, mặc dù Mác và Ăngghen không đề cập trực tiếp khái niệm này trong *Tuyên ngôn*, nhưng những nội hàm của nó đã được nêu lên đầy đủ thông qua lý luận về quốc tế hóa. *Thứ nhất*, chỉ ra nguyên nhân gây nên quốc tế hóa kinh tế, chính trị, văn hóa của giai cấp tư sản chính là do sự phát triển của lực lượng sản xuất. *Thứ hai*, chỉ ra thực chất của quốc tế hóa, không gì khác, chính là quốc tế hóa tư bản, thực hành phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở khắp mọi nơi trên thế giới. *Thứ ba*, việc nghiên cứu mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất và quy luật đấu tranh giai cấp đã vạch ra xu thế cuối cùng của sự phát triển quốc tế hóa.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.603.

2. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.128.

Những lý luận về toàn cầu hóa của Mác và Ăngghen cũng được chính những học giả nổi tiếng của phương Tây thừa nhận và tiếp thu. Ví dụ, trong cuốn sách nổi tiếng *Thế giới phẳng*, tác giả Friedman đã viết: Sandel khiến tôi hơi giật mình khi nhận xét rằng quá trình làm phẳng mà tôi đang mô tả thực ra đã được Mác và Ăngghen đưa ra lần đầu tiên trong cuốn Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản xuất bản năm 1948. Sandel cho rằng mặc dù sự thu hẹp và làm phẳng thế giới mà ta thấy ngày nay có đôi chút khác biệt về mức độ với những gì Mác chứng kiến ở thời của ông, nhưng nó cũng là một phần của xu hướng lịch sử tương tự mà Mác đã đề cập trong các tác phẩm của ông về chủ nghĩa tư bản - đó chính là dòng chảy của công nghệ và tư bản mà không sức mạnh nào ngăn cản được. Nó loại bỏ mọi rào cản, biên giới, trở lực và bó buộc đối với thương mại toàn cầu”¹.

Như vậy, có thể thấy rằng mặc dù đã ra đời từ cách đây 170 năm, nhưng những luận điểm của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* về xu hướng toàn cầu hóa vẫn còn nguyên giá trị thời đại, những quan điểm dự báo này vẫn có ý nghĩa chỉ đạo quan trọng trong việc nhận thức và tiếp cận đúng đắn vấn đề tác động của toàn cầu hóa trong thời đại ngày nay.

2. Thực trạng chủ nghĩa tư bản toàn cầu hiện tại

Chủ nghĩa tư bản, theo định nghĩa của các học giả phương Tây, là “một hệ thống kinh tế và lý luận dựa trên sở hữu tư nhân về phương tiện sản xuất và mục tiêu hoạt động

1. Thomas L. Friedman: *Thế giới phẳng*, Nxb. Farrar, Straus and Giroux, 2005, tr.203.

hướng tới lợi nhuận”¹. Chủ nghĩa tư bản là một hình thái kinh tế - xã hội xuất hiện đầu tiên tại châu Âu, tại Hà Lan và Anh ở thế kỷ XVII. Sau cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, hình thái chính trị của “nhà nước tư bản chủ nghĩa” dần dần chiếm ưu thế hoàn toàn tại châu Âu và loại bỏ dần hình thái nhà nước của chế độ phong kiến, quý tộc. Và sau này hình thái chính trị - kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa lan ra khắp châu Âu và nhiều nước trên thế giới.

Thực trạng chủ nghĩa tư bản toàn cầu hiện tại đang diễn ra đúng như những gì mà Đảng ta đã phân tích trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011). Đó là:

Thứ nhất, “chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công”². Tiềm năng phát triển của chủ nghĩa tư bản thể hiện ở việc trải qua quá trình phát triển từ thế kỷ XVIII đến nay, chủ nghĩa tư bản đã có những thay đổi và tạo dựng được một cơ chế tự điều chỉnh bao gồm các yếu tố như: cạnh tranh, độc quyền, sự can thiệp của nhà nước và hoạt động của các tổ chức cộng đồng dân cư phi chính phủ. Cơ chế này tác động đến mọi lĩnh vực hoạt động xã hội, văn hóa, đạo đức, lối sống, phương thức ứng xử của con người ở mọi cấp độ, nhờ đó chủ

1. Xem Andrew Zimbalist và Howard Sherman: *Comparing Economic Systems: A Political - Economic Approach*, Harcourt College Pub, 1988, pp.6-7; Mariana Rosser và Barkley Rosser: *Copparative Economic in a Trasusformy wold Economy*, MIT Press, 2003, p.7.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.68.

nghĩa tư bản hiện đại có khả năng thích ứng linh hoạt với những diễn biến phức tạp của tình hình trong nước cũng như trên thế giới. Tuy nhiên, bản chất bất công của chủ nghĩa tư bản vẫn chưa hề thay đổi, khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn giữa các nước tư bản chủ nghĩa, và giữa các tầng lớp nhân dân bên trong mỗi quốc gia tư bản chủ nghĩa vẫn luôn hiện hữu và có xu hướng ngày càng nghiêm trọng, gây bất ổn trên thế giới. Việc các công ty, các tập đoàn từ các nước tư bản chủ nghĩa đầu tư sang các nước nghèo để lấy lãi, tránh thuế, tránh các chi phí đắt đỏ tại chính quốc, chiếm hữu các nguồn tài nguyên, khai thác các nguồn nhân lực giá rẻ một cách bất công, nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận vẫn diễn ra thường xuyên, liên tục, chứng tỏ bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản chưa hề thay đổi.

Thứ hai, “Những mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, chẳng những không giải quyết được mà ngày càng trở nên sâu sắc”¹. Với đặc trưng cơ bản bảo vệ quyền sở hữu tư nhân về phương tiện sản xuất và mục tiêu hoạt động hướng tới lợi nhuận, nhà nước tư bản chủ nghĩa rất khó có thể giải quyết được các mâu thuẫn về sự bất bình đẳng kinh tế trong xã hội. Thực tế là các nhà nước tư bản chủ nghĩa thường không thể làm tốt công tác điều tiết xã hội mà nó luôn có xu hướng bảo vệ giai cấp làm chủ, bỏ qua quyền lợi của các tầng lớp lao động và làm cho mâu

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd, tr.68.*

thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc hơn. Sự nổi lên của phong trào dân túy ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa như tại Mỹ, Anh, Pháp, Đức trong những năm gần đây đã cho thấy sự bất lực của các chính phủ trong việc giải quyết các mâu thuẫn xã hội ở ngay tại những nước tư bản chủ nghĩa phát triển nhất thế giới.

Giáo sư Francis Fukuyama, nhà nghiên cứu về kinh tế chính trị học nổi tiếng của thế giới đương đại, đã cảnh báo về sự thoái trào của mô hình tư bản chủ nghĩa của Mỹ, vốn được coi là kiểu mẫu phát triển của thế giới tư bản chủ nghĩa trong suốt 50 năm qua. Mô hình của Mỹ đề cao đánh thuế thấp, ít sự can thiệp của chính phủ vào thị trường và một chính phủ gọn nhẹ, tạo động lực cho kinh tế phát triển. Tuy nhiên, với chủ thuyết giảm bớt sự can thiệp, Washington (Oasinhtơn) đã không can thiệp một cách kịp thời và đúng đắn vào thị trường tài chính nên để thị trường này gây thiệt hại nghiêm trọng trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Sự kiện ông Donald Trump, một người chưa đựng rất nhiều mâu thuẫn với hình ảnh tiêu biểu người lãnh đạo quốc gia, đắc cử tổng thống Mỹ năm 2016 lại càng chứng minh cho lập luận về sự thoái trào của giáo sư Fukuyama là có cơ sở.

Giáo sư Joseph Stiglitz, nhà kinh tế học được giải Nobel, đã có những thông kê gây chấn động về tình trạng bất bình đẳng của nước Mỹ năm 2016. Theo đó, lương thực tế của 90% người dân Mỹ không hề tăng trong vòng hơn 30 năm qua. Thu nhập trung bình của lao động nam toàn thời gian thực chất thấp hơn (do điều chỉnh theo lạm phát) 42 năm trước. Thu nhập thực của những người thuộc tầng lớp thấp dưới

đáy chỉ bằng với thu nhập của 60 năm trước. Một con số thống kê khác khi so sánh phân phối thu nhập tại Mỹ năm 2016 với năm 1979 cho thấy, tỷ trọng của nhóm chiếm giữ 80 - 90% tài sản toàn xã hội vẫn giữ nguyên; nhóm 1% đứng đầu bảng phân phối thu nhập đã có thêm 600 tỷ USD; trong khi những người trong nhóm 80% cuối bảng đã mất đi 600 tỷ USD¹.

Thứ ba, “Khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra”². Cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế năm 2008 và cuộc khủng hoảng nợ công đang diễn ra tại nhiều nước phát triển trên thế giới chính là những minh chứng rõ nét nhất cho khuyết điểm khuyết về kinh tế của chủ nghĩa tư bản trong thời đại hiện nay. Cuộc khủng hoảng đã gây những khó khăn nghiêm trọng cho nền kinh tế các nước phát triển, khiến giá cả lạm phát, lương của người lao động bị cắt giảm, tỷ lệ người thất nghiệp gia tăng. Điều đáng nói là trong bối cảnh như vậy những tập đoàn tư bản và các ngân hàng thương mại, những người trực tiếp gây ra tình trạng tồi tệ của nền kinh tế và gián tiếp bần cùng hóa người lao động thì không phải trả giá cho những việc làm của họ. Ví dụ tại nước Mỹ, chính phủ cứu vớt những chủ ngân hàng giàu có vốn đầy nước Mỹ đến bờ suy sụp, trong khi hầu như không làm gì để giúp hàng triệu dân thường mất việc làm và nhà cửa. Như

1. Xem Lê Hải Mơ: *Sự thay đổi địa chính trị - kinh tế thế giới sau khủng hoảng năm 2008 và những vấn đề hiện nay*, Tài liệu nghiên cứu của Viện Chiến lược và Chính sách tài chính - Bộ Tài chính, ngày 13/7/2017.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd, tr.68.*

vậy, chỉ có người lao động đang trực tiếp ném trãi những khó khăn của nền kinh tế trong cơn khủng hoảng.

Thứ tư, “sự vận động của những mâu thuẫn nội tại... và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản”¹. Nhà nghiên cứu Branko Milanovic đã mang lại một số cái nhìn sâu sắc về người thắng kẻ bại khi xét về thu nhập trong vòng hai thập niên từ năm 1988 đến năm 2008 trong cuốn sách *Bất bình đẳng toàn cầu: Cách tiếp cận mới cho thời đại toàn cầu hóa* (Global Inequality: A New Approach for the Age of Globalization). Những người được lợi là những nhà tài phiệt chỉ chiếm 1% dân số thế giới và tầng lớp trung lưu ở những nền kinh tế mới nổi. Những người thua thiệt nhất - chỉ được lợi một ít hoặc không được gì - là những người dưới đáy xã hội cũng như tầng lớp trung lưu và dân lao động tại các nước phát triển. Sự gia tăng bất công bằng thu nhập này đã gây ra nhiều làn sóng công phản ở các quốc gia tư bản chủ nghĩa, không những từ thành phần xã hội bị “bỏ lại phía sau”, mà còn cả thành phần trung lưu của xã hội như phong trào “chiếm Wall Street” ở Mỹ năm 2011. Vì vậy, không khó lý giải vì sao trong vòng 10 năm qua, các phong trào phản kháng xã hội bùng nổ mạnh mẽ tại nhiều nước tư bản phát triển càng làm bộc lộ rõ khiếm khuyết của mô hình chủ nghĩa tư bản.

Mặc dù có những khiếm khuyết như vậy nhưng Đảng ta vẫn luôn nhìn nhận khách quan những “tiềm năng phát

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.68-69.

“triển” của chủ nghĩa tư bản, đặc biệt luôn coi trọng quá trình toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập quốc tế là một thời cơ để phát triển. Nhìn nhận toàn cầu hóa kinh tế là một quá trình phát triển kinh tế của các nước trên thế giới và các quan hệ kinh tế quốc tế vượt khỏi biên giới quốc gia, hướng tới phạm vi toàn cầu, trong đó hàng hóa, vốn, tiền tệ, thông tin, lao động... vận động thông thoáng; mỗi quan hệ kinh tế giữa các quốc gia và khu vực được vận hành theo “luật chơi” chung được xác lập giữa các thành viên trong cộng đồng quốc tế; sự phân công hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng; tính xã hội hóa của sản xuất ngày càng tăng; các nền kinh tế ngày càng có quan hệ mật thiết với nhau và tùy thuộc lẫn nhau.

Tất nhiên, tại thời điểm hiện tại, toàn cầu hóa dường như đang chịu sự cùa thúc, chi phối của nhiều nước tư bản chủ nghĩa phát triển, nhiều tập đoàn tư bản khổng lồ xuyên quốc gia mà đứng đầu là Mỹ và các tập đoàn kinh tế của họ. Điều này đúng như nhận định của Mác: quá trình quốc tế hóa kinh tế dù mang trong nó yếu tố khách quan nhưng bên trong nó và thúc đẩy nó luôn luôn là ý muốn chủ quan của những kẻ nắm các lực lượng kinh tế hùng hậu nhất. Toàn cầu hóa chính là kết quả của tính tất yếu khách quan của sản xuất và ý đồ chủ quan của chủ nghĩa tư bản vì mục tiêu lợi nhuận. Hay nói cách khác, toàn cầu hóa mặc dù là xu thế phát triển khách quan, song nó đã và đang chịu sự cùa thúc của các nước tư bản lớn, của các thế lực tư bản tài chính.

Mặc dù vậy, cần nhận thức tiến trình toàn cầu hóa là một tiến trình tổng hợp, không nên hiểu là toàn cầu hóa kinh tế, không hoàn toàn là hiện tượng kinh tế và tác động của nó không chỉ giới hạn trong lĩnh vực kinh tế để e ngại sự chi

phối kinh tế của chủ nghĩa tư bản. Thực tế cho thấy, toàn cầu hóa là hiện tượng phức tạp, sâu sắc và có tính bao trùm trên nhiều lĩnh vực, bao gồm cách thức truyền tải thông tin và phương pháp sáng tạo mới. Toàn cầu hóa thậm chí có thể tạo ra các xu hướng đối nghịch: trao thêm quyền và tước bỏ quyền, thống trị văn hóa và bảo tồn bản sắc, dân chủ hóa và độc tài hóa. Toàn cầu hóa tạo ra thị trường toàn cầu, về internet và hệ thống tìm kiếm Google, về các trang mạng xã hội của mỗi cá nhân. Tất cả những vấn đề này đã và đang làm thay đổi thế giới nói chung và chủ nghĩa tư bản nói riêng như đánh giá của Đảng ta “quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến sự phát triển của nhiều nước. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển”¹.

3. Những dự báo về xu hướng phát triển của chủ nghĩa tư bản toàn cầu

Đúng như dự đoán của Mác và Ăngghen cách đây 170 năm, bắt đầu từ nửa sau thế kỷ XX, đặc biệt là từ những năm 1970 trở đi, toàn cầu hóa kinh tế quốc tế đang là một xu hướng khách quan và ngày càng có nhiều nước tham gia, nói một cách khác, thế giới đang ngày càng “phẳng”. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, xu hướng hội nhập quốc tế và bước tiến của toàn cầu hóa có thể đứng trước những khúc quanh và rủi ro khó lường. Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu năm 2008 cho thấy những rủi ro khó lường của hệ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.67.

thống tài chính thế giới và sự phát triển thiếu bền vững của nền kinh tế toàn cầu. Nó bộc lộ điểm yếu của những nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển nhất, nơi các công ty bất chấp rủi ro chạy theo lợi nhuận tối đa và khả năng dễ bị tổn thương của các nền kinh tế đang phát triển đã bị tác động sâu sắc do lệ thuộc quá nhiều vào xuất khẩu và đầu tư nước ngoài. Có thể nói, cuộc khủng hoảng năm 2008 chính là bước ngoặt làm thay đổi xu hướng phát triển của chủ nghĩa tư bản toàn cầu. Xác định chính xác tương lai phát triển của chủ nghĩa tư bản như thế nào vẫn còn là một dấu hỏi lớn, nhưng có thể nhìn nhận những nhân tố sau đây sẽ đóng vai trò chính làm biến đổi chủ nghĩa tư bản toàn cầu:

Thứ nhất, đó là sự vận động khách quan của xu hướng toàn cầu hóa đã và sẽ diễn ra ngày càng mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu. Mặc dù có những quan điểm khác nhau về tác động của toàn cầu hóa, hầu như không ai phủ nhận một thực tế rằng toàn cầu hóa đang diễn ra trên cả chiều rộng lẫn chiều sâu trong mọi khía cạnh của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Toàn cầu hóa thúc đẩy sự phát triển và xã hội hóa của lực lượng sản xuất, đưa lại sự tăng trưởng cao (nửa đầu thế kỷ XX, GDP thế giới tăng 2,7 lần, nửa cuối thế kỷ XX tăng 5,2 lần), góp phần chuyển biến cơ cấu kinh tế, đòi hỏi phải tiến hành cải cách sâu rộng để nâng cao tính cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế. Ngoài ra, toàn cầu hóa còn khiến thế giới cùng nhìn nhận và đánh giá mọi vấn đề khách quan hơn, những điều tốt đẹp, đúng đắn được truyền bá rộng rãi hơn, còn những sai lầm, khiếm khuyết cũng được chia sẻ khắc phục. Vì vậy, khi mô hình chủ nghĩa tư bản của Mỹ trở nên thoái trào, bị chỉ trích và gặp phải những thách

thức phải thay đổi, thế giới cùng nhìn về các mô hình khác như mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc như một sự thay thế đáng học hỏi.

Thứ hai, đó là các đột phá công nghệ từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang đem đến những tác động lớn đổi với thế giới. Những đột phá công nghệ lớn giúp tăng hiệu quả của sản xuất và tăng năng suất lao động, qua đó tạo ra sự thay đổi toàn diện về chất của lực lượng sản xuất với hệ quả tất yếu là những thay đổi trong quan hệ sản xuất. Ví dụ, công nghệ tự động hóa đang diễn ra với tốc độ ngày càng nhanh trong nhiều lĩnh vực như hàng không với sự mở rộng bán vé trực tuyến; các siêu thị thay thế nhân viên thu ngân với quầy tính tiền tự động, hay sự bùng nổ của các hoạt động thương mại điện tử, thanh toán trực tuyến; các nhà sản xuất sử dụng hệ thống quản lý dây chuyền và chuỗi cung ứng thời gian thực... Trong một số hoạt động kinh tế, giao dịch được thực hiện tự động, không có sự tham gia trực tiếp của con người, và do vậy chi phí giao dịch gần như bằng không. Đây là lĩnh vực của “nền kinh tế mới”, chẳng hạn nền tảng tìm kiếm hoặc thương mại điện tử, hệ thống thanh toán kỹ thuật số, sách điện tử, nhạc trực tuyến và phương tiện truyền thông xã hội. Chi phí cố định để xây dựng nền tảng có thể lớn, nhưng chi phí biến của việc thực hiện một giao dịch khác hoặc thêm một người dùng khác là rất nhỏ. Điều này làm tăng lợi nhuận theo quy mô, kích thích các mô hình kinh doanh mới và mang lại lợi thế lớn cho các doanh nghiệp trực tuyến cạnh tranh với các đối tác của họ.

Với các đặc trưng như vậy, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư có thể đem đến những thay đổi lớn tới hệ thống

kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa theo hướng làm trầm trọng hơn những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản. Số liệu thống kê cho thấy ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa phát triển, bất bình đẳng về thu nhập đã có xu hướng tăng nhanh. Chẳng hạn ở Mỹ, trong hai năm 2009 - 2010, khi mà thu nhập bình quân của 99% gia đình Mỹ chỉ tăng lên 0,9% thì thu nhập của 1% giàu nhất tăng lên 11,6%. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư càng làm khuếch đại thêm xu hướng này do lợi suất của ý tưởng tăng mạnh: nhờ có ý tưởng liên quan đến công nghệ và đổi mới sáng tạo nên đã xuất hiện nhiều tỷ phú đôla tự thân chỉ ở độ tuổi trên 20 dưới 30, điều rất khác so với giai đoạn trước đây¹. Lợi suất của kỹ năng, đặc biệt là các kỹ năng thúc đẩy hay bổ trợ cho quá trình số hóa, tự động hóa (bằng người máy hay bằng phần mềm - tức là trí tuệ nhân tạo có khả năng tự học), cũng tăng mạnh. Trong khi đó, các kỹ năng truyền thống đã từng có vai trò quan trọng trong giai đoạn trước, đang bị người máy thay thế nên có lợi suất giảm mạnh. Nhóm lao động chịu tác động mạnh nhất là lao động giản đơn, ít kỹ năng do rất dễ bị thay thế bởi người máy và do vậy có giá đang giảm nhanh.

Điều này dẫn đến việc một số nhà kinh tế nổi tiếng thế giới như Dani Rodrik kêu gọi chủ nghĩa tư bản phải thực hiện thay đổi căn bản lần thứ hai, với việc đưa vào mô hình

1. Danh sách những người trẻ tuổi có tài sản tự làm ra đạt ngưỡng trên 1 tỷ USD khi chưa đến 30 tuổi bao gồm: Mark Zuckerberg (Facebook), Evan Spiegel và Bobby Murphy (Snapchat), John Collison (Stripe)... Nguồn: <http://ybox.vn/guong-mat/20-ty-phu-tu-than-tre-nhat-the-gioi-286158>.

“Nhà nước sáng tạo”, sau lần thay đổi thứ nhất với sự ra đời của mô hình “Nhà nước phúc lợi” dưới tác động của cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân¹. Một số chuyên gia khác, trong đó có tỷ phú Bill Gates, người giàu nhất hành tinh hiện nay, đề nghị người máy thông qua chủ phải đóng thuế thu nhập và đóng bảo hiểm xã hội để dùng tiền đó đào tạo lại và hỗ trợ cho những công nhân bị thay thế².

Thứ ba, đó là sự thay đổi tương quan sức mạnh giữa các quốc gia trên thế giới. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 đã giáng một đòn mạnh mẽ, làm suy yếu nhanh chóng sức mạnh kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa như Mỹ, Nhật Bản, Liên minh châu Âu (EU), từ đó làm thay đổi nhanh chóng tương quan sức mạnh giữa các nước lớn cũ và các nước mới nổi. Kể từ khi cuộc khủng hoảng nổ ra, trong hệ thống kinh tế thế giới diễn ra những dịch chuyển lớn. Năm 2010, Trung Quốc đã chính thức vượt qua Nhật Bản để trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới. Cùng với Trung Quốc là sự nổi lên của Ấn Độ, Nga, Braxin và nhiều nền kinh tế đang phát triển khác. Theo Trung tâm Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh (CEBR) của Anh, Braxin đã vượt qua Anh để trở thành nền kinh tế lớn thứ sáu thế giới vào cuối năm 2011.

Các nền kinh tế mới nổi, trong đó có Trung Quốc và các thành viên khác của nhóm các nền kinh tế mới nổi BRICS đang gia tăng sức ép và có những phản ứng mạnh mẽ hơn đối

1. Theo <https://www.project-syndicate.org/commentary/labor-saving-technology-by-dani-rodrik-2015-01>

2. Theo <https://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/quoc-te/bill-gates-robot-lay-viec-lam-thi-nen-dong-thue-3545087.html>.

với các nước tư bản chủ nghĩa như Mỹ và phương Tây trong các vấn đề về thương mại, tiền tệ và tài chính. Các cơ chế như G20 đang có tầm quan trọng ngày càng lớn hơn, thay vì chỉ được xem là diễn đàn đối thoại không chính thức giữa 7 nước công nghiệp phát triển nhất với các nền kinh tế đang phát triển “có tầm quan trọng về mặt hệ thống” như trước. Đứng trước sự cạnh tranh gay gắt của những mô hình phát triển kinh tế - xã hội mới từ Trung Quốc và các nước mới nổi, chủ nghĩa tư bản của Mỹ và phương Tây sẽ không dễ dàng gì áp đặt chủ thuyết của mình lên các quốc gia khác như trước.

Thứ tư, đó là các xu thế chung khác của thế giới đòi hỏi các nước tư bản chủ nghĩa phải cùng tham gia giải quyết như biến đổi khí hậu, chủ nghĩa khủng bố, khủng hoảng di cư, khủng hoảng lương thực, sự già hóa dân số toàn cầu... Những quốc gia thò ơ với các vấn đề chung của cộng đồng quốc tế đều sẽ bị lén án, tẩy chay. Ví dụ, biến đổi khí hậu toàn cầu trong khoảng một thập niên tới sẽ diễn ra với tốc độ ngày càng nhanh hơn và tác động ngày càng nghiêm trọng tới nền kinh tế, đời sống và an ninh con người. Theo các dự báo của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC) của Liên hợp quốc, các hiện tượng khí hậu cực đoan sẽ diễn ra nhiều hơn trong những năm sắp tới trên toàn thế giới như: nhiệt độ nóng bất thường; băng tan và nhiệt độ tăng cao được coi như hai nguyên nhân chính dẫn đến mực nước đại dương cao dần lên, làm ngập mặn các đồng bằng thấp ven biển; trong số các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt thì lũ lụt được coi là tồi tệ nhất, gây ra nhiều thiệt hại về nhân mạng và tài sản nhất.

Nguy cơ lớn về biến đổi khí hậu toàn cầu đặt ra yêu cầu phải đẩy mạnh thực hiện những mô hình phát triển mới,

thích ứng với những thay đổi về môi trường như tăng trưởng xanh. Những nền kinh tế chuyển đổi thành công sang mô hình mới này sẽ có nhiều dư địa phát triển và thích ứng tốt với biến đổi khí hậu; ngược lại, những nền kinh tế không chuyển đổi mô hình tăng trưởng sẽ gặp nhiều khó khăn. Các nước tư bản chủ nghĩa luôn đứng đầu thế giới về tiêu thụ nhiều năng lượng tính theo bình quân đầu người và do đó là tác nhân gián tiếp gây ra biến đổi khí hậu lớn nhất. Cuộc chiến chống biến đổi khí hậu vì vậy đặt các nước tư bản chủ nghĩa vào thế phải tham gia cùng cộng đồng quốc tế tích cực hơn, quốc gia nào vì bảo vệ lợi ích riêng của mình sẽ bị tẩy chay, loại bỏ. Trong bối cảnh này, hành động của chính quyền Tổng thống Donald Trump rút Mỹ khỏi Hiệp định biến đổi khí hậu Paris 2015 làm xấu thêm hình ảnh chủ nghĩa tư bản kiểu Mỹ đối với cộng đồng quốc tế.

Tóm lại, đúng như dự đoán của Mác và Ăngghen cách đây 170 năm về quy luật vận động, phát triển của xu thế quốc tế hóa, toàn cầu hóa, chủ nghĩa tư bản hiện tại đang đứng trước những thách thức đòi hỏi sự thay đổi lớn. Quá trình toàn cầu hóa diễn ra ngày càng sâu rộng, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra nhanh chóng cùng với các vấn đề chung khác của thế giới đòi hỏi chủ nghĩa tư bản cũng phải thay đổi để phù hợp với tình hình mới. Tương lai của chủ nghĩa tư bản như thế nào vẫn là một vấn đề lớn cần nghiên cứu, tuy nhiên có thể khẳng định rằng, sự thay đổi của chủ nghĩa tư bản trong bối cảnh quốc tế mới sẽ là những thay đổi lớn, thậm chí có thể làm biến đổi bản chất của chủ nghĩa tư bản, chuyển sang một hình thái xã hội hoàn toàn mới.

**PHÊ PHÁN NHỮNG QUAN ĐIỂM XUYÊN TẠC,
BÓP MÉO, PHẢN ĐỘNG ĐỐI VỚI NHỮNG LUẬN ĐIỂM
TRONG *TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN*
VÀ PHỦ NHẬN HỌC THUYẾT MÁC - LÊNIN
TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY**

GS. TS. MẠCH QUANG THẮNG*

ThS. HÀ VĂN LUYỄN**

Tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* do C. Mác và Ph. Ăngghen soạn thảo vào năm 1847 và được xuất bản lần đầu tiên vào khoảng tháng 2/1848. Sự ra đời của *Tuyên ngôn* cho đến nay đã 170 năm trôi qua cùng với bao thăng trầm của lịch sử, nhưng tác phẩm vẫn còn nguyên giá trị với tư cách là cương lĩnh chính trị của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Vượt qua thử thách, biến cố của lịch sử, những thăng trầm của phong trào cộng sản và công nhân thế giới đã khảo nghiệm và chứng minh giá trị bền vững của những nguyên lý cơ bản trong *Tuyên ngôn*. Tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen trong *Tuyên ngôn* vẫn nguyên giá trị chỉ lỗi, soi

*; ** Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

đường trong thế kỷ XXI và các thế kỷ tiếp theo đối với giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới.

Tuy nhiên cho đến nay, các thế lực thù địch vẫn không ngừng ra sức xuyên tạc, phủ nhận những giá trị trường tồn của *Tuyên ngôn*, phản bác chủ nghĩa Mác - Lê nin, đề cao chủ nghĩa tư bản hiện đại, ra sức tán dương các quan điểm ngoài mácxít. Trong bài viết này, chúng tôi phê phán hai luận điểm đã xuyên tạc, phủ nhận, bóp méo những luận điểm khoa học, mang tính cương lĩnh được thể hiện trong *Tuyên ngôn*; đồng thời làm rõ, khẳng định giá trị trường tồn của *Tuyên ngôn* đối với phong trào cách mạng thế giới.

1. Phê phán sự phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Các nhà lý luận tư sản cùng các phần tử cơ hội, xét lại đã cố tình lập luận rằng, C. Mác và Ph. Ăngghen đã gắn cho giai cấp công nhân cái sứ mệnh mà nó không có; rằng ngày nay, công nhân ở các nước tư bản không còn bị bóc lột nữa; rằng, giai cấp công nhân đã được trung lưu hóa, địa vị của họ đã có sự thay đổi căn bản, nên không còn sứ mệnh lịch sử; rằng, chủ nghĩa tư bản đã thay đổi bản chất, trở thành chủ nghĩa tư bản nhân dân.

Đó là những luận điểm sai lầm, bởi lẽ: sự vận động tất yếu của lịch sử thế giới một phần tư thế kỷ qua chính là bằng chứng chân thực, sinh động để phủ nhận luận điểm đó; chủ nghĩa xã hội hiện thực vẫn tồn tại, phát triển trong cải cách, đổi mới; giai cấp công nhân vẫn không ngừng phát triển cả về số lượng, chất lượng và khẳng định vai trò, sứ mệnh lịch sử của họ. Những luận điểm xuyên tạc của các thế lực chống

cộng (anti-communisme), thù địch với các trào lưu tiến bộ xã hội là một bằng chứng cho một sự biện hộ cho địa vị thống trị, bóc lột của giai cấp tư sản, cho sự tồn tại “vĩnh hằng” của chủ nghĩa tư bản trên cơ sở phủ nhận vai trò lịch sử khách quan của giai cấp công nhân và tính tất yếu thắng lợi của chủ nghĩa xã hội khoa học.

C. Mác và Ph. Ăngghen đã có những phân tích sâu sắc về chủ nghĩa tư bản để đi đến kết luận: “Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng. Tất cả các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn giai cấp vô sản lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp”¹. Chính vì vậy, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa càng hiện đại thì càng làm cho giai cấp công nhân có số lượng, chất lượng ngày càng cao với những phẩm chất ưu việt, như tiên tiến nhất, ý thức tổ chức, kỷ luật cao nhất, luôn có tinh thần đoàn kết, thống nhất và cách mạng triệt để nhất. Do có đầy đủ những phẩm chất ưu việt đó, giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp duy nhất trong xã hội tư bản có đủ khả năng đảm đương vai trò, sứ mệnh lịch sử vang lừng tiêu diệt chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. C. Mác và Ph. Ăngghen đã nhấn mạnh rằng, cùng với sự lớn mạnh của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, “giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những công nhân hiện đại, những người vô sản”². Và trên cơ sở luận giải địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.610, 605.

công nhân trong xã hội tư bản, C. Mác và Ph. Ăngghen đã đưa ra kết luận khoa học: “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và sự thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”¹.

Hiện nay, chủ nghĩa tư bản mặc dù có những thay đổi và đạt được những thành tựu to lớn trong các thập niên gần đây nhờ việc ứng dụng những thành tựu của khoa học, công nghệ vào trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, theo đó, nhìn về bề ngoài phương thức sản xuất tư bản ngày nay không còn hiện tượng người bóc lột người, và các nhà tư sản đang rêu rao rằng xã hội tư bản là xã hội tiến bộ nhất trong lịch sử nhân loại mà loài người cần hướng đến. Những giọng điệu tuyên truyền đó vẫn không có gì mới và xa lạ đối với chúng ta. Về bản chất chúng vẫn theo những lối mòn cũ muốn phủ định giá trị vĩnh hằng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tạo cảm giác mơ hồ cho những người cộng sản trong cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng. Chúng ta phải thấy rằng, trong lòng thế giới tư bản hiện đại, những mâu thuẫn vốn có giữa lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất không những vẫn tồn tại, mà có mặt còn sâu sắc hơn và lan ra phạm vi rộng hơn. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng ta đã chỉ rõ: “Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Những mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, chẳng những không

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.613.

giải quyết được mà ngày càng trở nên sâu sắc. Khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra. Chính sự vận động của những mâu thuẫn nội tại đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản”¹.

Trong điều kiện mới, cho dù chủ nghĩa tư bản có thay đổi, thích nghi và phát triển như thế nào, nhưng bản chất bóc lột, phản động của nó vẫn không thay đổi. Không những thế, sự bóc lột và bản chất phản động đang được chủ nghĩa tư bản ra sức mở rộng đến các nước đang phát triển bằng các hình thức nô dịch và chủ nghĩa cường quyền mới về chính trị, kinh tế và cả quân sự. Dù có thể tận dụng những thành tựu cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại để phát triển, nhưng chủ nghĩa tư bản không thể thích nghi mãi được, dẫu nó đang cố gắng lực lượng sản xuất trong khuôn khổ chật hẹp của quan hệ sản xuất dựa trên cơ sở chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu những năm gần đây đã nêu lên những hạn chế của chủ nghĩa tự do kinh tế, những mâu thuẫn không thể khắc phục và giới hạn của chủ nghĩa tư bản hiện đại. C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định: “giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những công nhân hiện đại, những người vô sản”². Theo các ông, không một giai cấp thống trị đã lỗi thời nào lại tự nguyện rút lui khỏi vũ đài

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.68.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.605.

lịch sử và do vậy, việc lật đổ giai cấp tư sản với tư cách một giai cấp thống trị đã hết vai trò lịch sử chỉ có thể thành công bởi một cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt - cuộc cách mạng vô sản do chính giai cấp vô sản cách mạng và chính đảng của nó thực hiện. Luận điểm nổi tiếng này trong *Tuyên ngôn* càng trở nên có ý nghĩa trong điều kiện lịch sử mới. Chủ nghĩa tư bản điều chỉnh là làm cái việc rèn giữa “vũ khí sẽ giết mình” thêm sắc nhọn hơn; những người đào huyệt chôn nó - giai cấp công nhân - càng nhận thức rõ hơn sứ mệnh lịch sử của mình là loại bỏ chủ nghĩa tư bản ra khỏi đời sống xã hội, xây dựng chủ nghĩa cộng sản văn minh, xác định rõ hơn con đường, biện pháp để thực hiện sứ mệnh lịch sử vĩ đại đó.

Từ khi cuộc cách mạng tư sản Anh (năm 1640) nổ ra đến nay, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra lực lượng sản xuất hùng hậu hơn các thế kỷ trước cộng lại (điều mà C. Mác và Ph. Ăngghen đã từng nhận định trong *Tuyên ngôn*) và càng được tăng lên nhanh chóng trong điều kiện cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại. Song, xét đến cùng và thực chất, đó là sản phẩm sáng tạo của nhân loại, của toàn thể nhân dân lao động, chứ không phải của riêng giai cấp tư sản. Sự phát triển đó đã tạo cơ sở vật chất giúp cho chủ nghĩa tư bản có thể tận dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới để kéo dài tuổi thọ. Tuy nhiên, trong lòng thế giới tư bản hiện đại, mâu thuẫn vốn có giữa lực lượng hiện đại và quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất không những vẫn còn tồn tại, mà có mặt còn sâu sắc hơn và lan ra phạm vi rộng hơn. Cho dù chủ nghĩa tư bản hiện đại có những biến đổi và phát triển như thế nào, thì bản chất bóc lột của nó vẫn không hề thay đổi, vẫn đúng với

sự phát hiện của C. Mác trước đây. Không những thế, sự bóc lột và bản chất phản động của chủ nghĩa tư bản còn mở rộng đến các nước đang phát triển bằng các hình thức nô dịch kinh tế và chủ nghĩa cường quyền mới về chính trị, kinh tế và quân sự. Mâu thuẫn xã hội cơ bản giữa tư bản và lao động; giữa những người nghèo và những người giàu không chỉ trong phạm vi một quốc gia, mà đã phát triển ở tầm quốc tế; đó là mâu thuẫn giữa các nước nghèo và các nước giàu, giữa các nhóm nước kinh tế phát triển với nhóm nước kinh tế đang phát triển, giữa Nam với Bắc, Đông với Tây...

Trong lòng xã hội tư bản, đời sống của người lao động tuy có được cải thiện, nhưng số người bị hất ra hè phố, số người nghèo khổ vẫn ngày càng tăng. Sự phát triển của các tập đoàn tư bản, các công ty tư bản xuyên quốc gia cùng sự bòn rút tài nguyên và bóc lột nhân dân nhiều nước thuộc thế giới thứ ba; các cuộc chiến tranh đẫm máu chống các quốc gia có chủ quyền do chủ nghĩa đế quốc phát động... là nguyên nhân chủ yếu khiến cho hơn 500 triệu người bị đe dọa chết đói, 1,6 tỷ người sống trong cảnh khốn cùng, 600 triệu người thất nghiệp, hơn 800 triệu người mù chữ... Tất cả điều đó đã nêu lên tính chất bóc lột, phản động của chủ nghĩa tư bản. Theo *The Economist*, nợ công toàn cầu cuối năm 2013 đã vượt 49.872 tỷ USD và đang gia tăng ở các nước trên thế giới và Nhật Bản hiện đang là nước có nợ công lớn nhất thế giới. Nợ công của Nhật Bản là hơn 12.570 tỷ USD, khoảng 227,9% GDP. Với mức nợ công là 11.700 tỷ USD, Mỹ sẽ phải tiếp tục đối mặt với vấn đề nợ dài hạn nghiêm trọng và nợ công của nền kinh tế lớn nhất thế giới này dự báo có thể lên tới mức 200% GDP vào năm 2040 (theo Peter G. Peterson). Trong khi

đó nợ công của Trung Quốc là 1.350 tỷ USD, khoảng 16% GDP. *The Economist* dự kiến tới hết năm 2014, nợ công của toàn thế giới sẽ chạm ngưỡng 52.545 tỷ USD. Trong đó, nợ công tập trung nhiều nhất vào các khu vực gồm châu Mỹ, Liên minh châu Âu và Nhật Bản¹. Rõ ràng, chủ nghĩa tư bản hiện đại dù có biến đổi, thích nghi thì về bản chất vẫn không thay đổi. Đó vẫn là chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước ở trình độ cao, là chế độ bóc lột, đầy rẫy bất công. Những thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại mà chủ nghĩa tư bản đang lợi dụng để kéo dài tuổi thọ, đang dần vượt khỏi sự kiểm soát của chính nó. Và trong điều kiện đó, giai cấp công nhân càng nhận thức rõ hơn sứ mệnh lịch sử của mình là loại bỏ chủ nghĩa tư bản ra khỏi đời sống xã hội, xây dựng chủ nghĩa cộng sản văn minh, xác định rõ hơn con đường, biện pháp để thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân dù còn nhiều bước thăng trầm, nhưng nó vẫn tiếp tục diễn ra theo quy luật khách quan của lịch sử. Chính sự vận động của những mâu thuẫn nội tại trong lòng chủ nghĩa tư bản và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản.

Nhìn lại chặng đường gần 90 năm kể từ ngày Đảng ta ra đời, giai cấp công nhân Việt Nam không ngừng lớn mạnh, trưởng thành. Đặc biệt là trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giai cấp công nhân càng chứng tỏ là lực lượng sản xuất cơ bản, nắm giữ những lĩnh vực then chốt

1. Theo <http://review.siu.edu.vn/nhung-van-de-kinh-te/no-cong-the-gioi/339/2741>.

và các phương tiện hiện đại của nền sản xuất, là lực lượng đi đầu trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Hiện nay, với số lượng chiếm khoảng 21% tổng số lao động và 11% dân số cả nước, giai cấp công nhân Việt Nam đã đóng góp hơn 60% tổng sản phẩm xã hội và hơn 70% ngân sách nhà nước¹. Giai cấp công nhân là đại diện cho phong thức sản xuất tiên tiến, tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và là lực lượng nòng cốt trong khối liên minh với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Giai cấp công nhân ta có sứ mệnh lịch sử to lớn, là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; Công đoàn là tổ chức trực tiếp vừa đại diện, vừa bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động.

Trong giai đoạn cách mạng mới, trước bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và cạnh tranh gay gắt, giai cấp công nhân Việt Nam đứng trước nhiều thời cơ mới và thách thức mới. Để xứng đáng với vị thế là giai cấp lãnh đạo cách mạng, trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững như Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã xác định, giai cấp công nhân Việt Nam và tổ chức Công đoàn Việt Nam cần tiếp tục phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đặc biệt, cần phải nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động; hình thành đội ngũ công nhân trí thức ngày càng đông đảo.

1. Theo <http://www.qdnd.vn/chinh-tri/xa-luan/tu-hao-giai-cap-cong-nhan-viet-nam-506154>.

Công đoàn các cấp cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm, quyết tâm đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ; tiếp tục thu hút, tập hợp, động viên công nhân, viên chức, lao động chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện tốt vai trò đại diện, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên; đẩy mạnh công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, tinh thần đoàn kết, ý thức tổ chức, kỷ luật của đoàn viên công đoàn...

2. Phê phán luận điểm cho rằng, các nguyên lý đã nêu trong *Tuyên ngôn* đã bị lỗi thời

Là Cương lĩnh cách mạng của giai cấp vô sản thế giới, đồng thời là tác phẩm lý luận sâu sắc, *Tuyên ngôn* đã trình bày nhiều luận điểm và nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa cộng sản khoa học. Khẩu hiệu được C. Mác và Ph. Ăngghen nêu ra trong *Tuyên ngôn*: “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!”, sau đó được Quốc tế Cộng sản phát triển thành khẩu hiệu: “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!”, đến nay vẫn là khẩu hiệu tập hợp lực lượng trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Vì sao *Tuyên ngôn* lại có vai trò quan trọng đối với tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại như vậy? V.I. Lê nin đã đánh giá: “Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng hàng bộ sách: tinh thần của nó, đến bây giờ, vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thể

giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh”¹. Những nguyên lý trong *Tuyên ngôn* mang tính chất phổ biến, cả về mặt lý luận và thực tiễn, đã chỉ ra biện chứng khách quan của lịch sử: “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”²; đồng thời vạch ra con đường, biện pháp và lực lượng đảm nhiệm vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, với bộ tham mưu chiến đấu là Đảng Cộng sản, nhằm đấu tranh lật đổ chế độ áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản, xây dựng một xã hội mới văn minh, tiến bộ hơn - xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Vì những lẽ đó, kể từ khi *Tuyên ngôn* được xuất bản lần đầu tiên, các thế lực phản động cùng những phần tử cơ hội chính trị, xét lại trên thế giới luôn chĩa mũi nhọn công kích, phản bác vào tác phẩm *Tuyên ngôn*. Và đặc biệt, từ sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, các thế lực thù địch càng tìm mọi thủ đoạn công kích một cách trắng trợn, hiểm độc vào chủ nghĩa Mác - Lenin và chủ nghĩa xã hội, tìm mọi cách xóa bỏ những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác, mà phần lớn được trình bày trong *Tuyên ngôn*.

V.I. Lenin đã nêu tấm gương mẫu mực về sự trung thành và vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản trong *Tuyên ngôn* vào điều kiện cụ thể của nước Nga Xôviết. Trong cuộc đấu tranh chống bọn cơ hội, xét lại và bảo vệ thành quả của Cách mạng Tháng Mười, V.I. Lenin rất coi trọng đấu tranh

1. V.I. Lenin: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.10.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.613.

với mọi biểu hiện của chủ nghĩa giáo điều. Người đã tiên phong phá vỡ những quan niệm cũ kỹ về chủ nghĩa xã hội bằng việc đề ra Chính sách kinh tế mới (NEP), góp phần làm phong phú lý luận của chủ nghĩa Mác. V.I. Lê nin căn dặn: “Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa *cần phải* phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống”¹, đồng thời, V.I. Lê nin đã chỉ rõ phương châm hành động của người cộng sản: “... phải chú trọng đến cuộc sống sinh động, đến những sự thật chính xác của hiện thực”². đương thời, các nhà kinh điển không coi học thuyết của mình như một sự hoàn thiện “bất biến” mà luôn đòi hỏi phải có sự bổ sung, vận dụng phát triển sáng tạo trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”* xuất bản năm 1872, C. Mác và Ph. Ăngghen viết: “Chính ngay “Tuyên ngôn” cũng đã giải thích rõ rằng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời”³. Tuy nhiên, trong những thập niên qua, có những đảng cộng sản sau khi đã giành được chính quyền, xây dựng chủ nghĩa xã hội, lại mắc phải căn bệnh giáo điều, rập khuôn máy móc, cho rằng các nguyên lý phổ biến mà C. Mác và Ph. Ăngghen đã nêu trong *Tuyên ngôn* luôn tuyệt

1, 2. V.I. Lê nin: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.232; t.31, tr.162.

3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.128.

đối đúng ở mọi điều kiện, hoàn cảnh. Vì thế, họ không coi trọng nghiên cứu để bổ sung và phát triển cho phù hợp với tình hình cụ thể của mỗi nước, với điều kiện mới của tình hình thế giới; hoặc có những thế lực vin vào hiện tượng tan rã chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô trong những năm 90 thế kỷ XX, từ đó tung ra nhiều quan điểm, luận điểm xuyên tạc, phủ nhận cực đoan chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới. Vì vậy, những người cộng sản chân chính vận dụng *Tuyên ngôn* vào thực tiễn đấu tranh cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước hiện nay cần phải hiểu thấu đáo và làm rõ: những luận điểm, nguyên lý nào trước đây đúng, đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị; những luận điểm, nguyên lý nào trước đây đúng, nhưng do tình hình thế giới ngày nay đã có sự đổi thay lớn lao mà trước đây C. Mác và Ph. Ăngghen chưa dự đoán hết được, nên không còn phù hợp nữa mà cần có sự điều chỉnh, bổ sung, phát triển. Đó mới chính là thái độ khách quan, khoa học và cách mạng của người cộng sản chân chính. Điều này hoàn toàn nhất quán với tinh thần phê phán cách mạng mà C. Mác và Ph. Ăngghen đã viết trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” xuất bản năm 1872*. Tinh thần tư tưởng mà các nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học đã nhấn mạnh là: Học thuyết của các ông là học thuyết của sự phát triển, chứ không phải là một giáo điều mà người ta phải học thuộc lòng và lặp lại một cách máy móc.

Hiện nay, tình hình quốc tế nói chung và phong trào cộng sản nói riêng đã có nhiều biến đổi so với bối cảnh lúc tác

phẩm *Tuyên ngôn* ra đời. Trên thực tế, chủ nghĩa xã hội hiện thực và phong trào cộng sản quốc tế lâm vào thoái trào sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới sụp đổ. Mặt khác, chủ nghĩa tư bản, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cũng đã mang một “bộ mặt” mới. Dù bản chất “bóc lột” không thay đổi nhưng nó đã được che đậy dưới nhiều hình thức tinh vi hơn. Nội dung cuộc đấu tranh giai cấp trong thời đại ngày nay đã mang những màu sắc mới. Tuy nhiên, những người cộng sản chân chính và nhân loại tiến bộ trên thế giới phải luôn tin tưởng vào sự thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản như bản *Tuyên ngôn* đã luận chứng: thất bại của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là một tất yếu lịch sử như nhau. Cần phải có quan điểm rõ ràng rằng: Sự thất bại của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu chỉ là sự thất bại tạm thời, sự thất bại của một mô hình không hợp lý chứ không phải là sự cáo chung của chủ nghĩa Mác như nhiều học giả phương Tây từng lớn tiếng. Bằng chứng cho thấy nhiều nước xã hội chủ nghĩa trong đó có Việt Nam trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê nin, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã không ngừng đổi mới và phát triển, hàng loạt các quốc gia ở Mỹ Latinh đã tuyên bố đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, phong trào cánh tả cũng đang thắng thế ở nhiều nước chủ nghĩa tư bản... Tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê nin nói chung, của *Tuyên ngôn* nói riêng là ánh sáng soi đường cho cách mạng Việt Nam. Vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp những nguyên lý nền tảng trong *Tuyên ngôn*, nhất là mối quan hệ giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về vị trí,

vai trò của Đảng, của giai cấp công nhân... vào điều kiện hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, huy động được mọi nguồn lực, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại, giành thắng lợi vẻ vang trong cách mạng dân tộc dân chủ và đang từng bước tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những nội dung lý luận về định hướng xã hội chủ nghĩa, về mục tiêu, động lực chủ yếu của cách mạng Việt Nam, về những đặc trưng thể hiện bản chất của xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường, cách thức xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế... là thành quả của quá trình đổi mới tư duy, phát triển lý luận và tổng kết thực tiễn của Đảng ta, đồng thời đó cũng chính là sự kế thừa, vận dụng những “tư tưởng cơ bản”, “nguyên lý phổ quát” của *Tuyên ngôn*. Hơn 30 năm đổi mới, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Nội dung đổi mới chính là thể hiện sự vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lenin vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam trong điều kiện lịch sử mới.

Đã 170 năm trôi qua, kể từ khi *Tuyên ngôn* ra đời cho đến nay, thế giới đã có nhiều biến đổi, song lịch sử tiếp tục chứng minh rằng, những tư tưởng vĩ đại trong *Tuyên ngôn* sẽ tiếp tục soi đường cho nhân loại tiến về tương lai ngày càng tốt đẹp hơn. Tuy nhiên, cần nhận thấy rằng, chủ nghĩa tư bản hiện đại cũng đã có nhiều điều chỉnh nhằm khắc phục một phần những khuyết tật trong lòng chúng. Khai thác sự

thắng thế tạm thời, trên diễn đàn lý luận các thế lực tư sản phản động đang tìm mọi cách xuyên tạc, phủ nhận những nguyên lý, tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác, trong đó có tác phẩm *Tuyên ngôn* của Đảng Cộng sản nhằm biện minh cho bản chất “bóc lột” của chúng. Hơn ai hết, những người đảng viên cộng sản chúng ta cần phải có thái độ đấu tranh không khoan nhượng với mọi thủ đoạn chống phá nhằm bảo vệ tính khoa học và cách mạng chân chính của chủ nghĩa Mác - Lênin.

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA THỜI ĐẠI NGÀY NAY

PGS. TS. NGUYỄN VĂN BẠO*

1. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử tư tưởng nhân loại, là một tác phẩm bất hủ của C. Mác và Ph. Ăngghen, hai người bạn mẫu mực có chung lý tưởng cao cả và là hai lãnh tụ thiên tài trong phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân. C. Mác, ở độ tuổi vừa mới 30 và Ph. Ăngghen, khi vừa 28 tuổi đã phải gánh vác một trọng trách lớn lao là thay mặt tổ chức Đồng minh những người cộng sản khởi thảo một bản tuyên ngôn vừa mang tính lý luận, vừa mang tính chỉ đạo thực tiễn cách mạng và vừa đáp ứng đòi hỏi tâm vóc của một cương lĩnh chính trị cho phong trào công nhân. *Tuyên ngôn* đã công khai trước toàn thể thế giới về lý tưởng cộng sản, vốn đang là một “câu chuyện hoang đường”, “một bóng ma” ám ảnh khắp châu Âu và được giải thích theo nhiều cách khác nhau; đồng thời đang là đối tượng đả kích, buộc tội của đủ loại thế lực chính trị, tôn giáo liên kết với nhau hòng bóp chết mầm mống tư tưởng cộng sản. Mặt khác, nó còn phải vượt lên và

* Thiếu tướng, Giám đốc Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.

thống nhất những sự khác biệt giữa các trường phái lý luận, các cương lĩnh, các hình thức tổ chức khác nhau đang tồn tại trong phong trào công nhân ở các nước châu Âu lúc bấy giờ, hay nói như chính C. Mác là phải làm sao “... để cho cả những hội công liên ở Anh, những môn đồ của Prud'Homme ở Pháp, Bỉ, Italia và Tây Ban Nha cũng như phái Lát-xan ở Đức đều có thể chấp nhận được”¹. Vượt qua tất cả mọi sức ép đó, C. Mác và Ph. Ăngghen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình vào tháng 2/1848, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* được công bố. Tác phẩm đã trở thành cuốn sách gối đầu giường của giai cấp công nhân toàn thế giới, đồng thời đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa Mác và sự chuyển biến của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng thành khoa học.

Là một tác phẩm lý luận đầy tính khoa học, *Tuyên ngôn* đã phản ánh một cách khái quát xu hướng vận động khách quan của xã hội, trình bày cô đọng, có hệ thống nhiều vấn đề lý luận cơ bản nhất để từng bước hiện thực hóa nhiệm vụ giải phóng giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác, giải phóng các dân tộc bị áp bức, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Những giá trị vạch thời đại của tác phẩm này đã soi sáng con đường đấu tranh của giai cấp công nhân suốt 170 năm qua, đồng thời vẫn là lời giải cho những vấn đề của thời đại ngày nay.

2. Giá trị vạch thời đại của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, nội dung trình bày quan trọng trước hết là những vấn đề lý luận nóng bỏng nhất ở thời điểm nó ra đời, đó là làm rõ

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.21, tr.518.

sự ra đời, địa vị lịch sử và sự diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản; chỉ ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản - người đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản, xây dựng xã hội mới; trình bày khái quát những nguyên lý cơ bản về con đường giải phóng giai cấp vô sản và mô hình chủ nghĩa xã hội. Điều đáng nói hơn, những kiến giải thiên tài của C. Mác và Ph. Ăngghen trong *Tuyên ngôn* đã không chỉ thỏa mãn những câu hỏi hóc búa nhất lúc bấy giờ, mà nó còn kiến giải cho cả những đổi thay sinh động và phức tạp của thế giới trong suốt hành trình đi tới tương lai sau này. Chính vì vậy, *Tuyên ngôn* thực sự chứa đựng trong mình những giá trị vạch thời đại.

Trước hết, *Tuyên ngôn* của Đảng Cộng sản đã vạch trần bản chất, địa vị lịch sử và cũng đồng thời xác định rõ giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản. C. Mác và Ph. Ăngghen, chỉ ra tính cách mạng, tiến bộ, hợp quy luật của sự ra đời của chủ nghĩa tư bản mà khởi đầu là từ sự phát triển của đại công nghiệp đã phá vỡ, làm thay đổi quan hệ sản xuất lỗi thời của chế độ phong kiến trước sức phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất được thúc đẩy bởi máy móc hiện đại, cải tiến kỹ thuật và tổ chức sản xuất, thúc đẩy cạnh tranh tự do, mở rộng thị trường... Các ông cho rằng, “Những tư liệu sản xuất và trao đổi ấy phát triển tới một trình độ nhất định nào đó thì những quan hệ mà trong đó xã hội phong kiến tiến hành sản xuất và trao đổi, tổ chức nông nghiệp và công nghiệp theo lối phong kiến, - nói tóm lại, những quan hệ sở hữu phong kiến không còn phù hợp với những lực lượng sản xuất đã phát triển. Những cái đó đã cản trở sản xuất, chứ không làm cho sản xuất tiến triển lên. Tất cả những cái đó đều biến

thành xiềng xích. Phải đập tan những xiềng xích ấy, và quả nhiên những xiềng xích ấy đã bị đập tan”¹.

Trong giới hạn cách mạng của mình, chủ nghĩa tư bản đã đem đến cho nhân loại những giá trị to lớn. Về kinh tế, “Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại”². Cùng với sự phát triển về kinh tế, đời sống chính trị, đời sống tinh thần của xã hội, các quan hệ gia đình, quan hệ dân tộc, quan hệ giữa thành thị và nông thôn trong một nước và quan hệ giữa các nước có bước tiến bộ mới theo hướng văn minh. Sự ra đời chủ nghĩa tư bản là một bước tiến vĩ đại trong lịch sử của nền văn minh nhân loại.

Tuy nhiên, nó chỉ mang tính cách mạng ở thời điểm thay thế quan hệ sản xuất phong kiến, nhưng ngay lập tức sẽ trở nên phản cách mạng khi lực lượng sản xuất phát triển lên một trình độ cao hơn. “Tóm lại, giai cấp tư sản đã đem sự bóc lột công nghiệp, vô số, trực tiếp, tàn nhẫn thay cho sự bóc lột được che đậy bằng những ảo tưởng tôn giáo và chính trị”³. Nó không phá vỡ giới hạn, mà chỉ tạo ra một giới hạn mới cho sự phát triển của lực lượng sản xuất. Nên khi lực lượng sản xuất phát triển đến một trình độ nhất định sẽ dẫn đến mâu thuẫn với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa - một mâu thuẫn mà bản thân giai cấp tư sản không thể tự phá bỏ. “Những vũ khí mà giai cấp tư sản đã dùng để đánh đổ chế độ phong kiến thì ngày nay quay lại đập vào chính ngay giai cấp

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.603, 600.

tư sản”¹. Sự chật hẹp của quan hệ sản xuất tư bản đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất là nguyên nhân cơ bản khiến chế độ kinh tế tư bản đi đến chỗ sụp đổ. Đây là một quy luật tất yếu, không thể đảo ngược, một quy luật mà hẳn chủ nghĩa tư bản đã hoàn toàn thấm nhuần, vì chính quy luật ấy đã sản sinh ra chủ nghĩa tư bản trong quá trình thay thế chế độ phong kiến. Sự khai quật thiên tài của C. Mác và Ph. Ăngghen về quy luật vận động, phát triển của lịch sử, trong đó tất yếu dẫn đến sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản đã được xây dựng dựa trên một tư duy lôgíc rất cao. Kết luận của C. Mác và Ph. Ăngghen về sự cáo chung của chủ nghĩa tư bản vẫn tiếp tục được chứng thực trong thời đại ngày nay.

Với *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, nhân loại đã chỉ ra lực lượng xã hội có khả năng đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản, xây dựng xã hội mới, đó là giai cấp vô sản. Việc khẳng định sứ mệnh lịch sử thuộc về giai cấp công nhân không phải là ý kiến chủ quan, áp đặt của C. Mác và Ph. Ăngghen, mà nó là kết quả tất yếu của kinh tế, của những vận động khách quan của lịch sử mà các ông là người phát hiện và bảo vệ. C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: “Từ hàng chục năm nay, lịch sử công nghiệp và thương nghiệp không phải là cái gì khác hơn là lịch sử cuộc nổi dậy của lực lượng sản xuất hiện đại chống lại những quan hệ sản xuất hiện đại, chống lại những quan hệ sở hữu đang quyết định sự tồn tại và sự thống trị của giai cấp tư sản”². Tính quy định để một giai cấp

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.605, 604.

có sứ mệnh lịch sử là nó phải đứng ở vị trí trung tâm của thời đại, phải là đại diện cho một phương thức sản xuất mới tiến bộ, là đầu tàu dẫn dắt sự phát triển của lực lượng sản xuất. Trong xã hội tư bản, lực lượng xã hội này không ai khác ngoài giai cấp công nhân hiện đại - con đẻ của nền đại công nghiệp do chủ nghĩa tư bản sinh ra, người đại biểu cho phương thức và lực lượng sản xuất mới đã hình thành giai cấp bị áp bức, bóc lột nặng nề nhất trong chế độ làm thuê tư bản chủ nghĩa. “Nhưng giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những công nhân hiện đại, những người vô sản”¹.

Về địa vị kinh tế - xã hội, môi trường lao động công nghiệp đã quy định những đặc trưng cách mạng của giai cấp vô sản là giai cấp tiên tiến, có tổ chức cao nhất, có tinh thần cách mạng triệt để nhất và có tinh thần đoàn kết quốc tế cao cả. C. Mác và Ph. Ăngghen viết: “Nhưng sự phát triển của công nghiệp không những đã làm tăng thêm số người vô sản, mà còn tập hợp họ lại thành những khối quần chúng lớn hơn: lực lượng của những người vô sản tăng thêm và họ thấy rõ lực lượng của mình hơn”²... Những căn cứ sáng tỏ và đầy sức thuyết phục mà *Tuyên ngôn* đã chỉ ra cho đến nay vẫn là cơ sở để chúng ta đấu tranh bác bỏ mọi luận điệu xuyên tạc, phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Dù thực tiễn sinh động đã giúp cho giai cấp công nhân có những biến

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.605, 607.

đổi sâu sắc cả về cơ cấu, trình độ trí tuệ, khoa học - công nghệ, có một chút sở hữu tư liệu sinh hoạt và cả tư liệu sản xuất... song, ở các nước tư bản chủ nghĩa, địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân không hề thay đổi, vẫn là giai cấp sống được do phải bán sức lao động làm thuê. Giai cấp công nhân vẫn đang là lực lượng chủ yếu làm ra của cải cho xã hội và lợi nhuận cho các nhà tư bản, lực lượng đối lập trực tiếp với tư bản, là người bị tư bản bóc lột nhiều nhất... Địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân không hề thay đổi, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân vì thế cũng không thể bị xóa nhòa.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã luận giải giai cấp công nhân không những có đầy đủ ý thức tự giác về sứ mệnh lịch sử của mình, mà còn chỉ ra một hệ thống nguyên lý, con đường cách mạng cơ bản để đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng nhân loại và con người, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội. Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, những người vô sản phải tự tổ chức thành giai cấp và chính đảng, tiến hành cách mạng vô sản lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, "... thông qua con đường cách mạng mà trở thành giai cấp thống trị"¹, "bước thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ"². Về biện pháp, C. Mác và Ph. Ăngghen đã dành một sự thận trọng cần thiết đối với việc sử dụng các biện pháp bạo lực, cứng rắn, nhất là trong lĩnh vực kinh tế.

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.628, 626.

Trong lần xuất bản đầu tiên, các ông đã nhấn mạnh việc “... dùng bạo lực tiêu diệt những quan hệ sản xuất cũ”¹ song cũng lưu ý rằng biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều khi được áp dụng cho các nước khác nhau.

Có thể nói, 170 năm đã qua, sau biết bao biến cố, thăng trầm của lịch sử nhân loại nói chung, của lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nói riêng, những giá trị trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vẫn ngời sáng. Thời đại mà chúng ta đang sống, dù đã khác biệt rất nhiều so với thời điểm mà *Tuyên ngôn* được ra đời, song vẫn đang đi trên con đường mà tác phẩm này đã chỉ ra. Đúng như V.I. Lê nin đã khẳng định: “Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng hàng bộ sách: tinh thần của nó, đến bây giờ, vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thế giới cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh”².

3. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời đã chỉ dẫn hành động cách mạng cho phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và đạt được những thắng lợi trên thực tiễn có tính bước ngoặt lịch sử. Sinh lực của *Tuyên ngôn* phải nằm ở thắng lợi thực tiễn của phong trào cách mạng. Điều này, suốt 170 năm đã qua, không ai có thể phủ nhận được. Công xã Paris năm 1871; Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917; sự ra đời, tồn tại và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến những năm 80 - đầu những năm 90 thế kỷ XX... đều là kết quả trực tiếp từ sự vận dụng những chỉ dẫn lý luận của *Tuyên ngôn* vào phong trào cách

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.628.

2. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.10.

mạng thế giới. Chủ nghĩa xã hội không chỉ là một học thuyết lý luận, mà đã là một chế độ xã hội được xây dựng trên thực tiễn. Dù chưa đạt được trạng thái tốt nhất của nó như C. Mác và Ph. Ăngghen mong muốn; dù vẫn còn tồn tại không ít những hạn chế, thiếu sót, thậm chí là sai lầm, nhưng nó vẫn đủ sức chứng tỏ sự ưu việt vượt trội so với chế độ tư bản chủ nghĩa, trở thành đối trọng và qua đó, phơi bày rõ hơn bản chất phản động, phản nhân văn của chế độ tư bản chủ nghĩa. Mạch ngầm mà *Tuyên ngôn* khơi dậy đã trở thành những làn sóng cách mạng mạnh mẽ, đưa hàng tỷ quân chúng lao động, hàng trăm quốc gia, dân tộc thoát khỏi thân phận bị bóc lột, áp bức, nô dịch, vươn tới địa vị người làm chủ, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Sự thật ấy không ai có thể phủ nhận được.

4. Giá trị trường tồn trong thời đại hiện nay, dù bối cảnh thế giới đã có rất nhiều đổi khác, trong đó có không ít những diễn biến thực tế bất lợi cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, song *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vẫn khẳng định mạnh mẽ sức sống và tính chân lý của mình. Sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu là một tổn thất to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, là một thách thức không nhỏ đối với việc chứng thực sức sống của *Tuyên ngôn*. Song khi mà những chấn động đã đi qua, khi đã đủ tỉnh táo để nhìn nhận một cách khách quan, chân thực về sự kiện ấy, chúng ta vẫn hoàn toàn đủ cơ sở để tin tưởng rằng, đó chỉ là sự sụp đổ của một mô hình được xây dựng với nhiều sai lầm, khiếm khuyết, hoàn toàn không phải là sự cáo chung của chủ nghĩa Mác như các học giả tư sản cố tình cáo buộc. Bản thân sự sụp đổ ấy, dù không

phải là tất yếu nhưng thực ra cũng là một khả năng đã được chính các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học tiên liệu khi đề cập tính chất lâu dài, khó khăn, phức tạp, thậm chí có thể phải làm đi làm lại của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản nói chung. Những bước đi sai lầm không thể là nguyên cớ để phủ nhận cả một con đường, một chế độ xã hội ưu việt. Sự tồn tại kiên cường và đầy sức sống của các nước xã hội chủ nghĩa còn lại đã và đang minh chứng cho điều đó.

Sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới từ sau *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời đã thách thức mạnh mẽ sự vong vong của chủ nghĩa tư bản, đồng thời cũng cho chủ nghĩa tư bản những bài học đắt giá. Một mặt, chúng tìm mọi biện pháp “bóp chết” phong trào cách mạng, mặt khác, chúng tìm cách để xoa dịu những mâu thuẫn nội tại trong xã hội tư bản. Trên thực tế, việc các nước tư bản quan tâm đến nâng cao phúc lợi xã hội cho giai cấp công nhân, tạo điều kiện để công nhân có cổ phần trong các công ty tư bản là nhằm lừa bịp và lớn tiếng cho rằng công nhân đã được trung lưu hóa... Sự điều chỉnh đó do nhiều nguyên nhân, trong đó có bài học mà các nhà tư bản đúc rút ra từ việc nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lenin để khắc phục những khuyết yếu của mình. Chúng ta không thể phủ nhận rằng, chủ nghĩa tư bản đã có sự điều chỉnh thích nghi và đạt được những thành công nhất định, đồng thời góp phần quan trọng vào đẩy nhanh tiến trình sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu những năm đầu thập niên 90 thế kỷ XX... Tuy nhiên, những “thành công” mà chủ nghĩa tư bản đã đạt được không hề chứng tỏ bản chất của chúng đã thay đổi, bất công bằng

trong các quan hệ kinh tế - xã hội, quan hệ sản xuất tư bản đã mất đi. Nó không thể che giấu một thực tế, đó là không thể ngăn chặn được các cuộc khủng hoảng kinh tế đang diễn ra với mật độ ngày càng cao, cường độ ngày càng lớn, tính chất ngày càng phức tạp, mà thực chất, đó chính là hệ quả của mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất phát triển và quan hệ sản xuất lỗi thời. Sau mỗi cuộc khủng hoảng ấy, không ai khác, giai cấp công nhân lại chính là những người phải gánh chịu hậu quả nặng nề nhất. Tất cả những thực tiễn ấy đã cho thấy rằng, chủ nghĩa tư bản không thể là giới hạn cuối cùng của sự phát triển lịch sử loài người. Nhân loại, dù còn phải trải qua nhiều bước thăng trầm, song nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Trong giai đoạn hiện nay, giai cấp công nhân đang đứng trước ngưỡng cửa rất quan trọng của sự chuyển mình. Cách mạng đến sớm hay muộn, thành công hay thất bại đều phụ thuộc vào bản thân giai cấp công nhân. Hơn lúc nào hết, các đảng cộng sản phải làm cho tinh thần của *Tuyên ngôn* được thức tỉnh lại trong phong trào công nhân, nhất là ở các nước tư bản, để công nhân ý thức rõ về địa vị, sứ mệnh lịch sử của mình, xác định rõ ràng, đúng đắn mục tiêu đấu tranh. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã khởi phát và đang lan rộng rất nhanh trên thế giới chính là cơ hội để giai cấp công nhân bước sang một giai đoạn mới trên hành trình phát triển của mình. Sự thay thế của công nghệ tự động, công nghệ thông minh cho sức người mà cuộc cách mạng này mang lại sẽ làm thay đổi căn bản phương thức tổ chức sản xuất và cách thức vận hành của nền kinh tế, đồng thời tạo ra sự biến đổi sâu sắc các mối quan hệ chính trị, xã hội. Với cuộc cách mạng

này, giai cấp công nhân sẽ càng khẳng định tính tiên phong của mình khi không ngừng được nâng cao trình độ về mọi mặt. Chất lượng của giai cấp công nhân sẽ ở một tầm mức hoàn toàn khác so với trước đây. Chính vì vậy, có thể nói cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ càng khẳng định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Thậm chí, nó còn là chất xúc tác, là điều kiện, môi trường quan trọng để giai cấp công nhân hiện thực hóa sứ mệnh lịch sử của mình.

Có thể nói, những diễn biến sinh động đầy kịch tính của đời sống xã hội đã tạo ra sự thay đổi không nhỏ về thời cuộc, thời thế, cục diện thế giới, song hoàn toàn không phải là sự thay đổi của thời đại. Thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội mở đầu bởi Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại vẫn đang tiếp diễn mà không một thế lực nào có thể đảo ngược được. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, với tất cả những chân lý khoa học sáng ngời của nó, vẫn tiếp tục dẫn dắt nhân loại đi đến tương lai chủ nghĩa cộng sản.

Ý NGHĨA TỪ NHỮNG LUẬN ĐIỂM VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH TRONG TÁC PHẨM *TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN*

TS. NGUYỄN THỊ HÀ*

Trong suốt chiều dài lịch sử 170 năm, kể từ lần xuất bản đầu tiên đến nay, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã được thừa nhận không chỉ là tác phẩm lý luận bất hủ, một đỉnh cao trong sự nghiệp sáng tạo của C. Mác và Ph. Ăngghen, mà nó là một văn kiện mang tính cương lĩnh, có giá trị lịch sử và tràn đầy sức sống thực tiễn của chủ nghĩa Mác. Phân tích và luận giải những tư tưởng cơ bản, những nguyên lý nền tảng mà C. Mác và Ph. Ăngghen đã đưa ra, khẳng định ý nghĩa của *Tuyên ngôn* bằng thực tiễn sinh động trong phong trào cách mạng thế giới, nhất là những thập niên gần đây, đang được các nhà khoa học tiếp tục nghiên cứu, chỉ rõ.

Cũng như trong nhiều lĩnh vực khác, trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, bàn về chế độ hôn nhân, C. Mác và Ph. Ăngghen xuất phát từ quan niệm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử cho rằng: sự phát triển của lịch sử, của xã hội

* Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

có nguồn gốc từ sự phát triển của lực lượng sản xuất, sự biến đổi của phương thức sản xuất của cải vật chất và của sự phân công lao động trong nền sản xuất xã hội.

1. Về mối quan hệ biện chứng giữa gia đình với xã hội

Có thể khẳng định, bắt đầu từ tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức* (1845), khi luận chứng về những điều kiện, tiền đề cho sự tồn tại của con người, C. Mác và Ph. Ăngghen đã rất quan tâm tới vấn đề hôn nhân và gia đình, nhấn mạnh vai trò của gia đình đối với sự phát triển xã hội. Với việc đưa ra định nghĩa gia đình: “hằng ngày tái tạo ra đời sống bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra những người khác, sinh sôi nẩy nở - đó là quan hệ giữa chồng và vợ, cha mẹ và con cái, đó là *gia đình*”¹, quan niệm về “gia đình” được làm rõ ở hai khía cạnh: *thứ nhất*, gia đình ra đời cùng với sự ra đời và tồn tại của xã hội loài người, cùng với quá trình tái tạo ra chính bản thân con người; *thứ hai*, gia đình được tạo ra bởi hai mối quan hệ cơ bản: quan hệ hôn nhân (chồng - vợ) và quan hệ huyết thống (cha, mẹ - con cái); *thứ ba*, gia đình có hai nhiệm vụ chính: sản xuất ra của cải vật chất đáp ứng nhu cầu cho cá nhân, gia đình và đóng góp vào sự phát triển của xã hội, đồng thời tái sản xuất con người để duy trì nòi giống - bảo đảm cho sự trường tồn của xã hội.

Không chỉ dừng lại ở khái niệm “gia đình” thuần túy, mà C. Mác và Ph. Ăngghen còn vượt qua hình thức gia đình để khám phá nguồn gốc gia đình, tác động của gia đình tới xã hội và ảnh hưởng của những biến đổi xã hội tới gia đình, đặc

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.44.

biệt là ảnh hưởng của sự biến đổi kinh tế, của xã hội công nghiệp và tiến trình công nghiệp hóa.

Nhấn mạnh vai trò to lớn của gia đình đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, C. Mác và Ph. Ăngghen còn cho rằng, thực ra, gia đình là “quan hệ xã hội duy nhất” trong buổi đầu của lịch sử xã hội. Nhờ quan hệ này, với chức năng sinh con đẻ cái, quan hệ gia đình đã sản sinh ra và duy trì các quan hệ xã hội khác. Theo ý nghĩa đó, gia đình là một xã hội thu nhỏ: gia đình sản sinh ra các cá thể người, gắn kết các cá thể người thành xã hội và khi xã hội loài người được hình thành thì những hoạt động của nó thường xuyên tác động tới gia đình làm cho gia đình biến đổi về cả hình thức, cấu trúc cũng như vai trò của nó đối với xã hội. Chính vì vậy, các ông luôn đòi hỏi nghiên cứu gia đình, nghiên cứu lịch sử loài người phải gắn liền với lịch sử của công nghiệp và của sự trao đổi sản phẩm trong nền sản xuất xã hội.

Minh chứng cho vấn đề này, C. Mác và Ph. Ăngghen phân tích ví dụ cụ thể về chế độ phường hội bị phá vỡ do những hạn chế trong khả năng khai thác nguyên liệu, khả năng cung cấp và tiêu thụ sản phẩm... đã tạo nên sự ra đời của công trường thủ công - hình thức sản xuất gắn liền với sự xuất hiện của máy móc. Đến lượt mình, công trường thủ công đã tạo ra sản phẩm nhiều hơn nhờ máy móc, tạo ra khả năng tìm kiếm, khai thác thị trường lớn hơn, và nhờ đó, đã tạo ra những quan hệ mới giữa con người với con người, giữa gia đình với xã hội, giữa thói quen và tâm lý với sự biến động của các quá trình kinh tế - xã hội. Sự xuất hiện công trường thủ công còn khiến cho quan hệ giữa thợ bạn và thợ

cả bị phá vỡ và do vậy, cũng phá vỡ luôn quan hệ gia trưởng để tạo lập quan hệ mới - “quan hệ bóc lột” giữa công nhân và nhà tư bản.

Đây chính là luận điểm cơ sở để sau này, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, luận giải và làm rõ hai quá trình trên, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định sự vận hành của mỗi quá trình đó đều mang tính khách quan và phổ biến. Các ông cho rằng, sự ra đời của nền sản xuất bằng máy móc hiện đại - nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa với lực lượng sản xuất mới đã dần xóa bỏ toàn bộ hệ thống công trường thủ công, đã thay đổi sự phân bố dân cư và kết cấu ngành nghề của xã hội, “Tổ chức công nghiệp theo lối phong kiến hay phường hội trước kia không còn có thể thỏa mãn những nhu cầu luôn luôn tăng theo sự mở mang những thị trường mới. Công trường thủ công thay cho tổ chức cũ ấy. Tầng lớp kinh doanh công nghiệp trung đẳng thay cho thợ cả phường hội; sự phân công lao động giữa các phường hội khác nhau đã nhường chỗ cho sự phân công lao động bên trong từng xưởng thợ.

Nhưng các thị trường cứ lớn dần lên không ngừng, nhu cầu luôn luôn tăng lên. Ngay cả công trường thủ công cũng không thỏa mãn được nhu cầu đó nữa. Lúc ấy, hơi nước và máy móc dẫn đến một cuộc cách mạng trong công nghiệp. Đại công nghiệp hiện đại thay cho công trường thủ công; tầng lớp kinh doanh công nghiệp trung đẳng, nhường chỗ cho các nhà công nghiệp triệu phú, cho những kẻ cầm đầu cả hàng loạt đạo quân công nghiệp, những tên tư sản hiện đại”¹ và do

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.598.

vậy, sự “yên ám” của từng gia đình cũng bị phá vỡ theo dòng xoáy của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Không chỉ thế, đại công nghiệp còn làm thay đổi vị trí và điều kiện sinh sống của gia đình, thay đổi nhu cầu thưởng thức những giá trị vật chất và tinh thần của mọi thành viên trong gia đình. Nếu trước đây, nhu cầu tiêu dùng “được thỏa mãn bằng những sản phẩm trong nước”¹, thì nay đã “nảy sinh ra những nhu cầu mới, đòi hỏi được thỏa mãn bằng những sản phẩm đưa từ những miền và xứ xa xôi nhất về”² và một khi “sản xuất vật chất đã như thế thì sản xuất tinh thần cũng không kém như thế”³, nó làm cho “Những thành quả của hoạt động tinh thần của một dân tộc trở thành tài sản chung của tất cả các dân tộc”⁴.

Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa cũng xóa bỏ tình trạng cát cứ của các địa phương và các dân tộc để thay thế nó bằng những quan hệ phổ biến giữa các dân tộc. Hơn nữa, nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa cũng phá vỡ các quan hệ sản xuất phong kiến, thay đổi kết cấu xã hội, thay đổi quan hệ giữa các giai tầng xã hội. Sự thay đổi này khiến cho quan hệ giữa người tự do và nô lệ, quý tộc và bình dân, chúa đất và nông nô, thợ cẩn và phuòng hộ và thợ bạn, bị xóa bỏ để nhường chỗ cho sự hình thành và lớn mạnh của hai giai cấp lớn đối lập nhau là giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

Nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa còn tạo ra một chế độ xã hội và chính trị thích ứng với quan hệ sản xuất mới, với cơ sở hạ tầng mới. Nó xóa bỏ mọi phẩm chất và đức hạnh do

1, 2, 3, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.601-602, 602.

chế độ phong kiến tạo dựng; “Giai cấp tư sản tước hết hào quang thần thánh của tất cả những hoạt động xưa nay vẫn được trọng vọng và tôn sùng”¹; nó biến đổi cả quan hệ gia đình vốn được xem là thiêng liêng nhất, “Giai cấp tư sản đã xé toang tấm màn tình cảm bao phủ những quan hệ gia đình và làm cho những quan hệ ấy chỉ còn là những quan hệ tiền nong đơn thuần”².

Đề cập hôn nhân và gia đình trong xã hội tư bản chủ nghĩa, C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ ra hai loại, đó là gia đình tư sản và gia đình vô sản, Ăngghen viết: “Gia đình tư sản hiện nay dựa trên cơ sở nào? Dựa trên tư bản, trên lợi nhuận cá nhân. Gia đình dưới hình thái hoàn toàn phát triển của nó, chỉ tồn tại đối với giai cấp tư sản thôi, nhưng nó lại kèm theo sự bắt buộc phải thủ tiêu mọi gia đình đối với người vô sản và kèm theo nạn mãi dâm công khai.

Gia đình tư sản dĩ nhiên là sẽ tiêu tan cùng với cái vật bổ sung đó của nó, và cả hai cái đó đều mất đi cùng với sự tan biến của tư bản”³.

Bàn về giáo dục gia đình, nhấn mạnh mối quan hệ giáo dục gia đình và xã hội, C. Mác và Ph. Ăngghen phê phán quan điểm của giai cấp tư sản khi cho rằng, gia đình vô sản coi nhẹ giáo dục gia đình “các ông lại bảo rằng chúng tôi muốn thủ tiêu những mối quan hệ thân thiết nhất đối với con người, bằng cách đem giáo dục xã hội thay thế cho giáo dục gia đình.

Thế nền giáo dục của các ông, chẳng phải cũng do xã hội quyết định đó sao? Chẳng phải do những quan hệ xã hội

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.600, 620.

trong đó các ông nuôi dạy con cái các ông, do sự can thiệp trực tiếp hay gián tiếp của xã hội thông qua nhà trường, v.v. quyết định là gì? Người cộng sản không bìa đặt ra tác động xã hội đối với giáo dục, họ chỉ thay đổi tính chất của sự giáo dục ấy và kéo giáo dục ra khỏi ảnh hưởng của giai cấp thống trị mà thôi”¹.

Các ông nhấn mạnh: “Đại công nghiệp phát triển càng phá hủy mọi mối quan hệ gia đình trong giai cấp vô sản và càng biến trẻ em thành những món hàng mua bán, những công cụ lao động đơn thuần, thì những lời huênh hoang của giai cấp tư sản về gia đình và giáo dục, về những mối quan hệ thân thiết gắn bó con cái với cha mẹ, lại càng trở nên ghê tởm”².

2. Về mục tiêu giải phóng phụ nữ khỏi sự áp bức trong hôn nhân và gia đình

Mục tiêu giải phóng phụ nữ là “mục tiêu kép”: *một là*, giải phóng phụ nữ khỏi sự bất công, áp bức, bóc lột và bất bình đẳng trong nền sản xuất xã hội và *hai là*, giải phóng phụ nữ khỏi gánh nặng công việc như nô lệ và nô dịch trong nền tái sản xuất xã hội, cụ thể là trong chế độ hôn nhân và gia đình.

Quan điểm về giải phóng phụ nữ trong lĩnh vực tái sản xuất xã hội - lĩnh vực hôn nhân và gia đình được nêu rõ trong câu trả lời của Ăngghen đối với câu hỏi: “Chế độ xã hội cộng sản sẽ có ảnh hưởng như thế nào đến gia đình?” Ph. Ăngghen viết rõ như sau:

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.620.

“Quan hệ nam nữ sẽ trở thành một công việc hoàn toàn tư nhân, chỉ thuộc về những người hữu quan và xã hội không cần phải can thiệp vào. Điều đó có thể có được nhờ việc thủ tiêu chế độ tư hữu và nhờ công tác giáo dục của xã hội đối với thanh niên, kết quả là tiêu diệt được hai cơ sở của hôn nhân hiện tại gắn liền với chế độ tư hữu: vợ phụ thuộc vào chồng, con phụ thuộc vào cha mẹ. Đây cũng là một sự trả lời lại tiếng kêu la om sòm của những tên tiểu tư sản lên mặt đạo đức nói đến sự cộng thê của chủ nghĩa cộng sản”¹.

“Những bọn cộng sản các anh, muốn thực hành chế độ cộng thê, - toàn thể giai cấp tư sản đồng thanh tru tréo lên như vậy.

Đối với người tư sản, vợ hắn chẳng qua chỉ là một công cụ sản xuất. Cho nên nghe nói công cụ sản xuất phải được đem dùng chung thì tất nhiên là hắn kết luận rằng chính đàn bà rồi cũng phải chịu cái số phận chung là bị xã hội hóa.

Thậm chí hắn không ngờ rằng vấn đề ở đây, chính là kéo đàn bà ra khỏi vai trò hiện nay của họ là một công cụ sản xuất đơn thuần.

Vả lại, không có cái gì lố bịch bằng sự ghê sợ quá ư đạo đức của những nhà tư sản đối với cái gọi là cộng thê chính thức do những người cộng sản chủ trương. Những người cộng sản không cần phải áp dụng chế độ cộng thê, chế độ ấy hầu như đã luôn luôn tồn tại.

Các ngài tư sản của chúng ta chưa thỏa mãn là đã săn có vợ và con gái của vô sản để dùng, đó là chưa kể đến chế độ

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.476.

mãi dâm công khai, các ngài ấy còn lấy việc cấm sừng lẩn nhau làm một thú vui đặc biệt.

Hôn nhân của giai cấp tư sản thật ra là chế độ cộng thê. Có chăng người ta chỉ có thể buộc tội những người cộng sản là họ tuồng như muốn đem một chế độ cộng thê công khai và chính thức thay cho chế độ cộng thê được che đậy một cách giả nhân giả nghĩa mà thôi. Nhưng với sự xóa bỏ những quan hệ sản xuất hiện tại thì dĩ nhiên là chế độ cộng thê do những quan hệ sản xuất ấy để ra, tức là chế độ mãi dâm chính thức và không chính thức, cũng sẽ biến mất”¹.

Như vậy, cộng thê là một hiện tượng hoàn toàn thuộc về xã hội tư sản và hiện nay đang biểu hiện rất đầy đủ dưới hình thức mại dâm. Nhưng mại dâm là xây dựng trên chế độ tư hữu và sẽ mất đi cùng với chế độ tư hữu. Do đó, tổ chức cộng sản chủ nghĩa không những không đưa lại sự cộng thê mà trái lại còn tiêu diệt sự cộng thê”².

Có thể nói, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định, với sự hình thành và phát triển của nền đại công nghiệp thì không chỉ các quan hệ xã hội, mà cả quan hệ gia đình cũng đã bị thay đổi. “Lao động thủ công càng ít cần đến sự khéo léo và sức lực chừng nào, nghĩa là công nghiệp hiện đại càng tiến triển thì lao động của đàn ông càng được thay thế bằng lao động của đàn bà và trẻ em. Những sự phân biệt về lứa tuổi và giới tính không còn có ý nghĩa xã hội gì nữa đối với giai cấp công nhân. Tất cả đều

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.623, 476.

là công cụ lao động mà chi phí thì thay đổi tùy theo lứa tuổi và giới tính”¹.

“Điều kiện sinh hoạt của xã hội cũ đã bị xóa bỏ trong những điều kiện sinh hoạt của giai cấp vô sản. Người vô sản không có tài sản; quan hệ giữa anh ta với vợ con không còn giống một chút nào với những quan hệ gia đình tư sản; lao động công nghiệp hiện đại, tình trạng người công nhân làm nô lệ cho tư bản, ở Anh cũng như ở Pháp, ở Mỹ cũng như ở Đức, làm cho người vô sản mất hết mọi tính chất dân tộc. Luật pháp, đạo đức, tôn giáo đều bị người vô sản coi là những thành kiến tư sản che giấu những lợi ích tư sản”².

Những quan điểm về hôn nhân và gia đình trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* chính là cơ sở quan trọng để về sau, quan điểm này của C. Mác và Ph. Ăngghen được luận giải rõ hơn trong tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước* (1884). Thông qua tác phẩm, Ph. Ăngghen đã phân tích sự phát triển của gia đình ở các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, của chế độ tư hữu sinh ra sự bất bình đẳng giữa nam và nữ, vấn đề hôn nhân và tình yêu nam nữ... Đồng thời, qua nghiên cứu lịch sử phát triển của gia đình, Ph. Ăngghen phân tích rõ vị trí “tế bào xã hội” của gia đình; mối quan hệ biện chứng giữa gia đình và xã hội: “Những trật tự xã hội, trong đó những con người của một thời đại lịch sử nhất định và của một nước nhất định đang sống, là do hai loại sản xuất quyết định: một mặt là do trình độ phát triển của lao động và mặt khác là do

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.606, 611.

trình độ phát triển của gia đình”¹. Nhận định này cho thấy rõ vai trò rất to lớn của gia đình đối với sự phát triển cá nhân cũng như xã hội.

Ph. Ăngghen chỉ rõ những mâu thuẫn tồn tại trong gia đình dưới chế độ tư hữu, đó là hình thức thu nhỏ của những mặt đối lập, của những mâu thuẫn tồn tại trong xã hội có phân chia giai cấp. Sở dĩ có những mâu thuẫn tồn tại trong gia đình là bởi địa vị người đàn bà là “buộc phải phục tùng quyền lực tuyệt đối của người chồng; nếu người chồng có giết vợ chẳng nữa thì cũng chỉ là thực hiện quyền của mình mà thôi”². Người phụ nữ, người đàn bà trong gia đình dưới chế độ tư hữu xét cho cùng cũng chỉ là mẹ của những đứa con thừa kế chính thức tài sản dòng dõi nhà chồng, là người quản gia chính của nhà chồng và là người cai quản các tì thiếp của nhà chồng. Vì vậy, chế độ một vợ một chồng có tính chất khá đặc biệt: “Một vợ một chồng *chỉ riêng đối với người đàn bà*, chứ không phải đối với người đàn ông”³. Nếu người vợ có muôn vượt ra ngoài khuôn khổ ấy thì lập tức họ sẽ bị lén án và lập tức sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc hơn ở bất kỳ thời đại nào trước kia. Họ chỉ là một vật để lo việc gia đình, để để con và họ chỉ là một đầy tớ. Gia đình cá thể “biểu lộ rõ ràng mối mâu thuẫn giữa người đàn ông với người đàn bà, kết quả của sự thống trị độc nhất của người chồng là một hình ảnh thu nhỏ của cùng những mặt đối lập và mâu thuẫn mà trong đó, từ đầu thời đại văn minh, xã hội chia thành giai cấp vẫn vận động, nhưng không thể nào giải quyết và khắc phục được

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.44, 95, 101.

những mâu thuẫn và những sự đồi lập dĩ nhiên là ở ấy”¹. Nền văn minh tư sản cũng không thể nào giải quyết và khắc phục được những mâu thuẫn và những sự đồi lập trong gia đình, bởi lẽ “sự đồi lập giai cấp đầu tiên xuất hiện trong lịch sử là trùng với sự phát triển của sự đồi kháng giữa chồng và vợ trong hôn nhân cá thể, và sự áp bức giai cấp đầu tiên là trùng với sự nô dịch của đàn ông đối với đàn bà”².

Với tính cách là một đơn vị tế bào của cơ thể xã hội, gia đình cũng chứa đựng tất cả các mối quan hệ bất công xã hội và bất bình đẳng xã hội (tương tự như sự phân công lao động và sự phân chia giai cấp trong xã hội). Để cập hôn nhân và gia đình trong xã hội tư bản chủ nghĩa, Ph. Ăngghen chỉ ra hai loại gia đình, đó là gia đình tư sản và gia đình vô sản. Ăngghen viết: Trong gia đình, người chồng là nhà tư sản, người vợ đại biểu cho giai cấp vô sản. Tuy nhiên, tình cảnh người phụ nữ trong hôn nhân và gia đình phụ thuộc rất nhiều vào chỗ hôn nhân và gia đình đó là của giai cấp tư sản hay của giai cấp vô sản.

3. Ý nghĩa từ những luận điểm

Quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen về gia đình, vị trí của gia đình trong mối quan hệ cá nhân và xã hội, sự tác động biện chứng của những yếu tố ấy và sự cần thiết phải giải quyết quan hệ bất bình đẳng trong gia đình là những chỉ dẫn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc trong quá trình xây dựng gia đình ở nước ta hiện nay. Những luận điểm đó

1, 2. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, tr.101, 104.

không những giúp cho chúng ta thấy được tác động của quá trình cải tạo và phát triển kinh tế - xã hội, thấy được những khuynh hướng biến đổi tất yếu của gia đình, mà còn giúp chúng ta nhận thức được vai trò của gia đình đối với sự nghiệp đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Là một thiết chế xã hội, có vai trò to lớn trong việc tạo ra và phát triển nguồn lực cho xã hội, gia đình chính là môi trường quan trọng hình thành nhân cách gốc của cá nhân, trang bị tri thức mới cho thế hệ lao động tương lai, cung cấp những hiểu biết căn bản về những giá trị và văn hóa đạo đức... Hiện nay, gia đình cũng đang chịu sự tác động hai chiều tích cực và tiêu cực từ xã hội. Một mặt, gia đình chịu tác động tích cực từ những giá trị truyền thống tốt đẹp, những giá trị của văn minh nhân loại đã đem đến cho gia đình Việt Nam những cơ hội phát triển mới: mức sống của đại bộ phận các gia đình Việt Nam được nâng cao; các thành viên trong gia đình năng động, sáng tạo hơn; các chức năng cơ bản của gia đình có nhiều biến đổi theo chiều hướng tích cực. Mặt khác, gia đình Việt Nam hiện nay cũng đang chịu sự tác động tiêu cực từ mặt trái của kinh tế thị trường, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và hội nhập. Gia đình trở nên biến đổi sâu sắc từ quy mô kết cấu đến các mối quan hệ và giá trị... Gia đình Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức to lớn. Mặt trái của cơ chế thị trường đã tạo ra lối sống thực dụng; tuyệt đối hóa những giá trị vật chất; một số giá trị đạo đức gia đình truyền thống bị đảo lộn. Đặc biệt, các sản phẩm văn hóa độc hại từ bên ngoài du nhập vào đã dẫn đến nhiều tệ nạn xã hội, đặt lối sống gia

đình Việt Nam truyền thống trước nguy cơ bị mai mỉt. Trước thực trạng này, việc giữ gìn và phát huy giá trị gia đình truyền thống càng trở nên quan trọng và cấp bách.

Vì vậy, vận dụng sáng tạo những quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen về vấn đề gia đình và những luận giải của các ông về sự tác động biện chứng của gia đình và xã hội, từ đó có những định hướng đúng và biện pháp phù hợp để giải quyết những vấn đề đang đặt ra là một trong những nội dung có ý nghĩa quan trọng trong hiện thực hóa các mục tiêu của công cuộc đổi mới đất nước. Nhận thức và đánh giá cao vai trò tế bào, nhân tố quan trọng quyết định sự phát triển bền vững của xã hội, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, một lần nữa, Đảng ta đã khẳng định thực hiện mục tiêu: “xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh”¹ cũng chính là thể hiện quyết tâm cao trong hiện thực hóa các mục tiêu trong *Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn 2030*.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.128.

**NHỮNG DỰ BÁO XUYÊN THỜI ĐẠI
CỦA C. MÁC, PH. ĂNGGHEN
VỀ VĂN HÓA TRONG TUYÊN NGÔN
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN**

TS. NGUYỄN HUY PHÒNG*

Gần hai thế kỷ qua, mặc dù chịu nhiều sự công kích, chống phá của các thế lực thù địch với chủ nghĩa Mác nhằm phủ nhận, xóa bỏ quan niệm duy vật về lịch sử và các quy luật khách quan trong tiến trình vận động của nhân loại, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vẫn đứng vững trước mọi thử thách, trở thành cương lĩnh của thời đại, là nguồn sức mạnh củng cố niềm tin để giai cấp công nhân không ngừng lớn mạnh, trưởng thành, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Một trong những yếu tố làm nên “sức mạnh, sức đề kháng” của *Tuyên ngôn* là những lập luận, phát hiện mang tính khách quan, khoa học của C. Mác và Ph. Ăngghen về sự vận động, phát triển tất yếu của lịch sử; đề cao quyền tự do, dân chủ; khát vọng hạnh phúc, ấm no của con người và sự chung sống hài hòa của các nền văn hóa.

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Sự giao lưu, hội nhập văn hóa

Tuy không có tác phẩm riêng bàn trực tiếp về vấn đề văn hóa nhưng đan cài trong những luận bàn về chính trị - xã hội, qua những thư từ trao đổi với giới văn nhân, nghệ sĩ, những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã thể hiện rõ quan điểm, lập trường về văn hóa vô sản, văn hóa xã hội chủ nghĩa. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác và Ăngghen dành trọn phần III để nói về *Văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa* (bên cạnh các phần mục quan trọng khác như: *Tư sản và vô sản*; *Những người vô sản và những người cộng sản*; *Thái độ của những người cộng sản đối với đảng đối lập*).

Văn học là một bộ phận đặc biệt nhạy cảm, tinh tế của văn hóa, phản ánh sinh động thế giới tinh thần, tình cảm của con người; là kênh tuyên truyền hiệu quả và đắc lực. Đồng thời, nó còn là lăng kính phản chiếu xã hội, có sức mạnh và tác động vô cùng lớn tới nhận thức, thái độ, hành vi của mỗi cá nhân. Thấy được tính ưu việt, vượt trội của văn học cũng như văn hóa, giai cấp cầm quyền bao giờ cũng muốn tận dụng, khai thác triệt để đội ngũ văn nghệ sĩ, biến họ và tác phẩm của họ trở thành những công cụ phục vụ mục đích và ý đồ chính trị. Từ thực tiễn đời sống chính trị, tư tưởng, tác giả của *Tuyên ngôn* rút ra kết luận: “Lịch sử tư tưởng chứng minh cái gì, nếu không phải là chứng minh rằng sản xuất tinh thần cũng biến đổi theo sản xuất vật chất? Những tư tưởng thống trị của một thời đại bao giờ cũng chỉ là những tư tưởng của giai cấp thống trị”¹.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.625.

Trong *Tuyên ngôn*, qua khảo sát, đánh giá tình hình thực tiễn của các chế độ xã hội, Mác và Ăngghen nhận thấy văn học có mối quan hệ chặt chẽ với chính trị. Xã hội nào thì văn học ấy, văn học luôn được các giai cấp, tầng lớp thống trị sử dụng như một phương tiện, một con đường để đấu tranh tư tưởng nhằm tranh giành sự ảnh hưởng của giai cấp, tầng lớp mình trong xã hội. Nhận định về giai cấp quý tộc Anh và Pháp trong cuộc cách mạng Pháp (tháng 7/1830), *Tuyên ngôn* viết: “Đối với quý tộc thì không thể còn có vấn đề đấu tranh chính trị thật sự được nữa, họ chỉ còn có cách đấu tranh bằng văn học mà thôi”¹. Lý giải về sự ra đời và đặc điểm của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, Mác và Ăngghen cho rằng: “Trong những nước như nước Pháp, ở đó nông dân chiếm quá nửa dân số thì tự nhiên là đã xuất hiện những nhà văn đứng về phía giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, nhưng đã dùng cái thước đo tiểu tư sản và tiểu nông trong việc phê phán chế độ tư sản, và đã xuất phát từ những quan điểm tiểu tư sản mà bênh vực sự nghiệp của công nhân. Chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản đã được hình thành như thế đó. Xixmôndi là lãnh tụ của thứ văn học đó, không những ở Pháp mà cả ở Anh nữa”². Chủ nghĩa này đã vạch trần những mâu thuẫn xã hội, những lời ca tụng giả dối của những nhà kinh tế học. Nhưng mặt hạn chế của nó lại là muôn khôi phục những tư liệu sản xuất, những quan hệ sở hữu cũ nên rơi vào không tưởng và phản động.

Như vậy, thông qua sáng tác văn học của các nhà văn lớn có thể thấy được bức tranh xã hội cũng như tình hình chính trị của một quốc gia, dân tộc.

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.629, 632.

Là một hình thái ý thức xã hội đặc thù, phản ánh hiện thực xã hội qua ngôn ngữ, hình tượng nhân vật, văn học - rộng ra là văn hóa - có sức lan tỏa và ảnh hưởng mạnh mẽ tới công chúng ở mọi giai tầng, lứa tuổi, nghề nghiệp, quốc gia. Ngay từ rất sớm, Mác và Ăngghen đã nhận thấy quy luật tất yếu của các nền văn học đơn lẻ sẽ giao thoa, hội nhập để tạo nên một nền văn học toàn thế giới. *Tuyên ngôn* viết: “Thay cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và dân tộc vẫn tự cung tự cấp, ta thấy phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc. Mà sản xuất vật chất đã như thế thì sản xuất tinh thần cũng không kém như thế. Những thành quả của hoạt động tinh thần của một dân tộc trở thành tài sản chung của tất cả các dân tộc. Tính chất đơn phương và phiến diện dân tộc ngày càng không thể tồn tại được nữa; và từ những nền văn học dân tộc và địa phương, muôn hình muôn vẻ, đang nảy nở ra một nền văn học toàn thế giới”¹. Nhận định mang tính khái quát trên được đúc rút từ những chiêm nghiệm, quan sát từ thực tiễn lịch sử, nó mang tính dự báo về quy luật tất yếu của thế giới hiện đại khi các quốc gia, dân tộc muốn tồn tại và phát triển bắt buộc phải mở cửa, giao lưu, hội nhập nếu không sẽ rơi vào tình trạng cô lập, đóng kín và cuối cùng tự hủy diệt chính mình.

Một trong những nguyên nhân đầu tiên, quan trọng dẫn tới hội nhập, giao lưu, hợp tác toàn cầu là sự phát triển của nền đại công nghiệp với lực lượng sản xuất hiện đại. Sự lớn mạnh, trưởng thành của giai cấp tư sản với nhu cầu tìm kiếm và mở rộng thị trường đã tạo những chuyển biến sâu sắc đổi mới kinh tế, chính trị, xã hội toàn thế giới. “Do b López

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.602.

n n n thị trường thế giới, giai cấp tư sản d a làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các n u c mang tính chất thế giới (...).

Nh r c ai ti n mau ch ng công cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở nên v o c ng ti n lợi, giai cấp tư sản l i cu n đến cả nh nh d n t c d a man nh t v  tr o lưu v n minh. Gi  r ѣ của nh nh s n ph m của giai cấp  y l  trọng ph o b n th ng tất cả nh nh b c v n l y tr o ng th nh v  bu c nh nh ng u r d a man bài ngo i m t c ch ngoan c ng nh t c ng ph i h ng ph c. N  bu c tất cả d n t c ph i th c h nh ph uong th c s n xuất tu s n, n u  kh ng s b i  ti u di t; n  bu c tất cả d n t c ph i du nh p c i i g i i l  v n minh, nghĩa l  ph i tr o n th nh tu s n. N i  t m l i, n  t o  ra cho n  m t th  giới theo h nh d ng c u  n ”¹.

Nh v y, sự ra đời của chủ nghĩa tư bản l  một tiến bộ của nh n loại so với các h nh th i xã hội trước đó. Trong thời kỳ h ng th nh của giai cấp tư sản, họ d a t o  ra l ng lượng c i v t ch t v o c ng l n (trong qu  tr nh th ng tri i giai cấp ch a d y m t th  k y, d a t o  ra nh nh l c l ng s n xuất nhi u h n v  d o s b h n l c l ng s n xuất c u  t t c c th  h t trước c ng l i), t o  su  kết nối, giao lưu toàn cầu. Nh nh ch y n biến trong đời sống v t ch t kéo theo nh nh thay đổi trong đời sống tinh th n - m t l nh v c v n nh y c m, li n quan đ n t m t , t nh c m c  nh n v  net ri eng bi t, d c d o c u  c c d n t c. So với c c l nh v c v t ch t, khoa học k  thu t th i đời sống tinh th n c  xu hướng  n  định, ch m thay đổi, d e rơi v o trạng th i b o n th u, l c h u , k m h m s u ph t tri n.

Tuy nhiên, c n l c c u  qu  tr nh toàn cầu hóa, s u xu t hi n c u  c ch thi  tr o ng, s u x m l n c u  ch u i n gh a tư b n

1. C. M c v  Ph.  ngghen: *To n t p, S d*, t.4, tr.601-602.

với văn hóa tiêu dùng đã “xuyên thủng” những bức tường thành kiên cố nhất, tạo ra quá trình đô thị hóa và trào lưu văn minh trên toàn cầu. “Giai cấp tư sản bất nông thôn phải phục tùng thành thị. Nó lập ra những đô thị đồ sộ; nó làm cho dân số thành thị tăng lên phi thường so với dân số nông thôn, và do đó, nó kéo một bộ phận lớn dân cư thoát khỏi vòng ngu muội của đời sống thôn dã. Cũng như nó đã bắt nông thôn phải phụ thuộc vào thành thị, bắt những nước dã man hay nửa dã man phải phụ thuộc vào các nước văn minh, nó đã bắt những dân tộc nông dân phải phụ thuộc vào những dân tộc tư sản, bắt phương Đông phải phụ thuộc vào phương Tây”¹.

Tuyên ngôn tuy mới giới hạn ở lĩnh vực văn học nhưng có thể suy rộng ra các lĩnh vực tinh thần khác cũng chịu những tác động, chi phối của tồn tại xã hội, cơ sở hạ tầng kinh tế - một trong những yếu tố kích thích, tạo điều kiện để văn học, văn hóa lan tỏa và ngày càng phát triển. Sự hội nhập, giao lưu văn hóa các dân tộc có thể diễn ra bằng nhiều con đường khác nhau, khi tự nguyện, chủ động; khi cưỡng bức, áp đặt qua con đường kinh tế, mở rộng thị trường, chiến tranh, xâm lược, hôn nhân...

Những luận điểm về văn hóa của *Tuyên ngôn* được viết ra cách đây gần hai thế kỷ như những dự báo, tiên đoán về mô hình, viễn cảnh của thế giới đương đại. Tuy nhiên với lĩnh vực tinh thần, nhất là văn học, văn hóa lại có những quy luật phát triển đặc thù. Sự áp đặt của văn hóa, văn minh phương Tây với lý thuyết “trung tâm văn hóa”, lấy châu Âu làm trung tâm đã không còn hợp lý khi văn hóa phương Tây bên cạnh những mặt tích cực lại bộc lộ nhiều điểm yếu và hạn

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.602.

chế, không phù hợp với điều kiện địa lý, lịch sử, tập quán vùng miền của các dân tộc khác, nó không thể trở thành kiểu mẫu chung để ép buộc các dân tộc đã man phải rập khuôn, đi theo. Văn hóa có đời sống và quy luật phát triển riêng, đặc thù, hướng đến cái độc đáo, nhân văn. Tuy nhiên một nền văn hóa không thể phát triển, nó sẽ chết nếu chỉ đóng kín trong một giới hạn không gian, thời gian. Muốn tồn tại, văn hóa phải luôn luôn học hỏi, thâu nhận và cải biến những giá trị tốt đẹp của các nền văn hóa khác với tinh thần đề cao, tôn trọng sự đa dạng, khác biệt.

Cảnh báo về sự du nhập cơ học văn học Pháp vào nước Đức, tác giả của *Tuyên ngôn* viết: “các nhà triết học nửa mùa và những kẻ tài hoa ở Đức hăm hở đổ xô vào thứ văn học ấy, nhưng có điều họ quên rằng văn học Pháp được nhập khẩu vào Đức, song những điều kiện sinh hoạt của nước Pháp lại không đồng thời được đưa vào Đức. Đối với những điều kiện sinh hoạt ở Đức, văn học Pháp ấy đã mất hết ý nghĩa thực tiễn trực tiếp và chỉ còn mang một tính chất thuần tuý văn chương mà thôi (...).

Như thế là văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa Pháp đã bị hoàn toàn cắt xén. Và vì trong tay người Đức, văn học ấy không còn là biểu hiện của cuộc đấu tranh của một giai cấp này chống một giai cấp khác nữa, cho nên họ lấy làm đắc ý là đã vượt lên trên “tính phiến diện của Pháp”; là đã bảo vệ không phải những nhu cầu thật sự, mà là nhu cầu về chân lý; không phải những lợi ích của người vô sản, mà là những lợi ích của bản tính con người, của con người nói chung, của con người không thuộc giai cấp nào, cũng không thuộc một thực tại nào, của con người chỉ tồn tại

trong một bầu trời mây mù của ảo tưởng triết học mà thôi”¹. Điều đó có nghĩa là việc vận dụng, tiếp thu những thành tựu văn học, văn hóa bên ngoài phải có sự chọn lọc, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và tâm lý tiếp nhận của người dân đất nước mình, nếu không sẽ phản tác dụng, gây những “va chạm, xung đột” giữa các nền văn hóa, văn minh.

Có thể nói, những luận điểm khoa học của Mác và Ăngghen về văn học, văn hóa đã tạo tiền đề quan trọng để các quốc gia, dân tộc xích lại gần nhau hơn, cùng nhau chung sống hòa bình. Việc gia tăng những mối quan hệ, củng cố niềm tin, chia sẻ kinh nghiệm, tri thức văn hóa là những điều kiện để duy trì trật tự ổn định, thịnh vượng của thế giới hiện nay.

2. Đề cao giá trị tự do của con người

Tinh thần tranh đấu vì quyền tự do, dân chủ; khát vọng ấm no, hạnh phúc, vì sự phát triển toàn diện của con người là lý tưởng và sứ mệnh cao cả mà những người sáng lập chủ nghĩa Mác hướng đến. Từ “sự khốn cùng của giai cấp công nhân”, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã vạch trần bản chất của chủ nghĩa tư bản với chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, tạo ra giá trị thặng dư từ việc bóc lột sức lao động của người công nhân; thói hạch toán lạnh lùng, đề cao giá trị đồng tiền; làm tha hóa nhân cách con người, gây đảo lộn những giá trị xã hội... Để khắc phục tình trạng đó, đòi hỏi một cuộc cách mạng sâu sắc, triệt để do một chính đảng lãnh đạo và giai cấp công nhân là đội quân tiên phong sẽ xóa bỏ những bất công, giải phóng sức lao động, đề cao giá trị quyền

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.634-635.

tự do con người, thiết lập nên một chế độ xã hội mới mà ở đó “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹. Đây là luận điểm khái quát như một chân lý, chứng minh quy luật sinh tồn của nhân loại, khi quyền tự do của mỗi người được đề cao, tôn trọng, được bảo đảm bằng những ràng buộc pháp lý thì sẽ tạo ra sự phát triển tự do chung của tất cả mọi người, nếu không sẽ xảy ra những bất đồng, phân biệt đẳng cấp, giai tầng, địa vị, tạo những bất ổn, mâu thuẫn không thể điều hòa.

Thấu cảm với nỗi đau của những người công nhân “không có tổ quốc”, không có địa vị chính trị, bị “tha hóa” bởi lao động làm thuê, C. Mác và Ph. Ăngghen đã viết nên *Tuyên ngôn* làm cương lĩnh chính trị để giai cấp vô sản ý thức được vai trò, sứ mệnh của mình trong việc đấu tranh giành quyền sống, quyền tự do, dân chủ. Phải liên hiệp, tập hợp với tinh thần đoàn kết, “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!”, giai cấp vô sản sẽ giành được chiến thắng, “giành được cả thế giới”.

Khi đề cập lớp người yếu thế, chịu nhiều bất công, thiệt thòi trong xã hội, tác giả của *Tuyên ngôn* dành nhiều cảm tình và lời lẽ bênh vực cho phụ nữ và trẻ em. Trong tình cảnh “Giai cấp tư sản đã xé toang tấm màn tình cảm bao phủ những quan hệ gia đình và làm cho những quan hệ ấy chỉ còn là những quan hệ tiễn nong đơn thuần”², “người công nhân phải bán mình để kiếm ăn từng bữa, trở thành một loại hàng hóa được bán đi mua lại theo sự may mắn của cơ chế thị trường”, đầy số phận của phụ nữ và trẻ em vào những tình thế khốn cùng. Họ bị bóc lột, trở thành “những công cụ

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.628, 600.

lao động”. *Tuyên ngôn* nêu một thực cảnh: “Lao động thủ công càng ít cần đến sự khéo léo và sức lực chừng nào, nghĩa là công nghiệp hiện đại càng tiến triển thì lao động của đàn ông càng được thay thế bằng lao động của đàn bà và trẻ em”¹. Điều này không chỉ phản ánh thảm cảnh của những người thấp cổ bé họng ở thế kỷ XIX mà ngày nay ở nhiều nơi trên thế giới, lao động phụ nữ và trẻ em vẫn bị những nhà tư sản triệt để lợi dụng để phục vụ những mục đích kinh tế, lợi nhuận, chà đạp lên những giá trị về quyền trẻ em và quyền được bảo vệ, chăm sóc của phụ nữ.

Để giải phóng phụ nữ và trẻ em cần sự thức tỉnh lương tri của toàn xã hội, cần sự đổi mới công bằng và dành nhiều chính sách ưu tiên cho họ. Trong các biện pháp (phương thức) mà *Tuyên ngôn* nêu ra để khắc phục tình trạng bất ổn chính trị, xung đột giai cấp, kiến tạo một xã hội mới do giai cấp vô sản là lực lượng nòng cốt, đi đầu, đó là phải thực thi chính sách: “Giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả các trẻ em. Xóa bỏ việc sử dụng trẻ làm trong các công xưởng như hiện nay. Kết hợp giáo dục với sản xuất vật chất, v.v.”². Đó là một tư tưởng nhân văn mang tầm nhìn thời đại nhằm bảo vệ quyền lợi của trẻ em - thế hệ tương lai và chủ nhân của các quốc gia, dân tộc. Việc bóc lột sức lao động, lạm dụng trẻ em trong nhà máy, công xưởng là vô nhân đạo, điều đó làm suy kiệt nòi giống, nhồi nhét những tư tưởng vị kỷ, chủ nghĩa cá nhân, sùng bái đồng tiền, triệt tiêu cảm xúc đối với những tâm hồn thơ dại, trong sáng.

Trong chế độ xã hội mới, trẻ em cần được ưu tiên hàng đầu. Phải thực thi chính sách giáo dục công cộng, không mất

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.606, 628.

tiên nhằm nâng cao trình độ văn hóa, tạo nguồn nhân lực đủ mạnh để xây dựng và phát triển đất nước; gắn liền giáo dục với lao động sản xuất, lý thuyết với thực hành. Phải giáo dục, đào tạo được những thế hệ công dân, những “con người xã hội chủ nghĩa” thì mới có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Quan điểm sâu sắc, tiến bộ, thể hiện tinh thần nhân văn, vì sự phát triển toàn diện của con người đã khiến *Tuyên ngôn* vượt qua giới hạn về không gian, thời gian, đến được với mọi tầng lớp người, nhất là những người cùng khổ ở khắp năm châu. Đúng như nhận định của Ph. Ăngghen khi viết *Lời tựa cho bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”*, “lịch sử của “Tuyên ngôn” phản ánh khá rõ lịch sử của phong trào công nhân đương thời; hiện nay, hiển nhiên đó là tác phẩm phổ biến hơn cả, có tính chất quốc tế hơn cả trong tất cả các văn phẩm xã hội chủ nghĩa, đó là cương lĩnh được thừa nhận bởi hàng triệu công nhân từ Xibia đến Caliphoochnia”¹.

Như vậy, *Tuyên ngôn* không chỉ xoáy sâu, nhấn mạnh vào mâu thuẫn, đấu tranh giai cấp mà ẩn chứa sau những câu chữ, luận điểm là những giá trị nhân văn, nhân bản, đề cập trực tiếp quyền được sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc của con người, nhất là phụ nữ, trẻ em. Bởi với C. Mác, “không có gì thuộc về con người lại xa lạ” nên ông dành trọn cả đời mình để đi tìm con đường giải phóng cho nhân loại cần lao, xóa bỏ mọi bất công, áp bức, tiến đến xã hội đại đồng của chủ nghĩa cộng sản.

Trong sáng tạo văn hóa, con người vừa là chủ thể vừa là đối tượng thụ hưởng và bị chi phối bởi chính nền văn hóa do

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.21, tr.522.

mình tạo ra. Sự giao lưu, kết nối, học hỏi giữa các nền văn hóa sẽ xoa dịu những bất đồng chính trị, xích con người thuộc các sắc tộc, màu da, tôn giáo lại gần nhau hơn để cùng sẻ chia, nhân lên những giá trị nhân văn, tốt đẹp.

Ăngghen từng khẳng định: “Mặc dầu hoàn cảnh đã thay đổi nhiều trong hai mươi lăm năm qua, nhưng cho đến nay, xét về đại thể, những nguyên lý tổng quát trình bày trong “Tuyên ngôn” này vẫn còn hoàn toàn đúng. Ở đôi chỗ, cần có một vài chi tiết cần phải xem lại. Chính ngay “Tuyên ngôn” cũng đã giải thích rõ rằng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời”¹. Đó là nhận định mang tính khách quan, khoa học, biện chứng. Tuy nhiên, dù một vài luận điểm đã bị thời đại vượt qua và chủ nghĩa tư bản có những điều chỉnh phù hợp với xu thế thời đại, nhưng những quan điểm về văn học, văn hóa và quyền tự do của con người được đề cập trong *Tuyên ngôn* thì vẫn mang giá trị, sức sống và tinh thần thời đại sâu sắc.

Việc vận dụng sáng tạo những luận đề về giao lưu, hội nhập văn hóa; bảo vệ quyền con người, nhất là phụ nữ và trẻ em; nâng cao chất lượng giáo dục trong *Tuyên ngôn* sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh ở nước ta hiện nay là việc làm cần thiết, có ý nghĩa và mang tính phương pháp luận trong công cuộc xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; hình thành nên những con người mới với phẩm chất yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, cần cù, đoàn kết, sáng tạo để sớm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.21, tr.524.

Phần thứ ba

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NƯỚC

TƯ TƯỞNG VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN TRONG TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG HIỆN NAY

TS. NGUYỄN DƯƠNG HÙNG*

Cách đây 170 năm, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, do C. Mác và Ph. Ăngghen soạn thảo, ra đời đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong việc đưa phong trào công nhân cùng giai cấp công nhân bước lên vũ đài chính trị với tư cách là một lực lượng chính trị - xã hội độc lập, chủ động đấu tranh tự giải phóng mình cũng như giải phóng toàn thể xã hội loài người. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* chính là cương lĩnh chính trị của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, của Đảng Cộng sản mácxit. Cùng với nhiều tư tưởng khác, tư tưởng trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vẫn còn nguyên giá trị, có ý nghĩa quan trọng trong công tác xây dựng Đảng hiện nay.

1. Những tư tưởng về Đảng Cộng sản trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*

Thứ nhất, luận giải sự ra đời của Đảng Cộng sản là tất yếu khách quan.

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Xuất phát từ quan điểm duy vật về lịch sử, C. Mác và Ph. Ăngghen đã luận giải rõ quá trình phát triển của xã hội loài người, khẳng định sự thay thế của các hình thái kinh tế - xã hội là quá trình lịch sử tự nhiên, hệ quả của sự phát triển của lực lượng sản xuất, cách mạng hóa công cụ sản xuất, quan hệ sản xuất cũng như cách mạng hóa toàn bộ quan hệ xã hội. Trong *Lời tựa cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”* xuất bản năm 1883, Ph. Ăngghen khẳng định: “Tư tưởng cơ bản và chủ đạo của “Tuyên ngôn” là: trong mọi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra, - cả hai cái đó cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy...”¹.

Từ những luận giải trên, C. Mác và Ph. Ăngghen đã làm rõ sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, với hai giai cấp chủ đạo trong xã hội là giai cấp tư sản và giai cấp công nhân. Đánh giá cao vai trò cách mạng của giai cấp tư sản trong sự phát triển của lịch sử xã hội loài người, song các ông cũng chỉ rõ, giai cấp tư sản và hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa vẫn không xóa bỏ được các đối kháng giai cấp, mà chỉ “đơn giản hóa những đối kháng giai cấp. Xã hội ngày càng chia thành hai phe lớn thù địch với nhau, hai giai cấp lớn hoàn toàn đối lập nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản”².

Các mâu thuẫn mang tính quy luật: lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất; cơ sở hạ tầng quyết định kiến

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.11; t.4, tr.597.

trúc thượng tầng,... và các cuộc cách mạng xã hội khi những mâu thuẫn này đạt đến đỉnh điểm là nguyên nhân chính làm xuất hiện các hình thái kinh tế - xã hội mới, và trong xã hội tư bản cũng vậy. Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, trong xã hội tư bản, do bản chất của nó, nên ngay từ khi ra đời đã xuất hiện mâu thuẫn không thể dung hòa được giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Xã hội tư bản sinh ra từ trong lòng xã hội phong kiến đã bị diệt vong, song không xóa bỏ được những đối kháng giai cấp, mà “chỉ đem những giai cấp mới, những điều kiện áp bức mới, những hình thức đấu tranh mới thay thế cho những giai cấp, những điều kiện áp bức, những hình thức đấu tranh cũ mà thôi”¹. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân với giai cấp tư sản xuất hiện ngay từ khi xã hội tư sản ra đời, với nhiều hình thức và trình độ khác nhau: từ tự phát đến tự giác, từ kinh tế đến chính trị, xã hội. Đảng Cộng sản ra đời là tất yếu khách quan phản ánh trình độ lý luận và nhận thức của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh với giai cấp tư sản, chuyển phong trào từ tự phát đến tự giác, từ kinh tế đến chính trị và xã hội, bảo đảm cho giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình; đồng thời, khẳng định sự tồn tại của chủ nghĩa cộng sản trong thực tế, xóa bỏ quan niệm về bóng ma mà giai cấp tư sản đang rêu rao.

Thứ hai, về nguồn gốc, bản chất của Đảng Cộng sản và mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản với giai cấp công nhân và phong trào công nhân.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.597.

Về nguồn gốc, Đảng Cộng sản là sản phẩm tất yếu của phong trào công nhân, có nguồn gốc từ giai cấp công nhân, song Đảng không phải là toàn bộ phong trào công nhân, toàn bộ giai cấp công nhân. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng, Đảng Cộng sản là đội tiên phong, bộ phận ưu tú nhất, tiến bộ nhất trong phong trào công nhân và giai cấp công nhân. Các ông khẳng định, xét về mặt thực tiễn “những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất trong các đảng công nhân ở tất cả các nước, là bộ phận luôn luôn thúc đẩy phong trào tiến lên¹ về mặt lý luận, họ hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ là họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung của phong trào vô sản”².

Từ khẳng định nguồn gốc giai cấp công nhân xuất phát từ nhiều giai cấp, tầng lớp trong xã hội, thậm chí từ ở cả giai cấp tư sản³, song đây là bộ phận những nhà tư tưởng tiến bộ, cách mạng, đã có khả năng nhận thức được quy luật khách quan của lịch sử và khái quát được ở tầm lý luận, C. Mác và Ph. Ăngghen viết: “Cũng như xưa kia, một bộ phận của quý tộc chạy sang hàng ngũ giai cấp tư sản; ngày nay, một bộ phận của giai cấp tư sản cũng chạy sang hàng ngũ giai cấp vô sản, đó là bộ phận những nhà tư tưởng tư sản đã vươn lên

1. Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 thay cho những chữ “luôn luôn thúc đẩy phong trào tiến lên” là những chữ “tiên tiến nhất”. Dẫn theo C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.615.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.614-615.

3. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.606-607.

nhận thức được, về mặt lý luận, toàn bộ quá trình vận động lịch sử”¹. Bộ phận tiên tiến này là một trong những bộ phận góp phần nâng cao trình độ lý luận của Đảng Cộng sản. Ngay bản thân các ông - những chiến sĩ cách mạng trung kiên nhất - cũng có nguồn gốc xuất phát từ giai cấp tư sản.

Tuyên ngôn cũng chỉ ra *bản chất* của Đảng Cộng sản, đó là bản chất *giai cấp công nhân*. “Những người cộng sản không phải là một đảng riêng biệt, đối lập với các đảng công nhân khác. Họ tuyệt nhiên không có một lợi ích nào tách khỏi lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản”². Theo đó, bản chất giai cấp của Đảng Cộng sản là cơ sở quan trọng để Đảng đại diện và lãnh đạo phong trào công nhân đấu tranh thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, và ngược lại, giai cấp công nhân là bộ phận quan trọng nhất trong cơ sở xã hội của Đảng, là biểu hiện sức mạnh của Đảng. Bởi lẽ, giai cấp vô sản không thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử nếu không tổ chức thành chính đảng của giai cấp để tổ chức và lãnh đạo giai cấp trong toàn bộ quá trình thực hiện sứ mệnh. *Tuyên ngôn* của Đảng Cộng sản cũng khẳng định, quá trình tổ chức giai cấp vô sản thành giai cấp và “thành chính đảng, luôn luôn bị sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau phá vỡ. Nhưng nó luôn luôn được tái lập và luôn luôn mạnh mẽ hơn, vững chắc hơn, hùng mạnh hơn”³, để tổ chức và lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ giai cấp tư sản và nhà nước của nó, xây dựng xã hội mới.

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.610, 614, 609.

Với bản chất như trên, Đảng Cộng sản luôn có mối quan hệ khăng khít với giai cấp công nhân và phong trào công nhân. Đảng “không đặt ra những nguyên tắc riêng biệt¹ nhằm khuôn phong trào vô sản theo những nguyên tắc ấy”², mà mọi hoạt động của Đảng là vì mục tiêu và lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đảng Cộng sản là tổ chức của những phần tử tiên tiến nhất trong giai cấp công nhân, có lý luận dẫn đường, tổ chức và lãnh đạo giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh của mình. Cơ sở xã hội của Đảng và sức mạnh của Đảng là khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác.

Thứ ba, về mục đích và nhiệm vụ của Đảng Cộng sản.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản cũng khăng định, phong trào công nhân và sự ra đời đội ngũ tiên phong của nó - Đảng Cộng sản - đã phát triển đến giai đoạn chín muồi, đến lúc “những người cộng sản phải công khai trình bày trước toàn thế giới những quan điểm, mục đích, ý đồ của mình; và phải có một *Tuyên ngôn* của đảng của mình để đập lại câu chuyện hoang đường về bóng ma cộng sản”³. Các quan điểm lý luận của những người cộng sản “tuyệt nhiên không dựa trên những ý niệm, những nguyên lý do một nhà cải cách thế giới nào phát minh hay phát hiện ra”⁴, mà đó là kết quả từ sự nghiên cứu lý luận, nhận thức quy luật khách quan của lịch

1. Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 thay cho những chữ “những nguyên tắc riêng biệt” là những chữ “những nguyên tắc bè phái”. Dẫn theo C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.614.

2, 3, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.614, 595, 615.

sử cũng như từ sự tổng kết hiện thực phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm xóa bỏ trật tự xã hội hiện tồn - xã hội tư bản với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản khẳng định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là xóa bỏ chế độ “tư hữu tư sản hiện thời”¹, là chế độ sở hữu tư nhân “cuối cùng và đầy đủ nhất của phương thức sản xuất và chiếm hữu sản phẩm dựa trên những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia”²; đồng thời xây dựng một chế độ xã hội mới với chế độ sở hữu công cộng các tư liệu sản xuất chủ yếu và không còn hiện tượng người bóc lột người, và “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”³. Sự ra đời của Đảng Cộng sản là nhằm lãnh đạo giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh đó. “Theo ý nghĩa đó, những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành một luận điểm duy nhất này là: xóa bỏ chế độ tư hữu”⁴. Song, giai cấp công nhân cùng Đảng Cộng sản của nó “không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản”.

Để thực hiện mục tiêu này, Đảng Cộng sản phải lãnh đạo giai cấp công nhân thực hiện hai nhiệm vụ với các mục tiêu cụ thể khác nhau:

Một là, “tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy

1, 2, 3, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd, t.4, tr.616, 628.*

chính quyền”¹, “giành lấy dân chủ”. Và, “giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc², phải tự mình trở thành dân tộc”³.

Hai là, Đảng Cộng sản lãnh đạo giai cấp vô sản “dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất”⁴, để tiến hành xây dựng xã hội mới, xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Hai nhiệm vụ trên đều là những nhiệm vụ rất khó khăn và nặng nề. Lật đổ giai cấp thống trị, giành lấy chính quyền nhà nước, giành dân chủ là nhiệm vụ đầu tiên của Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân trực tiếp đánh vào thể chế đang hiện tồn, nên vấn phải sự chống đối của giai cấp thống trị và phải thực hiện một cuộc cách mạng xã hội triệt để với nhiều tổn thất to lớn cả máu và nước mắt. Tổ chức cải tạo và xây dựng xã hội mới là nhiệm vụ lâu dài với việc phát triển nhanh lực lượng sản xuất, từng bước cải tạo quan hệ sản xuất và xây dựng thiết chế thương mại kiến trúc phù hợp; mở rộng dân chủ, nâng cao văn hóa vật chất và tinh thần của nhân dân. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* viết: “Nếu giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, nhất

1, 3, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.615, 624, 626.

2. Trong bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 thay cho những chữ “tự vươn lên thành giai cấp dân tộc” là những chữ “tự vươn lên thành giai cấp chủ đạo trong dân tộc”. Dẫn theo C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.624.

định phải tự tổ chức thành giai cấp, nếu giai cấp vô sản thông qua con đường cách mạng mà trở thành giai cấp thống trị và với tư cách là giai cấp thống trị, nó dùng bạo lực tiêu diệt những quan hệ sản xuất cũ, thì đồng thời với việc tiêu diệt những quan hệ sản xuất ấy, nó cũng tiêu diệt luôn cả những điều kiện tồn tại của sự đối kháng giai cấp, nó tiêu diệt các giai cấp nói chung và cũng do đấy, tiêu diệt cả sự thống trị của chính nó với tư cách là một giai cấp”¹. Hơn nữa, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* cũng yêu cầu các đảng cộng sản và giai cấp công nhân ở các nước khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm và tình hình cụ thể của mỗi nước để thực hiện các biện pháp khác nhau trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Riêng đối với các nước tiên tiến nhất, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* chỉ rõ 10 biện pháp² có thể được áp dụng khá phổ biến.

Thứ tư, về mối quan hệ của Đảng Cộng sản đối với các đảng công nhân khác và thái độ của nó đối với các đảng đối lập.

Trong mối quan hệ với các đảng công nhân khác, Đảng Cộng sản không phải là một đảng riêng biệt, đối lập với các đảng công nhân khác. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* khẳng định: “Những người cộng sản chỉ khác với các đảng vô sản khác trên hai điểm: một là, trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản; hai là, trong các

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.628.

2. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.627-628.

giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư sản, họ luôn luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào”¹. Họ luôn “chiến đấu cho những mục đích và những lợi ích trước mắt của giai cấp công nhân, nhưng đồng thời trong phong trào hiện tại, họ cũng bảo vệ và đại biểu cho tương lai của phong trào”², cũng như cho các giai cấp, tầng lớp bị áp bức khác trong xã hội. Hơn nữa, các đảng cộng sản ở mọi nơi đều phấn đấu cho sự đoàn kết và sự liên hợp của các đảng dân chủ ở tất cả các nước nhằm thực hiện “VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NUỐC, ĐOÀN KẾT LẠI!”³ trong cuộc đấu tranh chung của giai cấp công nhân.

Về thái độ với các đảng đối lập, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* chỉ rõ, các đảng cộng sản phải nhận thức rõ bản chất và mục tiêu của các đảng đối lập. Đối với những mục tiêu đi ngược lại mục tiêu của Đảng Cộng sản thì cần đấu tranh, phê phán; nhưng đối với những mục tiêu có lợi cho cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, cho Đảng Cộng sản thì sẽ tích cực ủng hộ và thậm chí còn chấp nhận “liên hợp” với các đảng đó. Thái độ của Đảng Cộng sản đối với các đảng khác ở Pháp, Thụy Sĩ, Ba Lan và Đức⁴ được C. Mác và Ph. Ăngghen viết trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là những minh chứng.

2. Ý nghĩa tư tưởng của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trong công tác xây dựng Đảng ở nước ta hiện nay

Thứ nhất, để hoàn thành sứ mệnh lịch sử, vai trò lãnh đạo của Đảng là điều kiện tiên quyết, song để Đảng có thể

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.614, 644, 646.

4. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.644-646.

thực hiện được vai trò đó, cần *giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân* của Đảng, đồng thời không ngừng *tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh*.

Bản chất giai cấp công nhân là nhân tố suy đến cùng định hướng đúng đắn cho mọi hoạt động của Đảng, làm cho Đảng luôn đoàn kết, thống nhất và có khả năng tập hợp, phát huy cao độ trí tuệ của mọi lực lượng cho sự nghiệp cách mạng. Bản chất này tuy có tính bền vững, song vẫn luôn bị các thế lực thù địch tấn công phá hoại, nên nếu không thường xuyên xây dựng, củng cố thì sẽ bị phai nhạt, thậm chí bị “biến chất”, kéo theo hậu quả tồi tệ đối với sinh mệnh của Đảng và cách mạng. Lịch sử thành công và thất bại trong lãnh đạo của các đảng cộng sản cùng sự biến chính trị ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã chứng minh điều đó.

Ở nước ta, từ đặc thù của thực tiễn và dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả từ sự kết hợp thống nhất giữa chủ nghĩa Mác - Lê nin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Tuy nhiên, ngay từ khi ra đời, với nhiều tên gọi khác nhau theo từng giai đoạn cách mạng, Đảng ta luôn khẳng định bản chất giai cấp công nhân của mình. Trong *Sách lược văn tắt của Đảng* do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng năm 1930, đã xác định “Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng”¹. Bản chất này tiếp tục được khẳng định trong tất cả các kỳ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.3.

đại hội của Đảng và được hiến định trong các Hiến pháp của Việt Nam (Điều 4 các Hiến pháp năm 1980, 1992 và 2013). Và đây cũng là một nội dung mà các thế lực thù địch tăng cường xuyên tạc, chống đối và tìm cách xóa bỏ, qua việc đòi bỏ tính hiến định về vị trí, vai trò và bản chất của Đảng trong Hiến pháp nước ta.

Do vậy, để tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, bảo đảm vị thế cầm quyền và lãnh đạo trước hết cần tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng thông qua việc: 1) Giữ vững và bảo vệ nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; 2) Nâng cao “tinh thần phong, sức chiến đấu, phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận, công tác kiểm tra, giám sát và công tác dân vận của Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng”¹; 3) Đảng và cả hệ thống chính trị phải thực sự quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng đáp ứng nhu cầu mới của cách mạng và thực tiễn phát triển của khoa học và công nghệ hiện nay; 4) Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường sự quản lý và quan tâm của Nhà nước đối với giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn, bảo đảm công đoàn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.80.

là một kênh quan trọng trong bảo vệ và nâng cao trình độ về mọi mặt cho giai cấp công nhân.

Thứ hai, tăng cường tổng kết thực tiễn, khái quát và bổ sung, phát triển lý luận; đồng thời nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng lý luận và bản lĩnh trí tuệ của Đảng đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn cách mạng mới.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản chỉ rõ, lý luận của Đảng Cộng sản “chỉ là biểu hiện khái quát của những quan hệ thực tại của một cuộc đấu tranh giai cấp hiện có, của một sự vận động lịch sử đang diễn ra trước mắt chúng ta”¹. Do vậy, đối với Việt Nam, Đảng và giai cấp công nhân Việt Nam đã có chính quyền, tổ chức xây dựng xã hội mới trong nhiều thập niên, nhất là trong giai đoạn đổi mới, với nhiều thành tựu nhất định có ý nghĩa lịch sử. Các đặc trưng của mô hình và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta được bổ sung và phát triển qua nhiều kỳ đại hội đảng, chính là sự tổng kết thực tiễn, nghiêm túc trong nghiên cứu, bổ sung và phát triển lý luận trong từng giai đoạn cụ thể của cách mạng Việt Nam.

Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, giai đoạn thực hiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập quốc tế với xu hướng của cuộc cách mạng khoa học lần thứ tư... việc tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, bổ sung và phát triển lý luận của Đảng là yêu cầu cấp bách. Hơn nữa, cần nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng lý luận và bản lĩnh của Đảng trước hiện thực cuộc sống và sự chống phá của các thế lực thù địch.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.615.

Thứ ba, tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với giai cấp công nhân và nhân dân lao động, thực hiện mở rộng dân chủ, nâng cao quyền làm chủ của người dân. Theo đó, cần tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chế độ dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện; tạo cơ chế pháp lý để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong xây dựng, hoàn thiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thứ tư, đặc thù của nước ta hiện nay chỉ có một đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, tuy nhiên trong thực tiễn có nhiều tổ chức, hiệp hội quần chúng khác nhau, nên trong tổ chức và hoạt động lãnh đạo của Đảng cần chú ý quy tụ tạo lập sự đoàn kết thống nhất và sức mạnh của toàn xã hội trong sự nghiệp chung. Đồng thời cần đấu tranh với mọi biểu hiện đi ngược lại mục tiêu, lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Tóm lại, thời gian đã lùi xa, nhưng cùng với nhiều tư tưởng khác, tư tưởng về Đảng Cộng sản trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vẫn còn nguyên giá trị và có ý nghĩa thiết thực trong công tác xây dựng Đảng hiện nay cũng như trong hoạt động lãnh đạo của Đảng đối với giai cấp công nhân trong công cuộc thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình.

**TỪ NHỮNG LUẬN ĐIỂM TRONG
TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN,
SUY NGHĨ VỀ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

PGS. TS. LÊ VĂN LỢI*

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, tác phẩm do C. Mác và Ph. Ăngghen soạn thảo theo sự ủy nhiệm của Liên đoàn những người cộng sản và được công bố vào tháng 2/1948, là văn kiện cương lĩnh đầu tiên của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đây là tác phẩm đánh dấu sự hình thành về cơ bản chủ nghĩa Mác, bao gồm cả ba bộ phận hợp thành: triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học. Đã 170 năm trôi qua kể từ khi tác phẩm được công bố, lịch sử loài người đã trải qua nhiều biến cố, thăng trầm, nhưng tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vẫn khẳng định được sức sống bền vững, là ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới đấu tranh chống lại sự thống trị của giai cấp tư sản, lật đổ chủ nghĩa tư bản, xây dựng một xã hội không còn bóc lột, áp bức, bất công, mọi

* Vụ Quản lý khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

người được sống trong hòa bình, tự do, hạnh phúc và có điều kiện phát triển toàn diện năng lực của mình. Với cách mạng Việt Nam, chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, những nguyên lý cơ bản được trình bày trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* nói riêng được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta quán triệt, vận dụng sáng tạo đã mang lại sức mạnh to lớn cho nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong giai đoạn hiện nay, khi công cuộc đổi mới đất nước đang đi vào chiều sâu, nhiều vấn đề mới đặt ra từ thực tiễn trong nước và thế giới đòi hỏi phải tổng kết và giải đáp về mặt lý luận, những tư tưởng trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* càng thể hiện giá trị khoa học và ý nghĩa to lớn nhiều mặt đối với sự nghiệp cách mạng, nhất là đối với công tác tư tưởng, lý luận của Đảng.

Công tác tư tưởng, lý luận là bộ phận trọng yếu của công tác xây dựng Đảng, là hoạt động có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ. Nhiệm vụ của công tác tư tưởng, lý luận là xây dựng, củng cố, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng, đảm bảo đường lối, chủ trương của Đảng được hình thành, phát triển dựa trên nhận thức và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan, thể hiện rõ bản chất khoa học và cách mạng; đồng thời tuyên truyền, tập hợp nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, phấn đấu vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, bởi vậy, lẽ nhiên, những nguyên lý cơ bản trình bày trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là nội dung quan trọng của công tác

tư tưởng, lý luận. Nhưng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* không chỉ cung cấp cho công tác tư tưởng, lý luận hệ thống luận điểm khoa học về mục tiêu, con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa mà còn cung cấp phương pháp luận khoa học và những gợi mở quý báu về cách thức phát triển tư tưởng, lý luận để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn hiện nay.

Trước hết, từ những luận điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* soi chiếu vào công tác tư tưởng lý luận hiện nay có thể thấy, việc khẳng định lý tưởng, mục tiêu, con đường cách mạng phải trên cơ sở làm rõ quy luật khách quan của lịch sử.

Trong phần mở đầu *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định: “Hiện nay, đã đến lúc những người cộng sản phải công khai trình bày trước toàn thế giới những quan điểm, mục đích, ý đồ của mình”¹, và ở phần cuối cùng của tác phẩm, các ông còn nhấn mạnh: “Những người cộng sản coi là điều đáng khinh bỉ nếu giấu giếm những quan điểm và ý định của mình”², rằng những người cộng sản sẽ lật đổ toàn bộ trật tự xã hội hiện hành, để xây dựng một xã hội mới tốt đẹp hơn - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác khẳng định mục tiêu, lý tưởng cách mạng không phải chỉ dựa trên lòng nhiệt tình cộng sản mà quan trọng hơn, dựa trên sự phân tích làm rõ quy luật phát triển của xã hội loài người.

Theo các ông, diễn trình lịch sử xã hội loài người rất sinh động và phức tạp, nhưng chung quy lại, lịch sử loài người từ

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.595, 646.

khi phân chia thành giai cấp là lịch sử đấu tranh giai cấp: “Người tự do và nô lệ, quý tộc và bình dân, chúa đất và nông nô, thợ cả phường hội và thợ bạn, nói tóm lại, những kẻ áp bức và những người bị áp bức, luôn luôn đối kháng với nhau, đã tiến hành một cuộc đấu tranh không ngừng, lúc công khai, lúc ngầm ngầm, một cuộc đấu tranh bao giờ cũng kết thúc hoặc bằng một cuộc cải tạo cách mạng toàn bộ xã hội, hoặc bằng sự diệt vong của hai giai cấp đấu tranh với nhau”¹. Với quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã phân tích, làm rõ đấu tranh giai cấp thực chất nhằm giải quyết sự mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất không còn phù hợp với trình độ của nó. Chính việc giải quyết mâu thuẫn này là động lực phát triển xã hội, thúc đẩy xã hội tiến từ hình thái kinh tế - xã hội thấp lên hình thái kinh tế - xã hội cao hơn. Chủ nghĩa tư bản là một hình thái kinh tế - xã hội có trình độ phát triển rất cao về lực lượng sản xuất, nhưng vì sự tồn tại của nó dựa trên sự bóc lột giai cấp, nên nó không những không xóa bỏ giai cấp mà còn đẩy cuộc đấu tranh giai cấp lên đỉnh điểm.

Trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen tập trung làm rõ nguồn gốc thật sự của giá trị thặng dư và sự luân chuyển giá trị thặng dư thành tư bản, qua đó bóc trần bản chất bóc lột của giai cấp tư sản được che đậy bằng quan hệ sản xuất hàng hóa. Các ông còn chỉ rõ, chủ nghĩa tư bản đã chiến thắng chế độ phong kiến bằng sự mở rộng và phát triển của lực lượng sản xuất, nhưng “cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, chính cái nền

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.597.

tảng trên đó giai cấp tư sản đã sản xuất và chiếm hữu sản phẩm của nó, đã bị phá sập dưới chân giai cấp tư sản. Trước hết, giai cấp tư sản sản sinh ra những người đào huyệt chôn chính nó. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”¹. Những phân tích và luận giải của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác về tính tất yếu của cách mạng vô sản và vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, xây dựng xã hội mới không còn giai cấp là hết sức rõ ràng và thuyết phục, bởi quan điểm của các ông phản ánh quy luật khách quan.

Với *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã cung cấp cho chúng ta phương pháp luận đúng đắn trong phát triển lý luận, đó là luôn luôn nghiên cứu để phát hiện quy luật khách quan, tôn trọng quy luật khách quan. Chỉ có vậy, công tác tư tưởng, lý luận mới có sức sống, sức thuyết phục và thực sự thể hiện được vai trò mở đường, dẫn lối cho sự nghiệp đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.

Thứ hai, để lý luận cách mạng thực hiện được vai trò “mở đường” và “dẫn đường”, phải thường xuyên bổ sung, phát triển lý luận cho phù hợp với tình hình và yêu cầu của cách mạng. C. Mác và Ph. Ăngghen không bao giờ xem hệ thống lý luận của mình là khép kín và bất biến, ngược lại các ông luôn nhắc nhở những người cộng sản phải biết vận dụng sáng tạo và phát triển lý luận cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn cách mạng. Bản thân C. Mác và Ph. Ăngghen đã để lại cho các thế hệ cách mạng tấm gương mẫu mực về tinh thần tôn

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.613.

trọng lịch sử cũng như tinh thần đổi mới. Dương thời, tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* được xuất bản nhiều lần và mỗi lần xuất bản, C. Mác và Ph. Ăngghen lại nghiêm túc nhìn nhận, đánh giá lại nội dung của tác phẩm, xem có những luận điểm nào vẫn còn nguyên giá trị và những luận điểm nào đã bị lịch sử vượt qua. Song vì tôn trọng tính lịch sử, các ông không chỉnh sửa *Tuyên ngôn* mà bổ sung, phát triển tư tưởng của tác phẩm trong các lời tựa cho các lần xuất bản. Trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”* xuất bản năm 1872, các ông đã nhấn mạnh: “Mặc dầu hoàn cảnh đã thay đổi nhiều trong hai mươi lăm năm qua, nhưng cho đến nay, xét về đại thể, những nguyên lý tổng quát trình bày trong “Tuyên ngôn” này vẫn còn hoàn toàn đúng. Ở đôi chỗ, có một vài chi tiết cần phải xem lại. Chính ngay “Tuyên ngôn” cũng đã giải thích rõ ràng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đấy, không nên quá cùn nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối Chương II. Đoạn này, ngày nay mà viết lại thì về nhiều mặt, cũng phải viết khác đi”¹. Do điều kiện lịch sử, các nhà sáng lập của chủ nghĩa Mác chưa có điều kiện nghiên cứu sâu về quá trình xây dựng xã hội mới sau khi giai cấp công nhân giành được chính quyền. Hơn nữa, hoàn cảnh lịch sử hiện nay đã thay đổi nhiều so với thời kỳ C. Mác và Ph. Ăngghen, nên việc bổ sung, phát triển tư tưởng của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là hoàn toàn đúng với quan điểm của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác. Đối với Việt Nam, công cuộc đổi mới

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.128.

đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh đang đặt ra nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn đòi hỏi phải giải quyết. Bởi vậy, việc nghiên cứu, tổng kết và bổ sung, phát triển lý luận là vấn đề cấp bách hiện nay.

Thứ ba, những luận điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* giúp chúng ta thấy rõ, muốn phát triển lý luận phải đặc biệt chú trọng tổng kết thực tiễn, phát hiện và giải quyết những “điểm nghẽn” trong thực tiễn. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời là do yêu cầu đặt ra từ thực tiễn của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trong cuộc đấu tranh chống ách thống trị của giai cấp tư sản và xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Để viết tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã nghiên cứu, tổng kết thực tiễn lịch sử xã hội loài người, đặc biệt là nghiên cứu tổng kết thực tiễn đời sống xã hội đang diễn ra trong lòng chủ nghĩa tư bản. Chính bằng tổng kết thực tiễn trên cơ sở phương pháp luận duy vật lịch sử, các ông đã phát hiện ra quy luật phát triển cũng như động lực thực sự của lịch sử xã hội loài người; phát hiện ra bí mật ẩn giấu sau mỗi quan hệ giữa tư bản và lao động trong xã hội tư bản. Để đề xuất được những luận điểm có ý nghĩa đột phá trong nhận thức lý luận về vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, rằng giai cấp công nhân là người đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản, và để thực hiện được điều đó công nhân cần liên kết lại thành giai cấp tự giác dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, các ông đã nghiên cứu và tổng kết phong trào công nhân ở nhiều nước. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen không đưa ra những chân lý vĩnh cửu và áp đặt cho sự phát triển của lịch sử xã hội

loài người hay bắt phong trào cách mạng khuôn theo; ngược lại, các ông xuất phát từ hiện thực, phân tích, làm rõ các mối quan hệ trong đời sống thực tiễn, từ đó đúc rút thành các nguyên lý khoa học và cách mạng để hướng dẫn phong trào cách mạng.

Cách thức phát triển lý luận trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* có ý nghĩa phương pháp luận quý giá để phát triển lý luận, đó là lý luận phải gắn với thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn và giải đáp các vấn đề đặt ra từ thực tiễn, chứ không phải là những nguyên tắc lý trí mà hiện thực phải khuôn theo. Nhận thức rõ điều này, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã nhấn mạnh việc phải “đẩy mạnh tổng kết thực tiễn”, coi đó là phương thức quan trọng để phát triển tư tưởng, lý luận. Rõ ràng, lý luận phải xuất phát từ mảnh đất hiện thực, phản ánh đúng đắn các quan hệ hiện thực mới có sức sống. Trái lại, những thứ “lý luận bẩn vị” chỉ lý thuyết suông hay giáo điều máy móc không những không giúp gì cho việc cải biến hiện thực mà còn gây tác hại cho cách mạng. Bởi vậy, trong công tác tư tưởng, lý luận hiện nay, cần chú trọng hơn nữa đến tổng kết thực tiễn, sử dụng thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin để đột phá vào những vấn đề cơ bản và bức xúc đặt ra từ thực tiễn, qua đó mới có thể “Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn, hoàn thiện hệ thống các quan điểm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.201.

Thứ tư, tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* giúp chúng ta nhận thức rõ tầm quan trọng cũng như phương thức đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch để bảo vệ lý luận cách mạng. Trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã dành hẳn phần III với tiêu đề *Văn học xã hội chủ nghĩa và Cộng sản chủ nghĩa* để phê phán các lý luận ảo tưởng, sai lầm, phản động về chủ nghĩa xã hội. Các ông đã phân tích, đánh giá thẳng thắn về các học thuyết mang danh chủ nghĩa xã hội đương thời, như: chủ nghĩa xã hội phong kiến, chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, chủ nghĩa xã hội Đức hay chủ nghĩa xã hội chân chính, chủ nghĩa xã hội bảo thủ hay chủ nghĩa xã hội tư sản. Với mỗi hệ thống lý luận nêu trên, C. Mác và Ph. Ăngghen đều có sự phân tích làm rõ nguồn gốc, quá trình ra đời và phát triển, nội dung cốt lõi và đặc biệt là phê phán tính chất sai lầm, phản động của chúng. Riêng đối với lý luận của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không tưởng, các ông đánh giá cao tính nhân đạo, nhân văn, song cũng thẳng thắn phê phán những tư tưởng mang tính ảo tưởng của chúng. Các ông còn chỉ rõ, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không tưởng trong giai đoạn đầu khi mới ra đời còn có tính tích cực nhất định, nhưng trong giai đoạn giai cấp công nhân đã trưởng thành và hoạt động một cách tự giác, thì chúng ngày càng lạc hậu và gây tác hại cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Sở dĩ C. Mác và Ph. Ăngghen vạch rõ nguồn gốc, bản chất và tính chất sai lầm, phản động của các lý luận mang danh chủ nghĩa xã hội như vậy là nhằm bảo vệ lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác, đồng thời, giúp giai cấp công nhân quốc

tế tránh rơi vào thế giới quan phản khoa học. Sự phê phán của C. Mác và Ph. Ăngghen đối với những quan điểm sai lầm, phản động cho thấy, trong công tác tư tưởng, lý luận, đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Việt Nam là một nước thực hiện quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa từ một nước thuộc địa nửa phong kiến với trình độ lạc hậu. Bên cạnh đó, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cũng tạo điều kiện thuận lợi để nhiều học thuyết, lý luận ngoài mácxít được truyền vào nước ta. Theo quy luật của đời sống tinh thần, rất dễ nảy sinh những quan điểm mang màu sắc chủ nghĩa xã hội phong kiến, chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản hay thậm chí là chủ nghĩa xã hội tư sản. Mặt khác, trên trận địa tư tưởng, các thế lực thù địch luôn tìm cách chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng và chế độ, ra sức xuyên tạc, bóp méo, vu khống và bôi nhọ chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Bởi vậy, một trong những nhiệm vụ hàng đầu của công tác tư tưởng, lý luận là đấu tranh không khoan nhượng với các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ sự trong sáng và tính khoa học của nền tảng tư tưởng của Đảng. Để thực hiện điều đó, cần có sự phân loại cụ thể đối với các loại quan điểm, phân biệt rõ những quan điểm chưa thống nhất, còn có ý kiến khác nhau, những quan điểm sai lầm mang tính học thuật với những quan điểm sai trái, thù địch, chống phá cách mạng để có phương án và phương thức phê phán, đấu tranh hợp lý. Đồng thời, cần tuyên truyền để cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nhận thức rõ sự đúng đắn của nền tảng tư tưởng của Đảng và tính chất sai lầm, phản động của các quan điểm thù địch với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Thứ năm, công tác tư tưởng, lý luận phải làm cho lý luận thâm nhập được vào quần chúng, dẫn dắt quần chúng nhân dân hành động cách mạng. Trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định rõ: “Nhưng không một phút nào Đảng Cộng sản lại quên giáo dục cho công nhân một ý thức hết sức sáng rõ về sự đối kháng kịch liệt giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản”¹. Theo các ông, mục tiêu của việc giáo dục lý luận cho giai cấp công nhân là giúp họ có thế giới quan và lập trường đúng đắn và biết vận dụng vũ khí lý luận để tiến hành đấu tranh chống lại giai cấp tư sản. Như vậy, trong lúc tập trung bày bảy các nguyên lý cơ bản của cách mạng vô sản, các ông không hề xem nhẹ việc làm cho lý luận khoa học thâm nhập được vào lực lượng cách mạng. Chỉ dẫn đó của C. Mác và Ph. Ăngghen giúp chúng ta có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của công tác tuyên truyền giáo dục lý luận. Đồng thời, gợi mở cho chúng ta về nhiệm vụ đổi mới nội dung, phương pháp thực hiện công tác tư tưởng, lý luận, làm cho lý luận của Đảng thâm sâu vào quần chúng nhân dân, biến thành sức mạnh to lớn trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.645.

**TƯ QUAN NIỆM BẢN CHẤT NGƯỜI CỘNG SẢN
TRONG TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN
ĐẾN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG
“TỰ DIỄN BIẾN”, “TỰ CHUYỂN HÓA”
TRONG NỘI BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM HIỆN NAY**

PGS. TS. NGUYỄN MINH TUẤN*

**1. Quan niệm về bản chất người cộng sản trong
*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản***

Luận giải về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã chỉ ra rằng: sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản do địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp vô sản quy định. Cùng với sự phát triển của nền đại công nghiệp, các giai cấp khác bị phân hóa, suy tàn và tiêu vong, chỉ có giai cấp vô sản là phát triển cùng với sự phát triển của nền đại công nghiệp cả về số lượng và chất lượng. “Sự phát triển của công nghiệp không những đã làm tăng thêm số người vô sản, mà còn tập hợp họ lại thành những khối quần chúng lớn hơn”¹. Giai cấp vô sản là sản phẩm của nền đại

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.607.

công nghiệp, nền đại công nghiệp phát triển đòi hỏi giai cấp vô sản phải không ngừng nâng cao trình độ mọi mặt như học vấn, văn hóa, tay nghề, khoa học kỹ thuật, trình độ tổ chức, quản lý... Nền đại công nghiệp càng phát triển theo hướng hiện đại thì trình độ mọi mặt của giai cấp vô sản ngày càng được nâng lên, do vậy giai cấp vô sản là đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến và trí tuệ của thời đại.

Mặt khác, quá trình lao động sản xuất của giai cấp vô sản luôn gắn liền với nền sản xuất đại công nghiệp nên trong họ mang đầy đủ bản chất của giai cấp cách mạng, đó là: là giai cấp tiên tiến nhất; có ý thức tổ chức kỷ luật cao; có tinh thần đoàn kết giai cấp, đoàn kết quốc tế; có tinh thần dân tộc và yêu nước chân chính.

Như vậy, giai cấp tư sản trong quá trình tìm kiếm lợi nhuận của mình, thậm chí bằng mọi giá đã bóc lột sức lao động của giai cấp công nhân bằng giá trị thặng dư, lực lượng lao động rẻ mạt cho sự phát triển doanh nghiệp, tìm kiếm thêm lợi nhuận đã làm cho mâu thuẫn xã hội tăng nhanh. Do đó, chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất có sứ mệnh lịch sử và đủ khả năng lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng. “Giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những người công nhân hiện đại, những *người vô sản*¹ và “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”².

Hạt nhân lý luận trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là làm rõ tính khách quan, khoa học về sứ mệnh lịch sử thế

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.605, tr.613.

giới của giai cấp vô sản hay sợi chỉ đỏ xuyên suốt của tác phẩm là minh chứng cho cuộc cách mạng xã hội từ chế độ tư bản chủ nghĩa quá độ sang chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới. Sứ mệnh lịch sử trọng đại ấy được trao cho giai cấp công nhân. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* chỉ ra rằng: giai cấp vô sản không thể giải phóng mình nếu không đồng thời giải phóng toàn xã hội. Giai cấp vô sản cũng không thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử nếu không tổ chức thành chính đảng của giai cấp, Đảng được hình thành và phát triển xuất phát từ sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản. Đảng gồm những đảng viên - những người tiên phong của Đảng và tạo nên tính tiên phong của Đảng.

Sự trưởng thành của giai cấp vô sản được đánh dấu bằng sự ra đời của Đảng Cộng sản. Song, Đảng Cộng sản khác với toàn bộ giai cấp vô sản ở tính tiên phong. Tính tiên phong của Đảng thể hiện: tiên phong trong hành động thực tiễn và tiên phong về mặt lý luận. Vai trò tiên phong của Đảng bảo đảm cho Đảng tập hợp được giai cấp vô sản. Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện bảo đảm cho giai cấp vô sản hoàn thành sứ mệnh lịch sử toàn thế giới. Nhưng Đảng Cộng sản không phải là một đảng riêng biệt, Đảng là một bộ phận gắn liền với giai cấp. Lợi ích của Đảng thống nhất với lợi ích giai cấp. Mục đích của Đảng là mục đích của giai cấp, Đảng là đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào vô sản. Kết quả của phong trào vô sản không dừng lại ở sự ra đời của chính đảng mà còn biểu hiện ở chỗ giai cấp vô sản biết hành động theo sự lãnh đạo của Đảng.

Tuyên ngôn đã chỉ rõ: “Đảng có tính giai cấp”, đó là Đảng Cộng sản, tính giai cấp của Đảng chính là *tính chất giai cấp*

công nhân. Đảng mang tính giai cấp, đại diện cho lợi ích của giai cấp: ‘Những người cộng sản chỉ khác với các đảng vô sản khác trên hai điểm: một là, trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản; hai là, trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư sản, họ luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào’¹.

Theo C. Mác, Ph. Ăngghen, lợi ích của Đảng Cộng sản hoàn toàn thống nhất với lợi ích của toàn thể giai cấp công nhân, còn lợi ích của các đảng khác của giai cấp công nhân có thể chỉ thống nhất trên một số mặt hoặc một số mặt chỉ thống nhất trong một thời gian nhất định, trong từng quốc gia, dân tộc.

Tuy nhiên, hai ông cũng chỉ rõ, Đảng Cộng sản, đảng của giai cấp công nhân, song Đảng không đồng nhất với giai cấp công nhân, Đảng không phải là toàn bộ giai cấp công nhân. Đảng là một bộ phận của giai cấp, là lãnh tụ chính trị, đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân, bao gồm những người ưu tú nhất, giác ngộ cách mạng nhất, kiên quyết, tiên tiến nhất trong giai cấp công nhân.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã nói rõ mối liên hệ giữa những người cộng sản và những người vô sản ở tính cách mạng và tính tiên phong của những người cộng sản. C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng: ‘Những người cộng sản không phải là một đảng riêng biệt, đối lập với các đảng công nhân khác.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.614.

Họ tuyệt nhiên không có một lợi ích nào tách khỏi lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản.

Họ không đặt ra những nguyên tắc riêng biệt nhằm khuôn phong trào công nhân theo những nguyên tắc ấy”¹.

Đảng Cộng sản là đảng *triệt để cách mạng nhất* của giai cấp công nhân, nhưng lại không đối lập với các đảng khác của giai cấp công nhân. Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, đảng không phải là cái gì khác mà là hiện thân của giai cấp đã đạt tới trình độ tự giác. Khi giai cấp công nhân và phong trào công nhân phát triển đến trình độ tự giác thì xuất hiện lanh tụ chính trị.

Vì vậy, đảng tiên phong cả về lý luận và thực tiễn, *tiên phong trong hành động* và *tiên phong về lý luận*: “về mặt thực tiễn, những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất trong các đảng công nhân ở tất cả các nước, là bộ phận luôn thúc đẩy phong trào tiến lên về mặt lý luận, họ hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ là họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung của phong trào vô sản”².

Như vậy, *tiên phong về lý luận* và *tiên phong trong hoạt động thực tiễn* là những tính chất cơ bản của Đảng Cộng sản, đó là những điểm khác biệt căn bản và là sự nổi trội của những đảng viên cộng sản, so với công nhân và các thành viên của các đảng khác của công nhân. Lý luận ở đây chính là chủ nghĩa xã hội khoa học. Chính tính tiên phong của Đảng bảo đảm cho Đảng luôn giữ vững vai trò lãnh đạo, tập hợp được giai cấp vô sản và quần chúng nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh để thực hiện mục tiêu cách mạng.

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.614, 614-615.

2. Những chỉ dẫn trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* về bản chất giai cấp công nhân của Đảng đối với việc phòng, chống “tự dien biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng Cộng sản Việt Nam

Từ ngày thành lập Đảng đến nay, Đảng ta luôn trung thành với những tư tưởng vĩ đại trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Cách mạng Việt Nam càng phát triển càng khẳng định những nguyên lý cơ bản trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* nói riêng luôn là ánh sáng soi đường cho cách mạng Việt Nam.

Khi Đảng Cộng sản lãnh đạo giành được chính quyền, đảng viên của Đảng được bổ nhiệm, bầu cử, giới thiệu không chỉ vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng mà còn của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Khi đó, đảng viên, nhất là đảng viên là cán bộ trong bộ máy nhà nước phải trực tiếp xử lý các công việc có liên quan đến nhân dân. Đây chính là đặc điểm cơ bản nhất, ảnh hưởng, chi phối mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Lợi ích vật chất đã làm cho một số đảng viên không giữ được đạo đức cách mạng, *suy thoái về đạo đức cách mạng*.

Khi Đảng giành được chính quyền, đường lối của Đảng chi phối sự phát triển của đất nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nên chủ trương đó đúng hay không, có sức thuyết phục với đảng viên hay không và có được thực thi nghiêm túc hay không đều là một trong những nguyên nhân dẫn đến *suy thoái về tư tưởng chính trị*.

Tư tưởng chính trị của đội ngũ đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay là nhận thức, niềm tin và ý chí quyết tâm

thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng. Đó là sự thừa nhận nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thừa nhận vai trò duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội của Đảng Cộng sản, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Tư tưởng chính trị của đội ngũ đảng viên về cơ bản bao gồm nhận thức chính trị, niềm tin chính trị và ý chí chính trị - biểu hiện thành hành động chính trị của mỗi đảng viên.

Suy thoái về tư tưởng chính trị là sự giảm sút đến mức báo động về niềm tin của cán bộ, đảng viên đối với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội cũng như khả năng điều hành của Chính phủ. Là sự thay đổi theo chiều hướng xấu dần của cán bộ, đảng viên, có thể dẫn đến sự thay đổi hoàn toàn hệ tư tưởng.

Trong cuộc cách mạng giành chính quyền và trong suốt cuộc chiến tranh lâu dài, gian khổ chống đế quốc xâm lược để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, nhiều đảng viên vì lý tưởng cách mạng mà chiến đấu, hy sinh, thậm chí hy sinh cả tính mạng của mình. Tất nhiên vẫn có một số ít người quay lại hoặc quy hàng bởi không chịu được khó khăn, gian khổ, hy sinh. Nhân dân tôn kính, dân tộc tôn vinh và biết ơn sâu sắc đối với những con người đã hy sinh cho nền độc lập, tự do của dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Tuy nhiên, trong thời bình, xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa thì lý tưởng, niềm tin của một bộ phận cán bộ, đảng viên vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bị suy giảm. Sự suy giảm này đều có căn nguyên của nó.

Trước tiên, không thể không nói đến sự suy thoái về tư tưởng chính trị là do chính họ thiếu rèn luyện, lười học tập nâng cao trình độ, thiếu hiểu biết, đồng lõa, tán đồng với những tư tưởng, khuynh hướng chính trị lệch lạc hay chỉ do bản thân, cá nhân sống buông thả, bất mãn. Đúng như Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã phân tích: “Nguyên nhân sâu xa, chủ yếu của tình trạng suy thoái ở một bộ phận cán bộ, đảng viên trước hết là do bản thân những cán bộ, đảng viên đó thiếu tu dưỡng, rèn luyện; lập trường tư tưởng không vững vàng, hoang mang, dao động trước những tác động từ bên ngoài; sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, bị cám dỗ bởi các lợi ích vật chất, không làm tròn trách nhiệm, bốn phận của mình trước Đảng, trước dân”¹.

Bên cạnh đó, còn nguyên nhân khác không kém phần quan trọng của sự suy thoái về tư tưởng chính trị là tính khoa học, tính cách mạng của lý luận, sự giải đáp những vấn đề phát sinh về quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng trong điều kiện hội nhập quốc tế, trong thời đại bùng nổ thông tin và những vấn đề lợi ích của mỗi quốc gia, dân tộc. Đặc biệt là tệ tham nhũng, lãng phí hiện nay của đất nước mà nhiều nhiệm kỳ không ngăn chặn, đẩy lùi được, thậm chí có mặt, có lĩnh vực, tính chất và quy mô ngày càng tăng. Tuy đã có dấu hiệu tích cực từ sự quyết tâm của Trung ương, những người đứng đầu, nhưng sự chuyển biến chậm, nhất là còn nhiều địa phương “án binh bất động”.

Những nguyên nhân nêu trên đã được nhận diện từ lâu nhưng chưa giải quyết, khắc phục được. Nghị quyết Hội nghị

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.24-25.

lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII của Đảng đã nhận định: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước. Tình hình mâu thuẫn, mất đoàn kết nội bộ không chỉ ở cấp cơ sở mà ở cả một số cơ quan Trung ương”¹...

Hậu quả, hệ lụy của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII của Đảng đã chỉ rõ: “Nhiều tổ chức đảng, đảng viên còn hạn chế trong nhận thức, lơ là, mất cảnh giác, lúng túng trong nhận diện và đấu tranh, ngăn chặn “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; việc đấu tranh, phản bác những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, tổ chức phản động, phần tử cơ hội, bất mãn chính trị còn bị động, thiếu sắc bén và hiệu quả chưa cao. Trong khi đó, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên làm giảm sút vai trò lãnh đạo của Đảng; làm tổn thương tình cảm và suy giảm

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Sđd, tr.22.

niềm tin của nhân dân đối với Đảng, là một nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ”¹.

Đọc lại *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, mỗi đảng cầm quyền hiện nay không thể thỏa mãn với những thành tựu trên lĩnh vực kinh tế - xã hội mà phải nghiêm túc “xốc lại đội hình”, tự giác tự đổi mới, tự chỉnh đốn, kiên quyết đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch về xác định nền tảng tư tưởng hiện nay.

Về mặt lý luận, phát triển học thuyết Mác - Lênin trong điều kiện mới sẽ là cách tốt nhất để bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, nhất là trong điều kiện mới, để Đảng luôn *tiên phong trên lĩnh vực lý luận*.

Tập trung trí tuệ, phát huy tinh thần dân chủ, sáng tạo, xác lập chắc chắn những giá trị đích thực, trường tồn của một số quan điểm, nguyên tắc cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; làm sâu sắc hơn và khẳng định giá trị của những tư tưởng đó trong điều kiện mới và tiếp tục sự sáng tạo lý luận mới, giải đáp thỏa đáng những vấn đề thực tiễn đặt ra và thích ứng với tư tưởng tiến bộ trên thế giới hiện nay.

Nghiên cứu *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, chúng ta càng thấm thía sâu sắc rằng: Đảng chưa cầm quyền cũng vậy, Đảng cầm quyền cũng càng không thể lạc hậu về mặt lý luận. Phải tập trung nghiên cứu về tình hình thế giới, khu vực và vấn đề thời đại một cách sâu sắc, toàn diện. Cùng với việc nghiên cứu, khai thác những giá trị cốt lõi của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cần nghiên cứu

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Sđd, tr.22-23.

những trào lưu tư tưởng, học thuyết, lý thuyết mới nhằm cung cấp luận cứ khoa học làm cơ sở cho việc hoạch định đường lối, quan điểm của Đảng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra, đáp ứng đòi hỏi của đảng viên và nhân dân trong thời kỳ hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Về mặt thực tiễn, quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân trong đổi mới, chỉnh đốn Đảng sẽ là cách tốt nhất để lấy lại niềm tin của nhân dân đối với Đảng, nhất là trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng đội ngũ đảng viên thực sự *tiên phong trong hoạt động thực tiễn*.

Hiện nay, các thế lực thù địch, phản động đầy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình”, lợi dụng các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, dân tộc, tôn giáo và những yếu kém, sơ hở, mất cảnh giác của ta để xuyên tạc, bóp méo tình hình; cổ xúy cho lối sống hưởng thụ, thực dụng, ích kỷ, cá nhân chủ nghĩa; đồng thời, cấu kết với các phần tử cơ hội và bất mãn chính trị hoạt động ráo riết, chống phá cách mạng ngày càng tinh vi, nguy hiểm hơn.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa xã hội khoa học. Những nguyên lý mà C. Mác và Ph. Ăngghen trình bày trong tác phẩm là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho toàn bộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Trải qua mọi thử thách, hơn một thế kỷ qua, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã đặt ra nhiều vấn đề mới đòi hỏi phải giải quyết nhưng chủ nghĩa Mác không hề lỗi thời. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã đặt nền tảng tư tưởng cho những vấn đề về Đảng và xây dựng Đảng. Những tư tưởng đó có ý nghĩa thiết thực trong công tác xây dựng Đảng ta hiện nay.

**NHỮNG LUẬN ĐIỂM VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI
TRONG *TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN*
GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

PGS. TS. NGUYỄN VĂN LÝ*

Là văn kiện có tính chất cương lĩnh của phong trào công nhân và phong trào cộng sản, cương lĩnh lý luận và thực tiễn của đảng vô sản, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của C. Mác và Ph. Ăngghen lần đầu tiên được công bố trước toàn thế giới năm 1848, đánh dấu một bước ngoặt có tính lịch sử của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Với nền tảng tư tưởng, cương lĩnh trực tiếp mà *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đem lại, giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới đã trở thành một khối thống nhất cùng tiến tới vì mục tiêu chung. Tác phẩm “bằng hàng ngàn bộ sách”¹ này có ý nghĩa lịch sử to lớn, đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa Mác sau một loạt công trình tìm tòi, khám phá, phát hiện trước đó; đánh dấu sự chuyển biến của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng thành khoa học.

* Học viện Chính trị khu vực III.

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.10.

1. Trong các luận điểm cơ bản của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, các luận điểm về văn hóa, xã hội có ý nghĩa to lớn, góp phần định hình nền tảng lý luận để chỉ đạo hoạt động cải tạo thế giới của các chủ thể cách mạng. Từ góc độ văn hóa, xã hội, có thể khẳng định các luận điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, đặt con người, trước hết là người lao động, là mục tiêu của sự phát triển.

Tư tưởng giải phóng con người là nội dung cơ bản trong học thuyết của C. Mác và Ph. Ăngghen, là giá trị nhân văn cao cả của tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, là điểm xuất phát của các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học trong cách đặt vấn đề xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng. Xét về mặt xã hội, mục tiêu giải phóng con người, vì hạnh phúc thật sự của con người, hướng tới một xã hội “trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹ luôn là lý tưởng cao cả, là mục tiêu cuối cùng của loài người tiến bộ. Những đặc trưng đó chỉ có thể hiện hữu trong một xã hội mà sự phát triển hướng vào lợi ích của tất cả nhân dân lao động. Phác họa trong cả 4 phần của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là mô hình xã hội mà trong đó con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, có điều kiện để được phát triển toàn diện; con người là mục tiêu cao cả nhất của mọi cuộc đấu tranh giai cấp, mọi cuộc cách mạng, mọi quá trình phát triển. Mục đích của việc xóa bỏ chế độ chiếm hữu đó cũng chính là để giải phóng lực lượng sản xuất, “tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất lên”². Chỉ khi lực lượng sản xuất, trước

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.628, 626.

hết là người lao động, được giải phóng thì mới có năng suất lao động cao, sản phẩm xã hội dồi dào. Đó cũng chính là nền tảng vật chất tất yếu để xây dựng xã hội mới.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản khẳng định: sự vùng dậy của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản gắn với mục tiêu giải phóng người lao động bị áp bức trên toàn thế giới. Mục tiêu hướng tới của xã hội tiến bộ sau này được vận dụng trong xây dựng nền văn hóa vô sản. Bản chất của nền văn hóa vô sản theo thế giới quan Mác - Lenin cũng lấy việc phát triển con người là mục đích cao nhất. Các nhà nghiên cứu văn hóa chứng minh rằng, lịch sử của loài người là lịch sử tự giải phóng mình khỏi sự ràng buộc của tự nhiên bằng văn hóa và khẳng định sức mạnh của mình trong văn hóa. Như vậy, mục tiêu cuối cùng của một xã hội tiên tiến thống nhất với bản chất của một nền văn hóa tiến bộ. Sự phát triển của một xã hội theo đúng lý tưởng nhân văn là theo đúng bản chất của văn hóa. Đây không phải là sự gặp gỡ ngẫu nhiên mà là một xu hướng tất yếu sinh trong quá trình tìm kiếm con đường phát triển đúng quy luật của nhân loại. Điều đó, thêm một lần nữa khẳng định tư tưởng vì con người hàm chứa những giá trị văn hóa cao cả mà loài người hướng tới. Giá trị nhân bản, giá trị văn hóa của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là nằm ở tư tưởng “vạch thời đại” này.

Thứ hai, đề cao quyền tự do của con người.

Một trong những thành tựu của công cuộc giải phóng con người mà giai cấp vô sản hướng tới chính là đạt được sự tự do chân chính của chính con người - một tư tưởng nhân văn cao cả trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Trong phần II của tác phẩm, C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định rằng, trong xã

hội tư bản chỉ có nhà tư sản có tính độc lập và cá tính, còn cá nhân người lao động thì mất độc lập và cá tính. Do đó, phải xóa bỏ cá tính tư sản, tính độc lập tư sản và tự do tư sản - thứ tự do buôn bán và bóc lột sức lao động của người khác - để xây dựng một xã hội mới trong đó “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹.

Xuất phát từ thực tiễn lịch sử của nước Đức và một số nước ở châu Âu lúc đó, những mục đích và lợi ích trước mắt của giai cấp vô sản bấy giờ là đấu tranh đánh đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thực hiện quyền tự do dân chủ; còn tương lai của phong trào là đấu tranh chống lại ách áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản. “Tất cả những lời phản đối nhằm chống lại phương thức cộng sản chủ nghĩa của sự sản xuất và chiếm hữu những sản phẩm vật chất được tung ra, cũng là nhằm chống lại sự sản xuất và chiếm hữu những sản phẩm tinh thần. Nếu đối với người tư sản, sở hữu giai cấp bị thủ tiêu có nghĩa là chính sản xuất cũng bị thủ tiêu, thì đối với họ, văn hóa giai cấp bị thủ tiêu, cũng có nghĩa là văn hóa nói chung bị mất đi. Cái văn hóa mà người tư sản than tiếc là bị tiêu diệt đi đó, thì đối với đại đa số, chỉ là việc biến họ thành vật phụ thuộc vào máy móc mà thôi”². “Chủ nghĩa cộng sản không tước bỏ của ai cái khả năng đang chiếm hữu những sản phẩm xã hội cả. Chủ nghĩa cộng sản chỉ tước bỏ quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác”³. Việc giải phóng cá nhân phải gắn liền với giải phóng xã hội. Sự phát triển tự do của mỗi người phải gắn liền với một chế

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.628, 619, 618.

độ xã hội nhất định, một nhà nước nhất định. Vì vậy, phải xây dựng một nhà nước, một xã hội thực sự vì con người - xã hội cộng sản chủ nghĩa, trong đó không còn chế độ người bóc lột người. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, vấn đề này được đặt lên hàng đầu: “Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giải pháp và đổi kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹.

Thứ ba, bàn về “văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa”.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là một mẫu mực về phương pháp luận nghiên cứu văn học. C. Mác và Ph. Ăngghen đã dành trọn cả phần III tác phẩm của mình để bàn về *Văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa*. Theo hai ông, văn học có thể làm thay đổi nhận thức và hành động của dân chúng trong quá trình tham gia các hoạt động cải tạo xã hội. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* khẳng định: Các trào lưu xã hội chủ nghĩa xuất hiện như là một tất yếu lịch sử, vấn đề là xác định thái độ cụ thể với từng trào lưu. Tất cả các trào lưu xã hội chủ nghĩa phi vô sản đều là trở ngại cho việc ra đời của chính đảng cộng sản; cần phê phán các trào lưu xã hội chủ nghĩa phản động của giai cấp phong kiến, tầng lớp tiểu tư sản; bảo đảm thắng lợi cho việc truyền bá học thuyết của chủ nghĩa xã hội khoa học và phong trào công nhân.

Thấu hiểu tư tưởng này và nhận thức rõ vai trò của văn học trong việc truyền bá tư tưởng cho nhân dân, năm 1905,

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.628.

trên tờ *Đời sống mới*, V.I. Lênin đã đăng bài báo nổi tiếng “Tổ chức của đảng và văn học đảng”. V.I. Lênin đã phê phán mạnh mẽ những nhà văn không có tính đảng, những nhà văn siêu nhân và cho rằng sự nghiệp văn học phải trở thành một bộ phận trong sự nghiệp của giai cấp vô sản. V.I. Lênin đã phát triển tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen lên một tầm cao mới, đặt ra vấn đề xây dựng sự nghiệp văn học phải gắn với việc phát huy tính đảng và các thuộc tính khác của nó, có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa, có tinh thần cách mạng tiến công, bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân, có vai trò phản biện xã hội để thúc đẩy sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân đi tới thắng lợi cuối cùng.

Thứ tư, đề cao giá trị đạo đức vô sản.

Người cộng sản chủ trương xóa bỏ gia đình tư sản, khi chế độ tư bản bị xóa bỏ thì quan hệ gia đình tư sản cũng tiêu tan. Bởi vì quan hệ gia đình tư sản dựa trên tư bản, lợi nhuận cá nhân nhà tư sản, người phụ nữ bị coi như một công cụ sản xuất, dựa trên chế độ cộng thê, nạn mãi dâm chính thức và không chính thức. Tư sản đã chà đạp mõi liên hệ gắn bó người vô sản với gia đình. Người cộng sản không bịa ra tác động của xã hội đối với giáo dục vì nó là cái vốn sắn có mà chỉ thay đổi tính chất của sự tác động ấy và kéo giáo dục ra khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản mà thôi. Đạo đức gia đình tư sản được phác họa trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: “Đại công nghiệp phát triển càng phá hủy mọi mối quan hệ gia đình trong giai cấp vô sản và càng biến trẻ em thành những món hàng mua bán, những công cụ lao động đơn thuần, thì những lời huênh hoang của giai cấp tư sản về gia

đình và giáo dục, về những mối quan hệ thân thiết gắn bó con cái với cha mẹ, lại càng trở nên ghê tởm”¹. Qua *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, chúng ta thấy rằng, xã hội tư sản đã làm biến dạng không những quan hệ gia đình tư sản, mà cả quan hệ gia đình vô sản. Dưới ngòi bút phân tích sắc sảo của C. Mác và Ph. Ăngghen, đạo đức của con người trong xã hội tư sản được phơi bày qua các mối quan hệ giữa con người với con người, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, dân tộc... Xã hội cộng sản chủ nghĩa xóa bỏ đạo đức gia đình kiểu tư sản và thiết lập đạo đức gia đình vô sản, ở đó “Sự thống trị của giai cấp vô sản sẽ càng làm cho những sự cách biệt và những sự đối lập ấy mất đi nhanh hơn. Hành động chung của giai cấp vô sản, ít ra là ở những nước văn minh, là một trong những điều kiện đầu tiên cho sự giải phóng của họ. Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ. Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo”². C. Mác và Ph. Ăngghen nhận thấy cơ sở hình thành đạo đức là nền tảng kinh tế - xã hội, gắn liền với quá trình giáo dục, rèn luyện đạo đức và hoạt động thực tiễn của con người. Nền tảng đó đóng vai trò to lớn đối với sự hình thành, phát triển của đạo đức mới. Những giá trị đạo đức của giai cấp vô sản dưới chủ nghĩa tư bản sẽ tạo ra nền móng để hình thành đạo đức của xã hội tương lai, đó là đạo đức cộng sản, một kiểu đạo đức mang tính nhân văn, nhân đạo nhất trong lịch sử

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.620, 624.

phát triển của nhân loại. “Nếu như lợi ích đúng đắn là nguyên tắc của toàn bộ đạo đức thì do đó cần ra sức làm cho lợi ích riêng của con người cá biệt phù hợp với lợi ích của toàn thể loài người”¹.

Để dập tan luận điệu xuyên tạc chủ nghĩa cộng sản của giai cấp tư sản, bằng các luận điểm khoa học, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định và bảo vệ rất nhiều những nguyên lý nền tảng của chủ nghĩa cộng sản.

2. Các luận điểm về văn hóa, xã hội trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* không đứng độc lập trong một chương, mà vẫn chứa trong các nội dung quan trọng khác. Tư tưởng đặt con người là mục tiêu của sự phát triển chung của xã hội; đề cao tự do chân chính của con người; về đạo đức gia đình - xã hội vô sản; về văn học xã hội chủ nghĩa... từng bước được hiện thực hóa trong thực tiễn đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức được mục tiêu lâu dài, mục tiêu cuối cùng của cách mạng là giải phóng con người, xác định con đường cách mạng Việt Nam là con đường: “Làm cho nước An Nam được độc lập”², “Đem lại mọi quyền tự do cho nhân dân”³.

Trong quá trình cách mạng Việt Nam, nhất là từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (năm 1986), con người, vấn đề con người được hiểu một cách sâu sắc hơn, thực tế hơn, đúng như nó vốn có. “Sự quan tâm

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.199-200.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.22.

đến con người và thái độ tôn trọng lẫn nhau phải trở thành một tiêu chuẩn đạo đức trong mọi hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, nhất là trong các dịch vụ phục vụ nhân dân”¹. Tư tưởng này thể hiện rõ trong các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Các thước đo giá trị, thang giá trị mới trong đào tạo, sử dụng cán bộ, phát triển nguồn nhân lực được hình thành. Vấn đề lợi ích được giải quyết dần theo hướng “lợi ích của mỗi người, của từng tập thể và của toàn xã hội gắn bó hữu cơ với nhau, trong đó lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp”², bảo đảm hài hòa các lợi ích chung và riêng, chăm lo cả cuộc sống vật chất và cuộc sống tinh thần của con người. Con người Việt Nam được xác định là trung tâm của chiến lược phát triển đất nước, là chủ thể phát triển, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, do nhân dân làm chủ; trong đó “con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”. Tạo ra một xã hội với việc xác lập từng bước các điều kiện để con người có thể phát huy tốt nhất năng lực, bản chất của mình chính là mục tiêu cao cả của chủ nghĩa xã hội.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Tổng kết chỉ đạo lý luận: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986 - 2006)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.79.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.8.

Luận điểm nhân văn hướng tới mục tiêu phát triển vì con người của xã hội cộng sản trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* định hướng cho mục tiêu phát triển toàn diện con người trong văn hóa. Phát triển văn hóa chính là tạo các điều kiện thuận lợi để con người trở thành những chủ thể sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa. Việt Nam đang tiến hành xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong đó nội dung quan trọng là phải xây dựng con người phù hợp với yêu cầu đẩy mạnh sự phát triển đất nước theo hướng bền vững và phù hợp với xu thế của thời đại. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (năm 1998) về *xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc* xác định nhiệm vụ đầu tiên trong các nhiệm vụ là *xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới* với các đức tính cụ thể; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khoá XI (năm 2014) về *xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước* đã đưa ra mục tiêu: “Hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước”¹. Đảng ta khẳng định một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ Đại hội XII là “Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Các nghị quyết của Trung ương Đảng 2011 - 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.142.

vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh”¹.

Quan điểm về xây dựng con người, văn hóa Việt Nam của Đảng ta đã đề cập vấn đề đạo đức với những chuẩn mực của đạo đức vô sản mà C. Mác và Ph. Ăngghen đã phác thảo trong học thuyết của mình: “Xây dựng và phát huy lối sống “Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”; hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ môi trường; kết hợp hài hòa tính tích cực cá nhân và tính tích cực xã hội; đề cao trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn... xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh”². Việc phát triển văn hóa cũng đồng nghĩa với việc bảo đảm cho môi trường tự do, dân chủ trong hoạt động sáng tạo gắn với trách nhiệm công dân, khuyến khích và nuôi dưỡng nhân tài của đất nước, động viên, khuyến khích việc tạo dựng những giá trị văn hóa mới trong các lĩnh vực hoạt động sáng tạo.

Văn hóa, văn nghệ với những đặc trưng riêng dễ trở thành những công cụ truyền bá tư tưởng của các trào lưu

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr 219.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Các nghị quyết của Trung ương Đảng 2011 - 2015*, Sđd, tr.144-145.

khác nhau. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã phân tích khá rõ văn học của các trào lưu phản động và tác hại của nó. Văn hóa, văn nghệ của chúng ta trong bối cảnh mới càng mang trên vai sứ mệnh thiêng liêng. Phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác, Chủ tịch Hồ Chí Minh xem văn nghệ là “một mặt trận” và quan niệm văn hóa - văn nghệ là một công cụ, một thứ vũ khí sắc bén nhằm đập tan âm mưu của các thế lực thù địch trên lĩnh vực này. Đảng ta luôn khẳng định văn hóa - văn nghệ có sứ mệnh phục vụ các nhiệm vụ của cách mạng trong từng thời kỳ và gắn bó sâu sắc với đời sống của nhân dân. Các loại hình văn học, nghệ thuật giúp cho các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đi sâu vào quần chúng, thẩm nhuần trong ý thức và hoạt động của quần chúng để quần chúng tin và làm theo Đảng, hướng đến phục vụ nhân dân. Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 28/11/1987 của Bộ Chính trị đã khẳng định: “Văn hóa và văn học, nghệ thuật có tác dụng to lớn trong việc góp phần thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, có chức năng bồi dưỡng đạo đức, tình cảm và năng lực thẩm mỹ cho con người, thỏa mãn những nhu cầu văn hóa ngày càng tăng của nhân dân”¹. Mặt khác, văn hóa, văn nghệ phải góp phần đắc lực vào cuộc đấu tranh chống các thế lực thù địch đã và đang ra sức tiến hành các hoạt động phá hoại nước ta trên nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực tư tưởng với mục đích xuyên tạc, bịa đặt, bôi nhọ, nói xấu... chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.48, tr.479.

Rất nhiều luận điểm trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* có ý nghĩa trong công cuộc xây dựng và phát triển xã hội ngày nay trên con đường hướng đến xã hội cộng sản chủ nghĩa. Tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* không chỉ dừng lại ở một tác phẩm gắn với một giai đoạn lịch sử mà giá trị của nó vượt tầm thời gian, đi cùng với khát vọng cao cả của loài người tiến bộ.

Ra đời cách đây 170 năm, tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* mang tính khoa học và cách mạng, tính nhân văn sâu sắc, phù hợp với nguyện vọng của giai cấp vô sản và các tầng lớp lao động trên toàn thế giới trong xã hội bấy giờ. Trong điều kiện hiện nay, để nhận thức và vận dụng được các luận điểm này phải có cái nhìn biện chứng và phát triển. Có như vậy mới thấy hết giá trị to lớn về nhiều mặt của tác phẩm. Các luận điểm về văn hóa, xã hội trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* phải được hiểu như những định hướng trong sự vận dụng vào đường lối phát triển cụ thể của mỗi quốc gia, dân tộc; tuyệt nhiên không rập khuôn, máy móc, cứng nhắc. Đó chính là sức trường tồn trong tư tưởng của các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học - cơ sở để chúng ta tin tưởng vào con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn.

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ GIÁ TRỊ ĐỊNH HƯỚNG CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

PGS. TS. BÙI THỊ NGỌC LAN*

170 năm đã qua kể từ khi tác phẩm “*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*” ra đời, song nhiều luận điểm được nêu trong tác phẩm đến nay vẫn còn nguyên giá trị mà mỗi nước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội đều có thể vận dụng một cách sáng tạo phù hợp với điều kiện của nước mình. Đối với nước ta, con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà Việt Nam lựa chọn có sự định hướng soi rọi của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, rộng hơn là của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Sức sống của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* tiếp tục truyền cảm hứng đòi hỏi chúng ta cần bổ sung, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh mới.

170 năm trước, xuất phát từ nhu cầu phải xây dựng, phát triển lý luận để soi rọi cho thực tiễn phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại ách áp bức, bóc lột của giai

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

cấp tư sản trong chủ nghĩa tư bản, thay mặt Liên đoàn những người cộng sản, C. Mác và Ph. Ăngghen đã viết *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Tác phẩm được xuất bản vào tháng 2/1848. Từ khi ra đời, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* không chỉ là cương lĩnh chính trị của tổ chức này mà nó có sức lan tỏa nhanh chóng, mang tầm ảnh hưởng quốc tế, trở thành cương lĩnh cách mạng đầu tiên của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, ngọn cờ dẫn dắt con đường cách mạng thế giới. Đây là tác phẩm lý luận khoa học và cách mạng mang tầm khái quát cao nhất toàn bộ tiến trình của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và luận giải một cách khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh lật đổ sự áp bức thống trị hàng trăm năm tàn bạo của chủ nghĩa tư bản để cho ra đời một chế độ xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa, một xã hội mang bản chất nhân văn giải phóng con người.

Từ trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, các đảng cộng sản ở mỗi nước đều có thể tìm thấy những chỉ dẫn lý luận nền tảng để trên cơ sở đó vận dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn cách mạng nước mình. Giá trị, sức sống của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* phản ánh giá trị khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác. Giá trị, sức sống đó đã được thực tiễn kiểm nghiệm trong suốt 170 năm qua với mục tiêu xuyên suốt là giải phóng con người, thiết lập một xã hội trên thực tế mà ở đó “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.628.

Điểm nổi bật trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là bằng phương pháp luận duy vật biện chứng, C. Mác và Ph. Ăngghen đã luận giải một cách khoa học và cách mạng về tiến trình *phát triển lịch sử - tự nhiên* của nhân loại. Lý luận này tiếp tục được phát triển trong các tác phẩm sau đó của C. Mác và Ph. Ăngghen. Theo đó, sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa đã tạo ra những tiền đề hiện thực để phá hủy, tiêu diệt chính chủ nghĩa tư bản và một chế độ xã hội mới sẽ thay thế - đó là xã hội cộng sản chủ nghĩa. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* luận giải rằng: trong chủ nghĩa tư bản, “giai cấp tư sản không thể tồn tại nếu không luôn luôn cách mạng hóa công cụ sản xuất”¹ vì mục tiêu lợi nhuận, và ... bị thúc đẩy bởi nhu cầu về những nơi tiêu thụ sản phẩm, để mở rộng thị trường, chủ nghĩa tư bản thúc đẩy các cuộc chiến tranh xâm lược, ra sức bóc lột lao động làm thuê và xâm lấn khắp hoàn cầu².

Song chính quá trình “cách mạng hóa những quan hệ sản xuất, nghĩa là cách mạng hóa toàn bộ những quan hệ xã hội” đã khách quan tạo ra những điều kiện và tiền đề hiện thực để phủ định chủ nghĩa tư bản - bởi lẽ trong chủ nghĩa tư bản, mâu thuẫn giữa trình độ xã hội hóa của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đã trở nên gay gắt. Chính mâu thuẫn này khách quan đặt ra yêu cầu phải thiết lập những quan hệ sản xuất mới với trình độ xã hội hóa cao - tức là tất yếu phải thiết lập một chế độ sở hữu mới - *chế độ sở hữu xã hội* thì mới phù hợp với trình độ cao

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.600, 600-601.

của lực lượng sản xuất và tiếp tục tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất phát triển không ngừng. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* viết: “... Lịch sử công nghiệp và thương nghiệp không phải là cái gì khác hơn là lịch sử cuộc nổi dậy của lực lượng sản xuất hiện đại chống lại những quan hệ sản xuất hiện đại, chống lại những quan hệ sở hữu đang quyết định sự tồn tại và sự thống trị của giai cấp tư sản”¹. Như vậy, biện chứng chính là ở chỗ, chủ nghĩa tư bản càng phát triển thì càng gần đến chỗ bị sụp đổ, bởi vì chính trong lòng nó đang hình thành những yếu tố mới cách mạng để tiêu diệt chính nó - đó là cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cuộc cách mạng này sẽ được tiến hành qua hai bước: *Bước thứ nhất*, giai cấp công nhân lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, biến thành giai cấp thống trị, và giành lấy dân chủ về tay mình. *Bước thứ hai*, nhiệm vụ của Đảng Cộng sản là lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động sử dụng chính quyền như một công cụ có hiệu lực nhất để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới và đẩy nhanh sự phát triển của lực lượng sản xuất. Đồng thời *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* cũng gợi ý những biện pháp cần thực hiện để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Tuy nhiên, các ông cũng lưu ý rằng: “Trong những nước khác nhau, những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều”². Nói cách khác, C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ dẫn mỗi nước phải căn cứ vào hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của mình để vận dụng một cách sáng tạo những nguyên lý trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.604, 627.

Có thể nói toàn bộ những lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa (bao gồm mục tiêu, đặc trưng, con đường, các giai đoạn tiến hành, các biện pháp...) đã được phác thảo trên những nét căn bản nhất trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và nó tiếp tục được bổ sung, phát triển, làm rõ hơn trong các tác phẩm tiếp sau của chủ nghĩa Mác - Lênin. Khẳng định giá trị vững bền của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, V.I. Lênin viết: “Điểm chủ yếu trong học thuyết của Mác là ở chỗ nó làm sáng rõ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa”¹.

Đối với Việt Nam, những tư tưởng trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và trong toàn bộ học thuyết Mác - Lênin có giá trị lý luận nền tảng vô cùng quan trọng cho việc lựa chọn định hướng con đường phát triển của Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Vào thời điểm này, Việt Nam đang là một nước thuộc địa nửa phong kiến với hai mâu thuẫn cơ bản chi phối bóp nghẹt đời sống xã hội: mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp. Đã có nhiều cuộc đấu tranh yêu nước theo các hướng thử nghiệm khác nhau nhằm đánh đuổi thực dân xâm lược, đồng thời tìm tòi con đường đi cho cách mạng Việt Nam. Song tất cả đều rơi vào thế bế tắc. Câu hỏi cách mạng Việt Nam sẽ đi con đường nào luôn đau đớn thường trực và trở thành động lực thôi thúc mạnh mẽ các lực lượng yêu nước. Chỉ khi bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, đến với *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, câu hỏi đó mới có lời giải. Do vậy, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và chủ nghĩa Mác - Lênin thực sự có giá trị định hướng con đường phát triển của

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.23, tr.1.

Việt Nam đã được thực tiễn lịch sử kiểm chứng qua các giai đoạn phát triển của cách mạng nước ta.

Trên cơ sở vận dụng sáng tạo những tư tưởng trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã tìm ra con đường phát triển mang tính đặc thù của Việt Nam - đó là *con đường quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu*. Cách thức phát triển này cho phép giải quyết một cách triệt để cả hai mâu thuẫn, và con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là một tất yếu lịch sử mang tính đặc thù của Việt Nam đã được *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* soi rọi định hướng. Từ sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (năm 1975), cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo con đường phát triển rút ngắn (hay còn gọi theo phương thức quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa). Đây là sự lựa chọn đúng đắn đã được lịch sử Việt Nam chứng minh trong nhiều thập niên qua.

Tuy nhiên, sau đổ vỡ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô, Đông Âu và những khó khăn đang gấp phai của nhiều nước xã hội chủ nghĩa hiện thực còn lại, không ít người, bao gồm cả một số người cộng sản đã tỏ ra hoài nghi về con đường quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Họ cho rằng: Việt Nam cần xem xét lại con đường phát triển vì đó là sự phát triển vi phạm quy luật khách quan; và chủ nghĩa tư bản hiện đại đã thay đổi về bản chất, trở thành chủ nghĩa tư bản nhân đạo, vì dân. Do vậy, Việt Nam cần phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa để bảo đảm đúng quy luật.

Trước hết phải khẳng định rằng: chủ nghĩa tư bản hiện đại hiện nay đã phát triển mang tính toàn cầu và đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhất là trong lĩnh vực phát triển lực lượng sản xuất, khoa học - công nghệ hiện đại và hiện nay đạt đến trình độ cách mạng công nghiệp 4.0 với đặc trưng là ứng dụng rộng rãi những thành tựu của công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo để tạo ra nhiều sản phẩm thông minh kết nối toàn thế giới và giữa thế giới thực và thế giới ảo. Đây là điều kiện để chủ nghĩa tư bản có điều kiện thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển nhanh chóng, đồng thời có những điều chỉnh về chế độ phúc lợi xã hội, an sinh xã hội tiến bộ hơn trước, làm cho đời sống vật chất, tinh thần của công nhân và người lao động trong nhiều nước tư bản chủ nghĩa được cải thiện vượt bậc so với trước. Song bản chất “bóc lột” của chủ nghĩa tư bản vẫn không hề thay đổi. Trên thực tế, các nước tư bản phát triển nhất hiện nay vẫn đang phải đổi mới với nhiều vấn đề nan giải như: bất ổn xã hội, phân hóa giàu nghèo, tỷ lệ đói nghèo cao (năm 2014, tỷ lệ đói nghèo ở Mỹ là 17,4% và thuộc nhóm quốc gia có tỷ lệ chênh lệch giàu nghèo lớn nhất thế giới¹). Tình trạng bạo lực, xung đột sắc tộc; nạn khủng bố, người di cư khó kiểm soát, can thiệp áp đặt các nước... vẫn là bài toán khó đối với Mỹ và các nước Liên minh châu Âu. Người dân ở những nước này luôn phải sống trong cảnh lo âu thường trực vì bạo lực, bất ổn, tình trạng sử dụng vũ khí tràn lan không kiểm soát được có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Một cuộc sống như vậy chắc chắn

1. Xem <http://kenh14.vn/the-gioi/nhung-quoc-gia-co-chenh-lech-giau-ngheo-lon-nhat-the-gioi20150604112356805.chn>.

không phải là “thiên đường hạnh phúc” như nhiều người suy nghĩ. Do vậy, kiểu phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện nay không phải là một sự phát triển bền vững để Việt Nam có thể lựa chọn.

Những tư tưởng khoa học và phương pháp cách mạng của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, của chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn tiếp tục được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng sáng tạo trong công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Giá trị khoa học thể hiện trước hết ở chỗ giúp cho Đảng ta có cơ sở lý luận và phương pháp luận đúng đắn trong bổ sung, phát triển lý luận, tổng kết thực tiễn nhằm làm sáng tỏ hơn nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Hơn nữa, sau 30 năm đổi mới, mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng những thành tựu vĩ đại mà Việt Nam đã đạt được là khá toàn diện trên các lĩnh vực, sự thay đổi liên tục theo chiều hướng phát triển. Kinh tế Việt Nam từ chỗ tụt dốc chậm đáy vào năm 2012, đến nay 2017 đã có dấu hiệu phục hồi, phát triển khởi sắc và khá bền vững. Năm 2017, tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao 6,81% (là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng một thập niên trở lại đây) và nền tảng kinh tế vĩ mô dần được cải thiện: tỷ lệ lạm phát có xu hướng giảm rõ rệt, năm 2017 là dưới 5% (thấp hơn tỷ lệ lạm phát trung bình giai đoạn 2011 - 2017 là 6,5%). Tỷ lệ nợ công/GDP từ 63,6% (năm 2016), đã giảm xuống còn 62% (năm 2017). Tốc độ tăng nợ công cũng đang có xu hướng giảm dần: giai đoạn 2011 - 2015, tăng trưởng nợ công trung bình đạt 18,4%, năm 2016 tăng 15% và năm 2017 là 9%. Bởi chi ngân sách đang giảm, tỷ lệ chi thường xuyên trong chi ngân

sách đã giảm xuống còn 64,9% năm 2017 và dự kiến là 64% vào năm 2018. Cán cân thương mại cải thiện từ nhập siêu năm 2015 (3,2 tỷ USD), năm 2016 xuất siêu 2,68 tỷ USD và khả năng năm 2017 đạt thặng dư cán cân thương mại. Như vậy, tăng trưởng kinh tế đang tăng tốc trên nền tăng kinh tế vĩ mô vững chắc hơn¹. Diễn đàn Kinh tế thế giới xếp hạng năng lực cạnh tranh của Việt Nam tăng 5 bậc, lên thứ 55/137. Ngân hàng Thế giới xếp hạng về môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng 14 bậc, lên thứ 68/190 quốc gia, vùng lãnh thổ².

Chính trị - xã hội ổn định, niềm tin của dân đối với sự lãnh đạo của Đảng được củng cố nhờ những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế và nhất là sự chỉ đạo quyết liệt và hiệu quả của Đảng trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; những nỗ lực của Chính phủ trong nhiệm vụ kiến tạo phục vụ cải thiện môi trường đầu tư... cộng với uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được đánh giá cao... là những minh chứng cho thấy sự lựa chọn con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn theo đúng lý tưởng mà *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã soi sáng.

Tuy nhiên, con đường quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đến nay vẫn còn nhiều điểm cần phải được tiếp tục nghiên cứu để làm sáng tỏ. Điều này hoàn toàn đúng với tinh thần chỉ dẫn trong

1. Xem <http://vietnamnet.vn/vn/kinh-doanh/dau-tu/kinh-te-viet-nam-2017-va-trien-vong-2018-tang-truong-tren-nen-tang-vung-chac-421275.html>.

2. Xem <https://news.zing.vn/kinh-te-viet-nam-2017-nguoc-dong-lap-ky-luc-post808248.html>.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản. Do vậy, việc xác định thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nằm ở đâu trong chiềut dài phát triển của lịch sử nhân loại là điều cần thiết vì đó là cơ sở khách quan để xác định đặc điểm của đất nước, của thời đại và những cải biến xã hội tất yếu diễn ra; đồng thời trên cơ sở đó mà xác định đường lối, chủ trương, chính sách và phương pháp tổ chức thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc phù hợp. Nếu không xác định đúng vị trí của nó sẽ dễ dẫn đến những quyết sách chủ quan, duy ý chí.

Trong tác phẩm *Phê phán Cương lĩnh Gôta* (năm 1875), khi đưa ra quan niệm về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, C. Mác viết: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là *nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*”¹. Căn cứ vào định nghĩa này của C. Mác thì thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội chỉ có thể là thời kỳ nằm trong hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa và nằm ở giai đoạn đầu của hình thái này. Bởi vì theo định nghĩa của C. Mác, tiêu chí để nhận diện thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bắt đầu từ khi giai cấp công nhân tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và bắt tay vào thiết lập, xây dựng nhà nước của mình, đồng thời thiết lập “nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản” để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ chế độ mới, cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới qua hai giai đoạn, đây đồng thời là tinh thần mà *Tuyên ngôn*

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.19, tr.47.

của Đảng Cộng sản đã chỉ ra - đó là xã hội xã hội chủ nghĩa và tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Tuy nhiên, cũng cần làm rõ thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội liệu có trùng khít với giai đoạn đầu - nghĩa là xã hội xã hội chủ nghĩa hay không? Nếu đúng vậy thì có nghĩa là sau khi tiến hành xong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cũng có nghĩa là về cơ bản đã hoàn thành các nội dung, nhiệm vụ của giai đoạn đầu để bước vào giai đoạn cao - chủ nghĩa cộng sản.

Nghiên cứu về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa hội, một câu hỏi thường xuyên được đặt ra kể cả trong giới lý luận lẫn trong xã hội: Vậy khi nào kết thúc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Liệu có thể xác định được độ dài của nó hay không? Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (năm 2016), Đảng ta xác định “phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”¹, nói cách khác chưa đưa ra dấu mốc cụ thể. Cách diễn đạt này dẫn đến những tranh luận khác nhau.

Chúng tôi cho rằng: sẽ khó có thể đưa ra được thời hạn cụ thể của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bởi vì, thời kỳ này dài hay ngắn là phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi nước, trước hết là phụ thuộc vào năng lực lãnh đạo của đảng cầm quyền và sự đồng thuận của nhân dân (tức là niềm tin, sự ủng hộ và tính tích cực chính trị - xã hội của nhân dân đối với Đảng). V.I. Lenin đã từng nói: Đảng phải đại biểu cho lương tri và trí tuệ của thời đại. Nếu tạo được sự hòa quyện, gắn kết chặt chẽ giữa hai yếu tố này thì thời kỳ quá độ sẽ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.11.

sớm qua mau, nói cách khác xã hội xã hội chủ nghĩa sẽ sớm trở thành hiện thực. Ngược lại, nếu Đảng và Nhà nước mắc những sai lầm lớn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý; nếu tổ chức đảng yếu kém, nhiều cán bộ, đảng viên suy thoái đạo đức, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” tư tưởng và tham nhũng thì chắc chắn sẽ không nhận được sự đồng thuận của nhân dân. Trong trường hợp này, độ dài của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội khó mà xác định, thậm chí những thành quả mà giai cấp công nhân và nhân dân lao động đã đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng rất có thể sẽ bị tiêu tan. Bài học của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sẽ mãi là lời cảnh tỉnh có giá trị đối với các nước trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, nếu nhìn vào nền kinh tế và thể chế chính trị - xã hội toàn cảnh Việt Nam qua hơn 30 năm đổi mới, nhất là những thành tựu đạt được trong phát triển kinh tế và những thay đổi trong thiết chế xã hội, cải cách kinh tế - xã hội theo chiều hướng tích cực đi lên, và nếu kinh tế - chính trị thế giới không có những biến động lớn tác động đến Việt Nam thì mục tiêu Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại nhiều khả năng sẽ đạt được vào những năm giữa thế kỷ XXI. Song điều này chỉ thành hiện thực khi toàn dân đồng sức đồng lòng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới, sáng tạo liên tục để kiên định mục tiêu con đường đã chọn. Cho dù còn nhiều khó khăn, thách thức ở phía trước, song con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và chủ nghĩa Mác - Lênin soi sáng mãi là lý tưởng mà Việt Nam phải kiên định và phấn đấu đạt được.

**TRÁCH NHIỆM DÂN TỘC, NGHĨA VỤ QUỐC TẾ
CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN
TRONG TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN
VÀ Ý NGHĨA ĐỔI VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI
Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

PGS. TS. PHAN THANH KHÔI*

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là tác phẩm vĩ đại đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa Mác. Ở tác phẩm này, một trong những nội dung được C. Mác và Ph. Ăngghen nêu lên là trách nhiệm dân tộc, nghĩa vụ quốc tế lớn lao của giai cấp công nhân, nội dung đến nay vẫn còn ý nghĩa sâu sắc đối với công cuộc đổi mới ở nước ta.

1. Quan hệ dân tộc mang tính chất thế giới là một tất yếu

Vào những năm 40 thế kỷ XIX, phương thức sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa đã phát triển cao ở châu Âu và đang lan tỏa ra khắp các châu lục. Từ đó, dân xuất hiện “tính chất

* Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

thế giới” của nền sản xuất là cơ sở để hình thành các quan hệ mới chung khác. C. Mác và Ph. Ăngghen viết: “Do b López niken thị trường thế giới, giai cấp tư bản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính chất thế giới”¹ và “Vì luôn luôn bị thúc đẩy bởi nhu cầu về những nơi tiêu thụ sản phẩm, giai cấp tư sản xâm lấn khắp toàn cầu. Nó phải xâm nhập vào khắp nơi, trụ lại ở khắp nơi và thiết lập những mối liên hệ ở khắp nơi”².

Dưới góc độ dân tộc (quốc gia dân tộc), C. Mác và Ph. Ăngghen cho hay, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ấy đã làm cơ sở, một mặt, hình thành nên một cách rõ nét những dân tộc ở châu Âu, mà trong điều kiện của chủ nghĩa phong kiến cát cứ, chia cắt không thể có được; mặt khác, tạo ra mối quan hệ, sự phụ thuộc quốc tế giữa các dân tộc. Về sự hình thành dân tộc, C. Mác và Ph. Ăngghen viết: “Những địa phương độc lập, liên hệ hâu như chỉ bởi những quan hệ liên minh và có những lợi ích, luật lệ, chính phủ, thuế quan khác, thì đã được tập hợp lại thành một dân tộc *thống nhất*, có một chính phủ *thống nhất*, một luật pháp *thống nhất*, một lợi ích dân tộc *thống nhất* mang tính giai cấp và một hàng rào thuế quan *thống nhất*”³.

Về mối quan hệ và phụ thuộc quốc tế, các ông chỉ rõ, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, “... nó đã làm cho công nghiệp mất cơ sở dân tộc. Những ngành công nghiệp dân tộc cũ đã bị tiêu diệt và đang ngày càng bị tiêu diệt. Những ngành công nghiệp dân tộc bị thay thế bởi những ngành công nghiệp mới, tức là những ngành công nghiệp mà việc du nhập chúng trở

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.601, 603.

thành một vấn đề sống còn đối với tất cả các dân tộc văn minh, những ngành công nghiệp không dùng những nguyên liệu bản xứ mà dùng những nguyên liệu đưa từ những miền xa xôi nhất trên trái đất đến và sản phẩm làm ra không những được tiêu thụ ngay trong xứ mà còn được tiêu thụ ở tất cả các nơi trên trái đất nữa. Thay cho những nhu cầu cũ được thỏa mãn bằng những sản phẩm trong nước, thì nảy sinh ra những nhu cầu mới, đòi hỏi được thỏa mãn bằng những sản phẩm đưa từ những miền và xứ xa xôi nhất về. Thay cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và các dân tộc vẫn tự cung tự cấp, ta thấy phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc”¹.

Mỗi quan hệ và sự phụ thuộc này, không chỉ về mặt kinh tế - vật chất mà cả về mặt tinh thần. C. Mác và Ph. Ăngghen viết tiếp rằng: “Mà sản xuất vật chất đã như thế thì sản xuất tinh thần cũng không kém như thế. Những thành quả của hoạt động tinh thần của một dân tộc trở thành tài sản chung của tất cả các dân tộc. Tính chất đơn phương và phiến diện dân tộc ngày càng không thể tồn tại được nữa; và từ những nền văn học dân tộc và địa phương, muôn hình muôn vẻ, đang nảy nở ra một nền văn học toàn thế giới”².

Như vậy, quan hệ dân tộc và liên hệ quốc tế mang tính tất yếu, thế nhưng lại bị sự chi phối quyết định của tính chất và lợi ích *giai cấp tư sản*. Với quan điểm khoa học và khách quan, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen vừa cho thấy những yếu tố tích cực mà nền sản xuất lớn - công nghiệp hiện đại tư bản chủ nghĩa mang lại,

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.601-602, 602.

đồng thời vạch ra những *tác hại, tiêu cực* mà nó gây ra. Trong đó, trước hết, là sự bóc lột nặng nề của giai cấp tư sản đối với giai cấp công nhân. Sự bóc lột này không chỉ trong công xưởng, nhà máy, mà cả bên ngoài, không chỉ từ một ông chủ, mà cả giai cấp tư sản: “Một khi người thợ đã bị chủ xưởng bóc lột và đã được trả tiền công rồi thì anh ta lại trở thành miếng mồi cho các phần tử khác trong giai cấp tư sản: chủ nhà cho thuê, chủ hiệu bán lẻ, kẻ cho vay nặng lãi, v.v..”¹.

Còn đối với các dân tộc, tính chất tư sản của kinh tế, chính trị tư sản gây ra là sự xâm lược, bóc lột thuộc địa, gây mâu thuẫn giữa các dân tộc, mất tính độc lập dân tộc... Giai cấp tư sản - “Nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản. Nói tóm lại, nó tạo ra cho nó một thế giới theo hình dạng của nó.

Giai cấp tư sản bắt nông thôn phải phục tùng thành thị. Nó lập ra những đô thị đồ sộ; nó làm cho dân số thành thị tăng lên phi thường so với dân số nông thôn, và do đó, nó kéo một bộ phận lớn dân cư thoát khỏi vòng ngu muội của đời sống thôn dã. Cũng như nó đã bắt nông thôn phải phụ thuộc vào thành thị, bắt những nước dã man hay nửa dã man phải phụ thuộc vào các nước văn minh, nó đã bắt những dân tộc nông dân phải phụ thuộc vào những dân tộc tư sản, bắt phương Đông phải phụ thuộc vào phương Tây”².

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.606, 602.

2. Giai cấp công nhân phải giành lấy trách nhiệm dân tộc và nghĩa vụ quốc tế

Tính chất tư sản của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và của chế độ tư bản nói chung cũng sẽ dẫn tới mâu thuẫn ngày càng tăng giữa lực lượng sản xuất công nghiệp lớn đã xã hội hóa với quan hệ sản xuất chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, dẫn tới cuộc *cách mạng vô sản* mà trong đó, giai cấp công nhân là động lực của phong trào. Sứ mệnh lịch sử này, buộc giai cấp công nhân phải giành lấy trách nhiệm dân tộc và nghĩa vụ quốc tế, đặt trong tiến trình chung của cách mạng vô sản, để giải phóng mình, giải phóng dân tộc và nhân loại khỏi tính chất tư sản của các quan hệ dân tộc và quốc tế.

a) Về trách nhiệm dân tộc

Giai cấp tư sản lo sợ trước cách mạng vô sản, họ đã xuyên tạc bản chất cuộc cách mạng này và “Ngoài ra, người ta còn buộc tội những người cộng sản là muốn xóa bỏ tổ quốc, xóa bỏ dân tộc”¹. Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, “Công nhân không có tổ quốc. Người ta không thể cướp của họ cái mà họ không có”². Nghĩa là giai cấp công nhân trong chủ nghĩa tư bản là giai cấp làm thuê, nô lệ của thời hiện đại, không có quyền làm chủ đất nước mà là giai cấp tư sản làm chủ, cho nên, trách nhiệm dân tộc của giai cấp công nhân, *trước hết* là “Phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên trở thành dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc...”³. Hay nói cách khác, “... bước thứ nhất trong cách mạng công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ”⁴.

1, 2, 3, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.623, 623-624, 626.

C. Mác và Ph. Ăngghen nhấn mạnh rằng, bước cách mạng này của công nhân phải dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản. Các đảng cộng sản: "... tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy chính quyền"¹. Và bước cách mạng này diễn ra với các hình thức, nhưng cao độ là "giai cấp vô sản thiết lập sự thống trị của mình bằng cách dùng bạo lực lật đổ giai cấp tư sản"².

Sau khi có *chính quyền*, giai cấp công nhân, cũng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, cùng toàn thể nhân dân thực hiện *bước tiếp theo* là cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Bước tiếp này, C. Mác và Ph. Ăngghen lưu ý trước hết đến "xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản"³, "đảo lộn toàn bộ phương thức sản xuất"⁴. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* nêu rõ: "Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất"⁵.

Chế độ sở hữu tư sản bị xóa bỏ cũng có nghĩa là xóa bỏ tận gốc sự bóc lột lao động, áp bức giai cấp. Xã hội mới sẽ đem lại *tự do và hòa bình* cho dân tộc, đúng như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* nêu rõ: "Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ. Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội

1, 2, 3, 4, 5. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.615, 612, 615, 627, 626.

bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo”¹.

b) Về nghĩa vụ quốc tế

Giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng, không chỉ đi đầu trong phong trào giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, mà quá trình đó còn là đi đầu đối với nghĩa vụ quốc tế. Vấn đề này mang tính *tất yếu*, như đã nói ở trên, trong thời kỳ công nghiệp hiện đại và sản xuất lớn ngày càng xã hội hóa, thì mỗi vấn đề của quốc gia, dân tộc đều có mối liên hệ quốc tế.

Do vậy, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân phải mang *bản chất quốc tế*, *nội dung quốc tế*, *đoàn kết quốc tế*. Tính dân tộc của cách mạng vô sản chỉ là hình thức, tức phù hợp với dân tộc và trước hết tiến hành ở từng dân tộc mà thôi: “Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc. Đương nhiên là trước hết, giai cấp vô sản ở mỗi nước phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã”².

Giai cấp tư sản là một thế lực quốc tế, có sức mạnh bạo lực chính trị to lớn, và ở vào giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, nên ở thời điểm ra đời *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, như C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ rõ: “Hành động chung của giai cấp vô sản, ít ra là ở những nước văn minh, là một trong những điều kiện đầu tiên cho sự giải phóng họ”³.

Vì vậy, theo chủ nghĩa quốc tế vô sản, “VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, ĐOÀN KẾT LẠI”⁴ là nguyên tắc chiến lược của phong trào giải phóng giai cấp và dân tộc của giai cấp

1, 2, 3, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.624, 611, 624, 646.

công nhân. Giai cấp công nhân và nhất là những người cộng sản, những đảng cộng sản phải nêu cao trách nhiệm quốc tế vì sự nghiệp chung trong đấu tranh cách mạng: "... trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản; hai là, trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư sản, họ luôn luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào”¹.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân mang bản chất quốc tế và nghĩa vụ quốc tế đã được thử thách qua mấy thế kỷ của đấu tranh cách mạng. Và một trong những nghĩa vụ quốc tế đầu tiên, chính là sự ra đời tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* - Cương lĩnh của tổ chức đảng cộng sản mang tên: *Đồng minh những người cộng sản*. C. Mác và Ph. Ăngghen viết: Những người cộng sản “thuộc các dân tộc khác nhau đã họp ở Luân Đôn và thảo ra bản “Tuyên ngôn” dưới đây, công bố bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Italia, tiếng Phlamăng và tiếng Đan Mạch”².

Từ đó đến nay, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, vẫn soi sáng cho con đường cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, chỉ ra trách nhiệm dân tộc và nghĩa vụ quốc tế lớn lao của phong trào vô sản.

3. Ý nghĩa đối với công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã chỉ ra “tính chất thế giới” của nền sản xuất tư bản và mối quan hệ khắp nơi của các dân tộc... là tinh thần mà ngày nay thể hiện một cách toàn

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.614, 595.

diện, sâu sắc trong khái niệm “toàn cầu hóa”. Toàn cầu hóa đòi hỏi *đường lối hội nhập quốc tế* trên cơ sở lập trường mácxít, giải quyết một cách sáng tạo những vấn đề dân tộc và quốc tế.

Trong công cuộc đổi mới, Đảng ta đã rút ra bài học, trả lời một cách khoa học và đổi mới về đường lối này là: “... phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”¹.

Tích cực, chủ động hội nhập quốc tế và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trên mọi lĩnh vực, nhưng phương châm phải luôn nắm vững là: Hội nhập nhưng bị không hòa tan, trên tất cả các phương diện, nhất là *văn hóa*. Nên văn hóa hội nhập của nước ta là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Trách nhiệm cao cả của giai cấp công nhân ta đối với dân tộc là phải xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân và toàn thể dân tộc Việt Nam hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Để đạt mục tiêu trên cho dân tộc ta, thì động lực mạnh mẽ nhất chính là xây dựng được khối *đại đoàn kết toàn dân tộc*. Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta nêu rõ: “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.69-70.

lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo¹.

Đối với quốc tế, Đảng ta nhiều lần nhấn mạnh tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác, cùng phát triển, bình đẳng và cùng có lợi; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Thực hiện đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng, trong thời gian qua, hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế của nước ta đã đạt được *nhiều kết quả quan trọng*. Môi trường hòa bình thuận lợi cho phát triển, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ tiếp tục được giữ vững. Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu. Quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong ASEAN được củng cố. Đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, toàn diện với nhiều nước. Hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, góp phần quan trọng vào việc tăng cường nguồn lực cho phát triển, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chủ động, tích cực tham gia các công việc chung của cộng đồng quốc tế, các diễn đàn, tổ chức khu vực và quốc tế, nâng cao vị thế của đất nước. Đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân được triển khai đồng bộ, hiệu quả, có bước phát triển mới².

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.158.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.151-152.

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ HIỆN THỰC TRONG XÂY DỰNG ĐẢNG TA

TS. VĂN THỊ THANH MAI*

ThS. ĐINH QUANG THÀNH**

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là tác phẩm kinh điển cô đọng của chủ nghĩa xã hội khoa học, giữ địa vị đặc biệt quan trọng trong kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Sự ra đời của tác phẩm đánh dấu bước ngoặt căn bản thời kỳ lịch sử phát sinh và phát triển của chủ nghĩa Mác; đặt nền tảng tư tưởng cho những vấn đề về Đảng và xây dựng Đảng Cộng sản, có ý nghĩa thiết thực trong công tác xây dựng Đảng ta hiện nay.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là thế giới quan khoa học dựa trên sự kế thừa và phát triển những tư tưởng tiên tiến nhất của thời đại. Tác phẩm ra đời đánh dấu sự hình thành về cơ bản lý luận của chủ nghĩa Mác, bao gồm ba bộ phận hợp thành: triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa cộng sản khoa học. Vì vậy, ngay từ lúc ra đời, *Tuyên ngôn của*

* Ban Tuyên giáo Trung ương.

** Đại học Giao thông vận tải.

Đảng Cộng sản đã là cương lĩnh trực tiếp chỉ đạo các đảng cộng sản và phong trào công nhân thế giới trong cuộc đấu tranh thoát khỏi ách nô lệ tư bản chủ nghĩa, tiến tới xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh và tốt đẹp. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* được trình bày làm 4 phần, với nội dung rất phong phú; trong đó, *Phân I: Những người tư sản và những người vô sản*, *Phân II: Những người vô sản và những người cộng sản*, *Phân III: Văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa*, *Phân IV: Thái độ của những người cộng sản với các đảng đối lập*. Cuối tác phẩm là khẩu hiệu của những người cộng sản: “VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NUỐC, ĐOÀN KẾT LẠI!”.

170 năm sau khi ra đời, *Tuyên ngôn* vẫn luôn là nền tảng tư tưởng và là kim chỉ nam cho hành động của phong trào cộng sản và công nhân thế giới; tiếp tục đồng hành và soi sáng con đường tiến lên của cách mạng thế giới, phù hợp với quy luật của thời đại. Trong mỗi chặng đường cách mạng, mỗi thắng lợi trong sự nghiệp đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới lại càng khẳng định tính chất khoa học và cách mạng, đồng thời làm phong phú thêm những tư tưởng vượt thời đại và trường tồn của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản và chính đảng tiên phong

Nội dung cơ bản trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã khẳng định: Hai nguyên lý của chủ nghĩa Mác là phương thức sản xuất và trao đổi kinh tế cùng với cơ cấu xã hội của phương thức đó quyết định sự hợp thành nền tảng của xã hội; lịch sử phát triển của xã hội có giai cấp là lịch sử của

đấu tranh giai cấp; giai cấp vô sản chỉ có thể tự giải phóng khỏi tình trạng bị áp bức, bóc lột, nếu đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn bộ xã hội khỏi tình trạng bị áp bức, bóc lột, phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp; vai trò, chiến lược, sách lược của Đảng Cộng sản; đập tan những huyền thoại về “bóng ma cộng sản” do các thế lực chính trị phản động đang loan truyền ở châu Âu khi đó, v.v.. Trong đó, “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹ chính là quan điểm nhân đạo chủ nghĩa cao cả, thâm sâu vào mọi quan hệ giữa người và người; là sự nhất trí hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội sẽ được xác lập một cách công bằng, văn minh trong xã hội cộng sản.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, lịch sử phát triển của xã hội loài người từ khi chế độ cộng sản nguyên thủy tan rã cho tới nay chính là lịch sử đấu tranh giai cấp, là cuộc đấu tranh giữa các giai cấp bị áp bức, bóc lột và giai cấp bóc lột, và sự vận động của lịch sử xã hội hiện đại chính là cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Cuộc đấu tranh đó đưa tới sự diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. Song, C. Mác và Ph. Ăngghen đã nhấn mạnh rằng, điều đó sẽ không tự động diễn ra. Kẻ đào huyệt chôn chế độ tư bản thuộc về giai cấp vô sản - giai cấp do chính xã hội tư bản sản sinh ra: “Giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những công nhân hiện đại, những người vô sản”²; “sự sụp đổ của giai

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.628, 605.

cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”¹. Cũng theo hai ông, không một giai cấp thống trị nào lại tự nguyện rút lui khỏi vũ đài lịch sử, vì vậy, việc lật đổ giai cấp tư sản thống trị chỉ có thể thành công bởi một cuộc đấu tranh giai cấp do chính giai cấp vô sản thực hiện. Và điều kiện để bảo đảm cho thắng lợi đó chính là sự lãnh đạo của một chính đảng và sự ra đời của Đảng Cộng sản là yêu cầu tất yếu để bảo đảm cho giai cấp vô sản hoàn thành sứ mệnh lịch sử “đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản”. Thực tế cũng cho thấy, những cuộc đấu tranh trong lòng chế độ tư bản chủ nghĩa đã tạo điều kiện cho giai cấp vô sản đoàn kết thành tổ chức và sự tổ chức ấy sẽ hình thành chính đảng. Sự tồn tại, phát triển của Đảng Cộng sản vì sứ mệnh của giai cấp vô sản; và Đảng Cộng sản chỉ kết thúc vai trò khi sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản đã hoàn thành.

Học thuyết về chính đảng vô sản - đội tiên phong của giai cấp vô sản, người tổ chức và lãnh đạo giai cấp vô sản được C. Mác và Ph. Ăngghen trình bày rõ trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Trong đó, hai ông cho rằng, việc thành lập một chính đảng cách mạng với tư cách này là điều kiện tiên quyết để giai cấp vô sản giành lấy chính quyền và xây dựng chế độ xã hội mới. Chính đảng của giai cấp vô sản này “tuyệt nhiên không có một lợi ích nào tách khỏi lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản”², vì “luôn luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào”³ và cũng “không đặt ra những nguyên tắc riêng biệt nhằm khuôn phong trào vô sản theo những nguyên tắc ấy”⁴. Đó “không phải là một đảng riêng biệt, đối lập với

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.613, 614.

các đảng công nhân khác”¹, mà là “bộ phận kiên quyết nhất trong các đảng công nhân ở tất cả các nước”², “luôn luôn thúc đẩy phong trào tiến lên”³...

Khẳng định vai trò tiên phong của chính đảng vô sản, C. Mác và Ph. Ăngghen cũng đồng thời chỉ rõ đường lối chiến lược, sách lược của đảng. Đó chính là mỗi chính đảng vô sản cần phải và luôn luôn phải hành động tùy theo những điều kiện lịch sử cụ thể, chứ không phải theo một khuôn mẫu cứng nhắc nào đó. Song, khi đề xuất một đường lối cụ thể để hành động, bên cạnh việc xác định sự phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi nước, mỗi đảng cộng sản đều phải tính đến những nguyên lý, nguyên tắc chiến lược, sách lược chung, nhất loạt có tính chất phổ biến, để làm cho những mục tiêu trước mắt của giai cấp vô sản nước mình phục tùng những mục đích cuối cùng của giai cấp vô sản toàn thế giới, tuân thủ sự nhất trí giữa những nhiệm vụ quốc tế và nhiệm vụ dân tộc.

Trong cuộc đấu tranh giai cấp, Đảng Cộng sản không chỉ tập hợp trong hàng ngũ của mình giai cấp vô sản mà cả các tầng lớp trung gian, những nhà tiểu công nghiệp, tiểu thương, thợ thủ công, nông dân. Trình bày tính tiên phong của Đảng Cộng sản, mỗi quan hệ giữa Đảng Cộng sản và giai cấp trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định tính tiên phong của Đảng thể hiện trong hành động thực tiễn và về mặt lý luận. Theo đó, “về mặt thực tiễn, những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất trong các đảng công nhân ở tất cả các nước, là bộ phận

1, 2, 3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.614, 615.

luôn luôn thúc đẩy phong trào tiến lên về mặt lý luận, họ hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ là họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung của phong trào vô sản”¹. Như vậy, vai trò tiên phong của Đảng bảo đảm cho Đảng tập hợp được giai cấp vô sản và sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện bảo đảm cho giai cấp vô sản hoàn thành sứ mệnh lịch sử toàn thế giới.

Đảng Cộng sản là một bộ phận gắn liền với giai cấp và lợi ích của Đảng thống nhất với lợi ích giai cấp, vì “họ tuyệt nhiên không có một lợi ích nào tách khỏi lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản”². Mục đích của Đảng là mục đích của giai cấp, vì Đảng là đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào vô sản. Nhiệm vụ trước hết của Đảng là tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền bằng bạo lực cách mạng. Tiếp đó, giai cấp vô sản sử dụng quyền lực chính trị của mình để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Trong khi liên hiệp với các đảng phái để chống lại thế lực thống trị, tiến hành sự nghiệp giải phóng, Đảng Cộng sản có sự liên minh, song luôn giữ vững nguyên tắc và lập trường của giai cấp công nhân. Trong cuộc cách mạng ấy, những người vô sản chẳng mất gì hết ngoài những xiềng xích trói buộc họ; và “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại” chính là khẩu hiệu chiến đấu công khai “quốc tế hóa” sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản.

Tiếp theo tinh thần của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, V.I. Lenin đã bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.614-615, 614.

kiện chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, cách mạng giải phóng dân tộc đã trở thành yêu cầu cấp bách của các dân tộc bị áp bức. V.I. Lê nin nhấn mạnh rằng, những người cộng sản chỉ hoàn thành vai trò người chiến sĩ tiên phong đấu tranh cho tự do “không phút nào lâng quên vị trí đặc biệt của họ trong xã hội hiện nay, không lâng quên những nhiệm vụ đặc biệt có tính chất lịch sử toàn thế giới của họ là giải phóng nhân loại khỏi ách nô lệ về kinh tế, đồng thời giữ gìn cao ngọn cờ của toàn dân đấu tranh cho *tự do*”¹. Đồng thời, khi nghiên cứu hết sức sâu sắc các đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc và phong trào cách mạng giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa; phát hiện ra quy luật phát triển không đều của hệ thống đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản có thể giành được thắng lợi ở một số nước, thậm chí có thể ở nước tập trung những mâu thuẫn, là nơi xung yếu nhất của dây chuyền đế quốc chủ nghĩa, V.I. Lê nin đã vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác một cách đúng đắn và mở rộng hơn, cụ thể hơn khi kêu gọi “Vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới liên hiệp lại!”.

Trên tinh thần đó, V.I. Lê nin cùng những người cộng sản Nga đã trực tiếp lãnh đạo Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 thành công, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử phát triển của nhân loại - kỷ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.412.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn lấy chủ nghĩa Mác - Lenin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã nêu bật vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, của những người cộng sản và sự cần thiết phải xây dựng Đảng Cộng sản thật sự cách mạng. Trong tiến trình ấy, giai cấp vô sản phải tự mình trở thành dân tộc, nghĩa là phải lãnh đạo, trở thành lực lượng lãnh đạo của phong trào cách mạng của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Và Hồ Chí Minh, trên hành trình tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc đã nghiên cứu, khảo nghiệm các cuộc cách mạng ở nhiều châu lục, nhiều nước khác nhau như Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Nga... và Người đã sớm đến với chủ nghĩa Mác - Lenin, như Người đã nói: “Tất cả mọi người đều có quyền nghiên cứu một chủ nghĩa. Riêng tôi, tôi đã nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác”¹. Nắm vững tư tưởng về xây dựng một chính đảng vô sản kiểu mới trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* nói riêng, trong nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lenin nói chung và từ thực tiễn Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định rằng, “muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”² và cách mạng trước hết phải có đảng cách mạng được trang bị lý luận của chủ nghĩa Mác - Lenin.

Sau đó, bằng những nỗ lực hoạt động về lý luận và thực tiễn, Hồ Chí Minh đã trở về gần Tổ quốc, chuẩn bị về chính

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.315; t.12, tr.30.

trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của một chính đảng vô sản kiểu mới ở Việt Nam. Năm 1927, trong tác phẩm *Đường cách mệnh* được xuất bản lần đầu tiên tại Quảng Châu (Trung Quốc), Hồ Chí Minh khẳng định: “Cách mệnh trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thi vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi”¹ và “Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mă Khắc Tư và Lênin”²... Sau đó, cũng chính Người đã thấm nhuần và quán triệt sâu sắc những quan điểm về Đảng và xây dựng Đảng Cộng sản trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* để chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng ta, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Có ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin truyền bá về trong nước soi đường, phong trào công nhân và phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân ta những năm cuối thập niên 1920 phát triển nhanh về số lượng và thay đổi nhanh về chất lượng. Luồng sinh khí mới của thời đại và thực tế đòi hỏi khách quan của lịch sử đã dẫn đến Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam mùa xuân năm 1930 dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Thực tế cho thấy, Đảng Cộng sản Việt Nam là sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước; và sự ra đời của Đảng ta không chỉ chứng minh tư tưởng đúng đắn của *Tuyên ngôn*

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.289, 304.

của Đảng Cộng sản mà còn phù hợp với điều kiện cụ thể của một nước Việt Nam thuộc địa nửa phong kiến. Có lý luận Mác - Lê nin dẫn đường, Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện đã đề ra *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên (năm 1930); trong đó, *Chánh cương văn tắt* của Đảng xác định: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổi địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”¹; *Sách lược văn tắt* của Đảng xác định: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng... Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp... Trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp, trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu *nước An Nam độc lập*, phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới”²... Đây chính là đường lối kết hợp nhuần nhuyễn đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc, lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc của một đảng chân chính cách mạng - đội tiên phong của giai cấp và dân tộc; đồng thời, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin tại một nước thuộc địa - ở đó, yêu cầu và nhiệm vụ giải phóng dân tộc phải được đặt lên hàng đầu, trước hết; giải quyết đúng đắn nhiệm vụ dân tộc với nhiệm vụ giải phóng giai cấp phải được thực hiện linh hoạt. Đây cũng chính là nguyên tắc xây dựng và hoạt động của một đảng cộng sản theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê nin như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã chỉ ra.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.1, 3.

15 năm sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 do Đảng lãnh đạo đã thành công. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã xóa bỏ chế độ phong kiến và thuộc địa, giành độc lập và thiết lập nhà nước cách mạng kiểu mới của giai cấp vô sản và nhân dân lao động, mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập dân tộc và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Tiếp đó, trong 30 năm tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ, cứu nước (1945 - 1975), nhờ nỗ lực vững xu thế của lịch sử mà chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra; nhờ kết hợp đúng đắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhân dân ta, quân đội ta đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, giữ vững độc lập dân tộc, thống nhất đất nước; xác lập, củng cố và nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Đặc biệt, thắng lợi của hơn 30 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế do Đảng ta khởi xướng từ năm 1986 đến nay càng khẳng định tính đúng đắn của con đường mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn, đó là: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đồng thời, hiện thực cách mạng Việt Nam hơn 70 năm qua cũng đã chứng minh Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ là lãnh tụ chính trị của giai cấp công nhân mà còn là đội tiên phong của nhân dân lao động và toàn dân tộc. Xuyên suốt và nhất quán, “Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”¹; “Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, của nhân dân lao

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.41.

động và của cả dân tộc. Đảng ta đã biết vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh nước ta một cách sáng tạo để nêu ra đường lối, chính sách đúng đắn, bảo đảm cho cách mạng phát triển thắng lợi”¹; “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”²; “Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội... Coi trọng giữ vững bản chất giai cấp công nhân và các nguyên tắc hoạt động của Đảng”³... Điều này cũng là minh chứng sinh động cho thấy, Đảng ta từ khi ra đời đến nay đã luôn thầm nhuần, vận dụng, phát triển sáng tạo những nguyên lý về Đảng và xây dựng Đảng mà C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và của chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam; đồng thời, luôn giữ vững những nguyên tắc cơ bản của học thuyết đó trong mỗi bước ngoặt của cách mạng và thường xuyên tự đổi mới và chỉnh đốn.

3. Tiếp tục xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu thực tiễn

Tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo và tính tiên phong của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn chú trọng công tác

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.14, tr.467.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.130.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.186.

xây dựng Đảng, thường xuyên tự đổi mới và chỉnh đốn để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Trong mọi hoàn cảnh, mọi thời điểm, Đảng ta đã luôn khẳng định nhất quán về vị trí, vai trò và sứ mệnh của mình được C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*; được V.I. Lê nin chỉ rõ: “Những đảng viên hữu danh vô thực thì cho không chúng ta cũng không cần. Đảng độc nhất nắm chính quyền trên thế giới quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đảng viên, đến việc thanh trừ “bọn luồn lọt vào Đảng” ra khỏi hàng ngũ của mình, chứ không phải làm tăng thêm số lượng đảng viên, đó chính là đảng chúng ta, đảng của giai cấp công nhân cách mạng”; và được Hồ Chí Minh nhấn mạnh trong *Sửa đổi lối làm việc* là: “1. Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng. 2. Cán bộ của Đảng phải biết lý luận cách mạng, và lý luận cùng thực hành đi đôi với nhau... 6. Mỗi công việc của Đảng phải giữ vững nguyên tắc và phải liên hợp chặt chẽ với dân chúng... 8. Đảng không che giấu những khuyết điểm của mình, không sợ phê bình. Đảng phải nhận khuyết điểm của mình mà tự sửa chữa, để tiến bộ, và để dạy bảo cán bộ và đảng viên... 12. Đảng phải luôn luôn xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hóa ra lời nói suông mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng”¹. Trong đó, việc tiếp tục nâng cao bản chất giai cấp công nhân, tính tiền phong của đội ngũ cán bộ, đảng viên,

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Sđd, t.39, tr.225.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.289-290.

tăng cường sức chiến đấu của Đảng từ Trung ương đến cơ sở..., coi đó là yêu cầu xuyên suốt trong công tác xây dựng Đảng, bảo đảm để Đảng hoàn thành sứ mệnh tiên phong và vai trò lãnh đạo của mình vẫn vẹn nguyên giá trị. Điều đó có nghĩa là Đảng ta luôn trung thành với lợi ích giai cấp và dân tộc; sự tồn tại và hoạt động của Đảng luôn luôn vì lợi ích giai cấp và dân tộc. Bất cứ khi nào, mọi hoạch định về chủ trương, đường lối của Đảng cũng xuất phát từ việc nắm vững quy luật khách quan; đứng trên lập trường giai cấp công nhân để phản ánh đúng lợi ích giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đồng thời, chú trọng xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, trước hết là cán bộ cấp chiến lược thực sự kiên định, vững vàng, tiêu biểu cho đường lối chính trị, phẩm chất trí tuệ và bản lĩnh của giai cấp công nhân. Càng nhiều khăn, thử thách, trọng trách của đội ngũ cán bộ, đảng viên càng nặng nề; và theo đó, yêu cầu đặt ra đối với cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý cấp cao về tính tiền phong, sự gương mẫu cả về tư tưởng, chính trị và đạo đức, lối sống, về sự nhất quán giữa lời nói và việc làm... càng lớn, càng phải được phát huy và nêu cao trong mọi lúc, mọi nơi, trong tổ chức và cả nơi cư trú.

Đứng trước cả vận hội và thách thức của bối cảnh toàn cầu hóa, để Đảng luôn trong sạch, vững mạnh, xứng đáng với sự kỳ vọng của Tổ quốc và nhân dân; để khắc phục thực trạng: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà

nước”¹ và “sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc”², Đảng phải thường xuyên tự đổi mới và chỉnh đốn, để ngang tầm nhiệm vụ. Trên tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và khẳng định tính tiên phong cả về lý luận và thực tiễn, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đang triển khai sâu rộng Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị khóa XII về *Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*; coi đây là giải pháp căn cơ, đột phá để Đảng khỏe mạnh, chân chính, chắc chắn. Từ đó, đưa ra khỏi Đảng những cán bộ, đảng viên không còn tiên phong, gương mẫu, không đủ tư cách, vi phạm những điều đảng viên không được làm; quan liêu, tham nhũng, thoái hóa, biến chất về đạo đức, lối sống; cơ hội, bè phái, cục bộ địa phương, cá nhân chủ nghĩa; tham ô, tham nhũng, chạy chức, chạy quyền, chạy tội, coi thường pháp luật; xa dân, không lắng nghe tâm tư nguyện vọng của nhân dân, không xứng đáng vừa là người lãnh đạo vừa là người dày التونسي trung thành của nhân dân như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Sđd, tr.22, 23.

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ SỰ VẬN DỤNG SÁNG TẠO CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC VÀO VIỆT NAM

PGS. TS. ĐOÀN MINH HUẤN*

Như chúng ta đều biết, ngày 24/2/1848, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* - một văn kiện mang tính cương lĩnh, có giá trị lịch sử và tràn đầy sức sống thực tiễn của chủ nghĩa Mác, một tác phẩm lý luận bất hủ do C. Mác và Ph. Ăngghen soạn thảo theo sự ủy nhiệm của Đồng minh những người cộng sản - một tổ chức công nhân quốc tế - lần đầu tiên được xuất bản tại London (Thủ đô nước Anh).

Với sự hoạt động không biết mệt mỏi của C. Mác và Ph. Ăngghen, tư tưởng của các ông đã thâm nhập và làm thay đổi hoạt động các tổ chức công nhân, đặc biệt là tổ chức “Đồng minh những người chính nghĩa”. Tháng 6/1947, Đồng minh tiến hành đại hội ở London và đã đổi tên thành “Đồng minh những người cộng sản” theo đề nghị của C. Mác và Ph. Ăngghen. Đại hội lần thứ nhất của Đồng minh có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu một thắng lợi lớn về tổ chức và tư

* Ủy viên dự khuyế Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản.

tưởng, chứng tỏ giai cấp công nhân đã bước đầu tiếp thu học thuyết cách mạng mácxít. Tháng 12-1847, tổ chức “Đồng minh những người cộng sản” tiến hành Đại hội lần thứ hai. Đại hội nhất trí thông qua Điều lệ của tổ chức. C. Mác và Ph. Ăngghen được Đại hội ủy quyền soạn thảo cương lĩnh dưới dạng một bản tuyên ngôn.

Sự ra đời của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã đánh dấu một bước tiến trong khoa học lịch sử, một giai đoạn mới về chất trong sự phát triển tri thức của nhân loại nói chung và là một mốc son trong lịch sử phát triển tư tưởng của nhân loại về chủ nghĩa xã hội khoa học và chủ nghĩa cộng sản nói riêng.

Ý nghĩa, giá trị và sức sống đó của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* thể hiện truớc hết ở bản chất cách mạng và nội dung khoa học sâu sắc của tác phẩm. 40 năm sau lần đầu tiên xuất bản tác phẩm bất hủ này, trong *Lời tựa cho bản tiếng Anh xuất bản năm 1888 “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”*, Ph. Ăngghen đã khẳng định: “hiện nay, hiển nhiên đó là tác phẩm phổ biến hơn cả, có tính chất quốc tế hơn cả trong tất cả các văn phẩm xã hội chủ nghĩa. Đó là cương lĩnh được thừa nhận bởi hàng triệu công nhân từ Xibia đến Caliphocnia”¹. Cũng trong lời tựa này, Ph. Ăngghen cũng nhấn mạnh rằng: toàn bộ lịch sử của nhân loại, kể từ khi xuất hiện xã hội có giai cấp và đối kháng giai cấp là lịch sử của đấu tranh giai cấp và cuộc đấu tranh giai cấp đó hiện đã phát triển tới giai đoạn mà trong đó, giai cấp bị áp bức, bóc lột - giai cấp vô sản, không còn có thể tự giải phóng khỏi ách

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.21, tr.522.

áp bức, bóc lột mình - giai cấp tư sản, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn xã hội khỏi ách bóc lột, áp bức, khỏi tình trạng phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp.

1. Tư tưởng chủ đạo của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*

Những luận điểm, tư tưởng cơ bản và chủ đạo được xây dựng trên nền tảng vững chắc của chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử và lần đầu tiên những tư tưởng này đã được C. Mác và Ph. Ăngghen trình bày dưới dạng hoàn chỉnh, cô đọng, súc tích và có hệ thống. Như Ph. Ăngghen đã chỉ rõ trong *Lời tựa cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” xuất bản năm 1883*: “Tư tưởng cơ bản và chủ đạo của “Tuyên ngôn” là: trong mọi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra, - cả hai cái đó cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy; do đó (từ khi chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy tan rã), toàn bộ lịch sử là lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa những giai cấp bị bóc lột và những giai cấp đi bóc lột, giữa những giai cấp bị trị và những giai cấp thống trị, qua các giai đoạn của sự phát triển xã hội của họ; nhưng cuộc đấu tranh ấy hiện nay đã đến một giai đoạn mà giai cấp bị bóc lột và bị áp bức (tức là giai cấp vô sản) không còn có thể tự giải phóng khỏi tay giai cấp bóc lột và áp bức mình (tức là giai cấp tư sản) được nữa, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức và khỏi cuộc đấu tranh giai cấp”¹.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21. tr.11-12.

65 năm sau, trong tác phẩm *Các Mác*, V.I. Lênin đã khẳng định: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là tác phẩm đã “trình bày một cách hết sức sáng sủa và rõ ràng thế giới quan mới, chủ nghĩa duy vật triệt để - chủ nghĩa duy vật này bao quát cả lĩnh vực sinh hoạt xã hội, - phép biện chứng với tư cách là học thuyết toàn diện nhất và sâu sắc nhất về sự phát triển, lý luận đấu tranh giai cấp và vai trò cách mạng - trong lịch sử toàn thế giới - của giai cấp vô sản, tức là giai cấp sáng tạo ra một xã hội mới, xã hội cộng sản”¹. Vì vậy, Người khẳng định: chúng ta lấy bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* làm cơ sở cho việc xây dựng đường lối chiến lược và sách lược cách mạng, cho sự nghiệp xây dựng chế độ mới - xã hội xã hội chủ nghĩa.

Về mặt lý luận, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* có nhiệm vụ thuyết trình về sự diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản; sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản, đồng thời có nhiệm vụ đập tan mọi câu chuyện hư truyền về “bóng ma cộng sản” mà các thế lực thù địch đang rêu rao.

Khác với những nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng trước kia, khi nói đến giai cấp vô sản, họ coi họ đơn giản chỉ là một số đông quần chúng nghèo khổ, thất học, bần cùng, C. Mác và Ph. Ăngghen đã nhận thấy rằng giai cấp vô sản có những nhân tố thực sự cách mạng, chính nó sẽ có vai trò lịch sử to lớn cho việc kiến tạo một xã hội mới. Các ông viết: “Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng. Tất cả các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.26, tr.57.

đại công nghiệp, còn giai cấp vô sản lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp”¹.

Trong tác phẩm, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định địa vị lịch sử của chế độ tư bản chủ nghĩa và sự tất yếu bị thay thế bởi một chế độ xã hội mới - chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa; chỉ rõ vai trò của Đảng Cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đưa ra tư tưởng về chuyên chính vô sản (mặc dù chưa đưa ra thuật ngữ này) và cũng đã luận chứng những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Tác phẩm còn chỉ rõ mục đích của những người cộng sản và thái độ của những người cộng sản đối với vấn đề sở hữu, tổ quốc, gia đình, đạo đức, phê phán các luận điểm của chủ nghĩa xã hội phong kiến, tiểu tư sản, quan điểm của giai cấp tư sản về chủ nghĩa xã hội; tỏ rõ thái độ của các ông đối với các quan điểm của chủ nghĩa xã hội không tưởng - phê phán và đặt nền móng sách lược của những người cộng sản đối với các đảng đối lập khác.

Về mặt thực tiễn, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* có nhiệm vụ trình bày công khai mục đích, nhiệm vụ, biện pháp cách mạng của những người cộng sản nhằm lật đổ giai cấp tư sản, thiết lập nền thống trị của giai cấp vô sản, tiến hành cải tạo xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội - giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản.

Mục đích cuối cùng của những người cộng sản là thực hiện chủ nghĩa cộng sản. Nhưng *bước thứ nhất* trong cuộc cách mạng công nhân là “giai cấp vô sản biến thành giai cấp

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.610.

thống trị, là giành lấy dân chủ”¹, “tổ chức những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy chính quyền”². *Bước thứ hai*, giai cấp vô sản và nhân dân lao động sử dụng chính quyền nhà nước của mình để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới về mọi mặt, trong đó xóa bỏ chế độ tư hữu, thiết lập chế độ công hữu, đầy mạnh sự phát triển của lực lượng sản xuất là nhiệm vụ cốt lõi. Tuy nhiên, các tác giả của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* cũng lưu ý rằng, những biện pháp để giải quyết các nhiệm vụ của giai đoạn này cũng sẽ rất khác nhau trong những nước khác nhau.

Sau khi nêu ra 10 biện pháp mà theo C. Mác và Ph. Ăngghen, sẽ có thể được áp dụng khá phổ biến ở những nước tiên tiến nhất, hai ông đã khái quát những đặc trưng chính yếu nhất của xã hội cộng sản tương lai: chế độ tư hữu và giai cấp sẽ bị xóa bỏ, nhà nước không tồn tại với tư cách là công cụ thống trị giai cấp; con người được phát triển tự do, toàn diện trong mối quan hệ hài hòa với xã hội. Các ông đã chỉ ra rằng: “Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”³. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* kết thúc bằng khẩu hiệu bất tử: “VÔ SẢN TẤT CÁ CÁC NUỐC, ĐOÀN KẾT LẠI”⁴.

Với tất cả những điều được coi là nguyên lý đó, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* xứng đáng được thừa nhận là văn

1, 2, 3, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.626, 615, 628, 646.

kiện đầu tiên về chủ nghĩa nhân đạo cao cả nhất, nhân đạo xã hội chủ nghĩa¹. Nó được viết ra vì người lao động, vì sự nghiệp giải phóng người lao động, vì sự phát triển toàn diện và tự do của con người. Lịch sử hiếm thấy một tác phẩm nào lại có ảnh hưởng sâu sắc đến tiến trình phát triển của cách mạng thế giới như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. V.I. Lê nin khẳng định: “Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng hàng bộ sách: tinh thần của nó, đến bây giờ, vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và chiến đấu của thế giới văn minh”².

2. Sự vận dụng sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc vào Việt Nam

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người đã nghiên cứu, tiếp thu tư tưởng của các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học và V.I. Lê nin, rồi vận dụng và phát triển sáng tạo vào thực tiễn xã hội Việt Nam - một nước thuộc địa nửa phong kiến. Người đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giải phóng giai cấp vô sản với giải phóng dân tộc, vạch ra đường lối giải phóng dân tộc bằng con đường cách mạng vô sản mà C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

Cách mạng Việt Nam sang những năm 20 thế kỷ XX, sau thất bại của các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp đã

1. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia: *Sống mãi Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.37.

2. V.I. Lê nin: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.10.

lâm vào bế tắc về đường lối. Những chí sĩ cách mạng của lớp trước, một số già yếu, qua đời, một số phải tạm lánh chờ thời, một số chán nản đi tu, số khác thì đi lính, làm sĩ quan cho quân đội Trung Hoa dân quốc để sinh sống. Lớp thanh niên trẻ mới xuất dương, có chí khí, nhiệt huyết, mất tin tưởng vào lớp già, muốn đi tìm một con đường cứu nước mới, nhưng lúng túng chưa tìm được lối ra, đành đi vào con đường manh động.

Là người Việt Nam đầu tiên đến với chủ nghĩa Mác - Lê nin, Nguyễn Ái Quốc đã sớm nhận thức được rằng: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”¹. Sau khi tìm được “cẩm nang” thần kỳ cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc, Người quyết tâm trở về tổ chức, huấn luyện quần chúng vào cuộc đấu tranh mới. *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, mà nòng cốt là *Thanh niên cộng sản đoàn*, đã ra đời trong hoàn cảnh đó.

Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là đoàn thể cách mạng đầu tiên ở Việt Nam được tổ chức một cách chặt chẽ, có hệ thống từ trung ương đến cơ sở, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, có mục đích tôn chỉ khác hẳn các tổ chức trước đó: trước làm cách mạng quốc gia, giành độc lập dân tộc sau làm cách mạng thế giới, đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, thực hiện chủ nghĩa cộng sản. Hội đã giáo dục, huấn luyện cho học viên của mình về chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa quốc tế chân chính. Hội chưa phải là tổ chức cộng sản, nhưng cũng không phải là một đoàn thể quốc gia

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.30.

của những người trí thức tiểu tư sản có xu hướng dân chủ và xã hội chủ nghĩa. Nó là một tổ chức quá độ, tiền mácxít¹. Nói như Nguyễn Ái Quốc, từ quả trứng *Thanh niên* đã nở ra con chim cộng sản, đó là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Có lý luận tiền phong hướng dẫn, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tìm mọi cách tích cực tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ quần chúng và tổ chức ra Đảng Cộng sản Việt Nam làm hạt nhân lãnh đạo, dẫn dắt quần chúng đấu tranh lật đổ ách đô hộ của thực dân xâm lược Pháp kéo dài gần một trăm năm. Cách mạng Tháng Tám thành công lập nên nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á (ngày 2/9/1945), kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược thắng lợi (1945 - 1975) mang lại hòa bình, thống nhất hai miền Nam - Bắc, đưa cả nước bước vào thời kỳ phát triển mới gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Đảng Cộng sản do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc. Đảng đã lãnh đạo cộng đồng dân tộc đứng lên đấu tranh giành quyền làm chủ vận mệnh của mình và đưa cách mạng giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa vào quỹ đạo của cách mạng vô sản thế giới.

Chủ nghĩa Mác đã chỉ ra nguyên nhân sâu xa căn bản của áp bức dân tộc là chế độ người bóc lột người, áp bức giai cấp là nguyên nhân căn bản của áp bức dân tộc. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: “Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân

1. Xem Viện Hồ Chí Minh: *Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu (1924 - 1927)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.88.

tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ”¹. Rõ ràng, không thể giải quyết được vấn đề dân tộc nếu không tiến hành đấu tranh giai cấp để thủ tiêu chế độ người bóc lột người, nếu không gắn đấu tranh giải phóng dân tộc với đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội của giai cấp vô sản và tất cả những người bị áp bức thì tình trạng áp bức dân tộc và áp bức giai cấp chưa được giải quyết triệt để. Tuy nhấn mạnh vai trò của nhân tố giai cấp, nhưng chủ nghĩa Mác - Lênin cũng hoàn toàn xa lạ với quan điểm coi thường nhân tố dân tộc trong sự phát triển lịch sử.

Khi nói cách mạng vô sản là con đường cứu nước và giải phóng dân tộc, ở đây không phải là sự sắp đặt chủ quan tùy ý mà là sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, giữa khách quan với chủ quan. Nó là sự khẳng định một hướng đi mới, nguyên tắc chiến lược mới, mục tiêu và giải phóng hoàn toàn mới, khác hẳn về chất so với lãnh tụ của các phong trào yêu nước trước đó ở Việt Nam. Mấu chốt là vấn đề dân tộc bao giờ cũng gắn liền với giai cấp.

Thật vậy, nghiên cứu các cuộc cách mạng dân chủ tư sản Mỹ (năm 1776), Pháp (năm 1789), lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nhận thấy các cuộc cách mạng này tuy nêu khẩu hiệu “tự do”, “bình đẳng”, nhưng không đưa lại tự do, bình đẳng thực sự cho quần chúng lao động. Tuy khâm phục các cuộc cách mạng ấy, nhưng Nguyễn Ái Quốc cho rằng đó là cách mạng chưa đến nơi, đến chốn. Vì thế, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực tham gia hoạt động đấu tranh trong phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức, phong trào giải phóng giai cấp công

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.624.

nhân ở các nước tư bản. Và chính vì vậy mà Nguyễn Ái Quốc đã tìm đến với Cách mạng Tháng Mười Nga, đến với chủ nghĩa Lê nin, như một tất yếu lịch sử¹. Đặc biệt sau khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lê nin, Người đã thấy rõ hơn con đường đúng đắn mà cách mạng Việt Nam sẽ trải qua. Người khẳng định: “chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”².

Như vậy, cuộc cách mạng mà nhân dân ta cần tiến hành không thể là cách mạng tư sản kiểu cũ mà phải là một cuộc “cách mạng đến nơi”, cách mạng triệt để, cuộc cách mạng lấy công nông làm gốc, giành chính quyền về tay nhân dân. Trong tác phẩm *Đường kách mệnh*, Người viết: “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”³. Và trong tất cả các giai đoạn cách mạng có một bản chất chung không thay đổi: chính quyền nhà nước thuộc về đa số dân chúng, chính quyền của công nhân, nông dân và tất cả những ai là “bầu bạn” của công nông. Chính quyền ta khác về bản chất với nhà nước “dân chủ” chung chung mà thực chất là quyền lực trong tay “một số ít người”.

1. Xem Nguyễn Duy Quý: “Mối quan hệ biện chứng giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong tư tưởng Hồ Chí Minh”, tạp chí *Triết học*, số 5/2005, tr.11-12.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.563.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.292.

Vì vậy, theo Nguyễn Ái Quốc, *dân tộc từ đây gắn liền với giai cấp vô sản, do giai cấp vô sản đại biểu*. Ngày nay, để làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân phải nắm lấy ngọn cờ dân tộc để đưa cách mạng tiến lên, chỉ có giai cấp vô sản với tư cách là giai cấp đứng trung tâm của thời đại mới, là giai cấp duy nhất có khả năng giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, ngọn cờ độc lập và chủ quyền dân tộc, ngọn cờ tiến bộ và phồn vinh của dân tộc.

Để bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng và nhằm phát huy sức mạnh của dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh chủ trương giải quyết hài hòa từng bước quyền lợi các giai cấp trong nội bộ dân tộc, dù đó là giai cấp đối kháng. Trong *Chánh cương văn tắt của Đảng* do Người soạn thảo, có ghi rõ: “tư bản bẩn xứ không có thế lực gì ta không nên nói cho họ đi về phe đế quốc được, chỉ bọn đại địa chủ mới có thế lực và đứng hẳn về phe đế quốc”¹. Về sách lược, Người chủ trương: “phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập”².

Vận dụng 10 biện pháp cách mạng trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, trong *Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng*, Hồ Chí Minh nêu ra 10 nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam:

1. Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến An Nam và giai cấp tư sản phản cách mạng.
2. Làm cho nước An Nam được độc lập.
3. Thành lập chính phủ công nông binh.
4. Tịch thu tất cả các nhà băng và cơ sở sản xuất của đế quốc trao cho chính phủ công nông binh.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.1, 3.

5. Quốc hữu hóa toàn bộ đồn điền và đất đai của bọn đế quốc và địa chủ phản cách mạng An Nam chia cho nông dân nghèo.

6. Thực hiện ngày làm 8 giờ.

7. Hủy bỏ mọi thứ quốc trái và thuế thân, miễn các thứ thuế cho nông dân nghèo.

8. Đem lại mọi quyền tự do cho nhân dân.

9. Thực hành giáo dục toàn dân.

10. Thực hiện nam nữ bình quyền¹.

Theo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội không chỉ là nguyên tắc mà còn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam. Đó là con đường phát triển xã hội có tính chất rút ngắn biện chứng mang tính lịch sử - cụ thể và hợp quy luật, hiện thân sinh động, sâu sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh - hiện thực tất yếu và sáng tạo của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thực tiễn Việt Nam. Đó cũng chính là con đường nhỏ trong con đường lớn toàn nhân loại tất yếu tiến lên chủ nghĩa xã hội, một bộ phận, một biểu hiện cụ thể của xu thế phát triển tất yếu của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng minh điều đó. Ngay từ khi mới thành lập, trong *Chính cương văn tắt*, Nguyễn Ái Quốc, đã khẳng định: “Chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổi địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”². Như vậy là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc gắn liền với cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cuộc cách

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.22.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.1.

mạng này kết hợp trong bản thân nó tiến trình của hai sự nghiệp giải phóng: giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ thực dân và giải phóng giai cấp khỏi ách áp bức, bóc lột. Vấn đề dân tộc được giải quyết trên lập trường của giai cấp công nhân - điều đó phù hợp với xu thế thời đại, và lợi ích của các giai cấp, lực lượng tiến bộ trong dân tộc. Ở đây, cách mạng xã hội chủ nghĩa là kế tiếp ngay khi cách mạng dân chủ nhân dân thắng lợi và giữa hai cuộc cách mạng này không có một bức tường nào ngăn cách. Và chỉ có hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc mới có điều kiện để tiến lên chủ nghĩa xã hội và chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa mới giữ vững được thành quả cách mạng giải phóng dân tộc, mang lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho mọi tầng lớp nhân dân, mới có độc lập dân tộc thực sự. Đây là tư tưởng thẩm đượm tinh thần *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

Một trong những nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là sự vận dụng sáng tạo sách lược cách mạng trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh, thực tiễn Việt Nam. C. Mác và Ph. Ăngghen dự đoán: “lúc mà đấu tranh giai cấp tiến gần đến giờ quyết định thì quá trình tan rã của giai cấp thống trị, của toàn bộ xã hội cũ, mang một tính chất dữ dội và khốc liệt đến nỗi một bộ phận nhỏ giai cấp thống trị tách ra khỏi giai cấp này và đi theo giai cấp cách mạng, đi theo giai cấp đang nắm tương lai trong tay”¹. Vận dụng tư tưởng về thời cơ này của C. Mác và Ph. Ăngghen, Hồ Chí Minh đã thu hút những người vốn thuộc lực lượng đế quốc và tay sai nhưng có tư tưởng dân tộc

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.609-610.

ngả về phía cách mạng, tạo ra một cuộc cách mạng thắng lợi nhanh, gọn, ít đổ máu.

Sau Cách mạng Tháng Tám, giai cấp công nhân Việt Nam đã trở thành giai cấp lãnh đạo sự nghiệp cách mạng và Đảng Cộng sản Việt Nam đã trở thành đảng cầm quyền. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác nhấn mạnh: bước thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ. Theo Hồ Chí Minh, giành lấy dân chủ còn có nghĩa là giai cấp vô sản lãnh đạo nhà nước phải chăm lo mọi mặt đời sống nhân dân. Người đề ra chủ trương: “Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến dần từ chế độ dân chủ nhân dân lên chủ nghĩa xã hội bằng cách phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế lạc hậu thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến. Chính sách kinh tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là không ngừng phát triển sản xuất để nâng cao mãi đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân”¹.

Với tư tưởng cách mạng chiến lược: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh, được soi đường bởi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo cách mạng làm nên sự nghiệp mà 170 năm trước đây, C. Mác và Ph. Ăngghen đã nêu trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, khôi phục lại độc lập và thống nhất cho từng dân tộc và cải tạo xã hội về căn bản để đưa đất nước đi đến dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.372.

GIÁ TRỊ TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐỐI VỚI CON ĐƯỜNG ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI CỦA HỒ CHÍ MINH

PGS. TS. PHẠM NGỌC ANH*

Tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (năm 1848) của C. Mác và Ph. Ăngghen là một văn kiện lịch sử vô giá, chứa đựng những nguyên lý nền tảng của lý luận mới, thể hiện sâu sắc các giá trị nhân văn, tác động mạnh mẽ đến Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam. Ra đời cách đây tròn 170 năm, nhưng đúng như dự báo của Ph. Ăngghen: Mặc dù hoàn cảnh đã thay đổi nhiều trong những thập niên qua, nhưng cho đến nay, xét về đại thể những nguyên lý tổng quát trình bày trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vẫn còn hoàn toàn đúng.

Mười năm sau khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, thực dân Pháp đã nổ súng xâm lược Việt Nam (ngày 01/9/1858). Lúc bấy giờ, chế độ phong kiến Việt Nam đã suy tàn, mâu thuẫn giai cấp đã ở vào tình thế cực kỳ gay gắt. Trong khi kẻ thù xâm lược có trong tay một quân đội nhà

* Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

nghề, chuyên nghiệp, có vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại, tiềm lực kinh tế mạnh trên nền tảng công nghiệp, thì giai cấp phong kiến yếu hèn, bạc nhược đã chọn con đường đầu hàng đế quốc, phản bội dân tộc hơn là đi với nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Nhưng đại bác của bọn đế quốc không thể át tiếng nói yêu nước của nhân dân Việt Nam. Trước khi giai cấp công nhân Việt Nam bước lên vũ đài chính trị và nắm quyền lãnh đạo cách mạng, cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của nhân dân ta đã diễn ra vô cùng anh dũng. Các phong trào yêu nước lúc bấy giờ không phải chỉ cần lòng dũng cảm, trí thông minh và tinh thần bất khuất, điều cần thiết nhất là sự lãnh đạo của một giai cấp mới đi theo một đường lối mới phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ lịch sử của dân tộc đã bị mất độc lập, tự do.

Trên phương diện lý luận, cho đến giữa thế kỷ XIX, khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, chủ nghĩa Mác đã phác họa tương đối rõ ràng về con đường giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng lao động. C. Mác và Ph. Ăngghen đã chứng minh bằng khoa học rằng: Chế độ tư bản sẽ sụp đổ cũng như chế độ phong kiến sụp đổ; chủ nghĩa tư bản đã tạo ra người đào huyệt chôn chính nó là giai cấp công nhân; thắng lợi của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản là kết quả của cách mạng bạo lực dẫn đến thiết lập nền chuyên chính của giai cấp vô sản, giai cấp công nhân phải có chính đảng của mình là Đảng Cộng sản.

Trong thực tế, vào thời điểm đó, những lý luận này còn rất xa lạ với các phong trào yêu nước ở Việt Nam. Sau khi đoạn tuyệt với con đường cứu nước theo đường lối phong

kiến, những sĩ phu cấp tiến đã hướng ra nước ngoài, tìm đến những con đường mới để mong được giải phóng. Cụ Phan Bội Châu sang Nhật Bản tìm con đường Duy Tân, sau sang Trung Quốc tìm con đường cách mạng Tân Hợi (năm 1911). Cụ Phan Chu Trinh hướng theo con đường nghị viện tư sản của các nước phương Tây, cầu viện Pháp. Những con đường trên đây tuy có màu sắc khác nhau nhưng đều là chủ nghĩa dân chủ tư sản. Chủ nghĩa đó những người yêu nước Việt Nam mới biết đến, nhưng đối với thời đại thì đã lỗi thời và không thể thực hiện được ở một nước thuộc địa.

Mặt khác, bản thân những sĩ phu yêu nước lúc đó không thể vượt qua được sự hạn chế của lịch sử cũng như định kiến ý thức hệ của chính giai cấp mình. Họ không thể nhìn thấy thời đại mới, không thể tìm thấy con đường mới giải quyết các mâu thuẫn cơ bản, thỏa mãn các nhu cầu lịch sử khách quan mà dân tộc và thời đại đang đặt ra cho đất nước.

Trong màn đêm nô lệ, một nhân vật lịch sử mới đã xuất hiện - Hồ Chí Minh. Từ bến cảng Nhà Rồng - Sài Gòn, với hai bàn tay lao động và ý chí cứu nước mãnh liệt, sau gần mươi năm trải qua lao động, học tập, nghiên cứu lý luận và khảo nghiệm thực tiễn ở nhiều nước trên thế giới, nhất là hòa mình vào cuộc sống của những người cần lao, Người làm bồi tàu, phụ bếp, rửa chén, quét tuyết, đốt lò, làm thợ ảnh, dấn thân vào các phong trào đấu tranh chống áp bức, bóc lột, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế ở nhiều nước. Người nhận thức rõ vấn đề giải phóng dân tộc và con người là nhu cầu cấp thiết không chỉ của Việt Nam mà của tất cả các dân tộc thuộc địa và nhân dân bị áp bức trên toàn thế giới; Người ủng hộ Cách mạng

Tháng Mười Nga, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, phát hiện đúng xu thế phát triển của thời đại, và đi tới khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”¹, hình thành nền tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, trở thành một chiến sĩ cộng sản từ một nhà yêu nước chân chính.

Cách mạng muôn thành công phải có Đảng dẫn đường. Người đã dày công truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, trực tiếp chuẩn bị và sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam vào mùa xuân năm 1930, đánh dấu bước ngoặt lịch sử của cách mạng nước ta, chấm dứt tình trạng khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước. Bằng sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước để xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc. Người đã đặt nền móng cho lý luận cách mạng Việt Nam trong thời đại mới, xác lập Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, xác định con đường của cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam. Đó là đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử nước ta và trào lưu tiến hóa chung của nhân loại; làm cho chủ nghĩa yêu nước vươn lên tầm thời đại, trở thành chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh; đóng góp to lớn cho việc mở ra giai đoạn phát triển mới của phong trào cách mạng vô sản, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc ở châu Á và trên thế giới.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.3.

Cùng với Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đường lối, chiến lược, sách lược đúng đắn, tài tình, giải quyết các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, thực hiện triệt để mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, đã đưa đến những thắng lợi vĩ đại có ý nghĩa lịch sử và thời đại của nhân dân ta trong thế kỷ XX. Đó là thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước vào kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Với những thắng lợi đó, đất nước ta từ một xứ thuộc địa, nửa phong kiến đã trở thành một nước độc lập, tự do phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã vươn lên thành người làm chủ đất nước; dân tộc ta được bình đẳng trong cộng đồng quốc tế, trở thành một trong những dân tộc tiên phong của thời đại. Với những thắng lợi đó, dân tộc ta không chỉ thi hành *Bản án chế độ thực dân Pháp* ở Việt Nam, giành lại độc lập dân tộc, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa vì tự do, hạnh phúc của nhân dân ta, mà còn cùng với các dân tộc thuộc địa và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới đấu tranh loại bỏ vết nhơ áp bức của chủ nghĩa thực dân, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Ở Việt Nam giữa những năm 20 thế kỷ XX, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã được truyền bá vừa công khai, vừa bí mật qua một số trí thức yêu nước. Tờ báo *Tiếng chuông rè* của Nguyễn An Ninh và Phan Văn Trường đã đăng *Tuyên*

ngôn của Đảng Cộng sản, từ số 53 ngày 29/3/1926 đến số 60 ngày 20/4/1926. Sau lời giới thiệu của Ban Biên tập, báo đăng các bài tựa cho các lần xuất bản, rồi đến nội dung chính của tác phẩm, song song với in trên tờ báo còn cho in thành tờ rời như truyền đơn.

Lần đầu tiên, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* xuất hiện ở thuộc địa Đông Dương. Theo báo cáo của Sở Mật thám Sài Gòn số 133S, ngày 07/1/1928, Nguyễn An Ninh từ Pháp về bằng tàu biển mang theo 29 cuốn sách và một số báo chí của Nguyễn Ái Quốc tham gia viết bài trong thời gian hoạt động ở Pháp, trong đó có cuốn sách *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

Tiếp đó, từ năm 1926 đến năm 1929, Nguyễn Ái Quốc đã cùng với những người yêu nước Việt Nam tiến hành cuộc đấu tranh kiên cường, gian khổ trên phạm vi quốc tế cũng như ở trong nước để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào trí thức, công nông và những người Việt Nam yêu nước khác, tích cực chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức để thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam.

Được truyền bá bởi tư tưởng tiên tiến nhất của thời đại, phong trào công nhân Việt Nam đã có bước phát triển nhảy vọt, trở thành nòng cốt của phong trào cách mạng trong nước, dẫn đến kết quả “lập trường cách mạng giải phóng dân tộc của công nhân đã thắng lập trường giải phóng dân tộc tư sản”. Sự xuất hiện của ba tổ chức cộng sản (Đông Dương Cộng sản Đảng, tháng 6/1929; An Nam Cộng sản Đảng, tháng 11/1929 và Đông Dương Cộng sản liên đoàn, tháng 01/1930) trên đất nước ta là bước phát triển nhảy vọt của phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Nó hoàn toàn

phù hợp với xu thế phát triển tất yếu của lịch sử, đi đúng quỹ đạo của thời đại, báo hiệu sự thắng thế của tư tưởng cộng sản trên đất nước ta. Đầu năm 1930, các tổ chức cộng sản đã tiến hành hợp nhất thành một đảng duy nhất - Đảng Cộng sản Việt Nam.

Việc Đảng lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam nói lên đầy đủ ý thức vươn lên và trưởng thành của giai cấp công nhân Việt Nam trở thành giai cấp lãnh đạo và chủ đạo trong dân tộc. Với đường lối cách mạng đúng đắn, dẫn đến sự thống nhất về tư tưởng và hành động của phong trào cách mạng cả nước, đây chính là nguồn gốc sức mạnh và là tiền đề cho phong trào cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Những năm 1932 - 1935, cách mạng Việt Nam ở trong giai đoạn tạm lắng và đang phục hồi. Số đông đảng viên bị bắt vẫn giữ vững khí tiết, nhiều chi bộ Đảng Cộng sản được tổ chức ở nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội), Khám Lớn (Sài Gòn), nhà tù Vinh, nhà tù Hải Phòng. Năm 1932, chi bộ nhà tù Côn Đảo còn tổ chức đường dây liên lạc với Đảng Cộng sản Pháp qua các thủy thủ trên tàu viễn dương từ Pháp sang, nhờ đó nhiều sách, tài liệu của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lê nin, các sách nghiên cứu của Đảng Cộng sản Pháp, của Đảng Cộng sản Liên Xô và Quốc tế Cộng sản in bằng chữ Pháp, trong đó có *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* được bí mật chuyển vào Việt Nam. Chi bộ cộng sản nhà tù đã phân phát cho các đảng viên phân tán, cất giấu, truyền nhau đọc và giới thiệu cho anh em học tập. Đồng chí Ngô Gia Tự và một số đồng chí khác còn tóm tắt hoặc lược dịch: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, *Tư bản*, *Làm gì*, *Bệnh áu trĩ tả khuynh trong phong trào*

cộng sản, Hai sách lược của Đảng xã hội dân chủ trong cách mạng dân chủ, Những nguyên lý của chủ nghĩa Lênin, Những vấn đề chủ nghĩa Lênin...

Trong thời kỳ vận động dân chủ (1936 - 1939), Đảng ta đã triệt để lợi dụng báo chí công khai làm vũ khí đấu tranh cách mạng. Từ năm 1937, báo chí phát hành rộng rãi, hàng chục tờ báo của Mặt trận dân chủ và của các đoàn thể quần chúng như thanh niên, phụ nữ, công nhân nổi tiếp ra đời. Cùng với cuộc vận động báo chí công khai, nhiều sách báo giới thiệu chủ nghĩa Mác - Lênin được đưa từ Pháp sang, phổ biến ở Sài Gòn, Huế, Hải Phòng, Hà Nội. Sách báo của Đảng, của Mặt trận dân chủ thật sự trở thành món ăn tinh thần và vũ khí đấu tranh của quần chúng cách mạng. Nó bồi dưỡng ý thức giai cấp, ý thức dân tộc, ý thức quốc tế trong đấu tranh cách mạng. Đúng như V.I. Lênin đã nói: Báo chí của Đảng không những là người tuyên truyền, người cổ động tập thể mà còn là người tổ chức tập thể. Năm 1938, nhân kỷ niệm lần thứ 90 ngày ra đời *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, báo *Lao động* (*Le Travail*) xuất bản ở Sài Gòn đã đăng toàn văn *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* từ số 198 ngày 05/6/1938, chỉ in nội dung chính của tác phẩm, không in các lời tựa.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng ta và Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc dịch và xuất bản các tài liệu kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là một trong những tác phẩm được ưu tiên hàng đầu. Nhà văn, nhà báo nổi tiếng Thép Mới được giao nhiệm vụ dịch từ bản tiếng Pháp chính thức lấy tên là *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (khác với các bản tiếng Pháp trước kia

dịch là *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản*) đã ra mắt bạn đọc năm 1946 ở Hà Nội và sau đó được lưu hành trong cả nước. Cũng tại Hà Nội, thời gian này Nhà xuất bản Hàn Thuyên cũng phát hành một bản dịch từ tiếng Pháp in làm 2 tập, 67 trang lấy tên *Tuyên ngôn Cộng sản*.

Bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhằm trang bị cho cán bộ, đảng viên những kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, Hồ Chí Minh lấy bút danh XYZ lược dịch *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* bằng văn phong giản dị dễ hiểu. Đến năm 1950, khi có đủ điều kiện, Nhà xuất bản Sự thật in nguyên bản tiếng Pháp *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* theo bản của Nhà xuất bản Xã hội, Pari, trực thuộc Đảng Cộng sản Pháp.

Năm 1952, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* được dịch ra tiếng Việt xuất bản lần thứ hai. Trong *Lời nói đầu*, Nhà xuất bản đã nói rõ: Nhận thấy bản dịch ấy (năm 1946) còn nhiều thiếu sót, lần này chúng tôi dựa vào bản tiếng Pháp do Lôra Laphacgơ dịch, Ph. Ăngghen duyệt lại, và bản tiếng Trung do Giải phóng xã xuất bản, dịch lại và cho xuất bản lần thứ hai.

Trong hoàn cảnh thiếu thốn và khó khăn trăm bể của cuộc kháng chiến, giấy in sách báo do ta tự sản xuất lấy bằng phương pháp thủ công là chủ yếu nên chất lượng rất xấu, tuy vậy, những cuộn giấy tốt nhất đều được ưu tiên để in các tác phẩm của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin.

Điểm qua những tư liệu lịch sử như vậy để thấy rằng, trong những bối cảnh khác nhau, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã có tác động sâu sắc đến việc hình thành, phát triển di sản tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường độc lập dân

tộc và chủ nghĩa xã hội. Xuất phát từ thực tiễn của Việt Nam và thế giới, Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, vạch ra con đường cách mạng đầy sáng tạo của Việt Nam. Hồ Chí Minh một mặt khẳng định bản chất khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin là chủ nghĩa chắc chắn nhất, chân chính nhất, cách mệnh nhất, kim chỉ nam cho hành động của toàn Đảng, toàn dân ta. Nhưng mặt khác, trong khi tìm hiểu và vận dụng những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn xã hội Việt Nam, Người tiếp tục bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin với những luận điểm rất quan trọng.

Khác với nhiều trí thức tư sản phương Tây đến với chủ nghĩa Mác - Lênin chủ yếu như đến với một học thuyết, nhằm giải quyết những vấn đề về tư duy hơn là hành động, Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin là để tìm kim chỉ nam cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc, tức là từ nhu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Người đã tiếp thu lý luận Mác - Lênin theo phương pháp nhận thức mácxít, đồng thời theo lối “đắc ý, vong ngôn” của phương Đông, cốt nắm lấy cái tinh thần, cái bản chất chứ không chịu trói buộc trong cái vỏ ngôn từ. Hồ Chí Minh vận dụng lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để tự tìm ra những chủ trương, giải pháp, đối sách phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể, từng thời kỳ cụ thể của cách mạng Việt Nam chứ không đi tìm những kết luận có sẵn trong sách vở kinh điển. Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên phải biết vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo.

Từ phương pháp tiếp cận đúng đắn, khoa học trong kế thừa và phát triển sáng tạo *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*,

đồng thời bám sát thực tiễn Việt Nam và thế giới, trên bình diện nhà tư tưởng, Hồ Chí Minh có những đóng góp lớn về nhiều lĩnh vực, mà ở lĩnh vực nào chúng ta cũng đều nhận được ở Người những lời chỉ huấn sâu sắc và thiết thực. Đặc biệt, Hồ Chí Minh đã có những luận điểm sáng tạo góp phần làm phong phú thêm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trong vấn đề cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ mới và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở một nước phương Đông, thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu.

- Đến với chủ nghĩa Mác - Lenin và *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, theo tinh thần giá trị nhân văn cao cả nhất, Hồ Chí Minh trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên, tìm thấy con đường duy nhất đúng đắn cho dân tộc “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổi địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”¹. Bởi lẽ, “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc...”².

Con đường cách mạng vô sản là sự lựa chọn của Hồ Chí Minh, đồng thời cũng là sự lựa chọn của bản thân lịch sử dân tộc. Xét về thực chất, đây là con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, vừa đáp ứng được các nhu cầu phát triển của dân tộc Việt Nam, vừa phù hợp với xu thế phát triển của thời đại ngày nay. Tìm ra con đường đó, Hồ Chí Minh đã khắc phục được sự khủng hoảng về đường lối cứu nước, dẫn dắt dân tộc ta vững bước tiến về phía trước.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.1; t.1, tr.496.

- Hồ Chí Minh là người dân thuộc địa và là người cộng sản đầu tiên có cống hiến to lớn về nghiên cứu chủ nghĩa thực dân và vấn đề giải phóng dân tộc, hiện thực hóa lý luận của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* về bản chất của chủ nghĩa tư bản thể hiện ở sự tha hóa của nó - chủ nghĩa thực dân. Người đã chỉ rõ bản chất, quy luật vận động, địa vị lịch sử của chủ nghĩa thực dân và sự diệt vong tất yếu của nó trong quá trình vận động, phát triển của nhân loại tiến bộ. Những nghiên cứu tư tưởng của Hồ Chí Minh đã vạch ra cho nhân loại con đường thoát khỏi chế độ thực dân. Trong cách mạng giải phóng thuộc địa, Hồ Chí Minh đã nêu một luận điểm đặc biệt sáng tạo: Cách mạng ở các nước thuộc địa cần được tiến hành một cách độc lập, chủ động, sáng tạo, có khả năng giành được thắng lợi trước cách mạng vô sản chính quốc và tác động trở lại, thúc đẩy cách mạng chính quốc. Luận điểm mới mẻ, sáng tạo này có căn cứ khoa học, dựa trên sự nghiên cứu thấu đáo vị trí, vai trò của thuộc địa trong hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới, tiềm năng cách mạng của nhân dân thuộc địa, và được thực tiễn cách mạng Việt Nam chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

- Hồ Chí Minh có những sáng tạo trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, thể hiện tập trung ở các nội dung: chủ nghĩa cộng sản thích ứng ở châu Á, dễ hơn ở châu Âu; tiếp cận tổng hợp các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội, đạo đức, văn hóa về tính tất yếu và bản chất đặc trưng của chủ nghĩa xã hội; quan điểm xác định mục tiêu, động lực, các lực cản trong quá trình phát triển của chủ nghĩa xã hội; xác định loại hình quá độ, nội

dung, bước đi và hệ thống các biện pháp tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Hồ Chí Minh đã nêu những luận điểm mới mẻ, đầy sáng tạo về Đảng và xây dựng Đảng, thể hiện tập trung ở ba nội dung quan trọng nhất: Quy luật hình thành Đảng Cộng sản; bản chất của Đảng trong điều kiện một nước nông nghiệp lạc hậu; xây dựng Đảng Cộng sản cầm quyền. Ở mỗi nội dung này, Hồ Chí Minh đều có các phát kiến lý luận, làm phong phú và phát triển học thuyết Mác - Lê nin về đảng vô sản, hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước, có giá trị sâu sắc cho nhận thức về Đảng và công tác xây dựng Đảng hiện nay.

- Trong tổ chức, tập hợp lực lượng, Hồ Chí Minh đã có các quan điểm sáng tạo về chiến lược đại đoàn kết dân tộc theo phương châm: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”. Với Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc đã được nâng lên một tầm cao mới về chất: Đại đoàn kết có tổ chức, có lãnh đạo. Chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh là một cống hiến to lớn vào kho tàng kinh nghiệm của cách mạng thế giới.

- Từ lý luận bạo lực cách mạng được thể hiện trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Hồ Chí Minh đã có những cống hiến sáng tạo về tư tưởng quân sự, đặt nền móng cho sự hình thành học thuyết quân sự cách mạng Việt Nam hiện đại. Đó là tư tưởng dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng; khởi nghĩa vũ trang toàn dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính; quốc phòng toàn dân và chiến lược bảo vệ Tổ quốc; nghệ thuật

quân sự chủ động tiến công, kết hợp chặt chẽ lực, thế, thời, mưu, đánh địch bằng mọi lực lượng, mọi quy mô, mọi cách, mọi địa hình, đánh vào lòng người, kết hợp tác chiến với binh vận, địch vận.

- Hồ Chí Minh đã hình thành và phát triển một hệ thống các quan điểm sáng tạo về Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam. Đó là quan niệm về Nhà nước của dân, do dân, vì dân; sự thống nhất bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc; về Nhà nước pháp quyền, kết hợp cả “đức trị” và “pháp trị” trong quản lý xã hội, lãnh đạo đất nước.

- Hồ Chí Minh có những luận điểm mới, đầy sáng tạo về vai trò, sức mạnh của văn hóa, đạo đức, coi đạo đức, văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp cách mạng; đặc biệt chú ý đến vấn đề con người, tất cả vì con người, do con người. Luôn luôn coi trọng vai trò của nhân tố con người, coi sự nghiệp “trồng người” là nhiệm vụ chiến lược, vấn đề có tính quy luật, quyết định sự thành bại của cách mạng.

- Hồ Chí Minh đã xác lập hệ phương pháp luận khoa học trong nhận thức, cải biến hiện thực khách quan, giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra mà tiêu biểu là nguyên tắc “Đổi mới, ứng dụng biến” để đạt được mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội...

Những luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh nêu trên là những sáng tạo nổi bật và là những đóng góp không những đối với lý luận cách mạng Việt Nam mà còn đóng góp vào kho tàng lý luận cách mạng thế giới. Xét về thực chất, là sự bám sát những luận điểm gốc mang tính nguyên lý của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

Kể từ lần xuất hiện đầu tiên vào năm 1848, đến nay, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, trên thế giới cũng như ở Việt Nam, đã nhiều lần xuất bản thành sách. Sức sống của tác phẩm thật mãnh liệt và những giá trị ổn định, bền vững của tác phẩm sẽ tồn tại mãi mãi với sự nghiệp cách mạng giải phóng thế giới, cách mạng nước ta trong quá khứ, hiện tại và xuyên suốt tối tương lai. Đặc biệt trong công cuộc đổi mới đồng bộ, toàn diện, hội nhập quốc tế có hiệu quả ở nước ta giai đoạn hiện nay, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vẫn luôn là ngọn đuốc soi đường giúp chúng ta tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn liền với phát triển kinh tế tri thức, tận dụng tối đa ưu thế cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, hiện thực hóa lý tưởng nhân văn theo định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

**VẬN DỤNG NHỮNG LUẬN ĐIỂM
TRONG TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN
ĐỂ XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM
HIỆN NAY**

PGS. TS. NGUYỄN AN NINH*

1. Xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam và Đảng Cộng sản Việt Nam từ những chỉ dẫn cơ bản của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*

Về giá trị của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, V.I. Lenin nhận định: “Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng hàng bộ sách: tinh thần của nó, đến bấy giờ, vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh”¹. Vì nó đã “trình bày một cách hết sức sáng sủa và rõ ràng thế giới quan mới, chủ nghĩa duy vật triệt để - chủ nghĩa duy vật này bao quát cả lĩnh vực sinh hoạt xã hội, - phép biện chứng với tư cách là học thuyết toàn diện nhất và sâu sắc nhất về sự phát triển, lý luận đấu tranh giai cấp và vai trò cách mạng - trong lịch sử toàn thế giới - của giai

* Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

1. V.I. Lenin: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.10.

cấp vô sản, tức là giai cấp sáng tạo ra một xã hội mới, xã hội cộng sản”¹.

Với quá trình xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam, thực tiễn đã và đang xác nhận nhận định của V.I. Lênin về *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

1. Xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam từ sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức; hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* khẳng định *giai cấp công nhân là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp*. Đây cũng là quy luật phát triển của công nhân trong cách mạng công nghiệp. Với cuộc cách mạng công nghiệp này, phương thức sản xuất lớn bằng máy móc, với năng suất lao động cao, quan hệ trong lao động mang tính chất xã hội hóa đã ra đời. Nó làm xuất hiện giai cấp công nhân hiện đại và rèn luyện cho họ nhiều phẩm chất ưu việt so với các giai cấp đương thời như tính hợp tác, kỷ luật lao động công nghiệp, tính tổ chức chặt chẽ và xu hướng công hữu. Đây cũng chính là những phẩm chất của giai cấp cách mạng và lãnh đạo cách mạng.

Cách mạng công nghiệp càng phát triển mạnh mẽ thì càng xác định những phẩm chất đó của công nhân toàn thế giới. Nghiên cứu gần đây của một nhà nghiên cứu nước ngoài cũng khẳng định: “Điểm quyết định nhất chính là giai cấp công nhân có được vị trí trong lòng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chỉ có những ai trong hệ thống đó, quen với

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.26, tr. 57.

cách làm việc, được chủ nghĩa tư bản tổ chức thành một lực lượng có kỹ năng, có ý thức tập thể và chính trị tinh táo. Là những người không thể thiếu được đối với sự hoạt động thành công của chủ nghĩa tư bản nhưng có lợi ích vật chất bị nó làm cho suy giảm, mới có khả năng tiếp quản và vận hành nó vì lợi ích của tất cả mọi người”¹. Chỉ với đại công nghiệp và sự phát triển của giai cấp công nhân thì những khát vọng giải phóng xã hội thoát khỏi nghèo đói, bất công, bất bình đẳng mới được phương pháp duy vật lịch sử soi chiếu và tạo ra cơ sở hiện thực cho lý luận về chủ nghĩa xã hội chuyển biến từ không tưởng thành khoa học.

Luận điểm đó chỉ dẫn quá trình xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay: công nhân là sản phẩm xã hội của quá trình công nghiệp hóa, muốn xây dựng và phát triển giai cấp này phải gắn bó với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa và bản thân giai cấp công nhân Việt Nam cũng phải trở thành nhân tố quyết định cho thành công của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Công nhân cũng là sản phẩm của lịch sử công nghiệp hóa, của mỗi cuộc cách mạng công nghiệp cụ thể. Hiện nay, thế giới đang ở cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và đang dần hướng tới cách mạng công nghiệp lần thứ tư (còn gọi là cách mạng công nghiệp 4.0). Quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay cũng phải gắn bó với xu thế chung.

Theo đó, xây dựng giai cấp công nhân trước hết là đổi mới nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa hiện nay theo hướng trí tuệ hóa lao động song song với ứng dụng công nghệ hiện đại.

1. Terry Eagleton: *Tại sao Mác đúng?*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2014, tr.206-207.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta phải hướng tới trình độ kinh tế tri thức vừa là tất yếu vừa là tự giác. Trong *Lời tựa viết cho lần xuất bản bằng tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” năm 1890*, Ph. Ăngghen đã nhấn mạnh: “Để đạt tới thắng lợi cuối cùng của những nguyên lý đã đề ra trong “Tuyên ngôn”, Mác chỉ tin tưởng vào sự phát triển trí tuệ của giai cấp công nhân, sự phát triển mà hành động chung và tranh luận chung nhất định sẽ mang lại”¹.

- Một đặc điểm mà *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* chỉ ra rằng giai cấp công nhân là chủ thể của hàng hóa sức lao động, “là một hàng hóa, tức là một món hàng đem bán như bất cứ món hàng nào khác; vì thế, họ phải chịu hết mọi sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lên xuống của thị trường với mức độ như nhau”². Quy luật bóc lột giá trị thặng dư và “quy luật cung - cầu” của thị trường sức lao động khiến cho quan hệ giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản diễn ra khá đặc biệt. Hai giai cấp này, xét về lợi ích cơ bản, là “hai giai cấp lớn hoàn toàn đối lập nhau” đấu tranh với nhau “bắt đầu ngay từ khi họ mới ra đời” và trải qua nhiều giai đoạn từ thấp đến cao. Mặt khác, hai giai cấp này cũng cộng sinh, nương tựa với nhau, cần đến nhau trong thị trường sức lao động và quá trình sản xuất giá trị thặng dư. Đấu tranh và thống nhất là hai mặt của quan hệ giai cấp giữa công nhân và tư sản.

Theo đó, ở Việt Nam hiện nay trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quá trình bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động luôn diễn ra song song, hài hòa với lợi ích của những

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.22, tr.97; t.4, tr.605.

người thuê mướn lao động. Cần nắm chắc mối quan hệ biện chứng về lợi ích giữa lao động và tư bản để điều tiết quan hệ lao động. Công cụ pháp lý phổ dụng nhất cần được hoàn thiện là thể chế thị trường sức lao động. Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp để phát triển sản xuất, bảo đảm đời sống công nhân là mục tiêu chung của doanh nghiệp và của Nhà nước.

2. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng

Đảng Cộng sản, chính đảng của giai cấp công nhân, kết quả của đấu tranh giai cấp hiện đại, được *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* khái quát những đặc điểm sau:

Thứ nhất, đó là bộ phận ưu tú của giai cấp công nhân trên các phương diện; về mặt thực tiễn, là “bộ phận kiên quyết nhất”, “thúc đẩy phong trào tiến lên”. Đảng có lợi ích thống nhất với lợi ích của giai cấp vô sản. Trong đấu tranh “đặt lên hàng đầu” lợi ích chung của giai cấp và của toàn bộ phong trào. Về mặt lý luận, do được trang bị những nhận thức về quy luật của lịch sử và của đấu tranh giai cấp từ hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác, từ kinh nghiệm chính trị hiện đại, cho nên Đảng hiểu rõ những tiến trình vận động của lịch sử nói chung và của phong trào công nhân nói riêng.

Thứ hai, Đảng đại diện cho giai cấp và dân tộc để thực hiện lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

Mục đích trước mắt của Đảng Cộng sản là tập hợp giai cấp vô sản “lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản”, “giành lấy chính quyền”. Có hai sự “hóa thân” của giai cấp công nhân trong quá trình thực hiện mục đích này. Một là,

“giai cấp vô sản trở thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ”¹. Hai là, cũng qua đó, trở thành “giai cấp dân tộc” - tức là đại biểu cho lợi ích và triển vọng phát triển của quốc gia, dân tộc.

Mục đích cao nhất của Đảng và giai cấp công nhân là tiến tới xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa. “Thay cho xã hội tư sản, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”².

Những đặc điểm và mục đích chính trị của Đảng Cộng sản mà *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vạch ra, vận dụng vào thực tiễn Việt Nam hiện nay có thể khái quát thành những nhiệm vụ cụ thể sau: Đảng Cộng sản Việt Nam phải luôn phấn đấu để xứng đáng là bộ phận ưu tú nhất của giai cấp công nhân và của dân tộc.

Với tư cách là người lãnh đạo, Đảng phải luôn rèn luyện, nâng cao trình độ lý luận và tư duy lý luận trên cơ sở của thế giới quan, phương pháp luận và những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Trình độ nhận thức lý luận ở tầm quy luật và kinh nghiệm thực tiễn chính trị làm nên bản lĩnh chính trị và vị thế lãnh đạo cách mạng của Đảng. Vì vậy, tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên... là nhiệm vụ thường trực của Đảng.

1, 2. C. Mác - Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.626, 628.

Với tư cách là đảng cầm quyền, đại diện cho giai cấp công nhân để lãnh đạo dân tộc phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng phải luôn xác định rõ ràng rằng, “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”¹. Trong bối cảnh một đảng cầm quyền, “tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của Đảng ta hiện nay.

3. Xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam ngang tầm với sứ mệnh lịch sử của dân tộc

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là lời tuyên bố về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân - giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiến bộ, xu thế dân chủ hóa xã hội, nhưng lại đang bị quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa kìm hãm, giai cấp tư sản bóc lột, thống trị. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là lời tuyên bố về sự diệt vong không tránh khỏi của giai cấp tư sản, chủ nghĩa tư bản và chế độ người bóc lột người cuối cùng trên trái đất. C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra, việc thủ tiêu chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và cùng với nó là xóa bỏ toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa đã được chuẩn bị

1. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.5.

một cách khách quan, bởi sự tác động của chính ngay các quy luật của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Cũng theo *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản, chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất có năng lực thực hiện sứ mệnh lịch sử là xóa bỏ chủ nghĩa tư bản và xây dựng xã hội cộng sản, qua đó tự giải phóng mình, đồng thời giải phóng nhân loại, giải phóng con người. Thực hiện sứ mệnh lịch sử ấy, giai cấp công nhân là “giai cấp đang nắm tương lai trong tay”.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay, theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa X *Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước xác định những vị thế và trách nhiệm cơ bản như sau:*

Một là, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam xứng đáng là “giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam”.

Vị thế chính trị đặc biệt này yêu cầu giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản Việt Nam xác định rõ và rèn luyện những phẩm chất của một giai cấp lãnh đạo dân tộc, đó là có giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng; có ý thức công dân, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho tinh hoa văn hóa của dân tộc; nhạy bén và vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những biến đổi của tình hình trong nước; có tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết, hợp tác quốc tế; thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hai chủ thể liên quan đến vị thế chính trị này ở nước ta hiện nay đều cần rèn luyện, nâng cao hơn về phẩm chất chính trị.

Đối với giai cấp công nhân, cần khắc phục tình trạng giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị của công nhân không đồng đều; sự hiểu biết về chính sách, pháp luật còn nhiều hạn chế. Một bộ phận công nhân chưa nhận thức được vị trí, vai trò của giai cấp mình, thiếu tính tiên phong, gương mẫu, thờ ơ với các vấn đề chính trị, xã hội; một số ít công nhân có lối sống thực dụng, có biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống.

Đối với tổ chức đảng và đảng viên, cần khắc phục tình trạng một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ cao cấp, có biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã chỉ ra tình trạng phai nhạt lý tưởng cách mạng; dao động, giảm sút niềm tin vào mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hoài nghi, thiếu tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Xa rời tôn chỉ, mục đích của Đảng; không kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; phụ họa theo những nhận thức lệch lạc, quan điểm sai trái¹.

Theo đó đối với giai cấp công nhân, quan tâm và đổi mới vấn đề nâng cao giác ngộ chính trị cần được chú ý hơn nữa. Vấn đề hiện nay là làm khác đi chứ không phải chỉ nỗ lực hơn trong tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng. Đối với cán bộ đảng viên có biểu hiện suy thoái, cơ hội, cùn cương quyết đưa ra khỏi Đảng. Thanh đảng để làm cho Đảng trong sạch là nhu cầu thực tế, cấp thiết hiện nay.

Hai là, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam xứng đáng với sứ mệnh “đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd, tr.28.*

Theo thực tế lịch sử và tổng kết lý luận của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, cùng với quá trình công nghiệp hóa, sự trưởng thành của giai cấp công nhân là những nhân tố duy vật cho một quá trình phát triển với chất lượng mới của chủ nghĩa xã hội. Năng suất lao động và tính chất xã hội trong lao động là những giá trị lớn lao mà giai cấp công nhân và phương thức sản xuất công nghiệp cống hiến cho nhân loại. Cũng theo thực tế lịch sử, hiện nay tất cả những nước giàu mạnh, phát triển ở trình độ cao đều có cốt lõi vật chất cho kinh tế - xã hội là nền sản xuất công nghiệp và tỷ lệ tuyệt đại đa số là công nhân trong lực lượng lao động xã hội.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cũng phải thực hiện quy luật đó của xã hội hiện đại. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng là tạo ra những cơ sở duy vật cho quá trình phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc điểm của phát triển hiện đại là lấy việc phát huy nhân tố con người, coi chất lượng của nguồn nhân lực là yếu tố định tính cho trình độ phát triển. Xây dựng giai cấp công nhân nước ta xứng đáng với vị thế là “đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến” của thời đại ngày nay là nhiệm vụ tất yếu, vinh quang và rất khó khăn. Tập trung vào phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa là nhiệm vụ trọng tâm hiện nay. Vốn có thể từ tích lũy, từ đi vay, từ dòng đầu tư nước ngoài, nhưng nhân lực cho công nghiệp hóa nước ta chỉ có thể bằng nội lực và chiến lược phát triển nhân lực của Việt Nam. Trong một thập niên tới, cần phải thay đổi về cơ bản “hình ảnh của người công nhân Việt Nam” từ người công nhân lắp ráp sang người công nhân chế tạo và sáng tạo!. Điều này không phải là không tưởng.

Trong nhiều dây chuyền sản xuất và dịch vụ hiện nay, chúng ta đang thấy xuất hiện khá rõ và đồng đảo dần những người công nhân như thế. Mấu chốt là vấn đề công nghệ, kiểm soát công nghệ nhập vào Việt Nam. Nhà nước sẽ là yếu tố quyết định cho điều kiện phát triển của giai cấp công nhân nước ta.

Ba là, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam “tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh”.

Tính chất tiên phong của giai cấp công nhân không chỉ biểu hiện ở trình độ lao động xã hội hóa, ở phương thức sản xuất tiên tiến mà còn ở chỗ họ cũng là hình mẫu cho một lối sống mới với tác phong, kỷ luật công nghiệp, tinh thần hợp tác, vị tha và phẩm chất của con người xã hội chủ nghĩa. Theo đó, quan tâm đến giai cấp công nhân không chỉ là xây dựng và bảo đảm đời sống vật chất mà còn là đời sống tinh thần xứng đáng với vị thế của giai cấp làm chủ, lãnh đạo. Dân giàu phải hàm chứa đa số công nhân giàu có, sung túc...

Trọng điểm quan tâm hiện nay cần được đặt vào nhóm công nhân trong các thành phần kinh tế ngoài nhà nước. Đây là khối công nhân có số lượng đông đảo nhất (khoảng 13 triệu/ 15 triệu công nhân nước ta hiện nay). Tình huống có vấn đề là ở chỗ, trong nhiều doanh nghiệp, công nhân đang gắn bó với công nghệ hiện đại, có tính xã hội hóa cao nhưng họ chưa có giác ngộ chính trị, ý thức giai cấp tương xứng. Nghịch lý này cần được quan tâm và giải quyết. Nhiều người cho rằng, giáo dục ý thức giai cấp, giác ngộ chính trị cho công nhân của các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) là khó khăn, phức tạp vì đó là những quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chính *Tuyên ngôn của*

Đảng Cộng sản lại chỉ dẫn chúng ta rằng: “Sự tiến bộ của công nghiệp - mà giai cấp tư sản là người đại diện mặc nhiên của nó và không đủ sức chống lại nó - đem sự đoàn kết cách mạng của công nhân do liên hợp lại mà có, thay cho sự chia rẽ của công nhân do cạnh tranh giữa họ gây nên. Như vậy, cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, chính cái nền tảng trên đó giai cấp tư sản đã sản xuất và chiếm hữu sản phẩm của nó, đã bị phá sập dưới chân giai cấp tư sản. Trước hết, giai cấp tư sản sản sinh ra những người đào huyệt chôn chính nó. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”¹. Cần phải chuyển hóa những lợi thế của trình độ xã hội hóa cao trong sản xuất - dịch vụ thành những tiền đề thuận lợi để giáo dục, tổ chức và nâng cao trình độ nhận thức chính trị của công nhân.

Bốn là, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam là “lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng”.

Với tư cách là cơ sở xã hội quan trọng nhất của sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và là hạt nhân của khối liên minh giai cấp giữa công nhân với nông dân và trí thức hiện nay, vai trò chính trị - xã hội của giai cấp công nhân Việt Nam là rất to lớn. Trọng điểm cần được quan tâm hiện nay là tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và giai cấp công nhân, trong đó tăng cường tính chất giai cấp công nhân của Đảng là mấu chốt của vấn đề này.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.612-613.

TINH THẦN TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRONG ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

PGS. TS. TRẦN THỊ MINH TUYẾT*

Cách đây tròn 170 năm, sự ra đời của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* do C. Mác và Ph. Ăngghen soạn thảo đã đánh dấu sự chín muồi của chủ nghĩa Mác với tư cách một hệ tư tưởng. Là tác phẩm lý luận mang tính vạch thời đại và *cương lĩnh chính trị* đầu tiên của giai cấp công nhân, mọi luận điểm trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* có tính khái quát cao độ “để cho cả những hội công liên ở Anh, những môn đồ của Prud'ong ở Pháp, Bỉ, Italia và Tây Ban Nha cũng như Látxan ở Đức đều có thể chấp nhận được”¹. Tuy nhiên, từ những nguyên lý tổng quát trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đến việc đề ra đường lối cách mạng của một chính đảng ở một nước nào đó trong một thời điểm cụ thể nào đó là công việc hết sức khó khăn. Với phẩm chất *trung thành và sáng tạo*, những người cộng sản Việt Nam đã vượt qua thử thách đó khi đường lối *đổi mới* của Đảng đã kế thừa, phát triển sáng

* Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.21, tr.518.

tạo tư tưởng chủ đạo trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vì vậy, giành được thắng lợi to lớn trên thực tế. Bằng lý luận cũng như thực tiễn sinh động của sự nghiệp đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định sức sống trường tồn của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ở thời điểm chủ nghĩa xã hội đang trong giai đoạn thoái trào.

Là cuốn sách “khai tâm, khai trí” về chủ nghĩa Mác, là kim chỉ nam hành động của những con người cùng khổ, từ khi ra đời đến nay, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã cùng với phong trào cộng sản và công nhân thế giới trải qua bao khúc thăng trầm. Riêng ở Việt Nam, kể từ khi Hồ Chí Minh quyết định đi theo con đường cách mạng vô sản, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã soi sáng sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong gần một thế kỷ qua. Khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ và kẻ thù của chủ nghĩa Mác cũng như những kẻ “trở cờ” ra sức nói về “sự cáo chung” của chủ nghĩa xã hội, về tính “lỗi thời” của *Tuyên ngôn*, những người cộng sản Việt Nam vẫn vững tin và kiên trì lấy *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* làm cơ sở lý luận để hình thành nên đường lối đổi mới. Tinh thần của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* bất hủ đã thấm sâu vào đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam và tạo nên những nội dung chính sau đây.

Thứ nhất, kế thừa quan điểm của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản về tính tất yếu của chủ nghĩa cộng sản, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định mục tiêu chủ nghĩa xã hội của sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam.

Với sự khách quan cao độ, C. Mác - Ph. Ăngghen khẳng định chủ nghĩa tư bản là một nấc thang tất yếu trong lịch sử nhân loại và giai cấp tư sản đã từng đóng vai trò hết sức

cách mạng. Tuy nhiên, những thuộc tính cố hữu của xã hội tư bản, mà nổi bật nhất là *chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa* đã dẫn đến việc nảy sinh trong xã hội đó một loạt các mâu thuẫn đối kháng không thể giải quyết. Trong khi “những tên lang băm xã hội đủ các cõi, chúng đã hứa không làm hại gì đến tư bản và lợi nhuận mà vẫn chưa khỏi được đủ mọi tệ nạn xã hội bằng đủ mọi thứ biện pháp vá víu”¹, C. Mác và Ph. Ăngghen đã vượt qua tư tưởng cải lương và chủ nghĩa xã hội không tưởng để khẳng định chân lý: Muốn mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, muốn giải quyết tận gốc những mâu thuẫn của xã hội tư bản thì phải tiến hành *cách mạng vô sản*, lật đổ chế độ tư bản, thiết lập chế độ mới - chế độ cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội. Khẳng định tính tất yếu trong sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản là tư tưởng chủ đạo của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* nhưng C. Mác và Ph. Ăngghen cũng lưu ý rằng: Đó là xu hướng tất yếu trong tương lai, còn hiện tại, chủ nghĩa tư bản vẫn có “đất” để kéo dài sự tồn tại của mình.

Thực tế cho thấy, dự báo của C. Mác - Ph. Ăngghen về khả năng điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản là hoàn toàn chính xác. Chỉ trong vài thập niên cuối thế kỷ XX, các nước tư bản phát triển đã tích cực ứng dụng thành quả của khoa học - công nghệ vào sản xuất, tăng cường quỹ phúc lợi xã hội và điều chỉnh linh hoạt các hình thức sở hữu tư bản như mở rộng chế độ cổ phần, bán cổ phiếu cho người lao động, làm cho công nhân trở thành người hữu sản... Nhìn vào hiện

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.21, tr.522.

tượng đó, các nhà lý luận tư sản đã đưa ra khái niệm “chủ nghĩa tư bản nhân dân, nhân đạo” và cho rằng chủ nghĩa tư bản đã tự hóa giải được mâu thuẫn của mình.

Đối ngược lại với sự điều chỉnh mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản, do tác động của nhiều nguyên nhân, chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu đã sụp đổ. Thực tế đó là một thử thách đối với *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* nói riêng và toàn bộ chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung. Nhân dịp đó, kẻ thù của chủ nghĩa Mác lớn tiếng cho rằng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã trở thành “áng văn lỗi thời”, thành “niềm hoang tưởng” vì “chủ nghĩa xã hội là một sai lầm”, chủ nghĩa tư bản là “sự tận cùng của lịch sử”... Một số chính khách phương Tây còn phán đoán rằng, thể chế cộng sản ở Việt Nam sẽ nhanh chóng sụp đổ sau khi Liên Xô tan vỡ. Tuy nhiên, có nhiều lý do để thực tế không diễn ra như vậy, trong đó, khả năng “chèo lái” của Đảng Cộng sản Việt Nam đóng vai trò số một.

Lịch sử chỉ chấp nhận những gì phù hợp với nó, sau “cơn địa chấn chính trị” từ Đông Âu và Liên Xô, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nghiêm túc *đánh giá thời cuộc* để tìm ra phương hướng hành động đúng đắn. Đánh giá về chủ nghĩa tư bản, Đảng ta cho rằng: Ở các nước tư bản, dù đời sống của giai cấp công nhân ít nhiều được cải thiện, số lượng, chất lượng, cơ cấu của giai cấp công nhân có sự biến đổi nhưng địa vị kinh tế của họ vẫn không đổi khác; quyền chi phối xí nghiệp vẫn thuộc về các ông chủ tư bản chiếm đa số cổ phần; hố sâu ngăn cách giữa tư bản và lao động làm thuê ngày càng giãn cách... Trong xu thế toàn cầu hóa, mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản không dừng lại trong lòng các nước tư bản phát triển mà còn mở rộng ra thành mâu thuẫn giữa các nước giàu và

các nước nghèo, các nước phát triển và các nước đang phát triển. Vì thế, dù điều chỉnh đến đâu thì chủ nghĩa tư bản không thể thay đổi bản chất bóc lột giá trị thặng dư, không thể giải quyết tận gốc mâu thuẫn đối kháng giữa giai cấp tư sản và vô sản nên sự sụp đổ của nó chỉ còn là vấn đề thời gian.

Song song với việc đánh giá thực trạng của chủ nghĩa tư bản, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng phân tích tương lai của chủ nghĩa xã hội. Đảng ta cho rằng, nếu lịch sử không bao giờ là con đường thẳng trơn tru, chỉ có tiến mà không có lùi thì lịch sử phát triển của chủ nghĩa xã hội sẽ càng như vậy vì chủ nghĩa xã hội là một chế độ “khác về chất” so với tất cả các chế độ từng tồn tại trước nó. Hơn nữa, so với lịch sử mấy trăm năm của chủ nghĩa tư bản thì 100 năm phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực chỉ là chặng đường đầu mang tính khảo nghiệm. Sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa do những khiếm khuyết của mô hình Xôviết chỉ dẫn đến những thay đổi tạm thời về cục diện chính trị thế giới chứ *không làm thay đổi tính chất của thời đại*. Cái mất đi sau sự kiện đó không phải là tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội và ý nghĩa thời đại của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* mà là *những nhận thức áu trĩ, đơn giản của những người cộng sản về nó*.

Với nhận thức sâu sắc và tường minh như vậy, cho dù nhiều kẻ cơ hội đã “bẻ ghi” cả trong nhận thức lẩn hành động, trong 30 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán trong việc khẳng định *tính tất yếu của chủ nghĩa cộng sản* như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã khẳng định. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng phân tích: “Chủ nghĩa tư bản hiện đại đang nắm ưu thế về vốn, khoa học và công nghệ, thị trường, song không thể khắc

phục nối những mâu thuẫn vốn có... Chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới. Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”¹. Nhận định sâu sắc này đã được Đảng Cộng sản Việt Nam tái khẳng định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*.

Song song với việc khẳng định tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn *giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới*. Để sự nghiệp đổi mới không rơi vào nguy cơ “chêch hướng xã hội chủ nghĩa”, Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (tháng 3/1989) của Đảng xác định rõ: Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện tốt hơn bằng quan niệm đúng đắn, hình thức, biện pháp và bước đi thích hợp; đổi mới không phải là xa rời chủ nghĩa Mác - Lê nin mà là sự vận dụng sáng tạo học thuyết đó và khắc phục những quan điểm không đúng về nó. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (năm 1991) của Đảng Cộng sản Việt Nam dù diễn ra ở thời điểm hết sức nhạy cảm vẫn khẳng định “kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn”². *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.13-14.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1991, tr.108.

quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) do Đại hội XI của Đảng thông qua cũng nhấn mạnh: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”¹. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng tiếp tục khẳng định việc “kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”². Như vậy, dù phong trào cộng sản thế giới đang lâm vào thoái trào, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn chói ngời một niềm tin vào tương lai của chủ nghĩa cộng sản như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã khẳng định và kiên trì từng bước hiện thực hóa mục tiêu đó. Mặt khác, thông qua sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam, luận điểm về tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã được khẳng định và phát triển cả bằng lý luận và thực tiễn.

Thứ hai, kế thừa quan điểm của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhấn mạnh vai trò lãnh đạo xã hội và bản chất giai cấp công nhân của mình.

Điều mấu chốt nhất của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* với tư cách là cương lĩnh chính trị của giai cấp vô sản nằm ở chỗ: Nó không chỉ khẳng định, rằng “giai cấp tư sản sản sinh ra những người đào huyệt chôn chính nó”³ mà còn chỉ ra con

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.70.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.17.

3. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.613.

đường và điều kiện để giai cấp vô sản hoàn thành sứ mệnh của mình. Con đường đó là con đường cách mạng vô sản; điều kiện tiên quyết là giai cấp vô sản phải *thành lập chính đảng của mình*, tức *Đảng Cộng sản* và thực hiện vai trò lãnh đạo xã hội thông qua nó. C. Mác - Ph. Ăngghen cũng nhấn mạnh *bản chất giai cấp công nhân của Đảng* khi yêu cầu Đảng của giai cấp vô sản “tuyệt nhiên không có một lợi ích nào tách khỏi lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản”¹. Mặt khác, các ông cũng yêu cầu giai cấp vô sản mỗi nước “phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc”² với hàm nghĩa là họ phải đại diện cho lợi ích của cả dân tộc, cuộc đấu tranh giai cấp phải gắn liền với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Khả năng đại diện, đấu tranh cho lợi ích dân tộc chỉ thuộc về giai cấp công nhân bởi họ không gắn với chế độ tư hữu và do đó, họ không có lợi ích riêng đối ngược với lợi ích của toàn xã hội.

Ngay từ thời của C. Mác - Ph. Ăngghen, giai cấp tư sản đã run sợ trước sức mạnh của lực lượng chính trị mới nên tung ra luận điệu về “bóng ma chủ nghĩa cộng sản”. “Giàu đỗ bìm leo”, khi Đảng Cộng sản ở Liên Xô và các nước Đông Âu mất quyền lãnh đạo xã hội, những kẻ chống phá chủ nghĩa Mác - Lenin đã ra sức đả kích chủ nghĩa Mác, bôi nhọ những người cộng sản, thậm chí họ còn đặt chủ nghĩa cộng sản bên cạnh chủ nghĩa phát xít. Dù bị tấn công và cô lập, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn quyết tâm giữ vững vai trò lãnh đạo xã hội của mình. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng ghi rõ: “Đảng phải kiên trì và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.614, 624.

*vai trò lãnh đạo xã hội*¹. Không dừng lại ở chủ trương, đường lối, quyền lãnh đạo Nhà nước và xã hội của Đảng còn được hiến định tại Điều 4 của Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013 cũng như được giữ vững trên thực tế. Kết quả là đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam là một trong số rất ít các đảng cộng sản trên thế giới nắm giữ vai trò cầm quyền.

Cũng trong tiến trình đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng hiểu rõ quan điểm của C. Mác - Ph. Ăngghen và tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất của Đảng Cộng sản nên đã đưa ra nhận thức mới cho câu hỏi “Đảng của ai?”. Nếu Cương lĩnh năm 1991 cho rằng Đảng Cộng sản Việt Nam là *đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam*, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc thì Văn kiện Đại hội X của Đảng đã khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”². Nội dung này đã được tái khẳng định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (*bổ sung, phát triển năm 2011*) do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng thông qua. Như vậy, từ quan điểm của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* về trách nhiệm của Đảng đối với dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Sđd*, tr.53.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd*, tr.130.

Việt Nam đã khẳng định *bản chất giai cấp công nhân* và *tính dân tộc sâu sắc* của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhờ đó, Đảng Cộng sản Việt Nam từ Đảng của giai cấp đã trở thành “Đảng ta” trong sự tin yêu, đùm bọc của nhân dân Việt Nam. Dù rất đề cao tính dân tộc của Đảng nhưng trong suốt thời kỳ đổi mới, Đảng vẫn không ngừng tăng cường *bản chất giai cấp công nhân* của mình bằng cách luôn kiên định mục tiêu chủ nghĩa xã hội, luôn củng cố nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, luôn thực hành các nguyên tắc tổ chức của một đảng leninist... Việc kết hợp bản chất giai cấp và tính dân tộc sâu sắc đã giúp Đảng khắc phục được cả hai trạng thái cực đoan là phủ nhận bản chất giai cấp công nhân của Đảng, biến Đảng trở thành “Đảng toàn dân” hoặc tách rời Đảng khỏi dân tộc, làm Đảng không thể trở thành “dân tộc” như C. Mác và Ph. Ăngghen đã yêu cầu.

Thứ ba, kế thừa quan điểm của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản về vai trò quyết định của kinh tế tới hình thái và ý thức xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định tầm quan trọng của đổi mới kinh tế trong chiến lược đổi mới toàn diện của đất nước.

Với quan điểm duy vật lịch sử, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã khẳng định vai trò quyết định của sản xuất vật chất đối với tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Trong *Lời tựa cho bản tiếng Đức “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”* xuất bản năm 1883, Ph. Ăngghen viết: “Tư tưởng cơ bản và chủ đạo của “Tuyên ngôn”: là trong mỗi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra, - cả hai cái đó cấu thành cơ sở của lịch sử

chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy”¹. Quan điểm này của C. Mác - Ph. Ăngghen đã được kiểm chứng bởi thực tế. Trước đây, khi C. Mác và Ph. Ăngghen chủ trương tiến hành *cách mạng vô sản* để xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất thì cuộc cách mạng này thực chất có nội dung kinh tế. Sau này, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô cũng bắt nguồn từ lý do kinh tế. Cụ thể là do căn bệnh chủ quan duy ý chí, do mong muốn có ngay chủ nghĩa xã hội, những người cộng sản đã nôn nóng xóa bỏ các hình thức sở hữu trung gian, ô ạt công hữu hóa khi lực lượng sản xuất còn thấp, trình độ quản lý còn hạn chế. Trong quản lý kinh tế, chế độ bao cấp, phân phôi bình quân đã làm triệt tiêu tính tích cực của người lao động. Tính kế hoạch hóa quá cao, không quan tâm đến nhu cầu, thị hiếu thị trường, việc chậm ứng dụng các thành quả khoa học - công nghệ vào sản xuất đã làm năng suất lao động của các nước xã hội chủ nghĩa bị suy giảm. Đúng như V.I. Lê nin đã nói, trong điều kiện tồn tại hai hệ thống chính trị đối lập là chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, câu hỏi “ai thắng ai” sẽ do năng suất lao động trong chế độ đó quyết định. Khả năng cạnh tranh kém của nền kinh tế Xô viết chính là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu.

Kế thừa quan điểm duy vật trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, dù khẳng định sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam mang tính toàn diện, đồng bộ và triệt để, Đảng ta vẫn coi đổi mới kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm. Thực hiện chủ trương đúng đắn đó, Đảng ta đã bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.21, tr.11.

chỉnh cơ cấu đầu tư, tập trung thực hiện ba chương trình mục tiêu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, xem đó là mũi nhọn phát triển kinh tế trong thời kỳ mới. Đảng cũng kiên quyết xóa bỏ nền kinh tế quan liêu bao cấp để xây dựng “nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”¹ có sự quản lý của Nhà nước. Trong quá trình đổi mới kinh tế, nhận thức của Đảng về kinh tế thị trường đã có sự thay đổi căn bản và sâu sắc khi cho rằng kinh tế thị trường không phải là sản phẩm của riêng chủ nghĩa tư bản mà là thành tựu chung của cả nhân loại. Là một “kiểu” tổ chức kinh tế, kinh tế thị trường không phải là cái “riêng có” của nước này hay nước kia, của chế độ chính trị này hay chế độ chính trị khác. Vì vậy, kinh tế thị trường sẽ tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ và cần phải sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Xóa bỏ được thiên kiến về kinh tế thị trường vốn kéo dài trong nhiều thập niên trước đó là bước tiến lớn trong nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ đổi mới, nhận thức của Đảng về vấn đề sở hữu - một nội dung trọng yếu của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* cũng có sự đột phá. Nếu trước đổi mới, Đảng ta từng chủ trương xóa bỏ tư hữu thì giờ đây, Đảng đã hiểu đúng quan điểm của C. Mác - Ph. Ăngghen rằng “đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xóa chế độ sở hữu tư sản”² với tư cách là công cụ để áp bức, bóc lột. Vì vậy, trong hơn 30 năm đổi mới,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Sđd, tr.86.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.615.

Đảng ta luôn nhất quán trong chủ trương duy trì một nền kinh tế nhiều thành phần và tương ứng với nó là *chế độ đa sở hữu* về tư liệu sản xuất. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã thể hiện chủ trương mở rộng các hình thức sở hữu khi yêu cầu: “Từ các hình thức sở hữu cơ bản: *sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân* hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, đan xen, hỗn hợp”¹. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng còn tuyên bố sẽ “Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp, các hình thức tổ chức kinh doanh với *sở hữu hỗn hợp*, nhất là các doanh nghiệp cổ phần”². Bằng việc mở rộng các hình thức sở hữu trong thời kỳ quá độ, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát triển quan điểm của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* về vấn đề sở hữu.

Thứ tư, kế thừa trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản luận điểm về tính tiên phong của những người cộng sản, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xây dựng nên hệ thống biện pháp đúng đắn về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Sau khi chỉ ra sứ mệnh cao cả của giai cấp công nhân trong việc lật đổ xã hội tư bản đầy mênh man thuẫn và thiết lập xã hội cộng sản có tính nhân văn cao độ, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã chỉ ra điều kiện tiên quyết mà giai cấp công nhân cần thực hiện: Thành lập Đảng Cộng sản - một chính

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sđd, tr.96.*

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr.107.*

đảng của giai cấp vô sản. Do sức chiến đấu của Đảng phụ thuộc vào chất lượng đảng viên nên trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác - Ph. Ăngghen đã nêu một cách khái quát các tiêu chí, phẩm chất mà người cộng sản phải có. Xét về lợi ích, Đảng Cộng sản mang *bản chất của giai cấp công nhân* nên những người cộng sản phải đại diện cho lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản trên toàn thế giới. Về hoạt động thực tiễn, họ là bộ phận kiên quyết nhất, có vai trò thúc đẩy phong trào tiến lên. Về mặt lý luận, họ là những người nắm vững lý luận cách mạng, thấu hiểu tình hình thực tế. Phải nói thêm rằng khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, chưa có tổ chức nào với tư cách một đảng cộng sản được thành lập nên hệ tiêu chí về người cộng sản mới chỉ được C. Mác và Ph. Ăngghen phác thảo trên nét lớn.

Khi tiến hành sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có kinh nghiệm của mấy chục năm cầm quyền, đã thấy rõ tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng không chỉ bằng thực tiễn của chính mình mà còn bằng sự thất bại đau đớn của các đảng anh em. Vì thế, công tác xây dựng Đảng luôn được xác định là “nhiệm vụ then chốt”¹, việc tự đổi mới, tự chỉnh đốn luôn được coi là “một quy luật phát triển của Đảng”².

Sự vững mạnh, trong sạch của Đảng luôn là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và sự phát triển bền vững của dân tộc nên trong 30 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng Đảng về mọi phương diện

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.74, 47.

nhu tư tưởng, chính trị, tổ chức và đạo đức. Bổ sung nội dung xây dựng Đảng về đạo đức là đóng góp lớn của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam cho lý luận về công tác xây dựng Đảng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trước tình trạng “nhạt đảng”, hoài nghi nền tảng tư tưởng của Đảng và mục tiêu chủ nghĩa xã hội của một bộ phận không nhỏ đảng viên, Đảng ta đã kiên trì đẩy mạnh công tác tuyên truyền và bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin mà *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là tài liệu quan trọng số một. Hội nghị Trung ương 4 khóa XII còn coi việc lười học lý luận, lười suy nghĩ là biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị và tình trạng đó phải được đẩy lùi.

Sinh thời, Hồ Chí Minh cho rằng, phẩm chất hàng đầu của người cộng sản là “giữ chủ nghĩa cho vững”¹, tức là phải trung thành với lý tưởng. Tuy nhiên, càng trung thành thì càng phải sáng tạo, vì không có cách gì loại bỏ nhanh chóng một hệ tư tưởng ra khỏi đời sống bằng việc “đóng” nó vào cái “khung” cũ kỹ, chật hẹp. Trước đây, chỉ 25 năm sau khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời, với thái độ khoa học và quan điểm lịch sử, C. Mác và Ph. Ăngghen đã cho rằng không nên quá cùn nệ vào 10 biện pháp cách mạng mà *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã nêu ra, rằng “việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh đương thời”². Nhờ việc phát triển sáng tạo những nguyên lý cơ bản trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* vào điều kiện thực tiễn của Việt Nam hiện nay, sự nghiệp đổi mới ở nước ta

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.280.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.128.

không bị rơi vào sự “chêch hướng xã hội chủ nghĩa”, không đi ngược lại lý tưởng của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và giành được thắng lợi to lớn.

Nếu “Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt”¹ thì đổi mới thực sự là một *cuộc cách mạng* mà muốn thành công thì Đảng phải xác định đúng mục tiêu, lực lượng lãnh đạo, nội dung trọng tâm, nguyên tắc thực hiện... *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* với những luận điểm mang tính chân lý chính là cơ sở lý luận trọng yếu để Đảng Cộng sản Việt Nam hình thành nên đường lối đổi mới. Bằng cách đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chứng minh rằng: Giá trị của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* luôn mang tính “tự thân” nhưng lúc nào, ở đâu những người cộng sản biết cách khai thác giá trị ấy thì chủ nghĩa xã hội ở đó sẽ thành công và ngược lại. Do chủ nghĩa xã hội không thể xây dựng một lần là xong, lý luận về nó không thể vạch ra một lần là đủ, để đưa sự nghiệp đổi mới ở nước ta đi vào “chiều sâu”, Đảng phải tiếp tục khai thác giá trị to lớn của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* bằng tư duy mới và trình độ mới.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.284.

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VỚI VAI TRÒ CỦA TRÍ THỨC TRONG CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

TS. NGUYỄN TRẦN THÀNH*

Vị trí, vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là nội dung trọng tâm, xuyên suốt trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* viết năm 1848, nhưng không thể vì thế mà nói rằng C. Mác và Ph. Ăngghen đã “bỏ quên” không đề cập tầng lớp trí thức. Đọc *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, những người cộng sản ngày nay còn tìm thấy những nhận định, đánh giá quý báu của các ông về vị trí, vai trò, sứ mệnh người trí thức trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

1. Từ thực tiễn cuộc đời hoạt động cách mạng vô cùng phong phú, sôi động của mình, C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ rõ sự hình thành và phát triển tầng lớp trí thức gắn liền với quá trình hình thành, phát triển xã hội có giai cấp. Họ bao gồm các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, nhà giáo, kỹ sư, bác sĩ, nhà lãnh đạo, quản lý, nhà văn, nhà báo, các nghệ nhân..., là

* Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

những người lao động trí óc phức tạp, sáng tạo. Giá trị đích thực trong lao động của họ là đạt đến chân lý và lẽ phải; vận dụng tri thức đã lĩnh hội được vào thực tiễn, tạo ra của cải vật chất và tinh thần phục vụ nhu cầu con người và phát triển xã hội.

Tuy nhiên, trong xã hội dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, cụ thể ở đây là xã hội tư bản chủ nghĩa, cũng giống như giai cấp công nhân, trí thức không có tư liệu sản xuất, luôn luôn bị đẩy xuống hàng ngũ những người vô sản, chịu cảnh làm thuê.

Thực tiễn phát triển xã hội đã chỉ rõ, dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, chế độ xã hội mà ở đó “giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại”¹. Nhưng cũng trong xã hội này, quan hệ giữa con người với con người chỉ là quan hệ tiền bạc lạnh lùng, “ngoài lợi ích trần trụi” và lối “tiền trao cháo múc” không tình nghĩa² thì mọi tầng lớp xã hội, kể cả trí thức, đều bị cỗ máy tư sản chuyển hóa trở thành công cụ để giai cấp tư sản bóc lột.

Mặc dù là lực lượng xã hội tương đối độc lập, xuất hiện trong mọi chế độ xã hội phân chia thành giai cấp nhưng đến nay chính phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cũng vẫn buộc người trí thức “thấy rằng đã gần đến lúc họ sẽ hoàn toàn biến mất với tính cách là bộ phận độc lập của xã hội, và... họ sẽ nhường chỗ cho những đốc công và nhân

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.603, 600.

viên làm thuê¹. Ngay đến các nhà văn vốn là bộ phận của tầng lớp trí thức, luôn được biết đến như tầng lớp lao động được tự do về tư tưởng cũng “ngả nghiêng giữa giai cấp vô sản và tư sản”², khó có được chính kiến đúng đắn trong chế độ xã hội mà ở đó quan hệ giữa con người với con người rút cục vẫn chỉ là quan hệ tiền bạc sòng phẳng. C. Mác và Ph. Ăngghen viết: “đã xuất hiện những nhà văn đúng về phía giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, nhưng đã dùng cái thước đo tiểu tư sản và tiểu nông trong việc phê phán chế độ tư sản, và đã xuất phát từ những quan điểm tiểu tư sản mà bênh vực sự nghiệp của công nhân”³.

Do không có tư liệu sản xuất và để có thể duy trì cuộc sống tối thiểu hằng ngày, tầng lớp trí thức vẫn phải chấp nhận thân phận của người làm thuê, làm nô lệ cho những kẻ có tư liệu sản xuất là những ông chủ tư bản, gắn chặt với chủ tư bản. C. Mác và Ph. Ăngghen viết: “Bác sĩ, luật gia, tu sĩ, thi sĩ, bác học đều bị giai cấp tư sản biến thành những người làm thuê được trả lương của nó”⁴.

Sáng tạo và phản biện xã hội vốn là đặc trưng cơ bản trong hoạt động của người trí thức nhưng do không có tư liệu sản xuất, phải sống dưới chế độ tư sản hà khắc, tàn bạo, bất công vì “những người lao động thì không được hưởng, mà những kẻ được hưởng lại không lao động”⁵, không có cách nào khác tầng lớp trí thức phải chấp nhận, cam chịu thân phận làm thuê, mặc nhiên thừa nhận quan hệ bất bình đẳng, bóc lột diễn ra công khai như một lẽ tự nhiên, bất lực, không có

1, 2, 3, 4, 5. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd, t.4, tr 632, 600, 619.*

chính kiến gì trước những đổi thay của đất nước, của chế độ. Đó là địa vị thấp hèn của trí thức trong chủ nghĩa tư bản.

C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ rõ tầng lớp trí thức chỉ có thể thay đổi địa vị, số phận từ người bị bóc lột, làm thuê, phụ thuộc vào chủ nghĩa tư bản để trở thành người làm chủ bản thân mình khi và chỉ khi họ được giác ngộ, đi theo những người cộng sản, dưới sự lãnh đạo của Đảng làm cách mạng vô sản, lật đổ chủ nghĩa tư bản thay thế bằng chủ nghĩa xã hội... bởi vì khác biệt căn bản giữa chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản không phải và không chỉ là ở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất mà còn là sự tồn tại và lớn mạnh không ngừng của giai cấp công nhân là giai cấp có khả năng thực hiện được việc giải phóng tất cả những thành viên xã hội. Các thành viên xã hội, như C. Mác và Ph. Ăngghen đã nêu, đó không chỉ là giai cấp công nhân mà bao gồm tất cả tầng lớp lao khổ, trong đó có trí thức.

Tầng lớp trí thức và giai cấp công nhân đều là những người vô sản, đều bị nhà tư sản bóc lột, nhưng sự khác biệt là ở chỗ giai cấp công nhân khi giải phóng mình cũng đồng thời giải phóng mọi người lao động khỏi áp bức, bóc lột, trong đó có tầng lớp trí thức; rằng giai cấp công nhân vừa là giai cấp đối lập với giai cấp tư sản, vừa “là con đẻ của nền đại công nghiệp”, không ngừng lớn mạnh cùng với sự phát triển vượt bậc của đại công nghiệp, đại biểu cho lực lượng sản xuất mới, tiến bộ lại được rèn luyện trong nền sản xuất đại công nghiệp, có tính đoàn kết, kỷ luật nên là giai cấp cách mạng nhất, đủ sức chống chọi lại giai cấp tư sản, xóa bỏ xã hội tư bản, xây dựng xã hội mới, xã hội cộng sản chủ nghĩa. Nhưng một mình giai cấp công nhân dù có triệt để cách mạng thì

bản thân họ cũng khó có thể đưa cách mạng đi đến thành công triệt để nếu không tập hợp được đông đảo lực lượng cách mạng, bao gồm cả tầng lớp trí thức.

Đối với tầng lớp trí thức, trong phong ba bão táp của cuộc cách mạng vô sản, C. Mác và Ph. Ăngghen đã nhìn thấy được tính hai mặt của lực lượng lao động này. *Một mặt*, là người lao động, họ luôn mong muốn được cống hiến sức lực, trí tuệ của mình vì lợi ích bản thân, gia đình và xã hội; *mặt khác*, họ chỉ là một tầng lớp xã hội không thuộc về giai cấp cụ thể nào. Thân phận làm thuê, luôn “chung chiêng”, “dao động”, thiếu kiên định. Nhưng họ lại là lực lượng lao động đặc thù có sức mạnh to lớn từ trí tuệ, sáng tạo nếu họ được giác ngộ lý tưởng cách mạng. Đây là phát hiện to lớn của những người sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học. C. Mác và Ph. Ăngghen viết: “Cũng như xưa kia, một bộ phận của quý tộc chạy sang hàng ngũ giai cấp tư sản; ngày nay, một bộ phận của giai cấp tư sản cũng chạy sang hàng ngũ giai cấp vô sản, đó là bộ phận những nhà tư sản đã vươn lên nhận thức được, về mặt lý luận, toàn bộ quá trình vận động của lịch sử”¹.

Cùng chịu thân phận làm thuê, bị bóc lột của chủ nghĩa tư bản giống như giai cấp công nhân, nhưng so với giai cấp công nhân, tầng lớp trí thức vẫn chưa phải là lực lượng triệt để cách mạng là do địa vị xã hội của họ luôn giữ bản chất cố hữu là “tầng lớp trung gian”, chung chiêng, dao động, do đó không thể tự mình vượt ra ngoài khuôn khổ chật hẹp của phương thức sản xuất dựa trên chế độ tư hữu. Trong chủ nghĩa tư bản, nếu không liên minh với giai cấp công nhân,

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.610.

tầng lớp trí thức càng không thể thay đổi được địa vị, số phận của mình. Về phía giai cấp công nhân, cũng không thể thực hiện thành công cách mạng vô sản, nếu không liên minh với các lực lượng xã hội khác, trong đó có tầng lớp trí thức.

Phát hiện được sức mạnh tầng lớp trí thức và tập hợp họ trở thành lực lượng đông đảo đứng xung quanh giai cấp công nhân để làm cách mạng là do nhu cầu, lợi ích tự thân, khách quan quy định, đó là công lao to lớn của C. Mác và Ph. Ăngghen, đồng thời cũng phản ánh sự hơn hẳn của các ông so với các nhà tư tưởng tiền bối trước đó. Bởi lẽ, trong khi các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước C. Mác khi nhìn nhận về giai cấp vô sản thì thấy đây chỉ là giai cấp những người lao động nghèo, “vô sản”, không có tư liệu sản xuất; sự nghèo khổ của họ là tự nhiên mà không phải là kết quả sự bóc lột tàn bạo của giai cấp tư sản; do đó các nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng không tìm thấy lực lượng xã hội nào có thể biến những tư tưởng nhân đạo, cách mạng mà họ đưa ra trở thành hiện thực thì C. Mác và Ph. Ăngghen đã nhìn thấy ở giai cấp công nhân, và cùng với nó là tầng lớp trí thức, có sức mạnh to lớn, là lực lượng liên minh với giai cấp công nhân trong cách mạng vô sản.

Bản thân cuộc đời hoạt động của C. Mác và Ph. Ăngghen không chỉ là tấm gương về người trí thức lỗi lạc của những người lao động cùng khổ, mà còn là mẫu hình của những trí thức lao động trí tuệ, sáng tạo không ngừng nghỉ và dám vượt bờ, rũ bỏ quá khứ còn rói rứt lại, sẵn sàng chuyển từ lập trường duy tâm để trở thành người trí thức đứng trên lập trường duy vật cách mạng khi đã nhận được quy luật phát triển xã hội, được thể hiện qua hàng loạt các công trình khoa học của mình.

Từ năm 1843, trong tác phẩm *Những thắng lợi của phong trào cải cách trên lục địa*, C. Mác và Ph. Ăngghen quan niệm chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội được ra đời một cách tất yếu của “cuộc cách mạng triệt để trong cơ cấu xã hội”, và dựa trên chế độ xã hội mà ở đó “lấy sở hữu tập thể là cơ sở”. Trong tác phẩm *Sự khốn cùng của triết học* (1846 - 1847) và *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản* (1847), C. Mác và Ph. Ăngghen tiếp tục chỉ rõ chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản tất yếu sẽ thay thế chủ nghĩa tư bản, đó là một chế độ xã hội không còn có giai cấp và đối kháng giai cấp, và dựa trên việc thủ tiêu chế độ tư hữu. Đến *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã thể hiện rõ là những trí thức có tư duy biện chứng duy vật khoa học và cách mạng, đầu óc uyên bác khi trình bày một cách hệ thống, chặt chẽ những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, tìm ra bản chất xã hội tư bản chủ nghĩa ở những thập niên 40 thế kỷ XIX đồng thời dự báo đúng đắn về quy luật phát triển lịch sử, rằng “sự phát triển xã hội là quá trình phát triển lịch sử - tự nhiên”... “là sự thay thế nhau của các hình thái kinh tế - xã hội”, từ xã hội tư bản chủ nghĩa chuyển biến lên xã hội cộng sản chủ nghĩa không thể biến thành hiện thực nếu không có vai trò của giai cấp công nhân... Rằng cùng với giai cấp công nhân, tầng lớp trí thức khi đã được giác ngộ cách mạng sẽ là lực lượng tham gia tích cực vào quá trình chuyển biến cách mạng từ xã hội tư bản chủ nghĩa sang xã hội xã hội chủ nghĩa - giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản.

2. Muốn giải phóng thân phận tầng lớp trí thức trên các phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, tạo động lực cho sự lao

động trí tuệ, sáng tạo của họ thì phải bắt đầu từ việc thu tiêu chế độ tư hữu, xóa bỏ sự thống trị của giai cấp tư sản, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa cộng sản thông qua việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Nghiên cứu xã hội tư bản ở thế kỷ XIX, C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ rõ chủ nghĩa tư bản là một nấc thang tiến bộ xã hội được ra đời trên cơ sở đập tan chế độ phong kiến, mở đường, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, rằng: “Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại”¹. Nhưng cũng chính giai cấp này đã không ngừng “rèn ra vũ khí để tiêu diệt nó”, đó là tạo ra mâu thuẫn sâu sắc giữa lực lượng sản xuất phát triển với quan hệ sản xuất tư bản tư nhân về tư liệu sản xuất ngày càng chật hẹp, đòi hỏi phải được xóa bỏ mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, đồng thời còn tạo ra người sử dụng vũ khí chống lại nó - đó là giai cấp vô sản.

Giai cấp công nhân là giai cấp đối lập với giai cấp tư sản, “là con đẻ của nền đại công nghiệp”, không ngừng lớn mạnh cùng với sự phát triển của giai cấp tư sản, của đại công nghiệp, lại được rèn luyện trong nền sản xuất đại công nghiệp, họ là giai cấp có tổ chức chặt chẽ, có tính đoàn kết, kỷ luật cao nhất, là giai cấp tiên tiến đại biểu cho lực lượng sản xuất mới, tiến bộ. Đúng như C. Mác và Ph. Ăngghen đã viết: “Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng. Tất cả các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.603.

với sự phát triển của đại công nghiệp”¹. Nhưng bản thân giai cấp công nhân cũng không thể thực hiện sứ mệnh của mình nếu không có Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân, là tổ chức có *trình độ lý luận* và *trình độ tổ chức* cao là cơ sở bảo đảm cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chuyển từ tự phát đến tự giác, từ đấu tranh kinh tế đến đấu tranh chính trị nhằm mục tiêu giành chính quyền từ tay giai cấp tư sản. Nhờ trình độ lý luận cao, những đảng viên của Đảng nhận thức được các quy luật vận động của lịch sử, nắm được cái tất yếu của các phong trào cách mạng, do đó, có khả năng định hướng, dẫn dắt phong trào vô sản đi đến thắng lợi.

Xóa tư hữu, thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là cuộc cách mạng lâu dài, phức tạp phải trải qua hai bước. *Bước thứ nhất*: “giai cấp công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ”². Điều này có nghĩa là giai cấp công nhân phải giành lấy chính quyền từ tay giai cấp tư sản, giành quyền sử dụng bộ máy nhà nước. *Bước thứ hai*: “giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất”³. Đồng thời, phải sử dụng bạo lực cách mạng, tước đoạt công cụ sản xuất và tư bản phải tiến hành “từng bước một”, và “Trong những nước khác nhau, những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều”⁴, bởi vì để bảo vệ lợi ích, giai cấp tư sản không bao giờ tự nguyện rời

1, 2, 3, 4. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.610, 626, 627.

bỏ vũ đài chính trị của mình. Vì vậy, để thực hiện thắng lợi công cuộc cách mạng này không chỉ cần có giai cấp công nhân, và chính đảng vô sản của nó, mà còn cần có liên minh giai cấp, trong đó có tầng lớp trí thức. Mục tiêu, lý tưởng xuyên suốt trong cuộc đời của C. Mác và Ph. Ăngghen là như vậy, đồng thời cũng là chỗ hơn hẳn của các ông so với các nhà xã hội chủ nghĩa trước đó.

Với việc phát hiện lịch sử phát triển xã hội là quá trình phát triển lịch sử - tự nhiên, là sự thay thế nhau của các hình thái kinh tế - xã hội, trong đó quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất. Chủ nghĩa tư bản là chế độ xã hội dựa trên sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất mâu thuẫn gay gắt với tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất nên tất yếu bị diệt vong, bị thay thế bằng chủ nghĩa xã hội, về sứ mệnh giai cấp công nhân, về sự ra đời chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản... Lần đầu tiên trong lịch sử đã chứng minh những kết luận của C. Mác và Ph. Ăngghen không phải xuất phát từ ý muốn chủ quan, mà là sản phẩm trí tuệ, kết quả lao động không mệt mỏi của người trí thức có đầu óc uyên bác, cách mạng đã phát hiện, tổng kết thực tiễn, đúc rút thành lý luận cách mạng - chủ nghĩa xã hội khoa học, xứng đáng là kim chỉ nam, nền tảng lý luận của giai cấp công nhân.

3. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản với vấn đề trí thức trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày nay có ý nghĩa khoa học và thực tiễn to lớn, mở ra một hướng nghiên cứu mới mẻ, độc đáo và thiết thực cả về lý luận và thực tiễn về tập hợp lực lượng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, rằng không chỉ có giai cấp công nhân, nông dân mà còn cần có cả tầng lớp trí thức tham gia thì công cuộc dựng xây chủ nghĩa xã hội mới đi đến thành công.

Về mặt khoa học, tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen góp phần làm cho nội hàm khái niệm trí thức thêm đầy đủ, sinh động và bản thân nó trở thành một khái niệm mang tính biện chứng khoa học sâu sắc. Bởi lẽ, đúng như các ông đã khẳng định, trí thức không chỉ là những con người làm việc trí óc, sáng tạo như mọi người vẫn thường hiểu trước đó. Vấn đề cần được hiểu rõ hơn là ở chỗ trí thức ngoài chức năng là người hoạt động trí óc phức tạp, sáng tạo thì họ cần và phải là người lao động có chính kiến, dấn thân vì chế độ, vì nhân dân, vì tiến bộ xã hội. Nói cách khác, người trí thức cần được thể hiện bằng hành động thực tế, thiết thực đối với xã hội, với dân tộc. Không thể gọi là trí thức của một chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa mà đúng đắn, bàng quan, thậm chí quay lưng lại xã hội, chỉ biết cuộc sống riêng tư ích kỷ của mình. Không làm được điều đó, họ chỉ là trí thức một nửa, tức không phải là trí thức chân chính. Đúng như nhận xét của Chủ tịch Hồ Chí Minh về trí thức: “Một người học xong đại học, có thể gọi là có trí thức... công việc thực tế, y không biết gì cả. Thế là y chỉ có trí thức *một nửa*. Trí thức của y là trí thức *học sách*, chưa phải trí thức hoàn toàn. Y muốn thành một người trí thức hoàn toàn, thì phải đem cái trí thức đó áp dụng vào *thực tế*”¹.

Về mặt thực tiễn, sự vận động của lịch sử toàn thế giới 170 năm qua trên những nét cơ bản đã làm sáng tỏ và minh chứng hùng hồn giá trị vượt thời đại về sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* nói chung, tư tưởng về đoàn kết lực lượng cách mạng, về vị trí, vai trò của tầng lớp trí thức trong cách mạng xã hội chủ nghĩa nói riêng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.275.

Sau khi *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời năm 1848 thì đến năm 1871 Công xã Paris đã bùng nổ, nhưng chỉ tồn tại được mấy chục ngày, đã cung cấp cho giai cấp vô sản bài học quý giá rằng cách mạng vô sản muốn đi đến thành công thì giai cấp công nhân không thể chiến đấu đơn độc mà cần liên kết với các tầng lớp xã hội khác ngoài giai cấp công nhân, nhất là tầng lớp nông dân và trí thức.

Năm 1917, Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga Xôviết đã giành thắng lợi. Đây cũng là lần đầu tiên liên minh công nhân - nông dân - binh lính - trí thức, dưới sự lãnh đạo của đảng vô sản đồng loạt đứng lên lật đổ chế độ Nga hoàng, lập nên Nhà nước Xôviết - nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới, đã xác thực tính đúng đắn của những tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen về tập hợp lực lượng làm cách mạng, trong đó có tầng lớp trí thức. Đặc biệt, trong điều kiện các quốc gia có xuất phát điểm thấp, chưa phải là các quốc gia có chủ nghĩa tư bản phát triển ở trình độ cao, như trường hợp Việt Nam, Trung Quốc và một số quốc gia khác, thì việc tập hợp lực lượng cách mạng, trong đó có tầng lớp trí thức tham gia cách mạng là tối quan trọng, là cơ sở để công cuộc tiến lên chủ nghĩa xã hội đi đến thành công.

Ở Việt Nam, sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ý thức rõ vị trí, vai trò quan trọng của tầng lớp trí thức đối với công cuộc kiến thiết đất nước, nên đã vận động họ tham gia tích cực vào phong trào cách mạng. Đã có nhiều trí thức tư sản do được giác ngộ mà từ bỏ lập trường tư sản để trở thành người trí thức Việt Nam yêu nước tham gia tích cực vào phong trào chung của cách mạng. Những tấm gương cao cả của trí thức Tây học, từ

bổ vinh danh để phụng sự đất nước là rất đáng trân trọng, như Tôn Thất Tùng, Lương Định Của, Trần Đại Nghĩa...

Từ khi đổi mới đất nước, đặc biệt sau Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa X *Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò to lớn của tầng lớp trí thức khi họ là lực lượng đi tiên phong trong lao động trí tuệ, sáng tạo, là nhân tố tạo động lực tích cực trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo, phát triển đất nước, đóng góp tích cực vào xây dựng những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giải đáp những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn đổi mới, góp phần làm sáng tỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước; trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài; sáng tạo nhiều mẫu mã, sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao, có sức cạnh tranh trong cả nước và khu vực.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức và bảo vệ môi trường là xu thế thời đại, là công cuộc hoàn toàn mới mẻ, khó khăn, phức tạp và lâu dài, càng đòi hỏi tầng lớp trí thức phải là lực lượng đi tiên phong. Để làm tốt nhiệm vụ vẻ vang này, vấn đề không chỉ là gia tăng về lợi ích vật chất cho trí thức mà còn phải tạo môi trường rộng mở để họ lao động sáng tạo, tâm huyết, phát huy hết tiềm năng thể mạnh thông qua các chính sách đột phá về phát hiện, bồi dưỡng, tuyển chọn, đào tạo, bố trí và sử dụng nhân tài.

KẾT LUẬN HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ *TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN* GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

GS. TS. NGUYỄN XUÂN THẮNG*

Kính thưa các vị khách quý,

Kính thưa các nhà khoa học và quý vị đại biểu,

Trải qua gần trọn một ngày làm việc, chúng ta đã nghe bài phát biểu quan trọng và sâu sắc khai mạc Hội thảo của đồng chí Võ Văn Thuởng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Chúng ta đã nghe những tham luận, những ý kiến phát biểu, thảo luận sôi nổi của các nhà khoa học quốc tế và các nhà khoa học Việt Nam. Các tham luận, phát biểu, thảo luận vừa thể hiện sự khách quan, khoa học vừa bao hàm cả sự tâm huyết và trách nhiệm rất cao của các nhà khoa học về *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và sự nghiệp cách mạng vĩ đại, vinh quang của nhân loại do *Tuyên ngôn* vạch ra.

* Bí thư Trung ương Đảng, Phụ trách Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Thay mặt Ban Chủ tọa Hội thảo, tôi xin *kết luận* ba vấn đề cơ bản sau:

Một là, những phát biểu tại Hội thảo (cũng như tinh thần ở các bản tham luận chưa kịp trình bày), dù tiếp cận từ những góc độ khác nhau, nhưng đều thống nhất cao trong việc khẳng định giá trị lý luận to lớn và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc của *Tuyên ngôn* đối với cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam.

Về lý luận, *Tuyên ngôn* đánh dấu sự ra đời, trưởng thành của chủ nghĩa Mác gồm ba bộ phận hợp thành: triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. Những nguyên lý cơ bản, căn cốt nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học và chủ nghĩa Mác đã được trình bày cô đọng, súc tích trong *Tuyên ngôn*. Trải qua 170 năm, đến nay, những nguyên lý cơ bản trong *Tuyên ngôn* vẫn vẹn nguyên giá trị khoa học và cách mạng; vẫn là thế giới quan, phương pháp luận khoa học để nhận thức và cải tạo thế giới, cải tạo xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Về thực tiễn, *Tuyên ngôn* là cương lĩnh chính trị, ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới tiến hành đấu tranh chống áp bức, bóc lột, bất công để đi tới một xã hội tự do, dân chủ, công bằng, độc lập dân tộc và phát triển bền vững - đó là những mục tiêu cao cả mà loài người tiến bộ, yêu chuộng hòa bình luôn phấn đấu vươn tới.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917; sự vùng dậy đòi độc lập, tự do của các dân tộc thuộc địa và bị áp bức trên thế giới; sự ra đời, phát triển với nhiều thành quả vĩ đại của hệ thống xã hội chủ nghĩa đã chứng thực sức mạnh

thực tiễn to lớn của *Tuyên ngôn* trong thế kỷ XX. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân, sự bền bỉ đấu tranh của giai cấp công nhân và người lao động đòi dân chủ, công bằng, bình đẳng xã hội và nâng cao chất lượng sống của mình trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa hiện tại; và những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử từ công cuộc cải cách, đổi mới ở Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cuba hiện nay tiếp tục khẳng định giá trị lý luận to lớn và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc của *Tuyên ngôn* đối với cách mạng thế giới trong thế kỷ XXI.

Hai là, chúng tôi cũng nhận thấy, các tham luận đều có những phân tích khoa học và khách quan với những mức độ khác nhau về những thử thách mà *Tuyên ngôn* gặp phải trong hành trình lịch sử 170 năm qua.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản công bố những sự thật nên chắc chắn sẽ gây mất lòng, phẫn nộ của không ít thế lực. *Tuyên ngôn* phân tích những quy luật vận động khách quan của lịch sử; luận chứng sự thất bại tất yếu của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa cộng sản nên luôn phải hứng chịu sự tấn công điên cuồng của chủ nghĩa tư bản và các đồng minh của chúng. Ngay khi *Tuyên ngôn* chưa ra đời, chủ nghĩa tư bản và các thế lực phản động đã tìm mọi cách để trừ khử “bóng ma” cộng sản đang ám ảnh châu Âu. Trong 170 năm qua, các thế lực tư bản, phản động, thù địch đã dùng nhiều chiêu trò, luận điệu cát xén, xuyên tạc *Tuyên ngôn* để gieo rắc hoài nghi, chia rẽ những người cộng sản hòng làm tê liệt chủ nghĩa Mác - Lê nin, chôn vùi *Tuyên ngôn*, nhất là khi cách mạng gặp khó khăn hay lâm vào thoái trào.

Một loại thử thách khác nguy hiểm và phức tạp hơn của *Tuyên ngôn* cũng được nhắc đến và phân tích trong nhiều bài

viết và các ý kiến phát biểu hôm nay. Đó là những nhận thức lệch lạc, phiến diện, máy móc, giáo điều; những hành động bảo thủ, trì trệ hay chủ quan, nôn nóng, vội vàng từ chính những người cộng sản. Điều này hoàn toàn xa lạ và trái với tinh thần của *Tuyên ngôn* nên đã gây ra những tổn thất to lớn cho phong trào cách mạng.

Do đó, nhiệm vụ khoa học và cũng là tình cảm, trách nhiệm của chúng ta hiện nay, những người yêu quý lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, là đấu tranh với những tư tưởng, hành động sai trái, lệch lạc để bảo vệ giá trị khoa học và cách mạng của *Tuyên ngôn*. Đây là kết luận quan trọng thứ hai được rút ra từ Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 170 năm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*.

Ba là, cách bảo vệ giá trị khoa học và cách mạng của *Tuyên ngôn* tốt nhất là tiếp tục vận dụng và phát triển sáng tạo tinh thần của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trong bối cảnh mới.

C. Mác và Ph. Ăngghen đã nói, bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào việc áp dụng các nguyên lý trong *Tuyên ngôn* cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời. V.I. Lê nin cũng từng nhận định: “Chúng ta không kỳ vọng rằng Mác hay những người theo chủ nghĩa Mác đều hiểu biết mọi mặt cụ thể của con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Như thế sẽ là phi lý. Chúng ta chỉ biết phương hướng của con đường đó và những lực lượng giai cấp nào dẫn đến con đường đó; còn như về cụ thể và trên thực tế con đường đó ra sao, thì kinh nghiệm của hàng triệu con người sẽ chỉ rõ, khi họ bắt tay vào hành động”¹.

1. V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Sđd, t.34, tr.152-153.

Hiện nay, bối cảnh và trình độ phát triển của thế giới hiện đại đã phong phú, phát triển hơn cách đây 170 năm rất nhiều. Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân hiện đại, giai cấp tư sản hiện nay đã có nhiều biến đổi, phát triển. Các tham luận và ý kiến đều cho rằng, *Tuyên ngôn* nói riêng, chủ nghĩa Mác - Lê nin nói chung là lý luận của sự phát triển. Nó có nhu cầu và khả năng thường xuyên nạp thêm năng lượng mới từ thực tiễn cuộc sống. Những phân tích của các nhà khoa học Việt Nam, đặc biệt là những phân tích của các nhà khoa học đến từ Trung Quốc, Lào, Cuba, Nga, Đức, Nhật Bản, Ấn Độ, đã đem đến cho chúng ta những kiến giải mới, góc nhìn mới góp phần khẳng định giá trị bền vững và tăng cường sức sống cho *Tuyên ngôn* trong thế kỷ XXI.

Hội thảo của chúng ta đã có sự thống nhất rất cao về yêu cầu vận dụng, phát triển sáng tạo các nguyên lý của *Tuyên ngôn* phù hợp với bối cảnh mới của thời đại và điều kiện hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước. Đó là điều cơ bản để tăng cường sức sống cho *Tuyên ngôn* và cũng là điều cơ bản để đem lại thắng lợi cho cách mạng của mỗi nước và cách mạng thế giới trong thế kỷ XXI.

Kính thưa các vị khách quý,

Kính thưa các nhà khoa học và quý vị đại biểu,

Đối với chúng ta hôm nay, chắc chắn *Tuyên ngôn* vẫn thực sự là tác phẩm có vai trò đặc biệt của chủ nghĩa Mác - Lê nin. *Tuyên ngôn* là độc lập tự do. *Tuyên ngôn* là chủ nghĩa xã hội. *Tuyên ngôn* là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. *Tuyên ngôn* là đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

Tuyên ngôn là đổi mới, hội nhập và phát triển. *Tuyên ngôn* là khoa học, cách mạng. *Tuyên ngôn* là sáng tạo, là trí tuệ, đạo đức và văn minh.

Với tinh thần ấy, Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 170 năm công bố *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (1848 - 2018) với chủ đề: “*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - Giá trị lý luận và thực tiễn trong thời đại ngày nay*” của chúng ta hôm nay đã thành công tốt đẹp.

Tôi xin tuyên bố kết thúc Hội thảo.

Một lần nữa cảm ơn sự có mặt của các vị khách quý, các nhà khoa học và các quý vị đại biểu.

Chúc các đồng chí và các bạn sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
- Sức sống bền vững của <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> (Phát biểu khai mạc Hội thảo)	7
<i>Võ Văn Thuởng</i>	
- Đề dẫn hội thảo khoa học quốc tế <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - Giá trị lý luận và thực tiễn trong thời đại ngày nay</i>	16
<i>GS. TS. Nguyễn Xuân Thắng</i>	
<i>Phần thứ nhất</i>	
MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG	
<i>TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN</i>	29
- Những biện pháp xóa bỏ chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa cộng sản trong <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i>	31
<i>PGS. TS. Lê Quốc Lý</i>	
- Chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân: Từ <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> đến hiện thực cách mạng	41
<i>PGS. TS. Nguyễn Viết Thảo</i>	
- <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> - Tác phẩm đánh dấu sự trưởng thành của chủ nghĩa Mác	58
<i>PGS. TSKH. Trần Nguyễn Tuyên</i>	
- <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> với việc định hình chủ nghĩa Mác	75
<i>PGS. TS. Nguyễn Thanh Tuấn</i>	

- Từ <i>Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản</i> đến <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> nghĩ về vai trò của Ph. Ăngghen trong học thuyết Mác	93
	<i>PGS. TS. Lâm Quốc Tuấn NCS. Nguyễn Lương Ngọc</i>
- Về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> và ý nghĩa trong giai đoạn hiện nay	104
	<i>PGS. TS. Đinh Quang Hải</i>
- Những tư tưởng duy vật lịch sử trong <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i>	117
	<i>PGS. TS. Đặng Hữu Toàn</i>
- Lý luận kinh tế chính trị trong <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i>	132
	<i>PGS. TS. Đoàn Xuân Thủy</i>
- Tư tưởng của <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> về quy luật vận động, phát triển và diệt vong của chủ nghĩa tư bản và giá trị thời đại	145
	<i>ThS. Nghiêm Tuấn Hùng</i>
- Mô hình xã hội mới trong <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i>	159
	<i>PGS. TS. Vũ Văn Viên</i>
- <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> nhìn từ các lời tựa và ý nghĩa phương pháp luận khoa học	173
	<i>GS. TS. Trần Văn Phòng</i>
- <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> - Một kiểu mẫu về phương pháp luận nghiên cứu chủ nghĩa tư bản	185
	<i>PGS. TS. Vũ Hoàng Công</i>
- Mối quan hệ giữa đảng cộng sản và giai cấp công nhân trong tác phẩm <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> của C. Mác và Ph. Ăngghen	197
	<i>PGS. TS. Phan Trọng Hào</i>

- Tư tưởng nhân văn giải phóng con người trong tác phẩm <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i>	213
<i>PGS. TS. Nguyễn Thị Nga</i>	
<i>Phần thứ hai</i>	
GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	
TRONG TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN	223
- <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> cương lĩnh chính trị đầu tiên của giai cấp công nhân thế giới và giá trị thời đại	225
<i>TS. Lê Đức Hoàng</i>	
- Về biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> - Giá trị lý luận và thực tiễn hiện nay	240
<i>PGS. TS. Đỗ Thị Thạch</i> <i>TS. Nguyễn Thị Thu Huyền</i>	
- <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> - Giá trị của nhận thức lý luận và cương lĩnh chính trị về xã hội cộng sản chủ nghĩa tương lai	253
<i>GS. TS. Hồ Sĩ Quý</i>	
- Chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân: Từ <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> đến thực tiễn hiện nay	268
<i>PGS. TS. Phan Văn Rân</i> <i>TS. Ngô Chí Nguyên</i>	
- <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> với các trào lưu xã hội chủ nghĩa hiện nay	286
<i>PGS. TS. Nguyễn Anh Tuấn</i>	
- Sức sống bền vững của <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i>	302
<i>GS. TS. Lê Hữu Nghĩa</i>	
- <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> - Giá trị hiện đại, sức sống và ý nghĩa trong thế giới đương đại	316
<i>GS. TS. Hoàng Chí Bảo</i>	

- Vấn đề sở hữu trong <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> và vận dụng trong thời đại ngày nay	336
<i>PGS.TS. Trần Thị Minh Châu</i>	
- Bàn về tôn giáo trong tác phẩm <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> - Giá trị vận dụng và những bổ sung, phát triển	349
<i>PGS. TS. Đỗ Lan Hiền</i>	
- Vấn đề giai cấp và dân tộc trong tác phẩm <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> - Giá trị và những nội dung cần bổ sung, phát triển	368
<i>TS. Phạm Thị Hoàng Hà</i>	
<i>TS. Nguyễn Anh Tuấn</i>	
- Từ quan điểm giải quyết mối quan hệ giai cấp - dân tộc trong <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> đánh giá về sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc hiện nay	387
<i>PGS. TS. Hồ Trọng Hoài</i>	
- Toàn cầu hóa: Từ những dự báo của <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> đến hiện thực chủ nghĩa tư bản hiện nay	398
<i>ThS. Phạm Anh Tuấn</i>	
- Phê phán những quan điểm xuyên tạc, bóp méo, phản động đối với những luận điểm trong <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> và phủ nhận học thuyết Mác - Lênin trong thời đại ngày nay	415
<i>GS. TS. Mạch Quang Thắng</i>	
<i>ThS. Hà Văn Luyến</i>	
- <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> và những vấn đề của thời đại ngày nay	431
<i>PGS. TS. Nguyễn Văn Bạo</i>	
- Ý nghĩa từ những luận điểm về hôn nhân và gia đình trong tác phẩm <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i>	443
<i>TS. Nguyễn Thị Hà</i>	

- Những dự báo xuyên thời đại của C. Mác, Ph. Ăngghen về văn hóa trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* 457
TS. Nguyễn Huy Phòng
- Phân thứ ba***
- TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN**
- VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NƯỚC** 469
- Tư tưởng về Đảng Cộng sản trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và ý nghĩa đối với công tác xây dựng Đảng hiện nay 471
TS. Nguyễn Dương Hùng
 - Từ những luận điểm trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, suy nghĩ về công tác tư tưởng, lý luận trong giai đoạn hiện nay 485
PGS. TS. Lê Văn Lợi
 - Từ quan niệm bản chất người cộng sản trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đến công tác phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đảng cộng sản Việt Nam hiện nay 496
PGS. TS. Nguyễn Minh Tuấn
 - Những luận điểm về văn hóa, xã hội trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* giá trị lý luận và thực tiễn đối với cách mạng Việt Nam 507
PGS. TS. Nguyễn Văn Lý
 - *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và giá trị định hướng con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 520
PGS. TS. Bùi Thị Ngọc Lan
 - Trách nhiệm dân tộc, nghĩa vụ quốc tế của giai cấp công nhân trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và ý nghĩa đối với công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay 532
PGS. TS. Phan Thanh Khôi

- <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - Giá trị lý luận và hiện thực trong xây dựng Đảng ta</i>	542
<i>TS. Văn Thị Thanh Mai ThS. Đinh Quang Thành</i>	
- <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản và sự vận dụng sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc vào Việt Nam</i>	557
<i>PGS. TS. Đoàn Minh Huấn</i>	
- Giá trị <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> đối với con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh	572
<i>PGS. TS. Phạm Ngọc Anh</i>	
- Vận dụng những luận điểm trong <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	587
<i>PGS. TS. Nguyễn An Ninh</i>	
- Tinh thần <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> trong đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam	599
<i>PGS. TS. Trần Thị Minh Tuyết</i>	
- <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản</i> với vai trò của trí thức trong cách mạng xã hội chủ nghĩa	615
<i>TS. Nguyễn Trần Thành</i>	
- Kết luận Hội thảo khoa học quốc tế <i>Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - Giá trị lý luận và thực tiễn</i> trong thời đại ngày nay	628
<i>GS. TS. Nguyễn Xuân Thắng</i>	

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxhctqg.vn, Website: www.nxhctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Trung tâm Lý luận Chính trị

* **SỨC SỐNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN
TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY**

GS.TS. Hoàng Chí Bảo

* **BẢN CHẤT KHOA HỌC VÀ CÁCH MẠNG
CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN**

GS. Trần Nhâm

* **CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN - HỌC THUYẾT
VỀ SỰ PHÁT TRIỂN VÀ SÁNG TẠO KHÔNG NGỪNG**

ISBN 978-604-57-5334-7



9 786045 753347



8935279119059

Giá: 261.000đ